

**VIỆN CHÍNH TRỊ VÀ QUAN HỆ QUỐC TẾ  
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ẤN ĐỘ**



**KỶ YẾU  
HỘI THẢO KHOA HỌC**

**ẤN ĐỘ VÀ CHIẾN LƯỢC ĐA LIÊN KẾT  
TRONG BỐI CẢNH TRỞ DẬY CỦA PHƯƠNG NAM TOÀN CẦU**

**HÀ NỘI, 24.4.2026**



## MỤC LỤC

### PHẦN 1

CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ.....	4
PHÁT BIỂU ĐỀ DẪN HỘI THẢO .....	5
ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ: TỪ KHÔNG LIÊN KẾT ĐẾN ĐA LIÊN KẾT .....	8
TS. Dương Thùy Linh	
ẤN ĐỘ VÀ TẦM NHÌN ẤN ĐỘ DƯƠNG – THÁI BÌNH DƯƠNG.....	20
TS Nguyễn Văn Dương	
VAI TRÒ CỦA ẤN ĐỘ TRONG CẤU TRÚC AN NINH KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG .....	28
ThS. Đoàn Thị Mai Liên	
CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG HƯỚNG ĐÔNG CỦA ẤN ĐỘ VÀ HỢP TÁC ẤN ĐỘ - ASEAN.....	37
PGS.TS. Trần Ngọc Dũng	
CHÍNH SÁCH “LÁNG GIỀNG TRÊN HẾT” CỦA ẤN ĐỘ TRONG SỰ TRỞ DẬY CỦA PHƯƠNG NAM TOÀN CẦU .....	51
TS Lê Thị Tình	

### PHẦN 2

QUAN HỆ SONG PHƯƠNG VÀ ĐA PHƯƠNG CỦA ẤN ĐỘ .....	62
QUAN HỆ VIỆT NAM – ẤN ĐỘ TRONG BỐI CẢNH SỰ TRỞ DẬY CỦA PHƯƠNG NAM TOÀN CẦU .....	63
TS. Đỗ Khương Mạnh Linh	
CƠ HỘI CỦA ẤN ĐỘ TRONG NHÓM BRICS MỞ RỘNG ĐỂ ĐẠT VỊ THẾ LÃNH ĐẠO CỦA PHƯƠNG NAM TOÀN CẦU.....	72
TS. Ngô Phương Anh	
QUAN HỆ BA BÊN ẤN ĐỘ - NHẬT BẢN - ASEAN: LIÊN KẾT KINH TẾ VÀ AN NINH .....	84
TS. Phạm Lê Dạ Hương, Nguyễn Hải Linh	
HỢP TÁC ẤN ĐỘ - MỸ LATINH: MỘT HƯỚNG ĐI MỚI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI TOÀN CẦU.....	95
TS Nguyễn Thị Thúy , TS Nguyễn Hoàng Hải , CN Nguyễn Mai Liên	
HỢP TÁC ẤN ĐỘ - CHÂU PHI: MỘT TRỤC MỚI TRONG BỐI CẢNH ĐA LIÊN KẾT .....	106
TS. Nguyễn Văn Sơn	

### **PHẦN 3**

KINH TẾ, CÔNG NGHỆ VÀ PHÁT TRIỂN .....	122
ÁN ĐỘ - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ CỦA PHƯƠNG NAM TOÀN CẦU: TỪ NĂNG LỰC NỘI SINH ĐẾN KIẾN TRÚC TRẬT TỰ SỐ MỚI.....	123
TS. Nguyễn Thị Thu Nga	
HỢP TÁC NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO GIỮA ÁN ĐỘ VÀ CÁC NƯỚC PHƯƠNG NAM TOÀN CẦU .....	148
PGS, TS. Thái Văn Long	
CHIẾN LƯỢC KẾT NỐI KINH TẾ SỐ GIỮA ÁN ĐỘ VỚI CÁC QUỐC GIA ĐANG PHÁT TRIỂN .....	161
TS. Đỗ Thị Hùng Thúy, Vũ Thị Trang	
HỢP TÁC ÁN ĐỘ – MỸ LATINH TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ VÀ CHUYỂN DỊCH KINH TẾ TOÀN CẦU .....	172
TS. Đỗ Thị Thanh Hà, Nguyễn Lê Hân	
SÁNG KIẾN “HÀNH LANG KINH TẾ ÁN ĐỘ - TRUNG ĐÔNG - CHÂU ÂU” .....	181
TS. Nguyễn Văn Chuyên	
CHÍNH SÁCH MAKE IN INDIA VÀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VỚI CÁC NỀN KINH TẾ ĐANG PHÁT TRIỂN.....	191
TS Mạch Lê Thu	

### **PHẦN 4**

XÃ HỘI, VĂN HÓA VÀ NGOẠI GIAO SỨC MẠNH MỀM.....	197
NGOẠI GIAO VĂN HÓA CỦA ÁN ĐỘ ĐỐI VỚI VIỆT NAM HIỆN NAY .....	198
ThS Hồ Quốc Phú	
BOLYWOOD VÀ YOGA TRONG VIỆC MỞ RỘNG ẢNH HƯỞNG MỀM CỦA ÁN ĐỘ .....	208
ThS Dương Thanh Hằng	
CỘNG ĐỒNG KIỀU DÂN - NGUỒN LỰC CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG QUYỀN LỰC MỀM, QUYỀN LỰC CẤU TRÚC VÀ ẢNH HƯỞNG XUYÊN QUỐC GIA CỦA ÁN ĐỘ .....	227
TS Nguyễn Thị Thanh Vân	
VAI TRÒ DẪN DẮT CỦA ÁN ĐỘ TRONG CÁC DIỄN ĐÀN PHƯƠNG NAM ...	240
TS Nguyễn Thu Hà.....	240
TƯ TƯỞNG CỦA GANDHI VÀ CHANAKYA TRONG ĐỊNH HÌNH CHÍNH SÁCH ÁN ĐỘ HIỆN ĐẠI .....	248
TS. Hồ Thị Bích Ngọc	

<b>PHẦN 5</b>	
<b>NĂNG LỰC QUẢN TRỊ TOÀN CẦU.....</b>	<b>254</b>
<b>VAI TRÒ CỦA ẮN ĐỘ TRONG ẮI CÁCH CÁC VẮN ĐỀ THỂ CHẾ TOÀN CẦU: TRƯỜNG HỢP HỘI ĐỒNG BẮO AN LIÊN HỢP QUỐC .....</b>	<b>255</b>
PGS,TS. Phan Văn Rắn	
<b>ẮN ĐỘ VÀ QUẢN TRỊ TOÀN CẦU VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU .....</b>	<b>266</b>
ThS. Đỗ Văn Thắng	
<b>CHÍNH SÁCH KỸ THUẬT SỐ VÀ AN NINH MẠNG CỦA ẮN ĐỘ TRONG QUẢN TRỊ TOÀN CẦU: TỪ CHỦ QUYỀN SỐ ĐẾN HỢP TÁC QUỐC TẾ.....</b>	<b>287</b>
TS Trần Minh Văn	
<b>ẮN ĐỘ VÀ QUẢN TRỊ TOÀN CẦU TRONG LĨNH VỰC Y TẾ: BÀI HỌC TỪ VAI TRÒ CỦA ẮN ĐỘ TRONG ĐẠI DỊCH COVID 19 .....</b>	<b>300</b>
TS. Ngô Thị Thuý Hiền, Phạm Thị Tú Linh	
<b>CHIẾN LƯỢC CỦA ẮN ĐỘ TRONG CÁC THỂ CHẾ ĐA PHƯƠNG MỚI: TRƯỜNG HỢP BRICS VÀ SCO .....</b>	<b>316</b>
TS Trịnh Thị Hoa, ThS Lưu Thị Mai Anh	

## **PHẦN 1**

# **CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ**

## PHÁT BIỂU ĐỀ DẪN HỘI THẢO

Kính thưa quý vị đại biểu,

Thực hiện kế hoạch khoa học phân cấp năm 2026, hôm nay Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế, tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề **“Ấn Độ và chiến lược đa liên kết trong bối cảnh trỗi dậy của phương Nam toàn cầu”**.

Việt Nam và Ấn Độ là hai quốc gia có lịch sử lâu đời, có nhiều nét tương đồng về văn hóa, xã hội, con người. Quan hệ hai nước đã có bề dày lịch sử ổn định và phát triển qua hơn 50 năm. Trong thế kỷ 21, bối cảnh khu vực và thế giới có nhiều thay đổi sâu sắc, đòi hỏi cả hai nước cần tiếp tục củng cố và phát triển mối quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Ấn Độ đang phát triển mạnh mẽ, có ý nghĩa quan trọng đối với cả hai nước và góp phần tăng cường hòa bình, hợp tác, phát triển ở khu vực và trên thế giới. Để tiếp tục củng cố và phát triển mối quan hệ này, hai nước cần tiếp tục trao đổi đoàn đàm, hợp tác trên tất cả các lĩnh vực, nhất là kinh tế - thương mại, quốc phòng – an ninh, văn hóa – giáo dục, các vấn đề khu vực và quốc tế. Với những nền tảng vững chắc, mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Ấn Độ trong thế kỷ 21 chắc chắn sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, mang lại lợi ích cho cả hai nước và góp phần xây dựng một khu vực và thế giới hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

Trong bối cảnh toàn cầu hiện nay, Ấn Độ đã thể hiện vai trò quan trọng như một trong những quốc gia dẫn đầu trong việc thúc đẩy sự trỗi dậy của phương Nam toàn cầu. Với chiến lược đa liên kết, Ấn Độ đã mở rộng quan hệ đối tác chiến lược, ảnh hưởng gia tăng trên trường quốc tế. Chiến lược đa liên kết của Ấn Độ bao gồm việc thiết lập và củng cố các mối quan hệ đối tác với nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế. Thay vì dựa vào liên minh cố định, Ấn Độ lựa chọn phương pháp linh hoạt, hợp tác với nhiều đối tác dựa trên lợi ích chung và mục tiêu cụ thể. Chiến lược này giúp Ấn Độ tăng cường vị thế địa chính trị, kinh tế và quân sự,

đồng thời thúc đẩy phát triển bền vững và hợp tác đa phương giữa các quốc gia phương Nam toàn cầu.

Các quốc gia ở phương Nam toàn cầu hay còn gọi là khối phương Nam (G77 hay Group of 77) là một tổ chức liên chính phủ của các nước đang phát triển được thành lập để thúc đẩy kinh tế tập thể và tạo ra một năng lực đàm phán chung trong hệ thống Liên Hợp quốc. Khối này được thành lập ngày 15 tháng 6 năm 1964 bởi 77 quốc gia đang phát triển ký Tuyên bố chung của 77 nước tại Hội nghị Liên Hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) lần đầu tiên tại Geneva.

Sự trỗi dậy của phương Nam toàn cầu được thúc đẩy bởi những tiến bộ về kinh tế, khoa học và công nghệ ở nhiều quốc gia trong khu vực này. Ấn Độ, với dân số đông và nền kinh tế phát triển nhanh, đã trở thành một trong những quốc gia dẫn đầu trong việc thúc đẩy sự phát triển của khối. Ấn Độ đã trở thành một trong những nền kinh tế lớn nhất thế giới, với GDP đứng thứ 3 theo sức mua tương đương. Sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của Ấn Độ không chỉ giúp cải thiện đời sống của người dân trong nước mà còn tạo ra nhiều cơ hội thương mại và đầu tư cho các quốc gia khác trong phương Nam toàn cầu.

Ấn Độ cũng đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong các lĩnh vực công nghệ và khoa học, đặc biệt là trong công nghệ thông tin và không gian. Các công ty công nghệ của Ấn Độ đã tạo ra nhiều đột phá và góp phần vào sự phát triển chung của khu vực. Về mặt chính trị, Ấn Độ luôn duy trì lập trường độc lập và tự chủ, đồng thời thúc đẩy hòa bình và ổn định trong khu vực. Về an ninh, Ấn Độ đã đầu tư mạnh mẽ vào hiện đại hóa quân đội và tăng cường hợp tác quốc phòng với nhiều quốc gia, nhằm đảm bảo an ninh khu vực và quốc tế.

Chiến lược đa liên kết của Ấn Độ đã chứng minh là một công cụ hiệu quả trong việc tăng cường vị thế của quốc gia này trên trường quốc tế, đồng thời thúc đẩy sự phát triển hợp tác của Nam bán cầu. Ấn Độ duy trì mối quan hệ tốt đẹp với nhiều đối tác và tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế, đảm bảo lợi ích quốc gia, đồng thời đóng góp tích cực vào hòa bình và phát triển toàn cầu.

Hội thảo “**Ấn Độ và chiến lược đa liên kết trong bối cảnh trỗi dậy của phương Nam toàn cầu**” đã nhận được 26 bài tham luận cung cấp những ý kiến quý báu để bổ sung vào những nội dung nghiên cứu về Ấn Độ, nghiên cứu về quan hệ quốc tế trong bối cảnh mới. Các tham luận hướng tới 5 nhóm nội dung: Làm rõ chiến lược và chính sách đối ngoại của Ấn Độ; Phân tích mối quan hệ song phương và đa phương của Ấn Độ; Tổng kết thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế, công nghệ và phát triển của Ấn Độ; Xã hội, văn hóa và ngoại giao sức mạnh mềm; Đánh giá năng lực quản trị toàn cầu của Ấn Độ và phân tích hàm ý đối với Việt Nam.

Tôi tin tưởng rằng, với những nội dung trên, hội thảo sẽ rất sôi nổi, cung cấp thêm nhiều góc nhìn mới cho việc nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và quan hệ quốc tế và hợp tác quốc tế.

Tôi tuyên bố khai mạc hội thảo.

Chúc hội thảo thành công tốt đẹp.

# ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ: TỪ KHÔNG LIÊN KẾT ĐẾN ĐA LIÊN KẾT

**TS. Dương Thùy Linh**

Trong bối cảnh cấu trúc quyền lực toàn cầu đang chuyển dịch mạnh mẽ, chiến lược đối ngoại của Ấn Độ cũng đã và đang trải qua quá trình chuyển đổi sâu sắc nhằm tối đa hóa lợi ích quốc gia và khẳng định vị thế cường quốc toàn cầu. Kế thừa di sản “Không liên kết” (Non-Alignment) từ thời kỳ Chiến tranh Lạnh - vốn được thiết kế để duy trì nền độc lập non trẻ và tránh nguy cơ bị cuốn vào vòng xoáy đối đầu giữa hai khối siêu cường, Ấn Độ ngày nay đang chủ động định vị vị thế quốc gia trên bàn cờ địa chính trị thông qua chiến lược “Đa liên kết” (Multi-Alignment). Quá trình điều chỉnh này phản ánh một tư duy ngoại giao linh hoạt, biến “tự chủ chiến lược” từ trạng thái phòng ngự thụ động sang chủ động kiến tạo, qua đó khẳng định tầm ảnh hưởng của Ấn Độ trong một trật tự thế giới mới đang định hình.

## **1. Chiến lược “Không liên kết” của Ấn Độ trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh và những áp lực phải điều chỉnh**

Chính sách “Không liên kết”, được kiến tạo bởi Thủ tướng đầu tiên Jawaharlal Nehru, đã đóng vai trò là kim chỉ nam cho nền ngoại giao Ấn Độ trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh với bản chất không phải là sự trung lập thụ động, mà là nỗ lực tối đa hóa không gian tự chủ nhằm bảo vệ nền độc lập non trẻ và tránh bị lôi kéo vào các hiệp ước an ninh song phương của hai khối siêu cường Mỹ - Xô. Khái niệm “Không liên kết” được Thủ tướng Nehru sử dụng lần đầu tiên trong bài phát biểu tại Hội nghị Colombo (Sri Lanka) năm 1954. Quốc gia không liên kết nghĩa là quốc gia theo đuổi đường lối độc lập về chính trị, không liên kết cũng như không chống lại bất kỳ khối chính trị nào; không tham gia liên minh quân sự với bất kỳ quốc gia nào<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Vũ Lê Thái Hoàng (chủ biên) (2023), *Xu thế tự chủ chiến lược trên thế giới và hàm ý đối với Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.76

Cũng trên tinh thần “Không liên kết” đó, Ấn Độ là một trong số các quốc gia chủ chốt đã đặt nền móng cho Phong trào Không liên kết, chủ trương không tham gia các tập hợp lực lượng đối trọng nhau. Mặc dù cho đến năm 1961 Phong trào mới chính thức được thành lập ở Belgrade (Nam Tư cũ) nhưng nguồn gốc của Phong trào đã xuất phát từ Hội nghị thượng đỉnh Á – Phi ở Bandung (Indonesia) năm 1955. Được coi là thủ lĩnh của Phong trào “Không liên kết”, Ấn Độ đã không những đứng vững trong bối cảnh cạnh tranh giữa hai khối do Mỹ và Liên Xô đứng đầu mà còn giúp khẳng định ảnh hưởng to lớn của Ấn Độ đối với các nước Á - Phi và Mỹ Latinh.

Trên lĩnh vực kinh tế, sau khi giành độc lập năm 1947, mặc dù yêu cầu đối với việc vực dậy nền kinh tế kém phát triển là rất cấp bách nhưng Ấn Độ vẫn chủ trương giải quyết bài toán đó dựa vào sức mình là chính, tạo nguồn tích lũy chủ yếu từ trong nước, tranh thủ sự giúp đỡ và quan hệ với nước ngoài nhưng không lệ thuộc. Thủ tướng Nehru đã khẳng định: “Chúng ta thà trì hoãn sự phát triển công nghiệp và những thứ khác, còn hơn là phục tùng bất cứ kiểu thống trị kinh tế bởi bất cứ quốc gia nào”<sup>1</sup>. Theo đó, Ấn Độ xác định theo đuổi mô hình phát triển kinh tế hỗn hợp: chủ trương xây dựng nền kinh tế tư bản chủ nghĩa có sự pha trộn các yếu tố xã hội chủ nghĩa, áp dụng mô hình kế hoạch hóa theo các kế hoạch 5 năm<sup>2</sup>.

Tuy nhiên, sự tan rã của Liên Xô và sự kết thúc của trật tự thế giới hai cực vào năm 1991 đã buộc Ấn Độ phải xem xét lại những nguyên tắc và nội hàm trong chính sách đối ngoại của mình. Việc duy trì triết lý “không liên kết” một cách cứng nhắc có thể sẽ tự tước đi các đòn bẩy chiến lược cần thiết để bảo vệ các lợi ích quốc gia quan trọng. Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ Pranab Mukherjee khẳng định: “Trong bối cảnh đó, cần thiết phải xác định lại vai trò của Phong trào Không liên kết và hợp tác Nam - Nam. Động lực cơ bản của chính sách của chúng ta là

---

<sup>1</sup> V. N. Khanna (2012), *Foreign Policy of India*, Vikas Publishing House Pvt.Limited, p.37.

<sup>2</sup> Lê Văn Toan (2024), “Tự chủ chiến lược của Ấn Độ từ khi giành được độc lập đến những năm đầu thế kỷ XXI”, Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, <https://lyluanchinhtri.vn/tu-chu-chien-luoc-cua-an-do-tu-khi-gianh-duoc-doc-lap-den-nhung-nam-dau-the-ky-xxi-4283.html>

thúc đẩy lợi thế quốc gia, đóng góp cho hòa bình, an ninh và hợp tác với tất cả các nước đặc biệt là với thế giới đang phát triển”<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, trong giai đoạn Chiến tranh Lạnh, các cuộc xung đột giữa Ấn Độ với các nước láng giềng là Trung Quốc (1962) và Pakistan (1971) đã đặt ra những thách thức to lớn đối với sự lý tưởng trong tư duy “Không liên kết” của Ấn Độ. Các cuộc chiến nổ ra cho thấy Ấn Độ cần một chiến lược đối ngoại thực dụng hơn, đảm bảo tốt hơn các lợi ích cốt lõi mà vẫn duy trì được tính độc lập và sự tự chủ trong hành động.

Từ giữa những năm 2000, những ý tưởng “đa liên kết” đã manh nha xuất hiện dưới thời Thủ tướng Manmohan Singh, như một công cụ để phát triển kinh tế của Ấn Độ và đối phó với các thách thức về an ninh, đưa Ấn Độ vào các tổ chức, diễn đàn khu vực và quốc tế, cho phép Ấn Độ phát huy những giá trị dân chủ riêng mà không chịu sự chi phối của các nước phương Tây. Đây là những tiền đề quan trọng để Ấn Độ triển khai chiến lược “đa liên kết”, củng cố, phát huy vai trò của Ấn Độ sau này<sup>2</sup>.

## **2. Chiến lược “Đa liên kết” của Ấn Độ trong bối cảnh thế giới mới**

Mặc dù những ý tưởng “đa liên kết” được khởi xướng từ những năm đầu thế kỷ XXI trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ nhưng nó chỉ được thực sự đẩy mạnh kể từ sau thập niên thứ hai dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Narendra Modi. Dưới thời Thủ tướng Modi, tinh thần tự chủ chiến lược đã hoàn toàn chuyển từ tư duy “không liên kết” (non-alignment) sang “đa liên kết” (multi-alignment) hay “liên kết dựa theo vấn đề” (issue-based alignment). Tại Đối thoại Raisina năm 2019, Ngoại trưởng Vijay Gokhale đã làm rõ quan điểm trên: “Ấn Độ đã vượt qua quá khứ không liên kết của mình. Ấn Độ ngày nay là một quốc gia liên kết nhưng liên kết dựa trên các vấn đề... Sự liên kết này không mang tính ý thức hệ. Nó mang

---

<sup>1</sup> Lê Văn Toan (2024), “Tự chủ chiến lược của Ấn Độ từ khi giành được độc lập đến những năm đầu thế kỷ XXI”, Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, <https://lyluanchinhtri.vn/tu-chu-chien-luoc-cua-an-do-tu-khi-gianh-duoc-doc-lap-den-nhung-nam-dau-the-ky-xxi-4283.html>

<sup>2</sup> Nt

lại cho chúng ta khả năng linh hoạt và tự chủ trong quyết định của mình”<sup>1</sup>. Còn Ngoại trưởng Subrahmanyam Jaishankar đã từng khẳng định “không liên kết” là một khái niệm tương ứng với một thời đại và bối cảnh cụ thể nhưng tính độc lập của hành động được ghi nhận trong đó vẫn là một yếu tố liên tục trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ”<sup>2</sup>.

Mục tiêu cốt lõi của chiến lược “đa liên kết” dưới thời Thủ tướng Narendra Modi là cung cấp cho Ấn Độ nhiều lựa chọn nhất có thể trong quan hệ với phần còn lại của thế giới, nói cách khác là gia tăng không gian chiến lược và khả năng độc lập của Ấn Độ, từ đó đảm bảo tốt nhất lợi ích quốc gia<sup>3</sup>. Ấn Độ tìm kiếm các gắn kết về lợi ích với các đối tác khác nhau tùy thuộc vào từng bối cảnh, từng vấn đề thay vì các liên kết chính thức hoặc liên minh truyền thống. Tinh thần này được thể hiện rất rõ trong bài diễn văn của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi tại Đối thoại Shangri-La năm 2018. Ấn Độ sẽ phát triển quan hệ hữu nghị với tất cả các cường quốc toàn cầu và khu vực, ủng hộ việc xây dựng trật tự thế giới đa cực. Việc Ấn Độ hợp tác với các quốc gia trong các khuôn khổ song phương, đa phương không phải là phát triển các liên minh để kiềm chế, ngăn chặn quốc gia khác mà trước hết nhằm khẳng định vị thế của Ấn Độ và sau đó là hướng đến xây dựng khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương hòa bình, ổn định và phát triển<sup>4</sup>.

### ***Tính “đa liên kết” trong quan hệ song phương của Ấn Độ với các cường quốc chủ chốt***

Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi chủ trương thúc đẩy quan hệ với các cường quốc hàng đầu thế giới trên cơ sở tăng cường hợp tác trên các lĩnh vực có chia sẻ lợi ích chung, không đối đầu nhưng cũng không liên minh và sử dụng quan

---

<sup>1</sup> Jeff M. Smith (2020), “Strategic Autonomy and U.S.-Indian Relations”, War On The Rocks, <https://warontherocks.com/2020/11/strategic-autonomy-and-u-s-indian-relations/>

<sup>2</sup> P.S. Raghavan (2020), “What is in a NAM and India’s alignment”, *The Hindu*, <https://www.thehindu.com/opinion/op-ed/what-is-in-a-nam-and-indias-alignment/article32555378.ece>

<sup>3</sup> Saroj K. ARYAL, Manish J. PULAMI (2023), “India’s ‘Strategic Autonomy’ And Strengthening Its Ties With The Us”, *Przeegląd Geopolityczny*, 44, p.119

<sup>4</sup> Ministry of External Affairs (2018), “Prime Minister’s Keynote Address at Shangri La Dialogue (June 01, 2018)”, <https://www.mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/29943/Prime+Ministers+Keynote+Address+at+Shangri+La+Dialogue+June+01+2018>

hệ với nước này để làm đòn bẩy trong quan hệ với nước khác. Cách tiếp cận này của chính quyền Thủ tướng Modi nhằm mục tiêu đảm bảo tối đa lợi ích quốc gia của Ấn Độ khi có thể linh hoạt trong ứng xử với các cường quốc hàng đầu thế giới, tạo ra khả năng tiếp cận đa dạng các nguồn lực từ các đối tác lớn cho mục tiêu phát triển đất nước.

*Đối với Mỹ* : Việc đẩy mạnh hợp tác với Mỹ giúp Ấn Độ tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo an ninh, thịnh vượng và gia tăng vị thế trong quá trình vươn lên trở thành một cường quốc khu vực và toàn cầu. Về kinh tế, quan hệ kinh tế với Mỹ là một đòn bẩy quan trọng để Ấn Độ đa dạng hóa thị trường và giảm rủi ro phụ thuộc vào Trung Quốc. Trên khía cạnh thương mại, Mỹ là một trong số ít các đối tác mà Ấn Độ có thặng dư thương mại và việc xuất siêu sang Mỹ có thể giúp Ấn Độ giải quyết tốt bài toán cân đối nền kinh tế, đặc biệt khi phải nhập siêu từ Trung Quốc trong nhiều năm<sup>1</sup>. Trên khía cạnh đầu tư, Ấn Độ không ngừng tạo điều kiện để thu hút các nhà đầu tư của Mỹ, với mục tiêu biến Ấn Độ trở thành một trung tâm sản xuất quan trọng của thế giới, tạo ra nhiều việc làm và thúc đẩy tăng trưởng cho Ấn Độ<sup>2</sup>. Đáng chú ý, dòng vốn đầu tư của Mỹ vào Ấn Độ trong thời gian gần đây có xu hướng tập trung vào lĩnh vực công nghệ với sự tham gia của nhiều tập đoàn công nghệ lớn, đưa Ấn Độ trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng về công nghệ, từ đó làm gia tăng năng lực công nghệ nội sinh<sup>3</sup>. Về quốc phòng - an ninh, hợp tác với Mỹ giúp Ấn Độ đa dạng hóa nguồn cung vũ khí, kỹ thuật quân sự hiện đại, nâng cao năng lực quốc phòng và giảm bớt sự phụ thuộc vào đối tác quân sự số một là Nga. Hàng loạt các thỏa thuận an ninh quan trọng đã được ký kết giữa hai nước như LEMOA (năm 2016), COMCASA (năm 2018), BECA (năm 2020)...

---

<sup>1</sup> India Brand Equity Foundation (2025), “India–US Trade: Exports, Imports & Bilateral Economic Relations”, <https://www.ibef.org/indian-exports/india-us-trade>, truy cập ngày 21/3/2026

<sup>2</sup> Lê Thị Hằng Nga, Nguyễn Lê Thy Thương (2024), “Quan hệ đối tác chiến lược Ấn Độ - Mỹ: Nhìn từ góc độ kinh tế”, *Tạp chí Công sản*, <https://www.tapchiconsan.org.vn>, truy cập ngày 22/3/2026

<sup>3</sup> The White House (2023), “FACT SHEET: Republic of India Official State Visit to the United States”, <https://bidenwhitehouse.archives.gov/briefing-room/statements-releases/2023/06/22/fact-sheet-republic-of-india-official-state-visit-to-the-united-states/>, truy cập ngày 22/3/2026

Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng tăng cường mua sắm nhiều vũ khí quân sự hiện đại của Mỹ nhằm đa dạng hóa các loại hình vũ khí<sup>1</sup>. Đồng thời, trong nỗ lực triển khai sáng kiến “Sản xuất tại Ấn Độ”, nước này đã đạt được thỏa thuận với các nhà thầu hàng không vũ trụ lớn của Mỹ như Lockheed-Martin và Boeing về kế hoạch nội địa hóa việc sản xuất máy bay chiến đấu F-16 và F/A-18 cho không quân Ấn Độ<sup>2</sup>. Nhằm nâng cao năng lực tác chiến, Ấn Độ cũng tiến hành hàng loạt cuộc tập trận quân sự song phương với Mỹ như: Yudh Abhyas, Vajra Prahar, Cope India, Tiger Triumph... và tập trận đa phương có sự tham gia hoặc dẫn đầu của lực lượng quân đội Mỹ như: Malabar, RIMPAC, Milan, Cutlass Express<sup>3</sup>...

*Đối với Nga:* Ấn Độ không ngừng duy trì quan hệ “Đối tác chiến lược đặc biệt đặc quyền” với Nga với mục tiêu cân bằng chiến lược giữa các nước lớn, là đòn bẩy trong quan hệ với Mỹ và hạn chế sức ép từ Trung Quốc<sup>4</sup>. Sự hợp tác chặt chẽ về quốc phòng - an ninh là trụ cột quan trọng nhất mà Chính quyền Thủ tướng Modi tiếp tục thúc đẩy trong quan hệ với Nga, tạo nền tảng cơ bản và vững chắc cho năng lực quốc phòng của Ấn Độ. Ấn Độ là quốc gia duy nhất mà Nga thực hiện các chương trình hợp tác kỹ thuật quân sự (MTC) giai đoạn 10 năm. Nga cũng là nhà cung cấp vũ khí lớn nhất cho Ấn Độ khi có hơn 70% các loại vũ khí và thiết bị quân sự của Ấn Độ là do Liên Xô/Nga thiết kế hoặc sản xuất. Không những vậy, Ấn Độ còn nhận được sự chuyển giao nhiều công nghệ quân sự tiên tiến nhất của Nga, nhằm thúc đẩy năng lực tự sản xuất các khí tài quân sự theo sáng kiến “Sản xuất tại Ấn Độ”, điển hình nhất là sự hợp tác sản xuất tên lửa hành trình siêu thanh Brahmos. Mới đây, hai nước đã đạt được bước tiến quan trọng trong việc mở rộng hợp tác quân sự vốn đang rất bền chặt thông qua việc ký kết

---

<sup>1</sup> Nguyễn Đắc Tùng (2022), “Hợp tác quốc phòng Ấn Độ - Hoa Kỳ (2014 – 2022)”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, số 7 (116), tr.20

<sup>2</sup> <https://economictimes.indiatimes.com/news/defence/make-in-india-boost-boeing-lockheed-martin-offer-to-locally-manufacture-f16-and-f/a-18-jets/articleshow/51707047.cms>

<sup>3</sup> Congressional Research Service (2024), “India-U.S.: Major Arms Transfers and Military Exercises”, <https://sgp.fas.org/crs/row/IF12438.pdf>, truy cập ngày 22/3/2026

<sup>4</sup> Tôn Sinh Thành (2018), “Những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới chính quyền Modi”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 4 (115), tr.129

Thỏa thuận Trao đổi Hỗ trợ Hậu cần Tương hỗ (RELOS) vào tháng 2/2025<sup>1</sup>. Theo đó, quân đội hai nước được phép tiếp cận và sử dụng chung căn cứ, cảng biển và không phận của nhau phục vụ tập trận, huấn luyện, hoạt động nhân đạo và cứu trợ thảm họa. Bên cạnh đó, quân đội Ấn Độ thường xuyên tiến hành và nâng cấp các hoạt động tập trận chung thường niên với Nga (như INDRA) và tham gia một số cuộc tập trận chiến lược đa phương khác do Nga chỉ huy.

Tăng cường quan hệ kinh tế với Nga cũng được xác định là lĩnh vực ưu tiên quan trọng trong định hướng đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi, giúp Ấn Độ khai thác thêm những lợi thế từ nền tảng mối quan hệ truyền thống tốt đẹp này. Trong thời gian qua, hợp tác kinh tế song phương Ấn - Nga đã ghi nhận nhiều khởi sắc, bất chấp việc Nga đang phải đối mặt với các lệnh trừng phạt của Mỹ và phương Tây liên quan đến cuộc chiến ở Ukraine. Đặc biệt, sau năm 2022, trong bối cảnh các nước phương Tây giảm mua dầu từ Nga, Ấn Độ đã tận dụng cơ hội để nhập khẩu số lượng lớn dầu thô giá rẻ, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng với chi phí tiết kiệm đáng kể. Trong thời gian qua, Ấn Độ còn cho thấy sự tăng cường hiện diện kinh tế ở vùng Viễn Đông của Nga thông qua nỗ lực phát triển Hành lang hàng hải phía Đông (EMC)<sup>2</sup>. Sự hiện diện này bên cạnh những lợi ích về kinh tế, còn bao gồm tính toán địa chiến lược của Ấn Độ nhằm đối trọng với ảnh hưởng áp đảo của Trung Quốc tại khu vực này. Việc sử dụng tuyến hàng hải Chennai - Vladivostok được coi là một bước đi nhằm ứng phó với Sáng kiến “Vành đai và Con đường” (BRI) của Trung Quốc và ảnh hưởng ngày càng lan rộng của nó tại các nước láng giềng của Ấn Độ.

*Đối với Trung Quốc:* Do những vấn đề về tranh chấp biên giới và cạnh tranh địa chiến lược tại khu vực, Trung Quốc được coi là đối thủ quan trọng nhất và thách

---

<sup>1</sup> The Hindu (2025), “Russia parliament ratifies key pact on military, logistic support with India ahead of Putin’s state visit”, <https://www.thehindu.com/news/international/russia-parliament-ratifies-key-pact-on-military-logistic-support-with-india-ahead-of-putins-state-visit/article70351925.ece>, truy cập ngày 28/3/2026

<sup>2</sup> Đây là tuyến đường vận chuyển hàng hóa từ cảng Vladivostok (vùng Viễn Đông của Nga) đến cảng Chennai (phía Đông Nam Ấn Độ).

thức an ninh lớn nhất của Ấn Độ<sup>1</sup>. Tuy nhiên, dưới thời Thủ tướng Modi, trong quan hệ với Trung Quốc, Ấn Độ chủ trương áp dụng “cách tiếp cận kép”, vừa cứng rắn vừa mềm mỏng khi phân biệt rõ ràng giữa các vấn đề hợp tác kinh tế và tranh chấp lãnh thổ cũng như cạnh tranh địa chiến lược. Nói cách khác, Ấn Độ luôn cố gắng duy trì một mức độ ổn định nhất định trong quan hệ Trung - Ấn, tìm cách điều hòa sự cạnh tranh với đối thủ nguy hiểm nhất của mình và ưu tiên hợp tác bất cứ khi nào có thể<sup>2</sup>. Cách tiếp cận này vừa không làm mất đi những lợi ích quan trọng thu được từ sự hợp tác với một đối tác kinh tế lớn là Trung Quốc, mà còn thể hiện vị thế ngày càng tăng của Ấn Độ trong cân bằng quyền lực với Trung Quốc ở khu vực.

Trong bài phát biểu tại Đối thoại Shangri-La (năm 2018), Thủ tướng Modi đã khẳng định: Châu Á và thế giới sẽ có một tương lai tốt đẹp hơn khi Ấn Độ và Trung Quốc hợp tác trên cơ sở tin tưởng và quan tâm đến lợi ích của nhau<sup>3</sup>. Do đó, trong thời gian qua, mặc dù xảy ra các cuộc đụng độ quân sự giữa hai nước tại cao nguyên Doklam (năm 2017) và thung lũng Galwan (năm 2020) liên quan đến vấn đề biên giới lãnh thổ, thương mại giữa Ấn Độ và Trung Quốc nhanh chóng lấy lại đà hồi phục và duy trì xu hướng ổn định ở mức cao và thậm chí còn tăng trưởng, là trụ cột chính trong quan hệ song phương<sup>4</sup>. Trong nhiều năm, Trung Quốc luôn là đối tác thương mại hàng đầu của Ấn Độ, nhiều mặt hàng của Trung Quốc giữ vai trò thiết yếu đối với nền sản xuất của Ấn Độ. Trong quá trình triển khai chiến lược “Sản xuất tại Ấn Độ”, Thủ tướng Modi cũng tích cực ngỏ lời mời

---

<sup>1</sup> Tôn Sinh Thành (2018), “Những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới chính quyền Modi”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 4 (115), tr.127

<sup>2</sup> Ashley J. Tellis (2025), “Multipolar Dreams, Bipolar Realities: India’s Great Power Future”, *Carnegie Endowment for International Peace*, p.10

<sup>3</sup> Ministry of External Affairs (2018), “Prime Minister’s Keynote Address at Shangri La Dialogue (June 01, 2018)”, <https://www.mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/29943/Prime+Ministers+Keynote+Address+at+Shangri+La+Dialogue+June+01+2018>, truy cập ngày 24/3/2026

<sup>4</sup> Embassy of India in China, “Trade and Economic Relations”, [https://eoibeijing.gov.in/eoibeijing\\_pages/MjQ,#:~:text=Though%20trade%20volumes%20have%20grown,for%20addressing%20market%20access%20issues](https://eoibeijing.gov.in/eoibeijing_pages/MjQ,#:~:text=Though%20trade%20volumes%20have%20grown,for%20addressing%20market%20access%20issues), truy cập ngày 24/3/2026

các công ty Trung Quốc đầu tư, hợp tác vào thị trường Ấn Độ nhằm gia tăng việc làm và thúc đẩy tăng trưởng cho Ấn Độ.

***Tính “đa liên kết” trong các cơ chế đa phương do các cường quốc chủ chốt dẫn dắt hoặc do Ấn Độ khởi xướng***

Việc tích cực tham gia hàng loạt các thể chế đa phương do các cường quốc chủ chốt dẫn dắt cũng là một trong những khía cạnh thể hiện chiến lược “đa liên kết” của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi. Ngoài những đóng góp đáng kể trong các cơ chế đa phương truyền thống, thời gian gần đây Ấn Độ còn thể hiện sự ủng hộ tích cực đối với các thể chế đa phương, tiêu đa phương mới nổi như Nhóm các nền kinh tế mới nổi (BRICS), Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), Bộ Tứ Kim cương (QUAD), Bộ Tứ Tây Á (I2U2), Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPEF)... Đáng chú ý, Ấn Độ là một trong số ít các quốc gia trên thế giới là thành viên của các cơ chế đa phương mang tính đối kháng, đối trọng nhau do các cường quốc hàng đầu dẫn dắt. Điều này thể hiện tính “đa liên kết”, cách tiếp cận thực dụng hơn của chính quyền Thủ tướng Modi khi sẵn sàng hợp tác với các quốc gia, kể cả Trung Quốc tại các “sân chơi” đa phương với mục tiêu bảo đảm tốt nhất lợi ích quốc gia của Ấn Độ<sup>1</sup>.

Trong các cơ chế đa phương do Nga và Trung Quốc dẫn dắt như SCO và BRICS, Ấn Độ luôn thể hiện vai trò là thành viên tích cực. Kể từ khi trở thành thành viên của SCO vào tháng 6/2017, Ấn Độ luôn cho thấy đóng góp đáng kể cho cơ chế này, đặc biệt nổi bật ở nhiệm kỳ Chủ tịch luân phiên 2022-2023. Với vai trò Chủ tịch SCO năm 2023, Ấn Độ đã đưa ra tầm nhìn định hướng mới và đề xuất các trụ cột hợp tác mới cho SCO và thể hiện tốt vai trò của một nước lớn trong khu vực, đồng thời củng cố lòng tin và thúc đẩy hợp tác giữa Ấn Độ với hai cường quốc sáng lập tổ chức này là Nga và Trung Quốc trên hàng loạt các lĩnh vực từ chính trị, an ninh đến kinh tế, xã hội. Trong khi đó, với tư cách là nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trong khối BRICS, Ấn Độ đã thúc đẩy đáng kể đầu tư và thương mại

---

<sup>1</sup> Nguyễn Duy Phương, Đỗ Thị Thùy (2020), “Vai trò của Ấn Độ trong quản trị toàn cầu dưới thời Chính quyền Narendra Modi”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, số 2(87), tr.8

nội khối, đưa BRICS trở thành một khuôn khổ hợp tác Nam – Nam hiệu quả. Đồng thời, việc tham gia tích cực trong BRICS đã góp phần tăng cường các tương tác về kinh tế (thông qua các cơ chế tài chính và thương mại) giữa Ấn Độ với các quốc gia mới nổi, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế của nước này.

Song song với các cơ chế đa phương do Trung Quốc và Nga dẫn dắt, Ấn Độ cũng tham gia vào nhiều cơ chế mới do Mỹ và phương Tây khởi xướng. Việc Ấn Độ là một trong bốn thành viên của Bộ Tứ (QUAD) là một trong những chỉ dấu cho thấy nhu cầu liên kết của Ấn Độ với các cường quốc khác nhằm đối phó với những thách thức đang nổi lên trong khu vực. Đặc biệt, từ sự kiện đụng độ quân sự ở biên giới với Trung Quốc vào năm 2020, Ấn Độ đã thể hiện vai trò tích cực hơn, sẵn sàng đảm nhận nhiều trách nhiệm hơn trong các nội dung hợp tác của QUAD, kể cả các vấn đề liên quan đến Trung Quốc<sup>1</sup>. Sự tham gia của Ấn Độ vào QUAD và gần đây là IPEF không những giúp Ấn Độ nâng cao vị thế quốc tế, ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh, mà còn hỗ trợ đắc lực cho các mục tiêu kinh tế của nước này. Thông qua đó, Ấn Độ sẽ trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng hạ tầng, năng lượng, thương mại, y tế... cùng với các cường quốc phát triển hàng đầu như Mỹ, Nhật Bản, Australia.

Không chỉ tham gia vào các chiến lược, sáng kiến do các cường quốc khác đưa ra và thể hiện vai trò quan trọng trong đó, tính “đa liên kết” của Ấn Độ còn được thể hiện thông qua việc chủ động đề xuất các sáng kiến, chiến lược mới hoặc nâng cấp các chính sách đã có trước đó nhằm phục vụ tốt hơn lợi ích quốc gia trong bối cảnh mới. Sáu tháng sau khi đắc cử Thủ tướng nhiệm kỳ đầu tiên, trong bài phát biểu tại Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á ở Myanmar, Thủ tướng Modi đã chính thức nâng cấp “Chính sách hướng Đông” của các chính phủ tiền nhiệm lên “Hành động hướng Đông”, thể hiện sự chủ động, tích cực hơn của Ấn Độ với vai trò một nước lớn trong vũ đài chính trị thế giới. Việc nâng cấp này nhằm thúc đẩy mạnh

---

<sup>1</sup> Elizabeth Roche (2024), “As Quad Completes 20 Years, India Takes on Multiple New Responsibilities”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2024/09/as-quad-completes-20-years-india-takes-on-multiple-new-responsibilities/>, truy cập ngày 25/3/2026

mẽ hơn nữa quan hệ giữa Ấn Độ với các nước láng giềng phía Đông trước những vận động của bối cảnh mới, trong đó bao gồm việc tiếp tục tranh thủ khai thác những cơ hội từ sự phát triển kinh tế năng động của khu vực Đông Á, tăng cường quan hệ với không chỉ các nước ASEAN mà còn vươn lên các nước Đông Bắc Á và Nam Thái Bình Dương như Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia. Về lĩnh vực hợp tác, chính sách “Hành động hướng Đông” không chỉ dừng lại ở các can dự kinh tế và ngoại giao với các nước đối tác mà còn tiến hành mở rộng sang các mối quan hệ an ninh – quốc phòng xuyên khắp khu vực<sup>1</sup>.

Bên cạnh đó, sáng kiến SAGAR (Security and Growth for All in the Region – An ninh và phát triển cho tất cả trong khu vực) được Thủ tướng Modi giới thiệu trong chuyến thăm Seychelles và Mauritius vào tháng 3/2015 cũng là một trong những sáng kiến quan trọng của Ấn Độ thể hiện tầm nhìn của Ấn Độ đối với khu vực và sự gắn kết của nước này với các quốc gia láng giềng. SAGAR với các nội hàm của nó được coi là chiến lược biển toàn diện của Ấn Độ nhằm bảo vệ các lợi ích và sự tự chủ chiến lược của nước này trong không gian Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương<sup>2</sup>. Thông qua SAGAR, Ấn Độ mong muốn duy trì vị thế trung tâm của nước này trong khu vực Ấn Độ Dương, xây dựng vai trò “nhà cung cấp an ninh ròng” cho các quốc gia láng giềng ven biển, chủ động định hình các “luật chơi” tại vùng biển được coi là “sân nhà” của Ấn Độ. Đến tháng 3/2025, Ấn Độ tiếp tục công bố sáng kiến MAHASAGAR (Mutual and Holistic Advancement for Security and Growth Across Regions – Tiến bộ toàn diện và cùng có lợi vì an ninh và phát triển xuyên khu vực) - được coi là một phiên bản nâng cấp quan trọng của sáng kiến SAGAR trước đó nhằm tiếp tục định hình vai trò lãnh đạo của Ấn Độ tại khu vực. Theo đó, MAHASAGAR đã mở rộng không gian hợp tác chiến lược (từ Nam Á ra toàn bộ khu vực Ấn Độ Dương và kéo dài đến bờ biển phía Đông của châu Phi) cũng như lĩnh vực hợp tác của Ấn Độ với các đối tác trong khu vực

---

<sup>1</sup> Nguyễn Vũ Tùng, Đặng Cẩm Tú (2016), “Chính sách Hành động hướng Đông” của Ấn Độ: Nhân tố tác động và triển vọng 5 năm tới”, *Tạp chí Cộng sản*, số 887, tr.106

<sup>2</sup> C. Vinodan and Anju Lis Kurian (2024), “Strategic Autonomy and India’s Hedging Policies in the Indo-Pacific”, *Journal of Asian Security and International Affairs*, 11(4) 475–495, p.484

(liên kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, thương mại, cơ sở hạ tầng với các vấn đề an ninh), từ đó góp phần giúp Ấn Độ xây dựng trật tự khu vực thông qua củng cố niềm tin và kiến tạo các giá trị chung<sup>1</sup>.

*Tạm kết*, sự điều chỉnh chiến lược từ “Không liên kết” sang “Đa liên kết” của Ấn Độ là sự kế thừa tính độc lập, tự chủ từ di sản đối ngoại trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh của nước này và là một bước tiến hóa tất yếu nhằm thích ứng với cấu trúc quyền lực toàn cầu đang chuyển đổi sâu sắc. Quá trình này đánh dấu sự thay đổi căn bản trong tư duy đối ngoại của Ấn Độ: chuyển trọng tâm từ chủ nghĩa lý tưởng sang cách tiếp cận thực dụng hơn, từ trạng thái duy trì khoảng cách an toàn sang chủ động can dự và thiết lập mạng lưới đối tác đa dạng. Thực tiễn của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi đã chứng minh tính hiệu quả của chiến lược “đa liên kết” trong việc tối đa hóa không gian tự chủ và bảo vệ các lợi ích quốc gia cốt lõi./.

---

<sup>1</sup> The Indo-Pacific Studies Center (2025), “From SAGAR to MAHASAGAR: India’s Strategic Evolution in the Indian Ocean Region”, <https://www.indo-pacificstudiescenter.org/commentaries/india-mahasagar-initiative>

# ẤN ĐỘ VÀ TẦM NHÌN ẤN ĐỘ DƯƠNG – THÁI BÌNH DƯƠNG

TS Nguyễn Văn Dương

Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nổi lên trở thành tâm điểm của những chuyển động kinh tế và địa chính trị toàn cầu, có vai trò ngày càng nổi bật tới định hình trật tự kinh tế và chính trị quốc tế. Là nơi của sự phát triển năng động và có vị trí chiến lược quan trọng đối với các nước lớn, nhưng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ của sự bất ổn. Các tổ chức quốc tế và các cơ chế đa phương được hình thành, sự cạnh tranh gay gắt của các nước lớn đã gây ra những lo ngại và phản ứng trái chiều của các bên. Vai trò trung tâm của khu vực này đã thành tâm điểm để Ấn Độ triển khai mạnh mẽ chính sách đối ngoại của mình.

Khi Thủ tướng Modi lên nắm quyền, để mở rộng vai trò, ảnh hưởng của Ấn Độ trên trường quốc tế, xác lập vị thế cường quốc khu vực và từng bước trở thành cường quốc toàn cầu, Ấn Độ đã điều chỉnh chính sách “hướng đông” thành “chính sách hành động hướng đông” và thực hiện một số chiến lược ngoại giao khác. Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương được Ấn Độ xác định là khu vực có tầm quan trọng lớn đối với an ninh, thịnh vượng và tương lai của Ấn Độ, được Ấn Độ triển khai mạnh mẽ các trụ cột ưu tiên nhằm phục vụ “chiến lược cường quốc” của nước này.

Thủ tướng Modi bắt đầu nhiệm kỳ đầu tiên của mình vào năm 2014. Ngay sau khi lên nắm quyền, ông đã điều chỉnh chính sách “hướng đông” thành “hành động hướng đông” với mục đích mở rộng và phát triển toàn diện mối quan hệ về chính trị, kinh tế, an ninh và văn hóa với các đối tác trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (ADD-TBD), bảo vệ và mở rộng lợi ích, không gian chiến lược của Ấn Độ, đồng thời, đối trọng với sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc. Năm 2015, trong Báo cáo “Bảo đảm an ninh biển: Chiến lược an ninh biển của Ấn Độ”, Ấn Độ nêu rõ tầm nhìn môi trường chiến lược khu vực và toàn cầu đã chuyển từ châu Âu - Đại Tây Dương sang ADD-TBD. Trong bài phát biểu tại Đối thoại Shangri-La (6/2018), Chính phủ Ấn Độ đã công bố “Tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình

Dương” tự do, cởi mở, bao trùm, hòa bình và thịnh vượng và nhấn mạnh “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” là “trái tim” trong chiến lược mở rộng ảnh hưởng của Ấn Độ. Sau đó, tại Hội nghị thượng đỉnh Đông Á ở Thái Lan năm 2019, Thủ tướng Modi đã đề ra “Sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” với bảy trụ cột, đó là hệ sinh thái an ninh hàng hải và tài nguyên; xây dựng năng lực; giảm thiểu và quản lý rủi ro thiên tai; Hợp tác KH&CN và học thuật; thương mại, kết nối và vận tải biển, đồng thời khẳng định rằng chính sách “hành động hướng đông” là một phần quan trọng trong tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Ấn Độ”. Ấn Độ thực hiện hóa chính sách đối ngoại tại khu vực này thông qua việc thúc đẩy hợp tác mạnh mẽ với ASEAN, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, ... trên ba trụ cột (chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội).

Cụ thể như sau:

### **Với ASEAN**

Là cầu nối giữa khu vực Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, ASEAN là xác định trọng tâm trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Trên cơ sở Tầm nhìn của ASEAN về ADD-TBD (AOIP) được ASEAN đưa ra năm 2019 và Tầm nhìn ADD-TBD của Ấn Độ (IPOI), Ấn Độ chủ trương thúc đẩy hợp tác với ASEAN trong các lĩnh vực kinh tế, hàng hải và các lĩnh vực ưu tiên để kết nối hội tụ lẫn nhau tại khu vực ADD-TBD. Trong bài phát biểu tại Hội nghị thượng đỉnh Ấn Độ - ASEAN (2019) tại Thái Lan và tại Hội nghị cấp cao kinh doanh Ấn Độ - ASEAN (2021), Thủ tướng Modi và Bộ trưởng ngoại giao Ấn Độ Jaishankar đề khẳng định rằng Ấn Độ coi trọng vai trò trung tâm của ASEAN, cam kết sẽ hợp tác mạnh mẽ với ASEAN thông qua đường bộ, đường hàng không và đường biển, hỗ trợ một ASEAN vững mạnh, thống nhất và thịnh vượng. Sự hội tụ mạnh mẽ giữa Tầm nhìn chung của hai bên là cơ sở mạnh mẽ cho quan hệ hai bên. Tháng 9/2020, Ấn Độ và ASEAN đã thông qua kế hoạch hành động chung 2021-2025, trong đó nâng hợp tác an ninh hàng hải lên vị trí hàng đầu. Năm 2021, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN - Ấn Độ lần thứ 18, hai bên đã thông qua Tuyên bố chung về Hợp tác “Triển vọng ASEAN ở ADD-TBD vì hòa bình, ổn định và thịnh vượng trong khu

vực”, trong đó hai bên cũng nhất trí củng cố quan hệ Đối tác Chiến lược ASEAN-Ấn Độ trên toàn bộ phạm vi hợp tác chính trị-an ninh, kinh tế, văn hóa-xã hội và phát triển. ASEAN hiện là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Ấn Độ và Ấn Độ là đối tác thương mại và nhà đầu tư lớn thứ 7 của ASEAN. Trên các diễn đàn khu vực, Ấn Độ luôn khẳng định ủng hộ lập trường ASEAN về vấn đề Biển Đông, ủng hộ ASEAN phát huy vai trò thúc đẩy đối thoại và xây dựng lòng tin, bảo đảm thực hiện đầy đủ và hiệu quả DOC, xây dựng COC hiệu lực phù hợp với luật pháp quốc tế và Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Ấn Độ còn thành lập Diễn đàn tuần tra bờ biển ASEAN để hợp tác với các nước ASEAN trong việc thuận lợi hóa và bảo vệ các tuyến giao thương trên biển.

Bên cạnh đó, Ấn Độ đã nỗ lực thúc đẩy quan hệ song phương với các nước thành viên của ASEAN trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, an ninh - quốc phòng, nhất là với hai đối tác chiến lược toàn diện là Việt Nam và Indonesia. Ấn Độ luôn coi các nước thành viên ASEAN là một phần quan trọng trong chính sách “hành động hướng Đông” của Ấn Độ.

### **Với Mỹ**

Kể từ khi Thủ tướng Ấn Độ Modi lên cầm quyền, quan hệ Ấn Độ - Mỹ đã có những phát triển vượt bậc. Cùng có mục đích là kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc, mở rộng vai trò ảnh hưởng và sự gia tăng hội tụ lợi ích giữa Mỹ và Ấn Độ là cơ sở để hai nước chia sẻ Tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, thúc đẩy thương mại quốc phòng và hợp tác trên một số lĩnh vực then chốt khác. Trong chuyến thăm của Tổng thống Mỹ Trump đến Ấn Độ (2020), Ấn Độ và Mỹ đều thông qua cam kết duy trì một khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở và thống nhất tìm cách giữ cho không gian trên biển và đất liền của khu vực không bị chi phối, xâm phạm về chủ quyền, an ninh và các hoạt động kinh tế. Trong chuyến thăm Mỹ (2023), Thủ tướng Modi khẳng định “Quan hệ đối tác chiến lược và toàn cầu toàn diện Ấn - Mỹ” đã ở một cao mới về niềm tin và sự hiểu biết lẫn nhau. Hai bên đã ra tuyên bố chung, theo đó, nhấn mạnh hợp tác Ấn - Mỹ sẽ phục vụ lợi ích toàn cầu khi "phối hợp thông qua một loạt nhóm

đa phương và khu vực, đặc biệt là Nhóm Bộ tứ (QUAD), để góp phần xây dựng một khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do, rộng mở, bao trùm và thịnh vượng". Hiện nay, Ấn Độ luôn tham gia và ủng hộ mạnh mẽ chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và mở rộng” của Mỹ. Hai bên đẩy mạnh hợp tác quốc phòng an ninh, chống khủng bố, sở hữu trí tuệ, an ninh hàng hải ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Hai bên thường xuyên tổ chức các cuộc diễn tập song phương và đa phương tại khu vực.

### **Với Nhật Bản**

Năm 2015, Ấn Độ và Nhật Bản đã nâng tầm quan hệ thành “Đôi tác chiến lược đặc biệt và toàn cầu Ấn Độ - Nhật Bản”, đồng thời ra Tuyên bố chung “Tầm nhìn Ấn Độ và Nhật Bản 2025: Mối quan hệ Đôi tác chiến lược đặc biệt và toàn cầu cùng hợp tác vì hòa bình và thịnh vượng của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và thế giới”. Hai bên cũng cam kết nỗ lực thúc đẩy hình thành một trật tự khu vực hòa bình, cởi mở, công bằng và ổn định, dựa trên luật pháp quốc tế ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương và xa hơn nữa.

Chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” của Nhật Bản cũng có nhiều điểm tương đồng với chính sách “hành động hướng đông” hay “Tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” của Ấn Độ, điển hình là việc đều xác định ASEAN là trung tâm. Đây là tiền đề quan trọng để hai bên thúc đẩy hợp tác kinh tế, an ninh - quốc phòng. Ấn Độ và Nhật Bản cũng khẳng định cam kết tiếp tục làm việc với tất cả các đối tác, đặc biệt là ASEAN, thúc đẩy Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS) trở thành diễn đàn cấp cao thảo luận về chương trình nghị sự liên quan đến hòa bình và an ninh khu vực. Thủ tướng Modi đã khẳng định “Mối quan hệ giữa Ấn Độ và Nhật Bản là thành tố chủ chốt trong Tầm nhìn của New Delhi về khu vực ADD-TBD hòa bình, ổn định và thịnh vượng”. Năm 2023, Nhật Bản công bố kế hoạch mới nhằm thúc đẩy Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương tự do và rộng mở nhân chuyến thăm Ấn Độ của Thủ tướng Fumio và cam kết cùng với Ấn Độ thúc đẩy quan hệ đối toàn cầu, hiện thực hóa chính sách Hành động hướng Đông của New Delhi và Tầm nhìn Ấn Độ

Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở của Tokyo với bốn trụ cột chính là nguyên tắc hòa bình và phồn vinh; xử lý vấn đề của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; tăng cường tính liên kết đa tầng; nỗ lực dùng biện pháp an ninh, an toàn trên biển và trên không.

### **Với Hàn Quốc**

Ấn Độ coi Hàn Quốc là đối tác quan trọng đóng góp vào hòa bình, ổn định và an ninh ở khu vực AĐD-TBD. Trong Tầm nhìn AĐD-TBD của Ấn Độ và Chính sách hướng Nam mới của Hàn Quốc (NSP) (2017) và sau này là Chính sách hướng Nam mới cộng (NSP plus) (2020) cũng có nhiều điểm tương đồng, cụ thể là đều xác định ASEAN là trung tâm về lợi ích kinh tế và chiến lược, đây là cơ hội thúc đẩy hợp tác giữa hai quốc gia. Tại Hội nghị thượng đỉnh song phương năm 2018, hai bên đã ra Tuyên bố chung, trong đó nhấn mạnh: Hàn Quốc là đối tác không thể thiếu trong chính sách “hành động hướng Đông” và Ấn Độ là trụ cột trọng tâm trong NSP của Hàn Quốc. Hàn Quốc luôn ủng hộ IPOI của Ấn Độ. Tại buổi gặp gỡ bên lề Hội nghị thượng đỉnh G20 (2019), lãnh đạo hai nước cũng nhất trí tìm ra sự hội tụ giữa chính sách “hành động hướng Đông” và chính sách “hướng Nam mới” nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp vì hòa bình và ổn định khu vực AĐD – TBD. Vì có nhiều điểm chung về chiến lược và lợi ích trong IPOI, FOIP và NSP nên Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc cam kết hỗ trợ với nhau để phát triển và mở rộng chính sách này ở cả cấp độ song phương và đa phương, hợp tác chặt chẽ với ASEAN nhằm tạo ra một khu vực Đông Nam Á phát triển bền vững, đồng thời gia tăng sự ảnh hưởng của các quốc gia này tại khu vực.

### **Với Australia**

Quan hệ hai nước được đánh dấu bằng mốc son quan trọng vào năm 2020 khi hai nước nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện. Hai bên đã ra Tuyên bố chung trong đó khẳng định Ấn Độ và Australia đều có tầm nhìn chung về một Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương rộng mở, tự do và dựa trên các quy tắc luật lệ, được hỗ trợ bởi các thiết chế toàn cầu và khu vực nhằm thúc đẩy các quốc gia thịnh vượng, ổn định và có chủ quyền trên cơ sở các lợi ích chung. Hai bên đã ra

tuyên bố “Tầm nhìn chung về Hợp tác Hàng hải ở AĐD-TBD”, hướng đến một AĐD-TBD an toàn, cởi mở, hòa nhập và thịnh vượng; cam kết hợp tác với các đối tác và các tổ chức khu vực liên quan tới AĐD-TBD như: Hội nghị chuyên đề Hải quân Ấn Độ Dương (IONS), IORA, EAS, ADMM Plus và các tổ chức khác do ASEAN lãnh đạo, để thực hiện các mục tiêu dài hạn đối với khu vực.

Bên cạnh đó, hai bên cũng ký kết thỏa thuận khung về hợp tác không gian mạng, thỏa thuận về hỗ trợ hậu cần tương hỗ, thỏa thuận triển khai hợp tác trong khoa học công nghệ quốc phòng và bản ghi nhớ về hợp tác quốc phòng, và một số thỏa thuận về hợp tác trong lĩnh vực khai khoáng và giáo dục...Liên quan đến hợp tác quốc phòng, với việc cùng là thành viên nhóm Bộ tứ (QUAD) gồm Mỹ, Australia, Nhật Bản và Ấn Độ, hai bên nhất trí tiếp tục tăng cường và mở rộng hợp tác quốc phòng bằng việc mở rộng quy mô và nâng cao độ phức tạp của các cuộc tập trận quân sự và các hoạt động hợp tác khác để phát triển những cách thức mới đối phó các thách thức an ninh chung.

Ấn Độ và Australia cũng cam kết ủng hộ vai trò trung tâm và đoàn kết của ASEAN và sẽ tăng cường phối hợp trong các diễn đàn khu vực và đa phương, như Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á, Diễn đàn Khu vực ASEAN, Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng, Hiệp hội vành đai Ấn Độ Dương và Tổ chức hàng hải quốc tế... để đạt được tầm nhìn chung của hai nước về hợp tác hàng hải ở khu vực AĐD - TBD.

Điều đặc biệt trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ tại khu vực AĐD - TBD là sự kết hợp giữa các cặp quan hệ song phương (giữa Mỹ, Nhật Bản, Australia và Ấn Độ) với các tam giác quan hệ (Mỹ - Nhật Bản - Australia, Mỹ - Nhật Bản - Ấn Độ, Ấn Độ - Australia - Mỹ, Ấn Độ - Australia - Nhật Bản) và quan hệ hợp tác bốn bên “Bộ tứ - QUAD” để khai thác các lợi ích tiềm năng, tối đa hóa cơ hội, hóa giải những thách thức nhằm hiện thực hóa Tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Ấn Độ, từng bước khẳng định vai trò đối với khu vực và kiềm chế sự ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc.

Đồng thời, để kết nối với không gian Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương rộng mở, Ấn Độ còn tăng cường quan hệ với các nước châu Phi. Những năm gần đây, Ấn Độ đã có những nỗ lực đáng kể trong việc thiết lập mối quan hệ đối tác mới, không chỉ thực hiện các chuyến thăm lịch sử đến các nước này mà còn tuyên bố mở thêm 18 cơ quan đại diện ngoại giao ở châu Phi nhằm tăng cường các lợi ích chính trị và chiến lược của mình. Một sự đổi mới trong tư duy chiến lược khác của Ấn Độ là đặt các quốc đảo ở Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương trong tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của mình. Các quốc đảo này không chỉ có vị trí chiến lược quan trọng đối với Ấn Độ mà còn có tầm quan trọng đối với an ninh hàng hải của Ấn Độ.

Tóm lại, sự tham gia của Ấn Độ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, từ bờ biển châu Phi đến bờ biển châu Mỹ mang tính bao trùm dựa trên 5S theo tiếng Hindi là: Sammaan (tôn trọng); Samvad (đối thoại); Sahyog (hợp tác), Shanti (hòa bình), and Samridhi (thịnh vượng). Việc triển khai thành công chính sách đối ngoại tại khu vực này không chỉ mang lại lợi ích về kinh tế cho Ấn Độ mà từng bước khẳng định vai trò, ảnh hưởng của Ấn Độ đối với hòa bình, an ninh và sự thịnh vượng chung của khu vực./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồng Phúc (2020), Nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện, Ấn Độ-Australia thắt chặt hơn bao giờ hết, <https://baoquocte.vn/nang-cap-quan-he-len-doi-tac-chien-luoc-toan-dien-an-do-australia-that-chat-hon-bao-gio-het-116882.html>, truy cập ngày 01/4/2024.
2. Thông tấn xã Việt Nam (2015), Nhật Bản - Ấn Độ nâng tầm quan hệ Đối tác chiến lược đặc biệt, <https://tuyengiao.vn/nhat-ban-an-do-nang-tam-quan-he-doi-tac-chien-luoc-dac-biet-81613#:~:text=Trong%20Tuy%C3%AAAn%20b%E1%BB%91%20chung%20mang%20t%C3%AAAn%20%E2%80%9CT%E1%BA%A7m%20nh%C3%ACn,ti%C3%AAu%20ch%C3%ADnh%20tr%E1%BB%8B%2C%20>

20kinh%20t%E1%BA%BF%20v%C3%A0%20chi%E1%BA%BFn%20l%C6%B0%E1%BB%A3c, truy cập ngày 28/3/2024.

3. Rahul Roy-Chaudhury (2018), <https://www.iiss.org/online-analysis/online-analysis/2018/08/modi-free-open-inclusive/>, truy cập ngày 02/4/2024.

4. Sudhanshu Tripathi (2022), India's foreign policy in the Indo - Pacific, <https://indopacificresearchers.org/wp-content/uploads/2022/01/Feature-Tripathi-JAN-22.pdf>, truy cập ngày 25/3/2024.

5. Ngọc Thúy (2022), Quan hệ đối tác ASEAN - Ấn Độ: 30 năm vì sự thịnh vượng chung của khu vực, <https://bnews.vn/quan-he-doi-tac-asean-an-do-30-nam-vi-su-thinh-vuong-chung-cua-khu-vuc/247725.html>, truy cập ngày 28/3/2024.

6. Nguyễn Văn Thắng (2023), Chính sách hành động hướng đông của Ấn Độ (2014 – 2020), Luận án tiến sỹ Quan hệ quốc tế.

# **VAI TRÒ CỦA ẤN ĐỘ TRONG CẤU TRÚC AN NINH KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

**ThS. Đoàn Thị Mai Liên**

Vai trò của Ấn Độ trong cấu trúc an ninh khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (hay rộng hơn là Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương/Indo-Pacific) ngày càng nổi bật trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, đặc biệt là Mỹ – Trung. Từ một “cường quốc khu vực Nam Á”, Ấn Độ đang chuyển mình thành một “tác nhân an ninh then chốt” với phạm vi ảnh hưởng rộng hơn. Trong bối cảnh vị thế của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương ngày càng gia tăng trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị và địa chiến lược đối với các khu vực khác và toàn cầu, Ấn Độ - với tư cách là một nước lớn kết nối giữa hai đại dương, có vai trò quan trọng trong việc định hình cấu trúc an ninh, thúc đẩy các hoạt động hợp tác và kết nối trong khu vực.

## **1. Vai trò định hình cấu trúc khu vực**

Ấn Độ có vai trò định hình cấu trúc khu vực. Sự khác biệt cơ bản nhất giữa hai khái niệm Châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là sự hiện diện của Ấn Độ. Ấn Độ có một vị trí quan trọng ở Ấn Độ Dương, với hơn 2000km đường bờ biển giáp Ấn Độ Dương, sở hữu hai quần đảo Andaman và Nicobar nằm trên tuyến đường biển kết nối Nam Á với Đông Nam Á, vị trí địa lý chiến lược khiến Ấn Độ trở thành một phần không thể thiếu trên bản đồ địa lý Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Về kinh tế, Ấn Độ hiện tại là nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới, sau Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Đức và được các chuyên gia dự đoán sẽ trở thành nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới năm 2030. Ấn Độ cũng được đánh giá là cường quốc về quân sự, là một trong những quốc gia sở hữu vũ khí hạt nhân và lực lượng quân đội hàng đầu thế giới. Vị trí địa lý đặc biệt cùng sức mạnh tổng hợp vượt trội khiến Ấn Độ trở thành một nhân tố quan trọng trong sự định hình cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Ấn Độ cũng góp phần thúc đẩy sự công nhận đối khái niệm Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trong giới chiến lược và học thuật ở khu vực và trên thế giới.

Ấn Độ được xem là một trong những lực lượng quan trọng góp phần cân bằng ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc tại khu vực. Về địa - chiến lược, Ấn Độ kiểm soát vị trí then chốt tại Ấn Độ Dương, nơi đi qua các tuyến hàng hải huyết mạch (SLOCs) nối Trung Đông - châu Phi - Đông Á. Sự hiện diện của Ấn Độ tại khu vực giúp phân tán quyền lực, hạn chế nguy cơ hình thành trật tự đơn cực do Trung Quốc chi phối. Chính sách “Act East” (Hành động hướng Đông) và sau đó là “Indo-Pacific vision” thể hiện rõ ý đồ mở rộng vai trò chiến lược sang Đông Nam Á và Tây Thái Bình Dương. Ấn Độ trở thành một cực trong cấu trúc đa cực đang định hình ở khu vực.

Ấn Độ đóng vai trò là quốc gia tiên phong trong việc đề xuất các khung khổ hợp tác mới, giúp thay đổi bản chất của cấu trúc an ninh từ các liên minh đóng sang các mạng lưới mở và bao trùm.

- **Sáng kiến các Đại dương Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương (IPOI):** Được khởi xướng từ năm 2019, IPOI đã trở thành "trục" để Ấn Độ kết nối với các quốc gia khu vực thông qua 7 trụ cột thực dụng: An ninh hàng hải, Sinh thái biển, Tài nguyên biển, Kết nối, Xây dựng năng lực, Giảm nhẹ thiên tai và Khoa học công nghệ. IPOI được thiết kế như một "mạng lưới" liên kết sâu sắc, cho phép các quốc gia tự nguyện dẫn dắt các lĩnh vực mà họ có thế mạnh.
- **Chuyển đổi học thuyết chiến lược:** Từ chính sách "Hành động phía Đông" (Act East Policy), Ấn Độ đã nâng cấp lên tầm nhìn MAHASAGAR vào năm 2025. Đây là sự tiến hóa từ tư duy khu vực hẹp sang tầm nhìn toàn cầu, mở rộng không gian chiến lược từ bờ biển Đông Phi đến tận các đảo quốc Thái Bình Dương và Nam Bán cầu.
- **Xây dựng mô hình "Đa liên kết" (Multi-alignment):** Thay vì chọn phe trong cuộc cạnh tranh cường quốc, Ấn Độ thúc đẩy một cấu trúc đa cực. New Delhi nhấn mạnh sự bao trùm, nơi các quốc gia tầm trung và nhỏ có tiếng nói trọng yếu trong việc xây dựng các quy tắc chung dựa trên luật pháp quốc tế.

## **2. Vai trò cân bằng quyền lực trong cấu trúc an ninh**

Ấn Độ là quốc gia có vai trò cân bằng quyền lực trong cấu trúc an ninh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Một trong những động lực quan trọng dẫn đến sự định

hình khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là nhu cầu cân bằng quyền lực trong khu vực. Trong bối cảnh Trung Quốc trỗi dậy mạnh mẽ về kinh tế và quân sự cùng sự suy giảm tầm ảnh hưởng của Mỹ, sự nổi lên của Ấn Độ về kinh tế và chính trị góp phần quan trọng vào việc tạo lập thế cân bằng sức mạnh trong khu vực, phá vỡ thế độc tôn của Trung Quốc. Trong bối cảnh đầy biến động của khu vực, Ấn Độ nổi lên là một quốc gia “trỗi dậy hòa bình” và được các nước hoan nghênh, trở thành chủ thể có vai trò cân bằng quan trọng trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Mặt khác, Ấn Độ là một trong những quốc gia có vai trò tích cực trong thúc đẩy hợp tác an ninh đa phương. Ấn Độ đóng vai trò là "biên số ổn định" (stabilizer) nhằm duy trì trạng thái cân bằng chiến lược tại Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, ngăn chặn sự hình thành một trật tự đơn cực hoặc bá quyền. Ấn Độ đóng vai trò tích cực trong các cơ chế hợp tác an ninh. Tiêu biểu là các cơ chế an ninh sau:

**(i) Bộ tứ QUAD (Mỹ – Nhật – Ấn – Australia)**

Ấn Độ tham gia Quad (Mỹ, Nhật, Australia) như một "máy gia tốc" cho chính sách Act East nhưng kiên quyết từ chối biến nó thành một liên minh quân sự kiểu NATO. New Delhi thúc đẩy Quad tập trung vào "hàng hóa công cộng" như an ninh chuỗi cung ứng, hạ tầng số và MDA để tạo ra sức mạnh mềm đối trọng với sức ép từ Trung Quốc. Là một trong bốn trụ cột chính của QUAD, Ấn Độ tham gia các sáng kiến về: An ninh hàng hải, tự do hàng hải (FOIP), Ứng phó thảm họa, công nghệ, chuỗi cung ứng. Dù luôn khẳng định QUAD không phải là một "NATO châu Á", Ấn Độ đã khéo léo sử dụng cơ chế này để mở rộng ảnh hưởng mà không cần tạo ra một liên minh quân sự chính thống. Dù không phải liên minh quân sự, QUAD góp phần giúp Ấn Độ thiết lập “cân bằng mềm” đối với Trung Quốc.

An ninh hàng hải: Ấn Độ đóng vai trò trung tâm trong Sáng kiến Đối tác Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương về nhận thức miền hàng hải (IPMDA). Điều này giúp các nước nhỏ hơn theo dõi tàu lạ và các hoạt động bất hợp pháp trong vùng đặc quyền kinh tế (EEZ).

Tự do hàng hải (FOIP): New Delhi kiên định ủng hộ trật tự dựa trên luật lệ, đặc biệt là UNCLOS 1982. Đây là "vũ khí pháp lý" để Ấn Độ đối trọng với những yêu sách đơn phương trên biển.

Công nghệ và Chuỗi cung ứng: Thông qua QUAD, Ấn Độ định vị mình là một trung tâm sản xuất thay thế (China Plus One), tập trung vào các công nghệ nhạy cảm và chuỗi cung ứng chất bán dẫn bền vững, nhằm giảm sự tổn thương chiến lược.

Cân bằng mềm (Soft Balancing): Thay vì đối đầu trực diện quân sự, Ấn Độ dùng QUAD để tạo ra một mạng lưới răn đe đa diện, khiến các quốc gia khác có thêm lựa chọn thay vì chỉ dựa vào tầm ảnh hưởng của Trung Quốc.

### **(ii) Các cơ chế ASEAN-led**

Ấn Độ coi ASEAN là "trái tim" của Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Việc tham gia sâu vào các cơ chế này giúp Ấn Độ khẳng định mình là một cường quốc có trách nhiệm và tôn trọng đa phương. Thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực. Sự gắn kết với các cơ chế do ASEAN dẫn dắt (ASEAN-led). Ấn Độ tham gia: EAS (Hội nghị Cấp cao Đông Á), ARF (Diễn đàn Khu vực ASEAN), ADMM+.

- EAS, ARF và ADMM+: Đây là các diễn đàn để Ấn Độ thúc đẩy ngoại giao phòng ngừa và xây dựng lòng tin. Tại ADMM+, Ấn Độ thường xuyên đóng góp tích cực trong các lĩnh vực như hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa (HADR) và y học quân sự.

- Vai trò trung tâm của ASEAN: Ấn Độ hiểu rằng nếu không có ASEAN, khu vực sẽ rơi vào tình thế lưỡng cực (Mỹ - Trung). Do đó, New Delhi luôn ủng hộ sự tự chủ chiến lược của ASEAN để duy trì một cấu trúc khu vực mở và bao trùm.

Vai trò của Ấn Độ hiện nay mang tính "Đa dạng hóa và Tự chủ". Bằng cách đan xen các mối quan hệ từ đa phương (QUAD, ASEAN) đến song phương (Việt Nam, Pháp), Ấn Độ đã thành công trong việc: Ngăn chặn sự hình thành của một trật tự đơn cực tại khu vực; Tạo ra một hệ sinh thái an ninh nơi các cường quốc trung bình và nhỏ có thể hợp tác mà không phải chọn bên; Tự định vị mình là "Cầu nối" giữa phương Bắc và phương Nam toàn cầu.

### **(iii) Hợp tác song phương – tam giác**

Mạng lưới hợp tác song phương và tam giác thể hiện sự linh hoạt nhất trong chính sách đối ngoại "đa liên kết" (multi-alignment) của Ấn Độ. Tăng cường quan hệ quốc phòng với: Việt Nam (đào tạo, chuyên giao quốc phòng, hợp tác biển); Nhật Bản, Australia (tập trận Malabar); Pháp (hiện diện tại Ấn Độ Dương). Ấn Độ góp phần đa dạng hóa mạng lưới an ninh, giảm phụ thuộc vào một cường quốc đơn lẻ. Với Việt Nam: Mỗi quan hệ này đã nâng cấp lên Đối tác Chiến lược Toàn diện. Ấn Độ không chỉ cung cấp các gói tín dụng quốc phòng mà còn chuyên giao tàu tuần tra, đào tạo phi công Su-30 và thủy thủ tàu ngầm cho Việt Nam, thể hiện sự hỗ trợ thực chất cho năng lực tự vệ của quốc gia ven biển.

Nhật Bản và Australia: Việc nâng cấp tập trận Malabar lên mức thường niên giữa 4 nước (cùng với Mỹ) đã tạo ra khả năng hiệp đồng tác chiến cao ở những vùng biển trọng yếu.

Pháp: Pháp là cường quốc duy nhất ở châu Âu có lãnh thổ và căn cứ quân sự tại Ấn Độ Dương. Sự phối hợp giữa Ấn Độ và Pháp tạo nên một trục an ninh vững chắc phía Tây và Nam Ấn Độ Dương.

- **Chiến lược "Cân bằng vùng" (Zone Balancing):** Thay vì đối đầu trực diện, Ấn Độ nâng cao năng lực tự cường của các quốc gia thứ ba (như Việt Nam, Philippines, Indonesia) thông qua chuyên giao công nghệ và hỗ trợ quốc phòng, giúp họ giảm sự phụ thuộc và tăng khả năng răn đe.

- **Học thuyết NWNP:** Học thuyết Hàng hải 2025 (IMD-25) giới thiệu khái niệm "Không Chiến – Không Hòa" (NWNP) để đối phó với các hoạt động vùng xám (Grey Zone Operations) và sự quyết liệt ngày càng tăng tại Biển Đông và IOR.

### **3. Vai trò trong thể chế hóa và quản trị khu vực**

Ấn Độ có vai trò trong thể chế hóa và quản trị khu vực. Tuy Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương là một khu vực địa lý từ lâu đời, nhưng cấu trúc an ninh, chiến lược của khu vực chỉ mới được bắt đầu hình thành và đang trong quá trình xây dựng cấu trúc quản trị hợp lý. Ấn Độ nỗ lực tham gia vào quá trình này với những định hướng về việc thiết lập thể chế trong khu vực với trọng tâm chính là đảm bảo ranh

giới trên biển, tôn trọng chủ quyền quốc gia và luật pháp quốc tế, tự do và bình đẳng.

Ấn Độ đang nỗ lực chuyên hóa ảnh hưởng của mình vào các thể chế đa phương để định hình các chuẩn mực quản trị khu vực.

- **Chủ tịch IORA (2025–2026):** Trên cương vị Chủ tịch Hiệp hội Vành đai Ấn Độ Dương, Ấn Độ ưu tiên thúc đẩy "Kinh tế xanh" (Blue Economy), quản lý nghề cá bền vững và an ninh hàng hải bao trùm.

IORA là tổ chức đa phương duy nhất bao phủ toàn bộ khu vực địa lý Ấn Độ Dương.

Với tư cách Chủ tịch, Ấn Độ tập trung vào các ưu tiên:

- **Kinh tế Biển Xanh (Blue Economy):** Thúc đẩy các tiêu chuẩn về khai thác tài nguyên biển bền vững, chống đánh bắt cá bất hợp pháp (IUU). Đây là cách Ấn Độ thiết lập luật chơi để bảo vệ nguồn lợi chung trước các đội tàu xa bờ của các cường quốc ngoài khu vực.

- **An toàn và An ninh Hàng hải:** Củng cố cơ chế chia sẻ thông tin hàng hải. Ấn Độ đang hướng tới việc biến Trung tâm Thông tin Khu vực (IFC-IOR) tại Gurugram thành "bộ não" dữ liệu cho toàn bộ các nước thành viên IORA.

- **Quản trị rủi ro thiên tai:** Thiết lập các chuẩn mực chung về ứng phó biến đổi khí hậu, vốn là mối đe dọa sinh tồn đối với các quốc gia đảo nhỏ trong hiệp hội.

- **ASEAN là hạt nhân:**

Ấn Độ luôn khẳng định vai trò trung tâm của ASEAN là nền tảng của cấu trúc khu vực. Việc nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện (CSP) và kế hoạch hành động 2026–2030 cho thấy cam kết của New Delhi trong việc gắn kết an ninh của mình với sự ổn định của Đông Nam Á. Ấn Độ không xây dựng một cấu trúc thay thế, mà nỗ lực "nhúng" các sáng kiến của mình vào hệ sinh thái của ASEAN để tạo sự đồng thuận.

- **Hòa hợp giữa AOIP và IPOI:** Ấn Độ đã nỗ lực kết nối Tầm nhìn ASEAN về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (AOIP) với Sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPOI) của riêng mình. Điều này giúp tạo ra một bộ quy tắc ứng xử chung, nhấn mạnh vào tính bao trùm và thượng tôn pháp luật.

- Hợp tác thực chất thay vì lý thuyết: Thông qua các cuộc diễn tập hàng hải ASEAN - Ấn Độ (AIME), New Delhi chứng minh rằng họ là đối tác tin cậy nhất trong việc hỗ trợ ASEAN duy trì quyền tự chủ chiến lược, giúp các nước thành viên giảm bớt áp lực phải chọn bên trong cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung.

• **Tiếng nói của Nam Bán cầu:** Thông qua các diễn đàn như FIPIIC (với các đảo quốc Thái Bình Dương), Ấn Độ đại diện cho lợi ích của các nước đang phát triển trong các vấn đề an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu và an ninh lương thực. Đây là quân bài ngoại giao quan trọng nhất giúp Ấn Độ khác biệt hóa bản thân so với các cường quốc phương Tây hay Trung Quốc.

- Đại diện cho các quốc gia đang phát triển: Ấn Độ tự nhận vai trò "người phát ngôn" cho những quốc gia bị gạt ra lề trong các cuộc thảo luận về quản trị toàn cầu. Việc đưa Liên minh châu Phi (AU) trở thành thành viên thường trực của G20 dưới nhiệm kỳ chủ tịch của Ấn Độ là một minh chứng lịch sử.

- Định hình chuẩn mực quản trị mới: Thay vì các tiêu chuẩn khắt khe và đôi khi mang tính áp đặt của phương Tây, Ấn Độ thúc đẩy mô hình phát triển tập trung vào:

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật số công cộng (DPI): Chia sẻ công nghệ thanh toán và định danh số cho các nước nghèo.

- An ninh năng lượng và lương thực: Tập trung vào các giải pháp thực dụng, phù hợp với trình độ phát triển của các nước Nam Bán cầu.

- Xây dựng sự chính danh: Bằng cách đại diện cho số đông các nước đang phát triển, Ấn Độ tạo ra một "lá chắn đạo đức" và sự ủng hộ rộng rãi, từ đó có tiếng nói trọng lượng hơn khi đàm phán với các nước lớn.

#### **4. Vai trò “nhà cung cấp an ninh” trong khu vực**

Ấn Độ đóng vai trò như một “nhà cung cấp an ninh” trong khu vực. Ấn Độ tự gọi mình là “nhà cung cấp an ninh” và trên thực tế, Ấn Độ cũng đóng vai trò là chủ thể cung cấp an ninh cho các nước trong khu vực như Nepal, Bhutan, Myanmar, Indonesia, Bangladesh, Sri Lanka và Maldives. Với sức mạnh kinh tế và tiềm lực quân sự, Ấn Độ luôn công khai mục tiêu bảo đảm hòa bình và ổn định trong khu

vực, đồng thời khẳng định nguyện vọng và sẵn sàng trở thành “đối tác an ninh đáng tin cậy” đối với các nước trong khu vực để đảm bảo sự ổn định ở Châu Á. Ấn Độ đã chuyển đổi narrative từ "Người cung cấp an ninh ròng" sang "Đối tác an ninh ưu tiên" (Preferred Security Partner - PSP), nhấn mạnh tính hợp tác và tự nguyện.

- **Ngoại giao vũ khí và răn đe:** Việc xuất khẩu tên lửa BrahMos sang Philippines (2024) và các thỏa thuận đang hoàn tất với Việt Nam, Indonesia (2025) trị giá hàng trăm triệu USD đã biến Ấn Độ thành một nhà cung cấp vũ khí chiến lược thay thế. Điều này giúp các đối tác xây dựng năng lực A2/AD (Chống tiếp cận/Chống xâm nhập).
- **Quốc gia phản ứng đầu tiên:** Với khả năng HADR (cứu trợ thảm họa) vượt trội, Ấn Độ là nước đầu tiên có mặt trong các cuộc khủng hoảng, như Chiến dịch Sadbhav (2024) hay thảm họa thiên tai tại Myanmar và Sri Lanka năm 2025.
- **Hỗ trợ năng lực thực chất:** Ấn Độ không chỉ bán vũ khí mà còn tặng tàu hộ tống (INS Kirpan cho Việt Nam), đào tạo phi công Su-30 và thủy thủ tàu ngầm cho các nước đối tác.

## 5. Vai trò đảm bảo an ninh hàng hải

Ấn Độ là quốc gia có vai trò quan trọng trong đảm bảo an ninh hàng hải tại khu vực. Ấn Độ luôn tuyên bố mục tiêu giữ cho các tuyến đường biển trong khu vực này luôn rộng mở. Sự hiện diện của Hải Quân Ấn Độ trên các vùng biển và các cuộc tập trận đa phương với các quốc gia ở Thái Bình Dương và các quốc đảo ở Ấn Độ Dương góp phần đảm bảo an ninh hàng hải tại khu vực, nhất là trong việc chống cướp biển, ứng phó với thiên tai và hỗ trợ nhân đạo.

Đây là vai trò nền tảng, nơi Hải quân Ấn Độ thực thi các cam kết để bảo vệ tự do hàng hải và các tuyến đường biển huyết mạch (SLOCs).

- **Nhận thức miền biển (MDA) toàn diện:** Thông qua Trung tâm Fusion (IFC-IOR), Ấn Độ trở thành đầu mối chia sẻ thông tin về an toàn hàng hải, chống cướp biển và đánh bắt cá bất hợp pháp cho hơn 20 quốc gia đối tác.
- **Bảo vệ hạ tầng trọng yếu dưới đáy biển (CUI):** Nhận thức được tầm quan trọng của cáp quang và đường ống năng lượng, Ấn Độ đã tiên phong đề

xuất các khuôn khổ bảo vệ CUI tại khu vực Ấn Độ Dương, lấy cảm hứng từ mô hình "Baltic Sentry" của NATO.

- **Hợp tác "resident power"**: Ấn Độ phối hợp chặt chẽ với các cường quốc có lãnh thổ tại khu vực như Pháp (qua các đảo Mayotte, Réunion) và Australia để tuần tra chung và giám sát các hoạt động ngầm dưới mặt biển (UDA).

Vai trò	Cơ chế thực thi trọng tâm	Tầm nhìn chiến lược
<b>Định hình cấu trúc</b>	IPOI, MAHASAGAR	Một trật tự đa cực, mở và bao trùm.
<b>Cân bằng quyền lực</b>	Quad, IMD-25 (NWNP)	Ngăn chặn bá quyền, duy trì tự chủ chiến lược.
<b>Quản trị khu vực</b>	IORA Chair (2025), ASEAN CSP	Thể chế hóa các quy tắc dựa trên luật pháp.
<b>Cung cấp an ninh</b>	BrahMos, PSP, HADR	Trở thành đối tác quốc phòng được tin cậy nhất.
<b>An ninh hàng hải</b>	IFC-IOR, Bảo vệ CUI	Đảm bảo an toàn SLOCs và hạ tầng số.

Như vậy, có thể thấy rằng, qua 5 vai trò này, Ấn Độ đang khẳng định vị thế của một cường quốc có trách nhiệm, không tìm cách thay thế một bá quyền bằng một bá quyền khác, mà nỗ lực xây dựng một hệ sinh thái an ninh nơi sự hợp tác và tôn trọng chủ quyền được đặt lên hàng đầu. Ấn Độ đã khẳng định vị thế của một cường quốc dẫn dắt tại khu vực Ấn Độ Dương bằng một chiến lược toàn diện: vững chãi trong quân sự qua QUAD, linh hoạt trong ngoại giao qua ASEAN, và uy tín trong quản trị toàn cầu qua vai trò đại diện Nam Bán cầu. Việc chuyển hóa sức mạnh tổng hợp thành các chuẩn mực quốc tế không chỉ giúp New Delhi kiềm tỏa các thách thức an ninh truyền thống mà còn định hình nên một trật tự khu vực đa cực, bao trùm. Trong một thế giới đầy biến động, một Ấn Độ tự cường và chủ động gắn kết chính là nhân tố then chốt để đảm bảo Ấn Độ Dương luôn là vùng biển của hòa bình và hợp tác.

# CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG HƯỚNG ĐÔNG CỦA ẤN ĐỘ VÀ HỢP TÁC ẤN ĐỘ - ASEAN

PGS.TS. Trần Ngọc Dũng

## Tóm tắt:

Bài viết nhìn lại hơn 10 năm Ấn Độ thực hiện chính sách Hành động hướng Đông (Act East Policy – AEP 2014) để đánh giá việc những kết quả đạt được của chiến lược này. Đặc biệt, khi Ấn Độ coi ASEAN là hạt nhân và trụ cột trong hệ thống chiến lược của mình, việc nhìn nhận và đánh giá quan hệ Ấn Độ - ASEAN trong hơn 10 năm qua (2014-2025) có ý nghĩa quan trọng để hiểu về tính hiệu quả trong hợp tác song phương, nhất là trong bối cảnh gia tăng cạnh tranh chiến lược và ASEAN là trung tâm tranh giành ảnh hưởng của các cường quốc trong khu vực.

**Từ khóa:** hành động hướng đông, vai trò của ASEAN, quan hệ Ấn Độ - ASEAN.

## 1. Chính sách hành động hướng đông của Ấn Độ

Chính sách Hành động hướng Đông (Act East Policy - AEP) được Thủ tướng Narendra Modi chính thức công bố tại Hội nghị Thượng đỉnh Ấn Độ - ASEAN lần thứ 12 tại Myanmar vào tháng 11 năm 2014. Ông phát biểu rằng “một thời đại của phát triển kinh tế công nghiệp hóa và thương mại đang bắt đầu ở Ấn Độ. Chính sách hướng đông của Ấn Độ nay sẽ là chính sách hành động phía đông.”<sup>1</sup> Trước đó, tháng 8/2014, Bộ trưởng các vấn đề đối ngoại Ấn Độ, bà Sushma Swaraj nói rằng “bây giờ là thời điểm để hành động chứ không chỉ nhìn về phía đông. Dưới chính quyền Modi, chúng tôi sẽ thực hiện chính sách mới”.<sup>2</sup> Mục tiêu của Ấn Độ khi công bố AEP là trở thành cường quốc dẫn đầu khu vực với những xung

---

<sup>1</sup> S.D. Muni & R. Mishra (eds.), *India's Eastward Engagement: from antiquity to Act East Policy*, New Delhi, 2019, p. 197.

<sup>2</sup> Business Standard, “Time for Act East Policy and Not Just Look East: Swaraj”, [http://www.business-standard.com/article/pri-stories/time-for-act-east-policy-and-not-just-look-east-swaraj-114082400624\\_1.html](http://www.business-standard.com/article/pri-stories/time-for-act-east-policy-and-not-just-look-east-swaraj-114082400624_1.html), ngày 24/8/2014.

lực mới.<sup>1</sup> Sự ra đời của chính sách này là một bước chuyển đổi mang tính mô thức (paradigm shift) từ chính sách hướng đông (Look East Policy - LEP) vốn đã định hình từ năm 1991.

Mục tiêu của AEP không chỉ dừng lại ở việc hội nhập kinh tế như LEP mà đã mở rộng đáng kể sang các khía cạnh chiến lược, chính trị và an ninh. Các mục tiêu cốt lõi bao gồm: 1) Thúc đẩy phát triển kinh tế thông qua tăng cường thương mại, đầu tư và kết nối hạ tầng, đặc biệt là ưu tiên phát triển các bang vùng Đông Bắc Ấn Độ như một cửa ngõ vào Đông Nam Á; 2) Tăng cường vai trò chiến lược, nâng cao vị thế của Ấn Độ như một "lực lượng cân bằng" tại khu vực nhằm đối phó với sự trỗi dậy quyết đoán của Trung Quốc; 3) Thúc đẩy "Kết nối, Thương mại và Văn hóa" - ba trụ cột chính nhằm hội nhập sâu rộng hơn với khu vực. Trong AEP, Ấn Độ đã mở rộng phạm vi địa lý ảnh hưởng, từ Đông Nam Á lan tỏa sang toàn bộ khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, bao gồm cả Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và các đảo quốc Thái Bình Dương thông qua nỗ lực tăng cường cả quan hệ song phương và đa phương với các quốc gia trong khu vực. Sự chuyển đổi từ LEP sang AEP là chuyển từ can dự mang tính chính trị ở Đông Nam Á sang cách tiếp cận chủ động và hướng tới kết quả cụ thể hơn.

## **2. Vai trò, vị trí của ASEAN trong AEP**

Trong cấu trúc của AEP, ASEAN được xác định là hạt nhân, là nội dung chính sách chính, là trụ cột (anchor) không thể thay thế, là trung tâm, trái tim,<sup>2</sup> hay trục xoay (linchpin) để giúp Ấn Độ đạt được các tham vọng rộng lớn hơn tại khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.<sup>3</sup> Vai trò đó được thể hiện ở nhiều khía cạnh

---

<sup>1</sup> Ministry of External Affairs, Government of India, "IISS Fullerton Lecture by Dr. S. Jaishankar, Foreign Secretary in Singapore", 20 July 2015.

<sup>2</sup> S. Sundararaman, "India-ASEAN relations: acting East in the Indo-Pacific", *International Studies*, 54, nos.1-4, 2018, pp. 62-81; The Statemman, "ASEAN is central pillar of India's Act East Policy: Sitharaman", 24 October 2017; Ministry of External Affairs, Government of India, "Keynote address by External Affairs Minister at the Delhi Dialogue IX (Charting the Course for India-ASEAN relations for the next 25 years), 4 July 2017; R. Mukherjee, "Looking West, acting East: India's Indo-Pacific Strategy", *Southeast Asian Affairs*, 2019, p. 47.

<sup>3</sup> Premesha Saha, Prioritizing the "ASEAN" in India's Act East Policy and Minilateral Partnerships, Asis Society, <https://asiasociety.org/australia/prioritizing-asean-indias-act-east-policy-and-minilateral-partnerships>, 5/9/2025.

khác nhau, trong đó tiêu biểu nhất là việc chiến lược của Ấn Độ công nhận vai trò trung tâm của ASEAN là nền tảng thể chế của cấu trúc khu vực, và Ấn Độ kiên trì ủng hộ “vai trò trung tâm của ASEAN” (ASEAN centrality) trong các cơ chế hợp tác khu vực.<sup>1</sup> Ấn Độ đã tham gia tích cực vào các cơ chế đa phương đa tầng do ASEAN sáng lập và dẫn dắt như: hội nghị cấp cao ASEAN-Ấn Độ, Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS), Hội nghị Bộ trưởng quốc phòng các nước ASEAN mở rộng (ADMM+). Ngay sau khi thông qua AEP, năm 2015, Ấn Độ cũng đã thiết lập phái đoàn riêng biệt tại ASEAN và cử đại sứ thường trực tại Jakarta để tăng cường hợp tác, hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược trong khu vực.

Mối quan hệ với ASEAN có ý nghĩa đa chiều đối với Ấn Độ. Về lịch sử, Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á có sự gắn kết lâu dài cả về kinh tế, văn hóa và chính trị.<sup>2</sup> Về địa chính trị, ASEAN là cầu nối giúp Ấn Độ vươn ra xa hơn về phía Đông, thoát khỏi những rào cản địa lý truyền thống tại Nam Á, nhất là trong bối cảnh Ấn Độ đưa ra Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương (IPOI) và ASEAN có tầm nhìn về Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, thúc đẩy việc hợp tác vì hòa bình, ổn định và thịnh vượng trong một khu vực rộng lớn. Cả Ấn Độ và ASEAN đều tập trung vào hợp tác hàng hải, kết nối, các mục tiêu phát triển bền vững và hợp tác kinh tế. Trong đó, ASEAN là nền tảng để Ấn Độ xây dựng và phát triển chiến lược IPOI. Ấn Độ coi Biển Đông là cửa ngõ phía Đông quan trọng, nơi an ninh và tự do hàng hải là lợi ích cốt lõi không thể tách rời và do đó, nhu cầu hợp tác với các quốc gia ASEAN là vô cùng thiết yếu đối với an ninh và phát triển của Ấn Độ trong khu vực. Về an ninh, ASEAN đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì cấu trúc khu vực mở và bao trùm, giúp Ấn Độ đối trọng với các tham vọng bá quyền tại châu Á, tiêu biểu là ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc trong

---

<sup>1</sup> Shantanu Roy-Chaudhury, From ‘Look East’ to ‘Act East’: Mapping India’s Southeast Asian Engagement, Observer Research Foundation, Issue Brief No. 800, May 2025, p. 3.

<sup>2</sup> Võ Xuân Vinh, Cạnh tranh chiến lược Ấn Độ - Trung Quốc ở Đông Nam Á, NXB Thế giới, Hà Nội, 2021, tr. 39-43.

khu vực.<sup>1</sup> Quan hệ tốt đẹp với ASEAN cũng giúp Ấn Độ khẳng định được vị thế cường quốc khu vực, kiểm soát các tuyến đường hàng hải (SLOCs) quan trọng như eo Malacca và biển Đông nhằm gia tăng đòn bẩy kinh tế và quân sự trong cạnh tranh chiến lược nước lớn. Đồng thời, các quốc gia ASEAN cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ kết nối, phát triển vùng Đông Bắc Ấn Độ, đặc biệt trong việc chống nội dậy và khủng bố tại các bang vùng biên này.<sup>2</sup> Về kinh tế, ASEAN cùng với các nền kinh tế trong khu vực Đông Á được nhìn nhận như là động lực tương lai cho Ấn Độ trong việc thiết lập quan hệ và thúc đẩy cải cách kinh tế, một tiềm năng lớn để giúp Ấn Độ hội nhập kinh tế toàn cầu.<sup>3</sup> Năm 2018, Thủ tướng Modi phát biểu rằng “Tương lai của Đông Á và khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương gắn liền với vận mệnh chung của Ấn Độ - ASEAN. Trong khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, quan hệ đối tác Ấn Độ - ASEAN sẽ đóng vai trò mang tính quyết định”.<sup>4</sup> Phát biểu trên không chỉ nhấn mạnh tầm quan trọng của ASEAN trong khu vực mà còn khẳng định mong muốn của Ấn Độ trong thúc đẩy và nâng tầm quan hệ Ấn Độ - ASEAN để đóng góp nhiều hơn trong hòa bình và phát triển khu vực.

Trong giai đoạn nhiệm kỳ Modi 3.0 (từ tháng 6/2024 đến nay), Ấn Độ đã có chia các quốc gia ASEAN thành những nhóm khác nhau trong định hướng quan hệ để thể hiện tính gắn kết chiến lược cao hơn, chiều sâu thể chế hơn và có tính toàn diện trong khu vực rõ rệt hơn. Nhóm 1 là các đối tác hàng hải (Việt Nam, Philippines, Indonesia) hướng tới hợp tác biển, an ninh hàng hải. Nhóm 2 là các quốc gia cửa ngõ để thâm nhập sâu vào thị trường ASEAN (Singapore, Malaysia, Brunei) với các mảng kinh tế, tài chính và công nghệ số. Nhóm 3 là các quốc gia

---

<sup>1</sup> Trần Ngọc Dũng, Nguyễn Duy Thái, “Sự thay đổi chiến lược của Ấn Độ tại Đông Nam Á trong thế cạnh tranh với Trung Quốc sau Chiến tranh Lạnh”, Tạp chí nghiên cứu nước ngoài, tập 39, số 1/2023, tr.59-76.

<sup>2</sup> Simran Kumari, “Understanding The Key Dimensions Of Asean-India Strategic Partnership”, International Journal of Creative Research thoughts, 13, 2025, p. e360.

<sup>3</sup> Masotwung Ngalung, “India’s Act East Policy: Engagement with ASEAN”, Electric Journal of Social and Strategic Studies, 3, 2022, p. 179.

<sup>4</sup> Chí Thành, “Đông Nam Á trong chiến lược của Ấn Độ”, Tạp chí Cộng sản online, [https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-binh-luan/-/asset\\_publisher/DLIYi5AJyFzY/content/dong-nam-a-trong-chien-luoc-cua-an-do](https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-binh-luan/-/asset_publisher/DLIYi5AJyFzY/content/dong-nam-a-trong-chien-luoc-cua-an-do), ngày 24/5/2021.

thuộc khu Đông Nam Á lục địa (Myanmar, Thái Lan, Campuchia, Lào) nhằm tăng cường kết nối đường bộ và giải quyết những thách thức an ninh biên giới.<sup>1</sup>

### **3. Quan hệ Ấn Độ - ASEAN từ sau khi AEP được triển khai**

Dưới tác động trực tiếp của AEP và Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, trong hơn 10 năm qua (2014 – 2025), quan hệ giữa Ấn Độ và ASEAN đã có thêm năng lượng, định hướng và động lực mới trong bối cảnh chung là gia tăng cạnh tranh chiến lược và sự phân mảnh của cả yếu tố chính trị và kinh tế toàn cầu.<sup>2</sup> Quan hệ song phương đã có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ hợp tác kinh tế thuần túy sang các quan hệ đối tác chiến lược toàn diện và có nhiều hướng hợp tác mới, bao gồm an ninh hàng hải, không gian mạng và công nghệ số.<sup>3</sup>

#### **3.1 Chính trị - ngoại giao**

Giai đoạn từ 2014 đến nay chứng kiến sự thăng hoa trong quan hệ ngoại giao. Đáng chú ý nhất là việc nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện (CSP) vào năm 2022 nhân kỷ niệm 30 năm quan hệ đối thoại. Có thể thấy, quan hệ chính trị Ấn Độ - ASEAN có sự phát triển khá tuần tự, từ Đối tác đối thoại (1996) lên Đối tác cấp hội nghị thượng đỉnh (2002), Đối tác chiến lược (2012) và hiện là Đối tác Chiến lược Toàn diện (2022). Sự phát triển ổn định của mối quan hệ này cho thấy sự coi trọng của cả hai phía đối với nhau, góp phần vào thành công chung của quan hệ, chính sách AEP của Ấn Độ nói riêng.

Minh chứng cho thành công trong hợp tác chính trị là sự thường xuyên của các chuyến thăm cấp cao. Từ đến cuối 2018, Thủ tướng Modi đã thực hiện 25 chuyến thăm đến các nước ASEAN.<sup>4</sup> Đặc biệt vào năm 2018, lần đầu tiên cả 10 lãnh đạo ASEAN đã tham dự lễ diễu hành Ngày Cộng hòa của Ấn Độ với tư cách khách

---

<sup>1</sup> Shantanu Roy-Chaudhury, From 'Look East' to 'Act East': Mapping India's Southeast Asian Engagement, Observer Research Foundation, Issue Brief No. 800, May 2025, pp. 13-15.

<sup>2</sup> Premesha Saha, Prioritizing the "ASEAN" in India's Act East Policy and Minilateral Partnerships, Asis Society, <https://asisociety.org/australia/prioritizing-asean-indias-act-east-policy-and-minilateral-partnerships>, 5/9/2025.

<sup>3</sup> Shantanu Roy-Chaudhury, From 'Look East' to 'Act East': Mapping India's Southeast Asian Engagement, Observer Research Foundation, Issue Brief No. 800, May 2025.

<sup>4</sup> S.D. Muni & R. Mishra (eds.), *India's Eastward Engagement: from antiquity to Act East Policy*, New Delhi, 2019, p. 209

mời danh dự. Bên cạnh đó, hai bên cũng duy trì hơn 30 cơ chế đối thoại khác nhau từ hội nghị cấp cao đến cấp Bộ trưởng trên nhiều lĩnh vực hợp tác cụ thể.<sup>1</sup> Tại hội nghị thượng đỉnh kỷ niệm 25 năm thiết lập quan hệ (2019), hai bên đã thông qua Tuyên bố Delhi, vạch ra hướng đi tương lai của việc nâng cấp quan hệ. Từ 2018 đến nay, các hội nghị cấp cao Ấn Độ - ASEAN liên tục được tổ chức và năm 2023 đã thông qua Tuyên bố chung về tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình, ổn định và thịnh vượng trong khu vực trong bối cảnh AOIP với sự hỗ trợ của AEP từ Ấn Độ. Tại Đối thoại Chiến lược tại Kuala Lumpur tháng 10/2025, Thủ tướng Modi đã tham gia và phát biểu với những cam kết mạnh mẽ về tăng cường quan hệ chiến lược.

Cùng với hội nghị thượng đỉnh Ấn Độ - ASEAN được tổ chức gần như thường niên (trừ năm 2018) cùng với các hội nghị cấp Bộ trưởng các ngành ngoại giao, thương mại, du lịch, nông nghiệp, năng lượng,... để cụ thể hóa chiến lược hợp tác được các lãnh đạo hai bên thông qua. Hai bên cũng đã thông qua được các Kế hoạch hành động giai đoạn 2016-2020, 2021-2025 và hội nghị cấp cao lần thứ 22 (2025) tại Malaysia đã thông qua Kế hoạch hành động đối tác chiến lược toàn diện ASEAN-Ấn Độ 2026-2030.<sup>2</sup>

### ***3.2 An ninh – Quốc phòng***

Để hiện thực hóa tầm quan trọng của ASEAN và hợp tác song phương trong vấn đề an ninh, Ấn Độ khuyến khích các nước Đông Nam Á tham gia các hoạt động đào tạo sĩ quan, huấn luyện chung, diễn tập cũng như ký kết nhiều hiệp định, biên bản ghi nhớ về an ninh quốc phòng. Hợp tác an ninh quốc phòng Ấn Độ - ASEAN đã chuyển từ “biểu trưng sang thực chất” và được coi là khía cạnh hợp tác nổi bật nhất trong thời gian hiện nay. Việc hợp tác này được thể hiện cụ thể qua 3 mảng lớn là: 1) an ninh hàng hải, 2) công nghiệp quốc phòng, 3) tập trận quân sự.

---

<sup>1</sup> Masotwung Ngalung, “India’s Act East Policy: Engagement with ASEAN”, *Electric Journal of Social and Strategic Studies*, 3, 2022, p. 176.

<sup>2</sup> Chairman’s Statement of the 22<sup>nd</sup> ASEAN-India Summit, 20/10/2025, p. 1, <https://asean.org/wp-content/uploads/2025/11/CHAIRMAN-S-STATEMENT-22ND-ASEAN-INDIA-SUMMIT.pdf>.

Hợp tác an ninh hàng hải là chủ đề nổi bật trong hợp tác của Ấn Độ với Đông Nam Á, phản ánh cả những yêu cầu về địa lý và các ưu tiên chiến lược của quốc gia này.<sup>1</sup> Tại hội nghị thượng đỉnh Ấn Độ - ASEAN lần thứ 20 (2023), hai bên đã thông qua Tuyên bố chung về Hợp tác hàng hải. Các cuộc đối thoại hàng hải mới được thiết lập với Philippines và Việt Nam không chỉ dừng lại ở giao lưu hải quân mà còn mở rộng sang quản trị biển, chống đánh bắt cá bất hợp pháp và bảo vệ môi trường. Ấn Độ và các thành viên ASEAN đã xây dựng nhiều cơ chế khu vực mới để nâng cao hợp tác; gia tăng tập trận hải quân cũng như nâng cao năng lực hàng hải của các đối tác. Năm 2026 đã được hai bên xác định là năm của hợp tác hàng hải do tính quan trọng, cấp thiết của vấn đề này hiện nay.<sup>2</sup>

Hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng cũng từng bước có sự chuyển đổi từ quan hệ mua – bán sang cùng phát triển, tiêu biểu như trường hợp năm 2024 khi Ấn Độ sẵn sàng chia sẻ công nghệ thiết bị quốc phòng với Philippines.<sup>3</sup> Ấn Độ cũng định vị là nhà cung cấp vũ khí tin cậy cho Đông Nam Á với hàng loạt hợp đồng được triển khai. Ví dụ, năm 2022 Ấn Độ ký thỏa thuận trị giá 375 triệu USD xuất khẩu tên lửa BrahMos cho Philippines; bán 12 tàu tuần tra cao tốc cho Việt Nam trị giá 100 triệu USD (2021), hợp đồng trị giá 5.990 crore Rupee bán tên lửa BrahMos cho Việt Nam (2025); là một trong 5 nhà cung cấp vũ khí hàng đầu cho Myanmar.<sup>4</sup>

Trong mảng huấn luyện, Ấn Độ đã cung cấp các khóa đào tạo chuyên nghiệp cho quân đội các nước như Campuchia (rà phá bom mìn), Lào (tiếng Anh và chiến thuật cơ bản), và Malaysia (vận hành máy bay Su-30 MKM), Việt Nam (đào tạo

---

<sup>1</sup> Shantanu Roy-Chaudhury, From ‘Look East’ to ‘Act East’: Mapping India’s Southeast Asian Engagement, Observer Research Foundation, Issue Brief No. 800, May 2025, p. 9.

<sup>2</sup> Shikha, A Year of ASEAN Summits: ASEAN-India Engagement and the Indo-Pacific Roadmap, <https://diplomatist.com/a-year-of-asean-summits-asean-india-engagements-and-the-indo-paci%EAC%81c-roadmap/>, ngày 25/12/2025.

<sup>3</sup> Ministry of Defence, 5<sup>th</sup> India-Philippines Joint Defence Cooperation Committee meeting held in Manila, <https://www.pib.gov.in/PressReleasePage.aspx?PRID=2053803&reg=3&lang=2>, ngày 11/9/2024.

<sup>4</sup> Jane Merline Gónalves, “India’s Engagement with Southeast Asia: Evolving Contours of Defence Diplomacy”, Centre for National Security Studies, pp. 19- 20.

phi công lái máy bay Sukhoi và thủy thủ tàu ngầm) và cung cấp cơ sở huấn luyện cho quân đội Singapore.

Trong những năm gần đây, quan hệ quốc phòng song phương cũng có những bước thay đổi mạnh, mang tính thực chất khi hoạt động diễn tập quân sự được triển khai nhiều hơn. Có thể kể đến là AIME (Diễn tập Hàng hải ASEAN-Ấn Độ năm 2023 có sự tham gia của Singapore, Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan, Việt Nam), MILAN (diễn tập hàng đầu của Hải quân Ấn Độ từ thập niên 1990s, và từ 2021 có sự tham gia của Indonesia, Singapore, Thái Lan, Myanmar, Philippines, Brunei, Malaysia và Việt Nam), và các cuộc tuần tra chung (CORPAT) với Indonesia và Thái Lan.<sup>1</sup> Ngoài ra, Ấn Độ còn tổ chức tập trận lục quân với Myanmar (IMBAX 2017), với Thái Lan (Maitree 2017), với Indonesia (Garuda Shakti 2018), và Malaysia (Harimau Shakti 2018).<sup>2</sup>

Về an ninh phi truyền thống: Ấn Độ cũng tăng cường hợp tác với các thành viên ASEAN trong chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh mạng và cứu trợ nhân đạo (HADR). Một trong những ví dụ điển hình là việc Ấn Độ khẳng định vai trò “người phản ứng đầu tiên” qua Chiến dịch Brahma hỗ trợ Myanmar sau động đất năm 2025 với 52 tấn vật tư cứu trợ. Ấn Độ cũng thành lập các Nhóm công tác chung về chống khủng bố với Thái Lan, Indonesia, Malaysia và Philippines để đối phó với sự trỗi dậy của IS và các nhóm cực đoan. Với Singapore, Ấn Độ triển khai hợp tác qua Trung tâm chia sẻ thông tin ReCAAP, đồng thời cử sĩ quan liên lạc với Trung tâm hòa hợp thông tin (IFC) nhằm phối hợp chống nạn cướp biển.<sup>3</sup>

Trong lĩnh vực mới là an ninh mạng và công nghệ, Ấn Độ và ASEAN cũng có được những hợp tác về đối thoại chính sách, hạ tầng số và nghiên cứu vũ trụ.

---

<sup>1</sup> Jane Merline Gonalves, “India’s Engagement with Southeast Asia: Evolving Contours of Defence Diplomacy”, Centre for National Security Studies, pp. 14, 15, 25.

<sup>2</sup> Brig Vinod Anand, “India’s Defence Cooperation with South East Asian Countries: Need for Proactive and Substantive Action”, Vivekananda International Foundation, July 2019, pp. 12, 17, 21.

<sup>3</sup> Brig Vinod Anand, “India’s Defence Cooperation with South East Asian Countries: Need for Proactive and Substantive Action”, Vivekananda International Foundation, July 2019, p. 27.

Mảng hợp tác được quan tâm thúc đẩy là AI, quản trị dữ liệu và an ninh mạng. Từ 2019, Đối thoại Track 1.5 ASEAN-Ấn Độ về các vấn đề không gian mạng được triển khai để thảo luận về luật an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và chia sẻ hạ tầng kỹ thuật số công cộng.

### **3.3 Kinh tế**

Thương mại và đầu tư là động lực chính trong quan hệ Ấn Độ - ASEAN nhưng cũng đầy thách thức với cả những vấn đề nội tại của hai bên và ảnh hưởng từ những vấn đề liên quan đến đứt gãy chuỗi cung ứng, phân mảnh kinh tế toàn cầu, chiến tranh thương mại giữa các cường quốc.

Hai bên đã ký kết nhiều văn kiện để thúc đẩy hợp tác kinh tế trong giai đoạn này, như Hiệp định đầu tư ASEAN - Ấn Độ (AIIA), Hiệp định thương mại dịch vụ năm 2014. Bên cạnh đó là các sự kiện hỗ trợ hợp tác của khối tư nhân như thúc đẩy Hội đồng doanh nghiệp ASEAN-Ấn Độ (AIBC), Hội nghị thượng đỉnh AIBC, Triển lãm và Hội nghị thượng đỉnh ASEAN-Ấn Độ năm 2017, 2019; Tham vấn cấp Bộ trưởng kinh tế. Ngoài ra, Ấn Độ còn ký kết riêng những hiệp định thương mại với từng quốc gia ASEAN để thúc đẩy mạnh mẽ sự can dự kinh tế trong khu vực. Mới đây, ngày 30/3/2026, Hội nghị lần thứ 12 Ủy ban hỗn hợp AITIGA đã họp tại Indonesia để bàn về vấn đề nâng cấp Hiệp định AITIGA (hiệu lực năm 2010) theo hướng toàn diện, hiệu quả và phù hợp với điều kiện mới trong quan hệ giữa Ấn Độ và ASEAN.

Thương mại song phương Ấn Độ - ASEAN đã tăng mạnh từ 65 tỉ USD năm 2015 lên 131 tỉ USD năm 2022, tức gấp 2 lần trong vòng chưa đầy 10 năm.<sup>1</sup> Nhìn xa hơn về quá khứ, có thể thấy rằng quan hệ thương mại song phương đã có những bước đột phá mạnh mẽ, từ 2,9 tỉ USD (1993 lên 80 tỉ (2018), tức gấp 27,5 lần sau 25 năm.<sup>2</sup> Tuy nhiên, giai đoạn trước 2019 thì thương mại song phương vẫn

---

<sup>1</sup> Premesha Saha, Prioritizing the “ASEAN” in India’s Act East Policy and Minilateral Partnerships, Asis Society, <https://asiasociety.org/australia/prioritizing-asean-indias-act-east-policy-and-minilateral-partnerships>, 5/9/2025

<sup>2</sup> Chietigj Bajpae, “Reinvigorating India’s ‘Act East’ Policy in an age of renewed power politics”, The Pacific Review, 36, 2023, p. 637.

chưa đạt mức 100 tỉ USD và chỉ chiếm khoảng hơn 10% thương mại của Ấn Độ.<sup>1</sup> Chỉ từ năm tài khóa 2021-22 thương mại song phương mới vượt 100 tỉ USD, nhưng kim ngạch năm 2023-24 và 2024-25 lại giảm xuống còn 120 và 123 tỉ USD so với đỉnh cao 131 tỉ trước đó.<sup>2</sup> Giai đoạn 2022-2024, ASEAN là đối tác thương mại lớn thứ hai của Ấn Độ. Hiện nay, Ấn Độ là đối tác thương mại lớn thứ 6 trong số các Đối tác đối thoại của ASEAN.<sup>3</sup> Tuy nhiên, Ấn Độ vẫn xếp sau Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc trong thương mại với ASEAN. Đồng thời, việc New Delhi rút khỏi RCEP năm 2019 cũng là điểm trừ lớn đối với quan hệ thương mại đa phương giữa Ấn Độ với các nước ASEAN, khiến mức độ hội nhập và chia sẻ thương mại chưa cao. Như vậy, xét cả về so sánh lịch sử quan hệ lẫn so sánh với các đối tác khác của ASEAN thì Ấn Độ đang chưa đạt được kết quả lớn trong trao đổi thương mại với các nước Đông Nam Á. Điều đó có thể coi là điểm trừ lớn trong quan hệ song phương cũng như tính hiệu quả của AEP và IPOI của Ấn Độ trong cạnh tranh mở rộng ảnh hưởng trong khu vực.

Về đầu tư, từ năm 2000 đến 2019, FDI của Ấn Độ vào ASEAN là 91 tỉ, tổng giai đoạn 2000-2023 là 156 tỉ USD<sup>4</sup>, cho thấy sự gia tăng mạnh mẽ nguồn đầu tư của New Delhi vào Đông Nam Á trong mấy năm gần đây (65 tỉ). Ấn Độ hiện là nhà nơi cung cấp FDI lớn thứ 10 trong số đối tác ngoại khối, chiếm 1,46% FDI vào ASEAN. Tuy nhiên, vốn đầu tư chủ yếu vào Singapore (97%), còn các nước khác tổng là 3%: Malaysia là 986 triệu USD, Indonesia 629 triệu, Thái Lan 474 triệu, Philippines 312 triệu.<sup>5</sup> Điều này cho thấy tính không đồng đều trong nhận thức đầu tư của Ấn Độ, đồng thời cũng tạo ra những “vấn đề” trong chạy đua thu hút

---

<sup>1</sup> Karthik Nachiappan, “India-ASEAN Relations: Riding and Transcending the “Indo-Pacific” Wave”, *The Journal of Indian and Asian Studies*, 2, 2021, p. 3.

<sup>2</sup> Brief on India-ASEAN relations, 15/7/2025, <https://www.mea.gov.in/Portal/ForeignRelation/India-ASEAN-july-2025.pdf>, tr. 6.

<sup>3</sup> Overview ASEAN-India Comprehensive Strategic Partnership, October 2025, p. 4, <https://asean.org/wp-content/uploads/2025/10/Overview-ASEAN-India-as-of-October-2025-ERD3-cleared-1.pdf>.

<sup>4</sup> Brief on India-ASEAN relations, 15/7/2025, <https://www.mea.gov.in/Portal/ForeignRelation/India-ASEAN-july-2025.pdf>, tr. 6.

<sup>5</sup> D.K. Aggarwal, *India’s trade and investment opportunities with ASEAN Economies*, National Apex Chamber, 2019, p. 10.

FDI của các quốc gia ASEAN và tác động đến quan hệ song phương. Đồng thời, mức tăng trưởng đầu tư từ Ấn Độ vào ASEAN cũng không đều khi giảm 34,79%, từ 5,09 tỉ USD (2023 – chiếm 2,4% tổng FDI vào ASEAN) xuống còn 3,31 tỉ USD (2024 – nằm ngoài top 10 quốc gia hàng đầu đầu tư vào ASEAN).<sup>1</sup>

Về kết nối hạ tầng: các dự án chiến lược như Đường cao tốc ba bên Ấn Độ - Myanmar - Thái Lan và Dự án vận tải đa phương thức Kaladan vẫn đang được triển khai nhưng tiến độ còn chậm. Sự chậm trễ trong kết nối hạ tầng này gây ra nhiều tác động tiêu cực đến quan hệ Ấn Độ - ASEAN. Trước hết, các nước ASEAN chưa nhận thấy rõ tính hiện thực và hiệu quả trong sáng kiến hợp tác của Ấn Độ và đó là minh chứng cụ thể trong so sánh với việc mở rộng kết nối giao thông, hạ tầng của Trung Quốc trong khu vực. Thứ hai, việc thiếu kết nối do đó cũng khiến việc giao lưu thương mại, văn hóa gặp nhiều trở ngại, góp phần chung vào sự tăng trưởng chậm của thương mại song phương cũng như suy giảm một hướng chính trong chiến lược thúc đẩy hợp tác khu vực của Ấn Độ.

Về du lịch, Ấn Độ và ASEAN đã ký Biên bản ghi nhớ về tăng cường hợp tác du lịch năm 2012 và Nghị định thư sửa đổi năm 2013 để tạo cơ sở cho các hành động hợp tác cụ thể; đồng thời duy trì các hội nghị thường niên như Hội nghị Bộ trưởng Du lịch ASEAN - Ấn Độ để tìm kiếm các giải pháp thúc đẩy khách du lịch. Với những nỗ lực đó, năm 2018, có khoảng 4,67 triệu lượt khách du lịch Ấn Độ đến các nước ASEAN.<sup>2</sup> Sau giai đoạn suy giảm do Covid, năm 2023 số khách Ấn Độ đến ASEAN là 4,29 triệu người và năm 2024 là 5,88 triệu khách.<sup>3</sup> Tuy nhiên, lượng khách từ ASEAN đến Ấn Độ vẫn còn thấp so với tiềm năng và tổng lượng khách quốc tế của Ấn Độ: năm 2019 là 930.540 người, năm 2023 là 764.230 khách

---

<sup>1</sup> Overview ASEAN-India Comprehensive Strategic Partnership, October 2025, p. 4, <https://asean.org/wp-content/uploads/2025/10/Overview-ASEAN-India-as-of-October-2025-ERD3-cleared-1.pdf>; ASEAN, UNCTAD, *ASEAN Investment Report 2025: Foreign Direct Investment and Supply Chain Development*, Jakarta, 2025, p. 13.

<sup>2</sup> Sampa Kundu, “Promoting Tourism between ASEAN and India in Post-COVID”, AIC Commentary, 22, 2021, p. 2.

<sup>3</sup> Overview ASEAN-India Comprehensive Strategic Partnership, October 2025, p. 5, <https://asean.org/wp-content/uploads/2025/10/Overview-ASEAN-India-as-of-October-2025-ERD3-cleared-1.pdf>

và năm 2024 là 867.210 khách; trong đó chủ yếu là từ Malaysia, Singapore và Thái Lan.<sup>1</sup> Năm 2025, hai bên đã ra Tuyên bố chung về du lịch bền vững, xác định du lịch là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, tạo tác động đa chiều đến thương mại, đầu tư và tạo việc làm cho cộng đồng địa phương; và cũng là mô hình thúc đẩy kinh tế xanh, tuần hoàn và đảm bảo cân bằng sinh thái. Việc thúc đẩy hợp tác du lịch có thể coi là một cách thức để Ấn Độ tiến hành ngoại giao nhân dân, kết nối văn hóa và từ đó đóng góp vào đà tăng trưởng kinh tế của cả Ấn Độ và ASEAN. Tuy nhiên, việc kết nối hạ tầng vẫn đang gặp khó khăn do Ấn Độ chỉ có vài chuyến bay thẳng đến Malaysia, Myanmar, Thái Lan, Singapore nên cũng hạn chế nhiều về thu hút khách du lịch.

#### **4. Triển vọng quan hệ Ấn Độ - ASEAN thời gian tới**

Với sự coi trọng ASEAN trong các chiến lược, chính sách ngoại giao từ lịch sử đến nay, quan hệ Ấn Độ - ASEAN có nhiều điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phát triển trong thời gian tới. Một trong những yếu tố tích cực là sự tin cậy chính trị và nền tảng văn hóa, lịch sử lâu đời là chất xúc tác mạnh mẽ. Bên cạnh đó, cả hai bên đều có lợi ích chung trong việc duy trì một cấu trúc khu vực đa cực và dựa trên luật lệ nhằm khẳng định vai trò trong cấu trúc khu vực và duy trì sự ổn định, hòa bình trước xu thế trỗi dậy của cạnh tranh cường quyền. Cùng với đó, những thành tựu đã đạt được trong lịch sử quan hệ cũng tạo tiền đề và nền tảng cơ bản cho sự phát triển mới, nhất là khi hai bên đã thông qua kế hoạch hành động giai đoạn 2026-2030.

Dẫu vậy, quan hệ song phương Ấn Độ - ASEAN cũng gặp nhiều thách thức trong bối cảnh hiện nay bởi chính những vấn đề từ nội bộ mỗi quan hệ cũng như tác động từ bối cảnh khu vực và quốc tế. Đầu tiên, có thể nhắc đến vấn đề khoảng cách thực thi chính sách của Ấn Độ khi sự chậm trễ trong các dự án kết nối và các rào cản hành chính vẫn là điểm yếu. Ấn Độ thường đưa ra nhiều sáng kiến hợp tác nhưng thực tế triển khai vẫn còn nhiều điều cần bàn đến, khiến cho các quốc

---

<sup>1</sup> Ministry of Tourism, India Tourism data compendium 2025, New Delhi, 2025, p. 27.

gia Đông Nam Á không tránh khỏi góc nhìn đánh giá về tính thực chất trong hợp tác với Ấn Độ. Đồng thời, tốc độ cải cách kinh tế của Ấn Độ chưa tương xứng với khát vọng đối ngoại nên cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực thi AEP và nâng tầm quan hệ với ASEAN.<sup>1</sup> Trong quan hệ kinh tế cũng vấp phải những cản trở lớn như việc Ấn Độ rút khỏi RCEP vào năm 2019 tạo ra khoảng cách trong hội nhập kinh tế đa phương; hay sự mất cân bằng cấu trúc với các đặc điểm về mất cân bằng thương mại, thiếu sự kết nối hạ tầng phù hợp, và chưa có sự đồng đều trong dòng đầu tư (tập trung chính vào Singapore); sự tương đồng về dòng sản phẩm xuất nhập khẩu khiến kim ngạch thương mại không tăng nhiều, thiếu ổn định và không thể so sánh với các đối tác khác của ASEAN.

Bên cạnh các vấn đề nội bộ, cạnh tranh nước lớn, cụ thể là áp lực từ quan hệ Mỹ - Trung khiến ASEAN thận trọng trong các cam kết an ninh quá sâu với các bên thứ ba, dẫn đến quan hệ với Ấn Độ cũng sẽ chịu những tác động nhất định. Đồng thời, vai trò trung tâm của ASEAN hiện nay đang đối mặt với những thách thức lớn chưa từng có bởi sự suy giảm của chủ nghĩa đa phương, sự can dự nước lớn, hay chính những vấn đề mâu thuẫn nội khối, khiến cho định hướng của Ấn Độ trong việc ủng hộ vai trò trung tâm, tính thể chế trong khu vực của ASEAN cũng đối mặt những thách thức mới. Về phía Ấn Độ, những xung đột trong quan hệ quốc tế hiện nay cũng tác động mạnh đến tham vọng và khả năng mở rộng ảnh hưởng của New Delhi, nhất là khi quốc gia này thường bị phụ thuộc vào nhập khẩu năng lượng, khiến cho kinh tế suy thoái và khó có thể tập trung cho thúc đẩy quan hệ hợp tác bên ngoài.

Trong bối cảnh đó, dựa trên những cam kết của cả Ấn Độ và ASEAN trong hội nghị cấp cao tháng 10/2025 tại Malaysia, có thể thấy quan hệ song phương thời gian tới sẽ gặp nhiều thách thức, nhưng Ấn Độ cũng có những điều chỉnh nhất định để phù hợp hơn với tình hình mới. Một trong những điểm nhấn chính sách là sự chủ động và thực dụng hơn trong quan hệ khi Ấn Độ sẽ tiếp tục thực hiện chiến

---

<sup>1</sup> Chietigj Bajpae, "Reinvigorating India's 'Act East' Policy in an age of renewed power politics", *The Pacific Review*, 36, 2023, p. 631.

lược láng giềng “ưu tiên số một” song song với việc nâng cao sự can dự trực tiếp vào các điểm nóng an ninh lân cận để duy trì khả năng và đòn bẩy ảnh hưởng trong khu vực. *Hai là*, Ấn Độ hiểu rõ những thách thức của chủ nghĩa đa phương và sự trỗi dậy của các siêu đa phương, nên có thể thay đổi cách tiếp cận sang tận dụng các khuôn khổ hợp tác ba bên (như Ấn Độ - Australia - Indonesia) hay song phương với các đối tác tiềm năng tại Đông Nam Á để tăng cường tiếng nói tại ASEAN. Thực tế, mối quan hệ giữa Ấn Độ với ASEAN luôn được thúc đẩy bởi quan hệ giữa Ấn Độ với từng quốc gia thành viên ASEAN, và việc lựa chọn những quốc gia phù hợp trong hợp tác, cân bằng chiến lược có thể giúp Ấn Độ gia tăng ảnh hưởng trong khu vực. *Ba là*, Ấn Độ đang có sự chuyển dịch quan hệ khi tăng cường hợp tác dựa trên công nghệ, chuyên trọng tâm sang an ninh mạng, AI, và kinh tế số để bắt kịp xu hướng toàn cầu. Năm 2024, hai bên đã thông qua Tuyên bố chung về thúc đẩy chuyển đổi số và Ấn Độ đã thiết lập 4 quỹ để hỗ trợ hợp tác, bao gồm: Quỹ Hợp tác ASEAN-Ấn Độ, Quỹ Xanh, Quỹ Phát triển Khoa học & Công nghệ, và Quỹ cho Tương lai Kỹ thuật số.<sup>1</sup> Bên cạnh đó Ấn Độ đang tập trung vào kinh tế xanh, tuần hòa và chuyển đổi kỹ thuật số như những động lực tăng trưởng mới cho quan hệ với ASEAN. Bốn là, hợp tác an ninh, quốc phòng sẽ ngày càng mang tính thực chất hơn, có tính răn đe hơn với những diễn biến mới trên thực địa nhằm góp phần đảm bảo an ninh hàng hải, giải quyết vấn đề an ninh mạng, và những vấn đề an ninh phi truyền thống khác.

---

<sup>1</sup> Ministry of External Affairs, Overview of ASEAN-India Relations, June 2025, p. 3, <https://www.mea.gov.in/Portal/ForeignRelation/BRIEF-ON-ASEAN-INDIA.pdf>.

# CHÍNH SÁCH “LÁNG GIỀNG TRÊN HẾT” CỦA ẤN ĐỘ TRONG SỰ TRỖI DẬY CỦA PHƯƠNG NAM TOÀN CẦU

TS Lê Thị Tình

Chính sách ngoại giao láng giềng - “Láng giềng ưu tiên” của Ấn Độ đã hình thành ngay từ khi giành được độc lập (1947), song mỗi thời kỳ lịch sử, chính sách này có sự ưu tiên khác nhau.

Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, cấu trúc quyền lực quốc tế chuyển từ mô hình hai cực sang xu hướng đa cực và đa trung tâm. Trong bối cảnh này, nhiều quốc gia đang phát triển gia tăng vai trò trong các vấn đề toàn cầu, góp phần hình thành xu hướng được gọi là “trỗi dậy của Phương Nam toàn cầu” (Global South). Các nước đang phát triển ngày càng tích cực hơn trong các diễn đàn quốc tế như G20, BRICS hay LHQ.

Trong bối cảnh đó, Ấn Độ nổi lên như một trong những trung tâm quyền lực mới của thế giới. Từ đầu thế kỷ XXI, quốc gia này đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, mở rộng ảnh hưởng ngoại giao và tăng cường năng lực quân sự. Tuy nhiên, vị thế khu vực của Ấn Độ tại Nam Á lại đối mặt với nhiều thách thức. Môi trường địa chính trị Nam Á luôn tồn tại những yếu tố bất ổn như tranh chấp lãnh thổ, cạnh tranh chiến lược và các vấn đề an ninh phi truyền thống.

Một trong những thách thức lớn đối với Ấn Độ là sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực Nam Á thông qua các sáng kiến như Vành đai và con đường. Các dự án hạ tầng lớn tại Pakistan, Sri Lanka và Nepal của Trung Quốc khiến Ấn Độ lo ngại về nguy cơ suy giảm ảnh hưởng chiến lược trong “sân sau” truyền thống của mình.

Trước tình hình đó, khi lên nắm quyền năm 2014, Thủ tướng Narendra Modi đã triển khai chính sách đối ngoại mới mang tên “Neighbourhood First Policy” (Chính sách Láng giềng trên hết) nhằm củng cố vị thế của Ấn Độ tại Nam Á và xây dựng nền tảng khu vực cho tham vọng trở thành cường quốc toàn cầu.

## **1. Sự hình thành của chính sách “Láng giềng trên hết”**

Chính sách “Láng giềng trên hết” được công bố ngay sau khi ông Narendra Modi nhậm chức vào tháng 5-2014. Một dấu hiệu mang tính biểu tượng là việc ông Modi mời lãnh đạo tất cả các quốc gia thuộc diễn đàn Hiệp hội Nam Á về hợp tác khu vực (SAARC) tham dự lễ nhậm chức của mình. Đây được xem là tín hiệu rõ ràng cho thấy Ấn Độ muốn ưu tiên cải thiện quan hệ với các nước láng giềng.

Chính sách này hướng tới ba mục tiêu chiến lược chính:

Củng cố vị thế lãnh đạo của Ấn Độ tại Nam Á.

Thúc đẩy kết nối kinh tế và hạ tầng khu vực.

Tăng cường hợp tác an ninh và ổn định khu vực.

Thông qua chính sách này, Ấn Độ mong muốn xây dựng một môi trường chiến lược thuận lợi xung quanh mình, từ đó tạo nền tảng cho các chiến lược lớn hơn như “Hành động hướng Đông” và chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

Chính sách “Láng giềng trên hết” được triển khai thông qua nhiều trụ cột:

*Thứ nhất, tăng cường kết nối khu vực*, trong đó Ấn Độ thúc đẩy các dự án hạ tầng giao thông, năng lượng và thương mại nhằm nâng cao tính liên kết giữa các quốc gia Nam Á.

*Thứ hai, thúc đẩy hợp tác phát triển*, Ấn Độ cung cấp các khoản tín dụng ưu đãi và hỗ trợ kỹ thuật cho các nước láng giềng.

*Thứ ba, hợp tác an ninh và ứng phó thách thức phi truyền thống*: Ấn Độ tăng cường hợp tác chống khủng bố, chống buôn lậu và bảo đảm an ninh hàng hải trong khu vực.

Nhìn chung, chính sách “Láng giềng trên hết” phản ánh cách tiếp cận ngoại giao thực dụng của Ấn Độ trong việc củng cố môi trường chiến lược xung quanh mình.

**2. Triển khai chính sách “Láng giềng trên hết” ở các láng giềng Nam Á** (*Ấn Độ có đường biên giới trên bộ tiếp giáp với 6 nước bao gồm TQ và Myanmar,*

*song, bài viết chỉ đề cập đến các nước láng giềng Nam Á là Bangladesh, Nepal, Sri Lanka và Bhutan trên lĩnh vực thương mại và đầu tư).*

Về ngoại giao: Quan ngại sâu sắc trước tầm ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của Trung Quốc tại khu vực Nam Á, Modi đã không che giấu ý định tăng cường ảnh hưởng của Ấn Độ trong khu vực. Và trong 2 năm nhiệm kỳ đầu tiên, Thủ tướng Ấn Độ chủ trương đặt quan hệ ngoại giao đối với các nước láng giềng lên vị trí ưu tiên khi liên tục thực hiện các chuyến công du đến hầu hết các quốc gia Nam Á và không ngừng đẩy mạnh các cuộc gặp gỡ cấp cao nhằm nhấn mạnh vai trò và vị thế của New Delhi với khu vực láng giềng lân cận Ấn Độ.

Sau chuyến thăm và cuộc hội đàm giữa ông Modi với người đồng cấp Pakistan Nawaz Sharif tại Lahore năm 2015, dư luận tin tưởng vào dấu hiệu tích cực trong quan hệ giữa hai nước. Dù kết quả đạt được chưa đúng như mong đợi nhưng chuyến thăm cũng là một điểm sáng trong mối quan hệ giữa Ấn Độ với quốc gia láng giềng “thân Trung Quốc” này.

Với chuyến viếng thăm hồi tháng 3 năm 2015, ông Modi đã trở thành nguyên thủ người Ấn đầu tiên đến Sri Lanka trong lịch sử 28 năm của quốc gia này. Chuyến đi của Thủ tướng Ấn Độ nhằm mục đích hàn gắn tình cảm và đưa ra hàng loạt các cam kết kinh tế để trấn an nước láng giềng. Cụ thể, ông Modi cam kết giúp Sri Lanka cân bằng thương mại và tiếp cận dễ dàng hơn vào thị trường Ấn Độ, hỗ trợ ngành đường sắt nước này 318 triệu USD. Ấn Độ cũng tiếp tục xây dựng thành công quan hệ láng giềng tốt đẹp với Bangladesh. Ấn Độ và Bangladesh dưới thời của Thủ tướng Modi và Hasina thiết lập mối giao hữu mới với những sáng kiến mới hơn, theo đó kỳ vọng sẽ tạo nên sự “tin cậy chiến lược” hướng tới mối quan hệ Đối tác chiến lược song phương mạnh mẽ.

Còn với Nepal, nhiều năm, mối quan hệ giữa Ấn Độ với quốc gia này vốn “com không lành, canh chẳng ngọt”. Tuy nhiên, sau những bất đồng, lãnh đạo hai nước đều hiểu việc cần thiết phải đưa quan hệ song phương trở lại quỹ đạo nông ấm. Ấn Độ thăm thía hệ quả bất lợi nếu duy trì tình trạng bất ổn trong quan hệ hai nước. Điều này có thể làm tăng tư tưởng bài Ấn trong người dân Nepal và đẩy

nước này về phía Trung Quốc, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế lớn thứ hai thế giới đang ra sức xích lại gần Nepal thông qua các dự án đầu tư hạ tầng quy mô lớn. Nhận thấy rõ điều này, ngay khi nhậm chức, Thủ tướng Modi đã tăng cường xúc tiến các cuộc gặp cấp cao với Nepal.

Về kinh tế: Cả 4 nước láng giềng Nam Á đều dành nhận được đầu tư quan trọng từ Ấn Độ.

### + Quan hệ với Bangladesh

Trong số các quốc gia Nam Á, Bangladesh được xem là một trong những đối tác thành công nhất của chính sách “Láng giềng trên hết”. Quan hệ giữa hai nước đã cải thiện đáng kể sau khi ký kết *Hiệp định phân định biên giới đất liền năm 2015*. Trong đó, hai nước cũng tăng cường hợp tác kinh tế và năng lượng. Ấn Độ đã đầu tư vào các dự án điện và cơ sở hạ tầng tại Bangladesh, đồng thời hỗ trợ kết nối giao thông giữa Đông Bắc Ấn Độ với vịnh Bengal. Tổng đề xuất đầu tư của Ấn Độ vào Bangladesh dao động từ 1,3 đến 2,9 tỷ USD/năm. FDI thực tế từ Ấn Độ vào Bangladesh không lớn so với các nhà đầu tư khác (như Trung Quốc, Singapore). Trong nhiều năm, dòng FDI của Ấn Độ chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng FDI vào Bangladesh ( $\approx 1-3\%$ ).

Giai đoạn 2015–2020: đầu tư tăng chậm, mang tính thăm dò. Giai đoạn 2021–2024: đầu tư từ Ấn Độ có xu hướng tăng (thậm chí “tăng gấp đôi” trong một số năm gần đây), nhưng vẫn biến động theo chu kỳ kinh tế và chính trị. Nguyên nhân của tình trạng trên là do môi trường đầu tư Bangladesh còn hạn chế (thể chế, hạ tầng, thủ tục); cạnh tranh mạnh từ Trung Quốc và các nước vùng Vịnh

Về cơ cấu lĩnh vực đầu tư, đầu tư của Ấn Độ tập trung vào các lĩnh vực chiến lược: (1) Năng lượng (quan trọng nhất). Dự án điện xuyên biên giới. (ví dụ: Công ty điện lực Adani Power từ lâu nay đã xuất khẩu điện sang thủ đô Dhaka của Bangladesh thông qua nhà máy nhiệt điện than đặt ở bang Jharkhand phía đông Ấn Độ). Xuất khẩu điện từ Ấn Độ sang Bangladesh chiếm tỷ trọng đáng kể trong

cơ cấu năng lượng. Năm 2025, Ấn Độ cung cấp gần ~15% nguồn điện của Bangladesh.

Đây là dạng “đầu tư – cung ứng” kết hợp (FDI + hợp đồng dài hạn).

(2) Hạ tầng & kết nối. Ấn Độ cung cấp các gói tín dụng ưu đãi cho Bangladesh lên gần 8 tỷ USD dòng tín dụng trong 8 năm. Các dự án đầu tư đường sắt, cảng biển và logistics. Các dự án này, Ấn Độ dùng Line of Credit – Hạn mức tín dụng (LOC) nhiều hơn FDI thuần.

(3) Sản xuất và dịch vụ nhẹ: dệt may phụ trợ; dược phẩm; công nghệ thông tin và logistics, song quy mô còn nhỏ, chưa tạo đột phá.

Đặc điểm nổi bật của đầu tư Ấn Độ: i) Mang tính chiến lược – địa chính trị. Bangladesh là “cửa ngõ Đông Bắc Ấn Độ” giúp Ấn Độ: kết nối với ASEAN, đồng thời làm giảm ảnh hưởng của Trung Quốc; (ii) Dựa nhiều vào nhà nước: quy mô nhỏ, FDI thực tế thấp; phụ thuộc nhiều vào tín dụng nhà nước; chưa tạo “làn sóng đầu tư” như Trung Quốc; tín dụng chính phủ là chủ yếu; dự án liên chính phủ, khác với mô hình FDI tư nhân của phương Tây

Mặc dù còn hạn chế, song đầu tư tăng dần, mở rộng sang năng lượng và hạ tầng, đóng vai trò quan trọng trong an ninh năng lượng Bangladesh. Do Bangladesh thiếu than và các khoáng sản khác, đồng thời từ lâu đã không có đủ cơ sở hạ tầng trong ngành điện, nên những dự án đầu tư và xuất khẩu điện của Ấn Độ đóng vai trò rất lớn. Khi nhu cầu điện ngày càng tăng do tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, nguồn cung điện của nước này bị thiếu hụt rất lớn và tình trạng mất điện thường xuyên xảy ra<sup>1</sup>.

#### **+ Quan hệ với Nepal**

Quan hệ giữa Ấn Độ và Nepal có ý nghĩa chiến lược đặc biệt do vị trí địa lý và mối liên kết lịch sử – văn hóa lâu đời. Tuy nhiên, quan hệ hai nước cũng trải qua nhiều căng thẳng, đặc biệt là sau cuộc khủng hoảng hiến pháp Nepal năm 2015.

---

<sup>1</sup> <https://viettimes.vn/no-850-trieu-usd-bangladesh-bi-ty-phu-an-do-doa-ngung-cung-cap-dien-post179829.html>

Ấn Độ là nguồn FDI lớn nhất vào Nepal, chiếm khoảng 32% tổng vốn FDI tích lũy (~520 triệu USD đến 2020). Trong suốt giai đoạn 2014–2025, vị trí này gần như không thay đổi. Điều này cho thấy, Quan hệ đầu tư Ấn Độ – Nepal mang tính chi phối tương đối, dù quy mô tuyệt đối không lớn.

Giai đoạn 2014–2015: cam kết FDI đạt đỉnh (~67 tỷ NPR). Tuy nhiên, năm 2015 có động đất lớn, sau đó gặp bất ổn chính trị, dẫn đến gián đoạn thương mại, đầu tư giữa hai nước. Tuy vậy, FDI của Ấn Độ vẫn giữ vai trò quan trọng

Giai đoạn 2017–2020: đầu tư của Ấn Độ phục hồi và mở rộng. FDI tăng trở lại nhờ: hội nghị đầu tư Nepal (2017, 2019); sửa đổi luật đầu tư (FITTA 2019); Ấn Độ mở rộng đầu tư vào lĩnh vực năng lượng (đặc biệt thủy điện), sản xuất, tài chính. Đây là giai đoạn: Ấn Độ củng cố vị thế nhà đầu tư chiến lược số 1.

Giai đoạn 2020–2025: tăng chậm, không ổn định. Dòng FDI vào Nepal nhìn chung dao động mạnh: đạt đỉnh khoảng 2020–2021, giảm sau COVID, phục hồi nhẹ năm 2024–2025

Tỷ lệ FDI/GDP của Nepal vẫn rất thấp (~0,17% năm 2024). Điều đó có nghĩa là dù Ấn Độ là nhà đầu tư lớn nhất nhưng quy mô đầu tư vẫn hạn chế trong tổng thể nền kinh tế

Về cơ cấu đầu tư, (1) Thủy điện, được coi là lĩnh vực trọng tâm, trong đó Ấn Độ đầu tư mạnh vào: dự án thủy điện (Arun III, Upper Karnali...); truyền tải điện xuyên biên giới. Những dự án này giúp Nepal xuất khẩu điện sang Ấn Độ, đồng thời phục vụ nhu cầu năng lượng của Ấn Độ; (2) Sản xuất và dịch vụ: công nghiệp nhẹ; ngân hàng – tài chính; viễn thông và du lịch. Tuy nhiên: quy mô nhỏ và chưa tạo công nghiệp hóa sâu; (3) Hạ tầng và phát triển, phương thức viện trợ + tín dụng ưu đãi; dự án đường bộ, logistics. Đây là điểm đặc trưng: Ấn Độ kết hợp FDI + viện trợ phát triển (ODA).

Đặc điểm nổi bật của đầu tư Ấn Độ ở Nepal: (i) Mang tính địa – chính trị cao, Nepal là “vùng đệm chiến lược” giữa: Ấn Độ và Trung Quốc, vì thế đầu tư của Ấn Độ vào Nepal nhằm: duy trì ảnh hưởng truyền thống và cạnh tranh với Trung

Quốc; (ii) Tập trung vào năng lượng và kết nối. Đối với Nepal, Ấn Độ là nhà đầu tư số 1 ổn định nhất, đóng vai trò then chốt trong: năng lượng và phát triển kinh tế Nepal. Khác với Trung Quốc (hạ tầng quy mô lớn), Ấn Độ tập trung: điện năng và kết nối kinh tế khu vực. Về hiệu quả, đầu tư của Ấn Độ chưa tương xứng với cam kết.

Hạn chế: khoảng cách giữa cam kết và thực hiện lớn. Trong 10 năm qua Ấn Độ cam kết FDI ~396 tỷ NPR, nhưng thực hiện chỉ đạt ~126 tỷ NPR (~38%).

Điều này cũng bắt nguồn từ tình hình nội bộ của Nepal: thủ tục hành chính rườm rà, chậm chạp; bất ổn chính trị và năng lực triển khai yếu.

Mặc dù còn hạn chế, song Ấn Độ vẫn tiếp tục duy trì viện trợ phát triển và các dự án hạ tầng lớn nhằm giữ vững ảnh hưởng tại quốc gia Himalaya này.

#### **+ Quan hệ với Sri Lanka**

Sri Lanka là đối tác chiến lược quan trọng trong chiến lược Ấn Độ Dương của Ấn Độ, đồng thời mất xích quan trọng trong cạnh tranh với Trung Quốc

Trong những năm gần đây, quan hệ giữa hai nước chuyển từ hỗ trợ truyền thống sang hợp tác chiến lược đa lĩnh vực, trong đó, Ấn Độ đã tăng cường đầu tư vào các dự án năng lượng và cảng biển tại quốc gia này.

Đặc biệt, khi Sri Lanka rơi vào khủng hoảng kinh tế năm 2022, Ấn Độ đã cung cấp hơn 4 tỷ USD hỗ trợ tài chính và viện trợ nhân đạo, qua đó củng cố hình ảnh là đối tác đáng tin cậy của khu vực.

*Giai đoạn 2014–2019: Tăng cường hợp tác và cạnh tranh ảnh hưởng:*

- *Hợp tác phát triển:* Ấn Độ cấp: tín dụng ưu đãi ~1,6 tỷ USD, viện trợ phát triển cho: nhà ở (50.000 căn cho người Tamil), đầu tư vào các lĩnh vực đường sắt, y tế

- *Kết nối và kinh tế*

Thương mại: tăng đều, đạt ~4–5 tỷ USD/năm. Ấn Độ là: đối tác thương mại lớn nhất của Sri Lanka

*Giai đoạn 2019–2022: Khủng hoảng*

Sri Lanka rơi vào khủng hoảng, đặc biệt là năm 2022: vỡ nợ lần đầu trong lịch sử. thiếu: nhiên liệu; lương thực và ngoại tệ. Trong bối cảnh đó, Ấn Độ cung cấp ~4 tỷ USD hỗ trợ khẩn cấp, gồm: tín dụng nhiên liệu; thực phẩm, thuốc men; hoán đổi tiền tệ

Đây là gói cứu trợ lớn nhất mà Sri Lanka nhận được từ một quốc gia đơn lẻ, có tác dụng rất lớn trong bối cảnh nước này đang rơi vào khủng hoảng trầm trọng. Điều này đã làm gia tăng ảnh hưởng của Ấn Độ, cũng như giúp Sri Lanka giảm phụ thuộc vào Trung Quốc trong ngắn hạn

Giai đoạn 2023–2025: Hợp tác chiến lược sâu rộng:

- *Đầu tư và kết nối mới*: Các dự án lớn: năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời), kết nối điện lưới Ấn Độ – Sri Lanka. Đầu tư vào: cảng biển và lĩnh vực logistics

- *Hợp tác an ninh – quốc phòng*: Tăng cường: tuần tra chung; tập trận hải quân. Trong đó, Sri Lanka đóng vai trò kiểm soát tuyến hàng hải Ấn Độ Dương

- *Hợp tác tài chính*. Ấn Độ hỗ trợ Sri Lanka tái cấu trúc nợ và trong hợp tác với IMF.

- *Kinh tế – thương mại*: Kim ngạch thương mại hai nước tăng khoảng 5–7 tỷ USD/năm. Ấn Độ: nhà cung cấp lớn về: xăng dầu; hàng tiêu dùng cho Sri Lanka

- *Văn hóa – dân tộc*: Liên quan cộng đồng: người Tamil tại Sri Lanka. Ấn Độ đóng vai trò: trung gian mềm trong vấn đề dân tộc ở Sri Lanka

Nhìn chung, trong hơn 10 năm (2014–2025) quan hệ hai nước mang tính bất đối xứng (Ấn Độ chi phối). Kinh tế Sri Lanka phụ thuộc và viện trợ và hàng hóa nhập khẩu từ Ấn Độ.

#### **+ Quan hệ với Bhutan**

Bhutan được xem là đồng minh gần gũi nhất của Ấn Độ tại Nam Á. Bhutan cũng đóng vai trò chiến lược trong cạnh tranh địa chính trị giữa Ấn Độ và Trung Quốc, đặc biệt sau căng thẳng biên giới tại cao nguyên Doklam năm 2017.

Giai đoạn 2014–2025, Ấn Độ là nhà tài trợ và nhà đầu tư lớn nhất của Bhutan, với hình thức chủ yếu là viện trợ phát triển (ODA), tín dụng ưu đãi và đầu tư hạ tầng – năng lượng. Dưới đây là phân tích có hệ thống:

### *Quy mô và xu hướng đầu tư/viện trợ*

Từ năm 2014 đến nay, Bhutan luôn nhận phần lớn nhất trong ngân sách viện trợ nước ngoài của Ấn Độ.

Giai đoạn gần đây: 2023–2024: khoảng ₹2.068–2.400 crore/năm (~250–300 triệu USD), năm 2025–2026 (dự toán): khoảng ₹2.150 crore

Như vậy, nếu tính trung bình: giai đoạn 2014–2025: Ấn Độ viện trợ khoảng từ ₹2.000–3.000 crore/năm. Tổng cộng ước tính ₹25.000–30.000 crore (≈ 3–4 tỷ USD) chỉ riêng viện trợ ngân sách.

Ngoài ra, Ấn Độ cũng cung cấp tín dụng ưu đãi (Line of Credit): 2025: Ấn Độ cấp thêm khoảng 450 triệu USD cho Bhutan

### *- Đầu tư theo các chương trình phát triển (Five-Year Plans)*

Kế hoạch 5 năm lần thứ 12 (2018–2023), Ấn Độ tài trợ khoảng ₹4.500 crore, chiếm ~73% tổng viện trợ nước ngoài của Bhutan <sup>1</sup>; Kế hoạch 5 năm lần thứ 13 (2024–2029), Ấn Độ tiếp tục tài trợ hàng trăm dự án. Chỉ tính năm 2025: 297 dự án cộng đồng (HICDPs) trị giá ~₹406 crore

Đây không chỉ là dự án lớn, mà còn đầu tư vi mô (community projects): nước sạch, giao thông nông thôn, du lịch, nông nghiệp...

### *- Các lĩnh vực đầu tư trọng điểm*

*Thủy điện* – trụ cột chiến lược. Ấn Độ tài trợ và xây dựng hàng loạt dự án: 4 dự án đang vận hành (~2.136 MW) và dự án Punatsangchhu I & II (~2.220 MW) đang xây dựng. Tổng công suất các dự án do Ấn Độ hỗ trợ ~3.000 MW<sup>2</sup>

---

<sup>1</sup> [https://www.drishtiiias.com/current-affairs-news-analysis-editorials/news-analysis/13-11-2025?utm\\_source=chatgpt.com](https://www.drishtiiias.com/current-affairs-news-analysis-editorials/news-analysis/13-11-2025?utm_source=chatgpt.com)

<sup>2</sup> [https://www.reuters.com/sustainability/climate-energy/indias-modi-expands-energy-ties-with-bhutan-extends-450-million-credit-line-2025-11-11/?utm\\_source=chatgpt.com](https://www.reuters.com/sustainability/climate-energy/indias-modi-expands-energy-ties-with-bhutan-extends-450-million-credit-line-2025-11-11/?utm_source=chatgpt.com)

Nhờ sự hợp tác này, Bhutan xuất khẩu điện sang Ấn Độ tạo ra nguồn thu chính của nền kinh tế.

*Hạ tầng – kết nối:* Ấn Độ đầu tư xây dựng Đường bộ, cầu, đô thị. Dự án đường sắt xuyên biên giới (~4000 crore – theo các kế hoạch gần đây). Các dự án cộng đồng (HICDP) hỗ trợ: cấp nước, công nghệ, phát triển đô thị nhỏ

*Công nghệ – tài chính – số hóa:* Ấn Độ giúp Bhutan sử dụng: hệ thống thanh toán RuPay, BHIM; hợp tác vệ tinh (India-Bhutan SAT 2022)

*Giáo dục – nhân lực:* Ấn Độ cung cấp 1000 học bổng mỗi năm đặc biệt trong lĩnh vực đào tạo ITEC, hỗ trợ STEM<sup>1</sup>

Có thể nói, giai đoạn 2014–2025: Ấn Độ đầu tư/viện trợ cho Bhutan khoảng 3–5 tỷ USD (ước tính). Đầu tư Ấn Độ chiếm gần 50% tổng đầu tư nước ngoài (FDI)<sup>2</sup> vào Bhutan. Thương mại: tăng từ 484 triệu USD (2014) → ~1,7–1,9 tỷ USD (2024–2025) và chiếm hơn 80% thương mại của Bhutan<sup>3</sup>.

Con số trên cho thấy, Bhutan phụ thuộc mạnh vào: vốn, thị trường, công nghệ từ Ấn Độ. Các dự án viện trợ và đầu tư nói trên giúp Ấn Độ: duy trì ảnh hưởng tại khu vực Himalaya, cạnh tranh với Trung Quốc, đồng thời Bhutan: duy trì tăng trưởng nhưng phụ thuộc cao vào Ấn Độ, là nhà tài trợ lớn nhất; đối tác đầu tư chủ đạo.

## **Kết luận**

Chính sách “Láng giềng trên hết” đã giúp cải thiện đáng kể quan hệ giữa Ấn Độ và nhiều quốc gia Nam Á, đặc biệt là Bangladesh và Sri Lanka. Đồng thời phản ánh nỗ lực của Ấn Độ trong việc xây dựng môi trường chiến lược thuận lợi tại khu vực Nam Á. Các dự án kết nối khu vực cũng góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế. Thông qua việc tăng cường hợp tác kinh tế, phát triển và an ninh với các quốc

---

<sup>1</sup> [https://www.drishtiiias.com/current-affairs-news-analysis-editorials/news-analysis/13-11-2025?utm\\_source=chatgpt.com](https://www.drishtiiias.com/current-affairs-news-analysis-editorials/news-analysis/13-11-2025?utm_source=chatgpt.com)

<sup>2</sup> [https://www.drishtiiias.com/current-affairs-news-analysis-editorials/news-analysis/13-11-2025?utm\\_source=chatgpt.com](https://www.drishtiiias.com/current-affairs-news-analysis-editorials/news-analysis/13-11-2025?utm_source=chatgpt.com)

<sup>3</sup> [https://www.indembthimphu.gov.in/pages/MzI%2C?utm\\_source=chatgpt.com](https://www.indembthimphu.gov.in/pages/MzI%2C?utm_source=chatgpt.com)

gia láng giềng, Ấn Độ không chỉ củng cố vị thế khu vực, mà còn tạo nền tảng cho vai trò lớn hơn trong hệ thống quốc tế.

Tuy nhiên, chính sách này vẫn đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm:

+ Cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc

+ Các bất ổn chính trị nội bộ tại Nam Á

+ Nguồn lực tài chính hạn chế của Ấn Độ

Trong bối cảnh Phương Nam toàn cầu ngày càng có vai trò lớn trong hệ thống quốc tế, chính sách “Láng giềng trên hết” có khả năng tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong chiến lược đối ngoại của Ấn Độ.

Trong bối cảnh sự trỗi dậy của Phương Nam toàn cầu, chính sách này góp phần giúp Ấn Độ khẳng định vai trò là một trong những trung tâm quyền lực mới của thế giới.

### **Tài liệu tham khảo**

C. Raja Mohan, *Modi's World: Expanding India's Sphere of Influence* (New Delhi: HarperCollins India, 2015), 52.

Harsh V. Pant, *Indian Foreign Policy: An Overview* (Manchester: Manchester University Press, 2016), 87.

S. D. Muni, “India's Neighborhood Policy: Perceptions from the Region,” *Strategic Analysis* 41, no. 4 (2017): 328–343.

David Scott, “India's ‘Act East’ Policy and the Indo-Pacific,” *International Affairs* 94, no. 3 (2018): 523–538.

Ministry of External Affairs, Government of India, “Neighbourhood First Policy,” accessed March 10, 2024, <https://www.mea.gov.in>.

<http://baoquocte.vn/an-do-day-manh-ngoai-giao-lang-gieng-66912.html>;

## **PHẦN 2**

# **QUAN HỆ SONG PHƯƠNG VÀ ĐA PHƯƠNG CỦA ẮN ĐỘ**

# QUAN HỆ VIỆT NAM – ÁN ĐỘ TRONG BỐI CẢNH SỰ TRỖI DẬY CỦA PHƯƠNG NAM TOÀN CẦU

TS. Đỗ Khương Mạnh Linh

## Tóm tắt

Bài viết phân tích chiều sâu lịch sử, cấu trúc lợi ích và triển vọng chiến lược của quan hệ song phương giữa Việt Nam và Ấn Độ trong bối cảnh sự trỗi dậy của các nước Phương Nam toàn cầu (Global South). Dựa trên tư liệu lịch sử, số liệu thương mại - đầu tư và diễn đàn đa phương, bài khẳng định rằng mối quan hệ đã chuyển từ yếu tố lịch sử-ý thức hệ sang hợp tác thực dụng, dựa trên lợi ích năng lượng, thương mại, an ninh biển và liên kết chuỗi giá trị. Sự nổi lên của diễn đàn Phương Nam (ví dụ BRICS+) cung cấp cả cơ hội gia tăng vị thế đàm phán và rủi ro địa chính trị mới. Bài kết luận bằng các khuyến nghị chính sách để tăng hàm lượng giá trị gia tăng trong hợp tác, đa dạng hóa rủi ro và củng cố thể chế hợp tác Nam - Nam.

**Từ khoá:** Việt Nam - Ấn Độ; Phương Nam toàn cầu; Hợp tác Nam - Nam

## Giới thiệu

Quan hệ ngoại giao chính thức giữa Việt Nam và Ấn Độ đã phát triển qua nhiều giai đoạn: từ quan hệ lịch sử-chính trị trong thế kỷ XX đến quan hệ đối tác chiến lược và Đối tác Chiến lược Toàn diện vào năm 2016 (Vietnam News, 2016). Những biến chuyển quốc tế gần đây như đa cực hóa, tăng cường vai trò của các nước đang phát triển và các cơ chế hợp tác Nam - Nam, đòi hỏi phải đặt quan hệ song phương trong một khung phân tích mới: quan hệ này không chỉ là sản phẩm của lịch sử song phương mà còn phản ánh xu hướng cấu trúc quyền lực toàn cầu đang dịch chuyển về Phương Nam (Lee Kuan Yew School of Public Policy, 2024; Reuters, 2025).

Mục tiêu bài viết là (1) tổng hợp diễn trình lịch sử, (2) phân tích động lực hiện tại (kinh tế, an ninh và thể chế), (3) đánh giá tác động của sự trỗi dậy của Phương Nam đến quan hệ song phương, và (4) đề xuất khuyến nghị chính sách thực tiễn. Bài sử dụng nguồn chính thức như tuyên bố chung, báo cáo hải quan, cơ quan ngoại giao và cơ sở dữ liệu thương mại quốc tế (UN COMTRADE / WITS / TradingEconomics) để xây dựng bằng chứng và đưa ra bảng số liệu chất lọc cho giai đoạn 2010 - 2025.

Để phân tích sâu sắc hơn, bài áp dụng khung lý thuyết chủ nghĩa tân hiện thực kết hợp khái niệm chủ thể chiến lược và chủ nghĩa đa phương mới. Chủ nghĩa hiện

thực hiệu chỉnh nhân mạnh rằng hành vi quốc gia không chỉ bị chi phối bởi môi trường hệ thống (áp lực từ Mỹ-Trung) mà còn bởi yếu tố nội tại (nhận thức chiến lược, di sản lịch sử, văn hóa ngoại giao). Việt Nam theo đuổi chiến lược “phòng ngừa rủi ro” (hedging), trong khi Ấn Độ theo đuổi “tự chủ chiến lược” nhằm xây dựng mạng lưới đối tác ven biển mà không bị ràng buộc vào bất kỳ khối nào. Các khái niệm chủ thể chiến lược và chủ nghĩa đa phương mới giúp nhận diện nỗ lực chủ động của hai nước trong việc định hình trật tự khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và Phương Nam toàn cầu, đặc biệt qua BRICS và tầm nhìn MAHASAGAR/SAGAR của Ấn Độ. Khung lý thuyết giúp giải thích tại sao quan hệ Việt Nam - Ấn Độ không chỉ là phản ứng thụ động mà còn là sáng kiến hỗ trợ kiến tạo trật tự mới.

## **Nội dung**

### **1. Lịch sử phát triển và cơ sở chiến lược của quan hệ song phương**

Quan hệ chính thức giữa hai nước được thiết lập sau năm 1972; trong những thập niên đầu, sự tương đồng lập trường chống thực dân, trao đổi văn hóa và ủng hộ chính trị trên diễn đàn quốc tế là nền tảng (Nehru era). Từ những năm 1990 và đặc biệt từ thập niên 2000, khi cả hai nền kinh tế mở cửa sâu rộng, hợp tác kinh tế thương mại bắt đầu tăng nhanh; mốc quan trọng là nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện năm 2016 (Vietnam News, 2016; Embassy of India in Hanoi, 2024).

Về chiến lược, cả hai nước đều theo đuổi nguyên tắc tự chủ chiến lược (strategic autonomy) trong đối ngoại: họ tìm cách duy trì mối quan hệ cân bằng với các cường quốc đồng thời mở rộng lựa chọn khu vực (Khan et al., 2024). Lịch sử còn cho thấy tính thực dụng: Hà Nội và New Delhi sẵn sàng điều chỉnh lập trường tùy theo lợi ích quốc gia, ví dụ, trong quan hệ với các cường quốc như Mỹ hay Nga, điều đã định hình cả chính sách khu vực và phản ứng trong các cuộc khủng hoảng (Nehru; Indira Gandhi cases).

Từ góc nhìn chủ nghĩa tân hiện thực, Việt Nam diễn giải áp lực hệ thống (từ Trung Quốc) qua “di sản chiến lược” chống thực dân và biên giới, dẫn đến chiến lược phòng ngừa rủi ro đa phương. Ấn Độ với di sản Gandhi và khát vọng trở thành cực quyền lực, chọn tự chủ chiến lược để xây dựng mạng lưới đối tác ven biển, nâng cấp quan hệ với Việt Nam năm 2016 và ký thỏa thuận tương trợ hậu cần. Hai nước không chỉ phản ứng mà còn chủ động định hình trật tự đa cực qua Phương Nam toàn cầu (BRICS, ASEAN trung tâm). Sự tương đồng này tạo nền tảng vững chắc cho hợp tác hiện nay.

### **2. Động lực kinh tế: thương mại, chuỗi giá trị và đầu tư**

Giao thương song phương đã tăng mạnh trong thập kỷ qua. Một số điểm then chốt:

Kim ngạch thương mại hai chiều: từ mức khoảng 2.6 tỷ USD năm 2010 đến gần 15 tỷ USD năm 2024 (VietnamPlus, 2011; VietnamPlus, 2025). Sự tăng trưởng này phản ánh cả sự bùng nổ xuất khẩu chế tạo của Việt Nam và nhu cầu nhập khẩu hàng hoá công nghiệp, dược phẩm, máy móc từ Ấn Độ (TradingEconomics, 2026; Embassy of India in Hanoi, 2025).

Cơ cấu thương mại: Việt Nam thường có thặng dư thương mại với Ấn Độ, chủ yếu do xuất khẩu hàng điện tử, dệt may, giày dép và một số nguyên liệu; trong khi Ấn Độ xuất khẩu sang Việt Nam các sản phẩm dược phẩm, máy móc, sắt thép và nông phẩm (WITS, 2023; ResearchGate studies, 2024).

Đầu tư trực tiếp: dòng vốn đầu tư từ Ấn Độ vào Việt Nam tăng dần nhưng còn khiêm tốn so với các nhà đầu tư chủ chốt như Hàn Quốc hay Singapore; tính tới 2021 Ấn Độ có khoảng 313 dự án với tổng vốn đăng ký ~910.41 triệu USD, và các báo cáo chính thức ước tính quy mô tích lũy đầu tư Ấn Độ vào khoảng 1 - 2 tỷ USD (MPI; Embassy of India in Hanoi, 2024).

Những số liệu này chỉ ra hai hệ quả chính: (1) quan hệ thương mại có tính bổ sung cao, tạo cơ hội cho tích hợp vào chuỗi giá trị khu vực; (2) song hành với thương mại, đầu tư Ấn Độ vẫn cần khuyến khích để gia tăng hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng (WITS, 2023; VietnamPlus, 2025).

Phân tích sâu hơn theo khái niệm giá trị gia tăng nội địa trong xuất khẩu (Domestic Value-Added in Exports) cho thấy thách thức lớn. Việt Nam xuất khẩu chủ yếu linh kiện điện tử, dệt may (lắp ráp thấp giá trị), trong khi Ấn Độ cung cấp dược phẩm, máy móc (giá trị cao). Tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa của Việt Nam trong dệt may giảm từ ~50% (1995) xuống dưới 40% (2011) do phụ thuộc đầu vào Trung Quốc. Để bền vững, cần chuyển từ thương mại hàng hóa sang hợp tác sản xuất: Việt Nam lắp ráp kết hợp với Ấn Độ cung cấp phần mềm/AI/dược phẩm, hình thành chuỗi giá trị công nghệ cao. Các “India-Vietnam Industrial Innovation Forums” sẽ kết nối doanh nghiệp, thúc đẩy liên doanh.

FDI từ Ấn Độ tập trung ngành truyền thống, thiếu lan tỏa công nghệ. Cần thu hút FDI chất lượng cao vào phụ tùng ô tô, điện tử, năng lượng tái tạo, dược phẩm (Sun Pharma, Dr. Reddy’s). Cải thiện môi trường đầu tư, ưu đãi đặc thù, bảo hộ sở hữu trí tuệ, và diễn đàn kết nối là chìa khóa.

### **Thương mại (tổng kim ngạch hai chiều) 2010–2025**

<b>Năm</b>	<b>Tổng thương mại hai chiều (khoảng, USD)</b>	<b>Nguồn / Ghi chú</b>
------------	--	------------------------

2010	2.6 tỷ	VietnamPlus (2011).
2014	~5.6 tỷ	GSO / báo chí (2015 syntheses).
2015	~5.1 tỷ	BestCargo / GSO báo cáo (2016).
2018	10.69 tỷ	VietnamNet (2019) / Tổng cục Hải quan.
2020	~9.67–11.12 tỷ (tùy nguồn)	Ảnh hưởng COVID; nhiều báo cáo liệt kê 11.12 tỷ cho FY2020–21 (India stats).
2021	~11.12 tỷ (FY 2020–21)	India / báo cáo song phương.
2022	~13.2–15.0 tỷ (tăng mạnh)	WITS / GSO tổng hợp (2022).
2023	~14.3–14.9 tỷ	TradingEconomics / Vietnam Customs estimates (2023).
2024	~15.0 tỷ	VietnamPlus (2025) báo cáo kim ngạch 15 tỷ (2024).
2025	~16.46 tỷ (ước tính/TC Hải quan)	VietnamPlus (Jan 2026 report on 2025).

*Ghi chú:* bảng dưới đây tổng hợp số liệu được công bố bởi Tổng cục Hải quan Việt Nam, Đại sứ quán Ấn Độ tại Hà Nội, WITS/UN COMTRADE và các bản tin chính thức.

### **3. An ninh biển, hợp tác quốc phòng và quản trị rủi ro khu vực**

An ninh hàng hải là trục hợp tác chiến lược quan trọng: cả hai nước đều coi ổn định tuyến hàng hải Ấn Độ Dương – Biển Đông là điều kiện tiên quyết cho an ninh năng lượng và thương mại (Embassy of India in Hanoi, 2024). Hợp tác cụ thể bao gồm đối thoại quốc phòng, gặp gỡ hải quân, tập huấn, trao đổi tình báo hàng hải và phối hợp trong hoạt động tìm kiếm cứu nạn. Tuy nhiên, hợp tác quốc phòng song phương được triển khai trong khuôn khổ “thực dụng không đối đầu” để tránh làm phức tạp quan hệ với bên thứ ba (Mỹ, Nga, Trung Quốc) (Vietnam News, 2016).

Rủi ro khu vực từ căng thẳng Trung–Ấn đến chiến tranh ở Trung Đông khiến Hà Nội và New Delhi phải đa dạng hóa đối tác an ninh và tăng cường năng lực tự vệ phi-đối đầu, đồng thời giữ vai trò trung gian trong các cơ chế đa phương khu vực.

Từ khung lý thuyết, hợp tác an ninh thể hiện “chủ thể chiến lược”: VINBAX (từ 2018, lần thứ 6 năm 2025 tại Hà Nội) là tập trận gìn giữ hòa bình duy nhất của Việt Nam với đối tác nước ngoài, tăng phối hợp và tin cậy chiến lược. Thỏa thuận

Hỗ trợ Hậu cần Chung (bước ngoặt, lần đầu Việt Nam ký) cho phép sử dụng cơ sở hạ tầng, mở rộng hiện diện biển. Ấn Độ tặng tàu hộ tống INS Kirpan, đào tạo phi công, hợp tác công nghiệp quốc phòng. Mở rộng sang an ninh phi truyền thống: tội phạm xuyên quốc gia, an ninh mạng, cần Thỏa thuận Hợp tác Pháp lý Tương trợ và Tình báo.

Lịch sử mua sắm vũ khí từ Nga tạo nền tảng chung. Chiến lược Ấn Độ (SAGAR → MAHASAGAR) coi Biển Đông là “vành đai” an ninh, hỗ trợ Việt Nam bảo vệ chủ quyền. Hợp tác này góp phần xây dựng trật tự Indo-Pacific dựa trên UNCLOS, phi đối đầu.

#### **4. Phương Nam toàn cầu: diễn đàn, cơ hội và áp lực chính sách**

Sự trỗi dậy của Phương Nam toàn cầu (Global South) không chỉ là một hiện tượng kinh tế-xã hội mà còn là một chuyển dịch cấu trúc quyền lực quốc tế sâu sắc, được biểu hiện rõ nét qua việc mở rộng và củng cố vai trò của các diễn đàn đa phương như BRICS, G20 và Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO). Trong bối cảnh này, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ được đặt vào một khung phân tích mới, nơi hai nước không còn là những “người chơi” thụ động phản ứng với áp lực hệ thống (Mỹ-Trung) mà trở thành chủ thể chiến lược chủ động định hình trật tự đa cực theo hướng có lợi cho lợi ích Nam-Nam. Việc Việt Nam chính thức trở thành Nước Đối tác của BRICS vào ngày 14 tháng 6 năm 2025 đánh dấu một bước ngoặt chiến lược, chuyển quan hệ song phương từ khuôn khổ khu vực (ASEAN-centric) sang không gian đa phương toàn cầu, đồng thời tận dụng vị thế của Ấn Độ, một thành viên sáng lập và có ảnh hưởng lớn nhất trong khối, để gia tăng đòn bẩy ngoại giao.

Diễn đàn chính bao gồm: (i) BRICS mở rộng (với các thành viên mới như UAE, Iran và các đối tác tiềm năng), nơi Việt Nam có thể tiếp cận trực tiếp các kênh đối thoại độc lập ngoài Mỹ-Trung; (ii) tầm nhìn MAHASAGAR của Ấn Độ (Mở rộng ra toàn cầu vì An ninh và Tăng trưởng Toàn diện), kế thừa SAGAR (An ninh và Phát triển cho Tất cả trong Vùng, 2015), nhấn mạnh hợp tác “không phân biệt đối xử”, trung tâm ASEAN và mở rộng sang toàn cầu qua liên minh Phương Nam; (iii) các cơ chế tài chính Nam-Nam thay thế như Ngân hàng Phát triển Mới (NDB), Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á (AIIB) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), cung cấp nguồn vốn thay thế cho các thể chế phương Tây.

Cơ hội chiến lược được phân loại theo ba chiều cạnh chính. Thứ nhất, đa dạng hóa không gian ngoại giao và vị thế đàm phán: BRICS mang lại kênh đối thoại trực tiếp với Ấn Độ, Brazil, Nam Phi và các cường quốc mới nổi, giúp Việt Nam giảm phụ thuộc vào các diễn đàn truyền thống và tăng khả năng “phòng ngừa” khéo léo trước áp lực hệ thống. Thứ hai, hợp tác an ninh phi truyền thống và hàng hải: hai nước có thể đề xuất sáng kiến chung trong BRICS về chia sẻ tình báo hàng hải, phối hợp tuần tra chống cướp biển, an ninh mạng, chống khủng bố và quản lý rủi ro thiên tai - lĩnh vực mà Ấn Độ có kinh nghiệm phong phú và Việt

Nam có nhu cầu cấp thiết tại Biên Đông. Thứ ba, tài chính và chuỗi giá trị Nam - Nam: các tổ chức tài chính BRICS mở ra nguồn vốn cho dự án hạ tầng kết nối, năng lượng sạch và công nghệ cao, đồng thời tạo điều kiện hình thành chuỗi cung ứng song song giảm phụ thuộc Trung Quốc (ví dụ: Việt Nam lắp ráp + Ấn Độ cung cấp phần mềm/AI/dược phẩm). Những cơ hội này không chỉ nâng cao giá trị gia tăng nội địa mà còn củng cố “tự chủ chiến lược” của cả hai bên.

Áp lực và thách thức cũng không kém phần phức tạp. Thứ nhất, rủi ro cuốn vào đối đầu lớn: trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ–Trung ngày càng gay gắt, việc tham gia BRICS có thể bị diễn giải là “chọn phe”, đòi hỏi Hà Nội và New Delhi phải duy trì tính linh hoạt và truyền đạt rõ ràng rằng đây là hợp tác phát triển chứ không phải đối đầu. Thứ hai, cân bằng với Trung Quốc: dù là đối tác thương mại lớn, Trung Quốc vẫn là yếu tố then chốt trong “di sản chiến lược” của Việt Nam và “chiến lược chuỗi ngọc trai” của Ấn Độ; do đó cần cơ chế đánh giá rủi ro chính trị chung để tránh xung đột lợi ích. Thứ ba, cạnh tranh nội bộ Phương Nam: sự gia tăng ảnh hưởng của các thành viên BRICS khác (Iran, UAE) và sự thiếu đồng thuận nội khối có thể làm phức tạp hóa vị thế của Việt Nam–Ấn Độ, đòi hỏi hai nước phải chủ động dẫn dắt các sáng kiến cụ thể thay vì chỉ tham gia thụ động.

Tóm lại, Phương Nam toàn cầu không chỉ là “cơ hội vàng” mà còn là “bài toán cân bằng” chiến lược, nơi quan hệ Việt Nam–Ấn Độ có thể chuyển từ hợp tác song phương sang mô hình hợp tác Nam–Nam điển hình, góp phần định hình một trật tự khu vực Ấn Độ Dương–Thái Bình Dương dựa trên luật pháp quốc tế, đa cực và bao trùm.

## **5. Lĩnh vực hợp tác ưu tiên và đề xuất chính sách**

Dựa trên khung phân tích lịch sử, kinh tế, an ninh và bối cảnh Phương Nam toàn cầu, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ cần chuyển từ “hợp tác thực dụng” sang “hợp tác chiến lược toàn diện có giá trị gia tăng cao”. Các lĩnh vực ưu tiên được lựa chọn theo nguyên tắc bổ trợ lợi thế so sánh, giảm rủi ro địa chính trị và tận dụng diễn đàn BRICS, với các đề xuất cụ thể mang tính khả thi và đo lường được.

Thứ nhất, năng lượng tái tạo và hạ tầng xanh: tận dụng thế mạnh của Ấn Độ trong công nghệ gió và mặt trời, kết hợp với vị trí địa lý và nhu cầu lưới điện thông minh của Việt Nam. Đề xuất: thành lập “Quỹ Hạ tầng Nam–Nam Việt Nam–Ấn Độ” (dùng nguồn NDB/BRICS) để tài trợ các dự án quang điện, gió ngoài khơi và kết nối lưới ASEAN–Ấn Độ Dương; đồng thời ký Biên bản ghi nhớ chia sẻ kinh nghiệm vận hành lưới điện thông minh và đánh giá tác động môi trường–xã hội (EIA) bắt buộc cho mọi dự án lớn.

Thứ hai, công nghệ thông tin, số hóa và chuỗi giá trị công nghệ cao: kết hợp phần mềm, AI, dịch vụ số của Ấn Độ với năng lực sản xuất - lắp ráp của Việt Nam. Đề xuất: xây dựng các “Khu công nghiệp công nghệ cao chung” và “Diễn đàn Sáng

kiến Công nghiệp Việt Nam–Ấn Độ” thường niên (India-Vietnam Industrial Innovation Forums) để thúc đẩy liên doanh bán dẫn, linh kiện ô tô và dược phẩm; đồng thời ký Hiệp định công nhận văn bằng và chương trình đào tạo nhân lực số nhằm nâng tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa trong xuất khẩu từ mức hiện tại lên trên 50% trong 5 năm tới.

Thứ ba, công nghiệp chế tạo hàm lượng giá trị gia tăng và FDI chất lượng cao: tập trung thu hút FDI Ấn Độ vào các ngành then chốt (phụ tùng ô tô, dược phẩm, điện tử). Đề xuất: cải thiện môi trường đầu tư qua đơn giản hóa thủ tục, bảo hộ sở hữu trí tuệ mạnh mẽ và ưu đãi đặc thù (đất đai, đào tạo nhân lực); ưu tiên các tập đoàn lớn như Sun Pharma, Dr. Reddy’s Laboratories để biến Việt Nam thành trung tâm sản xuất dược phẩm khu vực; đồng thời khuyến khích đầu tư gián tiếp qua liên doanh và quỹ đầu tư.

Thứ tư, hợp tác an ninh toàn diện và phi truyền thống: xây dựng trên nền tảng VINBAX, Thỏa thuận Hỗ trợ Hậu cần và tặng tàu INS Kirpan. Đề xuất nâng cấp lên “Đối tác Chiến lược An ninh Toàn diện” với việc thành lập “Diễn đàn An ninh Việt Nam - Ấn Độ” cấp cao thường niên; ký Thỏa thuận Hợp tác Pháp lý Tương trợ và Thỏa thuận Hợp tác Tình báo; đề xuất sáng kiến an ninh hàng hải chung trong BRICS (chia sẻ thông tin, tuần tra); mở rộng hợp tác gìn giữ hòa bình và cứu nạn.

Thứ năm, hợp tác nhân lực, đào tạo và giao lưu nhân dân: mở rộng chương trình trao đổi học thuật, đào tạo nghề và di cư lao động lành nghề. Đề xuất: xây dựng “Bản đồ Con người Việt Nam–Ấn Độ” (Human Map) với học bổng song phương và hiệp định công nhận văn bằng.

Về cơ chế thể chế hóa: (i) Khung ưu đãi đầu tư song phương thống nhất; (ii) Quỹ tín dụng song phương và Quỹ Hạ tầng Nam–Nam; (iii) Cơ chế đánh giá rủi ro chính trị chung (political risk assessment) bao gồm chuỗi cung ứng và an ninh năng lượng; (iv) Sử dụng BRICS làm “cánh tay đòn” để đề xuất các sáng kiến cụ thể (an ninh hàng hải, hạ tầng xanh); (v) Duy trì chiến lược “hờ hững” (hedging) khéo léo với Trung Quốc thông qua đối thoại thường xuyên và truyền thông rõ ràng.

Các đề xuất trên không chỉ nhằm nâng cao hàm lượng giá trị gia tăng mà còn củng cố “tự chủ chiến lược” của cả hai nước, biến quan hệ Việt Nam–Ấn Độ thành mô hình hợp tác Nam–Nam điển hình trong trật tự đa cực mới. Việc thực thi cần sự phối hợp chặt chẽ giữa chính phủ, doanh nghiệp và viện nghiên cứu, với các chỉ số đo lường cụ thể (kim ngạch thương mại, vốn FDI, số dự án công nghệ cao, tần suất diễn đàn) để đảm bảo tính khả thi và bền vững.

## **Kết luận**

Quan hệ Vietnam – India đang chuyển dịch từ nền tảng lịch sử-ý thức hệ sang mối quan hệ thực dụng có chiều sâu chiến lược. Số liệu thương mại và đầu tư cho thấy mức độ bổ sung cao và tiềm năng gia tăng tích hợp chuỗi giá trị, trong khi Phương Nam toàn cầu mở ra kênh chính sách và tài chính mới cho hợp tác Nam–Nam (VietnamPlus, 2025; Reuters, 2025). Song để tận dụng cơ hội đó, cả hai bên cần: (1) nâng cao hàm lượng giá trị gia tăng trong thương mại; (2) khuyến khích FDI chất lượng từ Ấn Độ vào các ngành công nghệ cao; (3) củng cố cơ chế hợp tác thể chế và quỹ hỗ trợ dự án Nam–Nam; và (4) thiết lập cơ chế đánh giá rủi ro địa chính trị, chuỗi cung ứng và năng lượng.

Cuối cùng, bản chất của mối quan hệ này là một bài toán cân bằng: tận dụng Phương Nam để gia tăng không gian chính sách độc lập, đồng thời quản trị các rủi ro địa chính trị đang trỗi dậy. Với chính sách đúng đắn và cơ chế thực thi hiệu quả, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ có thể trở thành một trụ cột cho khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương hướng tới hợp tác nhiều chiều, công bằng và ổn định.

### **Tài liệu tham khảo**

Embassy of India, Hanoi. (2024). *Trade & Economic Relations*. Embassy of India, Hanoi. <https://www.indembassyhanoi.gov.in/page/trade-and-economic-relations/>

Lee Kuan Yew School of Public Policy (LKYSPP). (2024). *What does the rise of the Global South mean for the world?* LKYSPP Analysis. <https://lkyspp.nus.edu.sg/gia/article/what-does-the-rise-of-the-global-south-mean-for-the-world>

Ministry of Planning and Investment (MPI), Vietnam. (2024). *FDI attraction situation in Vietnam*. <https://www.mpi.gov.vn/en/Pages/2024-12-13/FDI-attraction-situation-in-Vietnam-and-Vietnam-s-t5iwhr.aspx>

TradingEconomics. (2026). *India Exports to Vietnam; Vietnam Exports to India* (data series). <https://tradingeconomics.com/india/exports/vietnam;> <https://tradingeconomics.com/vietnam/exports/india>. (truy cập 2026).

Reuters. (2025, January 6). *Indonesia joins BRICS bloc as full member, Brazil says*. Reuters. <https://www.reuters.com/world/indonesia-join-brics-bloc-full-member-brazil-says-2025-01-06/>

Vietnam News. (2016, September 3). *Viet Nam, India relations upgraded to comprehensive strategic partnership*. Vietnam News. <https://vietnamnews.vn/politics-laws/302217/viet-nam-india-relations-upgraded-to-comprehensive-strategic-partnership.html>

VietnamPlus / VNA. (2025, February 4). *Vietnam-India trade reaches 15 billion USD in 2024*. VietnamPlus. <https://en.vietnamplus.vn/vietnam-india-trade-reaches-15-billion-usd-in-2024-post309346.vnp>

VietnamPlus / VNA. (2026, January 13). *Vietnam-India trade sets new record at nearly 16.5 billion USD (2025)*. VietnamPlus. <https://en.vietnamplus.vn/vietnam-india-trade-sets-new-record-at-nearly-165-billion-usd-post335918.vnp>

WITS (World Bank). (2023). *Country trade profiles / India-Vietnam trade data*. World Integrated Trade Solution. <https://wits.worldbank.org/>

# CƠ HỘI CỦA ẤN ĐỘ TRONG NHÓM BRICS MỞ RỘNG ĐỂ ĐẠT VỊ THẾ LÃNH ĐẠO CỦA PHƯƠNG NAM TOÀN CẦU

TS. Ngô Phương Anh

“Phương Nam toàn cầu” phát triển từ quan niệm “quốc gia phía Nam”. Năm 1948, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc lần đầu đưa vấn đề phát triển kinh tế vào chương trình nghị sự của Liên Hợp Quốc khi phân chia thế giới thành “Bắc” và “Nam”. Phía Nam chủ yếu đề cập đến các vùng châu Phi, châu Mỹ Latinh, Caribe cũng như một phần của châu Á và châu Đại Dương - các nước thuộc nhóm kém phát triển. Trong chương trình nghị sự quốc tế, “quốc gia phía Nam” thường được dùng để chỉ số lượng lớn các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh, đại diện cho 3/4 dân số thế giới nhưng tiếng nói của các quốc gia này chưa được thể hiện một cách công bằng trong các cuộc thảo luận và ra quyết định quốc tế. Sự ra đời của phong trào “Không liên kết” và các nước G-77 đã giúp các nước phương Nam nâng cao ảnh hưởng trong các vấn đề chính trị và kinh tế quốc tế. Sau Chiến tranh Lạnh, dưới ảnh hưởng của xu thế toàn cầu hóa, vị thế kinh tế - chính trị của các nước Á, Phi, Mỹ Latinh ngày càng tăng lên. Đặc biệt kể từ thời điểm xung đột quân sự Nga - Ukraine diễn ra năm 2022 đến nay, hơn 80 nước đang phát triển từ châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh đã từ chối “chọn phe”, bất chấp sức ép đến từ Mỹ và các đồng minh phương Tây. Điều này đồng nghĩa với việc “phương Nam toàn cầu” đang thể hiện sự tự chủ mạnh mẽ trong chính trị quốc tế và trở thành một “nhóm” không thể bị “phớt lờ” trong cuộc chơi chung. Ấn Độ là một trong các quốc gia hỗ trợ mạnh mẽ nhất cho vai trò, ảnh hưởng và sự vươn lên của các nước phương Nam toàn cầu hiện nay, thông qua các cơ chế mà quốc gia này đang đóng vai trò chi phối, ảnh hưởng như G20, SCO và đặc biệt là BRICS. BRICS hay BRICS mở rộng<sup>1</sup> (BRICS+) được kỳ vọng sẽ mang lại cho

---

<sup>1</sup> BRICS là một tổ chức quốc tế bao gồm các nước thành viên: [Brasil](#), [Nga](#), [Ấn Độ](#), [Trung Quốc](#), [Nam Phi](#), [Ai Cập](#), [Ethiopia](#), [Iran](#), [Ả Rập Xê Út](#), [Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất](#) và [Indonesia](#). Tiền thân của tổ chức là BRIC, là chữ cái đầu trong tên tiếng Anh của 4 quốc gia: Brasil (Brazil), Nga (Russia), Ấn Độ (India) và Trung Quốc (China), do Nga thúc đẩy thành lập vào năm 2009. Sau đó kết nạp Nam Phi (South Africa) vào năm 2010. Ai Cập, Ethiopia, Iran, Ả Rập Xê Út và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) chính thức gia nhập từ ngày 1-1-2024, Indonesia gia nhập ngày 7-1-2025.

Ấn Độ cơ hội chiến lược khẳng định vai trò lãnh đạo phương Nam toàn cầu, thúc đẩy thế giới đa cực, giảm sự phụ thuộc vào đồng USD và thay đổi cấu trúc quản trị quốc tế. Thông qua BRICS, New Delhi cũng củng cố tầm ảnh hưởng, cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc, đề cao tư duy đối ngoại độc lập, tự chủ khi kết nối với các nước đang phát triển. Bài viết sẽ phân tích cơ hội của Ấn Độ trong nhóm BRICS mở rộng (BRICS+):

**Thứ nhất**, cơ hội trở thành cường quốc có trách nhiệm, hướng tới mục tiêu vị thế lãnh đạo của phương Nam toàn cầu.

Là nền văn minh vĩ đại tồn tại qua nhiều thế kỷ, là quốc gia có dân số đứng đầu thế giới và nằm ở vị trí địa lý thuận lợi khi là giao lộ giữa Nam Á, Trung Á và Ấn Độ Dương, Ấn Độ đã và đang bước vào kỷ nguyên “tự chủ chiến lược” trong thế kỷ XXI. Trên cơ sở xem xét “ngoại giao cân bằng giữa các cường quốc”, Ấn Độ chủ trương “đa liên kết” (multi-alignment) hợp tác với các nước khác nhau trong các vấn đề khác nhau. Điều này phản ánh quá trình chuyển đổi quan trọng từ truyền thống lịch sử ‘độc lập chiến lược’ sang ‘liên kết chiến lược’, cố gắng tăng cường quan hệ đối tác để tối ưu hóa các mục tiêu và lợi ích quốc gia. Kể từ khi xung đột Nga-Ukraine bùng nổ, ảnh hưởng quốc tế của “phương Nam toàn cầu” ngày càng rõ nét. Đây sẽ là nguồn lực quan trọng hỗ trợ Ấn Độ duy trì độc lập chiến lược, cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc và hiện thực hóa mục tiêu chuyển đổi từ một “cường quốc khu vực” thành một “cường quốc toàn cầu”. Ấn Độ đã khẳng định vai trò “người đại diện tiếng nói” cho phương Nam toàn cầu khi Thủ tướng Modi nhấn mạnh mục tiêu “nâng cao tiếng nói của các quốc gia ở Nam Bán cầu” trong nhiệm kỳ Chủ tịch G20 năm 2023. Cũng trong năm 2023, Ấn Độ đã hai lần tổ chức Hội nghị thượng đỉnh trực tuyến “Tiếng nói miền Nam toàn cầu” vào tháng 1 và tháng 11/2023, tập hợp hơn 120 quốc gia để thảo luận về những thách thức chung, thúc đẩy tiếng nói của các nước đang phát triển và nhấn mạnh nhu cầu cải cách quản trị toàn cầu. Tại Hội nghị thượng đỉnh G7 mở rộng tổ chức ở Italia (tháng 6-2024), ông Modi tiếp tục khẳng định “Ấn Độ coi trách nhiệm của mình là đưa các ưu tiên và mối quan tâm của các nước Nam Bán

cầu lên trường quốc tế” qua đó Ấn Độ xây dựng vị thế của một quốc gia có ảnh hưởng và đang nỗ lực đấu tranh mạnh mẽ cho một trật tự thế giới công bằng hơn. Là nước chủ nhà G20 năm 2023, Ấn Độ đã kết nối chương trình nghị sự BRICS với mục tiêu nâng cao vai trò của các nước đang phát triển. Ấn Độ là một trong những quốc gia đầu tiên sẵn sàng ủng hộ sự mở rộng BRICS nhưng với một thái độ thận trọng và có chọn lọc. Ưu tiên các quốc gia có tiềm năng kinh tế và chiến lược để đóng góp tích cực cho khối, Ấn Độ rất coi trọng Saudi Arabia và UAE, song lại kiên quyết phản đối Pakistan do tính phức tạp trong quan hệ và mâu thuẫn tồn tại lâu dài. Hành động này thể hiện việc Ấn Độ muốn duy trì BRICS như một cơ chế đa phương hiệu quả thực chất, trung lập và không trở thành công cụ để bất kể quốc gia nào có thể thao túng, qua đó thúc đẩy cải cách các thể chế toàn cầu. Ấn Độ cũng tận dụng BRICS để đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, giảm phụ thuộc vào các liên minh phương Tây mà vẫn giữ được sự độc lập trong chính sách. Một BRICS mở rộng, giàu mạnh, cân bằng và minh bạch là cơ hội cho Ấn Độ thể hiện vai trò “lãnh đạo” phương Nam toàn cầu, đồng thời sẽ là nơi các thành viên cùng hợp tác, hỗ trợ nhau vì lợi ích chung mà không bị chi phối bởi bất kỳ cường quốc nào, đặc biệt là Trung Quốc.

***Thứ hai***, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế năng động trong khu vực (Economic Engine)

Ấn Độ có cơ hội trở thành chủ thể củng cố, kết nối năng lực kinh tế nội khối, tạo cơ hội hợp tác sâu rộng hơn giữa các quốc gia BRICS+. Với mục tiêu thúc đẩy cải cách tài chính (Financial Reform), Ấn Độ chủ trương khai thác BRICS như một công cụ thúc đẩy kinh tế của các nền kinh tế đang lên, đồng thời khéo léo tránh để khối này trở thành trụ đỡ cho bất kỳ cường quốc nào khác. Ấn Độ đóng vai trò cốt lõi trong việc thúc đẩy sử dụng đồng nội tệ trong giao dịch thương mại và giảm sự phụ thuộc vào đồng USD, tìm kiếm hệ thống tài chính toàn cầu công bằng hơn. Quá trình chuyển đổi sang một cấu trúc kinh tế mới, đặc trưng bởi việc phi đô la hóa và đa dạng hóa các khuôn khổ tài chính toàn cầu, mang đến những cơ hội đồng thời với thách thức cho phương Nam toàn cầu. Quan niệm “phi đô la hóa” biểu thị sự thay đổi theo hướng độc lập, ổn định và khả năng phục hồi tài

chính, nhằm giảm sự phụ thuộc vào hệ thống tiền tệ truyền thống và giảm thiểu các tổn thương kinh tế. Nắm bắt mô hình đang định hình này, Ấn Độ cùng phương Nam toàn cầu có thể khai thác sức mạnh tập thể, thúc đẩy sự toàn diện về tài chính và hình thành một trật tự kinh tế công bằng và bền vững hơn, thúc đẩy tăng trưởng toàn diện và thịnh vượng chung. Với quy mô kinh tế khối BRICS sau khi mở rộng (chiếm khoảng 30 - 40% GDP toàn cầu), tại Hội nghị Thượng đỉnh BRICS diễn ra tại Rio de Janeiro (7/2025), Ấn Độ đã tận dụng lợi thế ghế chủ tọa sắp tới (dự kiến năm 2026) để tăng cường hội nhập các nền kinh tế trong BRICS với kinh tế ngoài phương Tây, đồng thời thúc đẩy một tuyên bố chung nghiêm khắc hơn với chủ nghĩa khủng bố (đề cập đến vụ tấn công vào Kashmir). Tái khẳng định là nền kinh tế phát triển nhanh nhất trong nhóm, Ấn Độ đóng vai trò là "động cơ" tăng trưởng quan trọng, đóng góp tích cực vào sự gia tăng quyền lực kinh tế của BRICS trên quy mô toàn cầu.

**Thứ ba**, cơ hội giúp Ấn Độ nâng cao lợi thế trong cạnh tranh chiến lược và hợp tác với các cường quốc khu vực trong bối cảnh của cục diện thế giới mới.

Cùng với SCO, BRICS+ là diễn đàn để Ấn Độ thể hiện sự đối trọng với ảnh hưởng của Trung Quốc, đồng thời duy trì quan hệ cân bằng với Nga và vai trò "Cầu nối đa cực" (Multipolar Bridge) với các đối tác mới.

Trong một khu vực có quá nhiều "ẩn số" như Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (ÂDD-TBD), cả Trung Quốc và Ấn Độ đều được dự báo sẽ trở thành "nước lớn trung tâm" với tầm ảnh hưởng chi phối. Vị thế "nước lớn" này không chỉ liên quan tới sức mạnh cứng về vị trí địa - chính trị, kinh tế, quân sự v.v...hay sức mạnh mềm về khả năng kết nối văn hóa - xã hội mà còn thể hiện sự kỳ vọng của mỗi nước đối với vị thế của mình trong hệ thống khu vực. Đối với Trung Quốc, tâm điểm của mục tiêu chiến lược là làm thế nào quốc gia này có thể nâng tầm từ một cường quốc khu vực sang vị thế của một cường quốc toàn cầu. Trong khi đó, Ấn Độ sẽ khó khăn hơn khi phải đối mặt với việc làm thế nào chuyển đổi từ cường quốc "tiểu vùng" trở thành một cường quốc có ảnh hưởng lan tỏa toàn khu vực châu Á. Về lâu dài, Ấn Độ sẽ từng bước vượt qua mốc khu vực, trực tiếp chuyển đổi sang phạm vi của một cường quốc toàn cầu. Đây đều là những nhân tố tâm lý

tăng sâu ảnh hưởng tới sự tác động lẫn nhau của hai quốc gia Trung - Ấn ở các tiểu khu vực của châu Á, cũng như tại các cơ chế đa phương mà cả hai cùng là thành viên quan trọng, đồng sáng lập như BRICS.

Cùng nhấn mạnh về sự xuất hiện của một “trật tự đa cực mới” trong quan điểm đối ngoại, song khác Trung Quốc, lập trường của Ấn Độ là một trật tự thế giới đa cực cần phải gắn với một châu Á đa cực, nhằm mục tiêu từng bước khẳng định vị thế cường quốc “thực sự” thay vì “cường quốc tầm trung” như hiện nay<sup>1</sup>. Để làm được điều đó, Ấn Độ cần hiện thực hóa tham vọng giành được vị trí Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an LHQ, với tư cách là lãnh đạo của các quốc gia đang phát triển. Quốc gia đi đầu ủng hộ nỗ lực này của Ấn Độ là Nga khi tại khóa họp thứ 77 của Đại hội đồng LHQ (UNGA) 9-2022, Ngoại trưởng Nga Sergey Lavrov nhấn mạnh *"Chúng tôi nhận thấy cơ hội để HĐBA trở nên dân chủ hơn bằng cách có đại diện từ các nước châu Phi, châu Á và châu Mỹ Latinh. Ấn Độ và Brazil là những nước lớn và nên được đề cử vào làm thành viên thường trực của Hội đồng"*<sup>2</sup>. Ngược lại với lập trường của Nga, Trung Quốc hiện là cường quốc duy nhất trong nhóm P-5 không ủng hộ Ấn Độ. Bên cạnh những mâu thuẫn tồn tại trong lịch sử, sự phản đối của Trung Quốc còn bắt nguồn từ tham vọng muốn trở thành đại diện châu Á duy nhất ngoài phương Tây là ủy viên thường trực HĐBA. Trung Quốc không có ý định chia sẻ không gian ảnh hưởng quan trọng này với một nước đang phát triển khác cùng khu vực là điều dễ hiểu. Quá trình cải tổ HĐBA vốn rất nghiêm ngặt, cần có sự ủng hộ của ít nhất 9 trong 15 ủy viên và sự đồng ý của cả 5 ủy viên thường trực. Trung Quốc sẽ cố gắng lôi kéo sự đồng thuận từ các cường quốc tầm trung khác trong việc ngăn cản nỗ lực giành ghế tại HĐBA của Ấn Độ. Không chỉ bất đồng quan điểm trong cải tổ HĐBA, Ấn Độ và Trung Quốc đều coi BRICS là một kênh đa phương gia tăng ảnh hưởng của mình đồng thời hạn chế vai trò của nước còn lại trong không gian khu vực. Tháng 11/2019, quyết định rút

---

<sup>1</sup> Thi thi (2022), “Vai trò của Ấn Độ trong cấu trúc an ninh khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và hàm ý cho Việt Nam”, <https://nghiencuuchienluoc.org/vai-tro-cua-an-do-trong-cau-truc-an-ninh-khu-vuc-an-do-duong-thai-binh-duong-va-ham-y-cho-viet-nam/> (truy cập 9-3-2026)

<sup>2</sup> “Nga hối thúc mở rộng Hội đồng Bảo an, ủng hộ Ấn Độ là thành viên thường trực”, <https://vtcnews.vn/nga-hoi-thuc-mo-rong-hoi-dong-bao-an-ung-ho-an-do-la-thanh-vien-thuong-truc-ar703043.html> (truy cập 9-3-2026)

khỏi Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) của Ấn Độ được thông báo tại Thái Lan. Là nước đông dân thứ hai thế giới, chiếm 40% thị trường thương mại và khoảng 10% GDP của RCEP, sự thiếu vắng của Ấn Độ sẽ làm cho RCEP, với sự dẫn dắt của Trung Quốc, giống như một thỏa thuận kinh tế châu Á hơn là thỏa thuận kinh tế Á-ĐD-TBD. Rút khỏi RCEP nhưng lại từng bước đàm phán thỏa thuận với thương mại với Mỹ và phương Tây đã thể hiện tính tự chủ rất cao trong các quyết sách của Ấn Độ. Từ chối tham gia RCEP, Ấn Độ đồng thời cũng không mặn mà với sáng kiến toàn cầu của Trung Quốc - BRI. Ấn Độ đã nhiều lần từ chối tham gia BRI và là thành viên duy nhất trong BRICS duy trì lập trường cứng rắn này. Thủ tướng Modi lý giải, nước này không ủng hộ các chủ trương ảnh hưởng tới chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia khác. Đối với Ấn Độ, hành lang kinh tế Trung Quốc - Pakistan (CPEC), được thiết lập trong khuôn khổ BRI, bao gồm cả phần lãnh thổ Kashmir đang tranh chấp giữa Ấn Độ và Pakistan<sup>1</sup>. Đặc biệt, Ấn Độ đã chủ động có những bước đi ngăn cản Pakistan gia nhập BRICS, coi đây là một phần trong chiến lược tách rời Pakistan khỏi các diễn đàn quyền lực mới nhằm hạn chế ảnh hưởng của Islamabad, vốn được xem là “mắt xích” trong chuỗi ảnh hưởng của Trung Quốc tại Nam Á.

Trung Quốc có xu hướng dựa vào Pakistan để đối trọng với sức mạnh của Ấn Độ tại khu vực khi đầu tư đáng kể cho việc mở rộng cơ sở hạ tầng của Pakistan, trong đó dự án đáng chú ý là nâng cấp cảng Gwadar, có vị trí chiến lược ở cửa eo biển Hormuz. Tuyến đường sắt từ Gwadar qua dãy núi Karakoram dẫn vào phía tây Tân Cương của Trung Quốc sẽ tạo cho Trung Quốc một tuyến đường cung cấp năng lượng thay thế, bất chấp sự phản đối của Ấn Độ đối với các hoạt động tại vùng Kashmir đang nằm dưới sự kiểm soát của Pakistan. Sự hiện diện của Trung Quốc ở Vịnh Bengal qua các tuyến đường và các cảng ở Miền Điện, cũng như ở Biển Ả Rập thông qua cảng Gwadar ở Pakistan tạo dựng “chuỗi ngọc trai”, đã trở thành mối lo ngại lớn cho Ấn Độ. Nhờ Cảng Gwadar, Trung Quốc có thể “theo dõi các hoạt động của hải quân Mỹ ở khu vực Vịnh Ba Tư, hoạt động của Ấn Độ

---

<sup>1</sup> Vijay Gokhale (2021), *The Road from Galwan: The Future of India-China Relations*, Carnegie Endowment for International Peace, p.8

trong vùng biển Ả Rập, và hợp tác hàng hải Mỹ-Ấn trong tương lai ở Ấn Độ Dương”<sup>1</sup>. Mặc dù năng lực của hải quân Pakistan chưa đến mức đặt ra bất kỳ thách thức nào đối với Ấn Độ, nhưng lực lượng hải quân kết hợp của Trung Quốc và Pakistan thực sự là mối nguy lớn mà Ấn Độ phải đối phó<sup>2</sup>. Đó là lý do Ấn Độ đã có những thay đổi bước ngoặt trong chính sách đối ngoại, khi xích lại gần Mỹ (gia nhập QUAD, cho phép trinh sát cơ Mỹ tiếp nhiên liệu tại quần đảo Andaman ở Vịnh Bengal) và tham gia nhiều diễn đàn, tổ chức do Trung Quốc chủ xướng (SCO, BRIC..), đồng thời dần từ bỏ chính sách phi liên kết có từ thời thủ tướng Nehru (những năm 1950) để trở nên “đa liên kết” trong một thế giới kết nối hiện nay. Những hành động đó cho thấy Ấn Độ không chỉ củng cố vị thế trong BRICS mà còn tận dụng diễn đàn để tăng sức ép ngoại giao với Pakistan và Trung Quốc đặc biệt về các vấn đề khủng bố và an ninh khu vực. Quá trình tách rời Pakistan trong BRICS giúp Ấn Độ giảm thiểu áp lực cạnh tranh trực tiếp nội khối, đồng thời giữ được thế chủ động trong các cuộc đàm phán với Trung Quốc và các thành viên khác, hướng tới một BRICS cân bằng và có tính hiệu quả cao hơn cho lợi ích của các nước đang phát triển mà Ấn Độ hướng đến vị thế dẫn đầu.

Bên cạnh đó, BRICS cũng tạo ra không gian giúp Ấn Độ thắt chặt hơn quan hệ với Nga khi cả hai đều là những thành viên đồng sáng lập. Hợp tác Nga - Ấn là ví dụ điển hình của mối quan hệ bền vững, không bị che lấp bởi bất cứ “bóng đen mâu thuẫn” hay tranh chấp lịch sử nào. Hai nước cũng chia sẻ quan điểm chung về tầm quan trọng của luật pháp quốc tế, xây dựng thế giới đa cực, chống chủ nghĩa khủng bố... từ đó tích cực phối hợp hành động ở cả góc độ song phương và trong các cơ chế đa phương như BRICS. Tuy nhiên quan hệ “hợp tác không giới hạn” giữa Nga và Trung Quốc giai đoạn gần đây đã tạo ra nhiều lo ngại cho Ấn Độ rằng Trung Quốc có thể coi đó là lợi thế để hướng tới những hành động quyết đoán hơn trong các vấn đề lãnh thổ với Ấn Độ. Ngược lại, Moskva cũng đón nhận phản ứng nảy lửa từ phía Bắc Kinh khi tăng cường bán vũ khí cho New Delhi,

---

<sup>1</sup> Vijay Gokhale (2021), The Road from Galwan: The Future of India-China Relations, Carnegie Endowment for International Peace, p.18

<sup>2</sup> nt

nhất là sau cuộc đụng độ quân sự ở biên giới trên dãy Himalaya năm 2020. Hiện nay cả Ấn Độ và Trung Quốc đều rất coi trọng mối quan hệ song phương với Nga. Việc cùng tham gia vào BRICS cũng tạo cơ hội cho các bên tranh thủ lôi kéo, tận dụng và phát triển quan hệ hợp tác với Nga dựa trên tính toán cân nhắc chiến lược của mỗi bên. Đối với Ấn Độ, Nga chính là đòn bẩy có sức ảnh hưởng để định hình và thay đổi lập trường cứng rắn của Trung Quốc trong tranh chấp biên giới. Đối với Trung Quốc, củng cố và phát triển mối quan hệ tốt đẹp với Nga là lựa chọn chiến lược phù hợp với lợi ích quốc gia, vai trò của BRICS trong quan hệ Nga-Trung có thể được coi như một sân chơi, một “dự án mang tính xây dựng chung” để thúc đẩy hợp tác<sup>1</sup>. Mặc dù vậy, bản thân nước Nga cũng có những tính toán cho riêng mình. Quan hệ “tam giác” Nga-Trung-Ấn luôn tiềm ẩn những rắc rối khó lường và việc bị kẹp giữa một mối quan hệ nước lớn không bao giờ là điều dễ chịu. Mặc dù quan hệ Nga - Trung Quốc mang lại hiệu quả thực chất hơn và có tính chiến lược then chốt, nhưng Ấn Độ lại có tầm quan trọng về địa - chính trị lớn đối với Nga. Thế "cân bằng chiến lược ở châu Á" luôn là điều được những nhà ngoại giao Nga nhắc đến trong những phát biểu liên quan đến căng thẳng Trung - Ấn<sup>2</sup>. Mang không ít bất đồng chông chéo, Nga - Trung - Ấn vẫn được đánh giá là “tam giác chiến lược” với cơ chế phối hợp ba bên (RIC), được kỳ vọng sẽ nâng tầm vị thế cho “mỗi đỉnh của tam giác” trong các cơ chế đa phương như BRICS dù sự liên kết này vẫn tỏ ra gượng gạo. Cả ba nước đều đang thực hiện một chính sách đối ngoại thực dụng, tìm cách mở rộng tầm ảnh hưởng quốc tế, và trong nhiều trường hợp tính toán chiến lược của nước này lại va chạm với lợi ích quốc gia của nước khác trong một mối quan hệ luôn trong tình trạng bấp bênh. Trong bối cảnh đó, câu hỏi đặt ra là liệu Ấn Độ có phải đối mặt với sức ép cạnh tranh với Trung Quốc và Nga trong mục tiêu dẫn dắt Phương Nam toàn cầu?! Đó cũng là lý do Ấn Độ luôn định hướng một con đường nhiều sắc thái trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu với cả Trung Quốc và Nga ở Nam bán cầu. Theo Giám đốc

---

<sup>1</sup>Wu Ting (2021), Development of Chinese-Russian Relations Within the SCO, *Advances in Social Science, Education and Humanities Research*, volume 531

<sup>2</sup>Từ Uyên (2020), “Vai trò của Nga trong đối đầu Trung - Ấn”, <https://cand.com.vn/Chuyen-de/Vai-tro-cua-Nga-trong-doi-dau-Trung-An-i573569/> (truy cập 9-3-2026)

Trung tâm Stockholm về các vấn đề Nam Á và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tại Viện Chính sách An ninh và Phát triển, Jagannath Panda: “Ấn Độ không muốn BRICS trở thành một công cụ để Trung Quốc và Nga thúc đẩy các lợi ích riêng biệt của họ, mà phải là một nền tảng để thúc đẩy hợp tác đa phương thật sự”. Trong khi thừa nhận sức mạnh kinh tế của Trung Quốc và tầm quan trọng chiến lược của Nga, Ấn Độ tự coi mình là một nền dân chủ sôi động, một cường quốc kinh tế đang phát triển và là nhân tố chủ chốt trong việc thúc đẩy hợp tác Nam - Nam. Tận dụng sự đa dạng trong chiều sâu văn hóa, tiến bộ vượt trội về công nghệ và tiềm năng kinh doanh với một thị trường khổng lồ năng động, Ấn Độ đặt mục tiêu củng cố vai trò của mình như một “nhà lãnh đạo” có trách nhiệm với phương Nam toàn cầu, thúc đẩy sự phát triển toàn diện, đổi mới và tăng trưởng bền vững trong quan hệ đối tác với các nền kinh tế mới nổi khác.

**Thứ tư**, tạo cơ hội mở rộng ảnh hưởng địa - chính trị của Ấn Độ, chuẩn bị cho một tương lai của trật tự thế giới mới.

Với chính sách đối ngoại “đa liên kết” mang định hướng mở, hài hòa và đa dạng, Ấn Độ thông qua các cơ chế đa phương như BRICS để thúc đẩy một thế giới đa cực, quản trị toàn cầu toàn diện, chia sẻ quyền lực thay vì độc quyền. Với việc mở rộng thành viên, BRICS+ gia tăng tỷ trọng trong GDP toàn cầu (đạt 36,7% năm 2024), mang lại tiếng nói có “trọng lượng” hơn cho Ấn Độ trên trường quốc tế. Ngược lại, là "nền dân chủ lớn nhất thế giới", Ấn Độ cũng mang đến cho BRICS một di sản chính trị độc đáo, góp phần đa dạng hóa bức tranh thể chế trong một cơ chế tồn tại nhiều mô hình chính trị khác biệt - từ các nước theo chế độ nhất nguyên một Đảng như Trung Quốc, Nga đến các nền dân chủ đa đảng như Brazil và Nam Phi<sup>1</sup>.

Ấn Độ coi BRICS là cơ chế quan trọng, sẵn sàng cho một trật tự thế giới mới nếu các tổ chức cũ (như LHQ, IMF, WB...) không còn hiệu quả. Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc - biểu tượng của trật tự quốc tế cũ - vẫn chưa có đại diện thường trực từ Nam Á, châu Phi hay Mỹ Latinh. Với sức mạnh kinh tế và quân sự hiện

---

<sup>1</sup> Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ (2025), “Ấn Độ và ảnh hưởng đối với BRICS: Tăng trưởng kinh tế và động lực chính trị”, <https://cis.org.vn/an-do-va-anh-huong-doi-voi-brics-tang-truong-kinh-te-va-dong-luc-chinh-tri-12308.html> (truy cập 6/4/2026)

đại, sở hữu vũ khí hạt nhân, Ấn Độ là một trong những ứng cử viên sáng giá cho vị trí Ủy viên thường trực HĐBA LHQ trong điều kiện tổ chức quốc tế lớn nhất hành tinh này cải tổ. Trong nhiều thập kỷ qua, Ấn Độ đã kiên trì tìm kiếm một ghế thường trực lại HĐBA LHQ nhưng không đạt được kỳ vọng. Những lời kêu gọi cải cách LHQ cũng đã vang lên hàng thập kỷ nhưng vẫn không đạt được kết quả. Trong bối cảnh đó, các thiết chế mới như BRICS hay Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) đang nổi lên như những cơ chế đối trọng trên cả lĩnh vực kinh tế tới các vấn đề chiến lược toàn cầu. Ngoài ra, Ngân hàng Phát triển Mới (Ngân hàng BRICS), mặc dù đang ở giai đoạn non trẻ, nhưng đã thể hiện một giải pháp thay thế đầy hứa hẹn cho IMF và WB, cung cấp nền tảng cho các nền kinh tế mới nổi huy động nguồn tài chính, tài trợ cho các dự án bền vững và giải quyết các thách thức phát triển. Trong khi IMF và WB tự hào về lịch sử hoạt động lâu dài hơn và phạm vi địa lý rộng hơn, Ngân hàng BRICS (NDB), với trọng tâm là tài trợ cơ sở hạ tầng, phát triển bền vững và toàn diện, đưa ra một mô hình tài chính linh hoạt và đáp ứng phù hợp với nhu cầu của các quốc gia thành viên BRICS và hơn thế nữa. Khi NDB phát triển, sự phối hợp chiến lược giữa các tổ chức tài chính quốc tế có thể thúc đẩy sự phối hợp, ổn định tài chính và đẩy mạnh tăng trưởng toàn diện trên toàn thế giới. Ấn Độ sẽ tận dụng nhiệm kỳ Chủ tịch BRICS để thúc đẩy ổn định quốc tế, tăng cường an ninh lương thực và năng lượng, mở rộng cơ hội phát triển cho phương Nam toàn cầu.

Đối với Ấn Độ, bất cứ quốc gia nào muốn trở thành một trụ cột trong một thế giới đa cực, quốc gia đó phải chứng minh bằng hành động đảm bảo lợi ích toàn cầu, chứ không phải lợi ích cục bộ, vị kỷ. Tư duy đa phương thúc đẩy Ấn Độ sẵn sàng hợp tác nhưng cũng sẵn sàng “đối trọng” nếu bất kỳ quốc gia nào theo đuổi con đường thống trị trong một thế giới đa cực mới. Điều này chứng minh rõ lập trường nguyên tắc của Ấn Độ thông qua BRICS nhằm xây dựng một trật tự thế giới mới, không phải để thay đổi “người lãnh đạo” mà là thay đổi cách thức quản trị toàn cầu - từ độc quyền sang chia sẻ, kết nối, từ áp đặt, chi phối sang hợp tác, cùng có lợi.

## **Lời kết**

Thập kỷ tới sẽ là thời điểm của những chuyển biến năng động trong quan hệ quốc tế gắn liền với sự hình thành cấu trúc thế giới đa cực, quản trị toàn cầu và tăng cường vị thế của các nước đang phát triển. Toàn cầu hóa và tiến bộ khoa học công nghệ sẽ tạo điều kiện gia tăng mức độ phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia đồng thời cũng thúc đẩy cạnh tranh cường quốc. Mỗi quốc gia có chủ quyền sẽ có nhiều lựa chọn chính sách hơn trong thế giới đa cực nhưng không có gì đảm bảo rằng một thế giới như vậy nhất định sẽ hòa bình và ổn định. Ấn Độ cùng với các nước khác có thể đóng góp vào sự phát triển của một thế giới đa cực dựa trên ý tưởng hài hòa trong đa dạng, pháp quyền và cân bằng lợi ích trong hợp tác. Tận dụng vai trò là thành viên sáng lập và chủ chốt trong BRICS, Ấn Độ đang điều chỉnh chiến lược đối ngoại để không chỉ phù hợp với những thay đổi trong cấu trúc tổ chức mà còn tối ưu hóa lợi ích quốc gia trong bối cảnh quốc tế và khu vực có nhiều biến động phức tạp. Ấn Độ đang hướng tới xây dựng một cơ chế đa phương có sức nặng, có tiếng nói và xa hơn có thể nâng cấp BRICS từ một tổ chức khu vực thành một cấu trúc mang tầm ảnh hưởng toàn cầu, đại diện cho một trật tự thế giới mới dần định hình. Muốn hiện thực hóa khát vọng này, Ấn Độ cần khéo léo giải quyết sự khác biệt về quan điểm giữa các quốc gia thành viên, đặc biệt là giữa Trung Quốc và Ấn Độ, để duy trì tinh thần đoàn kết nội khối, nhằm bảo đảm BRICS+ không trở thành một liên minh chống phương Tây, mà sẽ là công cụ bảo vệ lợi ích quốc gia và thúc đẩy sự phát triển của phương Nam toàn cầu.

### **Tài liệu tham khảo**

1. FRANK O'DONNELL AND MIHAELA PAPA (2021), India's multi-alignment management and the Russia–India–China (RIC) triangle, *International Affairs* 97: 3, p.809
2. Maj Jefferson E. Turner (2005), *“What is Driving India's and Pakistan's Interest in Joining the Shanghai Cooperation Organization?”*, Strategic Insights, Volume IV, Issue 8, the Center for Contemporary Conflict at the Naval Postgraduate School in Monterey, California

3. QIANG Xiaoyun, CAO Jiahan (2023), China's Initiatives and the Development of Shanghai Cooperation Organization: Conceptual Guidance and Cooperative Vision, Shanghai Institutes for International Studies, p.8
4. Vijay Gokhale (2021), The Road from Galwan: The Future of India-China Relations, Carnegie Endowment for International Peace, p.8
5. Wu Ting (2021), Development of Chinese-Russian Relations Within the SCO, Advances in Social Science, Education and Humanities Research, volume 531

# QUAN HỆ BA BÊN ẤN ĐỘ - NHẬT BẢN - ASEAN: LIÊN KẾT KINH TẾ VÀ AN NINH

TS. Phạm Lê Dạ Hương, Nguyễn Hải Linh\*

## Tóm tắt:

Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đang chứng kiến những biến động sâu sắc về địa chính trị và kinh tế, quan hệ giữa Ấn Độ, Nhật Bản và ASEAN ngày càng nổi lên như một cấu trúc hợp tác quan trọng. Bài viết này phân tích sự phát triển của quan hệ ba bên trên hai trụ cột chính là liên kết kinh tế và hợp tác an ninh. Thông qua việc đánh giá các cơ chế hợp tác, dòng chảy thương mại - đầu tư và các sáng kiến an ninh khu vực, bài viết chỉ ra những cơ hội và thách thức đặt ra đối với các bên liên quan. Từ đó, bài viết khẳng định rằng quan hệ Ấn Độ - Nhật Bản - ASEAN không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì cân bằng chiến lược và ổn định khu vực.

**Từ khoá:** Quan hệ ba bên; Ấn Độ - Nhật Bản - ASEAN; liên kết kinh tế; liên kết an ninh; hợp tác

## 1. MỞ ĐẦU

Hiện nay, khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương không chỉ là tâm điểm tăng trưởng kinh tế mà còn là không gian cạnh tranh chiến lược ngày càng gia tăng. Sự trỗi dậy của các chủ thể mới cùng quá trình tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu đang thúc đẩy trật tự khu vực chuyển dịch theo hướng đa cực và linh hoạt hơn. Trong bối cảnh đó, các cơ chế hợp tác tiểu đa phương giữa những đối tác có lợi ích tương đồng ngày càng trở nên quan trọng.

Trong số các chủ thể nổi bật, Ấn Độ, Nhật Bản và ASEAN được xem là những trụ cột quan trọng của cấu trúc khu vực. Ấn Độ là nền kinh tế đang nổi với vai trò

---

\* Học viện Báo chí và Tuyên truyền

ngày càng gia tăng với kim ngạch thương mại với ASEAN đạt trên 120 tỷ USD giai đoạn 2023 - 2024 và duy trì tốc độ tăng trưởng khoảng 6 - 7% năm 2025; Nhật Bản tiếp tục giữ vị thế là đối tác đầu tư và công nghệ hàng đầu với tổng vốn FDI vào ASEAN đạt khoảng 17,5 tỷ USD năm 2024 và duy trì vị trí trong nhóm 5 nhà đầu tư lớn nhất khu vực; trong khi ASEAN đóng vai trò trung tâm và cầu nối giữa các cường quốc. Sự tương tác giữa ba bên phản ánh xu hướng liên kết đa tầng trong khu vực.

Tuy nhiên, quan hệ giữa ba chủ thể này không phải là một liên minh chính thức, mà là một cấu trúc hợp tác linh hoạt, đa dạng về lĩnh vực và mức độ thể chế hóa. Các bên vừa thúc đẩy hợp tác kinh tế, hạ tầng và chuỗi cung ứng, vừa tăng cường phối hợp trong các vấn đề an ninh, đặc biệt là an ninh biển. Đồng thời, sự khác biệt trong cách tiếp cận, nhất là lập trường thận trọng của Ấn Độ đối với các liên minh quân sự, đặt ra câu hỏi về mức độ gắn kết và triển vọng của mối quan hệ này.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích quan hệ giữa Ấn Độ, Nhật Bản và ASEAN trên hai trụ cột chính là liên kết kinh tế và hợp tác an ninh, qua đó đánh giá vai trò, cơ hội và thách thức của liên kết ba bên trong bối cảnh khu vực đang biến động.

## **2. TẦM QUAN TRỌNG CỦA LIÊN KẾT BA BÊN ẤN ĐỘ - NHẬT BẢN-ASEAN VỀ KINH TẾ VÀ AN NINH**

Trong bối cảnh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đang chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc cùng với sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, cấu trúc khu vực ngày càng trở nên phức tạp và đa cực hơn. Những biến động này không chỉ làm gia tăng áp lực cạnh tranh mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với các quốc gia trong việc tăng cường hợp tác nhằm bảo đảm lợi ích kinh tế và an ninh. Trong bối cảnh đó, liên kết giữa Ấn Độ, Nhật Bản và ASEAN nổi lên như một cơ chế hợp tác linh hoạt, góp phần thích ứng với môi trường khu vực đang chuyển dịch nhanh chóng.

Về kinh tế, liên kết ba bên mang lại lợi ích rõ rệt thông qua việc tận dụng tính bổ trợ giữa các nền kinh tế. ASEAN với vai trò trung tâm sản xuất và thị trường tiêu dùng năng động, Ấn Độ với tiềm năng tăng trưởng cao và quy mô thị trường lớn, cùng Nhật Bản với năng lực tài chính và công nghệ, tạo nên một không gian hợp tác giúp mở rộng thương mại, thúc đẩy đầu tư và tăng cường kết nối chuỗi cung ứng. Trong bối cảnh các doanh nghiệp toàn cầu đang có xu hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng để giảm phụ thuộc vào một thị trường duy nhất, liên kết này góp phần nâng cao khả năng chống chịu và tính tự chủ kinh tế của khu vực.

Trên phương diện an ninh, hợp tác giữa ba bên có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì cân bằng chiến lược và ổn định khu vực. Trước sự gia tăng cạnh tranh giữa các nước lớn, đặc biệt trong các vấn đề như an ninh biển và tự do hàng hải, sự phối hợp giữa Ấn Độ, Nhật Bản và ASEAN góp phần củng cố trật tự dựa trên luật lệ và hạn chế nguy cơ xung đột. Đồng thời, liên kết này cho phép các bên vừa tăng cường năng lực an ninh, vừa duy trì tính linh hoạt chiến lược: Nhật Bản và Ấn Độ mở rộng vai trò trong khu vực, trong khi ASEAN tiếp tục giữ vị trí trung tâm và cân bằng quan hệ với các cường quốc.

Tổng thể, trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gia tăng, liên kết Ấn Độ - Nhật Bản - ASEAN không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc định hình cân bằng quyền lực khu vực, qua đó góp phần duy trì ổn định và trật tự tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

### **3. MỘT SỐ LIÊN KẾT KINH TẾ VÀ AN NINH GIỮA ẤN ĐỘ - NHẬT BẢN - ASEAN**

#### *3.1. Liên kết kinh tế*

Quan hệ thương mại và đầu tư giữa Ấn Độ, Nhật Bản và ASEAN là trụ cột quan trọng nhất trong liên kết kinh tế ba bên, phản ánh mức độ hội nhập và bổ trợ lẫn nhau giữa các nền kinh tế. Trong đó, ASEAN giữ vai trò trung tâm với tư cách là một trong những khu vực thu hút đầu tư lớn nhất thế giới, với dòng vốn FDI đạt khoảng 226 tỷ USD năm 2024, tăng 8% trong bối cảnh FDI toàn cầu suy giảm.

Điều này cho thấy ASEAN không chỉ là thị trường tiêu thụ mà còn là “điểm đến sản xuất” chiến lược của các đối tác lớn như Nhật Bản và Ấn Độ.

ASEAN và Ấn Độ đã và đang đẩy mạnh hợp tác kinh tế - thương mại, giúp tăng trưởng đáng kể trong hơn một thập kỷ qua, với kim ngạch hai chiều đạt trên 120 tỷ USD giai đoạn 2023 - 2024 và ASEAN hiện là đối tác thương mại lớn thứ tư của Ấn Độ. Tuy nhiên, cấu trúc thương mại này bộc lộ nhiều hạn chế. Ấn Độ liên tục ghi nhận thâm hụt thương mại lớn với ASEAN, lên tới khoảng 40 - 45 tỷ USD, phản ánh năng lực cạnh tranh còn yếu trong lĩnh vực chế tạo và xuất khẩu công nghiệp. Đáng chú ý, cơ cấu xuất khẩu của Ấn Độ sang ASEAN vẫn tập trung vào các mặt hàng có giá trị gia tăng thấp hoặc trung bình như nguyên liệu thô, dược phẩm và nông sản, trong khi nhập khẩu chủ yếu là hàng công nghiệp, điện tử và máy móc. Điều này cho thấy Ấn Độ chưa thực sự tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực, dù có lợi thế về quy mô thị trường và lực lượng lao động.

So với Ấn Độ, Nhật Bản có mức độ hội nhập kinh tế với ASEAN sâu hơn và ổn định hơn. Nhật Bản hiện là đối tác thương mại lớn thứ tư và nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn thứ năm của ASEAN, với kim ngạch thương mại hai chiều năm 2024 đạt 236,6 tỷ đô la Mỹ và tổng vốn đầu tư đạt 17,5 tỷ đô la Mỹ. Đặc biệt, các sáng kiến của Nhật Bản nhằm tăng cường hợp tác ở khu vực và với ASEAN, trong đó các sáng kiến Đồng kiến tạo, Cộng đồng châu Á phát thải ròng bằng 0 (AZEC), Chuyên dịch Năng lượng châu Á (AETI), đang mang lại lợi ích cụ thể cho người dân ở cả hai khu vực. Đồng thời, quốc gia này còn đóng vai trò quan trọng trong việc định hình các chuỗi sản xuất khu vực, các tập đoàn Nhật Bản đã thiết lập mạng lưới sản xuất rộng khắp tại Đông Nam Á, đặc biệt trong các ngành công nghiệp ô tô, điện tử và chế tạo.

Ngoài ra, Nhật Bản còn là nguồn cung cấp vốn đầu tư và công nghệ chủ chốt. Mặc dù tỷ trọng FDI của Nhật Bản trong ASEAN có xu hướng giảm tương đối trong những năm gần đây (khoảng 7% tổng FDI giai đoạn 2023 - 2024), nước này vẫn duy trì ảnh hưởng lớn nhờ chất lượng đầu tư cao và khả năng dẫn dắt chuỗi cung ứng. Điều này cho thấy Nhật Bản không chỉ là đối tác thương mại mà còn là “kiến

trúc sư” của cấu trúc kinh tế khu vực, đóng vai trò trung gian kết nối ASEAN với các chuỗi giá trị toàn cầu.

Bên cạnh đó, sự phát triển còn chịu tác động mạnh mẽ từ các khuôn khổ thể chế và hiệp định kinh tế khu vực. Chính các hiệp định này đã tạo nền tảng pháp lý và định hướng chiến lược cho quá trình hội nhập, đồng thời định hình mức độ và chiều sâu liên kết giữa các bên.

Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ (AIFTA) được ký kết năm 2009 và có hiệu lực từ năm 2010, với mục tiêu tự do hóa khoảng 90% dòng thuế quan giữa ASEAN và Ấn Độ. Hiệp định này đã góp phần thúc đẩy thương mại hai chiều tăng từ khoảng 40 tỷ USD năm 2010 lên hơn 120 tỷ USD giai đoạn 2023 - 2024. Tuy nhiên, lợi ích phân bổ không đồng đều khi Ấn Độ liên tục ghi nhận thâm hụt thương mại lớn với ASEAN, phản ánh năng lực cạnh tranh hạn chế trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Điều này cho thấy AIFTA tạo điều kiện thuận lợi hơn cho ASEAN trong mở rộng xuất khẩu, trong khi Ấn Độ vẫn gặp khó khăn trong việc tận dụng hiệu quả hiệp định.

Bên cạnh đó, sáng kiến “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” (FOIP) do Nhật Bản khởi xướng từ năm 2016 không chỉ là một chiến lược địa chính trị mà còn mang nội hàm kinh tế rõ nét, tập trung vào phát triển hạ tầng chất lượng cao, thúc đẩy thương mại tự do và nâng cao tiêu chuẩn kết nối khu vực. Thông qua FOIP, Nhật Bản đã đẩy mạnh cung cấp ODA và đầu tư hạ tầng tại ASEAN, qua đó củng cố vai trò dẫn dắt kinh tế khu vực. Đối với ASEAN, sáng kiến này giúp đa dạng hóa nguồn vốn và nâng cao năng lực kết nối. Trong khi đó, Ấn Độ tham gia FOIP với mức độ thận trọng hơn, chủ yếu tập trung vào hợp tác chiến lược và kết nối khu vực, nhưng chưa thể hiện vai trò nổi bật về kinh tế so với Nhật Bản.

Đối với Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), đây là hiệp định thương mại tự do lớn nhất thế giới, có hiệu lực từ năm 2022, bao phủ khoảng 30% GDP toàn cầu. RCEP giúp đơn giản hóa quy tắc xuất xứ và giảm chi phí giao dịch, từ đó thúc đẩy liên kết chuỗi cung ứng giữa ASEAN và các đối tác như Nhật Bản.

Nhật Bản đặc biệt hưởng lợi khi có thể mở rộng mạng lưới sản xuất trong khu vực thông qua các quy tắc thương mại thống nhất. Trong khi đó, việc Ấn Độ rút khỏi RCEP vào năm 2019 do lo ngại thâm hụt thương mại và sức ép cạnh tranh trong nước đã khiến nước này đứng ngoài một cấu trúc kinh tế quan trọng, hạn chế khả năng hội nhập sâu vào chuỗi giá trị khu vực.

Tổng thể, từ nền tảng ban đầu của AIFTA chủ yếu tập trung vào tự do hóa thương mại hàng hóa, liên kết kinh tế giữa ba bên đã từng bước mở rộng sang các khuôn khổ có mức độ tích hợp cao hơn như RCEP với việc hài hòa quy tắc xuất xứ và thúc đẩy chuỗi cung ứng khu vực, cũng như FOIP với trọng tâm về kết nối hạ tầng và tiêu chuẩn kinh tế. Tuy nhiên, quá trình chuyển từ hợp tác thương mại đơn thuần sang liên kết kinh tế đa chiều vẫn diễn ra không đồng đều, khi Nhật Bản và ASEAN tận dụng hiệu quả hơn các cơ chế này, trong khi Ấn Độ vẫn hạn chế về mức độ hội nhập và tham gia thể chế.

### *3.2. Hợp tác an ninh*

Liên kết an ninh giữa Ấn Độ, Nhật Bản và ASEAN hiện nay có xu hướng gia tăng, nhưng không hình thành một liên minh quân sự chính thức mà chủ yếu được triển khai thông qua các cơ chế đa phương linh hoạt do ASEAN giữ vai trò trung tâm. Điểm nổi bật là sự kết hợp giữa các thiết chế khu vực và các sáng kiến an ninh có sự tham gia của Ấn Độ và Nhật Bản.

Trước hết, các cơ chế như ASEAN Regional Forum (ARF) và East Asia Summit (EAS) đóng vai trò nền tảng trong hợp tác an ninh ba bên. ARF tập trung vào xây dựng lòng tin, ngoại giao phòng ngừa và hợp tác an ninh phi truyền thống, trong khi EAS là diễn đàn cấp cao định hình các nguyên tắc chiến lược của khu vực. Tại Hội nghị EAS 2025, các nước tiếp tục khẳng định cam kết duy trì một khu vực “tự do, rộng mở và dựa trên luật lệ”, đồng thời nhấn mạnh vai trò trung tâm của ASEAN. Thông qua đó, Ấn Độ và Nhật Bản không chỉ tham gia đối thoại mà còn góp phần định hình chuẩn mực an ninh khu vực.

Bên cạnh đó, Quadrilateral Security Dialogue (Quad) là khuôn khổ quan trọng có sự tham gia của Ấn Độ và Nhật Bản, với phạm vi triển khai tập trung vào khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, trong đó Đông Nam Á giữ vị trí trung tâm. Dù không bao trùm ASEAN, các sáng kiến của Quad trong lĩnh vực an ninh biển, hạ tầng và chuỗi cung ứng đã hỗ trợ cho các cơ chế do ASEAN dẫn dắt, góp phần nâng cao năng lực an ninh khu vực.

Trên cơ sở đó, hợp tác thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực hàng hải, ngày càng được đẩy mạnh. Ấn Độ gia tăng hiện diện thông qua triển khai huấn luyện và các cuộc tập trận đa phương như IONS và MILAN (2026) với sự tham gia của nhiều nước ASEAN, đồng thời thúc đẩy hợp tác về nhận thức tình huống hàng hải (MDA) và an ninh phi truyền thống. Nhật Bản tiếp tục đóng vai trò nổi bật trong hỗ trợ nâng cao năng lực thông qua ODA, cung cấp thiết bị và đào tạo trong khuôn khổ FOIP, đặc biệt trong thực thi pháp luật trên biển.

Tuy nhiên, liên kết an ninh này vẫn mang tính “mềm”, chủ yếu dựa trên đối thoại và hợp tác chức năng, thiếu các cam kết ràng buộc. Sự khác biệt trong cách tiếp cận - ASEAN duy trì cân bằng linh hoạt, trong khi Ấn Độ và Nhật Bản tăng cường vai trò nhưng tránh liên minh cứng, tiếp tục là yếu tố hạn chế mức độ liên kết.

Nhìn chung, hợp tác an ninh ba bên được định hình bởi sự kết hợp giữa các cơ chế đa phương và các sáng kiến thực tiễn, góp phần củng cố lòng tin, nâng cao năng lực và duy trì ổn định khu vực trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược gia tăng.

#### **4. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC**

Trên cơ sở các liên kết kinh tế và hợp tác an ninh đã phân tích, quan hệ giữa Ấn Độ, Nhật Bản và ASEAN mở ra nhiều cơ hội phát triển, đồng thời cũng bộc lộ những hạn chế mang tính cấu trúc, xuất phát từ chính mức độ hội nhập không đồng đều giữa các bên.

Về cơ hội, trên phương diện kinh tế, nền tảng hợp tác hiện tại cho thấy tiềm năng mở rộng liên kết theo chiều sâu. Sự gia tăng mạnh mẽ của dòng vốn FDI vào ASEAN cùng vai trò trung tâm sản xuất đã tạo điều kiện để Nhật Bản tiếp tục mở

rộng mạng lưới đầu tư và chuỗi cung ứng trong khu vực. Đồng thời, việc các khuôn khổ như AIFTA, RCEP và FOIP cùng tồn tại cho thấy một xu hướng chuyển dịch từ hợp tác thương mại đơn thuần sang liên kết kinh tế đa tầng, bao gồm cả hạ tầng, tiêu chuẩn và chuỗi giá trị. Trong bối cảnh các doanh nghiệp toàn cầu đẩy mạnh đa dạng hóa chuỗi cung ứng, cấu trúc này tạo cơ hội để ASEAN củng cố vai trò trung tâm, Nhật Bản gia tăng ảnh hưởng kinh tế, và Ấn Độ từng bước mở rộng sự hiện diện tại Đông Nam Á nếu cải thiện được năng lực sản xuất.

Trên phương diện an ninh, các cơ chế như ARF và EAS tiếp tục đóng vai trò nền tảng trong việc duy trì đối thoại và xây dựng lòng tin, tạo không gian để Ấn Độ và Nhật Bản tham gia sâu hơn vào các vấn đề khu vực mà không làm suy giảm vai trò trung tâm của ASEAN. Bên cạnh đó, sự bổ trợ giữa các cơ chế này với Quad cho phép kết hợp giữa đối thoại chính trị và triển khai thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực an ninh biển và xây dựng năng lực. Điều này tạo cơ hội nâng cao năng lực ứng phó của khu vực trước các thách thức an ninh phi truyền thống, đồng thời góp phần duy trì cân bằng chiến lược trong bối cảnh cạnh tranh gia tăng.

Tuy nhiên, những cơ hội này bị hạn chế bởi các thách thức xuất phát từ chính cấu trúc liên kết hiện tại. Về kinh tế, sự chênh lệch rõ rệt trong mức độ hội nhập thể hiện qua việc Nhật Bản tận dụng hiệu quả các khuôn khổ như RCEP và FOIP để mở rộng chuỗi cung ứng, trong khi Ấn Độ vẫn gặp khó khăn trong việc khai thác AIFTA và thậm chí đứng ngoài RCEP. Tình trạng thâm hụt thương mại kéo dài của Ấn Độ với ASEAN cho thấy những hạn chế về năng lực sản xuất và khả năng tham gia chuỗi giá trị khu vực. Điều này khiến liên kết kinh tế ba bên chưa đạt được tính cân bằng và làm giảm hiệu quả tổng thể của hợp tác.

Trên phương diện an ninh, hạn chế lớn nhất nằm ở tính chất “mềm” của các cơ chế hợp tác. Mặc dù ARF và EAS đóng vai trò quan trọng trong xây dựng chuẩn mực và đối thoại, các cơ chế này thiếu các công cụ ràng buộc, trong khi Quad dù có tính hành động cao hơn nhưng lại không bao trùm ASEAN. Sự phân tán này khiến hợp tác an ninh chưa hình thành được một cấu trúc thống nhất, mà vẫn phụ thuộc vào mức độ chủ động của từng bên. Đồng thời, sự khác biệt trong cách tiếp

cận chiến lược - ASEAN ưu tiên cân bằng linh hoạt, Ấn Độ thận trọng với các cam kết thể chế, và Nhật Bản tích cực hơn trong thúc đẩy vai trò an ninh - cũng hạn chế khả năng phối hợp sâu rộng.

Như vậy, cơ hội và thách thức của liên kết ba bên không tách rời mà gắn chặt với chính đặc điểm phát triển của các cơ chế kinh tế và an ninh hiện có. Việc tận dụng hiệu quả các khuôn khổ như AFTA, RCEP, FOIP cũng như tăng cường sự gắn kết giữa các cơ chế an ninh sẽ là yếu tố quyết định đến khả năng nâng cao mức độ liên kết và vai trò của ba bên trong cấu trúc khu vực.

## **5. KẾT LUẬN**

Quan hệ giữa Ấn Độ, Nhật Bản và ASEAN trong những năm gần đây đã từng bước phát triển theo hướng toàn diện hơn, dựa trên hai trụ cột chính là liên kết kinh tế và hợp tác an ninh. Nhờ sự hỗ trợ giữa năng lực tài chính - công nghệ của Nhật Bản, vai trò trung tâm sản xuất của ASEAN và tiềm năng tăng trưởng của Ấn Độ đã góp phần hình thành một không gian hợp tác kinh tế có tính liên kết ngày càng sâu rộng. Trong khi đó, trên phương diện an ninh, các cơ chế đối thoại và hợp tác thực tiễn đã giúp tăng cường lòng tin, đồng thời đóng góp vào việc duy trì ổn định và cân bằng chiến lược trong khu vực. Tuy nhiên, mối quan hệ này vẫn mang tính không đồng đều, thể hiện qua mức độ hội nhập kinh tế còn hạn chế của Ấn Độ và sự khác biệt trong cách tiếp cận an ninh giữa các bên. Điều này cho thấy liên kết ba bên chưa đạt đến mức độ thể chế hóa cao, mà chủ yếu vận hành trên cơ sở linh hoạt và lợi ích chung. Trong bối cảnh khu vực nhiều biến động, quan hệ Ấn Độ - Nhật Bản - ASEAN nhiều khả năng sẽ tiếp tục được củng cố, không theo hướng hình thành một liên minh cứng, mà phát triển như một cấu trúc hợp tác mở, góp phần định hình trật tự khu vực theo hướng cân bằng, bao trùm và dựa trên luật lệ.

## **Tài liệu tham khảo**

1. ASEAN Secretariat (2024), *ASEAN Statistical Yearbook 2024*, Jakarta: ASEAN Secretariat.
2. ASEAN Secretariat (2025), *ASEAN Investment Report 2025: Foreign direct investment and supply chains*, Jakarta: ASEAN Secretariat.
3. International Monetary Fund (2025), *World Economic Outlook*, Washington, DC: IMF.
4. Asian Development Bank (2024), “Trade and Global Value Chains”, *Asian economic integration report 2024: Decarbonizing Global Value Chains*, pp. 25-50.
5. Vietnam National Trade Repository, *ASEAN-India economic and trade cooperation: Potential for further development on the basis of good relations*, Internet: <https://vntr.moit.gov.vn/news/asean-india-economic-and-trade-cooperation-potential-for-further-development-on-the-basis-of-good-relations>, truy cập ngày 05/04/2026.
6. Bảo Chi, *ASEAN và Nhật Bản thông qua Tuyên bố chung về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương*, Internet: <https://baoquocte.vn/asean-va-nhat-ban-thong-qua-tuyen-bo-chung-ve-an-do-duong-thai-binh-duong-332322.html>, truy cập ngày 05/04/2026.
7. JETRO *Global Trade and Investment Report 2025: Signs of Fragmentation in Multilateralism - Global Business' Resilience Under Scrutiny*, Internet: [http://jetro.go.jp/ext\\_images/hungary/pdf/globaltradeandinvestmentreport2025.pdf](http://jetro.go.jp/ext_images/hungary/pdf/globaltradeandinvestmentreport2025.pdf), truy cập ngày 06/04/2026.
8. ASEAN Secretariat (2024), *ASEAN-India Trade in Goods Agreement Review*.
9. Observer Research Foundation (2024), “Centre for New Economic Diplomacy”, *Annual Report 2024*, pp. 24.
10. Japan Ministry of Defense, *Achieving the “Free and Open Indo-Pacific (FOIP)” Vision Japan Ministry of Defense’s Approach*, Internet: [https://www.mod.go.jp/en/d\\_act/exc/india\\_pacific/india\\_pacific-vi.html](https://www.mod.go.jp/en/d_act/exc/india_pacific/india_pacific-vi.html), truy cập ngày 06/04/2026.
11. JETRO *Global Trade and Investment Report 2024: Division and Cooperation: International Business at the Crossroads*, Internet: [https://www.jetro.go.jp/ext\\_images/en/reports/white\\_paper/trade\\_invest\\_2024.pdf](https://www.jetro.go.jp/ext_images/en/reports/white_paper/trade_invest_2024.pdf), truy cập ngày 06/04/2026.

12. Abraham Hugo Pandu Wicaksono (2021), *India's Withdrawal from Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP)*, Nation State Journal of International Studies, Vol.4, No.2, pp. 231-246.
13. Dr Evan A. Laksmana, Fenella McGerty, Tom Waldwyn, Albert Vidal, Antoine Levesques and Douglas Barrie (2025), "Chapter 1: Concerted autonomy: Defence-Industrial partnerships in the Asia-Pacific", *Asia-Pacific Regional Security Assessment 2025*, International Institute for Strategic Studies, London: IISS.
14. East Asia Summit (2025), *Chairman's Statement of the 20th East Asia Summit*, Jakarta: ASEAN Secretariat.
15. Quadrilateral Security Dialogue (2024), *Quad Leaders' Joint Statement*, Washington D.C.: The White House.
16. Center for Strategic and International Studies (2024), *The Quad and the Indo-Pacific: Strategic Implications*, Washington D.C.: CSIS.
17. Ministry of External Affairs India (2025), *ASEAN-India Summit Joint Statements and Maritime Cooperation Initiatives*, New Delhi: Government of India.
18. Indian Navy (2026), *MILAN 2026 and Indian Ocean Naval Symposium (IONS) Reports*, New Delhi: Indian Navy.
19. Ministry of Foreign Affairs of Japan (2023), *Free and Open Indo-Pacific Strategy*, Tokyo: MOFA Japan.
20. Japan International Cooperation Agency (2024), *JICA Annual Report 2024: Infrastructure and Maritime Capacity Building in ASEAN*, Tokyo: JICA.
21. Stockholm International Peace Research Institute (2024), *Regional Security Trends in Asia*, Stockholm: SIPRI.

# HỢP TÁC ẤN ĐỘ - MỸ LATINH: MỘT HƯỚNG ĐI MỚI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI TOÀN CẦU

TS Nguyễn Thị Thúy \*, TS Nguyễn Hoàng Hải \*\*, CN Nguyễn Mai Liên \*\*\*

## 1. Khái quát về nội dung chính sách đối ngoại của Ấn Độ, dưới thời Thủ tướng N. Modi

Nội dung chính sách đối ngoại của Ấn Độ, Thủ tướng N. Modi đã đề ra một tầm nhìn đối ngoại khá táo bạo và có phần tham vọng khi muốn biến Ấn Độ từ một cường quốc tầm trung trở thành một thế lực trỗi dậy trên toàn cầu, từ một nước giữ “cân bằng” trở thành một quốc gia lãnh đạo, từ một nước tuân thủ các quy tắc trở thành một quốc gia tạo ra luật lệ. Mục tiêu chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Modi được xây dựng trên ba trụ cột cốt lõi là “*Phát triển*”, “*An ninh*”, “*Vị thế*”. Trong đó, “Phát triển” là ưu tiên hàng đầu, “An ninh” là trọng yếu và “Vị thế” là mục tiêu dài hạn. Xuất phát từ các mục tiêu cốt lõi, Ấn Độ đã xác định những nhiệm vụ trọng yếu với tính chất “thực dụng” và “đa liên kết”, sẵn sàng thiết lập các liên minh nhằm tăng cường hợp tác phát triển. Đồng thời, Ấn Độ cũng mở rộng vai trò lãnh đạo trong các diễn đàn quốc tế và khu vực, thúc đẩy việc bảo tồn và lan tỏa các giá trị văn hóa, tinh thần qua ngoại giao mềm, nhằm xây dựng một “thương hiệu” và “bản sắc” Ấn Độ độc đáo trên phạm vi toàn cầu. “Lợi ích quốc gia trên hết”, “Tự chủ chiến lược”, và “Panchamrit” là ba nguyên tắc đối ngoại quan trọng được Ấn Độ áp dụng để hiện thực hóa các nhiệm vụ trên. Về thực tiễn triển khai chính sách, nội dung chính sách đối ngoại của Ấn Độ . Mức độ ưu tiên các quan hệ quốc tế trong chính sách đối ngoại Ấn Độ. Cụ thể theo thứ tự là:

---

\* Học viện Chính trị khu vực I

\*\* Viện kiểm sát Tối cao

\*\*\* Viện Chính trị và quan hệ quốc tế

*Thứ nhất:* Ưu tiên là các nước láng giềng bao gồm hợp tác song phương với các quốc gia khu vực Nam Á và hợp tác đa phương qua cơ chế khu vực thể hiện qua Chính sách “Láng giềng trước tiên”

*Thứ hai:* Tiếp theo là các nước láng giềng mở rộng là các quốc gia trong khu vực ÁĐD - TBD, bao gồm Chính sách “Ngoại giao nước lớn” với Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản; Sáng kiến ÁĐD – TBD; Chính sách “Hành động hướng Đông” với các nước Đông Nam Á, Chính sách “Kết nối Trung Á” với các nước Trung Á, Chính sách “Liên kết Phía Tây” - “Nghĩ về phía Tây” với các nước Tây Á, Chính sách châu Phi và sự hiện diện tại các cơ chế hợp tác đa phương như BRICS, QUAD, SCO...

*Thứ ba:* cuối cùng phần còn lại của thế giới, bao gồm Nga, EU, Mỹ Latinh và Caribe cùng các cơ chế đa phương như UN, WTO, G20.

Sau đây bài viết tập trung trình bày về : *Hợp tác Ấn Độ - Mỹ Latinh: Một hướng đi mới trong chính sách đối ngoại toàn cầu” như sau:*

## **2. Thực trạng quan hệ Ấn Độ - Mỹ Latinh hiện nay**

Đề nâng tầm ảnh hưởng của Ấn Độ trên thế giới, thể hiện vai trò lãnh đạo và vai trò của nhà giữ gìn trật tự an ninh thế giới: Ở cấp độ toàn cầu, Ấn Độ đã tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với các cường quốc cũng như tìm kiếm sự hỗ trợ và công nhận của cộng đồng quốc tế cho vị trí Ấn Độ là một cường quốc hàng đầu quan trọng. Đảm bảo rằng quan điểm của Ấn Độ được lắng nghe trên các nền tảng toàn cầu và Ấn Độ có khả năng tác động đến dư luận thế giới về các vấn đề toàn cầu như khủng bố, biến đổi khí hậu, giải trừ quân bị, cải cách thể chế quản trị toàn cầu...Ngoài ra, dưới thời Thủ tướng N. Modi, Chính sách “Hướng Đông” được nâng cấp thành Chính sách “Hành động hướng Đông” và chính quyền mới cho ra đời chính sách mới “Liên kết phía Tây” - “Nghĩ về phía Tây”, Chính sách Châu Phi...

Tại khu vực Mỹ Latinh và Caribe (LAC), dường như Ấn Độ vẫn chưa thực sự nỗ lực nhằm tăng cường sự hiện diện của mình, ngoại trừ quan hệ với

Brazil được đặc trưng bởi quan hệ ngoại giao lâu đời, cùng là thành viên của BRICS, IBSA và G20; và mở rộng tầm nhìn hơn với Mexico (nền kinh tế lớn thứ 2 sau Brazil) cùng Argentina. Khu vực LAC có rất nhiều tổ chức phục vụ mục đích chính trị và kinh tế của các nước, song nổi bật lên là Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS) và Cộng đồng các nước Mỹ Latinh và Caribe (CELAC) ... Trong suốt thời gian dài, câu hỏi đặt ra là tại sao cả Ấn Độ và LAC đều không tìm cách kết hợp các mối quan hệ kinh tế ngày càng tăng của họ với sự hiểu biết nhiều hơn về động lực hoặc sức mạnh của nhau. Có lẽ lý do nằm ở việc cả Ấn Độ và khu vực LAC đều không có chính sách rõ ràng về việc quan hệ song phương sẽ đi về đâu. Tiên bộ trong quan hệ song phương chỉ được đo lường bằng thương mại gia tăng hơn là quan hệ đối tác. Tuy nhiên, kể từ năm 2014, dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi, quan hệ giữa Ấn Độ và các quốc gia LAC đã có bước phát triển như sau:

### ***Thứ nhất: Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao***

Kế thừa di sản của sự liên kết giữa Ấn Độ và NAM, kể từ năm 2014, đã có 06 chuyến thăm của Tổng thống Ấn Độ và 04 chuyến thăm của Thủ tướng N. Modi tới LAC<sup>1</sup>. Các bộ trưởng trong Chính phủ của Thủ tướng N. Modi cũng đã tiến hành một loạt các chuyến thăm tới các quốc gia trong khu vực. Từ năm 2014 - 2025, hàng loạt các FOC, JCM và được tổ chức giữa Ấn Độ với các quốc gia LAC như Colombia, Bolivia, Nicaragua, Mexico, ... để tìm kiếm các biện pháp tăng cường quan hệ song phương cũng như tìm ra các lĩnh vực hợp tác mới. Các chuyến thăm và sự hiện diện ngày càng tăng của Ấn Độ tại khu vực cho thấy sự chú trọng của nước này trong quan hệ với các quốc gia LAC và tầm quan trọng chiến lược của khu vực này trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Ấn Độ cũng đã tăng cường cam kết với các cơ chế khu vực như CELAC, một tổ chức chính trị và liên minh kinh tế của 33 quốc gia LAC.

---

<sup>1</sup>Narendra Modi(2024), “*International visits& Summits*”, <https://www.narendramodi.in/internationalmainhtml>,

Về phía các quốc gia LAC, đã có 37 chuyến thăm quan trọng tới Ấn Độ. Năm 2015, Ấn Độ đã nối lại cơ chế đối thoại với các quốc gia SICA. Để tiếp tục tham gia với các tổ chức tại LAC, JCM Ấn Độ - CARICOM được thành lập (2015).

Đối với các quốc gia LAC, Ấn Độ là một phần của chiến lược châu Á rộng lớn hơn và bao trùm. Với Ấn Độ, Mỹ Latinh và Caribe là một phần trong mục tiêu lớn hơn của Ấn Độ là “trở thành cường quốc hàng đầu thế giới”. Kể từ năm 2018, New Delhi cũng đã bắt đầu mở cơ quan đại diện tại những quốc gia vốn trước đây không có sự hiện diện ngoại giao, đồng thời tăng cường hợp tác và can dự. Nếu như trước đây, Ấn Độ chỉ cử Quốc vụ khanh phụ trách LAC thì từ năm 2018, Bộ trưởng Ngoại giao sẽ trực tiếp phụ trách công tác này, thể hiện sự chú trọng của Ấn Độ với LAC.

Ngoài ra, trong nhiệm kỳ Chủ tịch G20, Ấn Độ đặt mục tiêu đóng vai trò là tiếng nói của các quốc gia đang phát triển hay Nhóm các nước Nam bán cầu, đây có thể là cơ hội thúc đẩy lợi ích chung của Ấn Độ với các quốc gia LAC trong phạm vi chương trình Nghị sự G20.

### ***Thứ hai: Trên lĩnh vực kinh tế***

Mỹ Latinh sở hữu trữ lượng tài nguyên thiên nhiên khổng lồ như quặng kim loại, khoáng sản và sản phẩm nông nghiệp trong khi các ngành như hàng kỹ thuật, dược phẩm, công nghệ thông tin, dệt may và nhiều ngành công nghiệp khác là thế mạnh của Ấn Độ. Khu vực này coi Ấn Độ là đối tác chính cho tăng trưởng kinh tế, là nhà nhập khẩu khoáng sản, năng lượng và nông nghiệp của khu vực, đồng thời là nhà đầu tư và tạo việc làm<sup>2</sup>.

Về thương mại tổng thể giữa Ấn Độ và khu vực (43 quốc gia) vẫn còn khiêm tốn, đạt 38,5 tỷ USD (2014 - 2015), 25,2 tỷ USD (2015 - 2016), 24,5 tỷ USD (2016 - 2017), 29,3 tỷ USD (2017 - 2018) và 30,3 tỷ USD (2018 - 2019). Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tổng thương mại giữa Ấn Độ và LAC giảm

---

<sup>2</sup> Kalita, S. (2017), “India’s quest for energy in Latin America”, *International Journal of Advanced Research and Development*, Vol. 2, Issue 4,, pp. 293-298.

xuống còn 27,1 tỷ USD (2019 - 2020) và còn 22,6 tỷ USD (2020 - 2021). Tuy nhiên, tổng thương mại giữa Ấn Độ và LAC đã khởi sắc và tăng trưởng trở lại, đạt 36,7 tỷ USD (2021 - 2022), 39,6 tỷ USD (2022 - 2023) và 35,7 tỷ USD (2023 - 2024) <sup>3</sup>. Cán cân thương mại nghiêng về phía LAC.

Kim ngạch thương mại khu vực chủ yếu tập trung vào thương mại song phương giữa Ấn Độ với các quốc gia như Brazil, Argentina, Chile, Costa Rica, Ecuador, Colombia, Peru, Guatemala, Cuba, Mercosur, Trinidad & Tobago, Dominica do Ấn Độ đã tạo ra các cơ chế thể chế và ký kết các MOA/MOU hợp tác với các quốc gia này như cơ chế giám sát thương mại, ủy ban kinh tế và thương mại chung, các Hiệp định thương mại, PTA ... Ấn Độ coi LAC là khu vực đóng góp lâu dài cho an ninh năng lượng và lương thực của quốc gia này. Ấn Độ xuất khẩu một số mặt hàng sang LAC như dược phẩm, xe máy, nông sản, dịch vụ IT và các sản phẩm dầu tinh chế ... Ngoài trữ lượng khai khoáng và dầu mỏ, các quốc gia LAC mang đến cho Ấn Độ những vùng đất nông nghiệp tiềm năng, tạo cho Ấn Độ cơ hội giải quyết sự phụ thuộc vào nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu <sup>4</sup>.

Về đầu tư, Brazil, Bahamas, Panama, Colombia và Mexico là những điểm đến hàng đầu của FDI Ấn Độ tại LAC. Các công ty Ấn Độ đang thực hiện nhiều dự án ở LAC bao gồm dầu mỏ, cơ sở hạ tầng, truyền tải điện và khai thác mỏ, đồng thời cũng đang cung cấp các sản phẩm trong lĩnh vực dược phẩm, vận chuyển và hàng không. Tuy vậy, trong khoảng hai thập kỷ qua, Ấn Độ mới chỉ đầu tư 16 tỷ USD, bằng 1/10 Trung Quốc (159 tỷ USD) cho các dự án quan trọng tại khu vực này. Mặc dù thương mại và đầu tư đều chỉ là “cái bóng mờ” với Trung Quốc song Ấn Độ lại nhận được nhiều thiện chí trong khu vực. Các

---

<sup>3</sup> ECLAC (2022), “Bilateral modern service trade between India and Latin America and the Caribbean in the context of the Covid-19 pandemic”, *International Trade*, Series 175, United Nations, pp. 11-39.

<sup>4</sup> ECLAC (2022), “Bilateral modern service trade between India and Latin America and the Caribbean in the context of the Covid-19 pandemic”, *International Trade*, Series 175, United Nations, pp. 11-39

quốc gia LAC cũng hy vọng Ấn Độ tăng cường thương mại và đầu tư để thúc đẩy kinh tế khu vực phát triển 5.

Ấn Độ có kinh nghiệm đáng kể trong việc xây dựng và vận hành các lò phản ứng hạt nhân, đây có thể là một lựa chọn hấp dẫn đối với một số nước trong LAC, nơi có trữ lượng uranium đáng kể mà Ấn Độ có thể quan tâm. Kinh nghiệm của Ấn Độ về năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời và năng lượng gió cũng đang được các quốc gia LAC chú ý. Rất nhiều quốc gia LAC cũng là thành viên của ISA - sáng kiến do Ấn Độ khởi xướng. Rõ ràng còn rất nhiều dự địa hợp tác mà Ấn Độ và các quốc gia LAC có thể thảo luận và hỗ trợ cho nhau. Triển vọng tăng cường hợp tác trên nhiều lĩnh vực cũng rất thuận lợi do hai bên có sự tương đồng như hợp tác trong biến đổi khí hậu, chuyển đổi xanh, kết nối kỹ thuật số, đóng tàu và hàng không vũ trụ ...

Song môi quan hệ kinh tế này vẫn đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm việc thiếu cơ chế hợp tác chặt chẽ với toàn bộ khu vực, chưa ký kết được các hiệp định thương mại tự do, các hàng rào thuế quan và phi thuế quan làm hạn chế thị trường và sự thiếu hiệu quả của các tuyến vận tải và hậu cần đã và đang tiếp tục cản trở thương mại ở các mức độ khác nhau. Ngoài ra, khoảng cách địa lý, văn hóa, ngôn ngữ cũng là lý do khiến quan hệ giữa Ấn Độ và các quốc gia LAC gặp nhiều khó khăn. Trong tương lai, bên cạnh các nước Mỹ Latinh lớn như Brazil, Mexico...Ấn Độ cần tiến xa hơn nữa trong quan hệ với các nước vừa và nhỏ ở Mỹ Latinh và Caribe.

### ***Thứ ba: Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng***

Hợp tác an ninh - quốc phòng giữa Ấn Độ và các quốc gia LAC còn rất hạn chế, ngoại trừ với Brazil. Hai bên chưa thiết lập được các liên kết chia sẻ thông tin tình báo với lực lượng cảnh sát quốc gia, gây khó khăn trong việc ngăn chặn tội phạm, đặc biệt là tội phạm ma túy và buôn bán người. Hai bên hầu như

---

<sup>5</sup> ECLAC (2022), “Bilateral modern service trade between India and Latin America and the Caribbean in the context of the Covid-19 pandemic”, *International Trade*, Series 175, United Nations, pp. 11-39

không có hợp tác sản xuất, nghiên cứu và phát triển quốc phòng, hoặc thậm chí là các cuộc tập trận quân sự chung. Dù Ấn Độ có nhiều cơ hội để hợp tác quốc phòng với LAC như hợp tác an ninh tổng thể, đào tạo, cung cấp trang thiết bị, chuyển giao, tặng hoặc bán lại các vũ khí đã không còn sử dụng trong biên chế như xe tăng T-55 và máy bay MiG-21, MiG-23MF và MiG-23BN cho các nước có nhu cầu, song Ấn Độ chưa có thực sự đầu tư vào các hoạt động này.

Trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng mở rộng tầm ảnh hưởng tại LAC, Ấn Độ vẫn chưa xây dựng một cơ chế để can dự với toàn bộ LAC - hoặc thậm chí là tham gia một cách có ý nghĩa với các nhóm nhỏ trong khu vực, chẳng hạn như SICA, Liên minh Thái Bình Dương (AP) hay CELC. Điều này sẽ tiếp tục là khó khăn cho đến khi LAC đạt được mục tiêu hội nhập khu vực lâu dài. Đến lúc đó, Ấn Độ phải tập trung vào các mối quan hệ song phương với từng quốc gia trong khu vực. Như vậy, New Delhi chưa thực sự thể hiện đủ quyết tâm để tăng cường quan hệ với khu vực này.

#### ***Thứ tư: Trên lĩnh vực khác***

Với khu vực Mỹ Latinh và Caribe, Ấn Độ đã thúc đẩy hợp tác với khu vực này về phát triển bền vững, bao gồm các dự án năng lượng tái tạo, nông nghiệp hữu cơ và bảo vệ môi trường. Đồng thời, thiết lập các chương trình học bổng và trao đổi học thuật với các quốc gia trong khu vực này, thúc đẩy giao lưu giáo dục và tăng cường hợp tác giữa các trường đại học và viện nghiên cứu. Điều này đã giúp nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học, đồng thời tăng cường sự gắn kết giữa các quốc gia.

Để nâng tầm sức ảnh hưởng của Ấn Độ trên toàn cầu, quốc gia này cũng đẩy mạnh chiến lược “kết nối văn hóa”, gia tăng ảnh hưởng sức mạnh mềm. Ngoại giao Yoga và ngoại giao Phật giáo là những nỗ lực đầu tiên của Thủ tướng N. Modi. Ông sử dụng ngày lễ Yoga, điểm chạm tín ngưỡng Phật giáo để thúc đẩy bản sắc văn hóa Ấn Độ ra thế giới, từ đó góp phần quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế của Ấn Độ trên trường quốc tế. Ông đã khôn khéo tiếp cận ngoại giao

văn hóa bằng cách liên kết tâm linh và triết học của Ấn Độ với phần còn lại của châu Á.

### **3. Nhận xét**

#### ***Thứ nhất: về thành tựu***

*Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao:* Trong mối quan hệ với khu vực Mỹ Latinh và Caribe, Ấn Độ đã nỗ lực mở rộng mối quan hệ ngoại giao thông qua nhiều chuyến thăm cấp cao của Tổng thống Ấn Độ và Thủ tướng, bao gồm 06 chuyến thăm của Tổng thống Ấn Độ và 04 chuyến thăm của Thủ tướng N. Modi [Narendra Modi, 2024]. Ngoài ra, các bộ trưởng trong Chính phủ Ấn Độ cũng đã tiến hành nhiều chuyến thăm tới các quốc gia trong khu vực để tìm kiếm các biện pháp tăng cường quan hệ song phương cũng như khai thác các lĩnh vực hợp tác mới. Ấn Độ đã bắt đầu mở cơ quan đại diện tại các quốc gia mà trước đây chưa có sự hiện diện ngoại giao, đồng thời tăng cường hợp tác với các tổ chức khu vực như Cộng đồng các nước Mỹ Latinh và Caribe (CELAC). Đặc biệt, từ năm 2018, Ấn Độ đã chuyển quyền phụ trách công tác này từ Quốc vụ khanh phụ trách LAC sang cho Bộ trưởng Ngoại giao, thể hiện sự chú trọng của Ấn Độ đối với khu vực này. Ấn Độ đã nối lại cơ chế đối thoại với các quốc gia thuộc Hệ thống Hội nhập Trung Mỹ (SICA) (2015) và thành lập JCM Ấn Độ - CARICOM, tạo cơ sở cho các cuộc trao đổi về hợp tác chính trị và kinh tế, giúp củng cố quan hệ của Ấn Độ với khu vực Mỹ Latinh và Caribe.

*Trên lĩnh vực kinh tế:* Với khu vực Mỹ Latinh và Caribe, Chính phủ N. Modi đã thể hiện sự quan tâm đến việc đa dạng hóa sự tham gia của Ấn Độ ở LAC và trong khi mối quan tâm của Ấn Độ ở LAC là tương đối mới, thì mối quan hệ này đang trên đà phát triển. Các nước LAC như Mexico, Brazil, Panama, Argentina, Chile đang tìm kiếm sự hợp tác với Ấn Độ trong các lĩnh vực mới như vũ trụ, KH&CN và quốc phòng - điều này thể hiện động lực tích cực theo quan điểm của New Delhi. Ấn Độ đã thành công trong việc trở thành một trong những đối tác thương mại chính của khu vực này khi tổng kim ngạch thương

mại giữa hai bên đạt khoảng 35,7 tỷ USD (2023 - 2024) <sup>6</sup>. Ấn Độ đã phân nào khẳng định được vị thế của mình trong khu vực này. Mỗi quan hệ thương mại với Brazil và Argentina, hai nền kinh tế lớn trong khu vực, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng và lương thực cho Ấn Độ, đồng thời tăng cường sự hiện diện của Ấn Độ tại khu vực này. Trong tổng số 32 tỷ USD cho các dự án IDEAS/LOC, Ấn Độ đã mở rộng các LOC trị giá 811 triệu USD để giúp các quốc gia Mỹ Latinh và Caribe nhanh chóng phát triển<sup>7</sup>.

*Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng:* Với khu vực Mỹ Latinh và Caribe, mặc dù chưa có nhiều chi tiết về hợp tác quốc phòng cụ thể giữa Ấn Độ với khu vực này nhưng Ấn Độ đã mở rộng mối quan hệ đối tác trong các lĩnh vực an ninh phi truyền thống bao gồm hợp tác năng lượng và an ninh hàng hải. Những nỗ lực này góp phần vào việc xây dựng một khu vực ổn định hơn và tăng cường mối quan hệ giữa Ấn Độ và các quốc gia trong khu vực.

*Trên lĩnh vực khác:* Những thành tựu này thể hiện sự nỗ lực của Ấn Độ trong việc mở rộng và đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế, không chỉ tập trung vào lĩnh vực kinh tế và quốc phòng, mà còn trong các lĩnh vực khác như văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ ... Điều này giúp Ấn Độ nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế và góp phần vào sự phát triển bền vững toàn cầu.

Như vậy, có thể khái quát lại, chính phủ N. Modi cơ bản đã bám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của chính sách đối ngoại với ba trụ cột là “Phát triển Ấn Độ”, “An ninh Ấn Độ” và “Vị thế Ấn Độ”. Ba trụ cột này tạo thành một tam giác chiến lược có sự tương tác lẫn nhau, do đó, các thành tựu đạt được trong trụ cột này có thể trở thành động lực thúc đẩy cho trụ cột khác, hình thành sự gắn kết chiến lược và phục vụ cho lợi ích của quốc gia.

## ***Thứ hai: Về hạn chế***

---

<sup>6</sup> MCI, GoI (2024), “Foreign Trade Division”, <https://www.commerce.gov.in/about-us/divisions/foreign-trade-territorial-division/foreign-trade-latin-america/#>, accessed 20/8/2024.

<sup>7</sup> MEA, GoI (2024r), “Lines of Credit for Development Projects”, <https://www.mea.gov.in/Lines-of-Credit-for-Development-Projects.htm>, accessed on 18/9/2024.

Dù đạt được những thành tựu về quan hệ Ấn Độ với khu vực Mỹ Latinh và Caribe, dưới thời Thủ tướng vẫn còn tồn tại những hạn chế và thách thức.

*Thứ nhất*, khu vực Mỹ Latinh và Caribe, Ấn Độ chưa dành quá nhiều sự chú ý, mới chỉ đang dừng ở mức duy trì ngoại giao, chứ chưa thực sự đẩy mạnh. Minh chứng là hợp tác an ninh - quốc phòng giữa Ấn Độ và các quốc gia LAC vẫn còn rất hạn chế, ngoại trừ với Brazil.

Về mặt định lượng, thương mại giữa Ấn Độ và LAC vẫn còn khiêm tốn mặc dù đã ghi nhận mức tăng trưởng (2014 - 2025). Ngoài ra, có vẻ như Ấn Độ đã không nỗ lực nhiều để thu hút các quốc gia vùng Caribe như Trinidad và Tobago, Haiti và Dominica. Trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng mở rộng tầm ảnh hưởng tại LAC, Ấn Độ vẫn chưa xây dựng một cơ chế/chính sách cụ thể để can dự với toàn bộ LAC - hoặc thậm chí là tham gia một cách có ý nghĩa với các nhóm nhỏ trong khu vực, chẳng hạn như SICA, Liên minh TBD (AP) hay CELC. New Delhi cũng có tương đối ít các hiệp định thương mại và các cuộc trao đổi hợp tác kinh tế - thương mại với khu vực này.

Trong quan hệ với khu vực Mỹ Latinh và Caribe, vị thế của Ấn Độ vẫn chưa xứng tầm với tiềm năng hiện có của quốc gia này và chưa đạt được như mục tiêu đã đề ra.

Ở một khía cạnh khác, dường như mối quan tâm chính của Thủ tướng N. Modi chỉ chủ yếu hướng tới Nam Á và ÁDD - TBD. Còn những khu vực khác như Mỹ Latinh và Caribe, Ấn Độ chưa dành quá nhiều sự chú ý, mới chỉ đang dừng ở mức duy trì ngoại giao, chứ chưa thực sự đẩy mạnh. Minh chứng là hợp tác an ninh - quốc phòng giữa Ấn Độ và các quốc gia LAC vẫn còn rất hạn chế, ngoại trừ với Brazil. Về mặt định lượng, thương mại giữa Ấn Độ và LAC vẫn còn khiêm tốn mặc dù đã ghi nhận mức tăng trưởng (2014 - 2024).

Ngoài ra, có vẻ như Ấn Độ đã không nỗ lực nhiều để thu hút các quốc gia vùng Caribe như Trinidad và Tobago, Haiti và Dominica. Trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng mở rộng tầm ảnh hưởng tại LAC, Ấn Độ vẫn chưa xây dựng một cơ

chế/chính sách cụ thể để can dự với toàn bộ LAC - hoặc thậm chí là tham gia một cách có ý nghĩa với các nhóm nhỏ trong khu vực, chẳng hạn như SICA, Liên minh TBD (AP) hay CELC. New Delhi cũng có tương đối ít các hiệp định thương mại và các cuộc trao đổi hợp tác kinh tế - thương mại với khu vực này.

#### **4. Triển vọng**

*Chiến lược “Đa liên kết” đi vào chiều sâu, thực chất:* Theo các tác giả, các cam kết của Ấn Độ với phần còn lại của thế giới sẽ không còn bị giới hạn trong khu vực lân cận và láng giềng mở rộng hoặc đối với vấn đề đó ở ÁĐD - TBD. Ấn Độ sẽ xây dựng một tầm nhìn toàn diện và tích hợp để tham gia với toàn thế giới. Khái niệm ÁĐD - TBD sẽ được Ấn Độ mở rộng để bao gồm cả Đại Tây Dương và sẽ không chỉ giới hạn ở các quốc gia ven biển. *Ấn Độ cũng sẽ gia tăng quan hệ với các nước châu Phi, Mỹ Latinh và Caribe, châu Âu và Bắc Mỹ bằng các mục tiêu chính sách đối ngoại được tích hợp và toàn diện hơn, không còn bị phân mảnh hoặc ngăn cách. Ấn Độ sẽ khắc phục những hạn chế hiện tại và nhận thức được việc phải nuôi dưỡng các mục tiêu và chiến lược phù hợp với nhu cầu trong tương lai.*

Để thực hiện những dự kiến trên, Ấn Độ sẽ *đổi mới chiến các lược ngoại giao và phương pháp ngoại giao* tương xứng với thách thức quốc tế và yêu cầu trong nước, tăng cường đào tạo nhân viên ngoại giao của mình phù hợp với vị trí nhiệm vụ, đặc biệt là trong việc lựa chọn và đào tạo các nhà ngoại giao. Các nhà ngoại giao tương lai sẽ là những chuyên gia và có kiến thức sâu sắc hơn về nước ngoài, xã hội, nền kinh tế, điểm mạnh và điểm yếu nội bộ của họ. Đồng thời, Ấn Độ sẽ thúc đẩy sự tham gia sâu hơn của các cấp tiểu bang vào việc thực hiện chính sách đối ngoại như Chính sách “Láng giềng trước tiên” hoặc Chính sách “Hành động hướng Đông”. Ấn Độ sẽ tận dụng điểm mạnh lớn nhất của Ấn Độ nằm ở văn hóa, con người và địa lý để hiện thực hóa được điều đó. Mặt khác, duy trì sự ổn định chính trị trong nội bộ, hạn chế các xung đột bên trong quốc gia, để tạo chú tâm vào việc thực hiện chính sách ra bên ngoài.

# HỢP TÁC ẤN ĐỘ - CHÂU PHI: MỘT TRỤC MỚI TRONG BỐI CẢNH ĐA LIÊN KẾT

TS. Nguyễn Văn Sơn

Trong bối cảnh trật tự quốc tế đang chuyển dịch sâu sắc theo xu hướng đa cực hóa và đa liên kết, các mối quan hệ Nam – Nam ngày càng nổi lên như một động lực quan trọng của chính trị và kinh tế toàn cầu. Trong quá trình này, sự gia tăng hợp tác giữa các cường quốc mới nổi với các khu vực đang phát triển đã tạo nên những trục hợp tác mới, góp phần tái cấu trúc mạng lưới quan hệ quốc tế. Một trong những xu hướng đáng chú ý là sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ hợp tác giữa Ấn Độ và châu Phi. Trong bối cảnh mới chiến lược đa liên kết trở thành một đặc trưng của chính trị quốc tế đương đại, điều đó cho thấy rằng quan hệ Ấn Độ – châu Phi không chỉ mang ý nghĩa kinh tế mà còn có giá trị chiến lược, địa chính trị và địa kinh tế quan trọng. Sự phát triển của trục hợp tác này phản ánh nỗ lực của Ấn Độ trong việc mở rộng ảnh hưởng toàn cầu, đồng thời đáp ứng nhu cầu phát triển của các quốc gia châu Phi.

## 1. Bối cảnh dẫn tới việc Ấn Độ thúc đẩy hợp tác với Châu Phi

*Thứ nhất, sự chuyển dịch của trật tự quốc tế theo hướng đa cực và đa liên kết:*

Sau Chiến tranh Lạnh, hệ thống quốc tế chuyển từ cấu trúc hai cực sang giai đoạn đơn cực do Hoa Kỳ chi phối. Tuy nhiên, bước sang thế kỷ XXI, trật tự đơn cực dần suy yếu do sự nổi lên của nhiều trung tâm quyền lực mới, tạo nên xu hướng đa cực hóa trong quan hệ quốc tế. Các trung tâm quyền lực mới nổi bao gồm: Trung Quốc với sức mạnh kinh tế và quân sự tăng nhanh; Ấn Độ với dân số lớn và tốc độ tăng trưởng cao; Liên minh châu Âu như một cực kinh tế – chính trị quan trọng; Nga với ảnh hưởng địa chính trị mạnh; Brazil và Nam Phi đại diện cho các cường quốc khu vực. Sự hình thành của các trung tâm quyền lực này làm cho cấu trúc quốc tế ngày càng phân tán và đa trung tâm, mở ra cơ hội cho các nước trung bình như Ấn Độ mở rộng ảnh hưởng ra toàn cầu, trong đó Châu Phi trở thành một điểm đến, một không gian chiến lược mới.

Trong bối cảnh thế giới đang có xu hướng vận động theo chiều hướng đa cực, đa trung tâm việc các quốc gia ngày càng theo đuổi chính sách **đa liên kết** thay vì tham gia các liên minh truyền thống, cố định như thời kỳ chiến lạnh – vốn đã không còn phù hợp trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế. Ngày nay, Ấn Độ không chỉ hợp tác chiến lược với Hoa Kỳ mà còn duy trì quan hệ truyền thống với Nga. Hay, các nước Châu Phi hợp tác đồng thời với Trung Quốc, Ấn Độ và phương Tây. Việt Nam sau khi tiến hành đổi mới với chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại trên cơ sở hợp tác cùng có lợi. Việt Nam ngày nay không chỉ duy trì mối quan hệ với các đối tác truyền thống như Nga, Trung Quốc mà có thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ (9/2023). Xu hướng đa liên kết giúp các quốc gia: Giảm phụ thuộc vào một cường quốc; Tăng tính linh hoạt chiến lược; Mở rộng quan hệ đối ngoại đa phương. Trong bối cảnh trật tự quốc tế đa cực, hợp tác giữa các nước đang phát triển ngày càng được thúc đẩy, đặc biệt là hợp tác Nam – Nam. Điều này tạo nên tảng chính trị thuận lợi để Ấn Độ mở rộng quan hệ với Châu Phi.

Có thể thấy rằng, sự chuyển dịch của trật tự quốc tế theo hướng **đa cực và đa liên kết** đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ấn Độ mở rộng quan hệ đối ngoại, đặc biệt với Châu Phi. Trong bối cảnh cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc và sự gia tăng vai trò của các nước đang phát triển, hợp tác Ấn Độ – Châu Phi nổi lên như một trục mới có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong chính trị quốc tế hiện nay.

### ***Thứ hai, sự cạnh tranh chiến lược tại Châu Phi giữa các cường quốc:***

Trong những năm gần đây, Châu Phi đã trở thành một trong những không gian cạnh tranh chiến lược quan trọng của các cường quốc trên thế giới. Điều này xuất phát từ vị trí địa chiến lược, nguồn tài nguyên phong phú, thị trường rộng lớn và vai trò ngày càng gia tăng của châu lục này trong cấu trúc quyền lực toàn cầu. Chính vì vậy, nhiều cường quốc như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nga, Liên minh châu Âu và Ấn Độ đều tăng cường hiện diện tại khu vực này. Trung Quốc là quốc gia có ảnh hưởng lớn nhất tại Châu Phi hiện nay. Thông qua sáng kiến Vành đai và Con đường và cơ chế Diễn đàn Hợp tác Trung Quốc – Châu Phi, Trung Quốc đã

đầu tư mạnh vào cơ sở hạ tầng, năng lượng và khai khoáng. Điều này giúp Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng kinh tế và chính trị tại nhiều quốc gia như Ethiopia, Kenya và Angola. Bên cạnh đó, Hoa Kỳ cũng tăng cường sự hiện diện tại Châu Phi nhằm cạnh tranh với Trung Quốc và bảo vệ lợi ích chiến lược của mình. Mỹ thúc đẩy các sáng kiến kinh tế, an ninh và chống khủng bố, đồng thời củng cố quan hệ với các đối tác quan trọng như Nigeria và Nam Phi. Ngoài ra, Hoa Kỳ cũng duy trì sự hiện diện quân sự tại khu vực Sừng châu Phi<sup>1</sup> nhằm đảm bảo an ninh hàng hải và chống khủng bố. Trong khi đó, Nga gia tăng ảnh hưởng tại Châu Phi thông qua hợp tác quốc phòng, bán vũ khí và hỗ trợ an ninh. Nga mở rộng quan hệ với các quốc gia như Mali, Cộng hòa Trung Phi và Sudan, qua đó củng cố vai trò địa chính trị của mình.

Sự cạnh tranh này tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với Ấn Độ. Một mặt, cạnh tranh giữa các cường quốc giúp các quốc gia Châu Phi đa dạng hóa đối tác, tạo điều kiện để Ấn Độ mở rộng hợp tác. Mặt khác, Ấn Độ phải đối mặt với áp lực cạnh tranh ngày càng lớn về kinh tế, chính trị và an ninh tại khu vực. Điều này thúc đẩy Ấn Độ chủ động tăng cường quan hệ với Châu Phi nhằm nâng cao vị thế và mở rộng ảnh hưởng trong trật tự quốc tế đang chuyển dịch. Do vậy, việc Ấn Độ thúc đẩy hợp tác với Châu Phi nhằm: Mở rộng ảnh hưởng chiến lược; Đảm bảo an ninh hàng hải; Cân bằng ảnh hưởng của các cường quốc khác.

### ***Thứ ba, nhu cầu đảm bảo an ninh năng lượng và tài nguyên của Ấn Độ:***

Trong những năm gần đây, vấn đề an ninh năng lượng trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy Ấn Độ tăng cường hợp tác với Châu Phi, đặc biệt trong bối cảnh khủng hoảng năng lượng toàn cầu do các cuộc xung đột và chiến tranh quốc tế. Những biến động như Chiến tranh Nga–Ukraina, căng thẳng tại Trung Đông và đặc biệt là căng thẳng giữa Hoa Kỳ và Iran đã làm gián đoạn chuỗi cung ứng năng lượng toàn cầu, đẩy giá dầu và khí đốt tăng cao, gây sức ép lớn đối với các nền kinh tế phụ thuộc vào nhập khẩu năng lượng như Ấn Độ. Do vậy,

---

<sup>1</sup> Mỹ duy trì mạng lưới căn cứ và các địa điểm hoạt động quân sự tại châu Phi để chống khủng bố, tập trung chủ yếu ở Djibouti.

vấn đề đảm bảo an ninh năng lượng ngày càng trở thành động lực quan trọng thúc đẩy Ấn Độ tăng cường hợp tác với Châu Phi. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và dân số lớn, Ấn Độ là một trong những quốc gia tiêu thụ năng lượng hàng đầu thế giới, trong khi nguồn cung nội địa hạn chế khiến nước này phụ thuộc lớn vào nhập khẩu năng lượng từ bên ngoài.

Hiện nay, Ấn Độ là một trong những quốc gia nhập khẩu năng lượng lớn nhất thế giới. “Ấn Độ nhập khẩu khoảng 90% nhu cầu dầu thô, tương ứng khoảng 60% và 50% nhu cầu LPG và LNG”<sup>1</sup>. Đây không chỉ là số liệu thống kê đơn thuần - đó là bức tranh rõ nét về nhu cầu năng lượng và nhu cầu an ninh của một trong những nền kinh tế lớn nhất thế giới. Sự phụ thuộc này đã được thử thách trong bối cảnh cuộc chiến tranh Mỹ-Iran đang diễn ra khiến nguồn cung cấp năng lượng từ một trong những tuyến hàng hải quan trọng nhất - eo biển Hormuz đang bị bóp nghẹt. Cuộc khủng hoảng ở Trung Đông đã làm rõ một thực tế quan trọng Ấn Độ cần phải đẩy nhanh các kế hoạch dài hạn để đảm bảo an ninh năng lượng của Ấn Độ cũng có thể đáp ứng được tình trạng gián đoạn lâu hơn. Trong bối cảnh nhu cầu năng lượng gia tăng do tăng trưởng kinh tế nhanh và dân số đông, việc đảm bảo nguồn cung ổn định trở thành ưu tiên chiến lược trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

Những năm gần đây, nhiều quốc gia Châu Phi đã trở thành đối tác năng lượng quan trọng của Ấn Độ như Nigeria, Angola, Mozambique và Algeria. Những quốc gia này cung cấp dầu mỏ, khí tự nhiên hóa lỏng và khoáng sản chiến lược phục vụ nhu cầu phát triển công nghiệp của Ấn Độ. Châu Phi còn có tiềm năng lớn về năng lượng tái tạo như điện mặt trời và điện gió, phù hợp với chiến lược chuyển đổi năng lượng của Ấn Độ trong dài hạn.

Như vậy, trong bối cảnh khủng hoảng năng lượng toàn cầu và cạnh tranh địa chính trị gia tăng, nhu cầu đảm bảo an ninh năng lượng và tài nguyên đã trở thành một

---

<sup>1</sup> Smriti Jain (2026), “US-Iran war impact: How can India shock-proof itself against future oil, LPG, LNG supply disruptions?”, [http://timesofindia.indiatimes.com/articleshow/129401144.cms?utm\\_source=chatgpt.com&utm\\_source=content\\_ofinterest&utm\\_medium=text&utm\\_campaign=cppst](http://timesofindia.indiatimes.com/articleshow/129401144.cms?utm_source=chatgpt.com&utm_source=content_ofinterest&utm_medium=text&utm_campaign=cppst), truy cập 8/4/2026.

trong những động lực quan trọng thúc đẩy Ấn Độ tăng cường hợp tác với Châu Phi, qua đó nâng cao tính tự chủ chiến lược và củng cố vị thế của Ấn Độ trong trật tự quốc tế đang chuyển dịch. Và Châu Phi nổi lên như một khu vực có vai trò quan trọng nhờ sở hữu nguồn tài nguyên phong phú, bao gồm dầu mỏ, khí đốt, khoáng sản hiếm và năng lượng tái tạo.

***Thứ tư, truyền thống lịch sử và quan hệ Nam – Nam: Nền tảng chính trị cho hợp tác Ấn Độ – Châu Phi:***

Một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy quan hệ giữa Ấn Độ và Châu Phi là truyền thống lịch sử lâu dài trong hợp tác Nam – Nam. Đây là nền tảng chính trị – ngoại giao quan trọng giúp hai bên xây dựng lòng tin chiến lược và thúc đẩy hợp tác toàn diện trong bối cảnh quốc tế hiện nay.

Ấn Độ và nhiều quốc gia Châu Phi cùng chia sẻ lịch sử đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và giành độc lập dân tộc. Trong giai đoạn hậu Chiến tranh thế giới thứ hai, cả Ấn Độ và nhiều nước Châu Phi đều trở thành những quốc gia mới giành độc lập, phải đối mặt với thách thức phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Chính bối cảnh lịch sử tương đồng này đã thúc đẩy sự hình thành hợp tác Nam – Nam giữa các quốc gia đang phát triển. Một dấu mốc quan trọng trong hợp tác này là sự ra đời của Phong trào Không liên kết. Ấn Độ đóng vai trò tiên phong trong việc hình thành phong trào này cùng với các nhà lãnh đạo như Jawaharlal Nehru, Gamal Abdel Nasser, Josip Broz Tito và Kwame Nkrumah. Phong trào Không liên kết tạo ra một diễn đàn chính trị quan trọng giúp các quốc gia đang phát triển, trong đó có nhiều nước Châu Phi, phối hợp lập trường, bảo vệ lợi ích và tăng cường hợp tác trong bối cảnh cạnh tranh giữa các cường quốc thời Chiến tranh Lạnh. Đây chính là nền tảng lịch sử quan trọng cho quan hệ Ấn Độ – Châu Phi ngày nay.

Bên cạnh đó, Ấn Độ và các quốc gia Châu Phi còn cùng tham gia Nhóm 77 – một cơ chế hợp tác của các nước đang phát triển nhằm thúc đẩy công bằng kinh tế

quốc tế và bảo vệ lợi ích chung trong hệ thống toàn cầu<sup>1</sup>. Trong khuôn khổ G77, Ấn Độ và các nước Châu Phi thường phối hợp lập trường về các vấn đề như phát triển bền vững, cải cách hệ thống tài chính quốc tế và giảm bất bình đẳng toàn cầu. Điều này góp phần tăng cường sự gắn kết chính trị và thúc đẩy hợp tác lâu dài giữa hai bên. Hợp tác giữa Ấn Độ và Châu Phi còn được củng cố thông qua cơ chế BRICS, trong đó Nam Phi là đại diện của Châu Phi. Thông qua BRICS, Ấn Độ và Nam Phi đã thúc đẩy các sáng kiến hợp tác kinh tế, tài chính và phát triển, đồng thời tăng cường tiếng nói của các nước đang phát triển trong hệ thống quốc tế. Việc mở rộng BRICS trong thời gian gần đây cũng góp phần tăng cường kết nối giữa Ấn Độ và các quốc gia Châu Phi khác.

Như vậy, truyền thống lịch sử hợp tác trong các cơ chế Nam – Nam như Phong trào Không liên kết, G77 và BRICS đã tạo ra nền tảng chính trị vững chắc cho quan hệ Ấn Độ – Châu Phi. Những yếu tố này không chỉ giúp hai bên duy trì lòng tin chiến lược mà còn tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy hợp tác sâu rộng trong bối cảnh trật tự quốc tế đang chuyển dịch theo hướng đa cực và đa liên kết.

## **2. Chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Châu Phi**

### ***Thứ nhất, quan hệ Ấn Độ với châu Phi trước thời thủ tướng Narendra Modi:***

Trước khi Narendra Modi lên nắm quyền năm 2014, quan hệ giữa Ấn Độ và Châu Phi đã có nền tảng lịch sử lâu dài, nhưng mức độ hợp tác vẫn chưa thực sự mạnh mẽ và chưa trở thành một ưu tiên chiến lược hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Quan hệ này có thể được chia thành ba giai đoạn chính:

### ***Giai đoạn hình thành quan hệ (1950s – 1980s): Nền tảng chính trị và đoàn kết***

***Nam – Nam:*** Ngay sau khi giành độc lập năm 1947, Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Jawaharlal Nehru đã tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc tại Châu Phi. Ấn Độ trở thành một trong những quốc gia đi đầu trong thúc đẩy hợp tác Nam – Nam và ủng hộ các nước Châu Phi giành độc lập. Trong giai đoạn này, Ấn Độ đã

---

<sup>1</sup> Nhóm 77 (G77) là liên minh liên chính phủ lớn nhất của các nước đang phát triển tại Liên Hợp Quốc, được thành lập ngày 15/6/1964 nhằm thúc đẩy lợi ích kinh tế tập thể và tăng cường năng lực đàm phán. Dù tên gọi gốc có 77 quốc gia thành viên sáng lập, nhóm đã mở rộng lên hơn 130 quốc gia thành viên.

ủng hộ phong trào chống chủ nghĩa thực dân tại Châu Phi, đồng thời thời tăng cường hợp tác chính trị và ngoại giao với các nước châu Phi thông qua “Phong trào Không liên kết - 1961” hay nhóm G77. Trong giai đoạn này, quan hệ chủ yếu mang tính chính trị – ngoại giao, chưa phát triển mạnh về kinh tế do năng lực kinh tế của Ấn Độ còn hạn chế.

***Giai đoạn suy giảm tương đối (1990s – đầu 2000s):*** Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, môi trường quốc tế thay đổi sâu sắc, buộc Ấn Độ phải điều chỉnh chiến lược đối ngoại nhằm thích ứng với trật tự thế giới mới. Trong bối cảnh đó, Ấn Độ chuyển trọng tâm đối ngoại sang các khu vực có ý nghĩa trực tiếp hơn đối với lợi ích kinh tế và an ninh, bao gồm Đông Á, Đông Nam Á, Hoa Kỳ và Trung Đông. Điều này khiến quan hệ giữa Ấn Độ và Châu Phi tạm thời suy giảm trong giai đoạn những năm 1990 và đầu những năm 2000.

Một trong những nguyên nhân quan trọng là Ấn Độ ưu tiên triển khai chính sách Chính sách Hướng Đông được khởi xướng từ năm 1991. Chính sách này nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế và chiến lược với các nền kinh tế năng động tại châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN. Việc tập trung nguồn lực vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương khiến Ấn Độ giảm sự quan tâm đối với Châu Phi trong một thời gian.

Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng tập trung vào cải cách kinh tế trong nước sau cuộc khủng hoảng tài chính nghiêm trọng năm 1991. Dưới sự lãnh đạo của P. V. Narasimha Rao và Bộ trưởng Tài chính Manmohan Singh (khi đó giữ chức Bộ trưởng Tài chính), Ấn Độ thực hiện cải cách kinh tế theo hướng tự do hóa, mở cửa thị trường và thu hút đầu tư nước ngoài. Trong bối cảnh đó, chính sách đối ngoại của Ấn Độ tập trung vào việc thu hút vốn, công nghệ và mở rộng thương mại với các nền kinh tế phát triển, khiến quan hệ với Châu Phi – khu vực có mức độ phát triển thấp hơn – chưa được ưu tiên. Ngoài ra, hạn chế về nguồn lực cũng là một yếu tố khiến quan hệ Ấn Độ – Châu Phi chưa phát triển mạnh. Trong giai đoạn này, nền kinh tế Ấn Độ vẫn đang trong quá trình chuyển đổi, nguồn lực tài

chính và năng lực đầu tư ra nước ngoài còn hạn chế. Do đó, Ấn Độ chưa thể cạnh tranh với các cường quốc khác trong việc mở rộng ảnh hưởng tại Châu Phi.

Trong khi Ấn Độ giảm mức độ quan tâm, Trung Quốc lại bắt đầu gia tăng mạnh mẽ ảnh hưởng tại Châu Phi từ cuối những năm 1990. Trung Quốc thúc đẩy hợp tác thông qua thương mại, đầu tư và viện trợ phát triển, đồng thời thành lập Diễn đàn Hợp tác Trung Quốc – Châu Phi vào năm 2000. Điều này giúp Trung Quốc nhanh chóng mở rộng ảnh hưởng tại nhiều quốc gia Châu Phi, đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng, năng lượng và khai khoáng. Sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc tại Châu Phi đã khiến Ấn Độ nhận thấy nguy cơ bị tụt hậu trong cuộc cạnh tranh chiến lược tại khu vực này. Từ đó, Ấn Độ bắt đầu điều chỉnh chính sách, từng bước quay trở lại Châu Phi vào đầu những năm 2000, mở đường cho giai đoạn tăng cường hợp tác mạnh mẽ sau này.

Có thể thấy rằng, giai đoạn 1990 – đầu 2000 là thời kỳ quan hệ Ấn Độ – Châu Phi suy giảm tương đối do sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại, hạn chế nguồn lực và ưu tiên cải cách kinh tế trong nước. Tuy nhiên, chính những biến động trong giai đoạn này đã thúc đẩy Ấn Độ nhận thức rõ hơn tầm quan trọng chiến lược của Châu Phi và từng bước quay trở lại khu vực này trong giai đoạn tiếp theo.

### **Giai đoạn khôi phục và mở rộng (2000 – 2014):**

Từ đầu thế kỷ XXI, đặc biệt dưới thời Thủ tướng Manmohan Singh, Ấn Độ bắt đầu tăng cường hợp tác với Châu Phi nhằm mở rộng ảnh hưởng và đảm bảo an ninh năng lượng. Một dấu mốc quan trọng là việc tổ chức: Hội nghị Thượng đỉnh Ấn Độ – Châu Phi 2008 tại New Delhi; Hội nghị Thượng đỉnh Ấn Độ – Châu Phi 2011 tại Addis Ababa.

Thông qua các hội nghị này, Ấn Độ đã: Mở rộng hợp tác thương mại; Tăng viện trợ phát triển; Thúc đẩy đào tạo nhân lực; Hỗ trợ công nghệ thông tin. Kim ngạch thương mại giữa Ấn Độ và Châu Phi cũng tăng nhanh, “theo số liệu chính thức,

kim ngạch thương mại giữa Ấn Độ và châu Phi tăng từ 5,5 tỉ USD năm 2001 lên 45 tỉ USD năm 2010<sup>1</sup> và 70 tỷ USD năm 2013<sup>2</sup>.

### ***Thứ hai, chính sách đối ngoại của Ấn Độ với châu Phi dưới thời thủ tướng Narendra Modi:***

Từ năm 2014, dưới thời Thủ tướng Modi, Ấn Độ đẩy mạnh chiến lược "hướng Tây", coi châu Phi là trọng tâm ngoại giao và kinh tế. Ấn Độ tăng cường ảnh hưởng thông qua hợp tác kinh tế, thương mại (đạt 72 tỷ USD giai đoạn 2014-2015<sup>3</sup>), viện trợ phát triển, và đối tác an ninh, nhằm đối phó với sự ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực Ấn Độ Dương. “Những cải thiện trong quan hệ chính trị này cũng được phản ánh trong hoạt động ngoại giao con thoi của các chính trị gia cấp cao Ấn Độ. Kể từ khi Thủ tướng Narendra Modi nhậm chức vào năm 2014, mỗi quốc gia châu Phi đều được ít nhất một bộ trưởng Ấn Độ đến thăm<sup>4</sup> và chính Thủ tướng Modi cũng đã đích thân đến thăm một số quốc gia châu Phi. Chuyến thăm lịch sử của Thủ tướng Modi đến châu Phi vào tháng 7/2016 - Đây là chuyến thăm 4 nước châu Phi quan trọng (*Mô-dăm-bích, Nam Phi, Tan-da-ni-a và Kê-ni-a*) nhằm tăng cường hợp tác kinh tế, năng lượng và an ninh. Điều này chứng tỏ sự gắn kết ngày càng gần gũi hơn với khu vực châu Phi nhiều tiềm năng, cả về chính trị, kinh tế và thương mại. Một dấu mốc quan trọng là Hội nghị Thượng đỉnh Ấn

<sup>1</sup> Dạ Lan Hương (2011), “Ấn Độ tăng cường ảnh hưởng ở châu Phi”, <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/12134/an-do-gia-tang-anh-huong-o-chau-phi.aspx>, truy cập 08/4/2026.

<sup>2</sup> SWP (2019), “India’s Africa Policy”, <https://www.swp-berlin.org/10.18449/2019RP09/#:~:text=K%E1%BB%83%20t%E1%BB%AB%20khi%20Th%E1%BB%A7%20t%C6%B0%E1%BB%9Bng%20Narendra%20Modi,m%E1%BB%99t%20b%E1%BB%99%20tr%C6%B0%E1%BB%9Fng%20%E1%BA%A4n%20%C4%90%E1%BB%99%20%C4%91%E1%BA%BFn%20th%C4%83m>, truy cập 08/04/2026.

<sup>3</sup> Vũ Anh (2016), “Ấn Độ gia tăng hợp tác với châu Phi”, <https://nhandan.vn/an-do-gia-tang-hop-tac-voi-chau-phi-post270988.html#:~:text=%E1%BA%A4n%20%C4%90%E1%BB%99%20hi%E1%BB%87n%20l%C3%A0%20%C4%91%E1%BB%91i%20t%C3%A1c%20th%C6%B0%6%A1ng,72%20t%E1%BB%B7%20USD%20trong%20giai%20%C4%91o%E1%BA%A1n%202014%2D2015>, truy cập 08/4/2025.

<sup>4</sup> SWP (2019), “India’s Africa Policy”, <https://www.swp-berlin.org/10.18449/2019RP09/#:~:text=K%E1%BB%83%20t%E1%BB%AB%20khi%20Th%E1%BB%A7%20t%C6%B0%E1%BB%9Bng%20Narendra%20Modi,m%E1%BB%99t%20b%E1%BB%99%20tr%C6%B0%E1%BB%9Fng%20%E1%BA%A4n%20%C4%90%E1%BB%99%20%C4%91%E1%BA%BFn%20th%C4%83m>, truy cập 08/04/2026.

Độ – Châu Phi 2015 tại New Delhi, với sự tham dự của hơn 50 quốc gia Châu Phi. Đây là hội nghị lớn nhất từ trước tới nay giữa Ấn Độ và Châu Phi.

Việc thúc đẩy hợp tác toàn diện với châu Phi cũng góp phần giúp Ấn Độ duy trì và củng cố mối quan hệ truyền thống với khu vực này, nơi hiện có khoảng 1,3 (2016) triệu người gốc Ấn Độ đang sinh sống và làm việc (Hiện nay là khoảng 2,85 triệu người<sup>1</sup>). Chuyến công du châu Phi của Thủ tướng Narendra Modi phản ánh định hướng đối ngoại của Ấn Độ trong việc tiếp tục mở rộng mạng lưới đối tác và đa dạng hóa thị trường, qua đó tạo thêm động lực phát triển cũng như nâng cao vị thế và ảnh hưởng của Ấn Độ tại Châu Phi trong thời gian tới. Đến năm 2018, với những nỗ lực không ngừng “Ấn Độ có 29 đại sứ quán tại các quốc gia châu Phi. Để đáp ứng tầm quan trọng ngày càng tăng của lục địa này, họ dự định mở thêm 18 đại sứ quán mới vào năm 2021, tức là tăng hơn 60%. Những việc này không chỉ nhằm mở rộng quan hệ kinh tế mà còn để tăng cường hơn nữa mối liên hệ với cộng đồng người Ấn Độ ở nước ngoài”<sup>2</sup>. “Cách tiếp cận đối tác phát triển của Ấn Độ với châu Phi dưới thời Thủ tướng Modi được thể hiện qua bốn trụ cột chính là: (i) Xây dựng năng lực và đào tạo trong khuôn khổ Hợp tác Kỹ thuật và Kinh tế Ấn Độ (ITEC); (ii) Tín dụng (LoC) hoặc các khoản vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại; (iii) Thương mại; và (iv) Đầu tư [...] Để triển khai chiến lược châu Phi, trong giai đoạn 2018 - 2021, Chính phủ Ấn Độ đã mở thêm 18 cơ quan đại diện ngoại giao mới tại các quốc gia: Burkina Faso, Cameroon, Cape Verde, Chad, Cộng hòa Congo, Djibouti, Guinea Xích đạo, Eritrea, Guinea, Guinea Bissau, Liberia, Mauritania, Rwanda, Sao Tome và Principe, Sierra Leone, Somalia, Swaziland và Togo, nâng lên 47 cơ quan đại diện ngoại giao Ấn Độ tại châu Phi”<sup>3</sup>.

---

<sup>1</sup> Xem: [chrome-extension://efaidnbmnnnibpcajpcglclefindmkaj/https://www.mea.gov.in/images/attach/nris-and-pios\\_1.pdf](chrome-extension://efaidnbmnnnibpcajpcglclefindmkaj/https://www.mea.gov.in/images/attach/nris-and-pios_1.pdf)

<sup>2</sup> SWP (2019), “India’s Africa Policy”, <https://www.swp-berlin.org/10.18449/2019RP09/#:~:text=K%E1%BB%83%20t%E1%BB%AB%20khi%20Th%E1%BB%A7%20t%C6%B0%E1%BB%9Bng%20Narendra%20Modi,m%E1%BB%99t%20b%E1%BB%99%20tr%C6%B0%E1%BB%9Fng%20%E1%BA%A4n%20%C4%90%E1%BB%99%20%C4%91%E1%BA%BFn%20th%C4%83m,> truy cập 08/04/2026.

<sup>3</sup> Kiều Thanh Nga, Quách Thị Huệ (2025), Sự điều chỉnh chiến lược của Ấn Độ với châu Phi dưới thời Thủ tướng Modi”, <https://lyluanchinhtri.vn/su-dieu-chinh-chien-luoc-cua-an-do-voi-chau-phi-duoi-thoi-thu-tuong-modi-7002.html>, truy cập 08/04/2026.

Có thể thấy rằng sự tham gia chính trị, kinh tế và văn hóa của Ấn Độ với châu Phi đã tăng trưởng đáng kể trong ba thập kỷ qua. Kể từ khi giành được độc lập, Ấn Độ đã duy trì mối quan hệ với châu Phi thông qua các cam kết tư tưởng chung về chống chủ nghĩa thực dân và Hợp tác Nam. Tuy nhiên, năng lực kinh tế và tham vọng toàn cầu ngày càng mở rộng, Ấn Độ đã chuyển sang cách tiếp cận thực dụng hơn, ưu tiên quan hệ đối tác chiến lược, tiếp cận thị trường và ảnh hưởng ngoại giao. Do đó, chính sách châu Phi của Ấn Độ đã phát triển từ nguồn gốc ý thức hệ trong hợp tác Nam-Nam sang chủ yếu được thúc đẩy bởi các mục tiêu địa chính trị và kinh tế. Thay vào đó, nó chủ yếu được định hình bởi những cân nhắc theo chủ nghĩa Hiện thực, tập trung vào việc tối đa hóa quyền lực và nâng cao vị thế thông qua đầu tư kinh tế, quan hệ đối tác an ninh và các sáng kiến ngoại giao. Những nỗ lực này phù hợp với các mục tiêu rộng lớn hơn của Ấn Độ là củng cố vị thế của mình như một cường quốc và khẳng định vai trò lãnh đạo ở miền Nam bán cầu.

Dưới thời Chính quyền Modi, khi Ấn Độ chứng kiến sự tăng trưởng về sức mạnh của mình, các mục tiêu chính sách đối ngoại của nước này đã được mở rộng và các chiến lược theo đuổi lợi ích của nước này cũng được nâng cao. Những cơ hội và hạn chế trong hệ thống quốc tế, khát vọng giành được một ghế thường trực trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (UNSC), nỗ lực giành vị thế cường quốc, nhu cầu cử tri trong nước ngày càng tăng và nhu cầu năng lượng đã thuyết phục các nhà lãnh đạo tích cực theo đuổi nguyên liệu thô, thị trường tiêu dùng cũng như các cơ hội thương mại và đầu tư rộng rãi hơn. Sự bùng nổ dân số của đất nước, cùng với quá trình đô thị hóa nhanh chóng, mở rộng công nghiệp và sự nổi lên của tầng lớp trung lưu, đã làm tăng mạnh nhu cầu về cơ sở hạ tầng và dịch vụ sử dụng nhiều năng lượng. Kết quả là, điều này đã định vị Châu Phi là một khu vực có tầm quan trọng chiến lược trong giới hoạch định chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Trong một hệ thống quốc tế đang chuyển đổi, nơi các cường quốc đang nỗ lực định vị và tái định vị cũng như mở rộng ảnh hưởng của mình ở các khu vực khác nhau trên thế giới, Ấn Độ đã áp dụng một chiến lược can dự nhiều mặt để

tăng cường ảnh hưởng ở châu Phi. Khát vọng lãnh đạo miền Nam toàn cầu của Ấn Độ đã thúc đẩy một loạt sáng kiến ngoại giao và kinh tế nghiêm túc. Ấn Độ, với tư cách là một cường quốc khu vực đang lên và có tham vọng trở thành nhà lãnh đạo của miền Nam toàn cầu, đang tìm kiếm các mối quan hệ đối tác mới, phạm vi ảnh hưởng và các nguồn lực kinh tế để củng cố nhằm tối đa hóa sức mạnh và vị thế của mình trong trật tự quốc tế đang thay đổi. Tầm nhìn này được thể hiện rõ trong chính sách châu Phi của họ, trong đó kết hợp viện trợ phát triển, chia sẻ công nghệ, hợp tác năng lượng và nỗ lực xây dựng năng lực giữa các lĩnh vực.

Bước tiến quan trọng trong quan hệ giữa Ấn Độ và Châu Phi đó là việc Liên minh châu Phi đã được kết nạp làm thành viên chính thức của G-20 tại Hội nghị thượng đỉnh New Delhi vào tháng 9 năm 2023 - Một phần nhờ vào sự vận động hành lang mạnh mẽ của Ấn Độ . Gọi châu Phi là “ưu tiên hàng đầu của Ấn Độ”, Thủ tướng Narendra Modi nói, “Khi chúng ta sử dụng thuật ngữ ‘Nam bán cầu’, đó không chỉ là một thuật ngữ ngoại giao. ... Trong lịch sử chung của chúng ta, chúng ta đã cùng nhau chống lại chủ nghĩa thực dân và chế độ phân biệt chủng tộc. Chính trên mảnh đất châu Phi, Mahatma Gandhi đã sử dụng những phương pháp mạnh mẽ của bất bạo động và kháng chiến hòa bình. Chính trên nền tảng lịch sử vững chắc này mà chúng ta đang định hình mối quan hệ hiện đại của mình.”

Hội nghị thượng đỉnh Diễn đàn Ấn Độ - Châu Phi ba năm một lần tiếp theo dự kiến diễn ra vào năm 2024. Vào tháng 1 năm 2023, 47 quốc gia châu Phi đã tham dự Hội nghị thượng đỉnh Tiếng nói của các nước đang phát triển (Voice of the Global South) . Vào tháng 6 năm 2023, các nhà lãnh đạo chính phủ, khu vực tư nhân và ngành công nghiệp của châu Phi và Ấn Độ đã cùng nhau hội tụ tại New Delhi cho Hội nghị Ấn Độ - Châu Phi lần thứ 18 do Ngân hàng Xuất nhập khẩu Ấn Độ (EXIM) phối hợp với các bộ ngoại giao và thương mại của Ấn Độ tổ chức. Nhờ những nỗ lực từ hai phía đến năm 2023, “Kim ngạch thương mại giữa Ấn Độ và châu Phi đã tăng trưởng 18% mỗi năm kể từ năm 2003 , đạt 103 tỷ đô la vào năm 2023. Điều này đưa Ấn Độ trở thành đối tác thương mại lớn thứ ba của châu Phi sau Liên minh châu Âu và Trung Quốc. Ấn Độ cũng là quốc gia cho vay lớn

thứ hai ở châu Phi , với quan hệ đối tác công tư mạnh mẽ và các biện pháp bảo vệ người vay khỏi khủng hoảng nợ. Trên thực tế, phần lớn viện trợ của Ấn Độ được chuyển qua Ngân hàng Phát triển Châu Phi (ADB), mà New Delhi đã gia nhập năm 1983. Tổng đầu tư của Ấn Độ vào châu Phi lên tới 70 tỷ đô la, một con số mà Liên đoàn Công nghiệp Ấn Độ (CII) hùng mạnh đặt mục tiêu tăng lên 150 tỷ đô la vào năm 2030.”<sup>1</sup>. Hợp tác kinh tế và thương mại giữa Ấn Độ và Châu Phi đang trở thành một trong những trụ cột quan trọng trong chiến lược mở rộng ảnh hưởng toàn cầu của Ấn Độ. Trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị ngày càng gia tăng, việc tăng cường quan hệ kinh tế với Châu Phi không chỉ mang ý nghĩa thương mại mà còn giúp Ấn Độ nâng cao vị thế chiến lược, mở rộng không gian phát triển và củng cố vai trò của mình trong trật tự quốc tế đa cực. Châu Phi là thị trường kinh tế giàu tiềm năng đối với Ấn Độ. Với dân số hơn 1,3 tỷ người, tốc độ đô thị hóa nhanh và nhu cầu phát triển lớn, Châu Phi trở thành điểm đến quan trọng cho hàng hóa và dịch vụ của Ấn Độ. Các lĩnh vực xuất khẩu chủ yếu của Ấn Độ sang Châu Phi bao gồm dược phẩm, công nghệ thông tin, máy móc, sản phẩm nông nghiệp và hàng tiêu dùng. Đặc biệt, ngành dược phẩm của Ấn Độ đóng vai trò nổi bật khi cung cấp thuốc giá rẻ cho nhiều quốc gia Châu Phi, góp phần tăng cường ảnh hưởng mềm của Ấn Độ tại khu vực. Bên cạnh đó, Châu Phi còn là nguồn cung tài nguyên quan trọng đối với nền kinh tế đang tăng trưởng nhanh của Ấn Độ. Các quốc gia như Nigeria, Angola và Mozambique cung cấp dầu mỏ, khí đốt và khoáng sản chiến lược phục vụ nhu cầu phát triển công nghiệp của Ấn Độ. Việc tăng cường nhập khẩu tài nguyên từ Châu Phi giúp Ấn Độ giảm phụ thuộc vào khu vực Trung Đông và nâng cao khả năng tự chủ chiến lược. Ấn Độ cũng đẩy mạnh đầu tư vào Châu Phi trong các lĩnh vực như hạ tầng, viễn thông, công nghệ thông tin, nông nghiệp và năng lượng. Các doanh nghiệp Ấn Độ ngày càng mở rộng hoạt động tại các quốc gia như Kenya, Nam Phi và Tanzania. Điều này không chỉ giúp thúc đẩy phát triển kinh tế tại Châu Phi mà còn mở rộng mạng lưới ảnh hưởng kinh tế của Ấn Độ trên toàn cầu. Đáng chú ý, hợp tác kinh tế giữa

---

<sup>1</sup> Xem: Paul Nantulya (2023), “Africa-India Cooperation Sets Benchmark for Partnership”, <https://africacenter.org/spotlight/africa-india-cooperation-benchmark-partnership/>, truy cập 08/4/2026.

Ấn Độ và Châu Phi còn góp phần thúc đẩy hợp tác Nam – Nam và tăng cường vai trò của các nước đang phát triển trong hệ thống kinh tế quốc tế. Thông qua các diễn đàn như BRICS, G20 và Liên Hợp Quốc, Ấn Độ và các nước Châu Phi có thể phối hợp lập trường, thúc đẩy cải cách hệ thống kinh tế toàn cầu theo hướng công bằng hơn. Như vậy, hợp tác kinh tế và thương mại giữa Ấn Độ và Châu Phi không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn có ý nghĩa chiến lược quan trọng, giúp Ấn Độ mở rộng ảnh hưởng, nâng cao vị thế quốc tế và từng bước khẳng định vai trò của mình như một cường quốc đang lên trong trật tự quốc tế mới.

Tuy nhiên, bất chấp tiềm năng kinh tế và cơ hội thương mại trong quan hệ Ấn Độ-Châu Phi, Ấn Độ vẫn gặp phải những thách thức đáng kể. Ấn Độ coi Châu Phi là một khu vực có tầm quan trọng chiến lược, do lục địa này có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và mức sống ngày càng nâng cao, tạo ra thị trường sinh lợi cho hàng hóa và dịch vụ của Ấn Độ. Tuy nhiên, sự tham gia ngày càng tăng của Ấn Độ với châu Phi cũng là một phản ứng chiến lược trước dấu ấn kinh tế ngày càng tăng của Trung Quốc trên lục địa này. Cần lưu ý rằng các biện pháp phi thuế quan (NTM) sâu rộng do cả Ấn Độ và các quốc gia châu Phi áp đặt đối với xuất khẩu nông sản của nhau đã dẫn đến bóp méo thương mại, mặc dù Ấn Độ áp đặt tương đối ít NTM hơn đối với các sản phẩm nông nghiệp châu Phi. Bất chấp các hiệp định thương mại song phương gần đây, các rào cản thương mại vẫn là một vấn đề dai dẳng trong quan hệ kinh tế Ấn Độ-Châu Phi.

Theo một số nghiên cứu, Ấn Độ truyền thống tập trung vào Đông và Nam Phi do vị trí địa lý gần gũi về biển qua Ấn Độ Dương và cộng đồng người Ấn Độ di cư đông đảo. Theo thời gian, Ấn Độ đã mở rộng phạm vi hợp tác sang hơn 44 quốc gia nhờ vào Chương trình Hợp tác Kỹ thuật và Kinh tế Ấn Độ (ITEC) thuộc Bộ Ngoại giao, chương trình này từ năm 1964 đã dành hơn một phần ba ngân sách cho các nước châu Phi trong bốn lĩnh vực: xây dựng năng lực, hỗ trợ dự án, học bổng và xây dựng thể chế. Chương trình đã đào tạo hơn 200.000 chuyên gia dân sự và quốc phòng từ 160 quốc gia - chủ yếu ở châu Phi và châu Á. Ngân hàng Xuất nhập khẩu Ấn Độ (EXIM Bank) đã dành 50% nguồn tài trợ quốc tế, hỗ trợ

kỹ thuật và các chương trình xúc tiến thương mại cho châu Phi. Dự án kỹ thuật số lớn nhất châu Phi, Mạng lưới điện tử toàn châu Phi (Pan African e-Network), đang kết nối 54 quốc gia châu Phi với Ấn Độ và với nhau để chia sẻ chuyên môn trong lĩnh vực viễn thông, y học, sức khỏe, lập bản đồ tài nguyên và chính phủ điện tử<sup>1</sup>.

Quốc phòng và an ninh đã trở thành trụ cột chính trong quan hệ Ấn Độ - châu Phi. Điều này được nhấn mạnh vào tháng 3 năm 2023, khi hai bên tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh các Tư lệnh Quân đội Ấn Độ - châu Phi lần đầu tiên, cùng với cuộc tập trận dã chiến châu Phi - Ấn Độ (AFINDEX) lần thứ hai, kéo dài 10 ngày tại Pune, Ấn Độ. Hai bên cũng tiến hành Đối thoại Quốc phòng Ấn Độ - châu Phi (IADD) hàng năm trùng với Triển lãm Quốc phòng của Ấn Độ. Tháng 10 năm 2022, Ấn Độ kêu gọi tăng thêm các suất đào tạo giáo dục quân sự chuyên nghiệp cho các nước châu Phi theo khuôn khổ ITEC. Ngoài ra, Ấn Độ và châu Phi đang tham gia vào "đào tạo chuyên ngành và nghiên cứu chung trong các lĩnh vực mới như trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, hệ thống vũ khí, giám sát hàng hải, phương tiện không người lái, không gian và công nghệ quét dưới biển. Hải quân các nước châu Phi đã tham gia cả 47 kỳ diễn tập đối tác hàng hải (MPX) của Ấn Độ tại khu vực Tây Ấn Độ Dương."<sup>2</sup>

Có thể thấy rằng chính sách của Ấn Độ đối với châu Phi dưới thời Thủ tướng Modi đã có sự điều chỉnh rõ rệt theo hướng coi khu vực này là một trong những ưu tiên quan trọng trong chiến lược đối ngoại. Ấn Độ từng bước mở rộng mạng lưới ngoại giao, thúc đẩy quan hệ thương mại, gia tăng đầu tư, đẩy mạnh hợp tác phát triển và tăng cường hợp tác quốc phòng – an ninh với các quốc gia châu Phi. Thông qua các biện pháp này, Ấn Độ đã từng bước nâng cao vai trò và sự hiện diện của mình tại châu Phi, đồng thời gắn kết khu vực này vào chiến lược toàn cầu rộng lớn hơn của New Delhi. Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng chú trọng phát huy quyền lực mềm thông qua ngoại giao phát triển, hỗ trợ nâng cao năng lực và thúc đẩy tiếng

---

<sup>1</sup> Xem: Paul Nantulya (2023), "Africa-India Cooperation Sets Benchmark for Partnership", <https://africacenter.org/spotlight/africa-india-cooperation-benchmark-partnership/>, truy cập 08/4/2026.

<sup>2</sup> Xem: Paul Nantulya (2023), "Africa-India Cooperation Sets Benchmark for Partnership", <https://africacenter.org/spotlight/africa-india-cooperation-benchmark-partnership/>, truy cập 08/4/2026.

nói của các quốc gia châu Phi tại các diễn đàn quốc tế. Cách tiếp cận này giúp Ấn Độ xây dựng hình ảnh là một đối tác hợp tác bình đẳng, tôn trọng lợi ích chung. Do đó, mặc dù quy mô hoạt động chưa thể so sánh với một số cường quốc lớn, Ấn Độ vẫn được nhiều quốc gia châu Phi đánh giá là đối tác đáng tin cậy và lâu dài. Từ đó, Ấn Độ tạo dựng cho mình những lợi thế cạnh tranh chiến lược với các nước lớn khác đang có sự hiện diện tại châu Phi – một châu lục giàu tiềm năng trên nhiều phương diện từ kinh tế tới chính trị, an ninh và quốc phòng...

### **3. Kết luận**

Một cách tổng quan có thể thấy rằng, Châu Phi là một khu vực có ý nghĩa chiến lược trong chính sách đối ngoại, đặc biệt trong thúc đẩy hợp tác Nam – Nam và mở rộng ảnh hưởng toàn cầu của Ấn Độ. Châu Phi được Ấn Độ xem là đối tác chiến lược quan trọng, đồng thời là thị trường tiềm năng và không gian mở rộng ảnh hưởng về kinh tế, chính trị và ngoại giao. Với hơn 50 quốc gia thành viên tại Liên Hợp Quốc, Châu Phi có vai trò quan trọng trong việc giúp Ấn Độ tranh thủ sự ủng hộ trong các vấn đề quốc tế. Bên cạnh đó, Châu Phi còn góp phần hỗ trợ Ấn Độ nâng cao vị thế quốc tế, đặc biệt trong mục tiêu trở thành thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Sự ủng hộ của các quốc gia Châu Phi có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố vai trò và tiếng nói của Ấn Độ trong hệ thống quốc tế. Ngoài ra, Châu Phi còn là thị trường kinh tế và đầu tư đầy tiềm năng với dân số hơn 1,3 tỷ người, tốc độ tăng trưởng nhanh và nhu cầu phát triển lớn. Vì vậy, Ấn Độ coi Châu Phi là thị trường xuất khẩu quan trọng, điểm đầu tư chiến lược và trung tâm sản xuất mới trong quá trình mở rộng hợp tác kinh tế toàn cầu.

**PHẦN 3**

**KINH TẾ, CÔNG NGHỆ VÀ PHÁT TRIỂN**

# ẤN ĐỘ - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ CỦA PHƯƠNG NAM TOÀN CẦU: TỪ NĂNG LỰC NỘI SINH ĐẾN KIẾN TRÚC TRẬT TỰ SỐ MỚI

TS. Nguyễn Thị Thu Nga

## Tóm tắt

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 tái cấu trúc sâu sắc cán cân quyền lực toàn cầu, Ấn Độ đã nổi lên như một chủ thể địa chính trị công nghệ với tầm ảnh hưởng vượt ra ngoài quy mô kinh tế truyền thống. Bài viết phân tích hành trình Ấn Độ chuyển hóa từ một nền kinh tế đang phát triển thành trung tâm công nghệ của Phương Nam toàn cầu thông qua ba chiều cạnh liên thông: năng lực công nghệ nội sinh được thể hiện qua hệ sinh thái *Digital Public Infrastructure* (DPI); chiến lược ngoại giao số lan tỏa mô hình này sang hơn 50 quốc gia đang phát triển; và vai trò kiến tạo chuẩn mực quản trị công nghệ toàn cầu tại các diễn đàn đa phương. Luận điểm trung tâm được bảo vệ là: Ấn Độ không đơn thuần là quốc gia “theo đuổi” mô hình công nghệ của các cường quốc phương Tây hay Trung Quốc, mà đang chủ động kiến tạo một “mô hình thứ ba”, lấy chủ quyền dữ liệu, tính tương hợp mở và đạo đức AI làm nguyên tắc nền tảng, có khả năng trở thành nền tảng của một trật tự số mới cho các quốc gia đang phát triển. Nghiên cứu điển hình về quan hệ đối tác công nghệ Việt Nam–Ấn Độ minh chứng cho tính thực tiễn của mô hình này như một cơ chế hợp tác Nam–Nam có chiều sâu chiến lược. Bài viết đóng góp khái niệm “Ấn Độ - trung tâm công nghệ của Phương Nam toàn cầu” như một khung phân tích mới trong nghiên cứu quan hệ quốc tế và địa chính trị công nghệ.

**Từ khóa:** Phương Nam toàn cầu; hạ tầng công cộng kỹ thuật số; ngoại giao số; địa chính trị công nghệ; hợp tác Nam–Nam; Việt Nam - Ấn Độ

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong suốt lịch sử quan hệ quốc tế, các bước nhảy vọt công nghệ lớn, từ cách mạng công nghiệp thế kỷ XVIII đến cách mạng hạt nhân thế kỷ XX, đều kéo theo sự tái phân phối sâu sắc quyền lực giữa các quốc gia. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các trụ cột là trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật và công nghệ blockchain, đang tạo ra bước ngoặt tương tự, nhưng với tốc độ, quy mô và tính lan tỏa chưa từng có trong lịch sử.<sup>1</sup>

Điểm khác biệt căn bản của bước ngoặt công nghệ lần này so với các cuộc cách mạng trước là: quyền lực công nghệ không còn được xác định chủ yếu bởi sức mạnh sản xuất vật chất hay năng lực quân sự, mà ngày càng được xác định bởi khả năng kiểm soát hạ tầng số, tiêu chuẩn kỹ thuật và dữ liệu, những tài nguyên vô hình nhưng có sức định hình sâu sắc cấu trúc quyền lực toàn cầu. Như Susan Strange đã chỉ ra trong *States and Markets* (1988), “quyền lực cấu trúc” khả năng định hình các quy tắc mà các chủ thể khác phải vận hành trong đó ngày càng trở nên quan trọng hơn “quyền lực quan hệ” truyền thống trong kinh tế chính trị quốc tế.<sup>2</sup>

Trong cấu trúc quyền lực này, sự phân cực giữa các cường quốc công nghệ hàng đầu đang ngày càng rõ nét: Mỹ dẫn dắt với mô hình "thị trường-tư nhân dẫn dắt" (market-led, private-sector driven) trong khi Trung Quốc theo đuổi mô hình "nhà nước phát triển kỹ thuật số" (digital developmental state) với sự kiểm soát chặt chẽ của nhà nước. Cuộc cạnh tranh giữa hai mô hình này đang tạo ra áp lực chọn phe không chỉ trong lĩnh vực công nghệ mà còn trong quản trị toàn cầu, thương mại và an ninh.<sup>3</sup> Các quốc gia đang phát triển — chiếm hơn 80% dân số toàn cầu nhưng chỉ tạo ra khoảng 40% GDP thế giới — đứng trước nguy cơ bị gạt ra lề trong cuộc tái phân phối quyền lực này nếu không có một mô hình phát triển công nghệ phù hợp với điều kiện và lợi ích của mình.

Bài viết này đặt ra ba câu hỏi nghiên cứu liên thông. Thứ nhất, Ấn Độ đã xây dựng năng lực công nghệ nội sinh như thế nào và những năng lực đó có đặc trưng gì khiến chúng trở thành mô hình cho các quốc gia đang phát triển? Thứ hai, Ấn Độ

vận hành chiến lược ngoại giao số của mình như thế nào để lan tỏa mô hình DPI ra toàn cầu, và điều đó có hàm ý gì cho quản trị công nghệ toàn cầu? Thứ ba, quan hệ đối tác công nghệ Việt Nam–Ấn Độ phản ánh gì về tính khả thi và hạn chế của mô hình hợp tác công nghệ Nam–Nam do Ấn Độ dẫn dắt?

Luận điểm trung tâm được bảo vệ là: Ấn Độ đang chủ động kiến tạo vai trò "trung tâm công nghệ của Phương Nam toàn cầu" không chỉ như một chiến lược phát triển kinh tế mà như một chiến lược địa chính trị nhằm tái định hình trật tự quản trị công nghệ toàn cầu theo hướng bao trùm, đa cực và tôn trọng chủ quyền quốc gia hơn. Đây là đóng góp khái niệm chính của bài viết vào khung phân tích quan hệ quốc tế và địa chính trị công nghệ.

## **I. VỊ THẾ CHIẾN LƯỢC CỦA ẤN ĐỘ TRONG PHƯƠNG NAM TOÀN CẦU**

### ***I.1. Tâm nhìn Vishwa Guru và Định vị Chiến lược***

Khái niệm Vishwa Guru - “người thầy của thế giới” trong tiếng Sanskrit - không phải là diễn ngôn mới trong tư tưởng chính trị Ấn Độ, nhưng dưới thời Thủ tướng Narendra Modi, nó đã được tái vận hành hóa (re-operationalized) thành chiến lược đối ngoại cụ thể với trọng tâm là công nghệ.<sup>5</sup> Ấn Độ không chỉ muốn là quốc gia tiêu dùng công nghệ toàn cầu mà muốn là quốc gia kiến tạo (architect) - thiết kế, triển khai và xuất khẩu các giải pháp công nghệ có thể giải quyết những thách thức phát triển mà hàng tỷ người ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh đang đối mặt.

Định vị này không phải không có cơ sở thực chứng. Hệ thống định danh sinh trắc học Aadhaar đã đăng ký hơn 1,3 tỷ người dân Ấn Độ - một thành tựu quản trị nhà nước chưa từng có trong lịch sử - tạo ra nền tảng cho việc cung cấp dịch vụ công số (e-governance) ở quy mô dân số khổng lồ.<sup>6</sup> Hệ thống thanh toán UPI đã xử lý 117 tỷ giao dịch trong năm tài chính 2023–2024, chiếm gần 46% tổng lượng giao dịch thanh toán tức thì (real-time payments) toàn cầu - một thị phần vượt xa Mỹ (khoảng 9%) và tương đương với toàn bộ châu Âu cộng lại.<sup>7</sup> Những con số này không chỉ phản ánh thành công kinh tế mà còn là bằng chứng về khả năng Ấn Độ

xây dựng hạ tầng kỹ thuật số ở quy mô hàng tỷ người - năng lực mà rất ít quốc gia đang phát triển nào sở hữu.

### ***I.2. Ấn Độ tại các diễn đàn đa phương: từ "tham gia" đến "kiến tạo"***

Sự chuyển dịch vai trò của Ấn Độ tại các diễn đàn đa phương từ "người tham gia" thụ động sang "người kiến tạo" tích cực trong thập niên 2020 là một trong những thay đổi quan trọng nhất trong kiến trúc quản trị công nghệ toàn cầu.

Năm 2023 Ấn Độ giữ vai trò Chủ tịch G20 - New Delhi đã đặt "hạ tầng công cộng kỹ thuật số" (Digital Public Infrastructure) lên hàng đầu chương trình nghị sự, thúc đẩy các nước G20 thông qua Khuôn khổ DPI Toàn cầu (G20 DPI Framework) như một nguyên tắc phát triển công nghệ cho các nước đang phát triển.<sup>8</sup> Đây là lần đầu tiên trong lịch sử G20, một quốc gia đang phát triển thành công đặt một mô hình phát triển công nghệ của mình không phải của Mỹ hay châu Âu vào trung tâm chương trình nghị sự toàn cầu.

Tại Voice of the Global South Summit diễn đàn do Ấn Độ khởi xướng và tổ chức lần đầu năm 2023 với sự tham gia của hơn 120 quốc gia đang phát triển Thủ tướng Modi nhấn mạnh rằng Phương Nam toàn cầu không thể chấp nhận "thuộc địa hóa kỹ thuật số" (digital colonialism) tình trạng phụ thuộc vào hạ tầng và dữ liệu do các tập đoàn công nghệ phương Tây kiểm soát và Ấn Độ sẵn sàng chia sẻ mô hình DPI như một lựa chọn thay thế có chủ quyền.<sup>9</sup>

Với vai trò Chủ tịch Global Partnership on AI (GPAI) trong giai đoạn 2023–2024, Ấn Độ đã thúc đẩy đưa quan điểm của các quốc gia đang phát triển vào các cuộc thảo luận về đạo đức AI và quản trị AI toàn cầu lĩnh vực mà trước đó bị chi phối bởi các quốc gia phát triển và các tập đoàn công nghệ lớn của Mỹ và châu Âu.<sup>10</sup>

### **I.3. So sánh Chiến lược với Mỹ và Trung Quốc**

Để hiểu đầy đủ vai trò chiến lược của Ấn Độ, cần đặt nó trong sự so sánh với hai mô hình đang cạnh tranh ở tầng toàn cầu. Mô hình Mỹ xây dựng ảnh hưởng công nghệ chủ yếu qua tập đoàn tư nhân: Google, Meta, Microsoft, Apple xuất khẩu nền tảng và dịch vụ toàn cầu mà không có sự định hướng chiến lược nhà nước rõ

ràng tạo ra ảnh hưởng sâu rộng nhưng thiếu sự phối hợp với chính sách phát triển của các quốc gia nhận. Mô hình Trung Quốc, ngược lại, sử dụng doanh nghiệp nhà nước và chính sách công nghiệp nhà nước (industrial policy) để xuất khẩu hạ tầng kỹ thuật số từ cấp quang biển đến thành phố thông minh (smart city) thường kèm theo các điều kiện cho vay và cam kết an ninh gây lo ngại ở nhiều quốc gia đang phát triển.<sup>11</sup>

Mô hình Ấn Độ khác biệt ở ba điểm: (i) DPI được xây dựng trên nền tảng mã nguồn mở (open source) và tính tương hợp (interoperability), không tạo ra sự phụ thuộc vào bất kỳ nhà cung cấp đơn lẻ nào; (ii) chủ quyền dữ liệu (data sovereignty) được đặt làm nguyên tắc thiết kế, không phải phụ phẩm của thương mại; và (iii) chia sẻ không vì điều kiện chính trị hay địa chính trị trực tiếp mặc dù rõ ràng việc chia sẻ này có hàm ý địa chính trị quan trọng. Đây là những đặc trưng tạo ra sức hút đặc biệt của mô hình Ấn Độ đối với các quốc gia Phương Nam đang tìm kiếm con đường số hóa độc lập và bền vững.

## **II. CÁC TRỤ CỘT CÔNG NGHỆ THEN CHỐT CỦA ẤN ĐỘ**

### **II.1. Digital India và India Stack: hạ tầng công cộng kỹ thuật số quy mô hành tinh**

Chương trình Digital India được khởi động năm 2015 với ba tầm nhìn cốt lõi: xây dựng hạ tầng kỹ thuật số như tiện ích công cộng thiết yếu; quản trị và cung cấp dịch vụ công theo yêu cầu; và trao quyền cho công dân số.<sup>12</sup> Sau gần một thập kỷ triển khai, Digital India đã tạo ra bước chuyển đổi có tính cấu trúc trong nền kinh tế và xã hội Ấn Độ, từ tỷ lệ sử dụng internet chưa đến 15% dân số năm 2014 lên hơn 55% (tức khoảng 820 triệu người dùng internet) năm 2024.<sup>13</sup>

India Stack- kiến trúc kỹ thuật số nền tảng của Digital India bao gồm bốn tầng lớp tích hợp: tầng định danh (Aadhaar), tầng thanh toán (UPI và hệ sinh thái BHIM), tầng dữ liệu, và tầng ứng dụng (nền tảng mở cho phát triển dịch vụ từ khu vực tư nhân). Kiến trúc này không phải hệ thống độc quyền của một tập đoàn cụ thể mà là "hạ tầng công cộng kỹ thuật số" tương tự như đường cao tốc hay mạng điện,

được nhà nước xây dựng và quản lý nhưng mở cho tất cả các bên khai thác và phát triển dịch vụ trên đó.

Aadhaar là nền tảng định danh sinh trắc học lớn nhất thế giới với hơn 1,38 tỷ bản ghi (tính đến đầu năm 2025), tích hợp dấu vân tay, mống mắt và ảnh khuôn mặt.<sup>14</sup> Hơn là một hệ thống định danh đơn thuần, Aadhaar là "mạch máu" của toàn bộ hệ thống phúc lợi xã hội số (digital welfare system) của Ấn Độ: 99,7% hộ gia đình đã kết nối Aadhaar với tài khoản ngân hàng; hơn 650 tỷ USD trợ cấp xã hội đã được chuyển trực tiếp đến người thụ hưởng qua hệ thống Direct Benefit Transfer (DBT) giai đoạn 2013–2024, cắt bỏ nhiều tầng trung gian tham nhũng.<sup>15</sup>

UPI (Unified Payments Interface) là thành tựu công nghệ tài chính ấn tượng nhất của Ấn Độ với sức lan tỏa toàn cầu. Được vận hành bởi National Payments Corporation of India (NPCI), UPI cho phép chuyển tiền tức thì 24/7/365 qua giao diện thống nhất kết nối tất cả ngân hàng tham gia. Với 117 tỷ giao dịch trị giá khoảng 2 nghìn tỷ USD trong năm tài chính 2023–2024, UPI đã biến Ấn Độ thành nền kinh tế dẫn đầu thế giới về thanh toán số.<sup>16</sup> Quan trọng hơn là mô hình: không tập đoàn tư nhân nào sở hữu UPI; hệ thống mở cho tất cả ứng dụng thanh toán cạnh tranh trên cùng một nền tảng; chi phí giao dịch gần bằng 0 cho người dùng, một thiết kế ưu tiên tài chính bao trùm (financial inclusion) thay vì lợi nhuận độc quyền.

DigiLocker, kho lưu trữ tài liệu số quốc gia đã lưu trữ hơn 6,4 tỷ tài liệu (bằng cấp, giấy phép lái xe, tài liệu y tế) cho hơn 260 triệu người dùng, giảm thiểu đáng kể nhu cầu giấy tờ vật lý trong giao dịch hành chính và thương mại góp phần cắt giảm cơ hội tham nhũng liên quan đến xác minh tài liệu.<sup>17</sup>

## **II.2. Chiến lược AI: Từ "AI for All" đến IndiaAI**

Ấn Độ tiếp cận AI không theo mô hình "AI vì lợi nhuận" của Silicon Valley hay "AI vì giám sát" của Trung Quốc, mà theo tầm nhìn "AI for All" AI như công nghệ phục vụ lợi ích công cộng, đặc biệt là giải quyết những thách thức phát triển của tầng lớp dân cư chưa được phục vụ.

Sứ mệnh IndiaAI, được phê duyệt với ngân sách 1,25 tỷ USD (tương đương khoảng 10.372 crore rupee) vào tháng 3/2024 bao gồm bảy chụm ưu tiên: xây dựng hạ tầng điện toán AI (AI compute infrastructure) với mục tiêu 10.000 GPU để tránh phụ thuộc vào đám mây nước ngoài; phát triển các mô hình ngôn ngữ lớn (Large Language Models, LLM) đa ngữ hỗ trợ 22 ngôn ngữ chính thức của Ấn Độ; xây dựng bộ dữ liệu AI quốc gia (India Datasets Program) mở cho nghiên cứu và phát triển; đào tạo nguồn nhân lực AI; thúc đẩy khởi nghiệp AI; ứng dụng AI trong quản trị nhà nước; và xây dựng khuôn khổ đạo đức AI.<sup>18</sup>

Dự án BharatGen, nỗ lực phát triển mô hình ngôn ngữ lớn đa ngữ bản địa - đại diện cho khát vọng của Ấn Độ không chỉ sử dụng AI mà còn kiến tạo AI phản ánh đa dạng ngôn ngữ-văn hóa của mình và có thể phục vụ các ngôn ngữ ít tài nguyên mà các mô hình AI phương Tây bỏ qua. Đây là bước tiến quan trọng từ "người tiêu dùng AI" sang "người sản xuất AI" - một dịch chuyển có hàm ý địa chính trị lớn trong cuộc đua AI toàn cầu.

### **II.3. Semicon India và Tham vọng Bán dẫn**

Đạo luật Semicon India Programme năm 2021 với ngân sách 10 tỷ USD (sau đó điều chỉnh thực tế triển khai khoảng 8 tỷ USD trong giai đoạn đầu) đánh dấu bước chuyển chiến lược của Ấn Độ từ thiết kế chip sang sản xuất chip, nhắm vào việc thoát khỏi phụ thuộc vào chuỗi cung ứng bán dẫn tập trung tại Đài Loan và Hàn Quốc.<sup>19</sup> Hàng loạt thỏa thuận đã được ký kết: Micron Technology (Mỹ) đầu tư 2,75 tỷ USD vào nhà máy đóng gói chip tại Gujarat; Tata Electronics hợp tác với PSMC (Đài Loan) xây nhà máy sản xuất chip 28nm trị giá 11 tỷ USD; CG Power và Renesas (Nhật Bản) hợp tác nhà máy chip ô tô.

Mục tiêu dài hạn trở thành quốc gia sản xuất bán dẫn cạnh tranh ở tầm toàn cầu, sẽ mất nhiều thập kỷ để đạt được và đòi hỏi giải quyết nhiều thách thức cơ cấu (hạ tầng năng lượng, nguồn nước sạch, nhân lực kỹ thuật chất lượng cao). Nhưng bước khởi động này có ý nghĩa quan trọng: Ấn Độ đang định vị mình trong chuỗi giá trị bán dẫn toàn cầu, lĩnh vực đang trở thành chiến trường địa chính trị trung

tâm giữa Mỹ và Trung Quốc không phải như bên quan sát mà như bên tham gia chiến lược.

#### **II.4. Isro và quyền lực không gian chi phí thấp**

Tổ chức Nghiên cứu Không gian Ấn Độ đã khẳng định vị thế toàn cầu với chuỗi thành tựu ấn tượng: Chandrayaan-3 trở thành tàu thăm dò đầu tiên hạ cánh thành công tại cực Nam Mặt Trăng (tháng 8/2023) với chi phí chỉ khoảng 75 triệu USD — một phần nhỏ so với chi phí các nhiệm vụ tương tự của NASA hay ESA; Aditya-L1 là tàu vũ trụ nghiên cứu Mặt Trời đầu tiên của Ấn Độ; và tàu Mangalyaan đến Sao Hỏa với chi phí chỉ 74 triệu USD.<sup>20</sup>

Điều quan trọng hơn là triết lý phát triển công nghệ không gian của ISRO: tối đa hóa hiệu quả chi phí (cost efficiency) và chuyển giao công nghệ cho các quốc gia đang phát triển thay vì cạnh tranh với NASA hay ESA trong những nhiệm vụ chi phí cao. ISRO đã phóng vệ tinh cho hơn 34 quốc gia với chi phí thấp hơn đáng kể so với các nhà cung cấp phương Tây, cung cấp dữ liệu vệ tinh cho giám sát nông nghiệp, quản lý thiên tai và quy hoạch đô thị cho nhiều nước đang phát triển.<sup>21</sup> Đây là "ngoại giao không gian" (space diplomacy) theo mô hình Ấn Độ: quyền lực không gian phục vụ phát triển, không chỉ phục vụ uy tín quốc gia.

### **III. CHIẾN LƯỢC NGOẠI GIAO SỐ VÀ LAN TỎA HẠ TẦNG**

#### **III.1. Quốc tế hóa DPI: Từ "Ấn Độ Hóa" đến "Toàn cầu Hóa" Mô hình**

Một trong những quyết định chiến lược quan trọng nhất của Ấn Độ trong thập niên 2020 là từ bỏ độc quyền mô hình DPI và chủ động chia sẻ nó như "tài sản chung kỹ thuật số" (*digital common good*) cho toàn thế giới. Đây là bước chuyển từ "xây dựng cho Ấn Độ" sang "xây dựng cho thế giới" — có hàm ý địa chính trị sâu sắc.

Thông qua Ngân hàng Thế giới, UNDP, và *G20 Alliance for the Digitalization of Trade*, Ấn Độ đang chia sẻ bộ mã nguồn mở của India Stack bao gồm Aadhaar, UPI, DigiLocker và *Beckn Protocol* (giao thức thương mại điện tử phi tập trung) — với hơn 50 quốc gia đang phát triển.<sup>22</sup> Chương trình *One Future Alliance* do

Ấn Độ khởi xướng trong khuôn khổ G20 Presidency 2023 cam kết hỗ trợ kỹ thuật cho các nước đang phát triển trong việc xây dựng DPI quốc gia theo mô hình Ấn Độ.

Tính đến đầu năm 2025, một số quốc gia đã hoặc đang áp dụng các thành phần của India Stack: Papua New Guinea triển khai hệ thống định danh số dựa trên Aadhaar; Morocco và Ethiopia đang xây dựng hệ thống thanh toán tức thì theo mô hình UPI; Philippines, Sri Lanka, Singapore, UAE và Pháp đã kết nối trực tiếp với UPI của Ấn Độ, cho phép công dân và doanh nghiệp hai quốc gia thanh toán xuyên biên giới không cần qua hệ thống SWIFT hay mạng thẻ tín dụng quốc tế truyền thống.<sup>23</sup>

### **III.2. DPI như quyền lực mềm và công cụ ngoại giao**

Việc chia sẻ DPI đóng vai trò kép: vừa là quyền lực mềm (*soft power*) xây dựng hình ảnh Ấn Độ như quốc gia có trách nhiệm toàn cầu và có năng lực kỹ thuật, vừa là công cụ ngoại giao thực chất tạo ra sự phụ thuộc kỹ thuật lành mạnh (*benign technical dependency*) không kèm theo các điều kiện chính trị hay an ninh gắt gao như mô hình Trung Quốc.

Phân tích theo khung "quyền lực mềm" của J Nye: DPI đáp ứng cả ba nguồn lực của quyền lực mềm, *văn hóa* (mô hình phát triển dân chủ, bao trùm, tôn trọng quyền riêng tư); *giá trị chính trị* (chủ quyền dữ liệu, quản trị phi độc quyền); và *chính sách đối ngoại* (chia sẻ không điều kiện, đào tạo nhân lực, hỗ trợ kỹ thuật).<sup>24</sup> Điều khiến DPI trở thành công cụ quyền lực mềm đặc biệt hiệu quả là tính *thực tiễn và có thể đo lường* của nó: không phải hứa hẹn về giá trị trừu tượng mà là hệ thống kỹ thuật hoạt động thực sự, giúp người dân ở các quốc gia nhận tiếp cận dịch vụ tài chính, phúc lợi xã hội và thị trường mà trước đây họ bị loại trừ.

### **III.3. Hợp tác Đào tạo Nhân lực: Chương trình ITEC và Năng lực Kỹ thuật**

*Indian Technical and Economic Cooperation* (ITEC), chương trình hỗ trợ kỹ thuật của Ấn Độ cho các nước đang phát triển, được thành lập từ năm 1964 nhưng đặc biệt mở rộng trong thập niên 2020, là "xương sống" của ngoại giao kỹ thuật Ấn

Độ. Chương trình cung cấp học bổng đào tạo ngắn hạn và dài hạn tại các tổ chức hàng đầu Ấn Độ (IITs, IIMs, NIIT) cho các chuyên gia từ 160 quốc gia trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, quản lý, nông nghiệp, y tế và quản trị nhà nước.<sup>25</sup>

Trong lĩnh vực công nghệ số cụ thể, Ấn Độ đào tạo hơn 10.000 chuyên gia công nghệ từ các nước đang phát triển mỗi năm thông qua ITEC và các chương trình liên quan, bao gồm hơn 4.000 học viên Việt Nam qua các thập kỷ trong nhiều lĩnh vực, trong đó có công nghệ thông tin và truyền thông.<sup>26</sup> Đây là "ngoại giao tri thức" xây dựng ảnh hưởng lâu dài thông qua quan hệ người với người (*people-to-people connections*) và chuyên gia năng lực, không phải qua tài chính hay vũ lực.

#### **III.4. Chuẩn mực Quản trị Công nghệ: Chủ quyền Dữ liệu và Đạo đức AI**

Ấn Độ đang tích cực thúc đẩy hai chuẩn mực quản trị công nghệ quan trọng tại các diễn đàn quốc tế: "chủ quyền dữ liệu" (*data sovereignty*) và "đạo đức AI" (*AI ethics*) theo định hướng bao trùm.

Về chủ quyền dữ liệu, *Đạo luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân Kỹ thuật số (Digital Personal Data Protection Act, DPDPA)* năm 2023 của Ấn Độ thiết lập khung pháp lý quốc gia với quan điểm rằng dữ liệu của công dân Ấn Độ phải được quản lý theo luật pháp Ấn Độ — một lập trường phù hợp với GDPR của EU nhưng được trình bày như nguyên tắc phát triển (*developmental principle*) thay vì như rào cản thương mại.<sup>27</sup> Trong các đàm phán WTO về thương mại điện tử, Ấn Độ kiên trì lập trường rằng các quy tắc thương mại kỹ thuật số toàn cầu phải cho phép các quốc gia đang phát triển bảo vệ quyền lợi dữ liệu của công dân mình — một lập trường có được sự ủng hộ rộng rãi từ Phương Nam toàn cầu nhưng gặp phản đối từ Mỹ và các nước phát triển.

Về đạo đức AI, Ấn Độ thúc đẩy quan điểm rằng các nguyên tắc quản trị AI phải "có văn hóa" (*culturally contextual*) và "có tính bao trùm phát triển" (*developmentally inclusive*) — không thể áp đặt một bộ chuẩn mực đạo đức AI được thiết kế cho các quốc gia phát triển lên các quốc gia đang phát triển với hoàn

cạnh, ưu tiên và giá trị khác nhau. Lập trường này không phải là bác bỏ đạo đức AI — Ấn Độ ủng hộ các nguyên tắc cơ bản về minh bạch, giải trình và không phân biệt đối xử — mà là đòi hỏi tính đa dạng và tính thích ứng trong thực hành quản trị AI.<sup>28</sup>

## **IV. NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH: QUAN HỆ ĐỐI TÁC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM-ẤN ĐỘ**

### **IV.1. Nền tảng chiến lược và lịch sử**

Quan hệ Việt Nam-Ấn Độ được nâng cấp lên "Đối tác Chiến lược Toàn diện" vào tháng 12/2016 khuôn khổ cao nhất trong quan hệ ngoại giao của cả hai quốc gia và liên tục được củng cố trong các chuyến thăm cấp nhà nước sau đó.<sup>29</sup> Nền tảng lịch sử của quan hệ hai nước, từ sự ủng hộ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thế kỷ XX đến quan hệ kinh tế-thương mại ngày càng sâu sắc - cung cấp nền tảng tin cậy chính trị cho hợp tác công nghệ thực chất.

Từ góc nhìn địa chính trị, quan hệ Việt Nam-Ấn Độ có cùng ngữ cảnh chiến lược: cả hai quốc gia đều theo đuổi chính sách cân bằng linh hoạt (*strategic balancing*) giữa các cường quốc lớn, không muốn bị kéo vào quỹ đạo độc quyền của bất kỳ cường quốc nào, và đều có lợi ích trong việc duy trì trật tự quốc tế dựa trên luật lệ. Về công nghệ, cả hai đều tìm kiếm con đường số hóa không phụ thuộc vào một mô hình cường quốc duy nhất điểm hội tụ chiến lược tạo ra nền tảng cho hợp tác công nghệ có chiều sâu.

### **IV.2. Hợp tác thanh toán số và kết nối hạ tầng**

Một trong những thành tựu hợp tác công nghệ cụ thể và có tác động thực tiễn nhất là việc kết nối hệ thống thanh toán số hai quốc gia. Trong chuyến thăm của Thủ tướng Modi đến Việt Nam năm 2023 và các chuyến thăm cấp cao tiếp theo, hai bên đã ký kết biên bản ghi nhớ về kết nối UPI của Ấn Độ với hệ thống thanh toán điện tử của Việt Nam, bao gồm VNPAY và Napas.<sup>30</sup>

Kết nối này không chỉ có ý nghĩa kinh tế, tạo thuận lợi cho hơn 300.000 người Ấn Độ sống và làm việc tại Việt Nam và hàng triệu khách du lịch hàng năm — mà

còn có ý nghĩa mang tính hình mẫu: nếu hai nước đang phát triển có thể kết nối hệ thống thanh toán số không qua SWIFT hay mạng thẻ tín dụng phương Tây, họ tạo ra hạ tầng tài chính kỹ thuật số độc một bước quan trọng hướng tới chủ quyền tài chính số.

Mô hình này đang được nhân rộng: Ấn Độ đã kết nối UPI với Singapore (2023), UAE (2023), Mauritius (2022), Sri Lanka (2023) và đang đàm phán với nhiều quốc gia Đông Nam Á, châu Phi và Mỹ Latinh. Việt Nam là một trong những quốc gia ASEAN đầu tiên tham gia vào mạng lưới này, phản ánh ưu tiên địa lý-chiến lược của Ấn Độ trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương.

### **IV.3. Chuyển giao công nghệ chiến lược: brahmos và công nghiệp quốc phòng**

Thỏa thuận BrahMos, tên lửa hành trình siêu âm được phát triển qua liên doanh BrahMos Aerospace giữa Ấn Độ và Nga - là hợp đồng chuyển giao công nghệ quốc phòng lớn nhất trong lịch sử quan hệ Việt Nam - Ấn Độ. Hợp đồng ký kết năm 2016 (trong chuyến thăm của Thủ tướng Modi đến Việt Nam) với giá trị ban đầu khoảng 700 triệu USD cung cấp cho Việt Nam hệ thống tên lửa chống hạm có tầm bắn khoảng 300km và tốc độ Mach 2,8 là một trong những hệ thống vũ khí hải quân hiện đại nhất trong khu vực.<sup>31</sup>

BrahMos không chỉ là một hợp đồng vũ khí thông thường mà là giao dịch chuyển giao năng lực công nghệ (*technology capability transfer*): Ấn Độ cam kết hỗ trợ Việt Nam trong việc vận hành, bảo trì và về lâu dài tham gia sản xuất một số thành phần, tạo ra nền tảng cho hợp tác công nghiệp quốc phòng sâu hơn. Trong bối cảnh Việt Nam đang nỗ lực đa dạng hóa nguồn cung vũ khí và giảm phụ thuộc vào Nga, Ấn Độ đang nổi lên như đối tác công nghiệp quốc phòng thay thế quan trọng.

### **IV.4. Hợp tác đào tạo và nghiên cứu: xây dựng năng lực dài hạn**

Hai trung tâm hợp tác công nghệ được thành lập trong khuôn khổ Đối tác Chiến lược Toàn diện phản ánh cam kết dài hạn của hai bên trong hợp tác công nghệ: *Trung tâm Xuất sắc Phần mềm* tại TP. Hồ Chí Minh do Ấn Độ tài trợ và hỗ trợ kỹ

thuật, đào tạo hàng nghìn kỹ sư phần mềm Việt Nam theo chuẩn quốc tế; và *Công viên Phần mềm Quân đội* tại Nha Trang với sự tham gia kỹ thuật của các công ty IT Ấn Độ.<sup>32</sup>

Hơn 4.000 chuyên gia, cán bộ và sinh viên Việt Nam đã được đào tạo tại Ấn Độ qua chương trình ITEC trong nhiều lĩnh vực, bao gồm công nghệ thông tin, quản lý kinh tế và quản trị nhà nước.<sup>33</sup> Đây là "đầu tư vào con người" (*human capital investment*) — hình thức hợp tác phát triển bền vững nhất vì nó xây dựng năng lực nội sinh cho Việt Nam thay vì tạo ra sự phụ thuộc vào chuyên gia nước ngoài.

#### **IV.5. Việt Nam như Hình mẫu của Hợp tác Nam–Nam**

Nhìn tổng thể, quan hệ công nghệ Việt Nam–Ấn Độ minh chứng cho ba nguyên lý của mô hình hợp tác Nam–Nam theo đề xuất của Ấn Độ. *Thứ nhất*, tính bổ sung chiến lược: Việt Nam cung cấp vị trí địa chiến lược, thị trường tăng trưởng nhanh và lực lượng lao động trẻ; Ấn Độ cung cấp công nghệ, kinh nghiệm quản trị số và mạng lưới quan hệ quốc tế. *Thứ hai*, tính đa chiều: hợp tác không chỉ ở một lĩnh vực mà trải rộng từ thanh toán số, công nghệ quốc phòng, đào tạo nhân lực đến không gian và y tế kỹ thuật số. *Thứ ba*, tính bình đẳng tương đối: không có mô hình "nhà tài trợ–người nhận" truyền thống mà là quan hệ đối tác có lợi ích tương hỗ - Ấn Độ cần Việt Nam như đối tác ASEAN chiến lược cũng như Việt Nam cần Ấn Độ như nguồn công nghệ và cân bằng địa chính trị.

### **V. THÁCH THỨC VÀ TRIỂN VỌNG**

#### **V.1. Thách thức nội tại: khoảng cách số và rủi ro hệ thống**

Mặc dù những thành tựu công nghệ của Ấn Độ là ấn tượng, bức tranh toàn cảnh cần được nhìn nhận cân bằng với những thách thức nội tại nghiêm trọng. Khoảng cách số nông thôn–đô thị (*rural-urban digital divide*) vẫn là vấn đề cơ cấu lớn: trong khi các thành phố lớn như Mumbai, Bangalore và Delhi đã có mức độ số hóa cao so với chuẩn quốc tế, hơn 60% dân số sống ở nông thôn vẫn còn khoảng cách đáng kể về tiếp cận internet chất lượng cao, thiết bị thông minh và kỹ năng

số.<sup>34</sup> Tỷ lệ sử dụng smartphone ở các bang nông thôn như Chhattisgarh, Jharkhand và Bihar vẫn thấp hơn đáng kể so với mức trung bình quốc gia.

Rủi ro an ninh mạng là thách thức thứ hai có tính hệ thống. Hệ thống Aadhaar, với hơn 1,38 tỷ bản ghi sinh trắc học nhạy cảm — là mục tiêu tiềm năng của tấn công mạng nhà nước quy mô lớn. Trong năm 2023 và 2024, Ấn Độ đã ghi nhận nhiều vụ vi phạm dữ liệu lớn, bao gồm dữ liệu của CoWIN (hệ thống đăng ký vaccine COVID-19) và dữ liệu công dân từ nhiều cổng thông tin chính phủ.<sup>35</sup> Việc số hóa toàn diện tạo ra "bề mặt tấn công" (*attack surface*) lớn chưa từng có — và Ấn Độ vẫn đang trong quá trình xây dựng năng lực an ninh mạng tương xứng với quy mô hạ tầng số của mình.

Thách thức thứ ba liên quan đến quyền riêng tư và giám sát: Aadhaar và các hệ thống DPI khác tạo ra khả năng giám sát công dân ở quy mô chưa từng có — khả năng mà một số tổ chức dân sự và học giả cảnh báo có thể bị lạm dụng bởi chính phủ hiện tại hoặc tương lai.<sup>36</sup> Phán quyết của Tòa án Tối cao Ấn Độ năm 2018 (*Puttaswamy v. Union of India*) khẳng định quyền riêng tư là quyền cơ bản — nhưng việc cân bằng giữa hiệu quả DPI và bảo vệ quyền riêng tư vẫn là thách thức pháp lý-chính trị chưa được giải quyết hoàn toàn.

## **V.2. Thách thức bên ngoài: cạnh tranh cường quốc và áp lực chọn phe**

Ở cấp độ quốc tế, Ấn Độ đang điều hướng trong môi trường địa chính trị ngày càng phức tạp, nơi các cường quốc đang tạo áp lực phân cực (*polarization pressure*) trong không gian số. Mỹ — qua Sáng kiến *Partnership for Global Infrastructure and Investment* (PGII) và *Clean Network* — thúc đẩy các đồng minh và đối tác loại bỏ công nghệ Trung Quốc khỏi hạ tầng 5G và viễn thông. Trung Quốc, qua *Digital Silk Road* — hợp phần kỹ thuật số của Sáng kiến Vành đai và Con đường — đang xuất khẩu hạ tầng số với các điều kiện tài chính hấp dẫn kèm các ràng buộc kỹ thuật về nhà cung cấp.<sup>37</sup>

Ấn Độ phải điều hướng giữa hai áp lực này trong khi duy trì chính sách "tự chủ chiến lược" (*strategic autonomy*) — không gia nhập hoàn toàn vào quỹ đạo của

bất kỳ cực nào trong khi xây dựng năng lực độc lập của mình. Điều này đòi hỏi sự khéo léo ngoại giao đáng kể: Ấn Độ là thành viên Quad (với Mỹ, Nhật, Australia) nhưng vẫn duy trì quan hệ kinh tế quan trọng với Nga và không tham gia các lệnh trừng phạt của phương Tây; là thành viên SCO (với Trung Quốc, Nga) nhưng đồng thời tham gia tập trận hải quân với Mỹ và Pháp.<sup>38</sup>

### **V.3. Triển vọng: Nền kinh tế Kỹ thuật số Đầu kéo**

Triển vọng dài hạn của Ấn Độ là tích cực đáng kể. Với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 6–8% dự báo duy trì đến cuối thập kỷ, Ấn Độ được IMF và Ngân hàng Thế giới dự báo sẽ trở thành nền kinh tế lớn thứ ba thế giới vào năm 2030 với GDP khoảng 7,3 nghìn tỷ USD — vượt qua Nhật Bản và Đức.<sup>39</sup> Điều này cung cấp nguồn lực kinh tế ngày càng lớn cho đầu tư công nghệ nội địa và hỗ trợ quốc tế.

Nền kinh tế kỹ thuật số của Ấn Độ — bao gồm thương mại điện tử, fintech, edtech, healthtech và SaaS — được dự báo đạt quy mô 1 nghìn tỷ USD vào năm 2030 từ mức khoảng 200–250 tỷ USD hiện nay, trở thành một trong những thị trường số lớn nhất và tăng trưởng nhanh nhất thế giới.<sup>40</sup> Với hơn 1.100 "kỳ lân" (*unicorns*) công nghệ (tính đến đầu 2025) và hệ sinh thái khởi nghiệp năng động — đặc biệt tại Bangalore, Hyderabad và Pune — Ấn Độ đang xây dựng cơ sở hạ tầng đổi mới nội sinh có khả năng duy trì không chỉ tăng trưởng kinh tế mà còn ảnh hưởng công nghệ toàn cầu.

Quan trọng hơn là triển vọng dân số: Ấn Độ là quốc gia đông dân nhất thế giới với cơ cấu dân số trẻ — trung vị tuổi khoảng 28 tuổi — trong khi dân số trong độ tuổi lao động sẽ tiếp tục tăng trong khi Trung Quốc, Nhật Bản và châu Âu đang già hóa.<sup>41</sup> Đây là "lợi tức dân số kỹ thuật số" (*digital demographic dividend*) — hàng trăm triệu người trẻ bước vào thị trường lao động và thị trường tiêu dùng kỹ thuật số hàng năm, vừa cung cấp nhân lực cho ngành công nghệ vừa tạo ra thị trường khổng lồ.

### **V.4. Duy trì vị thế trung tâm trong cạnh tranh toàn cầu**

Khả năng duy trì vị thế "trung tâm công nghệ của Phương Nam" của Ấn Độ phụ thuộc vào việc giải quyết được ba câu hỏi chiến lược. *Câu hỏi thứ nhất*: Ấn Độ có thể duy trì tính độc lập chiến lược trong không gian số khi áp lực phân cực Mỹ–Trung ngày càng gia tăng không? *Câu hỏi thứ hai*: Ấn Độ có thể cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và tài chính đủ lớn để cạnh tranh với *Digital Silk Road* của Trung Quốc và các sáng kiến cơ sở hạ tầng phương Tây không? *Câu hỏi thứ ba*: Mô hình DPI của Ấn Độ — được thiết kế cho bối cảnh dân số khổng lồ của chính mình — có thể thích nghi linh hoạt đủ cho các bối cảnh quốc gia khác nhau không?

Không có câu trả lời chắc chắn cho ba câu hỏi này, và đây là điều mà bài viết này thừa nhận như giới hạn phân tích. Những gì có thể khẳng định là: Ấn Độ đang thể hiện *ý chí chiến lược (strategic will)* và đang xây dựng *năng lực chiến lược (strategic capacity)* để duy trì và mở rộng vai trò trung tâm công nghệ của Phương Nam — và trong không gian địa chính trị công nghệ hiện nay, hai yếu tố đó cộng lại là điều kiện cần thiết, dù chưa đủ, cho thành công dài hạn.

## **KẾT LUẬN**

Bài viết này đã phân tích hành trình Ấn Độ trở thành "trung tâm công nghệ của Phương Nam toàn cầu" qua ba chiều cạnh liên thông: xây dựng năng lực công nghệ nội sinh, chiến lược ngoại giao số, và hợp tác Nam–Nam mẫu mực qua quan hệ Việt Nam–Ấn Độ. Phân tích xác nhận luận điểm trung tâm: Ấn Độ không đơn thuần là quốc gia theo đuổi mô hình công nghệ của các cường quốc khác mà đang chủ động kiến tạo một mô hình thứ ba với đặc trưng bộ ba: chủ quyền dữ liệu, tính tương hợp mở, và đạo đức AI định hướng phát triển.

Bốn phát hiện chính đóng góp vào văn hiến quan hệ quốc tế và địa chính trị công nghệ. *Thứ nhất*, India Stack không phải chỉ là thành tựu công nghệ trong nước mà là "vũ khí quyền lực mềm" (*soft power weapon*) có tính hệ thống: bằng cách chia sẻ DPI như tài sản chung kỹ thuật số toàn cầu, Ấn Độ đang xây dựng ảnh hưởng địa chính trị dài hạn mà không kèm theo các điều kiện gây lo ngại như mô hình Trung Quốc hay sự chi phối của tập đoàn tư nhân như mô hình Mỹ. *Thứ hai*, "mô hình thứ ba" của Ấn Độ mở, có chủ quyền, bao trùm, đang lấp đầy một khoảng

trông quan trọng trong hệ sinh thái phát triển công nghệ toàn cầu và có tiềm năng trở thành nền tảng của trật tự số mới cho Phương Nam. *Thứ ba*, quan hệ Việt Nam–Ấn Độ minh chứng cho tính khả thi của hợp tác Nam–Nam trong công nghệ khi có nền tảng tin cậy chính trị, lợi ích bổ sung chiến lược và cam kết thể chế dài hạn. *Thứ tư*, thách thức duy trì vị thế trung tâm của Ấn Độ là thực và đòi hỏi giải quyết đồng thời các khoảng cách nội tại và áp lực địa chính trị bên ngoài.

Đối với Việt Nam, bài viết gợi ý ba hàm ý chính sách. *Một là*, tăng cường chiều sâu hợp tác công nghệ với Ấn Độ vượt ra ngoài hợp tác song phương truyền thống, đặc biệt trong lĩnh vực thanh toán số, AI ứng dụng trong quản trị nhà nước và phát triển DPI quốc gia theo mô hình phù hợp. *Hai là*, Việt Nam có thể học hỏi từ kinh nghiệm xây dựng India Stack để phát triển hệ sinh thái DPI quốc gia — đặc biệt là bài học về cân bằng giữa hiệu quả dịch vụ công và bảo vệ quyền riêng tư công dân. *Ba là*, trong bối cảnh cạnh tranh công nghệ Mỹ–Trung, quan hệ đối tác công nghệ với Ấn Độ cung cấp cho Việt Nam một lựa chọn thứ ba có giá trị — không phải về "không chọn bên" mà về đa dạng hóa đối tác công nghệ có chủ quyền.

Đối với Phương Nam toàn cầu rộng hơn, Ấn Độ đang chứng minh rằng "tự chủ chiến lược" (*strategic autonomy*) trong không gian số là khả thi — rằng các quốc gia đang phát triển không phải chấp nhận một trong hai mô hình cực đoan của Mỹ hay Trung Quốc, mà có thể xây dựng con đường riêng với sự hỗ trợ từ các quốc gia như Ấn Độ. Đây là thông điệp địa chính trị quan trọng nhất mà Ấn Độ đang gửi đến Phương Nam — và tác động của thông điệp này đối với kiến trúc trật tự số toàn cầu trong thập kỷ tới đáng được tiếp tục theo dõi và nghiên cứu.

## **Chú thích**

<sup>1</sup> Klaus Schwab, *The Fourth Industrial Revolution* (Geneva: World Economic Forum, 2016), 1–13. Xem thêm: World Bank, *World Development Report 2021: Data for Better Lives* (Washington, DC: World Bank, 2021), 3–29.

<sup>2</sup> Susan Strange, *States and Markets*, 2nd ed. (London: Pinter Publishers, 1994), 24–29. Strange phân biệt "quyền lực cấu trúc" (*structural power*) — khả năng định hình cấu trúc trong đó các chủ thể khác tương tác — với "quyền lực quan hệ" (*relational power*) — khả năng của A buộc B làm X.

<sup>3</sup> Henry Farrell and Abraham L. Newman, "Weaponized Interdependence: How Global Economic Networks Shape State Coercion," *International Security* 44, no. 1 (Summer 2019): 42–79; Nigel Inkster, *The Great Decoupling: China, America, and the Future of Global Technology* (London: Hurst Publishers, 2020), 67–89.

<sup>4</sup> International Monetary Fund, *World Economic Outlook: Navigating Global Divergences* (Washington, DC: IMF, October 2024), 188–195; Ministry of Electronics and Information Technology (MeitY), *Annual Report 2023–24* (New Delhi: Government of India, 2024), 12–17.

<sup>5</sup> C. Raja Mohan, *India vs. China: Why They Are Not Friends* (New Delhi: Juggernaut Books, 2021), 189–211; Shyam Saran, *How India Sees the World: From Kautilya to the 21st Century* (New Delhi: Juggernaut Books, 2017), 234–258.

<sup>6</sup> Unique Identification Authority of India (UIDAI), *Aadhaar Dashboard*, truy cập tháng 3/2025, <https://uidai.gov.in/en/about-uidai/unique-identification-authority-of-india.html>.

<sup>7</sup> National Payments Corporation of India (NPCI), *UPI Product Statistics*, FY 2023–24 (New Delhi: NPCI, 2024), <https://www.npci.org.in/what-we-do/upi/product-statistics>; ACI Worldwide, *Prime Time for Real-Time: Global Payments Report 2024* (Naples, FL: ACI Worldwide, 2024), 8–12.

<sup>8</sup> G20 New Delhi Leaders' Declaration, September 9–10, 2023, Paragraph 91 on Digital Public Infrastructure; Ministry of External Affairs, India, *India's G20 Presidency: Achievements and Outcomes* (New Delhi: MEA, December 2023), 45–52.

- <sup>9</sup> Prime Minister's Office, India, *Opening Remarks at Voice of the Global South Summit*, January 12, 2023, [https://www.pmindia.gov.in/en/news\\_updates/pms-opening-remarks-at-voice-of-global-south-summit/](https://www.pmindia.gov.in/en/news_updates/pms-opening-remarks-at-voice-of-global-south-summit/); Harsh Pant, "India's Global South Leadership," *ORF Special Report* (New Delhi: Observer Research Foundation, 2023), 1–24.
- <sup>10</sup> Global Partnership on Artificial Intelligence, *Work Plan under India's Presidency 2023–2024* (Paris: GPAI Secretariat, 2023).
- <sup>11</sup> Chris Miller, *Chip War: The Fight for the World's Most Critical Technology* (New York: Scribner, 2022), 295–340; Jonathan Hillman, *The Emperor's New Road: China and the Project of the Century* (New Haven, CT: Yale University Press, 2020), 188–215.
- <sup>12</sup> Ministry of Electronics and Information Technology, *Digital India Programme: Transforming India into a Digitally Empowered Society and Knowledge Economy* (New Delhi: MeitY, 2015, updated 2022).
- <sup>13</sup> Telecom Regulatory Authority of India (TRAI), *Telecom Subscription Data as of December 2024* (New Delhi: TRAI, 2025); Internet and Mobile Association of India (IAMAI), *India Internet Report 2024* (New Delhi: IAMAI, 2024), 4–8.
- <sup>14</sup> Unique Identification Authority of India (UIDAI), *Aadhaar Dashboard*, March 2025.
- <sup>15</sup> Direct Benefit Transfer Mission, Ministry of Finance, *DBT Bharat: Cumulative Transfers Report* (New Delhi: Government of India, 2024), <https://dbtbharat.gov.in/>; Nandan Nilekani and Viral Shah, *Rebooting India: Realizing a Billion Aspirations* (New Delhi: Allen Lane/Penguin, 2015), 23–67.
- <sup>16</sup> National Payments Corporation of India (NPCI), *UPI Product Statistics*, FY 2023–24.
- <sup>17</sup> Ministry of Electronics and Information Technology, *DigiLocker Annual Report 2023–24* (New Delhi: MeitY, 2024).

<sup>18</sup> Ministry of Electronics and Information Technology, *IndiaAI Mission: Building India's AI Ecosystem* (New Delhi: MeitY, March 2024); Press Information Bureau, Government of India, "Cabinet approves IndiaAI Mission with outlay of Rs. 10,371.92 crore," March 7, 2024.

<sup>19</sup> Ministry of Electronics and Information Technology, *Semicon India Programme: Guidelines for Applicants* (New Delhi: MeitY, 2022); Press Trust of India, "Micron to invest \$2.75 billion in India chip assembly unit," June 23, 2023.

<sup>20</sup> Indian Space Research Organisation, *Annual Report 2023–24* (Bengaluru: ISRO, 2024), 1–15; Space Foundation, *The Space Report 2024* (Colorado Springs, CO: Space Foundation, 2024), 42–48.

<sup>21</sup> ISRO, *International Customers and Foreign Satellite Launches*, [https://www.isro.gov.in/Commercial\\_Launches.html](https://www.isro.gov.in/Commercial_Launches.html), truy cập tháng 3/2025.

<sup>22</sup> Ministry of External Affairs, India, *One Future Alliance: Digital Public Infrastructure for Sustainable Development Goals* (New Delhi: MEA, 2023); iSPIRT Foundation, *India Stack for Global South: Technical Documentation* (Bangalore: iSPIRT, 2023).

<sup>23</sup> Reserve Bank of India, *UPI International: Expansion Update*, Annual Report 2023–24 (Mumbai: RBI, 2024), 67–72; National Payments Corporation of India International (NPCI International), *Partner Countries*, <https://www.npciinternational.com/our-solutions/>, truy cập tháng 3/2025.

<sup>24</sup> Joseph S. Nye Jr., *Soft Power: The Means to Success in World Politics* (New York: PublicAffairs, 2004), 5–15. Phân tích ba nguồn lực quyền lực mềm: văn hóa, giá trị chính trị và chính sách đối ngoại.

<sup>25</sup> Ministry of External Affairs, India, *Indian Technical and Economic Cooperation (ITEC): 60 Years of Capacity Building* (New Delhi: MEA, 2024), 4–19.

<sup>26</sup> Embassy of India, Hanoi, *India-Vietnam Bilateral Relations: Fact Sheet* (Hanoi: Embassy of India, March 2025); Ministry of External Affairs, India, *ITEC Programme: Country-wise Slots Offered to Vietnam 2015–2024*.

<sup>27</sup> Ministry of Electronics and Information Technology, *The Digital Personal Data Protection Act, 2023* (New Delhi: MeitY, August 2023); Usha Ramanathan, "A Unique Identity Bill," *Economic and Political Weekly* 46, no. 39 (2011): 10–14 (phân tích phê phán sớm về các vấn đề quyền riêng tư trong hệ thống định danh số Ấn Độ).

<sup>28</sup> Global Partnership on Artificial Intelligence, *Responsible AI for Sustainable Development: GPAI Work Programme 2023–24* (Paris: GPAI, 2023); Ministry of Electronics and Information Technology, *Principles for Responsible AI in India* (New Delhi: MeitY, 2021).

<sup>29</sup> Ministry of External Affairs, India, *India-Vietnam Comprehensive Strategic Partnership: Joint Statement* (New Delhi: MEA, December 2016); Vietnam Ministry of Foreign Affairs, *Vietnam-India Relations*, [https://mofa.gov.vn/en/cn\\_vakv/ca\\_tbd/nr040807101658/ns050215144606](https://mofa.gov.vn/en/cn_vakv/ca_tbd/nr040807101658/ns050215144606), truy cập tháng 3/2025.

<sup>30</sup> Ministry of External Affairs, India, *Joint Statement during the State Visit of Prime Minister to Vietnam*, September 2023; National Payments Corporation of India International (NPCI International), *Vietnam Payment Partnership Announcement*, 2023.

<sup>31</sup> BrahMos Aerospace, *Annual Report 2023* (New Delhi: BrahMos Aerospace, 2023); Rahul Bhatt, "BrahMos for Vietnam: Strategic Implications," *Journal of Defence Studies* (New Delhi: IDSA) 11, no. 2 (2017): 5–29.

<sup>32</sup> Ministry of External Affairs, India, *India-Vietnam Comprehensive Strategic Partnership: Five-Year Action Plan 2021–2026* (New Delhi: MEA, 2021), 8–15.

<sup>33</sup> Ministry of External Affairs, India, *ITEC Programme: Vietnam Beneficiaries 1964–2024* (New Delhi: MEA, 2024).

<sup>34</sup> Telecom Regulatory Authority of India, *The Indian Telecom Services Performance Indicators: October–December 2024* (New Delhi: TRAI, 2025), 34–41; National Family Health Survey-5, *India Report* (Mumbai: IIPS, 2021), Digital Literacy Module.

<sup>35</sup> CyberPeace Foundation, *India Cybersecurity Annual Threat Report 2024* (New Delhi: CyberPeace Foundation, 2024), 12–28; CERT-In, *Annual Report 2023* (New Delhi: Ministry of Electronics and Information Technology, 2024).

<sup>36</sup> Reetika Khera, ed., *The Battle for Aadhaar: From UIDAI to Supreme Court* (New Delhi: Orient BlackSwan, 2019), 1–45; Supreme Court of India, *Justice K.S. Puttaswamy (Retd.) and Anr. vs Union of India*, Writ Petition (Civil) No. 494 of 2012, Judgment dated August 24, 2017.

<sup>37</sup> Samantha Bradshaw and Philip N. Howard, *The Global Disinformation Order: 2019 Global Inventory of Organised Social Media Manipulation* (Oxford: Oxford Internet Institute, 2019); Joshua Kurlantzick, *Beijing's Global Media Offensive: China's Uneven Campaign to Influence Asia and the World* (Oxford: Oxford University Press, 2022), 234–267.

<sup>38</sup> Rajesh Rajagopalan, *India's Strategic Choices: China and the Balance of Power in Asia* (Washington, DC: Carnegie Endowment for International Peace, 2017), 23–41; C. Raja Mohan, "India between Order and Justice," *Washington Quarterly* 40, no. 4 (2017): 143–156.

<sup>39</sup> International Monetary Fund, *World Economic Outlook*, October 2024, 188–195; Morgan Stanley Research, *India's Trillion-Dollar Digital Opportunity* (New York: Morgan Stanley, 2023), 4–12.

<sup>40</sup> Google, Temasek, and Bain & Company, *e-Conomy India 2024 Report* (Singapore: Temasek, 2024), 8–15; Nasscom, *Indian Tech Industry Annual Report 2024* (New Delhi: Nasscom, 2024), 12–18.

<sup>41</sup> United Nations Population Division, *World Population Prospects 2024* (New York: UNDP, 2024), India Country Profile; Population Reference Bureau, *India's Demographic Dividend* (Washington, DC: PRB, 2023).

## **Tài liệu tham khảo**

### **Sách và Chuyên khảo**

Farrell, Henry, and Abraham L. Newman. *Underground Empire: How America Weaponized the World Economy*. New York: Henry Holt, 2023.

Hillman, Jonathan. *The Emperor's New Road: China and the Project of the Century*. New Haven, CT: Yale University Press, 2020.

Inkster, Nigel. *The Great Decoupling: China, America, and the Future of Global Technology*. London: Hurst Publishers, 2020.

Khera, Reetika, ed. *The Battle for Aadhaar: From UIDAI to Supreme Court*. New Delhi: Orient BlackSwan, 2019.

Kurlantzick, Joshua. *Beijing's Global Media Offensive: China's Uneven Campaign to Influence Asia and the World*. Oxford: Oxford University Press, 2022.

Miller, Chris. *Chip War: The Fight for the World's Most Critical Technology*. New York: Scribner, 2022.

Mohan, C. Raja. *India vs. China: Why They Are Not Friends*. New Delhi: Juggernaut Books, 2021.

Nilekani, Nandan, and Viral Shah. *Rebooting India: Realizing a Billion Aspirations*. New Delhi: Allen Lane/Penguin, 2015.

Nye, Joseph S., Jr. *Soft Power: The Means to Success in World Politics*. New York: PublicAffairs, 2004.

Saran, Shyam. *How India Sees the World: From Kautilya to the 21st Century*. New Delhi: Juggernaut Books, 2017.

Schwab, Klaus. *The Fourth Industrial Revolution*. Geneva: World Economic Forum, 2016.

Strange, Susan. *States and Markets*. 2nd ed. London: Pinter Publishers, 1994.

### **Bài báo Học thuật**

Farrell, Henry, and Abraham L. Newman. "Weaponized Interdependence: How Global Economic Networks Shape State Coercion." *International Security* 44, no. 1 (Summer 2019): 42–79.

Gereffi, Gary, John Humphrey, and Timothy Sturgeon. "The Governance of Global Value Chains." *Review of International Political Economy* 12, no. 1 (February 2005): 78–104.

Mohan, C. Raja. "India between Order and Justice." *Washington Quarterly* 40, no. 4 (2017): 143–156.

Pant, Harsh. "India's Global South Leadership." *ORF Special Report*. New Delhi: Observer Research Foundation, 2023.

Rajagopalan, Rajesh. *India's Strategic Choices: China and the Balance of Power in Asia*. Washington, DC: Carnegie Endowment for International Peace, 2017.

Ramanathan, Usha. "A Unique Identity Bill." *Economic and Political Weekly* 46, no. 39 (2011): 10–14.

### **Văn kiện Chính phủ và Tổ chức Quốc tế**

ACI Worldwide. *Prime Time for Real-Time: Global Payments Report 2024*. Naples, FL: ACI Worldwide, 2024.

G20 New Delhi Leaders' Declaration. September 9–10, 2023. Paragraphs 89–95 on Digital Public Infrastructure.

Global Partnership on Artificial Intelligence. *Responsible AI for Sustainable Development: Work Programme 2023–24*. Paris: GPAI, 2023.

Indian Space Research Organisation. *Annual Report 2023–24*. Bengaluru: ISRO, 2024.

International Monetary Fund. *World Economic Outlook: Navigating Global Divergences*. Washington, DC: IMF, October 2024.

Ministry of Electronics and Information Technology. *Annual Report 2023–24*. New Delhi: Government of India, 2024.

Ministry of Electronics and Information Technology. *IndiaAI Mission: Building India's AI Ecosystem*. New Delhi: MeitY, March 2024.

Ministry of Electronics and Information Technology. *The Digital Personal Data Protection Act, 2023*. New Delhi: MeitY, August 2023.

Ministry of External Affairs, India. *India-Vietnam Comprehensive Strategic Partnership: Five-Year Action Plan 2021–2026*. New Delhi: MEA, 2021.

Ministry of External Affairs, India. *Indian Technical and Economic Cooperation (ITEC): 60 Years of Capacity Building*. New Delhi: MEA, 2024.

Ministry of External Affairs, India. *India's G20 Presidency: Achievements and Outcomes*. New Delhi: MEA, December 2023.

National Payments Corporation of India. *UPI Product Statistics, FY 2023–24*. New Delhi: NPCI, 2024.

Telecom Regulatory Authority of India. *Indian Telecom Services Performance Indicators: October–December 2024*. New Delhi: TRAI, 2025.

United Nations Population Division. *World Population Prospects 2024*. New York: UNDP, 2024.

World Bank. *World Development Report 2021: Data for Better Lives*. Washington, DC: World Bank, 2021.

# HỢP TÁC NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO GIỮA ẤN ĐỘ VÀ CÁC NƯỚC PHƯƠNG NAM TOÀN CẦU

PGS, TS. Thái Văn Long

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng nghiêm trọng, an ninh năng lượng và an ninh khí hậu đã trở thành hai trụ cột không thể tách rời của cấu trúc phát triển toàn cầu. Thập niên hành động vì khí hậu (2020–2030) được cộng đồng quốc tế xác định là giai đoạn bản lề để hiện thực hóa các cam kết giảm phát thải, chuyển dịch sang mô hình tăng trưởng xanh và trung hòa carbon vào giữa thế kỷ XXI. Trong tiến trình đó, các nước phương Nam nổi lên như không gian địa chính trị – kinh tế có ý nghĩa quyết định. Đây vừa là khu vực chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, vừa là địa bàn có tốc độ gia tăng nhu cầu năng lượng nhanh nhất, đòi hỏi những giải pháp chuyển đổi công bằng, bền vững và phù hợp với điều kiện phát triển.

Trong cấu trúc mới của chuyển dịch năng lượng toàn cầu, Ấn Độ đang từng bước chuyển mình từ một quốc gia phụ thuộc lớn vào nhập khẩu nhiên liệu hóa thạch trở thành một trong những trung tâm năng lượng tái tạo (NLTT) năng động nhất thế giới. Bài viết tập trung phân tích bối cảnh, vai trò cùng thực trạng hợp tác NLTT giữa Ấn Độ với các nước phương Nam, đánh giá những thách thức, triển vọng của sự hợp tác này và rút ra một số bài học có giá trị tham chiếu đối với Việt Nam trong chủ động tham gia, thúc đẩy các cơ chế hợp tác Nam – Nam trong lĩnh vực NLTT.

## **1. Bối cảnh và vai trò của Ấn Độ trong hợp tác năng lượng tái tạo với các nước Phương Nam**

### **- *Phương Nam toàn cầu và nhu cầu năng lượng tái tạo***

Khái niệm “Phương Nam toàn cầu” (Global South) được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu chính sách quốc tế để chỉ nhóm các nước đang phát triển chủ yếu ở châu Phi, châu Á, Mỹ Latinh và Caribe, nơi chiếm phần lớn dân số thế giới và

đang có tốc độ tăng trưởng kinh tế – xã hội nhanh. Các nước này thường đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến nghèo đói, bất bình đẳng, tiếp cận năng lượng và biến đổi khí hậu. So với khu vực phương Bắc (Global North) – gồm các nước phát triển, các nước phương Nam có mức độ phát thải bình quân đầu người thấp hơn, nhưng nhu cầu năng lượng lại tăng nhanh do quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và nâng cao chất lượng sống.

Theo thống kê của Ngân hàng Thế giới (2025), hơn 600 triệu người ở khu vực châu Phi hạ Sahara và hơn 250 triệu người tại Nam Á vẫn sống thiếu điện ổn định<sup>1</sup>. Điều này đặt ra yêu cầu vừa đảm bảo tiếp cận năng lượng rộng rãi, vừa thích ứng với yêu cầu giảm phát thải để phù hợp với mục tiêu thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Năng lượng tái tạo bao gồm: điện mặt trời, điện gió, thủy điện nhỏ, sinh khối và năng lượng địa nhiệt, trở thành trụ cột của chuyển dịch năng lượng bền vững. Việc triển khai NLTT không chỉ giảm độ lệ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch nhập khẩu mà còn giúp giảm phát thải CO<sub>2</sub>, tăng khả năng tự chủ năng lượng và thúc đẩy phát triển khu vực.

Tuy nhiên, các nước Phương Nam thường thiếu nguồn lực tài chính, công nghệ và năng lực thể chế để chủ động triển khai quy mô lớn NLTT. Đây chính là không gian để hợp tác quốc tế, đặc biệt hợp tác Nam–Nam, thể hiện sự đồng thuận trong phát triển bền vững, chia sẻ công nghệ và kinh nghiệm chính sách phù hợp với điều kiện của các nước đang phát triển.

#### **- Vai trò của Ấn Độ trong hợp tác năng lượng tái tạo tại Phương Nam**

Trong hơn một thập niên qua, Ấn Độ đã chuyển dịch mạnh mẽ chiến lược năng lượng quốc gia từ mô hình phụ thuộc nhập khẩu nhiên liệu hóa thạch sang cơ cấu năng lượng sạch và bền vững. Bước sang thập niên thứ 3 thế kỷ XXI, Ấn Độ đặt ra các mục tiêu năng lượng tái tạo đầy tham vọng: “đạt được 500 GW tổng công suất năng lượng phi hóa thạch vào năm 2030 và lượng phát thải ròng bằng 0 vào

---

<sup>1</sup> “Theo dõi Mục tiêu Phát triển Bền vững số 7: Báo cáo Tiên bộ Năng lượng năm 2025”  
<https://www.worldbank.org/en/news/press-release/2025/06/25>. Ngày đăng :JUNE 25, 2025

năm 2070”<sup>1</sup>. Những mục tiêu này không chỉ phản ánh cam kết khí hậu, mà còn thể hiện chiến lược an ninh năng lượng dài hạn. Đến cuối năm 2025, Ấn Độ đã đạt hơn 230 GW công suất NLTT, trong đó điện mặt trời chiếm hơn 100 GW, tăng gần 10 lần so với năm 2015<sup>2</sup>. Tốc độ phát triển này tạo ra thị trường nội địa lớn và làm cho Ấn Độ trở thành một trong những trung tâm NLTT năng động nhất thế giới.

Không chỉ tập trung vào thị trường nội địa, Ấn Độ còn tích cực thúc đẩy hợp tác quốc tế về NLTT, đặc biệt với các nước Phương Nam. Có thể nói, vai trò hợp tác của Ấn Độ nằm ở ba trụ cột chính: i) thúc đẩy thể chế và tiêu chuẩn chung trong các cơ chế hợp tác đa phương; ii) hỗ trợ chia sẻ kinh nghiệm chính sách, đấu thầu và quản trị dự án phù hợp với năng lực của các nước đang phát triển; iii) kết nối nguồn lực tài chính, kỹ thuật và đào tạo nhân lực cho các đối tác đang phát triển. Trong hợp tác NLTT với các nước phương Nam, Ấn Độ vừa đảm nhiệm vai trò là người nhận (importer) vừa là đối tác điều phối (partner & facilitator) thể hiện rõ nét trong các cơ chế, sáng kiến hợp tác mà Ấn Độ dẫn dắt hoặc đồng sáng lập.

#### - ***Các cơ chế hợp tác chính***

Trong bối cảnh hợp tác NLTT mở rộng, hai sáng kiến quốc tế tiêu biểu mang dấu ấn của Ấn Độ, đồng thời có vai trò nền tảng trong liên kết phương Nam toàn cầu là: “Liên minh Năng lượng Mặt trời Quốc tế” (International Solar Alliance – ISA) và “Sáng kiến Cơ sở Hạ tầng Năng lượng Chịu được Thiên tai” (Coalition for Disaster Resilient Infrastructure – CDRI).

#### - ***Liên minh Năng lượng Mặt trời Quốc tế (ISA)***

Được sáng lập vào năm 2015 nhân COP21 tại Paris (Pháp). Tính đến tháng 3/2026, ISA là tổ chức đa phương duy nhất tập trung vào phát triển và thúc đẩy năng lượng mặt trời ở quy mô toàn cầu. ISA đã thu hút hơn 120 quốc gia thành viên, trong đó

---

<sup>1</sup> Ngọc Minh: “Ấn Độ đặt mục tiêu đi đầu về năng lượng tái tạo” <https://daibieunhandan.vn/>. Ngày đăng: 22/04/2022 06:56

<sup>2</sup> Huy Nguyễn: “Bước nhảy vọt công suất năng lượng mặt trời của Ấn Độ” <https://vneconomy.vn/>. Ngày đăng 01/03/2026, 09:28

đa số là các nước phương Nam với tiềm năng NLTT lớn nhưng thiếu nguồn lực để phát triển quy mô.

*Mục tiêu chiến lược của ISA:* i) tăng cường năng lực sản xuất và lắp đặt hệ thống NLTT trong các nước đang phát triển; ii) chuẩn hóa chính sách đấu thầu và khung pháp lý; iii) Huy động vốn đầu tư ưu đãi và chia sẻ công nghệ phù hợp với điều kiện địa phương.

Chẳng hạn, chương trình Solar Parks do ISA phối hợp với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) triển khai tại châu Phi đã giúp một số nước như: Kenya, Ethiopia, Namibia thiết kế quy hoạch và thu hút đầu tư cho các công viên NLTT quy mô lớn.

Trong báo cáo năm 2025, thập niên qua ISA đã hỗ trợ hơn 25 dự án quy mô khu vực (trên 50 MW), đào tạo hơn 3.500 kỹ sư và nhà hoạch định chính sách cho các nước đang phát triển và kết nối các quỹ xanh toàn cầu để giảm chi phí vốn cho các dự án ở khu vực Phương Nam. Qua đó, có thể khẳng định ISA không chỉ là diễn đàn kỹ thuật mà còn là cầu nối chính sách và tài chính, giúp các nước đang phát triển tiếp cận thị trường NLTT chủ động, tự lực hơn.

- *Sáng kiến Cơ sở Hạ tầng Năng lượng Chịu được Thiên tai - Coalition for Disaster Resilient Infrastructure” (CDRI)*

Được khởi xướng vào năm 2019 bởi Ấn Độ và nhiều nước đồng sáng lập, CDRI tập trung vào phát triển và nâng cao khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng trước thiên tai và biến đổi khí hậu. CDRI không chỉ gắn với NLTT, mà còn có vai trò quan trọng trong việc tích hợp tiêu chí bền vững năng lượng vào quy hoạch cơ sở hạ tầng quốc gia. Cụ thể CDRI giúp: i) cung cấp hướng dẫn thiết kế cơ sở hạ tầng năng lượng chịu biến đổi khí hậu; ii) phối hợp với tổ chức quốc tế nhằm huy động nguồn lực tài chính xanh và bảo hiểm rủi ro khí hậu; iii) thúc đẩy tích hợp các chuẩn năng lượng sạch trong các dự án xây dựng quốc gia.

Trong khuôn khổ CDRI, Ấn Độ đã hợp tác với các nước như: Bangladesh, Philippines, Indonesia... trong việc phát triển hạ tầng lưới điện bền vững, kết hợp

điện tái tạo với công nghệ lưu trữ năng lượng hiện đại, giúp các nước Đông Nam Á chuyển dịch xanh và giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, chống chịu biến đổi khí hậu. Đây là ví dụ minh họa rõ nét cho việc hợp tác không chỉ tập trung vào xây dựng NLTT mà còn vào tích hợp chúng vào nền tảng cơ sở hạ tầng tiếp tục phát triển.

Có thể thấy, bối cảnh toàn cầu hiện nay đòi hỏi các nước đang phát triển không chỉ tiếp cận năng lượng sạch mà phải tham gia sâu vào cấu trúc sản xuất, thiết kế chính sách và xây dựng thể chế cho năng lượng tái tạo. Trong không gian này, Ấn Độ có vai trò trung tâm vì năng lực nội sinh ngày càng được củng cố, thị trường nội địa lớn và cam kết chính trị lâu dài cho chuyển đổi năng lượng sạch. Thông qua các cơ chế như ISA và CDRI, Ấn Độ không chỉ chia sẻ công nghệ và kinh nghiệm, mà còn tham gia định hình các chuẩn mực hợp tác NLTT cho phương Nam toàn cầu; từ đó góp phần xây dựng một cấu trúc hợp tác năng lượng tái tạo công bằng, bền vững và mang tính bao trùm. Những nỗ lực này không chỉ có ý nghĩa về mặt kỹ thuật mà còn là biểu hiện của cách tiếp cận phát triển chủ động, đặt lợi ích của các nước phương Nam vào trung tâm của quá trình chuyển dịch năng lượng toàn cầu.

## **2. Thực trạng hợp tác năng lượng tái tạo giữa Ấn Độ và các nước Phương Nam**

Trong bối cảnh chuyển đổi năng lượng toàn cầu diễn ra mạnh mẽ, hợp tác NLTT giữa Ấn Độ và các nước Phương Nam ngày càng trở thành một cấu phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của cả hai bên. Với tư cách là một nền kinh tế đang nổi và là một trong những quốc gia đi đầu trong việc thúc đẩy chuyển đổi năng lượng sạch tại các nước đang phát triển, Ấn Độ đã triển khai nhiều hình thức hợp tác thực chất với các đối tác ở châu Phi, Nam Á, Đông Nam Á và Mỹ Latinh. Các hoạt động hợp tác này tập trung vào ba trụ cột chính: chuyển giao công nghệ và kỹ thuật; hợp tác tài chính cho các dự án NLTT và đào tạo nguồn nhân lực cũng như chia sẻ kinh nghiệm quản trị ngành năng lượng. Cụ thể:

### *Thứ nhất, chuyển giao công nghệ và kỹ thuật năng lượng tái tạo*

Một trong những nội dung nổi bật của hợp tác NLTT giữa Ấn Độ và các nước Phương Nam toàn cầu là chuyển giao công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực điện mặt trời. Nhờ những tiến bộ nhanh chóng trong phát triển công nghiệp NLTT trong nước, Ấn Độ đã tích lũy được kinh nghiệm quan trọng trong xây dựng các nhà máy điện mặt trời quy mô lớn, hệ thống điện mặt trời phân tán và các mô hình năng lượng ngoài lưới (off-grid solar systems). Đây chính là điều kiện để nước này trở thành một trong những đối tác công nghệ quan trọng của nhiều quốc gia đang phát triển.

Trong hai thập niên qua, Ấn Độ đã xây dựng thành công nhiều dự án điện mặt trời quy mô lớn, điển hình như dự án Bhadla Solar Park với công suất hơn 2.245 MW, hiện nằm trong nhóm những công viên điện mặt trời lớn nhất thế giới<sup>1</sup>. Những kinh nghiệm về quy hoạch, xây dựng và vận hành các dự án quy mô lớn này đã được Ấn Độ chia sẻ với nhiều quốc gia đang phát triển thông qua các chương trình hợp tác song phương và đa phương.

*Tại châu Phi*, điện mặt trời trở thành lĩnh vực hợp tác trọng tâm giữa Ấn Độ và nhiều quốc gia trong khu vực. Các dự án năng lượng mặt trời ngoài lưới do Ấn Độ hỗ trợ đã được triển khai tại nhiều nước như Ghana, Kenya, Ethiopia và Tanzania nhằm giải quyết tình trạng thiếu điện ở các vùng nông thôn. Chẳng hạn, Ghana đã triển khai chương trình hệ thống bơm nước sử dụng năng lượng mặt trời để hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và giảm chi phí năng lượng trong lĩnh vực tưới tiêu. Các dự án này không chỉ góp phần cải thiện khả năng tiếp cận năng lượng mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn và an ninh lương thực<sup>2</sup>.

*Ở Đông Nam Á*, hợp tác công nghệ năng lượng tái tạo giữa Ấn Độ với các nước như Việt Nam, Indonesia và Philippines cũng được thúc đẩy thông qua các chương trình chia sẻ kinh nghiệm chính sách, phát triển điện mặt trời áp mái và các giải

---

<sup>1</sup> Duy Anh: “Top 10 nhà máy điện mặt trời lớn nhất thế giới” <https://vietnamnet.vn/>. Ngày đăng 21/10/2025 - 22:30

<sup>2</sup> Xem thêm “Châu Phi đẩy nhanh việc ứng dụng năng lượng mặt trời với sự hỗ trợ từ Ấn Độ tại Hội nghị ISA lần thứ 8”. Kavitha <https://solarquarter.com/>. Ngày đăng 30/10/ 2025

pháp lưu trữ năng lượng. Nhiều doanh nghiệp năng lượng Ấn Độ đã tham gia vào các dự án đầu tư và chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực điện mặt trời, điện gió và các hệ thống năng lượng lai (hybrid renewable systems)<sup>1</sup>. Đặc biệt, đối với các quốc đảo nhỏ tại khu vực Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, Ấn Độ đã hỗ trợ xây dựng các hệ thống năng lượng mặt trời kết hợp lưu trữ pin nhằm đảm bảo nguồn điện ổn định và giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch nhập khẩu.

*Tại Mỹ Latinh*, một số doanh nghiệp năng lượng của Ấn Độ cũng bắt đầu mở rộng đầu tư vào các dự án NLTT, đặc biệt trong lĩnh vực điện mặt trời và điện gió. Xu hướng này phản ánh sự mở rộng phạm vi hợp tác Nam–Nam trong lĩnh vực năng lượng sạch, đồng thời góp phần hình thành các chuỗi cung ứng công nghệ năng lượng tái tạo giữa các nền kinh tế đang phát triển.

#### *Thứ hai, hợp tác tài chính cho các dự án năng lượng tái tạo*

Bên cạnh chuyên giao công nghệ, hợp tác tài chính đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy các dự án NLTT tại các quốc gia phương Nam. Do hạn chế về nguồn lực tài chính và năng lực tiếp cận thị trường vốn quốc tế, nhiều quốc gia đang phát triển gặp khó khăn trong việc triển khai các dự án năng lượng sạch quy mô lớn. Nhằm khắc phục thách thức này, Ấn Độ đã triển khai nhiều cơ chế hỗ trợ tài chính thông qua các khoản tín dụng ưu đãi, quỹ đầu tư và các sáng kiến hợp tác đa phương.

Một trong những sáng kiến đáng chú ý là Africa Solar Facility thuộc khuôn khổ của Liên minh Năng lượng Mặt trời Quốc tế, được thiết kế nhằm huy động nguồn vốn ban đầu khoảng 200 triệu USD để giảm thiểu rủi ro đầu tư và thu hút dòng vốn tư nhân vào các dự án điện mặt trời tại châu Phi. Quỹ này dự kiến có khả năng huy động lượng vốn đầu tư lớn hơn nhiều lần từ các nhà đầu tư quốc tế cho các dự án năng lượng sạch trong khu vực<sup>2</sup>.

---

<sup>1</sup> là giải pháp tích hợp từ hai hay nhiều nguồn năng lượng tái tạo (như điện mặt trời, gió) cùng hệ thống lưu trữ (pin/ắc quy) hoặc nguồn điện truyền thống, nhằm tạo ra nguồn điện ổn định, tin cậy và hiệu quả hơn so với việc chỉ sử dụng một nguồn riêng lẻ.

<sup>2</sup> Xem [https://energypedia.info/wiki/Uganda\\_Energy\\_Situation](https://energypedia.info/wiki/Uganda_Energy_Situation)

Ngoài ra, Ấn Độ còn cung cấp nhiều gói tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Xuất nhập khẩu Ấn Độ (EXIM Bank of India) để hỗ trợ các quốc gia châu Phi và Nam Á triển khai các dự án điện mặt trời và điện gió. Các khoản tín dụng này thường đi kèm với chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và hỗ trợ kỹ thuật, tạo ra một mô hình hợp tác toàn diện giữa các đối tác.

Một số doanh nghiệp năng lượng Ấn Độ cũng đang tích cực mở rộng đầu tư vào lĩnh vực NLTT tại các nước đang phát triển. Chẳng hạn, các công ty năng lượng của Ấn Độ đã thiết lập các liên doanh đầu tư hàng tỷ USD vào các dự án năng lượng tái tạo tại châu Phi, bao gồm phát triển các trang trại điện gió và điện mặt trời quy mô lớn nhằm đáp ứng nhu cầu điện năng ngày càng tăng của khu vực<sup>1</sup>. Những sáng kiến tài chính này không chỉ giúp tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn cho các dự án năng lượng tái tạo mà còn thúc đẩy quá trình hình thành thị trường năng lượng sạch tại nhiều quốc gia Phương Nam toàn cầu.

### *Thứ ba, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực và chia sẻ kinh nghiệm chính sách*

Một trụ cột quan trọng khác trong hợp tác NLTT giữa Ấn Độ và các nước phương Nam là đào tạo nguồn nhân lực và chia sẻ kinh nghiệm quản lý ngành năng lượng. Trong bối cảnh chuyển đổi năng lượng đòi hỏi đội ngũ chuyên gia kỹ thuật và quản lý có trình độ cao, việc xây dựng năng lực thể chế và nguồn nhân lực trở thành yếu tố quyết định đối với thành công của quá trình chuyển đổi năng lượng.

Thông qua các chương trình đào tạo do International Solar Alliance điều phối, hàng nghìn kỹ sư, nhà hoạch định chính sách và chuyên gia năng lượng từ các quốc gia đang phát triển đã được đào tạo tại các trung tâm nghiên cứu và đào tạo của Ấn Độ. Các chương trình này tập trung vào nhiều lĩnh vực như thiết kế hệ thống điện mặt trời, quản lý lưới điện thông minh, chính sách hỗ trợ năng lượng tái tạo và cơ chế tài chính xanh.

---

<sup>1</sup> “Inox Clean và RJ Corp thành lập liên doanh năng lượng xanh, đầu tư 1.700 crore Rupee vào châu Phi.” <https://economictimes.indiatimes.com/industry>. Ngày đăng Feb 12/02/ 2026, 11:19:00

Một ví dụ tiêu biểu là chương trình hợp tác đào tạo giữa ISA và các viện nghiên cứu năng lượng của Ấn Độ nhằm xây dựng mạng lưới các trung tâm đào tạo công nghệ năng lượng mặt trời tại các nước thành viên. Các trung tâm này đóng vai trò đào tạo kỹ sư, nhà nghiên cứu và chuyên gia quản lý năng lượng, đồng thời thúc đẩy hợp tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực năng lượng tái tạo<sup>1</sup>.

Ngoài đào tạo kỹ thuật, Ấn Độ còn chia sẻ kinh nghiệm xây dựng chính sách phát triển năng lượng tái tạo với các quốc gia đối tác. Các bài học từ chương trình National Solar Mission của Ấn Độ, từ cơ chế đấu thầu cạnh tranh cho các dự án điện mặt trời đến các chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái, đã trở thành mô hình tham khảo quan trọng đối với nhiều quốc gia đang phát triển trong quá trình xây dựng chiến lược chuyển đổi năng lượng.

Nhìn tổng thể, hợp tác năng lượng tái tạo giữa Ấn Độ và các nước phương Nam toàn cầu đang phát triển theo hướng ngày càng toàn diện và thực chất. Thông qua ba trụ cột chính gồm chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tài chính và đào tạo nguồn nhân lực, Ấn Độ đã từng bước xây dựng một mạng lưới hợp tác năng lượng sạch rộng khắp tại châu Phi, Nam Á, Đông Nam Á và Mỹ Latinh. Mô hình hợp tác này không chỉ góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi năng lượng tại các quốc gia đang phát triển mà còn củng cố vai trò của Ấn Độ như một trong những trung tâm quan trọng của hợp tác Nam–Nam trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

### **3. Thách thức, triển vọng của hợp tác năng lượng tái tạo Ấn Độ – Phương Nam toàn cầu và một số gợi mở đối với Việt Nam**

#### ***- Những thách thức đặt ra đối với hợp tác NLTT Nam – Nam***

Mặc dù hợp tác NLTT giữa Ấn Độ và các nước phương Nam toàn cầu đang phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây, song tiến trình này vẫn phải đối mặt với

---

<sup>1</sup> Xem thêm: "Tie-up to boost solar research and training -Hợp tác nhằm thúc đẩy nghiên cứu và đào tạo về năng lượng mặt trời" <http://timesofindia.indiatimes.com>. Ngày đăng 03/3/ 2026, 02:18 IST

nhiều thách thức mang tính cấu trúc về tài chính, công nghệ, chuỗi cung ứng và năng lực thể chế.

*Thứ nhất, hạn chế về nguồn lực tài chính và khả năng huy động vốn đầu tư vẫn là rào cản lớn đối với nhiều quốc gia đang phát triển.* Các dự án năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời và điện gió quy mô lớn, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư ban đầu rất cao trong khi nhiều nước phương Nam vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận thị trường tài chính quốc tế. Ngân hàng Thế giới ước tính rằng để đạt mục tiêu chuyển đổi năng lượng toàn cầu phù hợp với Thỏa thuận Paris, các nền kinh tế đang phát triển cần hàng nghìn tỷ USD đầu tư mỗi năm cho hạ tầng năng lượng sạch. Trong bối cảnh đó, mặc dù Ấn Độ đã triển khai nhiều gói tín dụng ưu đãi và cơ chế tài chính trong khuôn khổ hợp tác Nam – Nam, quy mô nguồn lực vẫn còn hạn chế so với nhu cầu thực tế.

*Thứ hai, sự phụ thuộc vào chuỗi cung ứng công nghệ năng lượng sạch toàn cầu cũng đặt ra thách thức đáng kể.* Các công nghệ chủ chốt của ngành năng lượng tái tạo – từ tấm pin mặt trời, pin lưu trữ đến các vật liệu hiếm – vẫn phụ thuộc nhiều vào chuỗi cung ứng toàn cầu vốn chịu ảnh hưởng mạnh của cạnh tranh địa kinh tế giữa các cường quốc. Ngay cả đối với Ấn Độ, việc tiếp cận nguồn cung các khoáng sản quan trọng như đất hiếm và lithium vẫn là một thách thức lớn trong quá trình phát triển công nghiệp năng lượng sạch.

*Thứ ba, hạn chế về hạ tầng lưới điện và năng lực quản trị năng lượng tại nhiều quốc gia phương Nam cũng làm giảm hiệu quả triển khai các dự án năng lượng tái tạo.* Việc tích hợp nguồn điện tái tạo vào hệ thống điện quốc gia đòi hỏi hạ tầng truyền tải hiện đại, hệ thống lưu trữ năng lượng và cơ chế điều phối lưới điện linh hoạt. Tuy nhiên, ở nhiều quốc gia đang phát triển, lưới điện quốc gia vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu tích hợp tỷ lệ lớn NLTT, dẫn đến nguy cơ gián đoạn nguồn điện hoặc chi phí vận hành cao.

*Thứ tư, khung thể chế và chính sách năng lượng chưa đồng bộ cũng là một rào cản đáng kể.* Một số quốc gia đang phát triển vẫn thiếu các cơ chế chính sách ổn

định để khuyến khích đầu tư vào NLTT như cơ chế đấu thầu minh bạch, giá mua điện ổn định hoặc các ưu đãi tài chính dài hạn. Điều này khiến môi trường đầu tư cho năng lượng tái tạo còn nhiều rủi ro, làm giảm sự tham gia của khu vực tư nhân và các nhà đầu tư quốc tế.

- ***Triển vọng phát triển của hợp tác năng lượng tái tạo Nam – Nam***

Bên cạnh những thách thức nêu trên, hợp tác NLTT giữa Ấn Độ và các nước Phương Nam toàn cầu vẫn được đánh giá có triển vọng phát triển rất lớn trong thập niên tới, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi năng lượng toàn cầu đang trở thành xu thế không thể đảo ngược.

*Trước hết, tiềm năng tài nguyên NLTT tại các quốc gia Phương Nam là rất lớn. Nhiều quốc gia ở châu Phi, Nam Á và Đông Nam Á có điều kiện bức xạ mặt trời và tiềm năng gió thuộc loại cao nhất thế giới. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các dự án điện mặt trời và điện gió quy mô lớn với chi phí ngày càng cạnh tranh.*

*Thứ hai, sự phát triển nhanh chóng của ngành NLTT tại Ấn Độ đang tạo ra nền tảng quan trọng để nước này đóng vai trò trung tâm trong hợp tác năng lượng sạch của Phương Nam toàn cầu. Tính đến năm 2025, công suất điện mặt trời của Ấn Độ đã đạt khoảng 129 GW, đưa nước này trở thành một trong ba quốc gia sản xuất điện mặt trời lớn nhất thế giới<sup>1</sup>. Đồng thời, tổng công suất năng lượng tái tạo của Ấn Độ đã vượt 220 GW, phản ánh tốc độ phát triển rất nhanh của lĩnh vực năng lượng sạch trong thập niên qua.*

*Thứ ba, sự hình thành các cơ chế hợp tác đa phương mới như Liên minh Năng lượng Mặt trời Quốc tế (ISA) và Sáng kiến Cơ sở Hạ tầng Chống chịu Thiên tai (CDRI) đã tạo ra nền tảng thể chế quan trọng để thúc đẩy hợp tác năng lượng tái tạo giữa các quốc gia đang phát triển.*

---

<sup>1</sup> Dẫn theo: “Tình hình năng lượng mặt trời của Ấn Độ: Phương pháp tiếp cận dựa trên dữ liệu” <https://cis.org.vn/>. Ngày đăng 17-07-2025. 05:35

*Thứ tư, xu hướng chuyển dịch chuỗi giá trị năng lượng sạch sang các nền kinh tế đang phát triển cũng đang mở ra cơ hội lớn cho hợp tác Nam – Nam. Khi chi phí công nghệ năng lượng tái tạo tiếp tục giảm và nhu cầu năng lượng sạch tăng mạnh, các nước phương Nam có thể trở thành trung tâm mới của sản xuất, lắp đặt và tiêu thụ năng lượng tái tạo trong tương lai.*

Nhìn tổng thể, trong bối cảnh thế giới đang bước vào giai đoạn tăng tốc của quá trình chuyển đổi năng lượng, hợp tác năng lượng tái tạo giữa Ấn Độ và các nước phương Nam toàn cầu nhiều khả năng sẽ tiếp tục mở rộng cả về quy mô lẫn chiều sâu, trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy phát triển bền vững và an ninh năng lượng toàn cầu.

- ***Một số bài học tham chiếu đối với Việt Nam***

Từ thực tiễn hợp tác NLTT giữa Ấn Độ và các nước Phương Nam toàn cầu, có thể rút ra một số bài học có giá trị tham chiếu đối với Việt Nam trong quá trình chủ động tham gia và thúc đẩy các cơ chế hợp tác Nam – Nam về năng lượng sạch trong thời gian tới.

*Thứ nhất, cần xây dựng chiến lược quốc gia về hợp tác NLTT trong khuôn khổ hợp tác Nam – Nam.* Thực tiễn cho thấy Ấn Độ đã chủ động định vị mình như một trung tâm hợp tác năng lượng sạch của các nước đang phát triển thông qua việc khởi xướng các sáng kiến quốc tế như ISA. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc kết hợp giữa chiến lược phát triển năng lượng trong nước với chiến lược đối ngoại năng lượng. Đối với Việt Nam, việc tham gia sâu hơn vào các cơ chế hợp tác năng lượng khu vực và toàn cầu sẽ giúp mở rộng không gian hợp tác công nghệ, tài chính và thị trường cho quá trình chuyển đổi năng lượng.

*Thứ hai, cần phát huy vai trò của khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển NLTT.* Kinh nghiệm của Ấn Độ cho thấy việc đầu tư mạnh vào nghiên cứu, phát triển và nội địa hóa công nghệ năng lượng tái tạo có thể giúp giảm chi phí sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong lĩnh vực năng lượng sạch. Đối với Việt Nam, việc phát triển hệ sinh thái công nghệ NLTT, bao gồm

sản xuất thiết bị, lưu trữ năng lượng và lưới điện thông minh, là yếu tố quan trọng bảo đảm an ninh năng lượng trong dài hạn.

*Thứ ba, tăng cường hợp tác đào tạo nguồn nhân lực và chia sẻ kinh nghiệm chính sách trong lĩnh vực năng lượng.* Trong quá trình chuyển đổi năng lượng, việc xây dựng đội ngũ chuyên gia kỹ thuật và quản lý có trình độ cao là yếu tố quyết định. Việt Nam có thể tận dụng các cơ chế hợp tác Nam – Nam để mở rộng các chương trình đào tạo kỹ sư năng lượng, chuyên gia quản trị hệ thống điện và nhà hoạch định chính sách năng lượng.

*Thứ tư, kết hợp chặt chẽ giữa chuyển đổi năng lượng với chiến lược hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.* Theo tinh thần của Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Việt Nam cần chủ động tham gia các cơ chế hợp tác quốc tế nhằm thúc đẩy phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Trong bối cảnh đó, hợp tác Nam – Nam về năng lượng tái tạo là hướng đi quan trọng giúp Việt Nam mở rộng quan hệ đối tác, tiếp cận nguồn lực quốc tế và nâng cao vị thế trong các cơ chế hợp tác năng lượng khu vực và toàn cầu.

**Tóm lại,** hợp tác NLTT giữa Ấn Độ và các nước Phương Nam toàn cầu không chỉ là một xu hướng hợp tác kinh tế – kỹ thuật đơn thuần, mà còn phản ánh sự hình thành của một mô hình hợp tác Nam – Nam mới trong lĩnh vực chuyển đổi năng lượng. Những kinh nghiệm từ mô hình hợp tác này cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của các quốc gia đang phát triển trong việc định hình cấu trúc năng lượng sạch toàn cầu. Đối với Việt Nam, việc nghiên cứu và vận dụng có chọn lọc những kinh nghiệm này sẽ góp phần quan trọng vào quá trình thúc đẩy chuyển đổi năng lượng, nâng cao năng lực tự chủ năng lượng và tăng cường hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên phát triển mới.

# CHIẾN LƯỢC KẾT NỐI KINH TẾ SỐ GIỮA ẤN ĐỘ VỚI CÁC QUỐC GIA ĐANG PHÁT TRIỂN

TS. Đỗ Thị Hùng Thúy, Vũ Thị Trang\*

## Tóm tắt:

Trong bối cảnh kinh tế số ngày càng trở thành động lực quan trọng của tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Ấn Độ đang nổi lên như một quốc gia đang phát triển có bước tiến đáng chú ý trong quá trình chuyển đổi số. Trên nền tảng đó, nước này từng bước thúc đẩy chiến lược mở rộng hợp tác kinh tế số với các quốc gia đang phát triển trên nhiều phương diện như hạ tầng số, dịch vụ số và công nghệ. Bài tham luận tập trung phân tích sự phát triển của kinh tế số Ấn Độ, làm rõ nội dung chiến lược hợp tác này, đồng thời chỉ ra những cơ hội và thách thức đặt ra đối với Ấn Độ trong quá trình triển khai.

**Từ khóa:** Kinh tế số, Kết nối kinh tế số, Chiến lược

## 1. Sự phát triển của kinh tế số Ấn Độ và cơ sở hình thành chiến lược kết nối kinh tế số

Trong những năm gần đây, kinh tế số ngày càng trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế hiện đại. Theo cách tiếp cận của OECD và UNCTAD, kinh tế số có thể được hiểu là nền kinh tế trong đó các hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng ngày càng dựa nhiều hơn vào công nghệ số, dữ liệu, kết nối số, nền tảng số và các dịch vụ số, qua đó làm thay đổi phương thức vận hành của thị trường và quản trị quốc gia.<sup>1</sup> Trên cơ sở đó, trong phạm vi bài viết này, kết nối kinh tế số được hiểu là quá trình tạo lập và tăng cường sự liên thông giữa các quốc gia trong các lĩnh vực như hạ tầng số, nền tảng số, thanh toán số, dữ liệu, dịch vụ

---

\* Khoa Quan hệ quốc tế, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

<sup>1</sup> OECD, *OECD Digital Economy Outlook 2024, Volume 1: Embracing the Technology Frontier*, OECD Publishing, Paris, 2024; UNCTAD, *Digital Economy Report 2024: Shaping an Environmentally Sustainable and Inclusive Digital Future*, United Nations, Geneva, 2024.

số và năng lực thể chế số, qua đó hình thành các quan hệ gắn kết ngày càng chặt chẽ hơn trong không gian kinh tế số. So với “hợp tác kinh tế số”, khái niệm “kết nối kinh tế số” nhấn mạnh rõ hơn đến tính liên kết, khả năng tương tác và mức độ gắn bó giữa các cấu phần của hệ sinh thái số xuyên biên giới.

Đặt trong bối cảnh đó, Ấn Độ nổi lên như một trường hợp đáng chú ý trong nhóm các nước đang phát triển. Sự trỗi dậy của kinh tế số tại nước này gắn chặt với quá trình thúc đẩy chuyển đổi số ở tầm quốc gia trong khoảng một thập niên gần đây. Từ năm 2015, chương trình Digital India được triển khai như một sáng kiến nền tảng nhằm mở rộng hạ tầng số, thúc đẩy tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và tăng cường ứng dụng công nghệ trong nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế – xã hội.<sup>1</sup> Điểm đáng chú ý là Ấn Độ không tiếp cận chuyển đổi số chỉ như một chương trình cải cách công nghệ đơn lẻ, mà đặt nó trong mối liên hệ với phát triển bao trùm, nâng cao hiệu quả quản trị và mở rộng khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ thiết yếu. Chính cách tiếp cận đó đã tạo ra tiền đề để kinh tế số của Ấn Độ không chỉ phát triển theo chiều rộng về người dùng và hạ tầng, mà còn theo chiều sâu về thể chế và mô hình tổ chức.

Một cơ sở quan trọng để đánh giá mức độ phát triển của kinh tế số Ấn Độ là quy mô đóng góp ngày càng lớn của khu vực này đối với nền kinh tế quốc dân. Theo báo cáo *Estimation and Measurement of India's Digital Economy* công bố năm 2025, quy mô kinh tế số của Ấn Độ được ước tính tương đương 11,74% thu nhập quốc gia trong năm 2022–2023 và tiếp tục có xu hướng gia tăng trong các năm tiếp theo.<sup>2</sup> Báo cáo này cũng cho thấy quỹ đạo tăng lên của kinh tế số tại Ấn Độ không chỉ phản ánh sự mở rộng của khu vực công nghệ thông tin – truyền thông truyền thống, mà còn gắn với sự phát triển của các nền tảng số, trung gian số, dịch vụ số và những lĩnh vực kinh tế ngày càng dựa nhiều hơn vào dữ liệu, kết nối và

---

<sup>1</sup> Ministry of Electronics and Information Technology (MeitY), *Estimation and Measurement of India's Digital Economy*, Government of India, 2025; Deepak Mishra, Mansi Kedia, Aarti Reddy, Sruthi Vanguri và Krithika Ramnath, *The State of India's Digital Economy Report 2025*, ICRIER, New Delhi, 2025.

<sup>2</sup> Ministry of Electronics and Information Technology (MeitY), *Estimation and Measurement of India's Digital Economy*, Government of India, 2025.

công nghệ số. Nói cách khác, kinh tế số ở Ấn Độ không còn là một khu vực hỗ trợ đứng bên lề nền kinh tế, mà đã trở thành một cấu phần ngày càng quan trọng trong cấu trúc tăng trưởng quốc gia.

Sự phát triển đó trước hết được thúc đẩy bởi quá trình mở rộng mạnh mẽ của hạ tầng kết nối và khả năng tiếp cận công nghệ. Theo báo cáo của Bộ Điện tử và Công nghệ thông tin Ấn Độ, số lượng kết nối internet tại nước này đã tăng rất nhanh trong giai đoạn 2014–2024; cùng với đó là tốc độ triển khai 5G thuộc nhóm nhanh trên thế giới và sự mở rộng của kết nối băng rộng đến cấp cơ sở thông qua các chương trình như BharatNet.<sup>1</sup> Từ góc nhìn học thuật, những yếu tố này có ý nghĩa đặc biệt bởi kinh tế số không thể phát triển bền vững nếu thiếu các điều kiện nền như khả năng kết nối rộng, mức độ tiếp cận công nghệ đủ lớn và khả năng tham gia của người dân, doanh nghiệp cũng như khu vực công. OECD trong *Digital Economy Outlook 2024* cũng nhấn mạnh rằng hạ tầng số, kết nối và khả năng tiếp cận công nghệ là những nền móng cốt lõi của quá trình chuyển đổi số ở cấp quốc gia.<sup>2</sup>

Tuy nhiên, điểm đáng chú ý nhất trong tiến trình phát triển của Ấn Độ không chỉ nằm ở quy mô hạ tầng hay số lượng người dùng, mà ở việc nước này từng bước hình thành được một hệ thống nền tảng số công cộng có khả năng phục vụ xã hội ở quy mô rộng. Các nghiên cứu gần đây về India Stack cho thấy đây không phải là một tập hợp công cụ kỹ thuật rời rạc, mà là một kiến trúc số có tính nền tảng, được tổ chức xung quanh các lớp như định danh số, thanh toán số, trao đổi dữ liệu và hỗ trợ giao dịch số.<sup>3</sup> Theo đó, giá trị nổi bật của mô hình này không chỉ nằm ở công nghệ, mà ở khả năng giảm chi phí giao dịch, mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ, tăng tính bao trùm và cho phép nhiều chủ thể cùng vận hành, cung cấp dịch

---

<sup>1</sup> Ministry of Electronics and Information Technology (MeitY), *Estimation and Measurement of India's Digital Economy*, Government of India, 2025.

<sup>2</sup> OECD, *OECD Digital Economy Outlook 2024, Volume 1: Embracing the Technology Frontier*, OECD Publishing, Paris, 2024.

<sup>3</sup> Smriti Parsheera, "Stack is the New Black?: Evolution and Outcomes of the 'India Stack' Imaginary," *Telecommunications Policy*, 2024

vụ trên một nền tảng có khả năng liên thông cao. Chính đặc điểm đó khiến kinh nghiệm số hóa của Ấn Độ có sức gợi mở đối với nhiều nước đang phát triển, vốn đang tìm kiếm những mô hình chuyển đổi số vừa có quy mô đủ lớn, vừa có khả năng thích ứng với điều kiện thể chế và nguồn lực còn hạn chế.

Từ đây có thể thấy rõ hơn cơ sở hình thành chiến lược kết nối kinh tế số của Ấn Độ. Thứ nhất, nước này đã xây dựng được một thị trường số nội địa đủ lớn để thử nghiệm, hoàn thiện và mở rộng các nền tảng số ở quy mô quốc gia. Thứ hai, Ấn Độ đã tích lũy được kinh nghiệm đáng kể trong xây dựng hạ tầng số công cộng, thanh toán số và dịch vụ số phục vụ số đông. Thứ ba, trong bối cảnh nhiều quốc gia đang phát triển vẫn gặp khó khăn về hạ tầng số, đầu tư số và khả năng tiếp cận công nghệ, những kinh nghiệm đó tạo cho Ấn Độ một dạng nguồn lực mới có thể được chia sẻ, điều chỉnh và kết nối với nhu cầu phát triển của các đối tác khác. Vì vậy, sự phát triển của kinh tế số không chỉ tạo cho Ấn Độ một động lực tăng trưởng mới, mà còn hình thành những tiền đề quan trọng để nước này thúc đẩy chiến lược kết nối kinh tế số với các quốc gia đang phát triển thông qua hạ tầng số, nền tảng số, thanh toán số, dữ liệu và chia sẻ kinh nghiệm thể chế.

## **2. Thực tiễn kết nối kinh tế số của Ấn Độ với các quốc gia đang phát triển**

Trong bối cảnh chuyển đổi số ngày càng trở thành một động lực quan trọng của tăng trưởng và quản trị, chiến lược của Ấn Độ đối với các quốc gia đang phát triển không chỉ dừng ở các hoạt động hợp tác số theo nghĩa chung, mà hướng tới việc hình thành những cấu trúc kết nối kinh tế số ngày càng rõ hơn. Ở đây, “kết nối kinh tế số” được thể hiện qua quá trình tạo lập sự liên thông giữa hạ tầng số, nền tảng số, thanh toán số, dữ liệu, thể chế số và năng lực số giữa Ấn Độ với các đối tác đang phát triển. Từ góc độ đó, thực tiễn triển khai chiến lược của Ấn Độ có thể được nhận diện qua một số chiều kết nối nổi bật như kết nối hạ tầng và nền tảng số, kết nối thanh toán số, kết nối thể chế – chính sách số và kết nối nguồn nhân lực số.

Trước hết, một nội dung quan trọng trong chiến lược kết nối kinh tế số của Ấn Độ là thúc đẩy kết nối hạ tầng số và nền tảng số công cộng. Trên nền tảng phát triển

kinh tế số trong nước, Ấn Độ những năm gần đây đã từng bước chuyển các nền tảng số đã được triển khai ở quy mô quốc gia thành một dạng nguồn lực có thể chia sẻ và điều chỉnh cho các đối tác bên ngoài. Các nghiên cứu về India Stack cho thấy đây không chỉ là một tập hợp công cụ kỹ thuật, mà là một kiến trúc số có tính nền tảng, được tổ chức xung quanh định danh số, thanh toán tức thời, thương mại số và đồng thuận dữ liệu.<sup>1</sup> Trong khi đó, các nghiên cứu về Digital Public Infrastructure nhấn mạnh giá trị của mô hình này ở khả năng giảm chi phí giao dịch, mở rộng tiếp cận dịch vụ và có thể thích ứng với những bối cảnh thể chế khác nhau.<sup>2</sup> Điều này cho thấy Ấn Độ không đơn thuần quảng bá thành tựu công nghệ nội địa, mà đang từng bước sử dụng các nền tảng số công cộng như một công cụ để thiết lập những mắt xích kết nối mới với các quốc gia đang phát triển.

Nếu xét theo không gian triển khai, ASEAN là khu vực thể hiện khá rõ chiến lược kết nối kinh tế số của Ấn Độ ở cấp độ khu vực. Trong trường hợp này, “kết nối” không chỉ được hiểu là tăng cường hợp tác số theo nghĩa chung, mà được thể hiện ở việc Ấn Độ từng bước thúc đẩy sự liên thông về hạ tầng số công cộng, tri thức số, năng lực triển khai và kinh nghiệm quản trị số với các nước Đông Nam Á. Điều này được phản ánh trực tiếp trong Tuyên bố chung ASEAN – Ấn Độ về thúc đẩy chuyển đổi số năm 2024, khi hai bên cùng nhấn mạnh vai trò của Digital Public Infrastructure trong thúc đẩy chuyển đổi số, tăng tính bao trùm, hiệu quả và đổi mới trong cung cấp dịch vụ công; đồng thời khẳng định việc chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và thực tiễn tốt trong phát triển, triển khai và quản trị các nền tảng số công cộng. Văn kiện này cũng ghi nhận việc Ấn Độ đóng góp vào các chương trình chia sẻ tri thức, tăng cường năng lực trong khuôn khổ ASEAN, bao gồm các Trung tâm xuất sắc về phát triển phần mềm và đào tạo tại các nước CLMV và ASEAN–India Fund for Digital Future. Nếu nhìn từ nội hàm chiến lược,

---

<sup>1</sup> J. P. Singh, “India Stack: Authority and Innovation in a New Financial Infrastructure,” trong *The Cambridge Global Handbook of Financial Infrastructure*, Cambridge University Press, 2025

<sup>2</sup> P. Raghunath, “Data in India’s Digital Public Infrastructure (DPI): A Political Economic Genealogy,” *International Journal of Communication*, 2026.

có thể thấy ASEAN là không gian mà Ấn Độ đang tìm cách tạo ra các mắt xích kết nối kinh tế số theo hướng vừa tăng cường năng lực cho đối tác, vừa từng bước mở rộng sự hiện diện của các mô hình nền tảng số do mình thúc đẩy.<sup>1</sup>

Ngoài ASEAN, chiến lược kết nối kinh tế số của Ấn Độ còn được triển khai linh hoạt ở một số quốc gia đang phát triển cụ thể, trong đó nổi bật nhất là chiều kết nối thanh toán số và kết nối nền tảng số công cộng. Tại Nam Á, các trường hợp như Bhutan, Nepal và Sri Lanka cho thấy Ấn Độ đang thúc đẩy một dạng kết nối rất thực chất thông qua UPI, tức là liên thông thanh toán số vượt ra ngoài biên giới quốc gia. Đây là một bước đi quan trọng, bởi thanh toán số không chỉ gắn với giao dịch tài chính, mà còn tạo nền tảng cho thương mại điện tử, dịch vụ số và các hoạt động kinh tế xuyên biên giới trong không gian số. Ở châu Phi, trường hợp Kenya cho thấy một chiều kết nối khác, khi Ấn Độ công bố đã ký MoU liên quan đến DigiLocker; trong khi Mauritius là ví dụ cho việc mở rộng hiện diện của thanh toán số Ấn Độ ra ngoài khu vực Nam Á.<sup>2</sup> Như vậy, nội hàm của kết nối kinh tế số ở đây không chỉ là “có quan hệ” hay “có hợp tác”, mà là việc Ấn Độ từng bước đưa các cấu phần cụ thể của hệ sinh thái số nội địa - từ nền tảng lưu trữ, xác thực dữ liệu đến hạ tầng thanh toán nhanh - vào các mối liên kết với các quốc gia đang phát triển tùy theo nhu cầu và điều kiện tiếp nhận của từng đối tác. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với các nghiên cứu của BIS, vốn cho thấy hiệu quả của hệ thống thanh toán nhanh phụ thuộc nhiều vào thiết kế hạ tầng, khả năng tương tác và mức độ thích ứng với bối cảnh thể chế cụ thể.<sup>3</sup>

Trong tổng thể đó, Việt Nam là một trường hợp đặc biệt quan trọng, bởi đây không chỉ là một đối tác chiến lược toàn diện của Ấn Độ, mà còn là một không gian có khả năng tiếp nhận và phát triển nhiều chiều kết nối kinh tế số mà Ấn Độ đang

---

<sup>1</sup> ASEAN, *ASEAN-India Joint Statement on Advancing Digital Transformation*, 10/10/2024; ERIA, *India-ASEAN Cooperation: Pilot Study on Digital Public Infrastructure Collaboration*, 2024.

<sup>2</sup> Press Information Bureau, Government of India, “India has signed MoU / agreements with 23 countries for cooperation on Digital Public Infrastructure (DPI),” 06/02/2026.

<sup>3</sup> Giulio Cornelli *et al.*, “The Organisation of Digital Payments in India – Lessons from the Unified Payments Interface (UPI),” *BIS Papers No. 152*, BIS, December 2024, tr. 61–73.

thúc đẩy. Trước hết, Việt Nam nằm trong không gian CLMV đã được nêu trực tiếp trong Tuyên bố ASEAN – Ấn Độ năm 2024, tức là đã hiện diện trong các cơ chế tăng cường năng lực số do Ấn Độ thúc đẩy ở cấp khu vực. Ở cấp song phương, Tuyên bố chung Việt Nam – Ấn Độ ngày 1/8/2024 cho thấy hai nước đã bắt đầu đưa các nội dung của kinh tế số và chuyển đổi số vào chương trình nghị sự chung, bao gồm chia sẻ kinh nghiệm trong xây dựng chính sách hỗ trợ thương mại điện tử và kinh tế số, khuyến khích doanh nghiệp hai nước tham gia các nền tảng số, đồng thời thúc đẩy trao đổi trong các lĩnh vực như digital public infrastructure, đổi mới tài chính và thanh toán số, công nghệ không gian, công nghệ sinh học và các công nghệ tăng khả năng chống chịu. Tuyên bố này cũng ghi nhận các kết quả cụ thể như Trung tâm xuất sắc về phát triển phần mềm và đào tạo tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông ở Thành phố Hồ Chí Minh và Army Software Park tại Trường Đại học Thông tin liên lạc, Nha Trang với sự hỗ trợ của Ấn Độ.<sup>1</sup>

Việt Nam còn là một trường hợp đáng chú ý bởi định hướng phát triển hiện nay của Việt Nam có độ tương thích khá cao với những lĩnh vực mà Ấn Độ đang muốn thúc đẩy. Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Việt Nam xác định hạ tầng số là nền tảng để trở thành quốc gia số hiện đại, với các hướng ưu tiên như mở rộng 5G, phát triển hạ tầng dữ liệu, trung tâm dữ liệu quy mô lớn, điện toán đám mây và tăng cường tiếp cận các dịch vụ số. Khi đặt những ưu tiên này bên cạnh các nội dung đã được nêu trong Tuyên bố chung Việt Nam – Ấn Độ năm 2024, có thể thấy giữa hai nước đang hình thành một không gian kết nối khá thực chất trong lĩnh vực số. Ở đây, Việt Nam không phải là nơi “sao chép” mô hình India Stack, mà là một đối tác có thể tiếp nhận chọn lọc kinh nghiệm, tăng cường đào tạo nhân lực, kết nối hệ sinh thái ICT và phối hợp thể chế trong các lĩnh vực như hạ tầng số công cộng, thanh toán số và chuyển đổi số phục vụ phát triển. Chính vì vậy, trong số các quốc gia đang phát triển mà Ấn Độ hướng

---

<sup>1</sup> Ministry of External Affairs of India, *Joint Statement on Strengthening of the Comprehensive Strategic Partnership Between the Republic of India and the Socialist Republic of Viet Nam*, 01/8/2024; Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 phê duyệt *Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.

tới, Việt Nam có thể được xem là một trường hợp vừa tiêu biểu về mặt chính sách, vừa phản ánh khá rõ nội hàm của “kết nối kinh tế số” trong thực tiễn.

Như vậy, nếu tiếp cận từ nội hàm của “kết nối kinh tế số”, có thể thấy chiến lược của Ấn Độ đối với các quốc gia đang phát triển không được triển khai qua các hoạt động hợp tác rời rạc, mà thông qua việc tạo lập các tầng liên thông ngày càng rõ hơn giữa hạ tầng số, nền tảng số, thanh toán số, thể chế số và năng lực số. Trong cấu trúc đó, ASEAN là không gian ưu tiên ở cấp khu vực, một số quốc gia như Bhutan, Nepal, Sri Lanka, Kenya và Mauritius là các biểu hiện cụ thể của những chiều kết nối khác nhau, còn Việt Nam là trường hợp tiêu biểu giúp làm rõ chiều sâu và tính thực chất của chiến lược kết nối kinh tế số mà Ấn Độ đang theo đuổi.

### **3. Cơ hội và thách thức của Ấn Độ trong thúc đẩy kết nối kinh tế số với các quốc gia đang phát triển**

Từ thực tiễn triển khai chiến lược kết nối kinh tế số của Ấn Độ có thể thấy, quá trình này đang mở ra cho nước này nhiều cơ hội quan trọng. Trước hết, Ấn Độ có lợi thế tương đối rõ nhờ đã xây dựng được một hệ sinh thái số trong nước với quy mô lớn, trong đó nổi bật là kinh nghiệm phát triển hạ tầng số công cộng, thanh toán số và các nền tảng phục vụ số đông. So với nhiều mô hình số hóa của các nước phát triển, kinh nghiệm của Ấn Độ có độ gần gũi lớn hơn đối với các quốc gia đang phát triển bởi nó được hình thành trong bối cảnh dân số lớn, chênh lệch phát triển còn rõ và yêu cầu bao trùm xã hội cao. Chính điều đó tạo điều kiện để Ấn Độ không chỉ giới thiệu mô hình số của mình, mà còn từng bước thiết lập các mạng lưới kết nối số có khả năng thích ứng với điều kiện của từng đối tác.

Thứ hai, chiến lược này tạo cơ hội để Ấn Độ mở rộng ảnh hưởng trong thế giới đang phát triển thông qua những hình thức kết nối mang tính thực chất hơn. Nếu ở cấp độ hạ tầng và nền tảng, Ấn Độ có thể chia sẻ kinh nghiệm về Digital Public Infrastructure và các nền tảng số công cộng, thì ở cấp độ giao dịch, nước này còn có khả năng mở rộng liên thông thanh toán số và thúc đẩy sự hiện diện của các

cấu phần như UPI trong không gian số khu vực.<sup>1</sup> Trong bối cảnh nhiều quốc gia đang phát triển vẫn gặp khó khăn về đầu tư số, hạ tầng số và năng lực triển khai, việc Ấn Độ cung cấp những mô hình có chi phí phù hợp hơn và khả năng mở rộng cao hơn giúp nước này gia tăng vai trò như một đối tác có tính thực dụng và linh hoạt.

Thứ ba, chiến lược kết nối kinh tế số còn tạo điều kiện để Ấn Độ gắn lợi ích phát triển với lợi ích chiến lược. Thông qua kết nối hạ tầng số, nền tảng số, thanh toán số và đào tạo năng lực, Ấn Độ có thể từng bước chuyển hóa năng lực số nội địa thành một nguồn lực đối ngoại mới. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong các không gian như ASEAN hay trong quan hệ với các quốc gia đang phát triển có nhu cầu cao về chuyển đổi số, bởi kết nối kinh tế số không chỉ làm gia tăng hiện diện công nghệ của Ấn Độ, mà còn góp phần mở rộng ảnh hưởng của nước này trong các thảo luận quốc tế về quản trị số, dữ liệu, hạ tầng số và các chuẩn mực công nghệ mới.

Tuy nhiên, những cơ hội đó đi kèm không ít thách thức. Trước hết là sự không đồng đều về điều kiện tiếp nhận kết nối số giữa các quốc gia đang phát triển. Dù cùng nằm trong nhóm đang phát triển, các nước có sự khác biệt rất lớn về mức độ sẵn sàng số, hạ tầng kết nối, năng lực thể chế, khuôn khổ pháp lý và khả năng quản trị dữ liệu. Chính vì vậy, một cấu phần số thành công tại Ấn Độ không thể tự động phát huy hiệu quả trong một bối cảnh khác nếu thiếu những điều kiện hỗ trợ tương ứng. World Bank nhấn mạnh rằng giá trị của digital public infrastructure không chỉ phụ thuộc vào công nghệ, mà còn phụ thuộc vào mức độ an toàn, tính bao trùm, khả năng tương tác, năng lực điều phối và cơ chế quản trị dữ liệu của từng quốc gia.<sup>2</sup> Điều đó có nghĩa là thách thức lớn của Ấn Độ không chỉ là mở

---

<sup>1</sup> UNCTAD, *Digital Economy Report 2024: Shaping an Environmentally Sustainable and Inclusive Digital Future*, United Nations, Geneva, 2024.

<sup>2</sup> World Bank, *Digital Public Infrastructure and Development*, World Bank Group, Washington, D.C., 2025; Abhishek Sankritik và Shikha Shetty, *Digital Public Infrastructure: Setting Standards with the Rules and Infrastructure for Digital Age Development*, background paper for *World Development Report 2025*, World Bank, 2025.

rộng sự hiện diện số, mà còn là bảo đảm các cấu phần được đưa ra ngoài có thể thực sự liên thông và vận hành hiệu quả tại nước tiếp nhận.

Một thách thức khác nằm ở quản trị dữ liệu, an ninh mạng và niềm tin số. OECD chỉ ra rằng trong giai đoạn gần đây, các chính phủ ngày càng phải dành nhiều quan tâm hơn cho rủi ro an ninh số, bảo vệ quyền riêng tư, kiểm soát dữ liệu và tính toàn vẹn thông tin trong môi trường số.<sup>1</sup> Đối với Ấn Độ, khi thúc đẩy kết nối kinh tế số với các quốc gia đang phát triển, những vấn đề này càng trở nên nhạy cảm hơn, bởi chúng liên quan trực tiếp đến chủ quyền số, tiêu chuẩn pháp lý và mức độ chấp nhận của xã hội ở nước tiếp nhận. Nếu không xử lý tốt các vấn đề về an toàn dữ liệu, bảo vệ người dùng và cơ chế quản trị minh bạch, chiến lược kết nối kinh tế số của Ấn Độ có thể gặp phải sự dè dặt từ phía đối tác, ngay cả khi bản thân các giải pháp công nghệ có ưu điểm rõ rệt.

Bên cạnh đó, bản thân Ấn Độ cũng vẫn phải đối mặt với những thách thức nội tại trong quá trình số hóa. Mặc dù Ấn Độ đã đạt được nhiều bước tiến đáng kể trong số hóa ở cấp độ toàn nền kinh tế, nhưng mức độ số hóa giữa các bang, giữa khu vực thành thị và nông thôn, cũng như giữa các nhóm dân cư vẫn chưa đồng đều. Điều này cho thấy năng lực số của Ấn Độ tuy nổi bật, nhưng vẫn chưa hoàn toàn đồng nhất và ổn định ở mọi cấp độ. Về mặt chiến lược, đây vừa là hạn chế, vừa là phép thử: nếu Ấn Độ không tiếp tục củng cố tính bao trùm và hiệu quả của quá trình chuyển đổi số trong nước, thì sức thuyết phục của nước này khi thúc đẩy kết nối kinh tế số ra bên ngoài cũng có thể bị ảnh hưởng.

Như vậy, chiến lược kết nối kinh tế số của Ấn Độ với các quốc gia đang phát triển vừa mở ra cơ hội để nước này mở rộng liên kết, gia tăng vị thế và chuyển hóa năng lực số nội địa thành nguồn lực đối ngoại mới, vừa đặt ra nhiều thách thức về tính tương thích thể chế, khả năng liên thông hạ tầng, quản trị dữ liệu và độ bền vững của các cấu trúc kết nối được hình thành. Chính ở sự đan xen giữa cơ hội và

---

<sup>1</sup> OECD, *OECD Digital Economy Outlook 2024, Volume 2*, OECD Publishing, Paris, 2024, phần về digital security, privacy và trust in digital environments.

thách thức đó, chiến lược này mới bộc lộ đầy đủ tính chất vừa linh hoạt, vừa phức tạp trong bối cảnh phát triển hiện nay.

# HỢP TÁC ÁN ĐỘ – MỸ LATINH TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ VÀ CHUYỂN DỊCH KINH TẾ TOÀN CẦU

TS. Đỗ Thị Thanh Hà, Nguyễn Lê Hân\*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích quan hệ hợp tác giữa Ấn Độ và khu vực Mỹ Latinh trong bối cảnh gia tăng vai trò của các quốc gia thuộc “Nam Bán cầu”, nhằm làm rõ cách thức một nền kinh tế đang nổi có thể mở rộng ảnh hưởng trong cấu trúc quan hệ quốc tế hiện đại. Trên cơ sở phân tích cơ sở lý luận về hợp tác Nam - Nam và sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, bài viết làm rõ các động lực thúc đẩy hợp tác, đặc biệt trong các lĩnh vực thương mại, năng lượng và công nghệ. Từ đó, bài viết phân tích triển vọng hợp tác giữa hai bên trong bối cảnh tái cấu trúc kinh tế toàn cầu, đồng thời đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác.

**Từ khóa:** Ấn Độ; Mỹ Latinh; hợp tác Nam – Nam; chính sách đối ngoại.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những thập niên gần đây, xu hướng dịch chuyển trọng tâm quyền lực kinh tế - chính trị từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông đã thúc đẩy sự gia tăng các mối quan hệ hợp tác Nam - Nam, trong đó nổi bật là sự hợp tác ngày càng chặt chẽ giữa Ấn Độ và khu vực Mỹ Latinh. Với dân số hơn 1,4 tỷ người và tốc độ tăng trưởng GDP trung bình duy trì ở mức cao (khoảng 6-7%/năm trong giai đoạn trước đại dịch)[1], Ấn Độ đang nổi lên như một trong những nền kinh tế lớn và năng động nhất thế giới. Trong khi đó, Mỹ Latinh với hơn 650 triệu dân, sở hữu nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú (chiếm khoảng 20% trữ lượng dầu mỏ toàn cầu và hơn 50% trữ lượng lithium)[2], đang ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

---

\* Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Hiện nay, Ấn Độ là một trong những đối tác thương mại lớn của các quốc gia như Brazil, Mexico và Chile, đặc biệt trong các lĩnh vực dược phẩm, công nghệ thông tin, năng lượng và nông sản. Bên cạnh đó, các công ty Ấn Độ như Tata, Infosys hay ONGC Videsh đã tăng cường đầu tư vào khu vực này, trong khi nhiều quốc gia Mỹ Latinh cũng tích cực tìm kiếm hợp tác với Ấn Độ nhằm đa dạng hóa quan hệ đối ngoại và giảm phụ thuộc vào các cường quốc truyền thống.

Tuy nhiên, bên cạnh những bước tiến tích cực, mức độ hợp tác giữa Ấn Độ và Mỹ Latinh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng hiện có. Tỷ trọng thương mại giữa hai bên vẫn còn chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng kim ngạch ngoại thương của mỗi bên; kết nối về hạ tầng logistics, khoảng cách địa lý xa xôi và sự khác biệt về thể chế, ngôn ngữ tiếp tục là những rào cản đáng kể. Ngoài ra, trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược gia tăng giữa các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc và Liên minh châu Âu tại Mỹ Latinh, việc Ấn Độ tìm kiếm và củng cố vị thế của mình tại khu vực này đặt ra nhiều vấn đề cần được phân tích một cách toàn diện.

Xuất phát từ bối cảnh trên, bài viết này tập trung làm rõ động lực, thực trạng và triển vọng của mối quan hệ này. Từ đó, rút ra các hàm ý và đề xuất một số khuyến nghị cụ thể đối với hợp tác Ấn Độ - Mỹ Latinh nhằm góp phần tăng cường vai trò của các quốc gia thuộc “Nam Bán cầu” trong cấu trúc quan hệ quốc tế hiện đại.

## **II. NỘI DUNG**

### **1. Hợp tác Nam – Nam và chính sách đối ngoại Ấn Độ - Mỹ latinh**

#### **1.1. Hợp tác Nam – Nam**

##### **1.1.1. Khái niệm**

Hợp tác Nam - Nam là một thuật ngữ được dùng để thể hiện tình đoàn kết nhân dân và sự hợp tác, trao đổi bền chặt giữa các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển trong “Nam Bán cầu” để góp phần vào sự thịnh vượng của quốc gia, cùng lúc khẳng định tinh thần tự lập tự cường và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

Trong bối cảnh hiện nay, hợp tác Nam - Nam ngày càng trở thành một trụ cột quan trọng của hợp tác toàn cầu, khi các nền kinh tế thuộc “Nam Bán cầu” đóng góp khoảng 80% tăng trưởng kinh tế thế giới[3]. Xu hướng này phản ánh sự dịch chuyển trọng tâm phát triển và vai trò ngày càng gia tăng của các quốc gia đang phát triển trong cấu trúc kinh tế toàn cầu.

### **1.1.2. Nguyên tắc hợp tác**

Nguyên tắc hợp tác của Hợp tác Nam – Nam dựa trên tinh thần đoàn kết, tự lực cánh sinh và tôn trọng lẫn nhau giữa các nước đang phát triển. Các nguyên tắc chính bao gồm bình đẳng chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ, cùng có lợi, chia sẻ kinh nghiệm/công nghệ và tôn trọng sự đa dạng trong con đường phát triển.

### **1.1.3. Hình thức hợp tác**

Trong khuôn khổ của Liên Hợp Quốc, các hình thức hợp tác Nam - Nam ngày càng đa dạng và linh hoạt, phù hợp với nhu cầu và điều kiện của từng quốc gia.

Trước hết, hợp tác song phương là hình thức phổ biến nhất, được thực hiện giữa hai quốc gia đang phát triển. Hình thức này thường bao gồm việc trao đổi chuyên gia, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và đầu tư trực tiếp. Nhờ tính linh hoạt và trực tiếp, hợp tác song phương giúp các bên nhanh chóng giải quyết các nhu cầu cụ thể trong phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, hợp tác đa phương cũng đóng vai trò quan trọng. Đây là hình thức hợp tác thông qua các tổ chức quốc tế hoặc các cơ chế khu vực, nơi nhiều quốc gia cùng tham gia vào các chương trình hoặc dự án chung. Hợp tác đa phương giúp huy động nguồn lực lớn hơn, đồng thời tạo điều kiện chia sẻ kinh nghiệm trên phạm vi rộng.

Một hình thức đáng chú ý khác là hợp tác tam giác, trong đó hai nước đang phát triển hợp tác với sự hỗ trợ của một nước phát triển hoặc một tổ chức quốc tế. Sự hỗ trợ này thường ở dạng tài chính, công nghệ hoặc nâng cao năng lực. Hình thức

này được coi là cầu nối giữa hợp tác Nam - Nam và hợp tác Bắc - Nam, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển.

## **1.2. Vai trò của khu vực Mỹ Latinh trong chính sách đối ngoại toàn cầu của Ấn Độ**

Trong chiến lược đối ngoại, Ấn Độ vận dụng mô hình “vòng tròn đồng tâm” để xác định mức độ ưu tiên theo không gian địa lý và lợi ích chiến lược. Theo cách tiếp cận này, vòng thứ nhất là khu vực lân cận Nam Á; vòng thứ hai mở rộng ra các khu vực đang phát triển có tầm quan trọng về kinh tế và chính trị, trong đó có khu vực Mỹ Latinh. Cách tiếp cận này phản ánh sự phân tầng trong ưu tiên đối ngoại, đồng thời tạo nền tảng cho việc mở rộng phạm vi hoạt động của Ấn Độ ra ngoài khu vực gần.

Trong bối cảnh đó, chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã có sự chuyển dịch rõ rệt từ định hướng khu vực sang toàn cầu. Từ chiến lược “Look East” tập trung vào châu Á, Ấn Độ từng bước mở rộng hợp tác sang các khu vực khác như châu Phi và Mỹ Latinh nhằm đa dạng hóa đối tác và nâng cao vị thế quốc tế. Sự điều chỉnh này gắn liền với nhu cầu đảm bảo an ninh năng lượng, khi hơn 85% nhu cầu dầu mỏ của Ấn Độ hiện phụ thuộc vào nhập khẩu.[\[4\]](#)

Trong chiến lược mở rộng đó, Mỹ Latinh nổi lên như một đối tác có ý nghĩa quan trọng. Khu vực này không chỉ cung cấp khoảng 15-20% lượng dầu thô nhập khẩu của Ấn Độ[\[5\]](#), mà còn sở hữu các nguồn tài nguyên chiến lược phục vụ quá trình chuyển đổi năng lượng toàn cầu. Đáng chú ý, “tam giác lithium” gồm Chile, Argentina và Bolivia chiếm hơn 75% trữ lượng lithium toàn cầu – nguồn nguyên liệu then chốt cho sản xuất pin và công nghệ xanh.[\[6\]](#)

Bên cạnh đó, Mỹ Latinh còn giữ vai trò ngày càng quan trọng trong cấu trúc “Nam Bán cầu”. Các quốc gia như Brazil và Mexico không chỉ có quy mô kinh tế lớn mà còn tham gia các cơ chế toàn cầu như G20, qua đó góp phần nâng cao tiếng nói của các nước đang phát triển trong quản trị quốc tế.

Như vậy, việc Ấn Độ mở rộng hợp tác với Mỹ Latinh không chỉ xuất phát từ nhu cầu kinh tế mà còn phản ánh một bước điều chỉnh chiến lược trong chính sách đối ngoại toàn cầu. Đây là quá trình chuyển từ tiếp cận khu vực sang tiếp cận đa khu vực, qua đó góp phần thúc đẩy xu hướng đa cực hóa và nâng cao vai trò của các quốc gia thuộc “Nam Bán cầu” trong trật tự quốc tế hiện nay.

### **3. THỰC TRẠNG HỢP TÁC ẤN ĐỘ - MỸ LATINH**

Trong lĩnh vực thương mại, quan hệ giữa hai bên đã có bước phát triển đáng kể, với các đối tác chính là Brazil, Mexico và Chile. Ví dụ, kim ngạch thương mại giữa Ấn Độ và Peru đã tăng từ 66 triệu USD năm 2003 lên hơn 3,6 tỷ USD vào năm 2023[7].

Trong lĩnh vực năng lượng, các doanh nghiệp Ấn Độ như ONGC Videsh đã đầu tư vào các dự án dầu khí tại Brazil và Colombia, góp phần củng cố an ninh năng lượng quốc gia. Đồng thời, Mỹ Latinh trở thành nguồn cung dầu thô quan trọng cho Ấn Độ trong bối cảnh biến động tại Trung Đông.

Trong lĩnh vực công nghệ và y tế, Ấn Độ là nhà cung cấp dược phẩm giá rẻ và dịch vụ công nghệ thông tin cho nhiều quốc gia trong khu vực. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong giai đoạn đại dịch COVID-19, khi Ấn Độ cung cấp vaccine và thuốc điều trị cho nhiều nước Mỹ Latinh.[8]

Ngoài ra, hai bên cũng tăng cường phối hợp tại các diễn đàn đa phương như G20 và BRICS, qua đó góp phần nâng cao vai trò của các quốc gia thuộc “Nam Bán cầu” trong quản trị toàn cầu.

### **4. THÁCH THỨC TRONG HỢP TÁC**

Mặc dù có nhiều tiềm năng, quan hệ Ấn Độ - Mỹ Latinh vẫn đối mặt với những rào cản mang tính cấu trúc. Trước hết, khoảng cách địa lý xa khiến chi phí vận tải và thời gian giao thương cao, làm giảm tính cạnh tranh của hàng hóa và hạn chế mở rộng thương mại song phương. Việc thiếu các tuyến vận tải trực tiếp và kết nối logistics hiệu quả càng làm gia tăng chi phí giao dịch giữa hai khu vực.

Bên cạnh đó, sự cạnh tranh từ Trung Quốc là thách thức lớn đối với Ấn Độ. Trung Quốc hiện là đối tác thương mại hàng đầu của nhiều quốc gia Mỹ Latinh, với quy mô thương mại và đầu tư vượt trội, đặc biệt trong các lĩnh vực hạ tầng và khai khoáng. Điều này khiến không gian mở rộng ảnh hưởng của Ấn Độ bị thu hẹp đáng kể.

Ngoài ra, rào cản thể chế và văn hóa cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hợp tác. Sự khác biệt về ngôn ngữ (chủ yếu là tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha), hệ thống pháp lý và mức độ liên kết khu vực còn hạn chế, làm gia tăng chi phí giao dịch và giảm tính đồng bộ trong triển khai chính sách. Đồng thời, việc thiếu các hiệp định thương mại tự do toàn diện giữa Ấn Độ và các khối khu vực như Khối Thị trường chung Nam Mỹ (Mercosul) cũng làm hạn chế mức độ hội nhập kinh tế.

## **5. TRIỂN VỌNG VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH**

Trong bối cảnh tái cấu trúc kinh tế toàn cầu và xu hướng đa dạng hóa đối tác, quan hệ Ấn Độ - Mỹ Latinh được dự báo sẽ tiếp tục mở rộng, trở thành một trụ cột quan trọng trong hợp tác Nam - Nam. Kim ngạch thương mại song phương đã tăng lên gần 40 tỷ USD vào năm 2024 nhưng vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng thương mại của mỗi bên<sup>[9]</sup>, cho thấy dư địa phát triển còn rất lớn. Đồng thời, nhu cầu ngày càng tăng của Ấn Độ đối với năng lượng và khoáng sản chiến lược sẽ tiếp tục là động lực thúc đẩy hợp tác

*Thứ nhất*, triển vọng hợp tác kinh tế - thương mại có thể được thúc đẩy thông qua việc mở rộng các khuôn khổ hợp tác hiện có. Ấn Độ đã ký hiệp định thương mại ưu đãi với MERCOSUR, song phạm vi còn hạn chế; việc nâng cấp các thỏa thuận này theo hướng toàn diện hơn sẽ giúp giảm rào cản thuế quan và thúc đẩy dòng chảy thương mại, đầu tư song phương<sup>[10]</sup>.

*Thứ hai*, hợp tác năng lượng và tài nguyên tiếp tục đóng vai trò trung tâm. Bên cạnh dầu khí, hai bên có thể mở rộng sang năng lượng tái tạo như điện mặt trời và hydrogen xanh, phù hợp với xu hướng chuyển đổi năng lượng toàn cầu và cam kết giảm phát thải.

*Thứ ba*, hợp tác cần được mở rộng sang các lĩnh vực giá trị gia tăng cao như công nghệ số và chuyển đổi số. Với lợi thế về công nghệ thông tin, Ấn Độ có thể hỗ trợ các quốc gia Mỹ Latinh xây dựng hạ tầng số và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, trong khi khu vực này cung cấp thị trường và nguồn dữ liệu quan trọng[11].

*Thứ tư*, về chiến lược, quan hệ này góp phần thúc đẩy vai trò của các quốc gia “Nam Bán cầu” trong quản trị toàn cầu. Việc tăng cường phối hợp giữa Ấn Độ và các quốc gia Mỹ Latinh tại các diễn đàn như G20 và BRICS sẽ giúp nâng cao tiếng nói chung về các vấn đề phát triển bền vững, cải cách thể chế và thu hẹp khoảng cách phát triển.

Tóm lại, triển vọng hợp tác Ấn Độ - Mỹ Latinh được thể hiện qua bốn định hướng chính: (i) mở rộng khuôn khổ thương mại; (ii) tăng cường hợp tác năng lượng và chuyển đổi xanh; (iii) phát triển hợp tác công nghệ số; và (iv) nâng cao phối hợp chiến lược đa phương. Phần khuyến nghị sau đây đưa ra một số phương thức để hiện thực hóa và cụ thể hóa những hàm ý này thành các lĩnh vực hợp tác ưu tiên.

## **6. KHUYẾN NGHỊ**

*Thứ nhất*, thiết lập cơ chế đối thoại và tham vấn chính sách thường xuyên giữa Ấn Độ và các quốc gia Mỹ Latinh ở cả cấp song phương và đa phương. Ở cấp chính phủ, các bộ, ngành liên quan như thương mại, năng lượng và công nghệ cần xây dựng các nhóm công tác chung nhằm trao đổi thông tin về chính sách phát triển, xu hướng thị trường và cơ hội hợp tác. Các cơ chế này có thể học hỏi từ mô hình hợp tác đa phương của các diễn đàn như G20 và BRICS, qua đó tăng cường sự phối hợp trong các vấn đề như thương mại, chuyển đổi số và phát triển bền vững.

*Thứ hai*, thúc đẩy hợp tác kinh tế - thương mại thông qua việc mở rộng và nâng cấp các khuôn khổ thương mại hiện có. Ấn Độ hiện đã ký thỏa thuận thương mại ưu đãi với khối MERCOSUR, tuy nhiên phạm vi còn hạn chế. Việc tiến tới các hiệp định thương mại tự do toàn diện hơn sẽ giúp giảm rào cản thuế quan, tạo điều

kiện thuận lợi cho dòng chảy hàng hóa và đầu tư song phương. Đồng thời, cần cải thiện kết nối logistics, bao gồm phát triển các tuyến vận tải biển trực tiếp và tăng cường hạ tầng cảng biển nhằm giảm chi phí giao dịch - một trong những rào cản lớn hiện nay.

*Thứ ba*, tăng cường hợp tác trong lĩnh vực năng lượng và tài nguyên theo hướng bền vững. Mỹ Latinh hiện là nguồn cung quan trọng đối với dầu mỏ và các khoáng sản chiến lược của Ấn Độ. Trên cơ sở đó, hai bên cần mở rộng hợp tác sang các lĩnh vực năng lượng tái tạo như điện mặt trời, năng lượng gió và hydrogen xanh, qua đó vừa đảm bảo an ninh năng lượng vừa đáp ứng mục tiêu giảm phát thải.

*Thứ tư*, phát triển hợp tác trong các lĩnh vực công nghệ và đổi mới sáng tạo. Với thế mạnh về công nghệ thông tin và dịch vụ số, Ấn Độ có thể hỗ trợ các quốc gia Mỹ Latinh trong xây dựng hạ tầng số, đào tạo nhân lực và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Ngược lại, Mỹ Latinh cung cấp thị trường tiềm năng và cơ hội thử nghiệm các giải pháp công nghệ phù hợp với các nền kinh tế đang phát triển. Việc thúc đẩy hợp tác giữa các doanh nghiệp công nghệ, trung tâm nghiên cứu và startup sẽ góp phần nâng cao giá trị gia tăng trong quan hệ song phương.

*Thứ năm*, tăng cường phối hợp chiến lược tại các diễn đàn đa phương nhằm nâng cao vai trò của các quốc gia “Nam Bán cầu”. Sự phối hợp giữa Ấn Độ và các quốc gia Mỹ Latinh tại các cơ chế như G20 và BRICS sẽ góp phần thúc đẩy các sáng kiến về phát triển bền vững, cải cách thể chế quốc tế và thu hẹp khoảng cách phát. Bên cạnh đó, hai bên có thể cùng xây dựng các quan điểm chung về quản trị toàn cầu trong các lĩnh vực mới như chuyển đổi số, biến đổi khí hậu và an ninh năng lượng.

[1] LATINDIA. (2023). *India–Latin America relations overview*.

[https://www.latindia.in/?page\\_id=355](https://www.latindia.in/?page_id=355)

[2] Drishti IAS. (2025). *India–Latin America trade engagement*.

<https://www.drishtias.com/daily-updates/daily-news-analysis/india-latin-america-trade-engagement>

- [3] World Bank (2023). Global Economic Prospects.  
<https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/099617212132336233>
- [4] International Energy Agency (2023). India Energy Outlook.  
<https://www.iea.org/reports/world-energy-outlook-2023>.
- [5] Drishti IAS (2025). *India–Latin America trade engagement*.  
<https://www.drishtiias.com/daily-updates/daily-news-analysis/india-latin-america-trade-engagement>
- [6] International Energy Agency (2023). *India Energy Outlook 2023*.  
<https://www.iea.org/reports/india-energy-outlook-2023>
- [7] Drishti IAS. (2025). *India–Latin America trade engagement*.  
<https://www.drishtiias.com/daily-updates/daily-news-analysis/india-latin-america-trade-engagement>
- [8] Ministry of External Affairs, Government of India (2021). *Vaccine Maitri initiative*.  
<https://www.mea.gov.in/vaccine-maitri.htm>
- [9] United Nations Comtrade. (2024). <https://comtrade.un.org>
- [10] Inter-American Development Bank (2024). *Trade and integration in Latin America and the Caribbean*. <https://www.iadb.org/en>
- [11] India Brand Equity Foundation (2024). *IT & BPM industry in India*.  
<https://www.ibef.org/industry/information-technology-india>

## SÁNG KIẾN “HÀNH LANG KINH TẾ ÁN ĐỘ - TRUNG ĐÔNG - CHÂU ÂU”

**TS. Nguyễn Văn Chuyên**

Ngày 9-9-2023, tại Hội nghị thượng đỉnh G20 tổ chức ở Thủ đô New Delhi (Ấn Độ), các nhà lãnh đạo Mỹ, Liên minh châu Âu (EU), Pháp, Đức, Italia, Ấn Độ, Các Tiểu vương quốc Arab thống nhất (UAE) và Saudi Arabia đã ký kết Biên bản ghi nhớ, cam kết hợp tác để thúc đẩy Hành lang Kinh tế Ấn Độ - Trung Đông - châu Âu (IMEC).

Trụ cột chính của IMEC là *phát triển cơ sở hạ tầng*: Xây dựng các mạng lưới giao thông hiện đại, cơ sở hạ tầng kỹ thuật số và các trung tâm hậu cần để đảm bảo thương mại thông suốt và hiệu quả giữa các khu vực. IMEC cam kết tích hợp các công nghệ xanh, nguồn năng lượng tái tạo và cơ sở hạ tầng thân thiện với môi trường để giảm thiểu tác động đến môi trường và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Bằng cách tận dụng những tiến bộ mới nhất trong công nghệ kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu, IMEC hướng đến việc thúc đẩy các giải pháp thông minh nhằm nâng cao hiệu quả lưu thông hàng hóa và dịch vụ.

IMEC được mô tả bao gồm hai nhánh hành lang chính: hành lang phía Đông nối Ấn Độ với vịnh Ả Rập, hành lang phía Bắc nối vịnh Ả Rập với châu Âu bằng hệ thống đường sắt và đường biển. Dự án này kết nối các cảng lớn, như Fujairah, Jebel Ali và Abu Dhabi ở UAE, Haifa ở Israel, Mundra và Kandla ở Ấn Độ, cảng Piraeus (Hy Lạp), cảng Marseille (Pháp) và cảng Messina (Italia), giúp rút ngắn 40% thời gian vận chuyển từ Ấn Độ đến châu Âu, có thể được xem là giải pháp thay thế cho kênh đào Suez (Ai Cập) vốn thường trong tình trạng bị tắc nghẽn và có mức chi phí khá cao. Sự kết nối khu vực này giúp Ấn Độ và các nước Trung Đông tăng cường tiếp cận với thị trường châu Âu; ngược lại, các nước châu Âu sẽ mở rộng kết nối giao thương thương mại với các nước Trung Đông và Ấn Độ, làm đa dạng hóa các nguồn hàng hóa, giúp các nước phát triển kinh tế, thương mại.



*Sơ đồ Hành lang kinh tế Ấn Độ - Trung Đông – châu Âu*

## 1. Ý nghĩa của IMEC

### \* Ý nghĩa kinh tế

Dự án IMEC có tiềm năng lớn trong thúc đẩy hội nhập kinh tế, thương mại, đầu tư, từ đó tăng cường hợp tác giữa các nước thành viên. Các quốc gia tham gia IMEC chiếm 40% dân số thế giới và đóng góp khoảng 50% GDP toàn cầu, do vậy, dự án được kỳ vọng sẽ tạo ra cuộc cách mạng trong thương mại toàn cầu, tăng khả năng tiếp cận thị trường và khuyến khích đầu tư giữa các nước tham gia. IMEC sẽ tạo cơ hội cho các nước phương Tây thâm nhập thị trường khổng lồ đông dân của Ấn Độ. Kết cấu hạ tầng phát triển cho phép các nước tăng cường sản xuất và vận chuyển hydro xanh. Tuyến cáp ngầm mới kết nối khu vực cũng giúp cho việc truyền dữ liệu diễn ra nhanh hơn, thuận lợi hơn.

Dự án IMEC còn là chất xúc tác để giúp các nước đa dạng hóa nền kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển các ngành công nghiệp mới, ngoài các ngành công nghiệp truyền thống. Bởi khi giao thông thuận lợi, trao đổi hàng hóa sẽ diễn ra dễ dàng hơn, từ đó khuyến khích tăng trưởng công nghiệp. Hoạt động kinh tế được mở rộng, cơ hội việc làm ở các lĩnh vực sẽ tăng lên, chất lượng sống của người dân cũng được cải thiện. Ở khía cạnh khác, IMEC được triển khai sẽ giúp phục hồi kinh tế khu vực Trung Đông, thúc đẩy bình thường hóa quan hệ giữa Israel và Saudi Arabia.

IMEC hình thành không chỉ thúc đẩy trao đổi năng lượng truyền thống mà còn khuyến khích hợp tác các nguồn năng lượng mới, sạch. Đối với các quốc gia phụ thuộc vào nhập khẩu năng lượng, IMEC cung cấp cơ hội đa dạng hóa nguồn cung năng lượng và giảm phụ thuộc vào các nhà cung cấp độc quyền, đồng thời khai thác các nguồn năng lượng mới như hydro sạch, đáp ứng mục tiêu giảm phát thải, chống biến đổi khí hậu. Các quốc gia Trung Đông cũng đa dạng hóa được nguồn năng lượng và giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch.

*\* Về ý nghĩa địa - chính trị*

IMEC giúp các quốc gia tham gia dự án tăng cường quan hệ, thúc đẩy hội nhập giữa các châu lục, nâng tầm ảnh hưởng và vị thế trên bàn cờ địa - chính trị thế giới, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng diễn ra gay gắt. *Đối với Mỹ*, thúc đẩy IMEC thể hiện sự quyết tâm của chính quyền Tổng thống Joe Biden về cam kết của Mỹ đối với khu vực Trung Đông. Đây còn là cơ hội để Mỹ, phương Tây kiềm chế ảnh hưởng của Nga và Iran ở Trung Đông, bởi khi IMEC vận hành sẽ làm suy yếu vai trò của Hành lang vận tải quốc tế Bắc - Nam (INSTC) do Nga và Iran hậu thuẫn. Bên cạnh đó, IMEC được xem như một lựa chọn thay thế hoặc cạnh tranh với Sáng kiến “Vành đai, Con đường” (BRI) của Trung Quốc, giảm bớt ảnh hưởng của Trung Quốc ở lục địa Á - Âu, góp phần tạo sự cân bằng mới trong quan hệ quốc tế. *Đối với EU*, IMEC không chỉ cải thiện vị thế thương mại và khả năng tiếp cận thị trường toàn cầu của EU, mà còn thông qua hành lang này, EU mong muốn xây dựng ảnh hưởng vững chắc ở vịnh Persian. IMEC phục vụ mục tiêu “giảm thiểu rủi ro” cho EU, nhất là sự phụ thuộc về kinh tế và các “lỗ hổng chiến lược” nảy sinh trong bối cảnh xung đột Nga - Ukraine hiện nay. Sự tham gia của châu Âu vào IMEC cùng với Sáng kiến “Công toàn cầu” là tín hiệu cho thấy sự quan tâm lớn của khối này đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa Mỹ và Trung Quốc, thế giới ngày càng trở nên đa cực hơn, IMEC có thể đóng vai trò là nền tảng để EU tái khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế, tăng cường quan hệ với Ấn Độ và phát huy ảnh hưởng lớn hơn ở Trung Đông. *Đối với các nước Trung Đông*, tham gia IMEC giúp các nước này đa dạng

hóa các mối quan hệ đối ngoại, thúc đẩy động lực thay đổi phù hợp với lợi ích quốc gia. Đơn cử như, dự án IMEC phù hợp với kế hoạch “Tầm nhìn 2030” của Saudi Arabia về đa dạng hóa nền kinh tế. IMEC mang lại cơ hội cho các quốc gia vùng Vịnh tối đa hóa “sức hút” địa - chính trị, tiếp tục khẳng định là cầu nối giữa châu Á và châu Âu; đồng thời đây cũng là cơ hội cho các quốc gia Trung Đông tiếp cận thị trường Ấn Độ - một thị trường mới nổi và ngày càng sinh lợi. *Đối với Ấn Độ*, IMEC không chỉ đơn thuần là hành lang kinh tế mà còn là “con đường dẫn đến thịnh vượng”. IMEC đóng vai trò là hành lang xuất khẩu quan trọng cho các sản phẩm của Ấn Độ, giúp Ấn Độ tiếp cận thị trường các nước châu Âu mà không phải đi qua Pakistan; cùng với đó là tạo điều kiện để Ấn Độ thu hút đầu tư từ Trung Đông. Bằng cách tận dụng hành lang này, Ấn Độ có thể nâng cao hơn nữa khả năng cạnh tranh kinh tế và mở rộng vị thế của quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu. IMEC làm sâu sắc thêm sự can dự chiến lược của Ấn Độ với bán đảo Arab thông qua tăng cường kết nối, nâng cao liên kết địa - chiến lược với các quốc gia trong khu vực.

Các chuyên gia đánh giá, IMEC hứa hẹn sẽ đem lại sự thay đổi về cục diện chính trị. Việc IMEC đầu tư vào hệ thống giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng, nối Ấn Độ với khu vực Trung Đông và châu Âu sẽ tạo ra sự liên kết về thương mại, giúp phát triển kinh tế. Điều này giúp cân bằng trật tự chính trị hiện đang nghiêng về phía Trung Quốc. Ấn Độ cũng có thể tận dụng IMEC, tăng cường ảnh hưởng và vai trò của mình tại khu vực Đông Nam Á bằng cách tạo điều kiện thuận lợi để kết nối hoạt động thương mại giữa Đông Nam Á với khu vực Trung Đông và châu Âu. Bên cạnh đó, IMEC sẽ giúp các nước tăng liên kết thương mại, thoát khỏi sự phụ thuộc vào chuỗi cung ứng xe điện của Trung Quốc, hay sự phụ thuộc vào nguồn cung năng lượng từ Nga, trong bối cảnh xung đột Nga – Ukraine vẫn đang đứng trước những diễn biến khó lường<sup>1</sup>.

## **2. Thực tiễn triển khai IMEC**

---

<sup>1</sup> Khánh Linh, “Hành lang kinh tế Ấn Độ – Trung Đông – châu Âu (IMEC): Lá bài kinh tế chiến lược của Mỹ và các đồng minh”, <https://nghiencuuchienluoc.org/hanh-lang-kinh-te-an-do-trung-dong-chau-au-imec-la-bai-kinh-te-chien-luoc-cua-my-va-cac-dong-minh/>, ngày 16/10/2023.



chính tầm nhìn của Ấn Độ đã định hình nên IMEC và hành lang này sẽ chứng tỏ là một trong những yếu tố thay đổi cuộc chơi lớn nhất của thế kỷ XXI<sup>1</sup>.

Chương trình nghị sự của một số nước châu Âu cho thấy IMEC đang được quan tâm thúc đẩy. Ngày 12-2-2024, Tổng thống Pháp Emmanuel Macron đã bổ nhiệm Gerard Mestrallet, cựu Giám đốc điều hành của Công ty Năng lượng Pháp Engie, làm đặc phái viên chính thức cho dự án IMEC. Trong một cuộc phỏng vấn của Bloomberg, ông G. Mestrallet mong muốn IMEC sớm đạt được tiến bộ. Trong chuyến thăm cấp nhà nước tới Ấn Độ của Thủ tướng Hy Lạp Kyriakos Mitsotakis vào tháng 2-2024, nguyên thủ hai nước cũng đã thảo luận về IMEC. Thủ tướng Hy Lạp K. Mitsotakis cho rằng Ấn Độ và Hy Lạp nên kiên trì với IMEC, đáp lại Thủ tướng Ấn Độ N. Modi nhấn mạnh việc tiếp cận cảng Piraeus sẽ đóng vai trò quan trọng để bảo đảm triển khai IMEC. Thông cáo chung của Hội nghị thượng đỉnh Nhóm các nền công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới (G7) tại Savonlinna (Italia) ngày 14-6-2024 nhấn mạnh, các nước G7 cam kết thúc đẩy các dự án kết cấu hạ tầng cụ thể, bao gồm IMEC. Điều này cho thấy mặc dù xung đột và bất ổn tại khu vực Trung Đông đang diễn ra nhưng động lực kinh tế, chính trị của các nước tham gia IMEC không có nhiều thay đổi.

Thực tiễn triển khai IMEC thời gian qua cho thấy một số kết quả bước đầu khá cụ thể, các nước tham gia đã ký kết các thỏa thuận khung và thúc đẩy hợp tác song phương như Ấn Độ – UAE nhằm vận hành hành lang logistics. Đến năm 2025, nhiều hạng mục hạ tầng quan trọng như đường sắt, cảng biển, trung tâm logistics đã chính thức khởi công, đánh dấu bước chuyển từ ý tưởng sang triển khai thực tế. Đồng thời, các sáng kiến theo dõi và điều phối như Indo-Mediterranean Initiative cũng được thiết lập, cho thấy nỗ lực xây dựng cơ chế quản trị bước đầu. Những kết quả này khẳng định IMEC không chỉ dừng ở tuyên bố chính trị mà đã có biểu hiện hiện thực hóa ban đầu.

---

<sup>1</sup> “What President Murmu Said On India-Middle East-Europe Economic Corridor” (Tạm dịch: Tổng thống Murmu nói gì về Hành lang kinh tế Ấn Độ - Trung Đông - châu Âu), *Đài Truyền hình New Delhi*, ngày 27-6-2024, <https://www.ndtv.com/india-news/what-president-murmu-said-on-india-middle-east-europe-economic-corridor-5982962>.

Bên cạnh đó, IMEC cũng đạt được một số kết quả kinh tế – kỹ thuật quan trọng. Một số tuyến kết nối cụ thể, như mạng lưới đường sắt từ UAE tới Israel hay mở rộng cảng Haifa, đã được xúc tiến; đồng thời các lĩnh vực vận tải biển, logistics và thương mại đã có dấu hiệu liên kết rõ hơn. Ngoài ra, IMEC còn bước đầu tích hợp các yếu tố mới như kết nối năng lượng, cáp dữ liệu và chuỗi cung ứng, qua đó hình thành nền tảng cho một hệ thống liên kết kinh tế liên khu vực hiện đại, đa phương thức.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cũng cho thấy nhiều hạn chế và gián đoạn rõ rệt. Trước hết, xung đột địa chính trị tại Trung Đông, đặc biệt là chiến sự Gaza từ năm 2023, đặc biệt là xung đột quân sự quy mô lớn giữa Iran với Mỹ và Israel đã làm gián đoạn tiến độ dự án và ảnh hưởng tới các tuyến kết nối trọng yếu. Nhiều đánh giá cho rằng IMEC hiện vẫn chủ yếu ở mức “ý định chính trị”, chưa đạt triển khai đồng bộ trên thực địa. Các lĩnh vực ngoài giao thông như năng lượng sạch, cáp số hay liên kết điện lưới còn tiến triển hạn chế do bất ổn khu vực. Bên cạnh đó, khó khăn về tài chính, thiếu cơ chế điều phối chung và sự cạnh tranh địa chiến lược cũng làm giảm hiệu quả triển khai tổng thể.

Từ những kết quả trên có thể đánh giá rằng, thực tiễn triển khai IMEC đã đạt được những bước tiến quan trọng về thể chế, nhận thức chiến lược và một phần hạ tầng, song vẫn phụ thuộc mạnh vào môi trường địa chính trị và năng lực phối hợp đa phương. IMEC hiện đang ở giai đoạn chuyển tiếp từ “tầm nhìn” sang “hiện thực”, với triển vọng dài hạn lớn nhưng tiến độ ngắn hạn còn chậm và thiếu ổn định. Điều này cho thấy IMEC là một sáng kiến có ý nghĩa chiến lược sâu rộng, song việc hiện thực hóa đòi hỏi thời gian dài, nguồn lực lớn và điều kiện quốc tế thuận lợi hơn.

### **3. Triển vọng của IMEC**

Triển vọng của Hành lang Kinh tế Ấn Độ – Trung Đông – châu Âu (IMEC) gắn liền với xu thế tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu và cạnh tranh địa chiến lược ngày càng gia tăng. Được khởi xướng trong bối cảnh thế giới có nhu cầu đa dạng hóa các tuyến thương mại thay thế kênh đào Suez và giảm phụ thuộc vào các hành lang truyền thống, IMEC mang ý nghĩa không chỉ kinh tế mà còn chính trị – chiến

lược sâu sắc. Đây là một trong những sáng kiến kết nối hiểm hoi có sự tham gia đồng thời của nhiều trung tâm quyền lực lớn như Mỹ, Ấn Độ, Liên minh châu Âu và các quốc gia Trung Đông, từ đó tạo ra kỳ vọng hình thành một “trục liên kết mới” nối liền Ấn Độ Dương với Địa Trung Hải. Tuy nhiên, triển vọng của IMEC không phải là tuyến tính mà phụ thuộc vào sự tương tác phức tạp giữa các nhân tố thuận lợi và bất lợi.

Trước hết, về các nhân tố thuận lợi, IMEC có nền tảng chính trị – chiến lược tương đối vững chắc. Các chủ thể tham gia đều có lợi ích rõ ràng trong việc thúc đẩy dự án: Ấn Độ mong muốn mở rộng ảnh hưởng kinh tế và giảm phụ thuộc vào các tuyến do đối thủ kiểm soát; châu Âu cần đa dạng hóa nguồn cung và tuyến vận tải; trong khi các nước Trung Đông tìm cách chuyển đổi mô hình phát triển sang trung tâm logistics toàn cầu. Sự hậu thuẫn mạnh mẽ của Mỹ cũng giúp IMEC có thêm động lực về chính trị và tài chính. Bên cạnh đó, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu sau đại dịch COVID-19 và cạnh tranh Mỹ – Trung tạo ra nhu cầu cấp thiết đối với các hành lang kết nối mới, trong đó IMEC được coi là một lựa chọn thay thế tiềm năng cho Sáng kiến Vành đai – Con đường. Ngoài ra, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ logistics, hạ tầng số và năng lượng sạch cũng tạo điều kiện thuận lợi để IMEC không chỉ là hành lang vận tải mà còn là nền tảng tích hợp đa lĩnh vực.

Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố thuận lợi, IMEC cũng phải đối mặt với nhiều nhân tố bất lợi mang tính cấu trúc. Trước hết là tình hình bất ổn địa chính trị tại Trung Đông – khu vực trung tâm của hành lang. Các xung đột kéo dài, đặc biệt là căng thẳng liên quan đến Israel và các nước Arab, có thể làm gián đoạn hoặc trì hoãn các tuyến kết nối quan trọng. Thứ hai, quy mô đầu tư của IMEC là rất lớn, đòi hỏi nguồn vốn hàng trăm tỷ USD, trong khi chưa có cơ chế tài chính chung rõ ràng giữa các bên tham gia. Thứ ba, sự khác biệt về lợi ích, mức độ phát triển và thể chế giữa các quốc gia khiến việc điều phối và triển khai đồng bộ gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, IMEC còn chịu áp lực cạnh tranh từ các sáng kiến khác, đặc biệt là Sáng kiến Vành đai – Con đường của Trung Quốc, vốn đã có mạng lưới hạ

tăng và cơ chế vận hành tương đối hoàn chỉnh. Những yếu tố này khiến tiến độ triển khai IMEC có nguy cơ bị kéo dài và thiếu ổn định.

Từ những phân tích trên, có thể đánh giá triển vọng của IMEC trong ngắn hạn còn tương đối hạn chế. Trong vài năm tới, dự án nhiều khả năng vẫn sẽ tiếp tục ở giai đoạn “thử nghiệm và điều chỉnh”, với tiến độ triển khai không đồng đều giữa các khu vực và lĩnh vực. Các hoạt động hợp tác song phương hoặc tiểu khu vực có thể được thúc đẩy mạnh hơn, nhưng việc hình thành một hành lang hoàn chỉnh, đồng bộ trên toàn tuyến là khó đạt được trong thời gian ngắn. Yếu tố địa chính trị, đặc biệt là tình hình Trung Đông, sẽ tiếp tục là biến số quyết định đối với tốc độ triển khai. Do đó, trong ngắn hạn, IMEC chủ yếu đóng vai trò như một công cụ định hướng chiến lược và biểu tượng chính trị hơn là một hệ thống vận tải hoàn chỉnh.

Ngược lại, trong dài hạn, triển vọng của IMEC được đánh giá tích cực hơn. Nếu các điều kiện về ổn định khu vực, nguồn lực tài chính và cơ chế phối hợp được cải thiện, IMEC có thể trở thành một trong những hành lang kinh tế quan trọng của thế giới, góp phần tái định hình bản đồ thương mại toàn cầu. Với lợi thế kết nối ba khu vực năng động là Nam Á, Trung Đông và châu Âu, IMEC có tiềm năng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả logistics và tăng cường liên kết liên khu vực. Đồng thời, dự án này cũng có thể đóng vai trò đối trọng chiến lược trong cạnh tranh giữa các cường quốc, qua đó góp phần tạo ra sự cân bằng mới trong hệ thống kinh tế – chính trị quốc tế. Tuy nhiên, để đạt được triển vọng này, IMEC cần vượt qua nhiều thách thức hiện hữu và đòi hỏi sự cam kết lâu dài, nhất quán từ các bên tham gia.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Lê Ngọc Thùy Dương, “Hành lang kinh tế Ấn Độ - Trung Đông – châu Âu: Tiềm năng, thách thức và triển vọng”, <https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/939702/hanh-lang-kinh-te-an-do---trung-dong---chau-au--tiem-nang%2C-thach-thuc-va-trien-vong.aspx>, ngày 11/7/2024.

2. Khánh Linh, “Hành lang kinh tế Ấn Độ – Trung Đông – châu Âu (IMEC): Lá bài kinh tế chiến lược của Mỹ và các đồng minh”, <https://nghiencuuchienluoc.org/hanh-lang-kinh-te-an-do-trung-dong-chau-au-imec-la-bai-kinh-te-chien-luoc-cua-my-va-cac-dong-minh/>, ngày 16/10/2023.

3. Afaq Hussain, Nicholas Shafer, “The India-Middle East-Europe Economic Corridor: Connectivity in an era of geopolitical uncertainty”, <https://www.atlanticcouncil.org/in-depth-research-reports/report/the-india-middle-east-europe-economic-corridor-connectivity-in-an-era-of-geopolitical-uncertainty/>.

# CHÍNH SÁCH MAKE IN INDIA VÀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VỚI CÁC NỀN KINH TẾ ĐANG PHÁT TRIỂN

TS Mạch Lê Thu

## **Bối cảnh ra đời của chính sách Make in India**

Chính sách Make in India được Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi chính thức công bố vào ngày 25 tháng 9 năm 2014, ngay sau khi nhậm chức Thủ tướng, với mục tiêu nhằm biến Ấn Độ thành trung tâm sản xuất toàn cầu. Tại thời điểm đó, nền kinh tế Ấn Độ có đặc thù là đi từ nông nghiệp lên dịch vụ, bỏ qua giai đoạn phát triển công nghiệp chế tạo. Ngành dịch vụ đóng góp hơn 50% GDP nhưng không tạo ra đủ việc làm cho lực lượng lao động phổ thông. Ngành sản xuất chỉ chiếm khoảng 15-16% GDP, thấp hơn rất nhiều so với các quốc gia Đông Á như Trung Quốc hay Thái Lan.<sup>1</sup> Bên cạnh đó là áp lực từ giai đoạn cơ cấu dân số vàng. Mỗi tháng, Ấn Độ có hàng triệu thanh niên gia nhập thị trường lao động. Nếu không tạo ra được hàng triệu việc làm trong lĩnh vực sản xuất, lợi thế dân số sẽ trở thành một thảm họa nhân khẩu học gây bất ổn.

Giai đoạn 2014–2015 đánh dấu sự chuyển dịch mang tính chiến lược của nhiều quốc gia trong việc tái định hình nền kinh tế thông qua sản xuất công nghiệp. Các cường quốc kinh tế đã đồng loạt công bố các chương trình nghị sự quốc gia dài hạn như: Made in China 2025 của Trung Quốc, chiến lược Industrie 4.0 của Đức, mô hình Industrial Internet Consortium của Mỹ, hay Future d'Industrie của Pháp. Tương tự, Úc cũng đẩy mạnh các chiến lược nội địa hóa với Made at home và Made in Australia. Tại Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đề xuất định hướng Make in Vietnam từ năm 2018. Trong cấu trúc này, thuật ngữ "Make" được sử dụng dưới dạng động từ chủ động, phản ánh tinh thần chủ động kiến tạo và sản xuất trong nước, tương đồng với triết lý vận hành của chính sách Make in India mà Ấn Độ đã triển khai từ năm 2014.

---

<sup>1</sup> World Bank Open Data, Manufacturing, value added (% of GDP).  
<https://data.worldbank.org/indicator/NV.IND.MANF.ZS>

Vào thời điểm 2014, các tập đoàn đa quốc gia bắt đầu triển khai chiến lược Trung Quốc cộng một để giảm bớt sự phụ thuộc vào Trung Quốc, do giá nhân công ở Trung Quốc bắt đầu tăng, không còn rẻ nữa, và cạnh tranh giữa các cường quốc dẫn tới hàng hóa sản xuất tại Trung Quốc gặp một số rào cản về thuế. Ấn Độ muốn tận dụng thời điểm này để tái định vị là một giải pháp thay thế khả thi, có chi phí nhân công rẻ và thị trường nội địa khổng lồ.

### **Các ngành trọng điểm trong chiến lược Make in India**

Make in India xác định 27 ngành mũi nhọn bao gồm cả sản xuất và dịch vụ.

Ngành sản xuất có 15 lĩnh vực ưu tiên về phát triển hạ tầng, đơn giản hóa thủ tục đầu tư FDI và ưu đãi thuế: Hàng không vũ trụ và quốc phòng (Aerospace and Defence), Ô tô và phụ tùng ô tô (Automotive and Auto Components), Dược phẩm và thiết bị y tế (Pharmaceuticals and Medical Devices), Hóa chất và hóa dầu (Chemicals and Petrochemicals), Thiết bị điện tử (Electronics Systems), Chế biến thực phẩm (Food Processing), Da giày và sản phẩm từ da (Leather and Leather Products), Khai khoáng (Mining), Dầu khí (Oil and Gas), Năng lượng tái tạo (Renewable Energy), Năng lượng hạt nhân (Thermal Power), Dệt may và may mặc (Textiles and Garments), Máy móc nông nghiệp và thiết bị công nghiệp (Capital Goods), Đường sắt (Railways), Đóng tàu và cảng biển (Ports and Shipping)

Ngành dịch vụ có 12 lĩnh vực là: Công nghệ thông tin và dịch vụ hỗ trợ (IT & ITeS), Du lịch và lữ hành (Tourism and Hospitality), Dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe (Medical Value Travel), Vận tải và logistics (Transport and Logistics), Dịch vụ tài chính (Financial Services), Truyền thông và giải trí (Audio Visual Services), Dịch vụ pháp lý (Legal Services), Dịch vụ viễn thông - truyền thông (Communication Services), Xây dựng và dịch vụ kỹ thuật (Construction and Engineering), Dịch vụ môi trường (Environmental Services), Dịch vụ giáo dục (Education Services), Dịch vụ kế toán và kiểm toán (Accounting and Finance Services).

Trong khi đó, kế hoạch Made in China 2025 của Trung Quốc chỉ xác định 10 ngành mũi nhọn là: CNTT thế hệ tiếp theo, Máy công cụ và Robot, Thiết bị hàng không vũ trụ, Thiết bị kỹ thuật hải dương học và Vận tải công nghệ cao, Vận tải đường sắt tiên tiến, Ô tô tiết kiệm năng lượng và năng lượng mới, Thiết bị điện, Thiết bị máy móc nông nghiệp, Vật liệu mới và Dược phẩm sinh học.

So sánh 27 lĩnh vực của Make in India và 10 lĩnh vực của Made in China 2025 cho thấy sự khác biệt rõ về triết lý phát triển. Ấn Độ cố gắng tạo ra mạng lưới rộng khắp cả sản xuất và dịch vụ để giải quyết việc làm cho thanh niên và tăng trưởng cơ bản. Trong đó bao gồm cả những ngành tận dụng kỹ năng mềm như truyền thông, giải trí, du lịch, lễ hành, dịch vụ tài chính, để tận dụng lợi thế của thế hệ thanh niên trẻ, sử dụng tiếng Anh và công nghệ thông tin thành thạo. Trung Quốc lại tập trung vào công nghệ cao mang tính định hình tương lai. Có thể thấy Ấn Độ chọn phát triển rộng, trải thảm đỏ để đón làn sóng đầu tư Trung Quốc cộng một. Trung Quốc lựa chọn phát triển sâu công nghệ thông minh, duy trì vị thế siêu cường, trong nhóm dẫn đầu về công nghệ. Có thể hình dung về mặt hình ảnh là Ấn Độ tập trung sản xuất nhanh, rẻ, mì ăn liền, trong khi Trung Quốc chọn sản xuất công nghệ cốt lõi.

Các ngành mà cả Ấn Độ và Trung Quốc cùng lựa chọn để phát triển, cạnh tranh với nhau là thiết bị điện tử (sản xuất smartphone và phần cứng máy tính), năng lượng tái tạo (pin điện mặt trời), hàng không vũ trụ (nội địa hóa công nghệ quân sự và hàng không), dược phẩm (Ấn Độ là nhà thuốc thế giới về thuốc generic, trong khi Trung Quốc đang đầu tư vào công nghệ sinh học đột phá) và ô tô điện (EV), cả hai quốc gia đều đặt kỳ vọng thay thế hoàn toàn xe xăng.

### **Thành tựu của Make in India**

Sau gần 12 năm triển khai, chính sách Make in India đã đạt được những thành tựu mang tính bước ngoặt, đưa Ấn Độ từ nền kinh tế phụ thuộc vào nhập khẩu trở thành một trong những trung tâm sản xuất và xuất khẩu mới của thế giới<sup>1</sup>. Ấn Độ

---

<sup>1</sup> Tham khảo các báo cáo <https://www.makeinindia.com/>

đã trở thành điểm đến hấp dẫn nhất cho các nhà đầu tư nước ngoài dịch chuyển chuỗi cung ứng theo chiến lược Trung Quốc cộng một. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI chảy vào Ấn Độ đạt mức 81,04 tỷ USD trong năm tài chính 2024–2025, tăng 14% so với năm tài chính 2023-2024. Số lượng các quốc gia đầu tư vào Ấn Độ tăng từ 89 (năm 2014) lên 112 quốc gia vào năm 2025.

Ngành công nghiệp điện tử trở thành lĩnh vực thành công rực rỡ nhất trong số 27 ngành mũi nhọn, đưa Ấn Độ trở thành quốc gia sản xuất điện thoại di động lớn thứ hai thế giới. Các tập đoàn như Apple (Foxconn), Samsung đã thiết lập những nhà máy lớn nhất thế giới tại đây. Hệ sinh thái Bán dẫn được phát triển theo chương trình Sứ mệnh bán dẫn Ấn Độ với tổng vốn đầu tư hàng tỷ USD, tiêu biểu là các nhà máy của Micron và liên doanh Tata-PSMC.

Từ chỗ là nước nhập khẩu vũ khí lớn nhất thế giới, Ấn Độ đã có những bước tiến dài trong việc tự sản xuất thiết bị quân sự, từ quốc gia nhập khẩu vũ khí hàng đầu sang nhà sản xuất nội địa tự cường. Các dự án sản xuất máy bay trực thăng KA-226T, tên lửa BrahMos và việc nội địa hóa các bộ phận tàu sân bay đã đưa kim ngạch xuất khẩu quốc phòng đạt kỷ lục mới. Ấn Độ hỗ trợ Việt Nam trong sửa chữa, bảo dưỡng, đóng mới tàu tuần tra biển, và đang trong quá trình đưa tên lửa Brahmos bàn giao cho Việt Nam.

Ấn Độ hiện sở hữu hệ sinh thái khởi nghiệp (start-up) lớn thứ ba trên thế giới (sau Mỹ và Trung Quốc), tạo ra hơn 1,5 triệu việc làm trực tiếp tính đến cuối năm 2024. Chất lượng của các startup Ấn Độ đã tăng trưởng vượt bậc với hơn 110 kỳ lân (các công ty khởi nghiệp định giá trên 1 tỷ USD), dẫn đầu trong kỹ thuật tài chính FinTech, kỹ thuật giáo dục EduTech, và thương mại điện tử.

### **Tương lai của Make in India**

Hiện nay các diễn ngôn về sản xuất tại bản địa đã có phần mờ nhạt. Các quốc gia đã nhận ra những tuyên bố Make in, Made in đã không còn phù hợp trong bối cảnh toàn cầu hóa, các nước phụ thuộc lẫn nhau trong phát triển sản xuất, và những tuyên bố như vậy mang lại cảm giác về bảo hộ thái quá cho sản xuất tại nội

địa. Các quốc gia không tuyên bố dừng các chương trình Make in mà chuyển sang các tuyên bố tầm nhìn khác, có tích hợp chiến lược phát triển sản xuất công nghiệp. Ví dụ tại Trung Quốc, sau khi tầm nhìn MIC 2025 cơ bản đã hoàn thành, thì tầm nhìn về sản xuất tại Trung Quốc đã được tích hợp vào kế hoạch phát triển 5 năm lần thứ 15, giai đoạn 2025-2030. Tại Ấn Độ, kế hoạch phát triển sản xuất công nghiệp và dịch vụ đã được tích hợp vào tầm nhìn Vikshit Bharat hướng tới 100 năm lập quốc của Ấn Độ.

Trong bản phân bổ ngân sách 2026-2027 của Ấn Độ công bố vào tháng 3/2026, có thể thấy Ấn Độ đang tập trung vào lĩnh vực mới là khai thác đất hiếm, với phương châm: tự chủ chiến lược, thu hút sự tham gia của khối tư nhân, liên kết quốc tế. Chính phủ Ấn Độ dành cơ chế tài chính cho phát triển trong lĩnh vực đất hiếm. Chính phủ Ấn Độ triển khai chương trình khuyến khích sản xuất (PLI) trị giá khoảng 7.300 Rs crore (tương đương gần 900 triệu USD) dành riêng cho sản xuất nam châm vĩnh cửu đất hiếm (REPM). Mục tiêu đến năm 2027 là thiết lập năng lực sản xuất nội địa đạt 6.000 tấn mỗi năm, giúp Ấn Độ thoát khỏi sự lệ thuộc vào nguồn cung bên ngoài cho ngành sản xuất ô tô và quốc phòng. Giảm thuế nhập khẩu thiết bị và công nghệ thô để sản xuất đất hiếm xuống còn 0%, và khuyến khích tư nhân cùng đầu tư nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực đất hiếm.

### **Kết luận**

Nhìn lại hành trình hơn một thập kỷ, chính sách Make in India đã trở thành trục xoay chiến lược giúp Ấn Độ tái định vị vị thế trên bản đồ sản xuất toàn cầu. Khởi nguồn từ áp lực giải quyết việc làm cho lực lượng lao động trẻ khổng lồ trong bối cảnh hạ tầng còn hạn chế, chính sách này đã khéo léo tận dụng làn sóng dịch chuyển chuỗi cung ứng Trung Quốc cộng một để tạo ra những bước nhảy vọt. Thành công của Ấn Độ trong việc trở thành công xưởng sản xuất điện thoại di động thứ hai thế giới, hay sự bứt phá trong lĩnh vực quốc phòng và hệ sinh thái bán dẫn, đã chứng minh tính đúng đắn của việc lựa chọn mô hình phát triển rộng,

đa ngành, tạo ra mạng lưới an sinh kinh tế thông qua sự kết hợp giữa sản xuất công nghiệp và thể mạnh sẵn có của ngành dịch vụ.

Tại thời điểm thàn 4/ 2026, khi các rào cản về chủ nghĩa bảo hộ và sự phụ thuộc lẫn nhau trong toàn cầu hóa đặt ra những thách thức mới, Ấn Độ đã nhanh chóng tích hợp Make in India vào tầm nhìn dài hạn Viksit Bharat 2047 và xoay trục sang các lĩnh vực chiến lược như khai thác đất hiếm, tư duy quản trị đã chuyển từ sản xuất nhanh, rẻ sang tự chủ chiến lược.

**PHẦN 4**  
**XÃ HỘI, VĂN HÓA VÀ NGOẠI GIAO SỨC MẠNH MỀM**

# NGOẠI GIAO VĂN HÓA CỦA ẤN ĐỘ ĐỐI VỚI VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS Hồ Quốc Phú

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển dịch cấu trúc quyền lực quốc tế, văn hóa trở thành một nhân tố quan trọng cấu thành sức mạnh tổng hợp quốc gia. Ngoại giao văn hóa - do đó - nổi lên như một công cụ quan trọng trong chính sách đối ngoại. Đối với Ấn Độ, một quốc gia có nền văn hóa lâu đời và đa dạng, ngoại giao văn hóa đóng vai trò trung tâm trong việc triển khai chiến lược sức mạnh mềm. Trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, Ấn Độ đã tích cực sử dụng các nguồn lực văn hóa như Phật giáo, điện ảnh Bollywood, Yoga và văn học để gia tăng ảnh hưởng quốc tế. Trong quan hệ với Việt Nam, ngoại giao văn hóa không chỉ là công cụ thúc đẩy hiểu biết lẫn nhau mà còn góp phần củng cố quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước.

## **1. Những nhân tố tác động đến chính sách ngoại giao văn hóa của Ấn Độ đối với Việt Nam**

### ***2.1. Nguồn lực văn hóa và lịch sử lâu đời của Ấn Độ***

Nguồn lực văn hóa là nền tảng cấu thành sức mạnh mềm và đồng thời là điều kiện tiên quyết để triển khai ngoại giao văn hóa một cách hiệu quả. Trong trường hợp của Ấn Độ, tính chất đặc thù của nguồn lực này nằm ở ba đặc điểm nổi bật: chiều sâu lịch sử, tính phổ quát giá trị và khả năng thích ứng liên văn hóa.

*Thứ nhất*, xét về chiều sâu lịch sử, Ấn Độ là một trong những cái nôi của văn minh nhân loại với lịch sử phát triển lâu đời, liên tục. Hệ thống giá trị văn hóa của Ấn Độ không chỉ phong phú về nội dung mà còn có tính hệ thống cao, bao gồm các lĩnh vực tôn giáo, triết học, nghệ thuật và khoa học xã hội. Các tôn giáo lớn như Phật giáo và Hindu giáo không chỉ định hình đời sống tinh thần của người Ấn Độ mà còn có ảnh hưởng sâu rộng tới nhiều khu vực trên thế giới. Chính sự tích hợp giữa tôn giáo, triết học và đời sống xã hội đã tạo nên một “hệ sinh thái văn hóa” có khả năng tự tái sản sinh và lan tỏa bền vững.

*Thứ hai*, về tính phổ quát, các giá trị văn hóa của Ấn Độ mang nội hàm nhân văn sâu sắc và có khả năng vượt qua rào cản biên giới quốc gia. Triết lý “ahimsa” (bất bạo lực), tinh thần khoan dung tôn giáo, và quan niệm về sự hài hòa giữa con người và tự nhiên là những giá trị có tính phổ quát cao, dễ dàng được tiếp nhận trong nhiều bối cảnh văn hóa khác nhau. Trong trường hợp của Ấn Độ, các thực hành văn hóa như Yoga hay thiền định không chỉ được tiếp nhận như các hoạt động thể chất mà còn được nội tại hóa như một lối sống, qua đó làm gia tăng đáng kể khả năng ảnh hưởng văn hóa của quốc gia này trên phạm vi toàn cầu.

*Thứ ba*, về khả năng thích ứng liên văn hóa, văn hóa Ấn Độ thể hiện tính linh hoạt cao trong quá trình lan tỏa. Thay vì áp đặt, các yếu tố văn hóa Ấn Độ thường được “bản địa hóa” khi tiếp cận các nền văn hóa khác. Điều này đặc biệt rõ nét tại Đông Nam Á, nơi các yếu tố văn hóa Ấn Độ đã được tiếp biến và hòa nhập vào văn hóa bản địa trong suốt chiều dài lịch sử. Việt Nam là một trường hợp tiêu biểu, với sự hiện diện của Phật giáo, dấu ấn của văn hóa Ấn Độ trong nghệ thuật kiến trúc, tín ngưỡng và văn học dân gian. Chính nền tảng lịch sử giao lưu văn hóa này đã tạo ra một không gian tiếp nhận thuận lợi, giúp ngoại giao văn hóa của Ấn Độ tại Việt Nam đạt hiệu quả cao hơn so với nhiều khu vực khác.

## ***2.2. Chính sách “Hành động phía Đông” của Ấn Độ***

Bên cạnh nguồn lực nội sinh, định hướng chiến lược đối ngoại là nhân tố có tính quyết định trong việc định hình phạm vi và mức độ ưu tiên của ngoại giao văn hóa. Đối với Ấn Độ, sự ra đời và phát triển của chính sách “Hướng Đông” và sau đó là “Hành động phía Đông” đã tạo ra khuôn khổ cho việc triển khai ngoại giao văn hóa tại khu vực Đông Nam Á, trong đó Việt Nam giữ vị trí trung tâm.

Chính sách “Hướng Đông” được khởi xướng đầu những năm 1990 trong bối cảnh Ấn Độ tiến hành cải cách kinh tế và tìm kiếm các đối tác mới sau khi hệ thống quốc tế hai cực tan rã. Ban đầu, chính sách này tập trung vào hợp tác kinh tế và thương mại với Đông Nam Á. Tuy nhiên, từ đầu thế kỷ XXI, nội hàm của chính sách đã được mở rộng, bao gồm cả các lĩnh vực chính trị, an ninh và văn hóa. Đến năm 2014, chính sách này được nâng cấp thành “Hành động phía Đông”, nhấn

manh tính chủ động, thực chất trong triển khai các hoạt động hợp tác.

Trong khuôn khổ chính sách này, ngoại giao văn hóa được xác định là một công cụ chiến lược nhằm tạo dựng nền tảng xã hội và tâm lý cho quan hệ hợp tác lâu dài. Khác với các công cụ kinh tế hoặc quân sự, ngoại giao văn hóa có khả năng tác động trực tiếp tới nhận thức và thái độ của công chúng, qua đó góp phần củng cố sự tin cậy và thiện chí giữa các quốc gia. Theo Nguyễn Minh Giang, ngoại giao văn hóa là một trong ba trụ cột chính trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ tại Việt Nam, bên cạnh hợp tác kinh tế và an ninh (6).

Việt Nam được xác định là một đối tác trọng điểm trong chính sách “Hành động phía Đông” không chỉ vì vị trí địa chiến lược mà còn do sự tương đồng về lịch sử, văn hóa và định hướng phát triển. Việc hai nước thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng các hoạt động ngoại giao văn hóa. Các thiết chế như Hội đồng Quan hệ văn hóa Ấn Độ (ICCR), Trung tâm Văn hóa Swami Vivekananda tại Hà Nội đã đóng vai trò quan trọng trong việc thể chế hóa và duy trì các hoạt động này.

### ***2.3. Bối cảnh cạnh tranh sức mạnh mềm trong khu vực***

Ngoài các yếu tố nội sinh và định hướng chính sách, môi trường chiến lược khu vực là nhân tố quan trọng tác động đến cách thức và cường độ triển khai ngoại giao văn hóa. Trong bối cảnh châu Á - Thái Bình Dương đang trở thành trung tâm của cạnh tranh chiến lược toàn cầu, các quốc gia lớn ngày càng chú trọng sử dụng sức mạnh mềm như một công cụ hỗ trợ cho sức mạnh cứng.

Đối với Ấn Độ, sự trỗi dậy của Trung Quốc và việc Trung Quốc đẩy mạnh triển khai các công cụ ngoại giao văn hóa (như hệ thống Viện Khổng Tử, sáng kiến “Vành đai và Con đường”) đã tạo ra áp lực cạnh tranh đáng kể. Trong bối cảnh đó, Ấn Độ buộc phải tăng cường khai thác các nguồn lực văn hóa nhằm duy trì và mở rộng ảnh hưởng tại khu vực châu Á (7). Ngoại giao văn hóa trở thành một “không gian cạnh tranh mềm” (soft competition space), nơi các quốc gia tìm cách gia tăng ảnh hưởng mà không dẫn tới xung đột trực tiếp.

Việt Nam, với vị trí địa chính trị quan trọng và chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, trở thành một điểm đến chiến lược trong cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc. Trong bối cảnh này, việc Ấn Độ tăng cường triển khai ngoại giao văn hóa tại Việt Nam không chỉ nhằm mục tiêu song phương mà còn phục vụ mục tiêu rộng hơn là cân bằng ảnh hưởng khu vực. Cạnh tranh sức mạnh mềm không mang tính đối kháng trực tiếp mà thường diễn ra thông qua việc gia tăng sức hấp dẫn và khả năng thu hút. Điều này đòi hỏi các quốc gia phải liên tục đổi mới nội dung và phương thức triển khai ngoại giao văn hóa. Trong trường hợp của Ấn Độ, việc kết hợp giữa các yếu tố truyền thống (Phật giáo, Yoga) với các yếu tố hiện đại (điện ảnh, truyền thông số) cho thấy một chiến lược thích ứng linh hoạt nhằm nâng cao hiệu quả cạnh tranh (8).

## **2. Nội dung chính sách ngoại giao văn hóa của Ấn Độ**

### **2.1. Mục tiêu**

Trước hết, ngoại giao văn hóa của Ấn Độ hướng tới tăng cường hiểu biết và gắn kết nhân dân hai nước thông qua các hoạt động giao lưu văn hóa, giáo dục và nghệ thuật. Đây là mục tiêu nền tảng, bởi nhận thức và thái độ của công chúng có vai trò quyết định trong việc duy trì và phát triển quan hệ song phương. Thông qua các chương trình giao lưu nhân dân, trao đổi học thuật và các sự kiện văn hóa, Ấn Độ từng bước hình thành một không gian tương tác xã hội, trong đó các giá trị văn hóa được chia sẻ và nội tại hóa. Quá trình này góp phần tạo dựng sự tin cậy và thiện chí - những yếu tố mang tính điều kiện cho hợp tác lâu dài.

Thứ hai, chính sách này hướng tới quảng bá hình ảnh quốc gia và giá trị văn hóa Ấn Độ, qua đó nâng cao vị thế quốc tế. Trong bối cảnh cạnh tranh sức mạnh mềm ngày càng gia tăng, việc xây dựng hình ảnh một quốc gia có nền văn minh lâu đời, đa dạng và giàu bản sắc có ý nghĩa quan trọng đối với việc gia tăng sức hấp dẫn. Thông qua các hoạt động văn hóa tại Việt Nam, Ấn Độ không chỉ giới thiệu các sản phẩm văn hóa mà còn truyền tải các giá trị cốt lõi như tinh thần khoan dung, hòa bình và phát triển bền vững, qua đó củng cố hình ảnh một đối tác tin cậy và có trách nhiệm trong khu vực.

Thứ ba, ngoại giao văn hóa của Ấn Độ còn nhằm hỗ trợ các mục tiêu chính trị và kinh tế, tạo nên tầng thuận lợi cho hợp tác song phương. Ở cấp độ này, văn hóa được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, giúp giảm thiểu rào cản nhận thức, tăng cường sự ủng hộ của công chúng và tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động hợp tác trong các lĩnh vực khác. Các sự kiện văn hóa thường kết hợp với xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư, qua đó tạo ra hiệu ứng lan tỏa đa lĩnh vực.

## ***2.2. Quá trình triển khai***

*\* Sử dụng nghệ thuật và điện ảnh làm công cụ truyền thông đại chúng và kiến tạo hình ảnh quốc gia*

Trong cấu trúc công cụ của ngoại giao văn hóa Ấn Độ, điện ảnh giữ vị trí đặc biệt quan trọng nhờ khả năng tiếp cận đại chúng và tạo dựng hình ảnh quốc gia một cách trực quan. Công nghiệp điện ảnh Bollywood, với quy mô sản xuất lớn và phạm vi phân phối toàn cầu, được xem là một trong những trụ cột của sức mạnh mềm Ấn Độ (1). Tại Việt Nam, việc phổ biến các bộ phim không chỉ đơn thuần là hoạt động giải trí mà còn là quá trình “truyền tải văn hóa thông qua kể chuyện”. Các bộ phim này phản ánh những giá trị cốt lõi của xã hội Ấn Độ như đề cao tri thức, tính nhân văn và khát vọng vươn lên, qua đó góp phần định hình nhận thức tích cực của công chúng Việt Nam về đất nước này (2).

Bên cạnh việc phổ biến phim thương mại, Ấn Độ còn triển khai các hoạt động mang tính thể chế như tổ chức “Tuần phim Ấn Độ”, liên hoan phim và các chương trình giao lưu nghệ sĩ tại Việt Nam. Những hoạt động này không chỉ mở rộng không gian tiếp nhận văn hóa mà còn tạo điều kiện cho sự tương tác trực tiếp giữa các chủ thể văn hóa, qua đó hình thành các mạng lưới hợp tác trong lĩnh vực sáng tạo. Điều này phản ánh xu hướng chuyển dịch từ “xuất khẩu sản phẩm văn hóa” sang “đồng sáng tạo văn hóa”, một đặc trưng của ngoại giao văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa.

*\* Đẩy mạnh truyền bá Yoga và triết học Ấn Độ theo hướng chuẩn hóa toàn cầu và bản địa hóa thực hành văn hóa*

Nếu điện ảnh là công cụ truyền thông đại chúng, thì Yoga đại diện cho một hình thức ngoại giao văn hóa mang tính thực hành. Việc phổ biến Yoga tại Việt Nam là một ví dụ điển hình của quá trình “chuẩn hóa toàn cầu” kết hợp với “bản địa hóa”. Kể từ khi Đại hội đồng Liên hợp quốc công nhận Ngày Quốc tế Yoga vào năm 2014, Ấn Độ đã chủ động thể chế hóa Yoga như một biểu tượng văn hóa toàn cầu. Tại Việt Nam, các sự kiện Ngày Quốc tế Yoga được tổ chức thường niên với quy mô ngày càng mở rộng, thu hút sự tham gia của hàng nghìn người dân và cộng đồng quốc tế (4). Điều này cho thấy Yoga không chỉ được tiếp nhận như một hoạt động thể chất mà còn như một biểu tượng của lối sống và triết lý sống Ấn Độ.

Về mặt nội dung, Yoga truyền tải các giá trị cốt lõi của triết học Ấn Độ, bao gồm sự cân bằng giữa thể chất và tinh thần, sự hài hòa giữa con người và tự nhiên, và tinh thần tự hoàn thiện. Những giá trị này có tính phổ quát cao và phù hợp với xu hướng tìm kiếm sức khỏe và cân bằng trong xã hội hiện đại. Đáng chú ý, quá trình triển khai Yoga tại Việt Nam không mang tính áp đặt mà được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh văn hóa bản địa. Các trung tâm Yoga, chương trình đào tạo và hoạt động cộng đồng đã góp phần “nội địa hóa” Yoga, biến nó thành một phần của đời sống đô thị tại Việt Nam. Điều này phản ánh một đặc điểm quan trọng của ngoại giao văn hóa Ấn Độ: khả năng kết hợp giữa tính chuẩn hóa và tính linh hoạt, qua đó nâng cao hiệu quả lan tỏa.

*\* Tăng cường giao lưu tôn giáo - Phật giáo nhằm khai thác “di sản chung” và củng cố liên kết văn minh*

Trong các công cụ ngoại giao văn hóa của Ấn Độ, Phật giáo giữ vai trò đặc biệt nhờ tính chất lịch sử và chiều sâu văn minh. Khác với các công cụ hiện đại như điện ảnh hay Yoga, ngoại giao Phật giáo dựa trên việc khai thác “di sản chung” giữa các quốc gia, qua đó tạo ra nền tảng liên kết bền vững. Đối với Việt Nam, Phật giáo không chỉ là một tôn giáo mà còn là một thành tố quan trọng của bản sắc văn hóa dân tộc. Việc Ấn Độ sử dụng Phật giáo như một công cụ ngoại giao vì vậy có tính tương thích cao với bối cảnh văn hóa Việt Nam. Các hoạt động như tổ chức hội thảo quốc tế về Phật giáo, giao lưu tăng ni, và các chương trình hành

huong tới các thánh tích Phật giáo tại Ấn Độ đã góp phần củng cố mối liên kết văn hóa - tâm linh giữa hai nước (6).

Ngoại giao Phật giáo có thể được xem là một dạng “ngoại giao bản sắc”, trong đó các yếu tố văn hóa - tôn giáo được sử dụng để tái khẳng định sự tương đồng và giảm thiểu khác biệt. Ngoài ra, ngoại giao Phật giáo còn có tác dụng củng cố hình ảnh của Ấn Độ như cái nôi của một trong những tôn giáo lớn nhất thế giới, qua đó gia tăng tính chính danh và uy tín quốc tế. So với các công cụ khác, ngoại giao tôn giáo có lợi thế về chiều sâu lịch sử và tính bền vững, mặc dù tốc độ lan tỏa có thể chậm hơn.

*\* Thúc đẩy hợp tác giáo dục và văn học để thiết chế hóa ảnh hưởng và tái sản xuất tri thức*

Ấn Độ triển khai ngoại giao giáo dục tại Việt Nam thông qua nhiều kênh, trong đó nổi bật là các chương trình học bổng của Hội đồng Quan hệ văn hóa Ấn Độ (ICCR), các chương trình trao đổi học giả và hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học. Những chương trình này không chỉ cung cấp cơ hội học tập mà còn tạo ra các “cầu nối tri thức” giữa hai quốc gia, góp phần hình thành mạng lưới chuyên gia và học giả có liên kết với Ấn Độ (8).

Song song với đó, việc dịch thuật và giảng dạy các tác phẩm văn học Ấn Độ như Ramayana, Mahabharata và các sáng tác của Rabindranath Tagore đã góp phần đưa các giá trị văn hóa Ấn Độ vào hệ thống tri thức tại Việt Nam. Đây là quá trình “thể chế hóa văn hóa”, trong đó các giá trị văn hóa được chuyên hóa thành nội dung giảng dạy và nghiên cứu. Điểm đáng chú ý là sự kết hợp giữa giáo dục chính quy và các hình thức học tập phi chính quy, như hội thảo, tọa đàm và các chương trình giao lưu học thuật. Điều này giúp mở rộng phạm vi tiếp cận và tăng cường tính linh hoạt trong triển khai. Về lâu dài, hợp tác giáo dục và văn học góp phần hình thành một “cộng đồng tri thức chung”, qua đó củng cố nền tảng cho quan hệ song phương.

### **3. Gợi ý đối sách cho Việt Nam**

*\* Xây dựng chiến lược ngoại giao văn hóa chủ động*

Ngoại giao văn hóa của Việt Nam hiện còn phân tán, thiếu định hướng dài hạn. Kinh nghiệm của Ấn Độ cho thấy cần tích hợp chặt chẽ ngoại giao văn hóa vào chiến lược đối ngoại tổng thể để bảo đảm tính nhất quán và hiệu quả. Vì vậy, Việt Nam cần xây dựng chiến lược ngoại giao văn hóa chủ động, có tầm nhìn dài hạn, xác định rõ ưu tiên theo khu vực, đối tác và lĩnh vực, đồng thời thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả. Về nội dung, cần chuyển từ “giới thiệu văn hóa” sang “định vị văn hóa”, coi văn hóa là nguồn lực chiến lược để nâng cao vị thế quốc gia. Các giá trị cốt lõi như tinh thần cộng đồng, tính linh hoạt và truyền thống hòa hiếu cần được chuyển hóa thành thông điệp mang tính phổ quát, phù hợp bối cảnh toàn cầu, tương thích với định hướng của Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát huy văn hóa như một động lực nội sinh của phát triển bền vững.

*\* Tăng cường hợp tác văn hóa Việt Nam - Ấn Độ*

Trong bối cảnh quan hệ song phương phát triển, việc đẩy mạnh hợp tác văn hóa vừa làm sâu sắc quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, vừa giúp Việt Nam tiếp thu kinh nghiệm triển khai ngoại giao văn hóa. Trọng tâm là mở rộng hợp tác trong công nghiệp văn hóa, đặc biệt là điện ảnh thông qua đồng sản xuất, trao đổi nghệ sĩ và liên hoan phim chung; qua đó vừa khai thác sức lan tỏa của các tác phẩm, vừa quảng bá hình ảnh Việt Nam. Đồng thời, cần thúc đẩy trao đổi học thuật, xây dựng các chương trình đào tạo liên kết và trung tâm nghiên cứu nhằm hình thành cộng đồng tri thức chung. Trong lĩnh vực du lịch văn hóa, có thể phát triển các sản phẩm gắn với Phật giáo và di sản chung để tăng cường giao lưu nhân dân và giá trị kinh tế. Quan trọng hơn, hợp tác cần được triển khai theo hướng hai chiều, bảo đảm Việt Nam vừa tiếp nhận vừa chủ động lan tỏa giá trị văn hóa của mình, qua đó duy trì tính cân bằng và bền vững trong quan hệ hợp tác.

*\* Phát triển nguồn nhân lực ngoại giao văn hóa*

Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định hiệu quả ngoại giao văn hóa, đòi hỏi sự kết hợp giữa tri thức liên ngành, năng lực giao tiếp liên văn hóa và tư duy sáng tạo.

Kinh nghiệm của Ấn Độ cho thấy vai trò then chốt của đội ngũ chuyên gia và nghệ sĩ có khả năng hoạt động hiệu quả trong môi trường quốc tế. Đối với Việt Nam, cần thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp hóa và liên ngành hóa, thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu kết hợp quan hệ quốc tế, văn hóa học, truyền thông và quản lý sáng tạo. chú trọng nâng cao kỹ năng thực hành như tổ chức sự kiện, truyền thông quốc tế, xây dựng thương hiệu quốc gia và quản lý dự án văn hóa. Bên cạnh đó, mở rộng các chương trình trao đổi quốc tế, thực tập chuyên môn, đồng thời phát huy vai trò của các chủ thể phi nhà nước như nghệ sĩ, học giả, doanh nghiệp và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài nhằm đa dạng hóa lực lượng, nâng cao hiệu quả ngoại giao văn hóa.

### **Kết luận**

Ngoại giao văn hóa của Ấn Độ tại Việt Nam cho thấy cách thức hiệu quả trong việc chuyển hóa nguồn lực văn hóa thành sức mạnh mềm. Thông qua các lĩnh vực như điện ảnh, giáo dục, tôn giáo và nghệ thuật, Ấn Độ vừa quảng bá giá trị văn hóa, vừa định hình nhận thức xã hội, qua đó củng cố hình ảnh quốc gia và gia tăng ảnh hưởng bền vững. Các hoạt động này được triển khai nhất quán trong chiến lược đối ngoại tổng thể, gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu văn hóa và lợi ích chính trị - kinh tế. Đối với Việt Nam, kinh nghiệm này gợi mở yêu cầu xây dựng chính sách ngoại giao văn hóa theo hướng chủ động, có trọng tâm và đồng bộ, nhằm nâng cao vị thế quốc gia và tạo nền tảng xã hội vững chắc cho quan hệ đối ngoại trong bối cảnh hội nhập.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Ngô Xuân Bình (2019), *Quyền lực mềm của Ấn Độ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Minh Giang (2022), “Ngoại giao văn hóa của Ấn Độ với Việt Nam giai đoạn 1991-2021”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, (2), tr.23-30.
3. Joseph S. Nye (2011), *The Future of Power*, Public Affairs, New York.
4. Lê Thị Hằng Nga, Huỳnh Thanh Loan (2022), “Ngoại giao văn hóa và giao lưu nhân dân kết nối Việt Nam - Ấn Độ”, *Tạp chí Cộng sản*.

5. Joseph S. Nye (2004), *Soft Power*, Public Affairs, New York.
6. Trần Nam Tiên (2016), *Văn hóa Ấn Độ và ảnh hưởng ở Đông Nam Á*, Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM.
7. Benedict Anderson (1983), *Imagined Communities*, Verso, London.
8. Hồ Ngọc Diễm Thanh (2016), “Ngoại giao văn hóa của Ấn Độ trong những năm đầu thế kỉ XXI nhìn từ góc độ sức mạnh mềm”, *Tạp chí Khoa học ĐHSP TPHCM*, (8), tr.97-102.

# BOLYWOOD VÀ YOGA TRONG VIỆC MỞ RỘNG ẢNH HƯỞNG MỀM CỦA ẤN ĐỘ

ThS Dương Thanh Hằng

## Tóm tắt:

Trong bối cảnh cạnh tranh ảnh hưởng ngày càng gia tăng, sức mạnh mềm trở thành công cụ quan trọng giúp các quốc gia mở rộng hình ảnh và vị thế trên trường quốc tế. Bài tham luận làm rõ tác động của Bollywood và yoga đối với việc nâng cao hình ảnh quốc gia và mở rộng ảnh hưởng mềm của Ấn Độ, đồng thời gợi mở một số hàm ý chính sách cho Việt Nam trong việc khai thác các nguồn lực văn hóa nhằm gia tăng vị thế quốc gia. Dựa trên cách tiếp cận về sức mạnh mềm của Joseph Nye, bài viết khái quát sự phát triển của Bollywood và yoga, đồng thời phân tích lý do Ấn Độ lựa chọn hai lĩnh vực này như những nguồn lực quan trọng để triển khai chính sách đối ngoại. Trên cơ sở đó, bài tham luận xem xét các cơ chế và chính sách chính phủ Ấn Độ thực hiện nhằm quảng bá điện ảnh Bollywood và yoga Ấn Độ ra phạm vi toàn cầu.

**Từ khóa:** sức mạnh mềm; Bollywood; yoga; ngoại giao văn hóa; Ấn Độ.

## 1. Văn hóa trong chiến lược phát triển sức mạnh mềm của Ấn Độ

Năm 1990, Giáo sư Joseph S. Nye Jr. lần đầu tiên đưa ra và khái quát hóa khái niệm “soft power” trong nghiên cứu quan hệ quốc tế đương đại. Trong cuốn sách "Bound to Lead: The Changing Nature of American Power" (Tạm dịch: Định mệnh lãnh đạo: Bản chất đang thay đổi của quyền lực Mỹ), Joseph S. Nye định nghĩa "*sức mạnh mềm là khả năng khiến người khác muốn cái bạn muốn, do đó họ sẽ tự nguyện làm điều đó mà không phải bị ép buộc hoặc mua chuộc*".<sup>1</sup> Đến năm 1999, ông tiếp tục đưa ra một khái niệm cụ thể hơn "*sức mạnh mềm là kết quả lý tưởng có được thông qua sức hấp dẫn của văn hóa và ý thức hệ chứ không*

---

<sup>1</sup> Joseph S. Nye Jr, "Soft Power", Foreign Policy, No. 80, Twentieth Anniversary (Autumn, 1990), pp. 153-171  
208

*phải sức mạnh cưỡng chế của một quốc gia, có thể làm cho một người khác tin phục đi theo mình, hoặc tin theo các tiêu chuẩn hành vi hay chế độ do mình định ra để hành xử theo ý tưởng của mình. Ở mức độ rất lớn, sức mạnh mềm dựa vào sức thuyết phục của thông tin*".<sup>1</sup> Trong cuốn sách "Soft Power, The Means to Success in World Politics" xuất bản năm 2004 tại New York, Joseph S. Nye chỉ ra rằng "*sức mạnh mềm được tạo nên từ sức hấp dẫn của một quốc gia thông qua văn hóa, các tư tưởng chính trị và các chính sách của quốc gia đó*".<sup>2</sup> Như vậy, theo quan điểm của Joseph S. Nye, sức mạnh mềm của một quốc gia có thể được hình thành dựa trên các yếu tố: văn hóa, tư tưởng chính trị, chính sách đối nội và chính sách đối ngoại.

Sở hữu nền văn minh lâu đời cùng sự đa dạng văn hóa được xem là một trong những nguồn lực quan trọng tạo nên sức mạnh mềm của Ấn Độ. Với lịch sử phát triển hơn 5.000 năm, Ấn Độ được nhìn nhận như một trong những trung tâm văn minh cổ đại lớn của thế giới, có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều lĩnh vực như tôn giáo, triết học, nghệ thuật, ngôn ngữ và đời sống tinh thần của nhân loại.

Chính sách đối ngoại của Ấn Độ ngày càng chú trọng việc tích hợp các yếu tố văn hóa như một công cụ quan trọng để nâng cao ảnh hưởng quốc tế. Những nỗ lực này chủ yếu tập trung vào các khía cạnh phi chính trị, qua đó phản ánh sự đa dạng văn hóa của Ấn Độ mà không nhằm áp đặt một mô hình xã hội cụ thể. Chính phủ Ấn Độ cũng chủ động định hình cách thức văn hóa quốc gia được thể hiện trên trường quốc tế. Điều này được thể hiện qua việc thành lập bộ phận ngoại giao công chúng trong Bộ Ngoại giao vào năm 2006 cũng như việc khởi xướng Ủy ban Tri thức Quốc gia nhằm nâng cao sức hấp dẫn quốc tế của đất nước<sup>3</sup>. Cùng với đó, việc duy trì các giá trị chính trị như dân chủ, đa nguyên và hòa bình cũng góp phần xây dựng hình ảnh tích cực của Ấn Độ trong quan hệ quốc tế, qua đó tạo nền tảng thuận lợi cho việc tích lũy và khai thác sức mạnh mềm.

---

<sup>1</sup> Joseph S. Nye Jr, "Redefining The National Interest", Foreign Affairs, 7-8/1999, p. 35

<sup>2</sup> Joseph S. Nye Jr, Soft Power: The Means to Success in World Politics, NY: Public Affairs, Persues Book Group, 2004, p. 10

<sup>3</sup> Gautam, Aavriti, and Julian Droogan. 2018. "Yoga Soft Power: How Flexible is the Posture?" *The Journal of International Communication* 24 (1): 18–36. <https://doi.org/10.1080/13216597.2017.1388829>

Nhiều học giả cho rằng việc sử dụng sức mạnh mềm đã xuất hiện khá sớm trong tư duy đối ngoại của Ấn Độ. Theo Przemyslaw Kugiel (2017), Ấn Độ là một trong những quốc gia đầu tiên chủ động triển khai chiến lược sức mạnh mềm ngay từ thời Thủ tướng Jawaharlal Nehru<sup>1</sup>. Tuy nhiên, Christian Wagner (2010) cho rằng Ấn Độ sở hữu một dạng “sức mạnh mềm mặc định”, xuất phát từ truyền thống dân chủ lâu đời, sự tham gia tích cực vào các diễn đàn đa phương, cũng như di sản tư tưởng của Mahatma Gandhi với triết lý bất bạo động (ahimsa)<sup>2</sup>. Bên cạnh đó, sự lan tỏa của các sản phẩm văn hóa như Yoga hay Bollywood cũng góp phần củng cố sức hấp dẫn văn hóa của Ấn Độ trên phạm vi toàn cầu.<sup>3</sup>

Việc tăng cường sử dụng các công cụ sức mạnh mềm trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ cũng xuất phát từ nhiều chiến lược. Theo Gautam và Droogan (2018), Ấn Độ nhận thấy rằng việc thể hiện sức mạnh cứng đôi khi gây ra những phản ứng tiêu cực từ các quốc gia láng giềng và không phải lúc nào cũng giúp củng cố vị thế quốc tế.<sup>4</sup> Do đó, Ấn Độ có xu hướng thúc đẩy hình ảnh một quốc gia có nền văn hóa hòa bình, giàu bản sắc và có khả năng kết nối với các xã hội khác. Đồng thời, trong bối cảnh cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc, việc khai thác các nguồn lực văn hóa như yoga và Bollywood được xem là phương thức hiệu quả để tăng cường quan hệ với các quốc gia đối tác và mở rộng ảnh hưởng mềm trên trường quốc tế.

Những nỗ lực này bước đầu mang lại một số kết quả tích cực. Theo các khảo sát gần đây về nhận thức toàn cầu, hình ảnh và “thương hiệu quốc gia” của Ấn Độ đã có sự cải thiện nhất định. Ấn Độ đã nâng vị trí trên Chỉ số Sức mạnh mềm Toàn cầu, từ hạng 29 năm 2022 lên hạng 28 năm 2023<sup>5</sup>. Khảo sát Thái độ Toàn cầu cũng cho thấy khoảng 43% người trưởng thành trên thế giới có cái nhìn tích cực

---

<sup>1</sup> Kugiel, Patryk. 2017. *India's Soft Power: A New Foreign Policy Strategy*. London: Routledge.

<sup>2</sup> Wagner, Christian. 2010. “India’s Soft Power: Prospects and Limitations.” *Indian Quarterly* 66 (4): 333–342. <https://www.jstor.org/stable/45073139>(open in a new window).

<sup>3</sup> Blarel, Nicolas. 2012. *India: The Next Superpower*. Edited by Nicholas Kitchen. London: LSE Ideas.

<sup>4</sup> Gautam, Aavriti, and Julian Droogan. 2018. “Yoga Soft Power: How Flexible is the Posture?” *The Journal of International Communication* 24 (1): 18–36. <https://doi.org/10.1080/13216597.2017.1388829>

<sup>5</sup> Ramabadrán, Sudarshan. 2023. *Strengthening India's Global Influence through a Sound Public Diplomacy Policy*. New Delhi: Observer Research Foundation.

về Ấn Độ, trong khi 68% người dân Ấn Độ tin rằng ảnh hưởng toàn cầu của đất nước đang gia tăng.<sup>1</sup>

Bước sang thế kỷ XXI, cùng với sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và vai trò ngày càng nổi bật trong hệ thống quốc tế, Ấn Độ ngày càng chú trọng khai thác các nguồn lực văn hóa như một bộ phận quan trọng của chiến lược sức mạnh mềm. Các yếu tố văn hóa truyền thống, di sản văn minh và bản sắc dân tộc được xem là nền tảng giúp Ấn Độ xây dựng hình ảnh quốc gia tích cực và tăng cường kết nối với các đối tác trên toàn cầu.

## **2. Bollywood và yoga trong chiến lược phát triển sức mạnh mềm của Ấn Độ**

### **2.1. Bollywood trong chiến lược phát triển sức mạnh mềm của Ấn Độ**

#### ***a. Quá trình phát triển của Bollywood***

Thuật ngữ Bollywood được hình thành từ sự kết hợp giữa “Bombay” (tên gọi cũ của thành phố Mumbai) và “Hollywood”, dùng để chỉ ngành công nghiệp điện ảnh nói tiếng Hindi đặt tại Mumbai – trung tâm sản xuất phim lớn nhất của Ấn Độ. Thuật ngữ này bắt đầu được sử dụng phổ biến từ **thập niên 1970**, khi điện ảnh Ấn Độ phát triển mạnh và trở thành một trong những ngành sản xuất phim lớn nhất thế giới. Tên gọi Bollywood phản ánh tham vọng của Ấn Độ trong việc xây dựng **một trung tâm điện ảnh thương mại đại chúng có tầm ảnh hưởng toàn cầu** như Hollywood.

Quá trình lan tỏa của Bollywood đã bắt đầu từ khá sớm và gắn liền với những nỗ lực hợp tác quốc tế của Ấn Độ trong sản xuất và phát hành phim. Ngay từ năm 1930, nhà làm phim Himansu Rai đã thực hiện các tác phẩm như “*Ánh sáng châu Á*” (*Light of Asia*) và “*Một cú ném xúc xắc*” (*A throw of dice*) trong khuôn khổ hợp tác với Đức. Những bộ phim này đã được trình chiếu tại nhiều quốc gia châu Âu như Pháp và Anh, góp phần đưa điện ảnh Ấn Độ tiếp cận khán giả quốc tế từ sớm. Bước sang thập niên 1950, sự hợp tác quốc tế tiếp tục được mở rộng khi

---

<sup>1</sup> Huang, Christine, Moira Fagan, and Sneha Gabbala. 2023. *Views of India Lean Positive Across 23 Countries*. Washington, DC: Pew Research Center.

Liên Xô trình chiếu bộ phim “*Awara*” của Ấn Độ tại các rạp chiếu phim trong nước. Sau đó, bộ phim “*Aan*” cũng được phát hành tại Pháp sau khi công chiếu tại Anh.

Cùng với việc mở rộng thị trường phát hành, điện ảnh Bollywood cũng từng bước đổi mới trong phương thức sản xuất. Các nhà làm phim bắt đầu lựa chọn nhiều địa điểm quay ở nước ngoài như Anh, Mỹ và các quốc gia phương Tây khác, tạo nên bối cảnh mang tính toàn cầu hơn cho các tác phẩm điện ảnh. Xu hướng này có thể được nhận thấy trong một số bộ phim nổi tiếng như “*Dilwale Dulhaniya Le Jayenge*”, “*Kal Ho Na Ho*”, “*Salaam Namaste*”, “*Kabhi Khushi Kabhi Gham*”. Song song với đó, ngành công nghiệp điện ảnh Ấn Độ cũng dần vận hành theo mô hình doanh nghiệp hiện đại, thu hút nguồn vốn đầu tư đáng kể từ cả trong và ngoài nước. Các công ty sản xuất phim Ấn Độ như Eros, Adlabs, India Film Company và UTV đã huy động được hàng trăm triệu bảng Anh từ các nhà đầu tư tổ chức thông qua sàn giao dịch AIM của Sở giao dịch chứng khoán London.<sup>1</sup>

Những năm 2000 đánh dấu sự gia tăng mạnh mẽ của các dự án hợp tác quốc tế trong sản xuất phim Bollywood. Ngày 24 tháng 1 năm 2005, công ty Percept Picture Company đã hợp tác với Sahara One để cùng sản xuất bộ phim “*Racing the Monsoon*”. Tiếp đó, ngày 1 tháng 9 năm 2005, Sahara tiếp tục công bố một dự án hợp tác khác nhằm sản xuất bộ phim “*Tree of Life*”. Đáng chú ý, ngày 20 tháng 10 năm 2005, hãng phim Sony Pictures đã mời đạo diễn Sanjay Leela Bhansali hợp tác sản xuất bộ phim “*Saawariya*”. Bộ phim này được phát hành năm 2007 với khoảng 1.000 bản in trên toàn thế giới và đánh dấu lần đầu tiên một trong sáu hãng phim lớn của Hollywood tham gia sản xuất một bộ phim Ấn Độ.<sup>2</sup>

Hiện nay, Bollywood đã phát triển thành một ngành công nghiệp điện ảnh quy mô lớn. Mỗi năm có hơn 250 bộ phim Bollywood được ra mắt và thu hút hơn 20 triệu

---

<sup>1</sup> Pillania, R. K. (2008). The globalization of Bollywood: An exploratory study. *Global Business Review*, 9(1), 127–136. <https://doi.org/10.1177/097215090700900109>.

<sup>2</sup> Pillania, R. K. (2008). The globalization of Bollywood: An exploratory study. *Global Business Review*, 9(1), 127–136. <https://doi.org/10.1177/097215090700900109>

khán giả.<sup>1</sup> Ngành công nghiệp này cũng được xem là một trong những nền điện ảnh lớn nhất thế giới về số lượng phim sản xuất. Ấn Độ đã sản xuất khoảng 27.000 phim truyện. Đồng thời, Bollywood cũng trở thành một ngành giải trí toàn cầu với khoảng 1 tỷ vé phim được bán ra.<sup>2</sup> Sự hiện diện của cộng đồng người Ấn Độ di cư đông đảo tại các quốc gia như Anh, Canada, Trung Đông và Nam Phi cũng tạo nên một thị trường quốc tế rộng lớn cho phim Ấn Độ, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp này.

Ngoài ra, sự phát triển của ngành công nghệ thông tin tại Ấn Độ cũng có tác động tích cực đến lĩnh vực sản xuất điện ảnh, đặc biệt trong hoạt động gia công phần mềm cho công nghệ làm phim. Các kỹ thuật hiệu ứng đặc biệt trong điện ảnh được nhiều công ty ở Mỹ và châu Âu sử dụng dịch vụ gia công của Ấn Độ do chi phí thấp hơn so với các công ty tại Mỹ. Một trong những yếu tố giúp phim Bollywood thu hút khán giả quốc tế là hệ giá trị văn hóa đặc trưng được truyền tải trong các tác phẩm. Các bộ phim thường đề cao những giá trị gia đình và cộng đồng, qua đó tạo nên sự gần gũi đối với người xem. Ở nhiều khu vực như Ả Rập Xê Út và Đông Nam Á, phim Bollywood được đón nhận tích cực do có những điểm tương đồng về văn hóa với khán giả Hồi giáo. Một ví dụ tiêu biểu là bộ phim “*My Name Is Khan*” được sản xuất năm 2010, kể về hành trình của một người đàn ông Hồi giáo sống tại Mỹ phải đối mặt với những định kiến liên quan đến chủ nghĩa khủng bố. Bộ phim này được phát hành tại 64 quốc gia và được tạp chí Foreign Policy xếp vào danh sách mười bộ phim hay nhất năm 2010.<sup>3</sup>

### ***b. Vai trò của Bollywood trong chiến lược phát triển sức mạnh mềm của Ấn Độ***

Việc Ấn Độ lựa chọn Bollywood như một công cụ quan trọng để phát triển sức mạnh mềm không phải là ngẫu nhiên, mà xuất phát từ những lợi thế đặc thù của điện ảnh trong việc lan tỏa văn hóa và tác động đến nhận thức của công chúng quốc tế. Trước hết, điện ảnh là một hình thức giải trí đại chúng, có khả năng tiếp

---

<sup>1</sup> Sari, N. (2016). The influence of Bollywood movies on cultural globalization (Undergraduate thesis). Universitas Muhammadiyah Yogyakarta.

<sup>2</sup> Pillania, R. K. (2008). The globalization of Bollywood: An exploratory study. *Global Business Review*, 9(1), 127–136. <https://doi.org/10.1177/097215090700900109>

<sup>3</sup> Thussu, D. K. (2013). *Communicating India's soft power: Buddha to Bollywood*. Routledge.

cận rộng rãi và tạo ảnh hưởng trực tiếp đến khán giả thông qua sự kết hợp giữa hình ảnh, âm thanh và cốt truyện. Phim ảnh luôn có sức hấp dẫn đặc biệt đối với công chúng. Với đặc trưng là loại hình truyền thông nghe – nhìn, phim ảnh có khả năng truyền tải thông điệp, giá trị và hình ảnh văn hóa một cách sinh động, từ đó dễ dàng tác động đến cảm xúc cũng như nhận thức của người xem. Chính đặc điểm này khiến điện ảnh trở thành một phương tiện hiệu quả trong việc quảng bá văn hóa quốc gia và xây dựng hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế.

Bollywood được xem là một nguồn lực văn hóa đặc biệt của Ấn Độ nhờ những đặc trưng nghệ thuật riêng biệt. Không chỉ đơn thuần là sản phẩm giải trí, các bộ phim Bollywood thường tích hợp nhiều yếu tố văn hóa truyền thống như âm nhạc, vũ điệu, trang phục và các nghi lễ tôn giáo, bao gồm các lễ hội như Diwali hay Holi. Việc lồng ghép các yếu tố văn hóa này vào cốt truyện giúp điện ảnh Bollywood trở thành một kênh truyền tải văn hóa hiệu quả, qua đó giới thiệu bản sắc văn hóa Ấn Độ đến với khán giả toàn cầu. Đồng thời, phong cách kể chuyện giàu cảm xúc cùng các yếu tố ca hát và vũ đạo đã tạo nên dấu ấn riêng cho Bollywood, góp phần thu hút sự tò mò và quan tâm của khán giả quốc tế.

Bên cạnh yếu tố nội dung, sự phát triển của các phương tiện truyền thông hiện đại như truyền hình và Internet cũng tạo điều kiện thuận lợi cho sự lan tỏa toàn cầu của phim Bollywood. Nhờ các nền tảng phân phối này, phim điện ảnh và các bộ phim truyền hình dài tập của Ấn Độ có thể tiếp cận ngày càng nhiều khán giả ở các khu vực khác nhau trên thế giới. Sự phổ biến của Bollywood ở nước ngoài đã góp phần nâng cao nhận thức của công chúng quốc tế về xã hội và văn hóa Ấn Độ, đồng thời giúp thay đổi một số định kiến tồn tại trước đó về quốc gia. Nhờ vậy, Bollywood không chỉ đóng vai trò như một ngành công nghiệp giải trí mà còn trở thành một công cụ quan trọng trong việc xây dựng hình ảnh quốc gia và mở rộng ảnh hưởng văn hóa của Ấn Độ.

Một yếu tố quan trọng khác khiến Bollywood trở thành lựa chọn chiến lược trong phát triển sức mạnh mềm là phạm vi tiếp cận quốc tế. Cộng đồng người Ấn Độ ở nước ngoài cũng tạo nên một thị trường khán giả đáng kể cho điện ảnh Ấn Độ,

góp phần thúc đẩy xuất khẩu phim ra thị trường quốc tế. Xuất khẩu phim Ấn Độ đã tăng khoảng 60% trong những năm gần đây, trong đó Mỹ và Canada chiếm khoảng 30% thị phần, tiếp theo là Anh với 25%.<sup>1</sup> Điều này cho thấy Bollywood không chỉ đóng vai trò văn hóa mà còn mang lại lợi ích kinh tế đáng kể cho Ấn Độ. Thành công quốc tế của Bollywood còn thể hiện ở khả năng thích ứng với các bối cảnh văn hóa khác nhau. Tại Indonesia – một quốc gia có đông dân số theo Hồi giáo – các bộ phim Bollywood vẫn được đón nhận rộng rãi thông qua các kênh truyền hình như TPI, Indosiar hay RCTI, với những bộ phim nổi tiếng như “*Kuch-Kuch Hota Hai*”, “*Mohabbatein*” hay “*Kabhi Khushi Kabhie Gham*”. Điều này cho thấy các giá trị gia đình, tình cảm và tôn giáo được thể hiện trong phim Bollywood có tính phổ quát nhất định, giúp khán giả ở nhiều nền văn hóa khác nhau dễ dàng tiếp nhận. Chính vì vậy, Bollywood ngày càng được chính phủ Ấn Độ xem như một công cụ hiệu quả của “ngoại giao văn hóa”, góp phần mở rộng ảnh hưởng mềm của quốc gia này trên phạm vi toàn cầu.

Dưới thời Thủ tướng Narendra Modi, chính phủ Ấn Độ ngày càng coi ngành công nghiệp điện ảnh, đặc biệt là Bollywood như một công cụ quan trọng trong chiến lược quảng bá hình ảnh quốc gia và mở rộng sức mạnh mềm. Chính phủ nhấn mạnh rằng các sản phẩm văn hóa đại chúng như phim ảnh, âm nhạc và nghệ thuật biểu diễn có khả năng kết nối hiệu quả với công chúng quốc tế, qua đó góp phần giới thiệu bản sắc văn hóa và các giá trị xã hội của Ấn Độ ra thế giới. Nhận thức này phản ánh xu hướng ngày càng rõ rệt trong chính sách đối ngoại văn hóa của Ấn Độ, trong đó điện ảnh được khai thác như một phương tiện ngoại giao văn hóa có sức lan tỏa rộng rãi. Để thúc đẩy quốc tế hóa ngành điện ảnh, năm 2015, chính phủ Ấn Độ đã thành lập Văn phòng hỗ trợ điện ảnh (Film Facilitation Office) nhằm hỗ trợ các đoàn làm phim nước ngoài lựa chọn Ấn Độ làm địa điểm sản xuất. Cơ chế này giúp đơn giản hóa thủ tục quay phim và khuyến khích hợp tác quốc tế trong lĩnh vực điện ảnh. Do vậy, nhiều đoàn làm phim từ hơn hai mươi

---

<sup>1</sup> Great Lakes Institute of Management. (2019). *Exploring export potential of Indian movies: A comparative advantage analysis of the Indian film industry*. Great Lakes Herald, 13(1), 34-48. <https://www.greatlakes.edu.in/herald/>

quốc gia đã đến quay phim tại Ấn Độ, qua đó quảng bá cảnh quan, văn hóa và hình ảnh đất nước ra thế giới. Bên cạnh đó, chính phủ cũng đẩy mạnh các chính sách thúc đẩy xuất khẩu phim, mở rộng hợp tác sản xuất quốc tế và hỗ trợ quảng bá điện ảnh Ấn Độ tại các liên hoan phim toàn cầu. Những biện pháp này cho thấy Bollywood ngày càng được xem như một nguồn lực quan trọng trong chiến lược tăng cường sức mạnh mềm và nâng cao vị thế văn hóa của Ấn Độ trên trường quốc tế.

## **2.2. Yoga trong chiến lược phát triển sức mạnh mềm của Ấn Độ**

### ***a. Quá trình phát triển của Yoga tại Ấn Độ***

Yoga được xem là một trong những truyền thống triết học – tinh thần lâu đời nhất của Ấn Độ. Nguồn gốc của yoga thường được truy nguyên từ nền văn minh lưu vực sông Ấn khoảng hơn 5.000 năm trước, khi các hình khắc trên con dấu khảo cổ tại Mohenjo-Daro cho thấy những hình ảnh tương tự các tư thế thiền định.<sup>1 2</sup> Tuy nhiên, về mặt tư tưởng, yoga phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn các văn bản Veda và Upanishad được hình thành (khoảng thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên), khi các thực hành thiền định và kiểm soát thân – tâm bắt đầu được hệ thống hóa như một phương pháp tìm kiếm sự giải thoát tinh thần.<sup>3 4</sup>

Sự phát triển quan trọng của yoga diễn ra khi triết gia Ấn Độ cổ đại Patanjali biên soạn tác phẩm *Yoga Sutras*, thường được cho là vào khoảng thế kỷ II trước Công nguyên đến thế kỷ IV sau Công nguyên. Trong tác phẩm này, Patanjali hệ thống hóa yoga thành tám bước (Ashtanga Yoga), bao gồm các thực hành đạo đức, kỷ luật cá nhân, tư thế (asana), kiểm soát hơi thở (pranayama), thiền định và đạt đến trạng thái giải thoát tinh thần. Theo Patanjali, các tư thế yoga giúp cơ thể đạt được trạng thái ổn định và thoải mái, qua đó tạo điều kiện để tâm trí đạt tới trạng thái tập trung và thiền định sâu sắc. Cách tiếp cận này cho thấy yoga không chỉ là hoạt

---

<sup>1</sup> Feuerstein, G. (2012), *The Yoga Tradition: Its History, Literature, Philosophy and Practice*. Hohm Press.

<sup>2</sup> Samuel, G. (2008). *The Origins of Yoga and Tantra: Indic Religions to the Thirteenth Century*. Cambridge University Press.

<sup>3</sup> Sarbacker, S. R. (2005), *Samadhi: The Numinous and Cessative in Indo-Tibetan Yoga*. SUNY Press.

<sup>4</sup> James mallinson, Mark Singleton (2017), *Roots of Yoga*, Penguin Classics

động thể chất mà còn là một hệ thống triết học hướng tới sự hài hòa giữa cơ thể, tâm trí và thế giới xung quanh.

Trong suốt lịch sử Ấn Độ, yoga tiếp tục phát triển thông qua nhiều trường phái và truyền thống khác nhau, đặc biệt trong giai đoạn Trung cổ với sự xuất hiện của Hatha Yoga, nhấn mạnh đến các kỹ thuật luyện tập thể chất và kiểm soát năng lượng trong cơ thể. Đến thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, yoga bước vào giai đoạn hiện đại hóa khi nhiều học giả và bậc thầy yoga như Swami Vivekananda bắt đầu giới thiệu yoga ra thế giới phương Tây. Các chuyến giảng dạy của Vivekananda tại Hoa Kỳ và châu Âu đã giúp yoga trở thành một biểu tượng của triết học và tâm linh Ấn Độ.

Từ nửa sau thế kỷ XX, yoga ngày càng phổ biến trên toàn cầu, nhất là khi sự quan tâm của con người với sức khỏe thể chất và tinh thần ngày càng tăng. Tại phương Tây, yoga dần được xem như một phương pháp luyện tập giúp cải thiện sức khỏe, giảm căng thẳng và nâng cao chất lượng cuộc sống. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, yoga trở thành một trong những sản phẩm văn hóa xuất khẩu nổi bật của Ấn Độ. Theo nhiều nghiên cứu, hàng triệu người trên thế giới hiện đang thực hành yoga, và hàng chục nghìn trung tâm yoga được thành lập ở nhiều quốc gia khác nhau. Sự phổ biến này đã góp phần củng cố vị thế của yoga như một biểu tượng văn hóa toàn cầu gắn liền với Ấn Độ.

Trong những năm gần đây, yoga còn được gắn với các vấn đề toàn cầu như phát triển bền vững, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và cân bằng lối sống. Đặc biệt sau đại dịch COVID-19, yoga được nhiều quốc gia xem là phương pháp hỗ trợ cải thiện sức khỏe thể chất và tinh thần, đồng thời thúc đẩy lối sống tiêu dùng bền vững và có trách nhiệm. Chính những giá trị phổ quát này đã giúp yoga vượt ra khỏi phạm vi của một truyền thống tôn giáo hoặc triết học để trở thành một thực hành toàn cầu, đồng thời tạo nền tảng quan trọng để Ấn Độ sử dụng yoga như một nguồn lực văn hóa trong chiến lược phát triển sức mạnh mềm.

### ***b. Vai trò của yoga trong chiến lược phát triển sức mạnh mềm của Ấn Độ***

Việc sử dụng yoga trong ngoại giao văn hóa của Ấn Độ đã được hình thành từ khá sớm. Trong giai đoạn sau độc lập, các nhà lãnh đạo như Jawaharlal Nehru đã nhận thức được tầm quan trọng của việc quảng bá văn hóa và triết học Ấn Độ ra thế giới nhằm nâng cao vị thế quốc gia. Trong bối cảnh đó, yoga cùng với các yếu tố văn hóa khác như Phật giáo, âm nhạc và triết học Ấn Độ được giới thiệu rộng rãi thông qua các hoạt động giao lưu văn hóa, giảng dạy tại các trường đại học và sự tham gia của các bậc thầy yoga trong các chương trình quốc tế. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, việc quảng bá yoga chủ yếu diễn ra một cách tự phát thông qua các cá nhân, tổ chức tôn giáo hoặc các trung tâm văn hóa, chứ chưa được thể chế hóa thành một chiến lược ngoại giao rõ ràng của nhà nước.

Bước ngoặt quan trọng trong việc thể chế hóa yoga như một công cụ ngoại giao diễn ra dưới thời Thủ tướng Narendra Modi. Ngay sau khi nhậm chức năm 2014, Modi đã thúc đẩy mạnh mẽ việc đưa yoga vào chương trình nghị sự ngoại giao của Ấn Độ. Một trong những sáng kiến nổi bật nhất là việc Ấn Độ đề xuất tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc nghị quyết công nhận ngày 21 tháng 6 là International Day of Yoga. Nghị quyết này được thông qua với sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng quốc tế, cho thấy mức độ công nhận toàn cầu đối với giá trị văn hóa của yoga<sup>1 2</sup>. Việc thiết lập Ngày Quốc tế Yoga đã tạo ra một nền tảng thường niên để các đại sứ quán và cơ quan ngoại giao Ấn Độ tổ chức các sự kiện yoga trên toàn thế giới, qua đó tăng cường giao lưu văn hóa và quảng bá hình ảnh Ấn Độ như quê hương tinh thần của yoga.

Bên cạnh đó, chính phủ Modi cũng thành lập Bộ AYUSH vào năm 2015 nhằm thúc đẩy các hệ thống y học truyền thống của Ấn Độ, bao gồm Ayurveda, Yoga, Unani, Siddha và Homeopathy. Bộ này đóng vai trò quan trọng trong việc quảng bá yoga trên phạm vi quốc tế, từ việc tiêu chuẩn hóa đào tạo, cấp chứng chỉ cho giáo viên yoga đến hỗ trợ các chương trình nghiên cứu khoa học về lợi ích sức

---

<sup>1</sup> Mahapatra, Debidatta Aurobinda. 2016. "From a Latent to a 'Strong' Soft Power? The Evolution of India's Cultural Diplomacy." *Palgrave Communications* 2:1–11. <https://doi.org/10.1057/palcomms.2016.91>.

<sup>2</sup> Mazumdar, Arijit. 2018. "India's Soft Power Diplomacy Under the Modi Administration: Buddhism, Diaspora and Yoga." *Asian Affairs* XLIX (III): 468–491. <https://doi.org/10.1080/03068374.2018.1487696>.

khỏe của yoga. Ngoài ra, yoga còn được lồng ghép vào nhiều lĩnh vực hợp tác quốc tế như giao lưu văn hóa, giáo dục, du lịch và chăm sóc sức khỏe.

Trong thực tiễn ngoại giao, yoga được triển khai thông qua nhiều hình thức khác nhau. Thứ nhất là tổ chức các sự kiện và lễ hội yoga trên toàn cầu, đặc biệt vào Ngày Quốc tế Yoga. Thứ hai là thúc đẩy giao lưu văn hóa và nhân dân thông qua các hội thảo, chương trình đào tạo và hợp tác học thuật liên quan đến yoga. Thứ ba là phát triển du lịch yoga, với các địa điểm như Rishikesh trở thành trung tâm thu hút du khách quốc tế. Thứ tư là lồng ghép yoga vào các chương trình ngoại giao y tế nhằm thúc đẩy các phương pháp chăm sóc sức khỏe dựa trên y học cổ truyền.

Trong chiến lược phát triển sức mạnh mềm, Yoga được xem là một trong những nguồn lực văn hóa quan trọng nhất của Ấn Độ. Khác với nhiều công cụ quyền lực truyền thống, yoga mang tính phổ quát cao và có khả năng vượt qua ranh giới văn hóa, tôn giáo và chính trị. Nhờ vậy, yoga trở thành một phương tiện hiệu quả giúp Ấn Độ xây dựng hình ảnh quốc gia và tăng cường ảnh hưởng quốc tế thông qua các giá trị hòa bình, hài hòa và cân bằng trong đời sống.

Một trong những đóng góp quan trọng của yoga đối với sức mạnh mềm của Ấn Độ là khả năng tạo dựng hình ảnh tích cực cho quốc gia này trên trường quốc tế. Thông qua việc quảng bá yoga, Ấn Độ có thể thể hiện mình như một nền văn minh cổ đại với di sản triết học và tinh thần phong phú. Theo nhiều học giả, việc nhấn mạnh các giá trị của yoga như hòa bình, đoàn kết và cân bằng đã giúp Ấn Độ xây dựng hình ảnh một quốc gia không hiếu chiến và có khả năng đóng góp vào các giá trị chung của nhân loại<sup>1</sup>. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh cạnh tranh ảnh hưởng quốc tế ngày càng gia tăng, khi các quốc gia không chỉ cạnh tranh về sức mạnh kinh tế hay quân sự mà còn về sức hấp dẫn văn hóa và giá trị.

Ngoài tác động về mặt hình ảnh quốc gia, yoga còn mang lại lợi ích kinh tế đáng kể cho Ấn Độ. Sự phổ biến toàn cầu của yoga đã thúc đẩy sự phát triển của một

---

<sup>1</sup> Gond, Amrendra Pratap. 2023. "India's Soft Power Diplomacy." *American Journal of Public Diplomacy and International Studies* 1 (7): 94–103.

ngành công nghiệp lớn bao gồm đào tạo, du lịch, sản phẩm chăm sóc sức khỏe và các dịch vụ liên quan. Theo nhiều nghiên cứu, thị trường du lịch chăm sóc sức khỏe toàn cầu đã đạt giá trị hơn 800 tỷ USD vào năm 2022 và tiếp tục tăng trưởng nhanh chóng<sup>1</sup>. Ấn Độ đã tận dụng xu hướng này để phát triển du lịch yoga, thu hút du khách quốc tế đến các địa điểm nổi tiếng như Rishikesh, Varanasi hay Mysore. Qua đó, yoga không chỉ góp phần quảng bá văn hóa mà còn hỗ trợ phát triển kinh tế và tăng cường giao lưu nhân dân.

Tuy nhiên, việc sử dụng yoga như một công cụ sức mạnh mềm cũng đối mặt với một số thách thức. Một số học giả cho rằng việc thương mại hóa và toàn cầu hóa yoga có thể làm suy giảm tính xác thực của truyền thống này, khi nhiều thực hành yoga ở phương Tây chỉ tập trung vào các bài tập thể chất mà tách rời khỏi các yếu tố triết học và tâm linh ban đầu. Bên cạnh đó, việc chính trị hóa yoga trong một số bối cảnh nội bộ của Ấn Độ cũng có thể gây tranh cãi và ảnh hưởng đến sức hấp dẫn quốc tế của bộ môn này. Mặc dù vậy, yoga vẫn được xem là một trong những công cụ sức mạnh mềm hiệu quả nhất của Ấn Độ. Nhờ tính phổ quát, khả năng thích ứng cao và giá trị văn hóa sâu sắc, yoga đã giúp Ấn Độ xây dựng các kênh kết nối với công chúng toàn cầu, đồng thời củng cố vị thế của quốc gia này như một trung tâm văn minh và văn hóa trên thế giới.

Ấn Độ tương đối thành công trong việc khai thác các nguồn lực văn hóa như Bollywood và Yoga. Ấn Độ có cách tiếp cận linh hoạt, chuyên hóa các giá trị văn hóa thành nguồn lực sức mạnh mềm trên trường quốc tế. Thông qua việc kết hợp giữa sự lan tỏa tự nhiên của các sản phẩm văn hóa đại chúng với các chính sách hỗ trợ và thể chế hóa từ phía nhà nước, đặc biệt dưới thời Thủ tướng Narendra Modi, Ấn Độ đã từng bước định vị hình ảnh quốc gia như một nền văn minh giàu bản sắc, hòa bình và có sức hấp dẫn văn hóa toàn cầu. Thành công tương đối của chiến lược này cho thấy văn hóa không chỉ là yếu tố của bản sắc dân tộc mà còn

---

<sup>1</sup> Sands, Roger. 2023. "The Global Wellness Tourism Sector Surpasses \$814 Billion Market Share." Forbes. <https://www.forbes.com/sites/rogersands/2023/11/17/the-global-wellness-tourism-sector-surpasses-814-billion-market-share/?sh=560c7a9ad9da>

có thể trở thành một công cụ quan trọng trong chính sách đối ngoại và xây dựng hình ảnh quốc gia.

### **3. Hàm ý chính sách đối với Việt Nam**

Trong bối cảnh cạnh tranh ảnh hưởng ngày càng gia tăng, kinh nghiệm của Ấn Độ đã gợi mở nhiều bài học tham chiếu cho các quốc gia đang phát triển về cách thức nhận diện, phát huy và quảng bá các giá trị văn hóa đặc trưng nhằm nâng cao vị thế và sức hấp dẫn của quốc gia trên trường quốc tế. Trên cơ sở đó, việc nghiên cứu và vận dụng một cách phù hợp những kinh nghiệm của Ấn Độ có thể góp phần định hình các định hướng chính sách nhằm phát huy hiệu quả hơn sức mạnh mềm của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Quan điểm coi văn hóa là nguồn lực quan trọng của sức mạnh quốc gia đã được hình thành từ rất sớm trong quan điểm, định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam và từng bước được phát triển, hoàn thiện qua các giai đoạn lịch sử. Đề cương về Văn hóa Việt Nam 1943 đã đề cập văn hóa là một trong ba mặt trận của cách mạng bên cạnh chính trị và kinh tế, đồng thời nhấn mạnh vai trò trung tâm của con người và nhân dân như chủ thể sáng tạo, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa. Đề cương về Văn hóa Việt Nam năm 1943 đã đặt nền tảng lý luận cho việc xây dựng nền văn hóa mới với ba nguyên tắc cơ bản “dân tộc – khoa học – đại chúng”<sup>1</sup>, qua đó khẳng định văn hóa không chỉ là lĩnh vực đời sống tinh thần mà còn gắn chặt với sự nghiệp giải phóng dân tộc và phát triển đất nước.

Tư tưởng này tiếp tục được kế thừa và phát triển trong các văn kiện của Đảng qua nhiều kỳ đại hội, trong đó văn hóa luôn được xem là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển. Trong thời kỳ đổi mới, nhận thức về vai trò của văn hóa ngày càng được nhấn mạnh thông qua nhiều nghị quyết quan trọng của Đảng, tiêu biểu như Nghị quyết 05-NQ/TW, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII và Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt

---

<sup>1</sup> <https://nhandan.vn/special/decuongvanhoavietnam/index.html>

Nam... từng bước đưa văn hóa Việt Nam đến với thế giới."<sup>1</sup> Sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam là một thành tố quan trọng cấu thành nên sức mạnh tổng hợp quốc gia và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu. Các văn kiện này đều khẳng định văn hóa là “hồn cốt của dân tộc”, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội và góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong quan hệ quốc tế. Gần đây, Nghị quyết 80-NQ/TW của Bộ Chính trị đã tiếp tục phát triển tư duy lý luận về văn hóa khi lần đầu tiên xác định văn hóa không chỉ là “nền tảng” mà còn là “trụ cột” và “hệ điều tiết” của quá trình phát triển nhanh và bền vững đất nước.<sup>2</sup> Cùng với chính trị, kinh tế và xã hội, văn hóa được xác định là một trong bốn trụ cột của phát triển quốc gia.<sup>3</sup> Cách tiếp cận này phản ánh bước tiến mới trong nhận thức lý luận và thực tiễn về vai trò của văn hóa trong giai đoạn phát triển hiện nay, đồng thời khẳng định tầm quan trọng của việc phát huy các giá trị văn hóa như một nguồn lực nội sinh và một yếu tố quan trọng của sức mạnh mềm quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh ảnh hưởng ngày càng gia tăng, việc xây dựng và phát huy nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc không chỉ góp phần củng cố nền tảng tinh thần của xã hội mà còn tạo điều kiện để Việt Nam nâng cao hình ảnh, uy tín và sức hấp dẫn trên trường quốc tế.

Việt Nam sở hữu nhiều nguồn lực văn hóa quan trọng có thể khai thác để phát huy sức mạnh mềm quốc gia. Trước hết, nguồn lực con người giữ vai trò trung tâm trong quá trình sáng tạo, bảo tồn và lan tỏa các giá trị văn hóa. Con người Việt Nam với truyền thống lịch sử lâu đời, tinh thần cộng đồng, khả năng thích ứng và sáng tạo trong giao lưu văn hóa quốc tế chính là chủ thể hình thành và truyền tải bản sắc văn hóa dân tộc ra thế giới. Đây cũng là yếu tố then chốt giúp các giá trị văn hóa Việt Nam có thể được tiếp nhận và lan tỏa trong bối cảnh toàn cầu hóa.

---

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, tr.145-147

<sup>2</sup> [https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-tieu-diem/-/asset\\_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/nhung-van-de-moi-cot-loi-trong-nghi-quyet-so-80-nq-tw-cua-bo-chinh-tri-ve-phat-trien-van-hoa-viet-nam](https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-tieu-diem/-/asset_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/nhung-van-de-moi-cot-loi-trong-nghi-quyet-so-80-nq-tw-cua-bo-chinh-tri-ve-phat-trien-van-hoa-viet-nam)

<sup>3</sup> <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/nghi-quyet-so-80-nq-tw-ve-phat-trien-van-hoa-viet-nam-119260113133313565.htm>

Bên cạnh đó, nguồn lực sản phẩm và không gian văn hóa của Việt Nam cũng hết sức phong phú. Những nguồn lực này được kết tinh từ điều kiện tự nhiên, lịch sử và quá trình sáng tạo của con người, được vật thể hóa thông qua hệ thống di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Nhiều giá trị văn hóa tiêu biểu của Việt Nam đã được UNESCO ghi danh như Vịnh Hạ Long, Quần thể di tích Cố đô Huế hay các di sản phi vật thể như Nhã nhạc cung đình Huế và Dân ca Quan họ. Ngoài ra, nhiều sản phẩm văn hóa sáng tạo của con người Việt Nam như ẩm thực, điện ảnh, âm nhạc và du lịch văn hóa cũng đang ngày càng trở thành những kênh quan trọng để quảng bá hình ảnh quốc gia. Khi được khai thác và phát huy hiệu quả, các nguồn lực này không chỉ góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc mà còn tạo nên tảng quan trọng để Việt Nam gia tăng sức hấp dẫn và ảnh hưởng mềm trong quan hệ quốc tế.

Trên cơ sở các quan điểm, chủ trương của Đảng và những nguồn lực văn hóa sẵn có, việc phát huy văn hóa như một nguồn lực của sức mạnh mềm quốc gia cần được triển khai thông qua một số định hướng và giải pháp chính sách cụ thể.

Thứ nhất, cần tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển và quảng bá sức mạnh mềm văn hóa gắn với chiến lược phát triển quốc gia và chính sách đối ngoại. Điều này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức văn hóa, doanh nghiệp và cộng đồng sáng tạo trong việc xây dựng thương hiệu quốc gia dựa trên các giá trị văn hóa đặc trưng của Việt Nam. Đồng thời, cần đẩy mạnh ngoại giao văn hóa và ngoại giao công chúng, qua đó tăng cường sự hiện diện của văn hóa Việt Nam trong đời sống văn hóa quốc tế thông qua các hoạt động giao lưu, sự kiện văn hóa và hợp tác quốc tế.

Thứ hai, cần chú trọng phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo nhằm chuyển hóa các giá trị văn hóa thành những sản phẩm có khả năng lan tỏa rộng rãi trên thị trường quốc tế. Những lĩnh vực như điện ảnh, âm nhạc, ẩm thực, du lịch văn hóa và truyền thông số có tiềm năng lớn trong việc quảng bá hình ảnh quốc gia, đồng thời góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Kinh nghiệm từ sự phát triển của Bollywood cho thấy khi các sản phẩm văn hóa đại chúng được kết

hợp với chính sách hỗ trợ phù hợp và chiến lược quảng bá hiệu quả, chúng có thể trở thành công cụ quan trọng trong việc lan tỏa bản sắc văn hóa và gia tăng ảnh hưởng quốc tế của một quốc gia.

Thứ ba, cần tăng cường đầu tư cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, đồng thời kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và khai thác các giá trị văn hóa trong phát triển kinh tế – xã hội. Việc phát huy hiệu quả các di sản đã được UNESCO ghi danh không chỉ góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc mà còn tạo điều kiện để nâng cao sức hấp dẫn của hình ảnh Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế.

Cuối cùng, cần chú trọng phát huy vai trò của con người là chủ thể sáng tạo và lan tỏa các giá trị văn hóa. Việc đầu tư cho giáo dục, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa – nghệ thuật, cũng như khuyến khích sự tham gia của thế hệ trẻ trong các hoạt động sáng tạo văn hóa sẽ góp phần hình thành những sản phẩm văn hóa có giá trị và khả năng cạnh tranh quốc tế. Khi các nguồn lực con người và nguồn lực văn hóa được kết hợp với định hướng chính sách phù hợp, văn hóa Việt Nam có thể trở thành một nguồn lực quan trọng giúp nâng cao sức hấp dẫn quốc gia và mở rộng ảnh hưởng mềm của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Joseph S.Nye Jr (1990), “Soft Power”, *Foreign Policy*, No. 80, Twentieth Anniversary, pp. 153-171
2. Joseph S.Nye Jr (1999), “Redefining The National Interest”, *Foreign Affairs*, 7-8/1999, p. 35
3. Joseph S. Nye Jr (2004), *Soft Power: The Means to Success in World Politics*, NY: Public Affairs, Persues Book Group, p. 10
4. Gautam, Aavriti, and Julian Droogan (2018), “Yoga Soft Power: How Flexible is the Posture?” *The Journal of International Communication* 24 (1): 18–36, <https://doi.org/10.1080/13216597.2017.1388829>
5. Kugiel, Patryk (2017), *India’s Soft Power: A New Foreign Policy Strategy*. London: Routledge.
6. Wagner, Christian (2010), “India’s Soft Power: Prospects and Limitations.” *Indian Quarterly* 66 (4): 333–342. <https://www.jstor.org/stable/45073139>(open in a new window).

7. Blarel, Nicolas (2012), *India: The Next Superpower*. Edited by Nicholas Kitchen. London: LSE Ideas.
8. Ramabadrnan, Sudarshan (2023), *Strengthening India's Global Influence through a Sound Public Diplomacy Policy*, New Delhi: Observer Research Foundation.
9. Huang, Christine, Moira Fagan, and Sneha Gabbala (2023), *Views of India Lean Positive Across 23 Countries*, Washington, DC: Pew Research Center.
10. Pillania, R. K. (2008), *The globalization of Bollywood: An exploratory study*. *Global Business Review*, 9(1), 127–136, <https://doi.org/10.1177/097215090700900109>.
11. Pillania, R. K. (2008), "The globalization of Bollywood: An exploratory study", *Global Business Review*, 9(1), 127–136, <https://doi.org/10.1177/097215090700900109>
12. Sari, N. (2016), "The influence of Bollywood movies on cultural globalization (Undergraduate thesis)". Universitas Muhammadiyah Yogyakarta.
13. Pillania, R. K. (2008), "The globalization of Bollywood: An exploratory study". *Global Business Review*, 9(1), 127–136, <https://doi.org/10.1177/097215090700900109>
14. Thussu, D. K. (2013), "Communicating India's soft power: Buddha to Bollywood", Routledge.
15. Great Lakes Institute of Management (2019), "Exploring export potential of Indian movies: A comparative advantage analysis of the Indian film industry", *Great Lakes Herald*, 13(1), 34-48, <https://www.greatlakes.edu.in/herald/>
16. Feuerstein, G. (2012), "The Yoga Tradition: Its History, Literature, Philosophy and Practice", Hohm Press.
17. Samuel, G. (2008), "The Origins of Yoga and Tantra: Indic Religions to the Thirteenth Century", Cambridge University Press.
18. Sarbacker, S. R. (2005), "Samadhi: The Numinous and Cessative in Indo-Tibetan Yoga", SUNY Press.
19. James Mallinson, Mark Singleton (2017), "Roots of Yoga", Penguin Classics
20. Mahapatra, Debidatta Aurobinda (2016), "From a Latent to a 'Strong' Soft Power? The Evolution of India's Cultural Diplomacy." *Palgrave Communications* 2:1–11. <https://doi.org/10.1057/palcomms.2016.91>.
21. Mazumdar, Arijit (2018), "India's Soft Power Diplomacy Under the Modi Administration: Buddhism, Diaspora and Yoga", *Asian Affairs* XLIX (III): 468–491, <https://doi.org/10.1080/03068374.2018.1487696>.
22. Gond, Amrendra Pratap (2023), "India's Soft Power Diplomacy", *American Journal of Public Diplomacy and International Studies* 1 (7): 94–103.

- 23.Sands, Roger (2023), “The Global Wellness Tourism Sector Surpasses \$814 Billion Market Share”, Forbes, <https://www.forbes.com/sites/rogersands/2023/11/17/the-global-wellness-tourism-sector-surpasses-814-billion-market-share/?sh=560c7a9ad9da>
- 24.<https://nhandan.vn/special/decuongvanhoavietnam/index.html>
- 25.Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, tr.145-147
- 26.Trịnh Văn Quyết (2026), "Những vấn đề mới, cốt lõi trong Nghị quyết số 80-NQ/TW, của Bộ Chính trị “Về phát triển văn hóa Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản, [https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-tieu-diem/-/asset\\_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/nhung-van-de-moi-cot-loi-trong-nghi-quyet-so-80-nq-tw-cua-bo-chinh-tri-ve-phat-trien-van-hoa-viet-nam-](https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-tieu-diem/-/asset_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/nhung-van-de-moi-cot-loi-trong-nghi-quyet-so-80-nq-tw-cua-bo-chinh-tri-ve-phat-trien-van-hoa-viet-nam-)
- 27.TOÀN VĂN: Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam (2026), Báo điện tử Chính phủ, <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/nghi-quyet-so-80-nq-tw-ve-phat-trien-van-hoa-viet-nam-119260113133313565.htm>

# **CỘNG ĐỒNG KIỀU DÂN - NGUỒN LỰC CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG QUYỀN LỰC MỀM, QUYỀN LỰC CẤU TRÚC VÀ ẢNH HƯỞNG XUYÊN QUỐC GIA CỦA ẤN ĐỘ**

**TS Nguyễn Thị Thanh Vân**

Trong nghiên cứu quan hệ quốc tế đương đại, cộng đồng kiều dân ngày càng được nhìn nhận không chỉ như một hiện tượng xã hội - dân cư, mà còn như một nguồn lực chiến lược có khả năng tác động đến sức mạnh tổng hợp quốc gia. Đối với Ấn Độ, cộng đồng kiều dân không đơn thuần là bộ phận dân cư sinh sống bên ngoài biên giới lãnh thổ, mà đã trở thành một mạng lưới xuyên quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc mở rộng ảnh hưởng, gia tăng kết nối quốc tế và hỗ trợ triển khai các mục tiêu đối ngoại dài hạn. Trong bối cảnh toàn cầu hóa gắn với cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, giá trị của cộng đồng kiều dân càng nổi bật, bởi đây là lực lượng vừa mang bản sắc Ấn Độ, vừa có khả năng hội nhập và tác động trực tiếp tới các trung tâm kinh tế, chính trị, công nghệ và tri thức hàng đầu thế giới.

Xét về quy mô và mức độ phân bố, cộng đồng kiều dân Ấn Độ là một trong những cộng đồng lớn nhất thế giới, hiện diện tại nhiều khu vực chiến lược như Bắc Mỹ, châu Âu, Trung Đông, châu Phi, Đông Nam Á và châu Đại Dương. Sự phân bố này tạo cho Ấn Độ một lợi thế hiếm có: thay vì chỉ hiện diện thông qua các thiết chế ngoại giao chính thức, nước này còn có một “hạ tầng xã hội toàn cầu” được duy trì bởi chính những người gốc Ấn ở nước ngoài. Nói cách khác, nếu các đại sứ quán và cơ quan đối ngoại là cánh tay chính thức của quốc gia, thì cộng đồng kiều dân chính là cánh tay xã hội, văn hóa, kinh tế phi chính thức, nhưng lại có độ thâm thấu sâu hơn vào đời sống sở tại. Đó là một dạng hiện diện quốc tế không phô trương, nhưng bền bỉ và hiệu quả.

Điểm đáng chú ý hơn cả là cộng đồng kiều dân Ấn Độ không chỉ đông về số lượng mà còn mạnh về chất lượng. Ở nhiều nước phát triển, đặc biệt là Hoa Kỳ, Anh, Canada hay Australia, người gốc Ấn có tỷ lệ hiện diện nổi bật trong các lĩnh vực

có giá trị gia tăng cao như công nghệ thông tin, tài chính, giáo dục đại học, y tế, nghiên cứu khoa học và quản trị doanh nghiệp. Việc nhiều cá nhân gốc Ấn đảm nhiệm vị trí lãnh đạo trong các tập đoàn công nghệ toàn cầu, các trung tâm đổi mới sáng tạo, hoặc có ảnh hưởng nhất định trong đời sống chính trị - xã hội của nước sở tại đã làm thay đổi căn bản cách nhìn về vai trò của kiều dân. Họ không còn chỉ là lực lượng gửi kiều hối hay duy trì liên hệ với quê hương, mà đã trở thành những điểm nút ảnh hưởng trong mạng lưới quyền lực toàn cầu. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng, bởi trong thời đại kinh tế tri thức, quyền lực quốc gia không chỉ được đo bằng lãnh thổ, quân sự hay tài nguyên, mà ngày càng phụ thuộc vào khả năng tham gia và định hình các mạng lưới tri thức, công nghệ, tài chính và dư luận quốc tế.

Dưới góc độ lý luận, vai trò của kiều dân Ấn Độ có thể được lý giải trước hết bằng khái niệm sức mạnh mềm. Theo Joseph Nye, sức mạnh mềm là khả năng đạt được mục tiêu thông qua sự hấp dẫn thay vì cưỡng ép hay mua chuộc. Nếu văn hóa, giá trị và chính sách là ba nguồn chủ yếu của sức mạnh mềm, thì cộng đồng kiều dân chính là một trong những kênh hiệu quả nhất để chuyển tải ba nguồn lực này ra bên ngoài. Đối với Ấn Độ, kiều dân vừa trực tiếp lan tỏa hình ảnh về một đất nước có nền văn minh lâu đời, giàu bản sắc và năng động trong hội nhập, vừa gián tiếp tạo dựng uy tín thông qua thành công cá nhân của chính họ ở nước ngoài. Một kỹ sư gốc Ấn thành công tại Thung lũng Silicon, một giáo sư gốc Ấn tại đại học danh tiếng, hay một nghị sĩ gốc Ấn trong bộ máy chính trị phương Tây, tự thân họ đã là những “chứng chỉ uy tín” làm tăng sức hấp dẫn của Ấn Độ trong con mắt quốc tế. Như vậy, kiều dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách đối ngoại, mà còn là chủ thể đồng kiến tạo hình ảnh quốc gia.

Không dừng lại ở khía cạnh sức mạnh mềm, cộng đồng kiều dân Ấn Độ còn có thể được xem như một bộ phận của quyền lực cấu trúc. Theo cách tiếp cận của Susan Strange, quyền lực không chỉ nằm ở việc buộc người khác phải làm điều mình muốn, mà còn nằm ở khả năng định hình các cấu trúc mà trong đó các chủ thể khác phải vận hành. Trong thực tế, sự hiện diện rộng khắp của người Ấn trong

các lĩnh vực công nghệ, tài chính, giáo dục, y tế và quản trị đã giúp Ấn Độ có vị trí thuận lợi hơn trong việc tiếp cận, kết nối và ảnh hưởng đến các cấu trúc toàn cầu đang định hình thế kỷ XXI. Một quốc gia sẽ có ưu thế hơn nếu công dân hoặc người gốc của quốc gia đó hiện diện ở những vị trí then chốt trong chuỗi giá trị toàn cầu, trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, trong các định chế học thuật hay các mạng lưới chính sách quốc tế. Theo nghĩa đó, cộng đồng kiều dân giúp Ấn Độ không chỉ “được biết đến”, mà còn “được cài vào” trong chính những cấu trúc sản xuất tri thức, sản xuất công nghệ và điều phối nguồn lực của thế giới hiện đại. Đây là một lợi thế chiến lược rất sâu, bởi nó giúp gia tăng ảnh hưởng quốc gia theo cách ít đối đầu nhưng bền vững.

Một phương diện quan trọng khác là khả năng của cộng đồng kiều dân trong việc tạo ra các dòng chảy xuyên quốc gia có lợi cho Ấn Độ. Trước đây, khi nói đến đóng góp của kiều dân, người ta thường nhấn mạnh đến kiều hối. Quả thực, nguồn kiều hối từ cộng đồng người Ấn ở nước ngoài có giá trị rất lớn, góp phần hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô, tăng nguồn ngoại tệ và nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng ở khía cạnh tài chính thì sẽ chưa phản ánh hết ý nghĩa chiến lược của cộng đồng này. Quan trọng hơn là các dòng chảy phi vật chất: dòng chảy tri thức, dòng chảy công nghệ, dòng chảy chuẩn mực quản trị, dòng chảy thông tin thị trường và dòng chảy kết nối chính sách. Chính những dòng chảy này giúp Ấn Độ rút ngắn khoảng cách với các trung tâm phát triển, tiếp cận nhanh hơn với thành tựu khoa học – công nghệ, và nâng cao năng lực hội nhập vào các mạng lưới giá trị toàn cầu. Nói cách khác, kiều dân không chỉ gửi tiền về nước, mà còn “gửi về” cả kinh nghiệm, tư duy, chuẩn mực và cơ hội.

Từ góc nhìn chiến lược, giá trị lớn nhất của cộng đồng kiều dân Ấn Độ nằm ở chỗ họ tạo ra cầu nối đa tầng giữa Ấn Độ với thế giới. Đó không chỉ là cầu nối giữa nhà nước với nhà nước, mà còn là cầu nối giữa doanh nghiệp với thị trường, giữa trường đại học với trung tâm nghiên cứu, giữa xã hội với xã hội, giữa văn hóa với công chúng quốc tế. Chính nhờ những cây cầu này, Ấn Độ có thể mở rộng ảnh hưởng của mình không chỉ theo chiều rộng, mà còn theo chiều sâu. Một quốc gia

có thể ký kết nhiều hiệp định, mở nhiều cơ quan đại diện, nhưng nếu không có các kết nối xã hội đủ mạnh, ảnh hưởng của quốc gia đó sẽ vẫn hạn chế. Ngược lại, cộng đồng kiều dân giúp Ấn Độ tạo ra một dạng “ngoại giao xã hội” bền vững, trong đó ảnh hưởng được nuôi dưỡng bằng tương tác hàng ngày, bằng mạng lưới nghề nghiệp, bằng quan hệ cộng đồng và bằng sức lan tỏa văn hóa.

Vai trò của kiều dân Ấn Độ phản ánh một xu thế lớn của quan hệ quốc tế hiện đại: ranh giới giữa đối nội và đối ngoại, giữa trong nước và ngoài nước, giữa công dân và nguồn lực chiến lược ngày càng trở nên linh hoạt hơn. Trong bối cảnh đó, một quốc gia biết tổ chức, kết nối và huy động cộng đồng kiều dân của mình sẽ có thêm một tầng sức mạnh mà những cách tiếp cận truyền thống khó có thể tạo ra. Ấn Độ là một ví dụ điển hình cho việc chuyển hóa cộng đồng kiều dân thành một phần của sức mạnh quốc gia mở rộng. Đây không phải là sự thay thế cho ngoại giao nhà nước hay sức mạnh kinh tế – quân sự, mà là sự bổ sung quan trọng, giúp quốc gia tăng tính linh hoạt, độ bao phủ và chiều sâu ảnh hưởng trong một thế giới ngày càng phụ thuộc vào mạng lưới.

### **Kiêu dân Ấn Độ trong triển khai chiến lược “đa liên kết”: Cơ chế kết nối linh hoạt và gia tăng ảnh hưởng**

Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gia tăng và trật tự quốc tế chuyển dịch theo hướng đa cực, Ấn Độ đã từng bước điều chỉnh tư duy đối ngoại từ mô hình “không liên kết” truyền thống sang cách tiếp cận linh hoạt hơn, thường được gọi là chiến lược “đa liên kết” (multi-alignment). Khác với việc đứng ngoài các liên minh đối đầu trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, chiến lược hiện nay của Ấn Độ cho phép quốc gia này đồng thời phát triển quan hệ với nhiều trung tâm quyền lực khác nhau như Hoa Kỳ, Nga, Liên minh châu Âu, Nhật Bản và các quốc gia trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, trên cơ sở bảo đảm tối đa lợi ích quốc gia và duy trì quyền tự chủ chiến lược.<sup>1</sup>

Trong cấu trúc chiến lược đó, cộng đồng kiều dân Ấn Độ nổi lên như một cơ chế kết nối linh hoạt mang tính chất “ngoại giao xã hội”, giúp bổ trợ cho các kênh ngoại giao chính thức. Thay vì chỉ dựa vào các thiết chế nhà nước, Ấn Độ tận

dụng mạng lưới kiều dân để mở rộng không gian ảnh hưởng theo cách ít đối đầu, nhưng có độ thâm thấu sâu vào xã hội sở tại. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các quan hệ quốc tế ngày nay không chỉ được định hình bởi các thỏa thuận liên chính phủ, mà còn bởi các mạng lưới kinh tế, công nghệ và xã hội xuyên quốc gia.

Tại Hoa Kỳ, cộng đồng người Mỹ gốc Ấn đã trở thành một trong những nhóm dân cư có trình độ cao và mức độ ảnh hưởng đáng kể trong các lĩnh vực công nghệ, tài chính và giáo dục. Sự hiện diện của họ trong các tập đoàn công nghệ lớn, các trường đại học danh tiếng và thậm chí trong hệ thống chính trị đã góp phần tạo ra một nền tảng xã hội thuận lợi cho việc thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược Ấn - Mỹ. Theo nghiên cứu của Kapur, kiều dân không chỉ đóng vai trò trung gian kết nối, mà còn có khả năng “định hình diễn ngôn chính sách” thông qua ảnh hưởng của họ trong các mạng lưới tri thức và quyền lực tại nước sở tại.<sup>2</sup> Điều này giúp Ấn Độ tiếp cận các trung tâm quyền lực không chỉ bằng kênh ngoại giao chính thức, mà còn thông qua các “điểm nút xã hội” có sức ảnh hưởng thực chất.

Tại khu vực Trung Đông, vai trò của kiều dân Ấn Độ lại thể hiện rõ nét ở khía cạnh kinh tế - lao động. Hàng triệu lao động Ấn Độ đang làm việc tại các quốc gia vùng Vịnh đã tạo ra một mạng lưới kinh tế - xã hội bền vững, góp phần duy trì quan hệ hợp tác năng lượng và thương mại giữa Ấn Độ với khu vực này. Nguồn kiều hối lớn từ Trung Đông không chỉ hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô của Ấn Độ, mà còn củng cố mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, qua đó tạo ra một dạng “liên kết mềm” nhưng có ý nghĩa chiến lược lâu dài.<sup>3</sup>

Ở khu vực Đông Nam Á, cộng đồng người Ấn đóng vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa chính sách “Hành động hướng Đông” (Act East Policy), qua đó tăng cường sự hiện diện của Ấn Độ trong một khu vực có ý nghĩa địa chiến lược quan trọng. Thông qua các hoạt động kinh doanh, giao lưu văn hóa và kết nối cộng đồng, kiều dân giúp tạo dựng một nền tảng xã hội cho quan hệ Ấn Độ - ASEAN. Theo khảo sát của ISEAS – Yusof Ishak Institute, nhận thức của các quốc gia Đông Nam Á về vai trò của Ấn Độ đang có xu hướng tích cực hơn, trong đó các

yếu tố giao lưu nhân dân và văn hóa – vốn gắn chặt với cộng đồng kiều dân đóng vai trò đáng kể trong việc xây dựng lòng tin chiến lược.<sup>4</sup>

Thông qua cộng đồng kiều dân, Ấn Độ có thể triển khai chiến lược đa liên kết mà không cần phải lựa chọn “đứng về phe nào” trong các cấu trúc cạnh tranh quyền lực. Thay vào đó, nước này có thể đồng thời duy trì quan hệ với nhiều đối tác, tận dụng lợi ích từ các cấu trúc khác nhau, đồng thời giảm thiểu rủi ro chính trị. Như Tellis đã chỉ ra, chiến lược của Ấn Độ không nhằm tối đa hóa liên minh, mà nhằm tối đa hóa “không gian chiến lược” thông qua sự linh hoạt trong kết nối và hợp tác.<sup>5</sup>

Cộng đồng kiều dân có thể được xem như một “đòn bẩy phân tán” của chính sách đối ngoại, giúp Ấn Độ mở rộng ảnh hưởng mà không làm gia tăng căng thẳng địa chính trị. Không giống các công cụ quyền lực cứng, kiều dân không tạo ra phản ứng đối kháng trực tiếp, mà góp phần xây dựng các mối quan hệ dựa trên lợi ích chung, sự tin cậy và tương tác xã hội. Chính điều này làm cho vai trò của kiều dân trở nên đặc biệt phù hợp với chiến lược đa liên kết – một chiến lược đòi hỏi sự linh hoạt, cân bằng và khả năng thích ứng cao trong một môi trường quốc tế đầy biến động.

### **Kiêu dân Ấn Độ và quảng bá văn hóa: Cơ chế lan tỏa sức mạnh mềm trong không gian toàn cầu**

Trong cấu trúc quyền lực hiện đại, văn hóa ngày càng trở thành một trụ cột quan trọng của sức mạnh mềm quốc gia, góp phần định hình hình ảnh, gia tăng sức hấp dẫn và tạo dựng ảnh hưởng bền vững trong quan hệ quốc tế. Đối với Ấn Độ, một quốc gia sở hữu nền văn minh lâu đời, đa dạng và giàu bản sắc, việc chuyển hóa nguồn lực văn hóa thành sức mạnh mềm không thể tách rời vai trò của cộng đồng kiều dân. Trong nhiều trường hợp, chính kiều dân là lực lượng trung gian quan trọng, giúp các giá trị văn hóa không chỉ được truyền tải ra bên ngoài, mà còn được “tái định nghĩa” và thích ứng trong các bối cảnh xã hội khác nhau.

Theo cách tiếp cận của Joseph Nye, sức mạnh mềm không chỉ đến từ bản thân các giá trị văn hóa, mà còn phụ thuộc vào khả năng khiến các giá trị đó trở nên hấp dẫn và dễ tiếp nhận đối với công chúng quốc tế. Trong trường hợp Ấn Độ, cộng đồng kiều dân chính là kênh quan trọng giúp hiện thực hóa quá trình này. Không giống các chương trình quảng bá mang tính nhà nước, sự lan tỏa văn hóa thông qua kiều dân diễn ra một cách tự nhiên, thông qua đời sống thường nhật, các hoạt động cộng đồng và mạng lưới xã hội tại nước sở tại. Điều này giúp văn hóa Ấn Độ không bị cảm nhận như một “sản phẩm ngoại lai”, mà dần trở thành một phần của đời sống văn hóa địa phương.

Một trong những ví dụ điển hình là sự lan tỏa toàn cầu của yoga. Từ một thực hành gắn với triết lý và tôn giáo Ấn Độ, yoga đã trở thành một hiện tượng văn hóa, xã hội mang tính toàn cầu, được hàng triệu người trên thế giới thực hành như một phương thức chăm sóc sức khỏe và cân bằng tinh thần. Việc Liên Hợp Quốc công nhận Ngày Quốc tế Yoga năm 2014 không chỉ phản ánh thành công của ngoại giao văn hóa Ấn Độ, mà còn cho thấy mức độ thâm thấu sâu rộng của một giá trị văn hóa khi được lan tỏa thông qua các mạng lưới xã hội, trong đó cộng đồng kiều dân đóng vai trò quan trọng.

Bên cạnh yoga, điện ảnh Bollywood cũng là một công cụ lan tỏa văn hóa có ảnh hưởng rộng lớn. Không chỉ phục vụ nhu cầu giải trí, các sản phẩm điện ảnh Ấn Độ còn truyền tải những giá trị về gia đình, xã hội, tình cảm và bản sắc văn hóa đặc trưng. Theo nghiên cứu của Thussu, Bollywood đã trở thành một dạng “ngoại giao văn hóa đại chúng”, giúp định hình nhận thức tích cực về Ấn Độ trong mắt công chúng toàn cầu.<sup>3</sup> Điều đáng chú ý là, chính cộng đồng kiều dân đã đóng vai trò cầu nối trong việc phổ biến các sản phẩm văn hóa này, từ việc tổ chức chiếu phim, lễ hội đến việc phát triển các nền tảng phân phối nội dung.

Ẩm thực Ấn Độ cũng là một kênh quan trọng trong việc lan tỏa văn hóa. Các nhà hàng, khu phố và lễ hội ẩm thực do người Ấn tổ chức tại nhiều quốc gia đã giúp công chúng quốc tế tiếp cận trực tiếp với văn hóa Ấn Độ thông qua trải nghiệm cảm quan. Tương tự, các lễ hội truyền thống như Diwali hay Holi không chỉ được

duy trì trong cộng đồng kiều dân, mà còn thu hút sự tham gia của người bản địa, qua đó tạo ra sự giao thoa văn hóa và tăng cường hiểu biết lẫn nhau.

Từ góc độ cấu trúc, có thể thấy cộng đồng kiều dân đóng vai trò như một “hạ tầng xã hội” của sức mạnh mềm, giúp văn hóa Ấn Độ không chỉ được xuất khẩu, mà còn được nội địa hóa trong các môi trường khác nhau. Điều này khác biệt với các chiến dịch quảng bá mang tính ngắn hạn, bởi nó tạo ra một quá trình lan tỏa bền vững, gắn liền với các mối quan hệ xã hội và kinh tế lâu dài.

Một điểm quan trọng khác là sự kết hợp giữa cộng đồng kiều dân và chính sách văn hóa của nhà nước. Chính phủ Ấn Độ đã chủ động hỗ trợ và tận dụng vai trò của kiều dân thông qua các sáng kiến ngoại giao văn hóa, các chương trình kết nối cộng đồng và các hoạt động quảng bá hình ảnh quốc gia. Sự phối hợp giữa “ngoại giao nhà nước” và “ngoại giao xã hội” giúp gia tăng hiệu quả lan tỏa văn hóa, đồng thời bảo đảm tính nhất quán trong thông điệp và hình ảnh quốc gia.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng quá trình lan tỏa văn hóa thông qua kiều dân không phải lúc nào cũng diễn ra theo hướng đồng nhất. Trong nhiều trường hợp, các yếu tố văn hóa có thể bị biến đổi hoặc “tái cấu trúc” để phù hợp với thị hiếu và bối cảnh địa phương. Điều này đặt ra yêu cầu đối với Ấn Độ trong việc vừa khuyến khích sự linh hoạt, vừa duy trì những giá trị cốt lõi của bản sắc văn hóa.

### **Thách thức và giới hạn trong việc khai thác vai trò kiều dân: Những vấn đề đặt ra trong bối cảnh toàn cầu hóa và chính trị hóa xuyên quốc gia**

Mặc dù cộng đồng kiều dân Ấn Độ mang lại nhiều lợi thế chiến lược trong việc thúc đẩy sức mạnh mềm và hỗ trợ triển khai chính sách đối ngoại, việc khai thác nguồn lực này không phải không có những giới hạn và thách thức đáng kể. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự gia tăng của các yếu tố chính trị xuyên quốc gia, cộng đồng kiều dân vừa là nguồn lực, vừa có thể trở thành một biến số phức tạp, đòi hỏi cách tiếp cận tinh tế và cân bằng từ phía nhà nước.

Trước hết, một trong những thách thức mang tính cấu trúc là sự suy giảm mức độ gắn kết với quê hương qua các thế hệ. Đối với thế hệ di cư đầu tiên, mối liên hệ

với quốc gia gốc thường được duy trì mạnh mẽ thông qua ngôn ngữ, văn hóa, gia đình và các mạng lưới xã hội. Tuy nhiên, các thế hệ thứ hai, thứ ba có xu hướng hội nhập sâu hơn vào xã hội sở tại, từ đó hình thành bản sắc lai ghép và giảm dần mức độ gắn bó về chính trị – xã hội với quê hương. Theo Robin Cohen, đây là đặc điểm phổ biến của các cộng đồng diaspora hiện đại, trong đó “tính chất xuyên quốc gia” dần chuyển hóa thành “tính chất bản địa hóa” qua thời gian. Điều này đặt ra câu hỏi về tính bền vững của việc dựa vào kiều dân như một nguồn lực lâu dài cho chính sách đối ngoại.

Thứ hai, cộng đồng kiều dân Ấn Độ có mức độ đa dạng nội tại rất cao, bao gồm sự khác biệt về tôn giáo, ngôn ngữ, vùng miền, giai tầng xã hội và thậm chí là quan điểm chính trị. Sự đa dạng này phản ánh cấu trúc xã hội phức tạp của Ấn Độ, nhưng đồng thời cũng làm cho cộng đồng kiều dân khó có thể được huy động theo một định hướng thống nhất. Trong một số trường hợp, những khác biệt nội tại có thể dẫn đến xung đột lợi ích hoặc cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nhóm trong cộng đồng, từ đó làm giảm hiệu quả của việc sử dụng kiều dân như một công cụ chính sách.

Một thách thức quan trọng khác là nguy cơ “chính trị hóa” cộng đồng kiều dân trong bối cảnh chính trị nội bộ của nước sở tại. Khi kiều dân ngày càng tham gia sâu vào đời sống chính trị, kinh tế và xã hội của quốc gia tiếp nhận, họ có thể trở thành một phần của các tranh chấp chính trị nội địa, thậm chí bị lôi kéo vào các xung đột lợi ích hoặc cạnh tranh quyền lực. Điều này có thể tạo ra những hệ lụy không mong muốn đối với quốc gia gốc. Theo C. Raja Mohan, việc “quốc tế hóa” các vấn đề nội bộ thông qua cộng đồng kiều dân có thể dẫn đến những phản ứng tiêu cực từ phía nước sở tại, đặc biệt trong bối cảnh chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa bảo hộ đang gia tăng.

Ngoài ra, trong một số trường hợp, cộng đồng kiều dân có thể bị nhìn nhận như một “công cụ ảnh hưởng” của quốc gia gốc, từ đó làm gia tăng nghi ngại về an ninh và chủ quyền tại nước sở tại. Điều này đặc biệt nhạy cảm trong các lĩnh vực như công nghệ, tài chính và chính sách công, nơi các vấn đề về bảo mật và lợi ích

quốc gia được đặt lên hàng đầu. Việc cân bằng giữa tận dụng nguồn lực kiều dân và tránh tạo ra căng thẳng chính trị là một bài toán không dễ giải đối với Ấn Độ. Một khía cạnh khác cần lưu ý là giới hạn trong khả năng điều phối và kiểm soát của nhà nước đối với cộng đồng kiều dân. Không giống như các cơ quan nhà nước, kiều dân hoạt động trong môi trường pháp lý và xã hội của quốc gia sở tại, do đó không thể bị điều chỉnh trực tiếp bởi chính sách trong nước. Theo Kapur, mối quan hệ giữa nhà nước và cộng đồng kiều dân mang tính chất “lỏng lẻo nhưng có chọn lọc”, trong đó nhà nước chỉ có thể tác động thông qua các cơ chế khuyến khích, kết nối và định hướng, chứ không thể áp đặt. Điều này đồng nghĩa với việc hiệu quả của việc khai thác kiều dân phụ thuộc lớn vào mức độ tự nguyện và sự đồng thuận của chính cộng đồng này.

Cuối cùng, cần nhấn mạnh rằng việc quá phụ thuộc vào cộng đồng kiều dân có thể dẫn đến những rủi ro chiến lược, đặc biệt khi môi trường quốc tế thay đổi. Các yếu tố như khủng hoảng kinh tế, biến động chính trị hoặc thay đổi chính sách nhập cư tại nước sở tại có thể ảnh hưởng trực tiếp đến vị thế và khả năng đóng góp của kiều dân. Trong bối cảnh đó, nếu không có chiến lược đa dạng hóa nguồn lực, quốc gia có thể rơi vào tình trạng bị động trước các biến động bên ngoài.

### **Hàm ý chính sách đối với Việt Nam: Từ kinh nghiệm Ấn Độ đến định hướng phát huy nguồn lực kiều bào trong bối cảnh mới**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đã và đang trở thành một bộ phận quan trọng của sức mạnh tổng hợp quốc gia. Với hơn 5,3 triệu người sinh sống trên 130 quốc gia và vùng lãnh thổ, cộng đồng này không chỉ đóng góp đáng kể về kinh tế thông qua kiều hối, mà còn có tiềm năng lớn trong việc kết nối tri thức, công nghệ, văn hóa và quan hệ quốc tế. Việc nghiên cứu kinh nghiệm của Ấn Độ trong khai thác vai trò của kiều dân vì vậy mang ý nghĩa thiết thực, góp phần gợi mở những hướng đi chiến lược cho Việt Nam trong việc nâng cao vị thế quốc gia trong bối cảnh mới.

Trước hết, cần có sự chuyển đổi về tư duy trong cách tiếp cận đối với cộng đồng kiều bào. Nếu trước đây, kiều bào chủ yếu được nhìn nhận như một nguồn lực kinh tế thông qua kiều hối, thì trong giai đoạn hiện nay, cần mở rộng cách tiếp cận theo hướng coi kiều bào là một chủ thể của ngoại giao và lan tỏa sức mạnh mềm quốc gia. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: “Người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam”, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phát huy nguồn lực của cộng đồng này trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên cơ sở đó, chính sách đối với kiều bào cần được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển quốc gia, gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu đối ngoại, kinh tế và văn hóa.

Một trong những bài học quan trọng từ Ấn Độ là việc tận dụng cộng đồng kiều dân như một cầu nối chiến lược trong các mạng lưới tri thức và công nghệ toàn cầu. Đối với Việt Nam, trong bối cảnh chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức và thúc đẩy đổi mới sáng tạo, việc tăng cường kết nối với đội ngũ trí thức, chuyên gia và doanh nhân người Việt Nam ở nước ngoài có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Theo nhiều nghiên cứu, cộng đồng kiều bào có thể đóng vai trò như một “kênh chuyển giao tri thức phi chính thức”, giúp rút ngắn khoảng cách phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.<sup>2</sup> Điều này đòi hỏi Việt Nam cần xây dựng các cơ chế linh hoạt hơn trong việc thu hút, kết nối và tạo điều kiện cho kiều bào tham gia vào các lĩnh vực then chốt như khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo và đổi mới sáng tạo.

Bên cạnh đó, việc phát huy vai trò của kiều bào trong quảng bá văn hóa và hình ảnh quốc gia cũng cần được chú trọng hơn. Trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế ngày càng chuyển sang các lĩnh vực phi truyền thống, sức mạnh mềm – đặc biệt là văn hóa – trở thành một công cụ quan trọng để nâng cao vị thế quốc gia. Tương tự như cách Ấn Độ tận dụng kiều dân để lan tỏa yoga, ẩm thực hay điện ảnh, Việt Nam có thể khai thác cộng đồng kiều bào như những “đại sứ văn hóa” trong việc quảng bá các giá trị văn hóa dân tộc, từ ẩm thực, nghệ thuật đến ngôn ngữ và lối sống. Thông qua các hoạt động giao lưu văn hóa, lễ hội, giáo dục và truyền thông,

kiều bào có thể góp phần tạo dựng hình ảnh một Việt Nam năng động, hội nhập và giàu bản sắc.

Một khía cạnh quan trọng khác là việc kết hợp hiệu quả giữa ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân. Trong khi ngoại giao nhà nước đóng vai trò thiết lập khuôn khổ pháp lý và chính trị, thì ngoại giao nhân dân, trong đó cộng đồng kiều bào là lực lượng nòng cốt, lại giúp củng cố nền tảng xã hội cho các mối quan hệ quốc tế. Kinh nghiệm của Ấn Độ cho thấy, sự phối hợp giữa hai kênh này giúp gia tăng độ bền vững và chiều sâu của quan hệ đối ngoại. Đối với Việt Nam, việc phát huy vai trò của kiều bào trong ngoại giao nhân dân không chỉ giúp mở rộng mạng lưới quan hệ quốc tế, mà còn góp phần nâng cao mức độ tin cậy và hiểu biết lẫn nhau giữa Việt Nam và các đối tác.

Tuy nhiên, cũng cần nhận thức rõ rằng việc phát huy vai trò của kiều bào không thể tách rời khỏi việc giải quyết các thách thức nội tại. Tương tự như trường hợp Ấn Độ, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài cũng có sự đa dạng về thể hệ, điều kiện kinh tế, xã hội và mức độ gắn kết với quê hương. Do đó, chính sách đối với kiều bào cần được thiết kế theo hướng linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của từng nhóm đối tượng, đồng thời tăng cường các cơ chế kết nối lâu dài nhằm duy trì và củng cố mối liên hệ giữa kiều bào với trong nước.

Ngoài ra, trong bối cảnh môi trường quốc tế tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định, việc phát huy vai trò của kiều bào cũng cần gắn với yêu cầu bảo đảm lợi ích quốc gia dân tộc và tránh những tác động tiêu cực từ các yếu tố chính trị bên ngoài. Điều này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, cũng như sự chủ động trong việc định hướng và hỗ trợ cộng đồng kiều bào phát huy vai trò tích cực của mình.

## **Chú thích**

Ashley Tellis, *India's Grand Strategy*, Carnegie Endowment, 2016.

Devesh Kapur, *Diaspora, Development, and Democracy*, Princeton University Press, 2010.

World Bank, *Migration and Development Brief*, 2023.

ISEAS – Yusof Ishak Institute, *State of Southeast Asia Survey*, 2023.

Ashley Tellis, sdd.

# VAI TRÒ DẪN DẮT CỦA ÁN ĐỘ TRONG CÁC DIỄN ĐÀN PHƯƠNG NAM

TS Nguyễn Thu Hà

## Tóm tắt

*Bài viết phân tích vai trò dẫn dắt của Ấn Độ trong các diễn đàn Phương Nam từ nền tảng lịch sử đến thực tiễn hiện nay. Thông qua các cơ chế như G77 và Non-Aligned Movement, Ấn Độ từng bước khẳng định vai trò trong việc tập hợp lực lượng và điều hòa lợi ích giữa các nước đang phát triển. Vai trò này chủ yếu dựa trên ngoại giao chủ động, hợp tác Nam – Nam và tính chính danh chính trị. Tuy nhiên, Ấn Độ vẫn đối mặt với hạn chế về nguồn lực và sự phân hóa nội tại của Phương Nam toàn cầu. Nhìn tổng thể, Ấn Độ đang chuyển từ biểu tượng lịch sử sang một chủ thể điều phối có ảnh hưởng trong quản trị toàn cầu.*

Từ khóa: *Vai trò, dẫn dắt, Ấn Độ, diễn đàn Phương Nam*

## 1. Nền tảng lịch sử và sự hình thành vai trò của Ấn Độ trong diễn đàn phương Nam

Vai trò dẫn dắt của Ấn Độ trong các diễn đàn phương Nam toàn cầu là một chủ đề ngày càng thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu quan hệ quốc tế, nhất là trong bối cảnh cấu trúc quyền lực toàn cầu đang có những dịch chuyển sâu sắc. Nếu như trước đây, các nước phương Nam chủ yếu được nhìn nhận như những chủ thể ở bên lề của trật tự quốc tế do phương Tây chi phối, thì đến nay, cùng với sự trỗi dậy của nhiều nền kinh tế mới nổi, các diễn đàn phương Nam toàn cầu đang từng bước trở thành những không gian chính trị quan trọng để tập hợp lực lượng, điều phối lợi ích và định hình lại tiếng nói của thế giới đang phát triển. Trong tiến trình đó, Ấn Độ nổi lên như một quốc gia có tham vọng, có nền tảng lịch sử, có nguồn lực chiến lược và đặc biệt có ý thức rất rõ về vai trò của mình với tư cách một “đại diện”, một “người điều phối” và xa hơn là một “người dẫn dắt” của phương Nam toàn cầu.

Xét về phương diện lịch sử, Ấn Độ là một trong những quốc gia đặt nền móng sớm nhất cho tư tưởng và thực hành hợp tác phương Nam. Ngay từ giữa thế kỷ XX, trong làn sóng giải phóng dân tộc và chống chủ nghĩa thực dân, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Jawaharlal Nehru đã lựa chọn một đường lối đối ngoại đề cao độc lập, tự chủ, phản đối chính trị cường quyền và ủng hộ đoàn kết giữa các dân tộc Á, Phi, Mỹ Latinh. Từ tinh thần Bandung năm 1955 đến việc đồng sáng lập Phong trào Không liên kết năm 1961 và tham gia hình thành Nhóm 77 năm 1964, Ấn Độ không chỉ là một thành viên sáng lập, mà còn là một trong những quốc gia có ảnh hưởng tư tưởng rõ nét nhất đối với sự hình thành bản sắc chính trị của khối Nam. Trên thực tế, điều mà Ấn Độ theo đuổi từ giai đoạn này không đơn thuần là một liên kết chiến thuật giữa các nước nghèo hay đang phát triển, mà là nỗ lực xây dựng một trật tự quốc tế công bằng hơn, trong đó các quốc gia mới giành độc lập có quyền phát triển, quyền lựa chọn mô hình chính trị – kinh tế và quyền tham gia bình đẳng vào các thể chế toàn cầu.

Trong suốt nhiều thập niên, Ấn Độ duy trì hình ảnh của một quốc gia luôn gắn bó với các mục tiêu truyền thống của phương Nam toàn cầu: chống áp đặt, chống phân biệt đối xử trong kinh tế quốc tế, bảo vệ chủ quyền quốc gia, thúc đẩy hợp tác Nam – Nam và yêu cầu cải tổ các thiết chế toàn cầu theo hướng dân chủ hơn. Từ những lập trường tại Liên hợp quốc, G77, NAM cho đến các sáng kiến hợp tác kỹ thuật, đào tạo nhân lực và viện trợ phát triển, Ấn Độ từng bước tạo dựng vị thế là một tiếng nói có trọng lượng của thế giới đang phát triển. Điều đáng chú ý là vai trò đó không chỉ dựa trên quy mô dân số hay vị thế địa chính trị, mà còn được nuôi dưỡng bởi một hệ giá trị đối ngoại mà Ấn Độ thường xuyên nhấn mạnh, như tinh thần cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng sự đa dạng, đề cao phát triển bao trùm và khẳng định rằng lợi ích của phương Nam không thể tiếp tục bị đặt ở vị trí thứ yếu trong các quyết định mang tính toàn cầu.

## **2. Chiến lược tái định vị và các công cụ triển khai vai trò lãnh đạo**

Tuy nhiên, nếu chỉ nhìn Ấn Độ như một biểu tượng lịch sử của phong trào phương Nam thì sẽ chưa phản ánh đầy đủ thực tế hiện nay. Điểm đáng chú ý trong những

năm gần đây là Ấn Độ không chỉ kế thừa di sản cũ, mà đang chủ động tái định vị mình như một trung tâm quyền lực mới của phương Nam toàn cầu. Bối cảnh quốc tế hiện nay đã khác xa giai đoạn Chiến tranh Lạnh. Thế giới không còn bị chia cắt đơn giản thành hai cực ý thức hệ, mà đang chuyển sang trạng thái đa cực, đa trung tâm, với sự nổi lên của cạnh tranh nước lớn, khủng hoảng chuỗi cung ứng, biến đổi khí hậu, bất bình đẳng công nghệ, an ninh lương thực, nợ công và các vấn đề phát triển bền vững. Trong bức tranh đó, nhu cầu có một tiếng nói đại diện cho các nước đang phát triển ngày càng trở nên cấp thiết. Ấn Độ nhìn thấy cơ hội chiến lược ở đây: nếu biết khai thác tốt vị thế của mình, nước này có thể vừa củng cố ảnh hưởng quốc tế, vừa tạo ra một không gian chính trị thuận lợi cho các mục tiêu phát triển và an ninh của chính mình.

Nhiệm kỳ Chủ tịch Nhóm 20 nền kinh tế lớn năm 2023 là bước ngoặt quan trọng trong quá trình tái định vị đó. Khác với cách tiếp cận thuần túy kỹ trị của nhiều nước chủ tịch trước, Ấn Độ đã sử dụng G20 như một sân khấu để đưa phương Nam toàn cầu lên vị trí trung tâm của nghị trình quốc tế. Thông điệp mà Ấn Độ truyền đi rất rõ ràng: phần lớn dân số thế giới đang sống ở các nước đang phát triển, nhưng tiếng nói của họ chưa được phản ánh tương xứng trong cấu trúc quản trị toàn cầu. Từ nhận thức đó, Ấn Độ khởi xướng chuỗi Hội nghị “Voice of Global South” như một cơ chế tham vấn rộng rãi với hàng trăm quốc gia phương Nam, nhằm tập hợp quan điểm, ưu tiên và nguyện vọng của họ trước khi đưa vào các cuộc thảo luận của G20. Đây là một bước đi rất đáng chú ý, bởi nó cho thấy Ấn Độ không chỉ phát biểu thay cho phương Nam toàn cầu bằng danh nghĩa chính trị, mà cố gắng tạo ra một quy trình để thu nhận, tổng hợp và chuyển tải tiếng nói của các nước đang phát triển vào một diễn đàn quyền lực toàn cầu.

Về thực chất, thành công nổi bật nhất của Ấn Độ trong giai đoạn này là việc thúc đẩy Liên minh châu Phi trở thành thành viên chính thức của G20. Đây là bước tiến có ý nghĩa sâu rộng. Trước đó, châu Phi – một khu vực với hơn một tỷ dân và nhiều vấn đề phát triển cấp bách – vẫn chưa có vị thế tương xứng trong cơ chế điều phối kinh tế toàn cầu quan trọng này. Việc Liên minh châu Phi được kết nạp

không chỉ mở rộng tính đại diện của G20, mà còn củng cố lập luận của Ấn Độ rằng trật tự toàn cầu cần được điều chỉnh để phản ánh tốt hơn tiếng nói và lợi ích của các nước phương Nam. Chính trong hành động này, vai trò “dẫn dắt” của Ấn Độ thể hiện khá rõ: không chỉ kêu gọi về mặt nguyên tắc, mà còn tạo ra được kết quả thể chế cụ thể, có tác động vượt ra ngoài lợi ích quốc gia trực tiếp của mình. Song, vai trò của Ấn Độ trong các diễn đàn phương Nam toàn cầu không chỉ được thể hiện qua ngoại giao. Một trong những công cụ quan trọng giúp Ấn Độ củng cố ảnh hưởng là chính sách hợp tác phát triển Nam – Nam. Trong nhiều năm qua, Ấn Độ duy trì chương trình ITEC như một cơ chế đào tạo, bồi dưỡng năng lực và chuyển giao kinh nghiệm cho hàng chục nghìn cán bộ, chuyên gia đến từ hơn 160 quốc gia. Đây là một hình thức gây ảnh hưởng tương đối mềm nhưng hiệu quả, bởi nó xây dựng mạng lưới quan hệ lâu dài giữa Ấn Độ với bộ máy nhà nước, giới chuyên môn và tầng lớp tinh hoa của nhiều nước đang phát triển. Không dừng ở đó, Ấn Độ còn triển khai nhiều dự án hạ tầng, năng lượng, công nghệ, giáo dục và y tế tại châu Phi, châu Á và một số khu vực khác; đồng thời cung cấp vaccine cho hàng loạt quốc gia trong đại dịch COVID-19. Những hoạt động này giúp nước này tạo dựng hình ảnh một đối tác phát triển có trách nhiệm, sẵn sàng chia sẻ thành tựu trong các lĩnh vực mà mình có thế mạnh như dược phẩm, công nghệ số, đào tạo nhân lực hay năng lượng tái tạo.

Điểm đặc biệt trong cách tiếp cận của Ấn Độ là nước này không cố gắng cạnh tranh với các cường quốc bằng quy mô viện trợ tuyệt đối, mà nhấn mạnh vào tính phù hợp, tính chia sẻ kinh nghiệm và tính gắn gũi về hoàn cảnh phát triển. Nói cách khác, Ấn Độ tự xây dựng hình ảnh như một quốc gia “đi lên từ phương Nam” và vì vậy có khả năng hiểu rõ hơn các nhu cầu, khó khăn và ưu tiên của các nước đang phát triển khác. Chính cách kể chuyện đó giúp Ấn Độ tạo ra một thứ uy tín chính trị tương đối đặc thù: không phải uy tín của một nhà tài trợ giàu có, mà là uy tín của một đối tác đồng cảnh ngộ, đồng thời đã đạt được những thành tựu đủ lớn để có thể chia sẻ. Đây là nền tảng quan trọng trong chiến lược xây dựng hình

ảnh “bạn của thế giới”, đặc biệt là “bạn của phương Nam toàn cầu”, mà giới lãnh đạo Ấn Độ thường xuyên nhấn mạnh trong các phát biểu đối ngoại.

Bên cạnh hợp tác phát triển, Ấn Độ còn tích cực thúc đẩy các liên minh và cơ chế mới xoay quanh lợi ích của phương Nam. Liên minh Năng lượng Mặt trời Quốc tế là một ví dụ tiêu biểu, cho thấy Ấn Độ muốn dẫn dắt các sáng kiến không chỉ dừng ở diễn ngôn chính trị, mà còn đi vào các vấn đề phát triển cụ thể như năng lượng sạch, chuyển đổi xanh và tiếp cận công nghệ. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng trở thành vấn đề sống còn của các nước đang phát triển, những sáng kiến như vậy giúp Ấn Độ tăng thêm tính chính danh cho vai trò lãnh đạo của mình. Tương tự, trong các cơ chế như BRICS, IBSA hay các diễn đàn đối thoại với châu Phi, Ấn Độ cũng tìm cách lồng ghép mục tiêu quốc gia với yêu cầu rộng hơn của phương Nam, qua đó tạo ra cảm nhận rằng nước này đang đóng vai trò cầu nối giữa các khối, các khu vực và các chương trình nghị sự khác nhau.

### **3. Đánh giá vai trò lãnh đạo**

Dẫu vậy, nói đến vai trò dẫn dắt của Ấn Độ mà chỉ nhấn mạnh vào thành công thì sẽ thiếu cân bằng. Trên thực tế, vị thế lãnh đạo của Ấn Độ trong các diễn đàn phương Nam toàn cầu vẫn là một quá trình đang định hình, chứ chưa phải một thực tế hoàn toàn vững chắc. Trước hết, có một khoảng cách nhất định giữa diễn ngôn và năng lực thực thi. Ấn Độ có thể rất nổi bật ở khả năng khởi xướng, triệu tập và kiến tạo thông điệp, nhưng nguồn lực tài chính dành cho hợp tác phát triển của nước này vẫn còn tương đối khiêm tốn so với nhu cầu rất lớn của phương Nam toàn cầu. So với Trung Quốc – quốc gia có khả năng bơm vốn lớn cho hạ tầng, thương mại và đầu tư ở nhiều khu vực – Ấn Độ khó cạnh tranh bằng sức mạnh kinh tế thuần túy. Nếu Trung Quốc gây ảnh hưởng bằng quy mô nguồn lực, thì Ấn Độ chủ yếu gây ảnh hưởng bằng ngoại giao, hình ảnh và tính chính danh chính trị. Điều này khiến vai trò lãnh đạo của Ấn Độ có độ lan tỏa nhất định, nhưng chưa phải lúc nào cũng đủ sức chuyển hóa thành ảnh hưởng vật chất tương xứng.

Thứ hai, phương Nam toàn cầu bản thân nó không phải là một khối đồng nhất. Các nước trong nhóm này khác nhau sâu sắc về trình độ phát triển, thể chế chính trị, định hướng đối ngoại, nhu cầu chiến lược và mức độ phụ thuộc vào các trung tâm quyền lực lớn. Vì vậy, bất kỳ quốc gia nào muốn giữ vai trò dẫn dắt cũng đều phải đối diện với tình trạng phân tán lợi ích và cạnh tranh ảnh hưởng. Trong bối cảnh đó, Ấn Độ không phải là trung tâm duy nhất của phương Nam. Brazil có thể mạnh ở Mỹ Latinh và trong các diễn đàn về phát triển, khí hậu, công bằng xã hội; Nam Phi giữ vai trò nổi bật trong liên kết với châu Phi; trong khi Liên minh châu Phi ngày càng chủ động hơn trong việc xác lập vị thế của chính mình. Điều đó có nghĩa là Ấn Độ phải chia sẻ không gian lãnh đạo với nhiều chủ thể khác, chứ không thể độc quyền tiếng nói của phương Nam toàn cầu.

Thứ ba, chính sách đối ngoại của Ấn Độ cũng đặt ra những giới hạn nhất định đối với tham vọng dẫn dắt. Trong nhiều vấn đề quốc tế nhạy cảm như xung đột Ukraine, Gaza hay cải cách các định chế toàn cầu, Ấn Độ thường lựa chọn cách tiếp cận thận trọng, cố gắng giữ thế cân bằng giữa các cực quyền lực lớn. Cách tiếp cận đó giúp Ấn Độ duy trì dư địa chiến lược, nhưng đôi khi cũng khiến một số nước phương Nam cảm thấy Ấn Độ chưa thực sự đi đến cùng trong vai trò người bảo vệ lợi ích chung của khối đang phát triển. Nói cách khác, Ấn Độ muốn vừa là tiếng nói của phương Nam, vừa là một cường quốc tự chủ có khả năng làm việc với cả phương Tây lẫn các nước lớn khác. Chính sự “đa hướng” này là lợi thế của Ấn Độ, nhưng đồng thời cũng có thể làm giảm mức độ nhất quán trong hình ảnh lãnh đạo mà nước này muốn xây dựng.

Từ góc độ so sánh, có thể thấy điểm mạnh nổi bật của Ấn Độ là khả năng kết hợp giữa di sản lịch sử, quy mô quốc gia, tính chính danh chính trị và năng lực ngoại giao chủ động. So với Brazil, Ấn Độ có lợi thế rõ hơn về vị thế địa chính trị, dân số, quy mô nền kinh tế và mức độ hiện diện trên các diễn đàn toàn cầu. So với Nam Phi, Ấn Độ có khả năng tác động rộng hơn ngoài phạm vi khu vực. Nhưng so với Trung Quốc, Ấn Độ lại thua kém về sức mạnh tài chính, năng lực đầu tư và quy mô triển khai các dự án phát triển ở nước ngoài. Vì vậy, vị trí của Ấn Độ

trong phương Nam toàn cầu hiện nay có thể được xem là một dạng lãnh đạo dựa nhiều vào tính biểu tượng, khả năng điều phối và hấp dẫn chính trị, hơn là một vai trò bá quyền theo nghĩa truyền thống.

Dù còn giới hạn, không thể phủ nhận rằng tính đến năm 2025, Ấn Độ đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc khẳng định mình như một trong những tiếng nói trung tâm của phương Nam. Việc tổ chức thành công các Hội nghị “Giọng nói Nam Toàn cầu”, đưa Liên minh châu Phi vào G20, duy trì các chương trình hợp tác phát triển, mở rộng các liên kết đa phương và liên tục sử dụng diễn đàn quốc tế để nêu bật lợi ích của thế giới đang phát triển cho thấy Ấn Độ không chỉ nói về vai trò lãnh đạo, mà đang từng bước tạo dựng vai trò đó bằng những hành động cụ thể. Nói cách khác, Ấn Độ đang tìm cách chuyển từ vị thế “biểu tượng lịch sử của phương Nam” sang vị thế “kiến trúc sư đương đại của tiếng nói phương Nam” trong quản trị toàn cầu.

Nhìn về phía trước, triển vọng vai trò dẫn dắt của Ấn Độ trong các diễn đàn phương Nam toàn cầu sẽ phụ thuộc vào khả năng giải quyết ba bài toán lớn. Thứ nhất, nước này phải tiếp tục duy trì được tính đại diện, tức là thuyết phục các nước đang phát triển rằng Ấn Độ thực sự lắng nghe và phản ánh lợi ích chung của họ, chứ không chỉ sử dụng diễn ngôn phương Nam toàn cầu để phục vụ tham vọng cường quốc của riêng mình. Thứ hai, Ấn Độ cần thu hẹp khoảng cách giữa tuyên bố và năng lực thực thi, đặc biệt trong các lĩnh vực hợp tác phát triển, tài chính, công nghệ và hỗ trợ thể chế. Thứ ba, Ấn Độ phải khéo léo xử lý quan hệ cạnh tranh và phối hợp với các trung tâm quyền lực khác trong phương Nam, nhất là Brazil, Nam Phi, Liên minh châu Phi và cả Trung Quốc, để tránh rơi vào tình trạng “nhiều đầu tàu nhưng không có hướng đi chung”.

Tóm lại, vai trò dẫn dắt của Ấn Độ trong các diễn đàn phương Nam toàn cầu hiện nay là kết quả của sự giao thoa giữa di sản lịch sử, tính toán chiến lược và nhu cầu khách quan của thời đại. Ấn Độ không còn chỉ là một thành viên lâu năm của NAM hay G77, mà đang nỗ lực trở thành một chủ thể có khả năng định hình nghi trình, tập hợp lực lượng và tạo ra những thay đổi nhất định trong cấu trúc đại diện

của quản trị toàn cầu. Tuy con đường này vẫn còn nhiều giới hạn và cạnh tranh, nhưng rõ ràng Ấn Độ đã, đang và sẽ tiếp tục là một trong những quốc gia giữ vai trò then chốt trong việc định nghĩa tương lai của phương Nam toàn cầu trong thế kỷ XXI.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Draguljić, G., & Anspach, N. M. (2025). Southern Solidarity? A Mixed-Methods Analysis of The G77 in the United Nations General Assembly. *Global Studies Quarterly*, 5(1).
2. Jaishankar, S. (2024). India's National Statement at the 19th NAM Summit in Kampala. Ministry of External Affairs, Ấn Độ.
3. Ministry of External Affairs (India). (2023). Remarks by Secretary (West) at the Group of 77 Summit. MEA Speeches & Statements.
4. Ministry of External Affairs (India). (2023). Transcript of Special Briefing on Voice of Global South Summit, Jan 13, 2023. MEA Virtual Meetings Detail.
5. Ministry of External Affairs (India). (2024). India's National Statement by EAM Dr. S. Jaishankar at the 19th NAM Summit. MEA Speeches & Statements.
6. Ministry of External Affairs (India). (2024). The 3rd Voice of Global South Summit 2024 (Press Release). MEA Press Releases.
7. Ministry of External Affairs (India). (2024). Visit of External Affairs Minister to Uganda and Nigeria (Press Release). MEA Press Releases.

# TƯ TƯỞNG CỦA GANDHI VÀ CHANAKYA TRONG ĐỊNH HÌNH CHÍNH SÁCH ẤN ĐỘ HIỆN ĐẠI

TS. Hồ Thị Bích Ngọc

Để hiểu về những căn nguyên để Ấn Độ phát triển như ngày hôm nay thật không đơn giản, đó là một tiến trình lịch sử nhiều yếu tố, nền văn minh lớn, cái nôi của Phật giáo, nơi hội tụ nhiều nhà tư tưởng, nhiều nhà cải cách, các anh hùng, vĩ nhân... dòng chảy ấy qua thời gian, có sự tích tụ, kế thừa, có sự đào thải, có sự phán xét của khách thể. Nhưng vượt lên những biến cố, khó khăn thì Ấn Độ đã có quyền tự hào về đất nước mình, con người mình bởi những vinh quang mà họ đạt được, một dân tộc không ngừng tiến lên, không cam chịu bất công, bắt khuất với những thăng trầm của thế cục để dung hoà với điều kiện tự nhiên xã hội, những quyết sách đôi khi phải đánh đổi bằng muôn vạn sinh linh mới có cơ hội sống sót và trỗi dậy; nhắc đến Ấn Độ là nhắc đến một thế giới rất Đạo mà cũng rất Đời; trong thế giới đó những thứ triết lý xem ra mới đối với loài người thì lại là cổ xưa của Ấn Độ, những động thái sôi động ngoài kia xem ra lại lặng thầm ở Ấn Độ; nhiều người bàn luận về điều đó nhưng xem ra hiểu được ngọn nguồn vấn đề, nhất là những chính sách của Ấn Độ hiện đại không hề đơn giản. Một trong những nét phác hoạ không thể thiếu để định hình bức tranh của chính sách Ấn Độ hiện đại không thể không nhắc đến 2 nhà tư tưởng lớn là Gandhi và Chanakya.

## 1. Tư tưởng của Chanakya trong định hình chính sách Ấn Độ hiện đại

Chanakya: còn có tên Kautilya hoặc Vishnugupta, là một nhà triết học, chính trị gia và nhà kinh tế nổi tiếng của Ấn Độ cổ đại. Ông được coi là một trong những tư tưởng đầu tiên về quản lý chính quyền và chiến lược chiến tranh. Sự hiểu biết sâu sắc của ông về nhân tâm và chính trị đã trở thành cơ sở cho những nguyên tắc chính sách hiện đại.

Chanakya là người đã đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập và phục hưng Đế quốc Maurya. Ông đã là cố vấn chính trị cho Hoàng đế Chandragupta Maurya

và đã giúp xây dựng một hệ thống chính phủ mạnh mẽ. Tác phẩm nổi tiếng nhất của Chanakya là Arthashastra (Trật tự thế giới), một cuốn sách về kinh tế, chính trị và quân sự, chứa đựng những nguyên tắc và chiến lược xây dựng và duy trì chính quyền hiệu quả. Cuốn sách nay Henry Kissinger đánh giá *chứa* đựng tầm nhìn hiện thực về chính trị từ rất lâu trước khi *cuốn Quân vương xuất hiện*, mà Kissinger cho là “sự kết hợp giữa Machiavelli và Clausewitz”. Trong khi đó, nhà xã hội học người Đức Max Weber từng gọi nó là “chủ nghĩa Machiavellian cực đoan thực sự... so với nó, *cuốn Quân vương* của Machiavelli chẳng là gì cả”.

Arthashastra quả thực là một kiệt tác về nghệ thuật cai trị, ngoại giao và chiến lược, đồng thời là một ví dụ về văn học phi phương Tây nên được đọc như một phần của hệ tư tưởng "hiện thực". Xuất thân là một tể tướng, trong quá trình xây dựng và quản lý đế chế Đế chế Maurya rộng lớn này thì ông đã biên soạn những quan sát của mình về nghệ thuật cai trị dựa trên kinh nghiệm đó. *Arthashastra* của ông là một văn bản mang tính hướng dẫn, đưa ra các quy tắc và chuẩn mực để điều hành đất nước thành công và tiến hành các mối quan hệ quốc tế. Giống như *Binh pháp Tôn Tử*, *Arthashastra* chứa nhiều nội dung tổng quát và không mô tả chi tiết các sự kiện hoặc trận chiến lịch sử cụ thể. Bằng cách này, tư tưởng của ông đã trở nên hữu ích và phù hợp trong nhiều vấn đề chính sách hay tình huống chính trị khác nhau, xuyên suốt các thời đại, một dạng "sách giáo khoa dành cho các vị vua". Bản thân thuật ngữ *Arthashastra* có nghĩa là các quy tắc hoặc chuẩn mực của *artha*, một khái niệm được dịch là "phương tiện sinh sống" hoặc "thành công thế tục". Tư tưởng của ông là một cẩm nang dành cho các nhà cai trị về cách quản lý đất nước một cách thành công. Trí tuệ sắc bén và tri thức sâu sắc, Chanakya đã trở thành biểu tượng của lãnh đạo khôn ngoan trong lịch sử Ấn Độ. Ông tiếp tục được nhiều thế hệ lãnh đạo và nhà quản lý đương đại Ấn Độ tiếp thu và thực hành.

Quan điểm cơ bản xuyên suốt của ông chính các quy định trong *Arthashastra* là quan điểm cho rằng lợi ích quốc gia biện minh cho nhiều hành động và chính sách bất kể phương pháp để hiện thực hoá chính sách đó trái với thông lệ chuẩn mực

đạo đức, bởi vì nghệ thuật chính trị, cách cai trị của bậc quân vương là nhằm tối ưu quyền lực của mình. Nếu không hiểu đúng bản chất quyền lực là sự tập trung và sự tích lũy để gia tăng quyền lực thì sẽ bị xem là Chủ nghĩa thực dụng và tính hữu dụng do đó có tầm quan trọng then chốt đối với người cầm quyền. Ví dụ, ông đề xuất rằng một vị vua nên làm giả các phép màu thần thánh tại các đền thờ quốc gia để tăng thu nhập quốc khố từ các cuộc hành hương. Điều này trái ngược với thực tế rằng bản thân ông là một người *Bà La Môn*, hay một thành viên của tầng lớp tăng lữ trong đạo Hindu.

Ông đưa ra một lý thuyết về hệ thống quốc tế được gọi là “vòng tròn các quốc gia”, hay *rajamandala*. Theo lý thuyết này, các quốc gia thù địch là những quốc gia giáp ranh với quốc gia của người cai trị, tạo thành một vòng tròn xung quanh nó. Đến lượt mình, các quốc gia bao quanh nhóm các quốc gia thù địch này tạo thành một vòng tròn khác xung quanh vòng tròn các quốc gia thù địch. Vòng tròn các quốc gia thứ hai này có thể được coi là đồng minh tự nhiên của quốc gia của người cai trị chống lại các quốc gia thù địch nằm giữa chúng. Nói một cách ngắn gọn hơn, “kẻ thù của kẻ thù của tôi là bạn của tôi”. Các yếu tố của logic này được tìm thấy trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ ngày nay, coi các quốc gia như Nhật Bản và Afghanistan là đồng minh tự nhiên chống lại Trung Quốc và Pakistan, tương ứng.

Chanakya đưa ra sáu phương pháp ngoại giao, tất cả đều nhằm mục đích tăng cường sức mạnh đối ngoại, bảo vệ an ninh chủ quyền quốc gia:

1. Lập hòa bình (*samdhi*). Kautilya mô tả phương pháp này là việc một quốc gia ký kết một thỏa thuận với các điều kiện cụ thể để kết thúc chiến tranh trong một khoảng thời gian nhất định.
2. Phát động chiến tranh (*vigraha*). Chiến lược này xảy ra khi một quốc gia mạnh hơn quốc gia khác và có thể đánh bại quốc gia đó.
3. Không làm gì cả (*asana*). Phương pháp này được sử dụng khi không có lợi ích gì từ việc gây chiến hoặc ký kết hiệp ước với quốc gia khác.

4. Chuẩn bị cho chiến tranh ( *yana* ). Phương pháp này đòi hỏi phải xây dựng lực lượng quân sự đúng cách.

5. Tìm kiếm sự bảo hộ ( *samsraya* ). Chiến lược này về cơ bản bao gồm việc liên minh với một quốc gia mạnh hơn để đảm bảo an ninh cho chính mình.

6. Chính sách kép/Liên minh ( *dvaidhibhava* ). Chiến lược này giải quyết nhiều vấn đề cùng một lúc, bằng cách liên kết một số quốc gia với quốc gia của mình trong một liên minh để chống lại các quốc gia thù địch.

Ảnh hưởng các tư tưởng của Chanakya nó đã len lỏi vào tư duy Ấn Độ, khái niệm không liên kết hiện đại của Ấn Độ có thể là sự phản ánh lời khuyên của ông rằng một quốc gia chỉ nên theo đuổi lợi ích của chính mình và không nên bị ràng buộc vào mối thù địch hoặc tình hữu nghị vĩnh viễn với bất kỳ quốc gia nào khác. Hay tư duy tự chủ chiến lược, đơn cử trong lĩnh vực quốc phòng hiện nay cho thấy từ một trong những nước nhập khẩu vũ khí lớn nhất thế giới, Ấn Độ đang từng bước chuyển mình theo hướng tự chủ quốc phòng, với trọng tâm là nội địa hóa sản xuất và giảm phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài. Ý nghĩa của xu hướng này trước hết nằm ở nỗ lực giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào bên ngoài trong bối cảnh môi trường an ninh ngày càng bất định. Khi chuỗi cung ứng quốc phòng toàn cầu dễ bị gián đoạn bởi cạnh tranh địa chính trị, việc nâng cao năng lực nội địa giúp Ấn Độ chủ động hơn trong bảo đảm an ninh quốc gia. Đồng thời, phát triển công nghiệp quốc phòng cũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đổi mới công nghệ và nâng cao vị thế của Ấn Độ trong chuỗi giá trị toàn cầu. Quan trọng hơn, đây là nền tảng để Ấn Độ củng cố tự chủ chiến lược. Ấn Độ đang tiến gần hơn tới mục tiêu tự chủ quốc phòng theo nghĩa thực chất. Dù vẫn còn những hạn chế nhất định, xu hướng hiện nay cho thấy Ấn Độ đang từng bước xây dựng một nền quốc phòng độc lập hơn, linh hoạt hơn và có khả năng thích ứng tốt hơn với môi trường chiến lược đang thay đổi, đây là phương pháp nhằm tăng cường sức mạnh nội lực mà tư tưởng Chanakya hết sức chú trọng.

## **2. Tư tưởng của Gandhi trong định hình chính sách Ấn Độ hiện đại**

Gandhi dạy thế giới Ấn Độ hiện đại rất nhiều điều, trong đó những điều căn bản về tâm tính con người lại giúp hình thành con đường để hiện thực mục tiêu cao cả: đó là lòng dũng cảm, sự dấn thân, bất bạo động, lòng khoan dung để phục vụ xã hội; điều đó không phải là sự tu hành theo đạo bỏ đời mà là một phương pháp thực hành đạo rất đời; ông kêu gọi mọi người đừng sợ hãi thực dân Anh, đừng sợ nhà tù, đừng sợ tra tấn, đừng sợ sự đau khổ, đừng sợ người khác bài xích chế nhạo... nhưng cũng đừng vì thế mà bạo lực, bạo lực không phải là sự thể hiện lòng dũng cảm mà lòng dũng cảm ở đây chính là phá vỡ được những định kiến, tư duy, những phương pháp nô dịch của kẻ thù.

Con đường đó là con đường đấu tranh với chính mình và minh định tương lai bằng chính tư duy của mình, tránh những va chạm bạo lực; mặc dù không phải là ông không biết có những tình huống cần thiết thì cần sử dụng bạo lực ( ông đưa ra ví dụ: người phụ nữ bị hãm hiếp thì ngay lúc đó cần có công cụ bạo lực để chống trả), nhưng con đường dài mang tính chất chiến lược thì cần bất bạo động đạt đến chân lý và con đường đó cũng không phải để chứng tỏ với ai, cũng không phải tham vọng làm bá vương, tạo trên cái gọi là “trật tự thế giới” với sự khuyêcs h trương quyền lực, với Ấn Độ thì nhà vô địch không phải sinh ra từ chiến thắng.

Chính những triết lý nhân bản và minh định như vậy đã hình thành nên các chính sách của một Ấn Độ hiện đại, dù nó có tiếp biến theo thời gian bởi các điều kiện và áp lực phát sinh, đặc biệt là sự kế thừa tư tưởng của ông trong đường hướng “tự chủ chiến lược” của Thủ tướng Jawaharlal Nehru (1947-1964), "tự chủ chiến lược" được thể hiện qua Phong trào Không liên kết, một sáng kiến nhằm tránh bị cuốn vào cuộc Chiến tranh Lạnh giữa Mỹ và Liên Xô. Trong bài phát biểu tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc năm 1948, J. Nehru thể hiện quan điể rằng không phải Ấn Độ ông nhìn thấu thế cục châu Á "không có ý định bị phốt lò" và Ấn Độ tham gia tham gia tích cực vào các vấn đề toàn cầu, như chống chủ nghĩa thực dân và thúc đẩy hòa bình đa phương, dựa trên nguyên tắc Panchsheel (Năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình) và đến thời kỳ Thủ tướng Modi (từ 2014 đến nay), "tự chủ chiến lược" càng khẳng định triết lý hiện tồn của Gandhi rằng Ấn Độ không muốn

tranh chấp với ai nhưng cũng không quỳ gối trước ai, mọi chính sách đối ngoại hay đối nội đều cố gắng giảm thiểu xung đột, cân bằng để phát triển dài hạn theo những gì thực tế mà quốc gia và người dân Ấn Độ yêu cầu. Ngoại trưởng S. Jaishankar, trong tác phẩm *Con đường Ấn Độ: Chiến lược cho một thế giới bất định* (The India Way: Strategies for an Uncertain World, 2020), lập luận rằng, trong một thế giới "không có đồng minh vĩnh cửu, chỉ có lợi ích vĩnh cửu", điều này có thể bị các đối tác thiếu kiên nhẫn hoặc chưa hiểu kỹ Ấn Độ đánh giá là thực dụng, đánh giá đó là chưa đầy đủ cơ sở khách quan. Biên độ của triết lý “bất bạo động” được mở rộng ra các vấn đề quốc tế, thể hiện qua việc New Delhi tránh đưa ra lập trường cứng rắn trước các khủng hoảng quốc tế như cuộc chiến ở Ukraine, nơi Ấn Độ kêu gọi đối thoại mà không lên án trực tiếp Nga để bảo vệ nguồn cung dầu mỏ giá rẻ; hoặc chiến dịch quân sự của Israel tại Gaza, nơi phản ứng của Ấn Độ mang tính cân bằng, ưu tiên quan hệ chiến lược với Israel và UAE hơn là lên án vi phạm nhân quyền. Tương tự, đối với nội chiến Sudan (từ 2023), biến động tại Venezuela và Iran, hay cuộc đảo chính gần đây tại Myanmar (2021-2026), New Delhi thường chọn im lặng hoặc phản ứng ngoại giao chừng mực, nhằm tránh làm phức tạp hóa quan hệ với các cường quốc như Trung Quốc và Mỹ...đây chính là những biểu hiện phương pháp chính trị trên cơ sở quan điểm, triết lý chính trị và văn hoá chính trị của Gandhi khởi xướng trên cơ sở kế thừa theo dòng chảy lịch sử của Ấn độ.

Những chính sách của Ấn Độ hiện đại là sự tích hợp và kế thừa các yếu tố để định hình nên nó; đôi khi chính sách đó là của ai không quan trọng bằng chính sách đó được hình thành như thế nào và đạt hiệu quả gì trong một tầm nhìn dài hạn; đôi khi để hiểu về nội dung chính sách của Ấn Độ hiện đại còn dễ dàng hơn hiểu quá trình định hình nên nó; nhưng dấu ấn chính sách thì ta có thể nhìn thấy được qua việc kế thừa các nhà tư tưởng lớn đi trước của Ấn Độ như tư tưởng của Gandhi và Chanakya ./.

**PHẦN 5**  
**NĂNG LỰC QUẢN TRỊ TOÀN CẦU**

# VAI TRÒ CỦA AN ĐỘ TRONG CẢI CÁCH CÁC VẤN ĐỀ THỂ CHẾ TOÀN CẦU: TRƯỜNG HỢP HỘI ĐỒNG BẢO AN LIÊN HỢP QUỐC

PGS,TS. Phan Văn Rân

## 1. Sự ra đời của Liên hợp quốc và vai trò của Hội đồng Bảo an

Tổ chức Liên hợp quốc chính thức ra đời vào ngày 24/10/1945 sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với 51 thành viên ban đầu. Trải qua hơn 80 năm phát triển, Liên hợp quốc không ngừng lớn mạnh, mở rộng quy mô hoạt động. Hiện nay, Liên hợp quốc có 193 nước thành viên, là tổ chức lớn nhất và có ảnh hưởng nhất trên thế giới.

Ngay từ khi ra đời, Liên hợp quốc theo đuổi mục tiêu cao cả của nhân dân thế giới là hòa bình, an ninh và phát triển. Điều 1 của Hiến chương Liên hợp quốc đã xác định 4 mục tiêu là: 1/ Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế; 2/ Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng về quyền lợi giữa các dân tộc và nguyên tắc dân tộc tự quyết; 3/ Thực hiện hợp tác quốc tế thông qua giải quyết các vấn đề quốc tế trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá và nhân đạo trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người; 4/ Làm trung tâm điều hoà các nỗ lực quốc tế vì các mục tiêu chung<sup>1</sup>.

Để thực hiện mục tiêu này, bộ máy của Liên hợp quốc được cơ cấu gồm 6 cơ quan chính: 1/ Đại hội đồng (General Assembly - GA); 2/ Hội đồng Bảo an (Security Council - SC); 3/ Hội đồng Kinh tế - Xã hội (Economic and Social Council - ECOSOC); 4/ Tòa án quốc tế; 5/ Hội đồng Quản thác; 6/ Ban thư ký. Ngoài ra, Liên hợp quốc còn có hàng chục cơ quan chuyên môn như Hàng không (ICAO); Hàng hải (IMO); Hội đồng Tài chính (IFC); Lao động quốc tế (ILO); Giáo dục, Khoa học, Văn hóa (UNESCO); Bưu chính (IPU); Lương thực - nông nghiệp (FAO); Quỹ tiền tệ quốc tế...; các cơ quan khác như Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA); Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (GATT) ... Trong các cơ quan của Liên hợp quốc thì Hội đồng Bảo an là cơ quan có quyền lực nhất gồm 15 nước thành viên của Liên hợp

---

<sup>1</sup> <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Hien-Chuong-Lien-hop-quoc-1945-229045.aspx>

quốc (có 5 nước Ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an là Trung Quốc, Pháp, Nga, Anh và Hoa Kỳ; 10 thành viên khác là những Ủy viên không thường trực được Đại hội đồng bầu ra với nhiệm kỳ 2 năm). Về chức năng và quyền hạn của Hội đồng Bảo an, Điều 24 của Hiến chương ghi rõ: *Để đảm bảo cho Liên hợp quốc hành động nhanh chóng và có hiệu quả, các thành viên Liên hợp quốc trao cho Hội đồng Bảo an trách nhiệm trong việc duy trì hoà bình và an ninh quốc tế và thừa nhận rằng, khi làm những nghĩa vụ do trách nhiệm ấy đặt ra, thì Hội đồng Bảo an hành động với tư cách thay mặt cho các thành viên của Liên hợp quốc*<sup>1</sup>.

Từ khi ra đời cho đến nay, Liên hợp quốc nói chung, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nói riêng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, thể hiện trên các vấn đề sau:

*Thứ nhất*, với mục tiêu gìn giữ hòa bình và an ninh thế giới, Liên hợp quốc, trước hết là Hội đồng Bảo an đã có những đóng góp quan trọng trong việc gìn giữ hòa bình, đảm bảo an ninh quốc tế, giải quyết nhiều tranh chấp quốc tế, làm giảm căng thẳng các xung đột khu vực và thế giới; góp phần không nhỏ nhằm giải trừ quân bị và hạn chế sản xuất, phổ biến vũ khí hạt nhân... Ngay sau khi Liên hợp quốc thành lập, thế giới bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh kéo dài suốt mấy thập kỷ với sự đối đầu giữa hai siêu cường Xô - Mỹ, song, với nỗ lực chung của các nước thành viên, nguy cơ của cuộc đại chiến thế giới mới với thảm họa hạt nhân hủy diệt trong thế kỷ XX bị đẩy lùi, đúng như lời nói đầu của Hiến chương Liên hợp quốc đã khẳng định: *“Chúng tôi, nhân dân các quốc gia liên hiệp quyết tâm: Phòng ngừa cho những thế hệ tương lai khỏi thảm họa chiến tranh đã hai lần trong đời chúng ta gây cho nhân loại đau thương không kể xiết”*<sup>2</sup>. Ngoài ra, Liên hợp quốc, trong đó có Hội đồng Bảo an đã có đóng góp quan trọng vào việc làm tan rã hoàn toàn hệ thống thuộc địa kiểu cũ của chủ nghĩa thực dân, góp phần đưa độc lập dân tộc trở thành giá trị phổ biến mang tính thời đại.

*Thứ hai*, sau chiến tranh lạnh, Liên hợp quốc, trước hết là Hội đồng Bảo an tiếp tục đóng góp vào việc kiến tạo hòa bình thế giới, tổ chức thành công nhiều cuộc đàm phán hòa bình

---

<sup>1</sup> <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Hien-Chuong-Lien-hop-quoc-1945-229045.aspx>

<sup>2</sup> Sđd

các cuộc nội chiến và xung đột ở Namibia, Congo, Angola, El Salvado, Mozambique, Campuchia, Đông Timor, Sudan, góp phần xóa bỏ chế độ Apacthai ở Nam Phi... Lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc thường xuyên được cử đến bảo vệ hòa bình và duy trì an ninh tại nhiều khu vực điểm nóng xảy ra chiến tranh, xung đột.

*Thứ ba*, Liên hợp quốc còn có nhiều nỗ lực nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội giữa các nước thành viên; thực hiện cứu trợ nhân đạo cho các nước thành viên khi gặp khó khăn...

Bên cạnh những thành tựu nêu trên, Liên hợp quốc, trong đó có Hội đồng Bảo an còn một số hạn chế, đứng trước nhiều bất cập:

*Thứ nhất*, trước nhu cầu của thế giới ngày nay là hòa bình, an ninh và phát triển, Liên hợp quốc, trước hết là Hội đồng Bảo an cần phải củng cố và tăng cường vai trò, uy tín của tổ chức này trong đời sống quốc tế. Tuy nhiên, nhiều nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an, *một mặt* lẩn tránh thực hiện nghĩa vụ chung đối với Liên hợp quốc, *mặt khác* lại ra sức lợi dụng cơ quan này làm bình phong để toan tính cho lợi ích riêng của mình, lợi dụng Nghị quyết của Hội đồng Bảo an để tăng cường hành động can thiệp vào công việc nội bộ của các thành viên khác, gây ra mối quan ngại sâu sắc của cộng đồng quốc tế, vi phạm nguyên tắc hòa bình và an ninh tập thể, được coi là nền tảng cơ bản cho sự ra đời và lý do tồn tại của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

*Thứ hai*, nhiệm vụ gìn giữ hòa bình và an ninh quốc tế của Liên hợp quốc gặp nhiều thách thức mới. Nhiều điểm nóng an ninh trên thế giới vẫn chưa tìm ra những giải pháp hữu hiệu. Vấn đề chạy đua vũ trang và phổ biến vũ khí giết người hàng loạt, chủ nghĩa khủng bố xung đột dân tộc sắc tộc và tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ và giành giật nguồn tài nguyên thiên nhiên, chủ nghĩa ly khai... vẫn diễn ra ở nhiều nơi, đe dọa nghiêm trọng hòa bình và an ninh thế giới và đây cũng là những bất cập của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hiện nay.

*Thứ ba*, so sánh lực lượng giữa các nước lớn và khu vực hiện nay có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Liên hợp quốc phản ánh tương quan lực lượng những năm đầu sau Chiến tranh thế giới lần thứ II, nay không

còn phù hợp với sự thay đổi nhanh chóng của thực tiễn quốc tế... Cục diện thế giới đã chuyển từ hình thái hai cực sang hình thái vận động theo hướng đa cực với sự nổi lên của các cường quốc mới, các trung tâm quyền lực mới và sự gia tăng vị thế các nước đang phát triển. Liên hợp quốc hiện nay gồm 193 thành viên, nhưng cơ cấu vận hành của Liên hợp quốc nói chung và Hội đồng Bảo an nói riêng lại chưa thay đổi trong suốt hơn 80 năm qua. Chính vì vậy, vấn đề cải tổ và mở rộng Hội đồng Bảo an được đặt ra và là nhu cầu cấp thiết hiện nay.

## **2. Ấn Độ - một trong những nước đi đầu nhằm cải cách Hội đồng Bảo an LHQ**

Trong bối cảnh thế giới đa cực và liên kết ngày càng chặt chẽ, các thể chế toàn cầu truyền thống đang lộ ra nhiều bất cập. Trong bức tranh đó, cải cách Hội đồng Bảo an được coi là trọng tâm của cải cách thể chế toàn cầu. Hội đồng Bảo an là cơ quan cao nhất về an ninh quốc tế nhưng cấu trúc hiện tại không tương ứng với trật tự mới. Cấu trúc của Hội đồng Bảo an được thiết lập từ năm 1945, dựa trên so sánh lực lượng của thế giới lúc bấy giờ và cố định suốt hơn 8 thập niên qua. Điều này tạo ra nhiều bất hợp lý: trong khi Liên Hiệp Quốc đã mở rộng từ 51 thành viên lên 193, số lượng thường trực của Hội đồng Bảo an vẫn chỉ là 5 và chưa có thêm thành viên mới nào được bổ sung. Thủ tướng Modi đã nhắc lại rằng “số lượng thành viên thường trực vẫn giữ nguyên trong khi thế giới đã thay đổi rất nhiều” và yêu cầu cấu trúc toàn cầu mới phải phản ánh những thay đổi đó<sup>1</sup>. Hiện chỉ có một nước châu Á là Trung Quốc ở vị trí thường trực, trong khi Ấn Độ – nước đông dân nhất thế giới lại đứng ngoài cơ quan quyền lực này. Tương tự, châu Phi (chiếm 17% dân số thế giới) không có đại diện thường trực nào, tương tự, nhóm khu vực đông dân khác như Mỹ Latinh cũng thiếu tiếng nói xứng đáng. Cũng liên quan đến vấn đề này, Ngoại trưởng Ấn Độ Jaishankar khẳng định “châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh – khu vực của phần lớn thế giới các nước đang phát triển – không thể tiếp tục bị bỏ rơi. Họ phải được trao tiếng nói chính đáng” tại Hội đồng Bảo an. Theo tuyên bố của Ngoại trưởng Ấn Độ, nếu không mở rộng cả hai hạng mục thành viên (thường trực và không thường trực như hiện nay), Hội đồng Bảo an sẽ tiếp tục rơi vào tình trạng “luẩn quẩn” và mất uy

---

<sup>1</sup> PM Modi's message to UN at G20 closing ceremony 2023: New global structure for new realities | India News - Times of India  
<https://timesofindia.indiatimes.com/india/at-g20-close-pm-modis-message-to-un-new-global-structure-for-new-realities/articleshow/103560295.cms>

tín<sup>1</sup>. Tại Hội nghị Liên hợp quốc “Summit of the Future” (9/2024), nhiều nhà lãnh đạo thế giới đồng loạt kêu gọi cải cách Hội đồng Bảo an khẩn trương để Liên Hợp Quốc “phù hợp với hiện thực địa chính trị đương đại”. Nhóm G4 gồm Ấn Độ, Brazil, Đức, Nhật Bản nhấn mạnh: “mở rộng Hội đồng Bảo an” là ưu tiên hàng đầu để tăng tính hợp pháp và hiệu quả của cơ quan này<sup>2</sup>. Nhiều ý kiến cho rằng không có cải tổ Hội đồng Bảo an thì không thể có “một trật tự toàn cầu công bằng” bởi vì Hội đồng Bảo an là nơi quyết định sự tồn tại của hòa bình hay xung đột quốc tế. Do đó, cải cách Hội đồng Bảo an theo hướng bổ sung thêm ghế cho những nước đóng góp lớn cho hòa bình và an ninh (như Ấn Độ) và tăng cường đại diện cho các khu vực châu Phi, châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ Latinh được xem như phần không thể tách rời của cải cách thể chế toàn cầu.

Việc Ấn Độ đóng vai trò tích cực trong cải cách Hội đồng Bảo an hiện nay, bên cạnh nhu cầu khách quan từ sự biến đổi tương quan lực lượng trên thế giới, còn bắt nguồn từ những nguyên nhân chủ quan của nước này, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, sự vươn lên mạnh mẽ của một cường quốc Ấn Độ. Ấn Độ là quốc gia đông dân nhất thế giới (khoảng 1,47 tỷ người năm 2025 so với 1,41 tỷ người của Trung Quốc) và là nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới xét theo GDP danh nghĩa với 4.125 tỷ USD, chiếm 3,68% nền kinh tế toàn cầu. Ấn Độ là nước chi tiêu quân sự lớn thứ 5 thế giới (chi 86,1 tỷ USD năm 2024).

*Thứ hai*, Ấn Độ là nước có đóng góp lớn cho Liên hợp quốc như:

- Ấn Độ là quốc gia đóng góp quân đội lớn nhất cho các sứ mệnh gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc với hơn 200.000 quân/50 sứ mệnh;
- Ấn Độ tích cực vận động trở thành thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhằm phản ánh đúng thực tế quyền lực quốc tế ngày nay;

---

<sup>1</sup> Remarks by EAM, Dr. S. Jaishankar at G20 Foreign Ministers' Meeting

[https://www.mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/38342/Remarks\\_by\\_EAM\\_Dr\\_S\\_Jaishankar\\_at\\_G20\\_Foreign\\_Ministers\\_Meeting](https://www.mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/38342/Remarks_by_EAM_Dr_S_Jaishankar_at_G20_Foreign_Ministers_Meeting)

<sup>2</sup> G4 Ministerial Joint Press Statement on the reform of the UN Security Council

<https://www.mea.gov.in/press-releases.htm?dtl%2F38344%2FG4+Ministerial+Joint+Press+Statement+on+the+reform+of+the+UN+Security+Council=&utm>

- Ấn Độ là một trong những nước đi đầu ủng hộ việc thực hiện các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc, bao gồm bình đẳng chủ quyền, không can thiệp công việc nội bộ và giải quyết tranh chấp quốc tế bằng giải pháp hòa bình;

- Tại các diễn đàn Liên hợp quốc, Ấn Độ thường xuyên đại diện và thúc đẩy lợi ích của các nước đang phát triển (nhóm các nước phía Nam);

- Ấn Độ tham gia tích cực vào các cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc về phát triển bền vững, biến đổi khí hậu và an ninh khu vực. Ấn Độ cũng là nước đã tích cực hỗ trợ vaccine và thuốc men cho hơn 100 quốc gia trong đại dịch Covid-19.

Tất cả những yếu tố nêu trên đã làm tăng “sức mạnh tổng hợp” của Ấn Độ và củng cố luận cứ cho vị thế của nước này như một cường quốc khu vực và toàn cầu. Việc Ấn Độ ngày càng tham gia sâu rộng vào các vấn đề toàn cầu, từ châu Á – Thái Bình Dương đến châu Phi và Trung Đông, đồng thời là thành viên tích cực của nhóm G20, QUAD, BRICS cho thấy nước này có tầm ảnh hưởng ngày càng rộng. Trong bối cảnh như vậy, Ấn Độ tự tin đòi hỏi vai trò lớn hơn trong cấu trúc an ninh toàn cầu (bao gồm nước thành viên Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc) là điều có cơ sở và chính đáng.

### **3. Chủ trương, chính sách của Ấn Độ trong cải cách HĐBA thời gian qua**

Chính phủ Ấn Độ từ lâu đã xác định cải cách Liên hợp quốc nói chung và Hội đồng Bảo an nói riêng là ưu tiên chính trong đối ngoại của mình. Về tổng thể, Ấn Độ theo đuổi đường lối đối ngoại đa phương hóa và hỗ trợ trật tự đa phương có tính đại diện cao hơn. Trên trường quốc tế, Ấn Độ liên tục kêu gọi thay đổi mô hình quản trị toàn cầu để phù hợp với tiếng nói và lợi ích của các nước đang phát triển và mới nổi. Cụ thể, tại các diễn đàn lớn như Đại Hội đồng Liên hợp quốc hoặc các hội nghị G20, lãnh đạo Ấn Độ nhiều lần tuyên bố ủng hộ việc “mở rộng Hội đồng Bảo an trong cả hai hạng mục thành viên” và cho rằng không thể bỏ qua vai trò của các nước đang có đóng góp lớn cho hòa bình thế giới.

Về chính sách, Ấn Độ đã tham gia vào nhóm G4 (gồm Brazil, Đức, Nhật Bản, Ấn Độ) để phối hợp thúc đẩy mục tiêu chung. Các phát biểu của Ngoại trưởng Jaishankar và Thủ tướng Narendra Modi đều khẳng định Ấn Độ sẵn sàng làm việc với các nước

thành viên khác để đẩy nhanh tiến trình mở rộng Hội đồng Bảo an<sup>1</sup>. Tại Hội nghị “Summit of the Future” tháng 9/2024, Thủ tướng Narendra Modi một lần nữa nhấn mạnh rằng “cải cách là chìa khóa để duy trì tính hợp pháp và cần phải sửa đổi ngay lập tức các thể chế quản trị toàn cầu, trong đó có Hội đồng Bảo an”<sup>2</sup>. Cũng với mục tiêu này, chính sách “Đôi thoai và đa phương” (Multi-alignment) của Ấn Độ luôn bao gồm việc chủ động tiếp cận và xây dựng liên minh với nhiều nước đối tác để ủng hộ cải cách Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Có thể nói, quan điểm của Ấn Độ là minh bạch và tích cực: Ấn Độ kiên định theo đuổi mục tiêu trở thành thành viên thường trực mới của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, coi đây là nhân tố then chốt để bảo đảm cho quyền lợi và trách nhiệm của nước này trên trường quốc tế.

Để hiện thực hóa mục tiêu trở thành nước thành viên Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, trong những năm qua, Ấn Độ đã đẩy mạnh các hoạt động, chủ động đưa ra các đề xuất nhằm cải cách Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc như:

- Ấn Độ đã tham gia tích cực vào các cuộc đàm phán và thảo luận liên chính phủ về cải cách Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc trong nhiều năm qua. Đáng chú ý, Ấn Độ là một trong bốn thành viên sáng lập “Nhóm G4” chuyên vận động cho cải cách toàn diện, luôn lặp lại các tuyên bố chung kêu gọi tăng cả thành viên thường trực lẫn không thường trực của Hội đồng Bảo an<sup>3</sup>.

- Trong quan hệ song phương, nhân các chuyến thăm chính thức đến các nước hoặc các cuộc tiếp xúc cấp cao bên lề các hội nghị, diễn đàn quốc tế, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi luôn vận động các nước ủng hộ Ấn Độ trở thành Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc một khi cơ quan này được mở rộng và Việt Nam là một trong số những nước cam kết ủng hộ Ấn Độ. Tuyên bố chung

---

<sup>1</sup> G4 Ministerial Joint Press Statement on the reform of the UN Security Council <https://www.mea.gov.in/press-releases.htm?dtl%2F38344%2FG4+Ministerial+Joint+Press+Statement+on+the+reform+of+the+UN+Security+Council=&utm>

<sup>2</sup> Prime Minister’s Address at the ‘Summit of the Future’ <https://www.mea.gov.in/press-releases.htm?dtl/38337/Prime+Ministers+Address+at+the+Summit+of+the+Future>

<sup>3</sup> India slams ‘third category’ UNSC proposal, calls it a ploy to stall reforms - India News | The Financial Express. <https://www.financialexpress.com/india-news/india-slams-third-category-uns-c-proposal-calls-it-a-ploy-to-stall-reforms/4150171/>

Việt Nam - Ấn Độ ngày 03/9/2016 nêu rõ: “Hai bên nhấn mạnh sự cần thiết của việc cải tổ Liên hợp quốc và mở rộng thành viên Hội đồng Bảo an cả thành viên thường trực và không thường trực, trong đó cần tăng cường tính đại diện của các nước đang phát triển. Thủ tướng Narendra Modi cảm ơn Việt Nam nhất quán ủng hộ Ấn Độ trở thành thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc khi cơ quan này được cải tổ và mở rộng”<sup>1</sup>.

- Trong khuôn khổ Đàm phán Liên Chính phủ (IGN) tại Đại Hội đồng Liên hợp quốc, đại diện thường trực của Ấn Độ tại Liên Hợp Quốc (đại sứ Yojna Patel) đã nhiều lần trình bày quan điểm cương quyết của nước mình. Ví dụ, tại phiên họp đầu năm 2026, đại sứ Yojna Patel khẳng định Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc hiện nay đã “thất bại trong việc thực hiện trách nhiệm cốt lõi về hòa bình và an ninh” và tuyên bố nếu không mở rộng ghế thường trực thì “tiến trình cải cách sẽ không hoàn thiện”<sup>2</sup>. Đại sứ Patel cũng phản đối kịch liệt đề xuất thành lập hạng ghế “thứ ba” (như các nước ủng hộ nhóm “Đoàn kết vì đồng thuận” – dẫn đầu là Italia và Pakistan – đề xuất) và đánh giá đó chỉ là chiêu trò trì hoãn, làm tê liệt tiến trình cải cách: “Việc xem xét một hạng ghế thứ ba là nguy hiểm nhằm kéo dài thời gian và ngăn cản cải cách thực sự, hoặc cố ý tìm ra một kết quả cầm chừng khiến cải cách bị đẩy sang nhiều thập kỷ sau”<sup>3</sup>.

#### **4. Kết quả đạt được và khó khăn, thách thức đối với Ấn Độ trong cải cách Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc**

Cho đến nay, những nỗ lực của Ấn Độ đã thu được một số thành quả chính trị quan trọng nhưng chưa tạo ra kết quả mang tính cơ cấu. Về mặt ủng hộ quốc tế, nhiều nước trên thế giới đã bày tỏ ủng hộ việc mở rộng Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Bốn nước Ủy viên thường trực gồm Mỹ, Anh, Pháp và Nga khẳng định ủng hộ nguyện vọng của Ấn Độ được gia nhập nhóm thường trực Hội đồng Bảo an

<sup>1</sup> <https://nhandan.vn/tuyen-bo-chung-viet-nam-an-do-post271641.html>

<sup>2</sup> India sharpens demand for United Nations Security Council reform | DD News On Air  
<https://www.newsonair.gov.in/india-sharpens-demand-for-united-nations-security-council-reform/>

<sup>3</sup> India slams 'third category' UNSC proposal, calls it a ploy to stall reforms - India News | The Financial Express  
<https://www.financialexpress.com/india-news/india-slams-third-category-unscc-proposal-calls-it-a-ploy-to-stall-reforms/4150171/>

Liên Hợp Quốc<sup>1</sup>, trong khi đó Trung Quốc tỏ ý phản đối mạnh. Nhiều nước đang phát triển, đặc biệt trong nhóm Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Liên đoàn Ả Rập, khối Mekong – Sông Hằng... cũng đồng ý rằng Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc cần được mở rộng đại diện. Ngoài ra, việc Ấn Độ liên tiếp trúng cử ghế ủy viên không thường trực (đạt số phiếu cao trong Đại hội đồng Liên hợp quốc) cũng tăng thêm uy tín ngoại giao cho nước này. Trên bình diện chính trị, Bộ Ngoại giao Ấn Độ xem việc Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc cho đến nay vẫn chưa cải cách theo hướng mở rộng thành viên là một “cuộc khủng hoảng về tính hợp pháp và uy tín” của Liên hợp quốc mà Ấn Độ đã phê phán mạnh mẽ trong các bài phát biểu và báo cáo thường niên.

Tuy nhiên, Ấn Độ đang đối mặt với nhiều rào cản lớn. Đầu tiên là chướng ngại từ chính quy định sửa đổi Hiến chương Liên hợp quốc: bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến thành viên thường trực và quyền phủ quyết đều yêu cầu sự đồng thuận của cả 5 thành viên hiện tại. Trong thực tế, quy trình này cực kỳ khó khăn. Việc bổ sung thành viên thường trực mới “gần như là điều không tưởng” khi mà thế giới đang chia rẽ sâu sắc trong khi muốn sửa đổi Hiến chương Liên hợp quốc yêu cầu phải được phê chuẩn của hai phần ba các nước thành viên và sự nhất trí của 5 ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hiện tại). Trung Quốc (thành viên P5 duy nhất phản đối Ấn Độ) đã nhiều lần tuyên bố sẽ không cho phép thay đổi hiện trạng, vì lo ngại mất thế độc quyền về ảnh hưởng tại khu vực châu Á. Ngoài ra, nhóm “Đoàn kết vì đồng thuận” (Uniting for Consensus) do Ý và Pakistan dẫn đầu đã liên tục đề xuất các giải pháp thay thế (ghế khu vực cố định ngắn hạn) nhằm trì hoãn hoặc làm giảm quy mô cải cách. Theo Ấn Độ, nhóm này thường dùng “chiêu trò thủ tục” để ngăn chặn việc thảo luận theo văn bản cần thiết. Bất cập khác là quy mô và ưu tiên của các nước khác: nhiều quốc gia châu Âu và Đông Nam Á có tiếng nói hạn chế, chưa thống nhất quan điểm về mô hình mở rộng Hội đồng Bảo an.

---

<sup>1</sup> 4/5 quốc gia thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc ủng hộ Ấn Độ trở thành thành viên thường trực tiếp theo. <https://plo.vn/45-nuoc-ung-ho-an-do-co-ghe-tai-hoi-dong-bao-an-lhq-post594126.html>

Tóm lại, khó khăn chính yếu là thiếu sự nhất trí toàn cầu. Mặc dù có sự ủng hộ rộng rãi, nhưng lại thiếu được sự đồng lòng của một số thành viên quan trọng. Các cải cách mang tính biểu tượng hay bán phần (chẳng hạn chỉ tăng ghế không thường trực) không giải quyết được yêu cầu căn bản mà Ấn Độ (và đa số các nước trên thế giới) đề ra. Kết quả là sau hơn 15 năm Đàm phán Liên Chính phủ chính thức về cải cách Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (bắt đầu từ 2009), vẫn chưa có tiến triển về cải tổ thực chất.

## **5. Định hướng của Ấn Độ trong cải cách Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc thời gian tới**

Ấn Độ dự kiến tiếp tục thúc đẩy chủ đề cải cách Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc trong các hoạt động đối ngoại trong thời gian tới. Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đã khẳng định tại Hội nghị “Summit of the Future” (9/2024) rằng cải cách các định chế toàn cầu là cấp bách và phải diễn ra ngay lập tức, trong đó có Hội đồng Bảo an. Trong khuôn khổ kỷ niệm 80 năm thành lập Liên hợp quốc (2025), G4 (Ấn Độ là thành viên) cũng đã tuyên bố nhấn mạnh cấp bách của cải cách Hội đồng Bảo an, kêu gọi cả cộng đồng quốc tế “toàn tâm toàn ý” vào nhiệm vụ này trong các kỳ họp Đại hội đồng tiếp theo. Những tuyên bố mạnh mẽ này cho thấy Ấn Độ sẽ duy trì cường độ vận động cao: tiếp tục phối hợp với G4 và các nước ủng hộ như nhóm L.69<sup>1</sup> để thúc đẩy soạn thảo văn bản cải cách; đồng thời tăng cường đối thoại với các nước châu Phi, châu Á – Thái Bình Dương, Mỹ Latinh để tranh thủ phiếu ủng hộ. Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng cho thấy sẵn sàng xem xét các cơ chế chuyển tiếp nhằm tạo bầu không khí tích cực. Theo các nhà phân tích, trong khi vẫn kiên định đòi tăng thêm ghế thường trực, Ấn Độ có thể chấp nhận thảo luận đồng thời về cải cách thể chế và phương thức bỏ phiếu trước khi sửa đổi Hiến chương. Điều này cho phép duy trì lộ trình tiến hành thảo luận một cách thực chất trong tương lai.

Ngoài ra, Ấn Độ sẽ tiếp tục sử dụng vị thế của mình tại các tổ chức quốc tế khác (G20, BRICS) để liên kết vấn đề cải cách Liên hợp quốc với các vấn đề toàn cầu

---

<sup>1</sup> Nhóm các quốc gia đang phát triển tại Liên hợp quốc, được thành lập với mục tiêu thúc đẩy cải tổ Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, đặc biệt là mở rộng cả hai hạng mục thành viên thường trực và không thường trực

khác như bất bình đẳng, phát triển bền vững, công bằng kinh tế. Cách tiếp cận “đa chiều” này không những gia tăng ủng hộ chung cho cải cách Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc mà còn nhấn mạnh rằng Hội đồng Bảo an chỉ là một phần của cơ cấu toàn cầu cần được “đổi mới căn bản”.

Tóm lại, định hướng lâu dài của Ấn Độ là tiếp tục thúc đẩy cải cách Hội đồng Bảo an thông qua ngoại giao chủ động, liên minh với các nước đang phát triển, và không ngừng nêu bật nhu cầu về một Hội đồng Bảo an phản ánh đúng hiện thực của thế giới. Mục tiêu cuối cùng vẫn là mở rộng cơ cấu hiện hành (đặc biệt là thêm các ghế thường trực cho những cường quốc mới nổi như Ấn Độ) để Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc trở nên cân bằng và hiệu quả hơn. Việc Ấn Độ kiên trì theo đuổi vấn đề này cho đến khi nhận được kết quả có thể coi là một quá trình lâu dài, nhưng những phát biểu của lãnh đạo Ấn Độ gần đây cho thấy quyết tâm đó sẽ không thay đổi./.

# ẤN ĐỘ VÀ QUẢN TRỊ TOÀN CẦU VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

**ThS. Đỗ Văn Thắng**

## **Tóm tắt:**

Ấn Độ đóng vai trò quan trọng, mang tính then chốt trong quản trị khí hậu toàn cầu, cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 (net-zero) vào năm 2070. Với vị thế là nước phát thải lớn trên thế giới, nhưng cũng dễ bị tổn thương, Ấn Độ đã và đang thúc đẩy chuyển đổi năng lượng xanh, tiên phong sáng lập Liên minh Năng lượng Mặt trời Quốc tế (ISA) và cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) mạnh mẽ. Tại COP26, Thủ tướng Narendra Modi cam kết Ấn Độ sẽ đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2070, một cột mốc quan trọng thể hiện trách nhiệm quốc gia. Về Chuyển đổi năng lượng, Ấn Độ tập trung phát triển mạnh năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng mặt trời, nhằm giảm sự phụ thuộc vào than đá và thúc đẩy công nghệ hydro xanh. Trong hợp tác quốc tế, cùng với Pháp, UAE, Ấn Độ đi tiên phong thành lập Liên minh Năng lượng Mặt trời Quốc tế (ISA) để thúc đẩy áp dụng năng lượng mặt trời tại hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đối ngoại, ngoại giao khí hậu, Ấn Độ sử dụng vấn đề khí hậu như một phần trọng tâm trong chính sách đối ngoại, khẳng định vị thế dẫn đầu của "Nam Bán cầu" trong các cuộc đàm phán song phương và đa phương... Ấn Độ coi công lý khí hậu là yếu tố cốt lõi, đòi hỏi các nước phát triển chịu trách nhiệm về lịch sử phát thải và hỗ trợ tài chính, công nghệ cho các nước đang phát triển.

## **Nội dung**

Có thể khẳng định rằng, nhiệt độ trung bình toàn cầu đã tăng hơn 1 độ C ( $^{\circ}\text{C}$ ) kể từ thời kỳ tiền công nghiệp, với tốc độ tăng khoảng 0,2 độ C mỗi thập kỷ.[1] Với tốc độ hiện tại, nhiệt độ trung bình toàn cầu có khả năng tăng hơn 1,5  $^{\circ}\text{C}$  vào năm 2030, sớm hơn 10 năm so với dự báo. Các báo cáo mới nhất cảnh báo rằng ngưỡng 1,5  $^{\circ}\text{C}$  sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng và không thể đảo ngược trong nhiều thế kỷ.[2] Sự nóng lên 1 $^{\circ}\text{C}$  đã gây ra những gián đoạn trên diện rộng ở phạm

vi toàn cầu, trong nhiều lĩnh vực, bao gồm nông nghiệp, sức khỏe con người, cơ sở hạ tầng, quản lý nước, quản lý đa dạng sinh học... Hiện nay, người ta đã xác định rõ ràng rằng mức độ và tốc độ nóng lên hiện tại của khí quyển, đất liền và đại dương chủ yếu là do các hoạt động của con người như đốt nhiên liệu hóa thạch, phá rừng và thay đổi sử dụng đất và lớp phủ đất (LULC) trong thời kỳ công nghiệp, điều này đã làm thay đổi đáng kể thành phần khí nhà kính trong khí quyển. Sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu đã góp phần làm tăng đáng kể các hiện tượng thời tiết cực đoan trên toàn cầu, chẳng hạn như sóng nhiệt, mưa lớn, bão nhiệt đới và thay đổi gió và dòng hải lưu. Sự nóng lên toàn cầu cũng đã dẫn đến những thay đổi quy mô lớn như suy thoái hệ sinh thái biển và trên cạn, axit hóa đại dương toàn cầu, băng biển, sông băng và chỏm băng cực tan chảy, và mực nước biển dâng cao, hầu hết những thay đổi này hiện nay là không thể tránh khỏi và không thể đảo ngược trong hàng trăm hoặc thậm chí hàng nghìn năm.[3] Các sự kiện gần đây và phân tích của các chuyên gia cho thấy tác động của biến đổi khí hậu có khả năng gây ra những xáo trộn chính trị và xã hội đáng kể ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu, do sự cạnh tranh ngày càng tăng đối với các nguồn tài nguyên khan hiếm, biến động thị trường, di cư bắt buộc, dịch bệnh truyền nhiễm... Sự tham gia của Ấn Độ vào các diễn đàn khí hậu toàn cầu chủ yếu được định hình bởi sự hiểu biết khoa học về những đặc điểm trong nước, trước biến đổi khí hậu và những tác động bất lợi đối với môi trường, kinh tế và xã hội của đất nước. Cách tiếp cận của Ấn Độ dựa trên các nguyên tắc về trách nhiệm chung nhưng khác biệt, công bằng và bình đẳng khí hậu, nhưng được định hướng bởi một quan điểm linh hoạt hơn đối với việc giảm phát thải. Trong hơn ba thập kỷ đàm phán về biến đổi khí hậu vừa qua, Ấn Độ đã nổi lên như một nhà lãnh đạo toàn cầu trong hành động khí hậu, cân bằng các mục tiêu phát triển cấp quốc gia với các hành động cấp bách để thực hiện các cam kết về biến đổi khí hậu.

Ấn Độ có một thực thể địa lý riêng biệt (Đồng bằng Ấn Độ-Gangetic, Cao nguyên Trung tâm và Cao nguyên Deccan, Sa mạc Thar, dãy Himalaya và dãy núi Đông Bắc, Bờ biển phía Đông, Bờ biển phía Tây, và các vùng biển và đảo giáp ranh) với sự biến đổi đáng kể về khí hậu và điều kiện thời tiết khu vực và địa phương

trên khắp đất nước. Ấn Độ là quốc gia đông dân nhất trên thế giới và có một hồ sơ địa lý-khí hậu độc đáo. Đây là một trong những quốc gia dễ bị thiên tai nhất trên thế giới, “nơi 59% diện tích đất dễ bị động đất, 8,5% diện tích đất dễ bị bão lốc xoáy và 5% diện tích đất dễ bị lũ lụt lưu vực sông.”[4] Hơn nữa, phần lớn dân số phụ thuộc vào các lĩnh vực nhạy cảm với khí hậu như nông nghiệp, lâm nghiệp và hệ sinh thái ven biển để sinh kế. Những thay đổi do biến đổi khí hậu gây ra, bao gồm nhiệt độ cực đoan, lượng mưa lớn, bão xoáy và mực nước biển dâng cao, làm trầm trọng thêm tình trạng dễ bị tổn thương của Ấn Độ trước hàng loạt các hiểm họa khí tượng thủy văn đang gia tăng một cách đáng báo động, cả về cường độ và tần suất, đồng thời lại giảm khả năng dự báo.

Nhận thức được những thách thức to lớn do biến đổi khí hậu gây ra, Ấn Độ từ lâu đã bày tỏ mối quan ngại về tác động quốc gia và toàn cầu của biến đổi khí hậu đang gia tăng và tích cực tham gia vào các cuộc đàm phán đa phương theo Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) một cách tích cực, mang tính xây dựng và hướng tới tương lai. Lập trường của Ấn Độ tại các cuộc đàm phán UNFCCC đã được hỗ trợ bởi các hành động tương xứng ở cấp quốc gia về các chính sách biến đổi khí hậu đầy tham vọng, thúc đẩy nhất quán việc tăng cường năng lực năng lượng tái tạo, bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên và khuyến khích phát triển bền vững. Các biện pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu...

Những nỗ lực quốc tế nhằm giải quyết thỏa đáng những tác động bất lợi của biến đổi khí hậu và cuộc đấu tranh của cộng đồng quốc tế để đạt được động lực toàn cầu đồng bộ nhằm giải quyết vấn đề này đã diễn ra trong hơn ba thập kỷ dưới khuôn khổ UNFCCC. Ngay từ đầu, các cuộc đàm phán về biến đổi khí hậu phần lớn bị chi phối bởi sự chia rẽ và các quan điểm khác nhau giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Dựa trên các xu hướng quan sát được, nhìn chung người ta thừa nhận rằng các nền kinh tế công nghiệp hóa/phát triển chịu trách nhiệm chính cho phần lớn lượng khí thải nhà kính tích lũy toàn cầu trong khí quyển kể từ cuộc cách mạng công nghiệp, các nước phát triển có lượng khí thải bình quân đầu người cao hơn đáng kể so với các nước đang phát triển, và phần

lớn lượng khí thải carbon toàn cầu trong tương lai dự kiến sẽ bắt nguồn từ các nền kinh tế đang phát triển nhanh chóng, chẳng hạn như Trung Quốc và Ấn Độ. Người ta cũng hiểu rộng rãi rằng các nước phát triển, đang phát triển và kém phát triển có mức độ dễ bị tổn thương khác nhau trước tác động của biến đổi khí hậu, và họ không có cùng mức độ năng lực công nghệ và tài chính để thích ứng với những tác động đó. Với mật độ dân số cao, nền kinh tế tăng trưởng nhanh và vị thế là quốc gia phát thải carbon lớn thứ tư thế giới (sau Trung Quốc, Mỹ và Liên minh châu Âu), sự tham gia của Ấn Độ vào các cuộc đàm phán về biến đổi khí hậu tiếp tục có tác động sâu rộng đến hợp tác toàn cầu về vấn đề này. Thực tế, Ấn Độ luôn đóng vai trò tích cực trong các cuộc đàm phán và khẳng định vị thế là một bên xây dựng liên minh và bảo vệ lợi ích của các nước đang phát triển.

Sự phát triển vai trò và vị thế của Ấn Độ trong các cuộc đàm phán toàn cầu về biến đổi khí hậu có thể được nhìn nhận trong bối cảnh ba giai đoạn chính của các cuộc đàm phán. *Giai đoạn đầu tiên* tập trung vào việc tạo ra một thể chế quốc tế và chương trình nghị sự về khí hậu, cũng như định lượng các mục tiêu giảm phát thải của các nước phát triển, từ Rio năm 1992 đến Kyoto năm 1997. Ấn Độ đóng vai trò quan trọng trong việc đại diện cho lợi ích và quan điểm của các nước đang phát triển và các nước kém phát triển nhất, đồng thời mạnh mẽ ủng hộ các nguyên tắc công bằng và “trách nhiệm chung nhưng khác biệt”, xuất phát từ thực tế là các nước đang phát triển có đóng góp tương đối không đáng kể vào tổng lượng phát thải tích lũy và có lượng phát thải bình quân đầu người thấp hơn nhiều. *Trong giai đoạn thứ hai*, kéo dài từ năm 2000 đến năm 2009, trước thềm Hội nghị thượng đỉnh khí hậu Copenhagen nhằm thiết lập một thể chế khí hậu mới sau năm 2012, Ấn Độ đã thúc đẩy tài chính khí hậu, chia sẻ công nghệ và thành lập một quỹ thích ứng để đẩy nhanh hành động khí hậu ở các nước đang phát triển và bảo vệ các nước kém phát triển nhất khỏi những tác động tồi tệ nhất của biến đổi khí hậu. *Giai đoạn thứ ba*, từ Copenhagen năm 2009 đến Paris năm 2015, đánh dấu sự chuyển đổi của Ấn Độ hướng tới một cách tiếp cận linh hoạt, hợp tác và toàn diện hơn. Ở cấp quốc gia, Ấn Độ đã xây dựng Kế hoạch Hành động Quốc gia về Biến đổi Khí hậu và đệ trình Đóng góp Quốc gia Tự nguyện (NDC) lên UNFCCC, có

tính đến nguyên tắc trách nhiệm chung nhưng khác biệt và năng lực tương ứng (CBDR-RC). Tại COP21 ở Paris, Ấn Độ đã thảo luận về các cam kết tự nguyện và đặt ra các mục tiêu giảm phát thải. Sau năm 2015, Ấn Độ tập trung vào việc áp dụng các biện pháp để đạt được NDC theo Thỏa thuận Paris của UNFCCC. Mỗi giai đoạn này đều được đánh dấu bằng vai trò lãnh đạo chính trị mạnh mẽ của Ấn Độ trong các cuộc đàm phán. Lập trường và các hoạt động của Ấn Độ trong các giai đoạn này sẽ được thảo luận chi tiết hơn ở phần dưới đây.

### *Giai đoạn I, Xây dựng thể chế quốc tế và thiết lập chương trình nghị sự*

Từ Rio đến Nghị định thư Kyoto. Sau khi Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) có hiệu lực vào năm 1994, Hội nghị các bên (COP) đầu tiên được tổ chức vào năm 1995 nhằm ổn định lượng phát thải khí nhà kính ở mức năm 1990 vào năm 2000. Ấn Độ, cùng với các nước đang phát triển khác, đã bày tỏ lo ngại về việc chia sẻ gánh nặng hành động vì khí hậu bằng cách lập luận rằng các nước phát triển chịu trách nhiệm cho phần lớn lượng khí nhà kính tích lũy trong khí quyển và lượng phát thải bình quân đầu người ở các nước đang phát triển vẫn còn tương đối không đáng kể. Bằng chứng khoa học cho thấy rõ ràng rằng biến đổi khí hậu đang xảy ra do tác động tích lũy của khí nhà kính trong khí quyển được phát thải bởi các nước phát triển trong 200 năm công nghiệp hóa dựa trên nhiên liệu hóa thạch. Ấn Độ đã có lập trường mạnh mẽ dựa trên cơ sở công bằng khí hậu và trách nhiệm công bằng. Do đó, 'Nhiệm vụ Berlin' đã được các bên thông qua tại COP 1, trong đó nhất trí rằng các nước phát triển sẽ đệ trình các mục tiêu giảm phát thải được định lượng để tăng cường hành động khí hậu toàn cầu và đã nêu rõ rằng các nước đang phát triển sẽ không đưa ra bất kỳ cam kết mới nào.[5]

Nghị định thư Kyoto của UNFCCC đã được chính thức thông qua tại COP 3 ở Kyoto vào tháng 12 năm 1997, nơi các nước đồng ý thực hiện các mục tiêu giảm phát thải riêng lẻ, được định lượng và ràng buộc về mặt pháp lý. Các thành viên đã đồng ý giảm lượng khí thải carbon, so với mức năm 1990, ít nhất 5% trong giai đoạn cam kết 5 năm đầu tiên từ năm 2008 đến năm 2012.[6] Ấn Độ đã mạnh mẽ ủng hộ Nghị định thư Kyoto như một biện pháp cụ thể vì nó đưa ra các mục tiêu

giảm phát thải ràng buộc cho tất cả các nước. Nghị định thư Kyoto thực sự đánh dấu một bước tiến lớn về các công cụ pháp lý cho các cuộc đàm phán về biến đổi khí hậu trong tương lai. Tuy nhiên, điều quan trọng là, quốc gia đóng góp khí nhà kính lớn nhất, Hoa Kỳ, đã từ chối phê chuẩn các mục tiêu ràng buộc cho đến khi các nước đang phát triển, bao gồm cả Ấn Độ, đồng ý đặt ra các mục tiêu giảm phát thải của họ.

Lập trường của Ấn Độ về biến đổi khí hậu theo thời gian phần lớn được định hình bởi cách nước này hình dung về lợi ích quốc gia tổng thể và đóng góp của mình vào việc gây ra biến đổi khí hậu. Ngay cả ngày nay, theo một số ước tính, gần một phần tư dân số Ấn Độ được coi là "nghèo" và không thể đáp ứng các nhu cầu cơ bản. Mục tiêu trong nước chính của Ấn Độ sau khi giành độc lập vào năm 1947 là giảm nghèo và cải thiện mức sống của người dân, đồng thời đạt được hiện đại hóa và phát triển. Do đó, Ấn Độ kiên quyết và nhất quán phản đối bất kỳ ý tưởng nào về một thỏa thuận quốc tế có thể tước đoạt quyền sử dụng năng lượng, tăng trưởng kinh tế và phát triển của nước này, đồng thời cản trở lợi ích quốc gia cốt lõi và triển vọng phát triển trong tương lai. Phái đoàn Ấn Độ, do các thành viên của Bộ Môi trường và Rừng (MoEF) (nay gọi là Bộ Môi trường, Rừng và Biến đổi Khí hậu (MoEFCC)) của Chính phủ Ấn Độ đại diện, đã nhắc lại trong COP 5 tại Bonn năm 1999 rằng phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo là những ưu tiên hàng đầu của Ấn Độ và các nước đang phát triển khác, điều này chắc chắn sẽ góp phần làm tăng lượng khí thải nhà kính.

Ấn Độ nổi lên như một trong những nước trung gian quan trọng đại diện cho G77 và tập hợp các nhóm quốc gia khác lại với nhau tại các diễn đàn đàm phán. Do đó, trong giai đoạn đầu, Ấn Độ là một trong những nước tiên phong đã xây dựng các khái niệm quan trọng như “trách nhiệm chung nhưng khác biệt” (CBDR), trở thành một trong những nguyên tắc cốt lõi của UNFCCC (Điều 3 của Công ước) nhằm làm nổi bật các lợi ích quốc gia đa dạng và trách nhiệm lịch sử của các nước phát triển và đang phát triển. Sự khác biệt về khả năng thích ứng của các quốc gia với tác động của biến đổi khí hậu, do sự khác biệt về kinh tế và mức độ dễ bị tổn thương khác nhau trước biến đổi khí hậu, cũng được Ấn Độ cùng với các nước

đang phát triển nhân mạnh. Mỗi quan ngại này đã được giải quyết thông qua cụm từ “khả năng tương ứng” (RC) trong Điều 2 của Công ước, vốn là nền tảng cho các cuộc đàm phán về biến đổi khí hậu.

### *Giai đoạn II: Hành trình đến Hội nghị thượng đỉnh Copenhagen*

Báo cáo đánh giá lần thứ ba (AR3) của IPCC, được công bố năm 2001, đã nêu chi tiết những tác động ngày càng gia tăng của biến đổi khí hậu và nhân mạnh sự cần thiết phải thích ứng. Ấn Độ nhận thấy rằng biến đổi khí hậu dự kiến sẽ có tác động bất lợi đến sản xuất lương thực, nguồn cung cấp nước, hệ sinh thái tự nhiên, các khu định cư ven biển, an ninh năng lượng... Tuy nhiên, khả năng thích ứng của Ấn Độ và các nước đang phát triển khác, vốn tương đối dễ bị tổn thương hơn trước tác động của biến đổi khí hậu, còn yếu do nguồn lực hạn chế và thiếu công nghệ cần thiết. Hơn nữa, việc thiếu cam kết mạnh mẽ từ các nước phát triển về giảm phát thải và tác động bất lợi của biến đổi khí hậu đến điều kiện kinh tế xã hội có thể làm trầm trọng thêm những thách thức phát triển và gây ra hậu quả nghiêm trọng cho các nước đang phát triển. Ấn Độ đã có lập trường mạnh mẽ và kêu gọi việc chuyển giao công nghệ và hỗ trợ tài chính từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển cần được đưa vào bất kỳ thỏa thuận chính thức nào về biến đổi khí hậu. Hơn nữa, Ấn Độ đã kêu gọi chú trọng hơn nữa đến các quỹ thích ứng tại COP 7 ở Marrakesh năm 2001. Thích ứng với biến đổi khí hậu' được ưu tiên trong Hiệp định Marrakesh và các điều khoản đã được đưa ra để tài trợ cho việc thực hiện xây dựng năng lực và chuyển giao công nghệ cho các nước đang phát triển. Hiệp định này đã cung cấp thêm hướng dẫn cho Quỹ Môi trường Toàn cầu.

Mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu và phát triển bền vững đã được thảo luận tại COP 8 ở New Delhi năm 2002. Để phát triển bền vững, Tuyên bố Bộ trưởng Delhi nhân mạnh rằng cần khuyến khích những tiến bộ công nghệ thông qua nghiên cứu và phát triển, đa dạng hóa kinh tế và tăng cường các tổ chức khu vực, quốc gia và địa phương có liên quan. Một lần nữa, người ta nhắc lại rằng các nước phát triển nên thực hiện các cam kết của họ theo Công ước, xét đến việc quyết định rời khỏi Nghị định thư Kyoto của Hoa Kỳ đã cản trở tiến trình hơn nữa. Các nước phát

triển, đặc biệt là Hoa Kỳ, đã mạnh mẽ thúc đẩy vấn đề phát thải ngày càng tăng ở các nước đang phát triển. Các dự báo vào thời điểm đó cho thấy Trung Quốc sẽ vượt qua Hoa Kỳ để trở thành quốc gia phát thải khí nhà kính lớn nhất thế giới vào năm 2007, và Ấn Độ sẽ trở thành quốc gia phát thải carbon lớn thứ ba thế giới vào năm 2015. Tại COP 11 ở Montreal năm 2005, một phương pháp tiếp cận song song đã được áp dụng để mở rộng phạm vi thảo luận và khám phá “hành động hợp tác dài hạn” (phương pháp LCA) với sự tham gia nhiều hơn của các bên, cũng như Phương pháp Nghị định thư Kyoto (phương pháp KP), nhằm thảo luận về các mục tiêu giảm thiểu “giai đoạn cam kết thứ hai” sau năm 2012 của các bên liên quan. Kế hoạch Hành động Bali năm 2007 (COP 13) đã chính thức hóa việc tạo ra một quy trình đàm phán mới và một mốc thời gian cho một kế hoạch hành động khí hậu quốc tế mới sẽ được hoàn thành vào năm 2009. Ấn Độ đã phối hợp chặt chẽ với các nước đang phát triển khác để đảm bảo “kết quả đã được thống nhất” theo phương pháp LCA phù hợp với khuôn khổ ban đầu và các nguyên tắc cơ bản của UNFCCC và KP.

Việc công bố Báo cáo Đánh giá lần thứ tư (AR4) của IPCC vào năm 2007 đánh dấu một bước ngoặt trong cách tiếp cận của Ấn Độ đối với biến đổi khí hậu. Báo cáo đã vẽ nên một bức tranh ảm đạm cho Ấn Độ với những dự báo đáng lo ngại về sự gia tăng tần suất và cường độ của các hiện tượng thời tiết cực đoan và những tác động bất lợi của biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực như nông nghiệp, lâm nghiệp và hệ sinh thái, tài nguyên nước, sức khỏe con người và công nghiệp, khu định cư đô thị và xã hội.[7] Đáp lại, ở cấp độ trong nước, cách tiếp cận của Ấn Độ đối với chính sách khí hậu quốc gia đã được tranh luận rộng rãi trong Quốc hội. Các nhà hoạch định chính sách và quan chức Ấn Độ ngày càng hiểu rằng sự dễ bị tổn thương của đất nước trước tác động của biến đổi khí hậu nên là động lực mạnh mẽ để đẩy mạnh hành động khí hậu ở cấp quốc gia và ủng hộ điều tương tự ở cấp độ toàn cầu. Nhu cầu về một con đường phát triển bền vững và có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu ngày càng được các học giả và các tổ chức tư vấn thảo luận và ủng hộ. Đồng thời, biến đổi khí hậu được coi là một cơ hội đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng kiên cường và tăng cường an ninh năng lượng của đất

nước bằng cách giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu than và dầu mỏ. Năm 2007, Ấn Độ tham gia hội nghị thượng đỉnh G8 tại Đức, nơi biến đổi khí hậu là một trong những điểm chính trong chương trình nghị sự. Thủ tướng Ấn Độ lúc bấy giờ, ông Manmohan Singh, lần đầu tiên thể hiện sự linh hoạt trong cách tiếp cận của Ấn Độ, khi ông đề cập rằng Ấn Độ hoàn toàn nhận thức được trách nhiệm của mình với tư cách là một quốc gia đang phát triển. Ông cam kết rằng ngay cả khi Ấn Độ theo đuổi các chính sách tăng trưởng và phát triển kinh tế, lượng khí thải nhà kính bình quân đầu người của Ấn Độ sẽ không vượt quá mức của các nước phát triển. Sau đó, vào tháng 6 năm 2008, chính phủ Ấn Độ đã ban hành “Kế hoạch Hành động Quốc gia về Biến đổi Khí hậu” (NAPCC), trong đó nêu rõ một kế hoạch hành động khí hậu toàn diện bao gồm tám “nhiệm vụ” chính (sau đó đã bổ sung thêm bốn nhiệm vụ nữa) nhằm “thúc đẩy các mục tiêu phát triển đồng thời mang lại lợi ích chung cho việc giải quyết biến đổi khí hậu một cách hiệu quả”. Ấn Độ cũng đã chấp nhận Cơ chế Phát triển Sạch (CDM) sau khi tỏ ra lưỡng lự với các cơ chế dựa trên thị trường carbon trong những năm đầu đàm phán. Bộ Môi trường và Lâm nghiệp (MoEF) đã thành lập Cơ quan CDM Quốc gia với mục đích “bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường theo Nghị định thư Kyoto”. Ngay sau đó, Ấn Độ trở thành quốc gia nhận được các dự án CDM lớn thứ hai sau Trung Quốc. Tuy nhiên, cách tiếp cận tổng thể của Ấn Độ đối với các cuộc đàm phán quốc tế về biến đổi khí hậu vẫn không thay đổi.

Tại COP 15 mang tính bước ngoặt ở Copenhagen năm 2009, các nước phát triển, bao gồm cả Hoa Kỳ, đã đề xuất tạo ra một thỏa thuận mới yêu cầu các nước đang phát triển thực hiện các hành động khí hậu thiết thực. Họ lập luận rằng Nghị định thư Kyoto nên được thay thế bằng một thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu mới, "không phân biệt đối xử" hơn, trong đó tất cả các nước phát thải khí nhà kính lớn, cả các nước phát triển và đang phát triển, đều phải chịu sự giám sát quốc tế ở cùng mức độ và có cùng nghĩa vụ giảm thiểu phát thải. Ấn Độ đã hợp tác chặt chẽ thông qua liên minh BASIC mới thành lập để chống lại áp lực ngày càng tăng mà mỗi nước phải đối mặt từ phía Bắc do Mỹ dẫn đầu. Khi đó, Bộ trưởng Môi trường và Rừng của Ấn Độ, ông Jairam Ramesh, lập luận rằng Ấn Độ sẵn sàng linh hoạt

trong các cuộc đàm phán UNFCCC ngoại trừ ba điểm không thể thương lượng: (a) không chấp nhận bất kỳ mục tiêu giảm phát thải nào có tính ràng buộc pháp lý, (b) không chấp nhận bất kỳ năm đạt đỉnh nào, (c) không cho phép các hành động giảm thiểu không được hỗ trợ phải chịu sự giám sát tương tự như những hành động được hỗ trợ từ bên ngoài. Các nước BASIC đã cùng nhau đảm bảo rằng các nguyên tắc cơ bản của UNFCCC, chẳng hạn như CBDR-RC, được thừa nhận trong Hiệp định Copenhagen. Mặc dù COP 15 không đạt được thỏa thuận về chế độ khí hậu tương lai, Ấn Độ đã đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng Hiệp định Copenhagen cùng với Trung Quốc, Brazil, Nam Phi và Hoa Kỳ. Ấn Độ cũng đã thành công trong việc trình bày một lập trường nhất quán và cam kết tự nguyện giảm cường độ phát thải của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) từ 20-25% vào năm 2020 so với mức năm 2005 thông qua các hành động giảm thiểu trong nước (không bao gồm lĩnh vực nông nghiệp).

### *Giai đoạn III: Chuẩn bị cho Hiệp định Paris*

Giai đoạn từ (COP16) 2010 đến (COP21) 2015 chủ yếu tập trung vào việc thiết kế một thỏa thuận khí hậu toàn cầu mới, trong đó các nước phát triển do Hoa Kỳ dẫn đầu đã mạnh mẽ ủng hộ việc thay thế Nghị định thư Kyoto - “ràng buộc về mặt pháp lý” và “phân biệt rõ ràng” - bằng một thỏa thuận “tự nguyện hơn”, “ít phân biệt hơn” và “từ dưới lên”, kiểu “cam kết và xem xét” để thúc đẩy các nước đang phát triển tham gia đặt ra các mục tiêu giảm phát thải tự nguyện của họ. Tại COP 16 ở Cancun năm 2010, tất cả các bên đều nhận ra rằng biến đổi khí hậu là một mối đe dọa cấp bách và có khả năng không thể đảo ngược đối với xã hội loài người và hành tinh, và do đó, tất cả các bên cần phải khẩn trương giải quyết biến đổi khí hậu. Dựa trên lập trường này, COP 17 tại Durban, năm 2011, là một bước ngoặt trong các cuộc đàm phán về biến đổi khí hậu toàn cầu. Các bên tham gia COP 17 đã bắt đầu đàm phán về một thỏa thuận sau năm 2020 dưới hình thức một nghị định thư, một văn bản pháp lý khác hoặc một kết quả được thống nhất có hiệu lực pháp lý theo Công ước tại COP 21 vào năm 2015. Thỏa thuận này sẽ “áp dụng cho tất cả các bên”, về cơ bản loại bỏ sự phân biệt rõ ràng giữa các nước phát triển và đang phát triển trong Nghị định thư Kyoto. Bộ trưởng Môi trường,

Rừng và Biến đổi Khí hậu của Ấn Độ lúc bấy giờ, Jayanthi Natarajan, trong tuyên bố của mình tại Durban năm 2011, đã nói rằng biến đổi khí hậu là thách thức cấp bách và nghiêm trọng nhất đối với Ấn Độ. Bà tiếp tục nói rằng, với tư cách là một quốc gia đang phát triển, các nguyên tắc công bằng là trọng tâm đối với chúng tôi. Ấn Độ đang yêu cầu không gian cho sự phát triển cơ bản cho người dân và xóa đói giảm nghèo. Bà nhấn mạnh thêm rằng Ấn Độ không thể chấp nhận việc nguyên tắc trách nhiệm chung nhưng khác biệt (CBDR) bị pha loãng; bức tường lửa của CBDR không được phá vỡ, sự công bằng trong cuộc tranh luận phải được đảm bảo. Mặc dù bị Ấn Độ và các nước đang phát triển khác phản đối nhiều lần, nhưng kết quả Durban vẫn không đưa ra sự phân biệt rõ ràng giữa các nước phát triển và đang phát triển. Khác với Hiệp định Copenhagen và Hiệp định Cancun, Cương lĩnh Durban không đề cập đến các nguyên tắc quan trọng của UNFCCC về “công bằng” và “CBDR&RC” (Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và quyền dân sự). Tuy nhiên, đồng thời, không có văn kiện nào có hiệu lực pháp lý được coi là “áp dụng phổ quát”.

Hội nghị COP 18 tại Doha năm 2012 đã khởi xướng một giai đoạn mới, trong đó tất cả các vấn đề khí hậu chính được giải quyết theo một lộ trình duy nhất với mục tiêu đạt được một thỏa thuận pháp lý toàn diện mới sẽ “áp dụng cho tất cả” bắt đầu từ năm 2020. Ấn Độ và các nước đang phát triển khác đã thúc đẩy các nước phát triển tăng cường cam kết giảm thiểu và áp dụng các cơ chế mạnh mẽ hơn để giải quyết vấn đề tài chính, tính minh bạch và công nghệ. Ấn Độ cùng với các nước kém phát triển nhất và các quốc đảo nhỏ đang phát triển đã nhấn mạnh lại việc đưa “tôn thất và thiệt hại” vào thỏa thuận mới, tuyên bố rằng “cơ chế giải quyết tôn thất và thiệt hại phải được đưa đến kết luận hợp lý của nó”. Sau đó, tại COP 19 năm 2013, các bên đã thành lập Cơ chế Quốc tế Warsaw về Tôn thất và Thiệt hại. Trong một diễn biến quan trọng, tại COP 19, tất cả các bên tham gia UNFCCC đã được mời chuẩn bị và đệ trình Đóng góp Quốc gia Dự kiến (INDC), trong quá trình xây dựng một chế độ mới. Nhóm các nước đang phát triển cùng chí hướng (LMDC) mới thành lập và nhóm BASIC một lần nữa phản bác luận điểm của các nước phát triển dựa trên nguyên tắc công bằng và khác biệt, đồng

thời lập luận rằng thỏa thuận năm 2015 phải phù hợp với các nguyên tắc nền tảng đã được thống nhất của UNFCCC, không thể trải qua “viết lại, sửa đổi hoặc diễn giải lại”. Tại COP 20 ở Lima năm 2014, một thỏa hiệp chính thức đã đạt được về vấn đề này, và người ta quyết định rằng thỏa thuận năm 2015 sẽ đại diện cho nguyên tắc CBDR&RC “trong bối cảnh các hoàn cảnh quốc gia khác nhau”. Nói cách khác, ý tưởng ban đầu của Rio về “sự khác biệt”- được định nghĩa là sự phân biệt rõ ràng giữa nghĩa vụ và cách đối xử của các bên sẽ không còn được áp dụng nữa. Kết quả là, Thỏa thuận Paris, cuối cùng đã được phê duyệt tại COP 21 vào tháng 12 năm 2015, đã bao hàm ý tưởng về sự khác biệt trong ngôn ngữ của nó theo một cách hoàn toàn khác so với cách nó được hình dung lần đầu tiên theo UNFCCC và Nghị định thư Kyoto.[8]

Tại các cuộc đàm phán COP21 ở Paris, cả hai khu vực Bắc và Nam đều thể hiện sự sẵn lòng tham gia vào thỏa thuận khí hậu Paris vì thỏa thuận này cung cấp không gian và sự linh hoạt để xác định và quyết định mức độ đóng góp mà họ mong muốn và có khả năng thực hiện cho hành động khí hậu tập thể chung. Thỏa thuận Paris tái khẳng định Cơ chế Quốc tế về Tồn thất và Thiệt hại là phương tiện chính theo quy trình UNFCCC để giải quyết các tác động bất lợi của biến đổi khí hậu và sự gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan. Hơn nữa, quỹ khí hậu xanh được thành lập tại Hội nghị thượng đỉnh Copenhagen năm 2009 được coi là một trong những công cụ để tạo điều kiện và hỗ trợ dòng chảy nhu cầu tài chính và công nghệ cho việc thực hiện đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định (INDC) ở các nước đang phát triển. Tuy nhiên, Ấn Độ cảnh báo rằng “chỉ đơn giản là tạo ra các sắp xếp thể chế như Quỹ Khí hậu Xanh không giúp ích gì vì ngân quỹ của nó vẫn còn trống rỗng”. Ấn Độ được coi là một trong những tiếng nói quan trọng tại COP 21; lập trường của nước này phù hợp với cách tiếp cận cân bằng để đáp ứng các mục tiêu biến đổi khí hậu trong khi theo đuổi lợi ích quốc gia, tức là thúc đẩy nền kinh tế và cải thiện mức sống của người dân. Cam kết của Ấn Độ đối với phát triển kinh tế bền vững về mặt sinh thái thực sự bắt nguồn từ các giá trị văn minh lâu đời về tôn trọng thiên nhiên, bao gồm ý thức về công bằng giữa các thế hệ và nhân loại chung. Ấn Độ đã ký Hiệp định Paris năm 2015 và phê chuẩn hiệp

định vào tháng 10 năm 2016, khẳng định vị thế là một quốc gia có trách nhiệm trên toàn cầu trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu.

INDC: Những cam kết của Ấn Độ đối với UNFCCC. Ấn Độ đã đệ trình INDC của mình lên ban thư ký của UNFCCC ngay trước COP 21 vào năm 2015. INDC đã nêu rõ các hành động về khí hậu sau năm 2020 mà họ dự định thực hiện theo một thỏa thuận quốc tế mới. Cách tiếp cận của Ấn Độ đối với INDC được lấy cảm hứng từ câu nói nổi tiếng của Mahatma Gandhi, “Trái đất có đủ tài nguyên để đáp ứng nhu cầu của con người, nhưng sẽ không bao giờ có đủ để thỏa mãn lòng tham của con người” và được xây dựng dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Narendra Modi. Theo Bộ Môi trường, Rừng và Biến đổi Khí hậu, INDC của Ấn Độ được xây dựng thông qua cách tiếp cận tham vấn toàn diện cùng với các bên liên quan khác nhau, bao gồm các tổ chức xã hội dân sự, các viện nghiên cứu và các tổ chức kỹ thuật và học thuật với sự tham gia cụ thể của các Bộ và Chính phủ Tiểu bang chủ chốt. Trong INDC, Ấn Độ cam kết: (i) giảm “cường độ phát thải” trên GDP xuống 33-35% vào năm 2030, so với mức năm 2005, (ii) tăng tỷ lệ điện năng sản xuất từ các nguồn không phải nhiên liệu hóa thạch lên 40% vào năm 2030 với sự hỗ trợ của chuyên gia công nghệ và các cơ chế tài chính quốc tế chi phí thấp, chẳng hạn như Quỹ Khí hậu Xanh, và (iii) tạo ra thêm một bể chứa carbon từ 2,5 đến 3 tỷ tấn CO<sub>2</sub> vào năm 2030. Bộ trưởng Môi trường, Rừng và Biến đổi Khí hậu Ấn Độ, ông Prakash Javadekar, tuyên bố rằng “Ấn Độ mong muốn nỗ lực hướng tới con đường phát thải carbon thấp, đồng thời cố gắng giải quyết tất cả các thách thức phát triển mà đất nước đang phải đối mặt hiện nay”. INDC của Ấn Độ tập trung vào các chính sách và chương trình của Ấn Độ về thúc đẩy năng lượng sạch, đặc biệt là năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu quả năng lượng, phát triển các trung tâm đô thị ít phát thải carbon và có khả năng phục hồi, thúc đẩy chuyển đổi chất thải thành tài nguyên, mạng lưới giao thông xanh an toàn, thông minh và bền vững, giảm thiểu ô nhiễm và nỗ lực của Ấn Độ nhằm tăng cường khả năng hấp thụ carbon thông qua việc tạo ra rừng và lớp phủ cây xanh. Hơn nữa, Chính phủ Ấn Độ nhấn mạnh rằng “INDC cân bằng và toàn diện vì nó bao gồm thích ứng, giảm thiểu, tài chính khí hậu, chuyển giao công nghệ và xây dựng năng lực”. Nó cũng

công bằng và đầy tham vọng vì Ấn Độ đang cố gắng theo đuổi con đường phát thải carbon thấp trong khi giải quyết các nhu cầu phát triển của mình.

Để đạt được các Đóng góp Quốc gia Tự nguyện (NDC) đã được thông báo, một số sáng kiến mới đã được triển khai trong các lĩnh vực ưu tiên sau: Giới thiệu các công nghệ mới, hiệu quả hơn và sạch hơn trong sản xuất điện nhiệt. Thúc đẩy sản xuất năng lượng tái tạo và tăng tỷ lệ nhiên liệu thay thế trong tổng hỗn hợp nhiên liệu. Giảm phát thải từ ngành giao thông vận tải. Thúc đẩy hiệu quả năng lượng trong nền kinh tế, đặc biệt là trong công nghiệp, giao thông vận tải, các tòa nhà và thiết bị. Giảm phát thải từ chất thải. Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với khí hậu. Thực hiện đầy đủ Sứ mệnh Xanh Ấn Độ và các chương trình trồng rừng khác. Lập kế hoạch và thực hiện các hành động để tăng cường khả năng thích ứng với khí hậu và giảm thiểu tính dễ tổn thương trước biến đổi khí hậu

Cam kết Net Zero của Ấn Độ tại Hội nghị thượng đỉnh khí hậu Glasgow. Là một phần của “cơ chế điều chỉnh” theo Hiệp định Paris, tất cả các bên dự kiến sẽ đệ trình INDC sửa đổi, tham vọng hơn của họ trước COP26 tại Glasgow vào năm 2021. Tại Hội nghị thượng đỉnh, Thủ tướng Narendra Modi đã công bố INDC cập nhật của Ấn Độ, lần đầu tiên bao gồm một mốc thời gian để đạt được mức phát thải “net-zero”. Năm cam kết được cập nhật (được Thủ tướng gọi là ‘Panchamrit’ hay năm yếu tố mật hoa) như sau:[9] Ấn Độ sẽ nâng công suất năng lượng phi hóa thạch lên 500 GW vào năm 2030. Ấn Độ sẽ đáp ứng 50% nhu cầu năng lượng của mình từ năng lượng tái tạo vào năm 2030. Ấn Độ sẽ giảm tổng lượng khí thải carbon dự kiến xuống một tỷ tấn từ nay đến năm 2030. Đến năm 2030, Ấn Độ sẽ giảm cường độ carbon của nền kinh tế hơn 45%. Đến năm 2070, Ấn Độ sẽ đạt được mục tiêu Net Zero.

Việc thực hiện thành công INDC phụ thuộc vào các phương tiện thực hiện bổ sung, chẳng hạn như chuyển giao công nghệ, xây dựng năng lực, tài trợ khí hậu do các nước phát triển cung cấp như đã nêu trong Điều 3.1 và 4.7 của UNFCCC. Thủ tướng Narendra Modi cũng tuyên bố rằng “trong khi tất cả chúng ta đang nâng cao tham vọng về hành động khí hậu, thì tham vọng của thế giới về tài chính khí hậu không thể giữ nguyên như thời điểm Hiệp định Paris”. Ông nhấn mạnh

rằng các quốc gia phát triển phải tăng cường viện trợ cho các quốc gia đang phát triển và huy động tài chính khí hậu ít nhất 1 nghìn tỷ USD, và tiến độ thực hiện các cam kết tài chính khí hậu cần được theo dõi giống như tiến độ thực hiện các cam kết giảm thiểu biến đổi khí hậu.

Những nỗ lực của Ấn Độ hướng tới thúc đẩy hợp tác quốc tế về giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Ngoài những nỗ lực trong khuôn khổ UNFCCC, Ấn Độ đã tích cực nỗ lực tăng cường hợp tác đa phương và song phương về biến đổi khí hậu như một phần của chính sách đối ngoại, chính sách kinh tế và khuôn khổ ngoại giao. Ví dụ, Ấn Độ là thành viên tích cực của các cơ chế tham vấn như Hội nghị Bộ trưởng BASIC về Biến đổi Khí hậu. Ấn Độ đã tích cực phối hợp các lập trường của nhiều quốc gia trong các cuộc đàm phán về biến đổi khí hậu và đóng vai trò thiết yếu trong việc duy trì sự thống nhất giữa các nước đang phát triển và bảo vệ lợi ích chung của họ. Ấn Độ cũng tích cực tham gia các cuộc đàm phán thông qua Nhóm G20, Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế, Tổ chức Hàng hải Quốc tế và cuộc họp BRICS, nhằm thúc đẩy sự phối hợp giữa nhiều kênh và quy trình đa phương. Ấn Độ cũng là thành viên của Công ước Đa dạng Sinh học (CBD), Khung Sendai về Giảm thiểu Rủi ro Thảm họa và Công ước Liên Hợp Quốc về Chống Sa mạc hóa (UNCCD). Năm 2021, Ấn Độ chính thức gia nhập Liên minh Tham vọng Cao vì Thiên nhiên và Con người, một nhóm gồm hơn 70 quốc gia nhằm mục đích bảo vệ và bảo tồn 30% hệ sinh thái trên cạn, nước ngọt, ven biển và biển của thế giới, trở thành quốc gia đầu tiên trong số năm quốc gia BRICS tham gia liên minh này.[10]

Trong những năm gần đây, Ấn Độ đã nổi lên như một quốc gia đóng góp tích cực vào các biện pháp hành động khí hậu hợp tác quốc tế và trên thực tế là quốc gia tiên phong trong một số trường hợp. Ví dụ, Ấn Độ đã khởi động Liên minh Năng lượng Mặt trời Quốc tế (ISA) cùng với Pháp tại COP 21 vào ngày 30 tháng 11 năm 2015, để đẩy nhanh việc áp dụng năng lượng mặt trời trên toàn cầu. Liên minh này có 121 quốc gia nằm giữa Chí tuyến Bắc và Chí tuyến Nam. “Tầm nhìn và sứ mệnh của ISA là cung cấp một nền tảng hợp tác giữa các thành viên... để đóng góp tích cực nhằm hỗ trợ và giúp đạt được các mục tiêu chung là tăng cường

sử dụng năng lượng mặt trời để đáp ứng nhu cầu năng lượng của các quốc gia thành viên ISA tiềm năng một cách an toàn, thuận tiện, giá cả phải chăng, công bằng và bền vững”. ISA cam kết thiết lập năng lượng mặt trời như một giải pháp chung có thể giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và thúc đẩy phát triển kinh tế trên khắp các khu vực địa lý cùng một lúc. Thủ tướng Narendra Modi trong Đại hội đồng đầu tiên của Liên minh Năng lượng Mặt trời Quốc tế tại Vigyan Bhawan năm 2018, đã tuyên bố rằng “Liên minh Năng lượng Mặt trời là một diễn đàn tuyệt vời để hướng tới việc đảm bảo công bằng khí hậu”. Liên minh Năng lượng Mặt trời Quốc tế và Elsevier đã ra mắt một tạp chí truy cập mở có tên “Solar Compass”, như một công cụ quan trọng để hỗ trợ sự gia tăng nhanh chóng việc sử dụng năng lượng mặt trời trên toàn thế giới thông qua việc trao đổi ý tưởng, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và các giải pháp liên quan đến chính sách. Tại Glasgow tháng 11 năm 2021, Chủ tịch COP 26 của Vương quốc Anh và Chủ tịch ISA của Ấn Độ đã khởi động ‘Sáng kiến Lưới điện Xanh - Một Mặt trời Một Thế giới Một Lưới điện’ (GGI-OSOWOG).

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Hành động vì Khí hậu của Liên Hợp Quốc ở New York ngày 23 tháng 9 năm 2019, Thủ tướng Narendra Modi đã khởi xướng Liên minh Quốc tế về Cơ sở hạ tầng Chống chịu Thảm họa (CDRI), được hình dung như một quan hệ đối tác toàn cầu đa bên gồm các chính phủ quốc gia, các cơ quan và chương trình của Liên Hợp Quốc, các ngân hàng phát triển đa phương và các cơ chế tài chính, khu vực tư nhân, và các tổ chức học thuật và nghiên cứu. Việc thành lập liên minh quốc tế này là kết quả của những nỗ lực từ phía Ấn Độ bắt đầu từ năm 2016 tại Hội nghị Bộ trưởng Châu Á về Giảm thiểu Rủi ro Thảm họa ở New Delhi, khi Ấn Độ kêu gọi hành động hợp tác để giảm thiểu thiệt hại cho cơ sở hạ tầng trọng yếu. Thực tế, Ấn Độ luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của quản lý rủi ro thảm họa trong tất cả các diễn đàn song phương và đa phương quốc tế. Nhiệm vụ của CDRI là hỗ trợ các quốc gia nâng cấp hệ thống và tăng cường khả năng chống chịu thảm họa và biến đổi khí hậu của cơ sở hạ tầng hiện có và tương lai. Liên minh này tìm cách nhanh chóng mở rộng việc phát triển và cải tạo cơ sở hạ tầng kiên cường và tăng cường khả năng hỗ trợ kỹ thuật để đáp ứng các cam kết

quốc tế theo Hiệp định Paris, Khung Sendai về Giảm thiểu Rủi ro Thảm họa và Mục tiêu Phát triển Bền vững. CDRI hướng đến giải quyết các thách thức chung và cung cấp quyền tiếp cận các thực tiễn tốt nhất để phát triển các tiêu chuẩn tốt hơn cũng như các cơ chế quản lý nhằm quản lý phát triển cơ sở hạ tầng theo cách thức thúc đẩy khả năng phục hồi, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển ở giai đoạn đầu phát triển cơ sở hạ tầng. Tính đến tháng 8 năm 2022, CDRI có 31 quốc gia thành viên và 8 tổ chức quốc tế (bao gồm các cơ quan Liên Hợp Quốc, ngân hàng phát triển...)

Ấn Độ nhận thức rằng hợp tác đa phương mạnh mẽ là cách duy nhất để giải quyết các vấn đề phức tạp, liên kết với nhau như biến đổi khí hậu. Hợp tác quốc tế cũng cần thiết để huy động sự hỗ trợ chính trị, kỹ thuật và tài chính ở cấp tiểu vùng, khu vực và quốc tế bằng cách tập trung vào các sáng kiến phối hợp tại địa phương dựa trên các nhu cầu cụ thể. Một số sáng kiến quan trọng khác cũng có liên quan trong bối cảnh hợp tác về biến đổi khí hậu và trong đó Ấn Độ đóng vai trò tích cực bao gồm: Hiệp hội Vành đai Ấn Độ Dương (IORA), Sáng kiến Vịnh Bengal về Hợp tác Kỹ thuật và Kinh tế Đa ngành (BIMSTEC), Sáng kiến Hợp tác Mekong-Ganges, Hội đồng Bắc Cực, Nhóm Lãnh đạo Chuyên đổi Công nghiệp (LeadIT Group), và Sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPOI) được Thủ tướng Narendra Modi giới thiệu tại Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á năm 2019... Ở cấp độ song phương, Ấn Độ đã thiết lập quan hệ đối tác xanh với Vương quốc Anh, Hoa Kỳ, Đan Mạch, Pháp, Na Uy và Úc. Vào tháng 5 năm 2021, Lộ trình 2030 cho Quan hệ Tương lai Ấn Độ-Vương quốc Anh đã được công bố và chỉ ra rằng họ sẽ cùng nhau dẫn đầu hành động khí hậu toàn cầu thông qua Quan hệ Đối tác Rừng Anh-Ấn Độ, Quan hệ Đối tác Tài chính Khí hậu, Quan hệ Đối tác Hydro Xanh Ấn Độ-Vương quốc Anh và Quan hệ Đối tác Năng lượng Xanh Ấn Độ-Vương quốc Anh... Ấn Độ cũng đã nỗ lực xây dựng các phương pháp hợp tác cho Nền Kinh tế Xanh quốc gia và khu vực. Năm 2020, Bộ trưởng Khoa học Trái đất của Ấn Độ, Harsh Vardhan và Bộ trưởng Khí hậu và Môi trường của Na Uy, Sveinung Rotevatn, đã công bố Lực lượng Đặc nhiệm Ấn Độ-Na Uy về Kinh tế Xanh vì Phát triển Bền vững. Họ cùng nhau khởi xướng một sự hợp tác mới về

Quản lý và Nghiên cứu Đại dương Tích hợp. Sự hợp tác Ấn Độ-Na Uy nhằm mục đích tập trung vào việc cải thiện quản lý không gian mở, giảm ô nhiễm nhựa và giảm phát thải từ vận tải biển và cảng. Tương tự, Ấn Độ và Pháp cũng đã thừa nhận vai trò quan trọng của đại dương trong việc chống biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học và hỗ trợ phát triển kinh tế. Cả hai nước đã nhất trí hợp tác và thông qua Lộ trình Ấn Độ-Pháp về Kinh tế Xanh và Quản trị Đại dương vào tháng 2 năm 2022...

Bản Kế hoạch hành động quốc gia về khí hậu theo Thỏa thuận Pasis cập nhật của Ấn Độ thể hiện khuôn khổ chuyển đổi của quốc gia từ nền kinh tế dựa trên nhiên liệu hóa thạch sang nền kinh tế dựa trên năng lượng sạch hơn. Về việc chống biến đổi khí hậu và thiết lập nền kinh tế sạch, Ấn Độ phải phát triển các lộ trình khác với những lộ trình mà phương Tây đã thực hiện để đạt được sự cân bằng giữa tham vọng giảm phát thải mạnh mẽ và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, do Ấn Độ là một trong những quốc gia đang phát triển lớn nhất và đông dân nhất, nên sẽ rất khó để Ấn Độ đạt được mục tiêu trung hòa carbon nếu không có sự hỗ trợ về phát triển khoa học, công nghệ tiên tiến và tài chính khí hậu từ các nước phát triển. Ấn Độ sẽ cần một lượng đầu tư khổng lồ và tiếp cận với tất cả các hình thức vốn và bí quyết công nghệ để đạt được các mục tiêu khí hậu. Bộ Môi trường tuyên bố rằng “Ấn Độ sẽ cần tài chính khí hậu khoảng 1 nghìn tỷ USD vào năm 2030 để đạt được mục tiêu khí hậu của mình”.[11] Cho đến nay, các hành động về khí hậu của Ấn Độ phần lớn được tài trợ bằng nguồn lực trong nước. Đây cũng là một trong những cam kết và nghĩa vụ đã được thống nhất của các nước phát triển theo UNFCCC và Hiệp định Paris về việc chuyển giao công nghệ và cung cấp nguồn tài chính để giải quyết cuộc khủng hoảng biến đổi khí hậu toàn cầu.

### **Thay lời kết**

Ngày nay, biến đổi khí hậu hiện là mối đe dọa hiện hữu với nhân loại, đây đồng thời là trọng tâm trong Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên hợp quốc (LHQ). Nếu không sớm hành động cải thiện khí hậu, nhân loại có ít hy vọng để đạt được bất kỳ mục tiêu SDG nào. Vì vậy, các nước ngày càng dành nhiều tập trung vào quan hệ đối tác về khí hậu, cả ở cấp độ song phương và đa phương,

trong đó có Ấn Độ. Khí hậu trở thành một phần quan trọng trong chính sách đối ngoại của New Delhi, vốn được sự ghi nhận lớn trên toàn cầu nhờ cam kết mạnh mẽ giải quyết rủi ro môi trường. Ngoại giao khí hậu của Ấn Độ nổi lên như học thuyết đối ngoại chiến lược, thể hiện thông qua những thành tựu lớn mà nước này gặt hái trên mặt trận đa phương và song phương.

Trên mặt trận đa phương, Ấn Độ đóng vai trò tiên phong dẫn dắt một số cơ chế nổi bật về giải quyết biến đổi khí hậu. Ra đời năm 2015, Liên minh năng lượng mặt trời quốc tế (ISA) do Ấn Độ, UAE và Pháp đồng sáng lập. Đây là liên minh gồm 124 quốc gia nhằm thúc đẩy ứng dụng năng lượng mặt trời và giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Đại hội lần thứ sáu của ISA tại New Delhi năm 2023 nâng cao dấu ấn và hình ảnh Ấn Độ trên trường quốc tế, đồng thời làm nổi bật vai trò của nước này trong thúc đẩy chương trình nghị sự về khí hậu. Với ISA, ngoại giao khí hậu của Ấn Độ không chỉ tập trung vào chuyển đổi năng lượng, mà còn phản ánh chương trình nghị sự địa chính trị. Liên minh này củng cố sự can dự của Ấn Độ với các nước Nam bán cầu, khởi xướng nhiều dự án tận dụng năng lượng mặt trời trong các lĩnh vực nông nghiệp, chăm sóc sức khỏe và giáo dục. Hơn nữa, Ấn Độ còn là nước chủ chốt trong Liên minh Cơ sở hạ tầng chống chịu thiên tai (CDRI), ra đời năm 2019 tại Hội nghị thượng đỉnh về hành động vì khí hậu của LHQ ở New York. Liên minh này đặt mục tiêu cải thiện khả năng phục hồi cơ sở hạ tầng, nhằm đáp ứng các rủi ro về khí hậu và thiên tai, từ đó góp phần đạt được SDG.

Trên mặt trận song phương, các sáng kiến khí hậu của Ấn Độ góp phần đáng kể vào hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại. New Delhi đã ký kết nhiều thỏa thuận song phương với các nước với phương châm nêu cao tầm quan trọng của khí hậu bền vững. Quan hệ Ấn Độ-Đan Mạch là ví dụ điển hình cho sự thành công của hợp tác song phương vì khí hậu, trong đó hai nước nhất trí tăng cường hơn nữa quan hệ Đối tác chiến lược Xanh với trọng tâm là phát triển hydro xanh, năng lượng tái tạo và quản lý nước thải. Đáng chú ý, Ấn Độ được đánh giá là quốc gia dẫn đầu về công nghệ ở Nam bán cầu. Tận dụng tiềm lực trong công nghệ mới

nổi và hệ sinh thái đổi mới, chính quyền New Delhi đã và đang chuyển giao công nghệ sang các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh, nhằm giúp đổi tác ứng dụng tốt công nghệ xanh, thân thiện và bền vững với môi trường.

### **Tài liệu tham khảo**

1. IPCC, M.R. Allen, Dube, W.Solecki et al. Framing and Context, In: Masson-Delmotte, V.P Zhai, et al. (eds), An IPCC Special Report on the Impacts of global warming of 1.5% above pre-industrial levels and related global greenhouse gas emissions pathways, in the context of strengthening the global response to the threat of climate change, sustainable development, and efforts to eradicate poverty, Special Report, Global Warming of 1.5 Degree Celsius, Cambridge University Press: UK and New York, (2018): 49-92. <https://www.ipcc.ch/sr15/chapter/chapter-1/>
2. Rajib Shaw, Yong Luo, Tae Sung Cheong, et al. Chapter 10, Asia, In: Climate Change 2022, Impacts, Adaptation and Vulnerability, IPCC WGII Sixth Assessment Report, 2022. [https://www.ipcc.ch/report/ar6/wg2/downloads/report/IPCC\\_AR6\\_WGII\\_Final\\_Draft\\_Chapter10.pdf](https://www.ipcc.ch/report/ar6/wg2/downloads/report/IPCC_AR6_WGII_Final_Draft_Chapter10.pdf)
3. IPCC, The Sixth Assessment Report, Climate Change 2021: the Physical Science Basis, 2022, <https://www.ipcc.ch/assessment-report/ar6/>
4. Ministry of Environment, Forest and Climate Change, Government of India, India, First Biennial Update Report to the United Nations Framework Convention on Climate Change, India's Third National Communication to the UNFCCC, 2015, <https://unfccc.int/resource/docs/natc/indbur1.pdf>
5. United Nations, Report of the Conference of the Parties on its First Session, held at Berlin, from 28 March to 7 April, 1995, FCCC/CP/1995/7/Add.1, 6 June 1995, <https://unfccc.int/resource/docs/cop1/07a01.pdf>

6. United Nations, “Kyoto Protocol to the United Nations Framework Convention on Climate Change”, 1998,  
<https://unfccc.int/resource/docs/convkp/kpeng.pdf>
7. IPCC, 2007: Summary for Policymakers: Climate Change 2007: Impacts, Adaptation and Vulnerability, Contribution of Working Group II to the Fourth Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change, Cambridge University Press: Cambridge, (2007): 7-22.
8. Sandeep Sengupta, “India’s Engagement in Global Climate Negotiations from Rio to Paris”, In Navroz K. Dubash (ed.), *India in a Warming World: Integrating Climate Change and Development*, Delhi: Oxford Academic, 19 Dec. 2019, <https://doi.org/10.1093/oso/9780199498734.003.0007>
9. Ministry of External Affairs, Government of India, “National Statement by Prime Minister Shri Narendra Modi at COP 26 Summit in Glasgow, November 02 2021,
10. Ministry of External Affairs, “Indo-Pacific Division Briefs”, Feb 7, 2020.
11. Jayashree Nandi, “India Needs Additional \$1trillion to Achieve its Climate Goals: Government to Rajya Sabha”, *Hindustan Times*, 03 December 2021, <https://www.hindustantimes.com/india-news/india-needs-additional-1-trillion-to-achieve-its-climate-goals-govt-to-rajya-sabha-101638472545191.html>

# CHÍNH SÁCH KỸ THUẬT SỐ VÀ AN NINH MẠNG CỦA ẤN ĐỘ TRONG QUẢN TRỊ TOÀN CẦU: TỪ CHỦ QUYỀN SỐ ĐẾN HỢP TÁC QUỐC TẾ

TS Trần Minh Văn

**Tóm tắt:** Sự vươn lên của Ấn Độ trong kỷ nguyên số đánh dấu bước chuyển mình chiến lược từ một quốc gia tiêu thụ công nghệ sang cường quốc số định hình trật tự quản trị toàn cầu. Bài viết phân tích hành trình chính sách kỹ thuật số và an ninh mạng của Ấn Độ, đi từ nỗ lực củng cố chủ quyền số nội địa thông qua các đạo luật bảo vệ dữ liệu và nâng cấp năng lực phòng thủ, đến việc chủ động mở rộng ảnh hưởng quốc tế. Bằng việc vận dụng linh hoạt chiến lược ngoại giao “đa liên kết” và xuất khẩu mô hình Hạ tầng công cộng số (DPI), Ấn Độ đã kiến tạo một “con đường thứ ba” độc lập. Mô hình này không chỉ giúp Ấn Độ tự cường công nghệ mà còn khẳng định vai trò dẫn dắt sự trỗi dậy của khu vực Phương Nam toàn cầu.

**Từ khóa:** chủ quyền số; an ninh mạng; quản trị toàn cầu; Phương Nam toàn cầu; chiến lược đa liên kết

## 1. Mở đầu

Thế giới đang bước vào kỷ nguyên chuyển đổi số sâu sắc chưa từng có, nơi không gian mạng vừa đóng vai trò là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, vừa trở thành đấu trường trung tâm của cạnh tranh địa chính trị toàn cầu. Theo báo cáo của Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU), năm 2025 có 6 tỷ người sử dụng internet, số lượng thiết bị kết nối trên toàn thế giới đạt mốc 25 tỷ thiết bị<sup>1</sup>, kéo theo sự gia tăng tỷ lệ thuận của các rủi ro phi truyền thống, đặc biệt là rủi ro an ninh mạng tăng tới 30% mỗi năm theo báo cáo của Cybersecurity Ventures. Trong bức tranh

---

<sup>1</sup> <https://www.itu.int/en/mediacentre/Pages/PR-2025-11-17-Facts-and-Figures.aspx>, ngày 17/11/2025.

toàn cảnh đầy biến động đó, Ấn Độ nổi lên như một hiện tượng mang tính bước ngoặt. Với dân số hơn 1,4 tỷ người và khoảng 971 triệu thuê bao internet, Ấn Độ đang nhanh chóng định hình lại vị thế của mình. Nền kinh tế số của quốc gia này hiện đóng góp khoảng 11,74% vào tổng thu nhập quốc dân với giá trị đạt 402 tỷ USD, đồng thời được kỳ vọng sẽ sớm chạm mốc 1 nghìn tỷ USD vào năm 2030<sup>1</sup>. Quá trình này không chỉ là câu chuyện về phổ cập internet nội địa mà còn đánh dấu sự chuyển đổi chiến lược của Ấn Độ từ một quốc gia tiêu thụ công nghệ nhập khẩu trở thành một thực thể thiết lập các chuẩn mực quản trị toàn cầu.

Quan trọng hơn, sự vươn lên mạnh mẽ của Ấn Độ mang ý nghĩa đại diện sâu sắc cho bối cảnh vĩ mô về sự trỗi dậy của khu vực Phương Nam toàn cầu (Global South). Đứng trước một trật tự thế giới đang phân cực sâu sắc, Ấn Độ đã khéo léo vận dụng chiến lược ngoại giao “đa liên kết” (multi-alignment) để định hình một “con đường thứ ba” sáng tạo. Lộ trình này cho phép Ấn Độ tránh bị lôi kéo vào sự phụ thuộc tuyệt đối giữa mô hình tư bản giám sát do các tập đoàn công nghệ Mỹ chi phối và mô hình kiểm soát nhà nước tập trung của Trung Quốc. Bằng việc tích cực tham gia và dẫn dắt tại các cơ chế đa phương trọng yếu như G20, Nhóm Bộ tứ (QUAD) hay khối BRICS, Ấn Độ không chỉ bảo vệ vững chắc chủ quyền số quốc gia mà còn hướng tới mục tiêu kiến tạo một hệ sinh thái kỹ thuật số quốc tế công bằng, minh bạch và bao trùm.

Trong bối cảnh các cuộc tấn công mạng quy mô lớn gia tăng và cạnh tranh địa chính trị không gian mạng khốc liệt, việc đảm bảo chủ quyền số và an ninh mạng đã trở thành vấn đề sống còn đối với Ấn Độ. Phản ứng trước những thách thức này, chính sách kỹ thuật số của Ấn Độ đang có sự chuyển dịch toàn diện, đi từ nỗ lực củng cố nội lực, bảo vệ dữ liệu quốc gia đến việc chủ động định hình các chuẩn mực thông qua hợp tác quốc tế. Bằng cách vận dụng khéo léo chiến lược “đa liên kết”, Ấn Độ không chỉ tối đa hóa lợi ích chiến lược trong kỷ nguyên số mà còn biến hành trình tự cường công nghệ của mình thành một mô hình đặc sắc,

---

<sup>1</sup> <https://carnegieendowment.org/research/2025/09/mapping-indias-cybersecurity-administration-in-2025>, ngày 01/11/2025.

mang lại những bài học kinh nghiệm sâu sắc cho sự trỗi dậy của toàn bộ khu vực Phương Nam toàn cầu.

## 2. Nội dung chính

### 2.1. Nền tảng và chiến lược chủ quyền số của Ấn Độ

Quá trình phát triển chính sách kỹ thuật số của Ấn Độ trong thập kỷ qua là một cuộc cách mạng mang tính cấu trúc nhằm kiến tạo nền kinh tế tri thức số. Cột mốc khởi nguồn cho sự chuyển đổi này là chiến lược “Digital India” được chính thức khởi xướng vào năm 2015, với tầm nhìn biến hạ tầng kỹ thuật số thành một tiện ích công cộng thiết yếu cho mọi công dân<sup>1</sup>. Điểm nhấn của chiến lược này là dự án mạng cáp quang quốc gia BharatNet nhằm kết nối hàng trăm nghìn hội đồng làng xã, qua đó thu hẹp đáng kể khoảng cách số giữa các trung tâm đô thị sầm uất và vùng nông thôn rộng lớn. Nền tảng hạ tầng vững chắc này đã tạo tiền đề cho sự bùng nổ của Giao diện Thanh toán hợp nhất (UPI), một hệ thống thanh toán thời gian thực tạo ra cuộc cách mạng tài chính với mục tiêu vượt tới 12 tỷ giao dịch mỗi tháng vào năm 2025, và thực tế đã xử lý hơn 13 tỷ giao dịch chỉ tính riêng trong tháng 4 năm 2025<sup>2</sup>. Để đáp ứng nhu cầu dữ liệu khổng lồ sinh ra từ hệ sinh thái này, Chính phủ Ấn Độ tiếp tục ban hành Chính sách Truyền thông kỹ thuật số quốc gia (2018) với mục tiêu chiến lược đạt băng thông lên tới 1 Tbps. Chính sách này đồng thời thiết lập một hệ sinh thái viễn thông đồng bộ để triển khai mạng 5G và tạo bước đệm nghiên cứu cho công nghệ 6G trong tương lai, giúp Ấn Độ nâng cao năng lực tự chủ về công nghệ lõi.

Khi hạ tầng kỹ thuật số ngày càng mở rộng và trở thành huyết mạch của nền kinh tế, Ấn Độ nhận thức sâu sắc rằng việc phụ thuộc vào các nền tảng công nghệ nước ngoài sẽ tạo ra những lỗ hổng nghiêm trọng về an ninh quốc gia<sup>3</sup>. Do đó, nước

---

<sup>1</sup> Sabitha, N. R., & Mavroidis, P. C. (2021). Patriot Games: India and China: Brinkmanship in the Realm of Apps. *Indian Journal of International Economic Law*, 13, 179.

<sup>2</sup> Patil, S. S. (2025). Security-by-design lessons from India's digital public infrastructure journey. *World Economic Forum*.

<sup>3</sup> Mishra, N. (2023). Data Governance and Digital Trade in India: Losing Sight of the Forest for the Trees? In A. Chander & H. Sun (Eds.), *Data Sovereignty: From the Digital Silk Road to the Return of the State* (pp. 240-263). Oxford University Press.

này đã bước sang giai đoạn thiết lập các hàng rào pháp lý nghiêm ngặt nhằm khẳng định tuyệt đối chủ quyền số. Điểm tựa trung tâm của nỗ lực này là chiến lược bản địa hóa dữ liệu (data localization), được nhen nhóm từ Dự luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2019 và chính thức hoàn thiện thông qua Đạo luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân kỹ thuật số (DPDP) năm 2023<sup>1</sup>. Đạo luật DPDP thiết lập quy chế quản lý dữ liệu, yêu cầu lưu trữ dữ liệu nội địa và kiểm soát việc chuyển dữ liệu xuyên biên giới thông qua cơ chế “danh sách đen” các quốc gia bị cấm, qua đó giảm thiểu sự phụ thuộc vào phương Tây và bảo vệ lợi ích an ninh quốc gia. Song song với đó, năng lực phòng thủ không gian mạng được củng cố quyết liệt thông qua các thiết chế an ninh chuyên trách, nổi bật là Đội Ứng cứu khẩn cấp máy tính Ấn Độ (CERT-In). Được nâng cấp mạnh mẽ vào năm 2022, CERT-In buộc các tổ chức phải báo cáo sự cố an ninh mạng nghiêm trọng trong khoảng thời gian cực ngắn là 6 giờ đồng hồ. Tính đến năm 2024, cơ quan này phải xử lý khối lượng khổng lồ lên tới 1,8 triệu sự cố mỗi năm, minh chứng cho sự can thiệp mạnh mẽ của nhà nước nhằm bảo vệ lãnh thổ kỹ thuật số. Để minh họa sâu sắc cho hành trình này, hệ thống định danh sinh trắc học Aadhaar nổi lên như một trường hợp mang tính biểu tượng. Là hệ thống ID kỹ thuật số lớn nhất thế giới với hơn 1,3 tỷ người dùng, Aadhaar mang lại lợi ích to lớn trong việc phân phối phúc lợi trực tiếp nhưng cũng tạo ra bài toán vô cùng phức tạp về việc cân bằng giữa quyền riêng tư và an ninh quốc gia<sup>2</sup>. Nhằm giải quyết bài toán này, Ấn Độ đã lồng ghép Aadhaar vào một cấu trúc pháp lý bảo mật chặt chẽ, coi đây là tài nguyên chiến lược bất khả xâm phạm.

Dưới góc độ lý luận, toàn bộ hệ thống chính sách kỹ thuật số và các hành động thực tiễn của Ấn Độ là sự phản ánh rõ nét của khung lý thuyết về “chủ quyền số” (digital sovereignty). Theo các phân tích học thuật như của Milton Mueller (vào năm 2020 và 2021), khái niệm này được hiểu là quyền lực và khả năng kiểm soát tối cao của một quốc gia đối với dữ liệu, hạ tầng mạng và các chuẩn mực chi phối

---

<sup>1</sup> The Digital Personal Data Protection Act 2023: Implications for Mental Healthcare Practice in India - PMC, <https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov/articles/PMC12423081/>

<sup>2</sup> Patil, S. S. (2025). Security-by-design lessons from India's digital public infrastructure journey. *World Economic Forum*.

không gian số trong phạm vi quyền tài phán của mình<sup>1</sup>. Thiếu sự kiểm soát này sẽ mở đường cho “chủ nghĩa thực dân dữ liệu” (data colonialism), nơi dữ liệu của công dân bị các cường quốc bên ngoài khai thác mà không mang lại sự phát triển tương xứng cho chính quốc gia sở tại<sup>2</sup>. Đặt trong bối cảnh địa chính trị toàn cầu, Ấn Độ đã tự định hình thành một mô hình riêng mang tính biểu tượng cho sự trỗi dậy của khu vực Phương Nam toàn cầu trong cuộc chiến chống lại bá quyền kỹ thuật số. Mô hình độc đáo này kết hợp hài hòa giữa việc bảo vệ nghiêm ngặt dữ liệu chủ quyền, phát triển hệ thống Hạ tầng công cộng số dựa trên mã nguồn mở và duy trì một môi trường internet dân chủ, giúp Ấn Độ không chỉ giữ vững quyền tự chủ công nghệ mà còn trở thành ngọn cờ tiên phong của các quốc gia đang phát triển.

## **2.2. An ninh mạng trong chính sách quốc gia của Ấn Độ**

Để bảo vệ vững chắc chủ quyền số, Ấn Độ nhận thức sâu sắc rằng hệ thống chính sách kỹ thuật số phải được đặt trên nền tảng của một cấu trúc an ninh mạng quốc gia vững mạnh. Không gian mạng ngày nay đã trở thành mặt trận thứ năm của an ninh quốc gia, thúc đẩy Ấn Độ biến an ninh mạng thành một trụ cột cốt lõi thông qua việc hoàn thiện khung pháp lý và thể chế. Nền tảng pháp lý đầu tiên là Đạo luật Công nghệ thông tin (IT Act) năm 2000, được liên tục sửa đổi, nổi bật là các điều chỉnh đến năm 2021 nhằm cung cấp chế tài nghiêm khắc đối với các tội phạm mạng tinh vi như đánh cắp dữ liệu và khủng bố mạng<sup>3</sup>. Song song đó, Chính sách An ninh mạng quốc gia (NCSP) năm 2013 đã đặt nền móng cho hệ sinh thái an toàn, bảo vệ cơ sở hạ tầng thông tin trọng yếu. Để ứng phó với sự gia tăng của các mối đe dọa hiện đại, khung chính sách này đã liên tục được cập nhật trong giai đoạn 2020-2025 với tư duy phòng thủ chủ động, đi kèm cam kết phân bổ ngân sách đủ để hiện đại hóa toàn diện hạ tầng an ninh mạng. Một điểm sáng mang tính

---

<sup>1</sup> Mueller, M. L. (2020). Against sovereignty in cyberspace. *International studies review*, 22(4), 779-801.

<sup>2</sup> Mishra, N. (2023). Data Governance and Digital Trade in India: Losing Sight of the Forest for the Trees? In A. Chander & H. Sun (Eds.), *Data Sovereignty: From the Digital Silk Road to the Return of the State* (pp. 240-263). Oxford University Press.

<sup>3</sup> Singh, O., Gupta, P., & Kumar, R. (2016). A Review of Indian Approach towards Cybersecurity. *International Journal of Current Engineering and Technology*, 6(2).

đột phá trong cách tiếp cận thể chế của Ấn Độ là việc thúc đẩy mô hình hợp tác công - tư (PPP), tiêu biểu qua sự ra đời của Cyber Swachhta Kendra (Trung tâm Phân tích mã độc Botnet). Trung tâm này phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp tư nhân để cung cấp công cụ miễn phí giúp phát hiện, loại bỏ mã độc, tạo ra một môi trường an toàn cho không gian mạng hiệu quả trên quy mô toàn quốc<sup>1</sup>.

Sự chuyển mình mạnh mẽ trong thể chế xuất phát từ yêu cầu sống còn nhằm ứng phó với những thách thức an ninh phi truyền thống đang gia tăng theo cấp số nhân. Là một trong những quốc gia bị tấn công mạng nhiều nhất thế giới, Ấn Độ liên tục phải đối mặt với các chiến dịch tấn công có chủ đích<sup>2</sup>. Tội phạm mạng mang động cơ tài chính bùng nổ nghiêm trọng; tỷ lệ các cuộc tấn công bằng mã độc tống tiền (ransomware) đã tăng vọt, gây ra những thiệt hại kinh tế lớn. Trước tình thế đó, Trung tâm Bảo vệ hạ tầng thông tin trọng yếu quốc gia (NCIIPC) đã được tăng cường quyền lực tối đa để trở thành lá chắn thép, bảo vệ các lĩnh vực huyết mạch như ngân hàng, năng lượng và viễn thông<sup>3</sup>. Nhằm giải quyết bài toán thiếu hụt nhân lực trình độ cao, Ấn Độ đã khởi xướng các sáng kiến quy mô lớn, nổi bật là chương trình Cyber Shiksha 2.0 với mục tiêu huấn luyện 1 triệu chuyên gia an ninh mạng chất lượng cao cho đến năm 2030<sup>4</sup>. Một minh chứng rõ nét cho năng lực ứng phó là trường hợp cuộc tấn công mạng nhằm vào hạ tầng tại Mumbai năm 2023. Kế thừa bài học đắt giá từ các sự cố mất điện trước đó do mã độc nhắm vào lưới điện, phản ứng của Ấn Độ năm 2023 cho thấy sự lột xác về kỹ thuật. Bằng cách áp dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) và Kiến trúc Không tin cậy (Zero Trust Architecture), hệ thống phòng thủ của Ấn Độ đã có khả năng tự động nhận diện và vô hiệu hóa các nỗ lực xâm nhập tinh vi trước khi chúng kịp gây ra thiệt hại hệ thống<sup>5</sup>.

---

<sup>1</sup> <https://www.cyberswachhtakendra.gov.in/about.html#:~:text=The%20%22%20Cyber%20Swachhta%20Kendra%20%22%20%28Botnet%20Cleaning,information%20and%20enabling%20citizens%20for%20removal%20of%20BOTS%2Fmalware.>

<sup>2</sup> <https://www.orfonline.org/research/cyber-diplomacy-indias-march.>

<sup>3</sup> Bharadwaj, T. (2025). *Mapping India's Cybersecurity Administration in 2025*. Carnegie Endowment for International Peace.

<sup>4</sup> India's National Cybersecurity Governance Framework: A Deep Dive into 2025's Digital Defense Strategy, <https://itinsite.in/archives/1894>.

<sup>5</sup> India's National Cybersecurity Governance Framework: A Deep Dive into 2025's Digital Defense Strategy, <https://itinsite.in/archives/1894>.

Bước phát triển mới trong chính sách của Ấn Độ là việc tích hợp một cách hữu cơ an ninh mạng vào cấu trúc chiến lược quốc phòng, trong đó vai trò của quân đội được nâng lên một tầm cao mới. Nhận thức không gian mạng là chiến trường sinh tử, Bộ Quốc phòng Ấn Độ đã triển khai Cơ quan Không gian mạng quốc phòng (DCyA), đóng vai trò như một Bộ Tư lệnh không gian mạng (Cyber Command) chính thức hoạt động toàn diện vào năm 2021. Tổ chức này đánh dấu sự hiệp đồng tác chiến lần đầu tiên giữa ba quân chủng, chịu trách nhiệm bảo vệ hạ tầng quân sự trọng yếu, đồng thời phát triển năng lực tấn công mạng nhằm tạo ra sức mạnh răn đe. Không dừng lại ở biên giới lãnh thổ, việc tích hợp an ninh mạng còn vươn ra tầm khu vực thông qua chiến lược ngoại giao đa liên kết. Trong khuôn khổ Nhóm Bộ tứ, Ấn Độ đã chủ động lồng ghép năng lực an ninh mạng của mình vào các cơ chế phòng thủ chung, nổi bật là việc tham gia và đồng tổ chức các cuộc diễn tập an ninh mạng. Sự hợp tác chiến lược này bao gồm việc chia sẻ thông tin tình báo về các mối đe dọa, bảo vệ tính toàn vẹn của các tuyến cáp quang biển, và xây dựng các hệ thống viễn thông 5G mở và an toàn<sup>1</sup>. Thông qua những bước đi chiến lược này, Ấn Độ không chỉ nâng cao năng lực sẵn sàng chiến đấu trước các đối thủ cạnh tranh mà còn khẳng định vai trò trụ cột trong việc thiết lập một không gian mạng Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do, an toàn và rộng mở.

### ***2.3. Từ chủ quyền số đến hợp tác quốc tế và quản trị toàn cầu***

Hành trình tiến vào kỷ nguyên số của Ấn Độ không dừng lại ở ranh giới quốc gia mà đã mở rộng thành nỗ lực định hình lại cấu trúc quản trị công nghệ toàn cầu. Không rập khuôn theo sự phân cực của các cường quốc truyền thống, Ấn Độ khéo léo triển khai chiến lược “đa liên kết” để tối đa hóa không gian chiến lược trong bối cảnh cạnh tranh công nghệ Mỹ - Trung ngày càng gay gắt. Trên bình diện song phương, Ấn Độ thiết lập các đối tác chiến lược sâu rộng. Với Mỹ, quan hệ công nghệ đã bước sang kỷ nguyên mới thông qua Sáng kiến về Công nghệ trọng yếu và mới nổi (iCET) và đặc biệt là sáng kiến TRUST (Transforming the

---

<sup>1</sup> Ministry of External Affairs, Government of India. (2024). *Fact Sheet: 2024 Quad Leaders' Summit*.

Relationship Utilizing Strategic Technology) được công bố vào tháng 2 năm 2025, hướng tới việc đồng phát triển chuỗi cung ứng bán dẫn và trí tuệ nhân tạo an toàn<sup>1</sup>. Cùng lúc, thông qua Hội đồng Thương mại và Công nghệ (TTC) với Liên minh Châu Âu (EU), Ấn Độ tích cực điều chỉnh các tiêu chuẩn về AI đáng tin cậy, hài hòa hóa các khung bảo vệ dữ liệu và tìm kiếm sự tương thích giữa các hệ thống định danh số<sup>2</sup>. Đối với Nhật Bản và Australia, các cơ chế đối thoại an ninh mạng toàn diện và chia sẻ công nghệ viễn thông an toàn cũng liên tục được củng cố, tạo thành một mạng lưới đối tác công nghệ đan xen chặt chẽ<sup>3</sup>.

Trong các khuôn khổ đa phương, Ấn Độ củng cố vị thế lãnh đạo thông qua những đóng góp thực chất vào luật pháp và chuẩn mực quốc tế. Tại Liên hợp quốc, Ấn Độ tham gia sâu rộng vào Nhóm công tác mở (OEWG) về an ninh mạng giai đoạn 2021-2025, tiến trình vừa kết thúc vào tháng 7 năm 2025 với việc thiết lập một cơ chế toàn cầu thường trực nhằm thể chế hóa các thảo luận về an ninh không gian mạng. Đáng chú ý, Ấn Độ đã đề xuất thành lập “Công Hợp tác an ninh mạng và Xây dựng năng lực toàn cầu” (GCSCP) tại Liên hợp quốc nhằm chia sẻ thực tiễn quản trị và hỗ trợ các nước đang phát triển nâng cao khả năng phòng thủ mạng. Sự chủ động này còn thể hiện rõ qua các sáng kiến tại G20. Kế thừa thành công từ Tuyên bố New Delhi năm 2023, Ấn Độ cùng Brazil và Nam Phi (nhóm Troika) đã tiếp tục thông qua Tuyên bố chung năm 2024 về “Hạ tầng công cộng số, AI và Dữ liệu cho quản trị”, biến DPI thành một nguyên tắc quản trị toàn cầu gắn liền với các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG)<sup>4</sup>.

Sự tương tác giữa lợi ích quốc gia và an ninh khu vực của Ấn Độ được minh họa rõ nét nhất qua khuôn khổ hợp tác của Nhóm Bộ tứ. Đứng trước sự mở rộng ảnh hưởng và các mối đe dọa an ninh mạng tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Ấn Độ đã sử dụng QUAD như một đòn bẩy chiến lược hữu hiệu. Tại Hội

---

<sup>1</sup> <https://carnegieendowment.org/india/collections/india-us-emerging-technologies-working-group>.

<sup>2</sup> Ministry of External Affairs, Government of India. (2025). *Joint Statement: Second Meeting of the India-EU Trade and Technology Council, New Delhi*.

<sup>3</sup> [https://www.mofa.go.jp/press/release/press4e\\_001698.html](https://www.mofa.go.jp/press/release/press4e_001698.html).

<sup>4</sup> Declaration on Digital Public Infrastructure, AI and Data for Governance - Joint Communiqué by the G20 Troika (India, Brazil and South Africa), endorsed by several G20 countries, guest countries and international organizations (<http://mea.gov.in>).

ngại Thượng đỉnh QUAD năm 2024, các sáng kiến đã đi vào thực chất với việc cam kết mở rộng mạng vô tuyến mở (Open RAN) tại các quốc đảo Thái Bình Dương như Palau và Tuvalu, hợp tác bảo vệ tính toàn vẹn của các tuyến cáp quang biển, và chia sẻ thông tin tình báo về mối đe dọa<sup>1</sup>. Thông qua cơ chế này, Ấn Độ khẳng định vai trò trụ cột trong việc thiết lập một mạng lưới phòng thủ không gian mạng khu vực, sử dụng hợp tác công nghệ vành đai để kiềm chế sự bành trướng của đối thủ cạnh tranh chiến lược mà không cần phải tham gia vào một liên minh quân sự chính thức.

Ấn Độ cũng đóng góp vào quản trị toàn cầu bằng việc kiến tạo một “con đường thứ ba”, đại diện chân thực cho tiếng nói và lợi ích của khu vực Phương Nam toàn cầu, trong đó cung cấp giải pháp Hạ tầng công cộng số dựa trên các tiêu chuẩn mở, lấy con người làm trung tâm. Bằng chiến lược “ngoại giao kỹ thuật số”, hệ thống thanh toán tức thời UPI và nền tảng định danh mã nguồn mở MOSIP của Ấn Độ đã được xuất khẩu, triển khai tại hơn 20 quốc gia từ Philippines, Sri Lanka đến Ethiopia và Mauritius. Ngoài ra, trong khuôn khổ khối BRICS, Ấn Độ tích cực thúc đẩy chủ quyền tài chính số, ủng hộ việc kết nối các hệ thống thanh toán nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào cấu trúc tài chính truyền thống phương Tây và chống lại xu hướng “vũ khí hóa” tài chính<sup>2</sup>.

Từ những thành tựu vĩ mô đó, Ấn Độ đang thực thi hiệu quả vai trò “người xây dựng nhịp cầu” giữa các quốc gia đang phát triển và các trung tâm quyền lực công nghệ truyền thống. Bằng việc cung cấp viện trợ kỹ thuật với chi phí thấp, Ấn Độ không chỉ giúp các nước đối tác ngăn chặn nguy cơ “chia cắt internet” (splinternet) mà còn kiến tạo một hệ sinh thái các quốc gia có sự tương đồng về cấu trúc hạ tầng và lợi ích quản trị<sup>3</sup>. Với sự tiên phong của Ấn Độ, khu vực Phương Nam toàn cầu đang có xu hướng dần thoát khỏi vị thế thụ động tuân thủ các luật chơi áp đặt từ bên ngoài, để tiến tới chủ động thúc đẩy các chuẩn mực quản trị công nghệ

---

<sup>1</sup> Ministry of External Affairs, Government of India. (2024). *Fact Sheet: 2024 Quad Leaders' Summit*.

<sup>2</sup> <https://trendsresearch.org/insight/rivalry-within-unity-the-impact-of-india-china-competition-on-the-future-of-brics/>

<sup>3</sup> Danish. (2023). *Taking Forward Digital Public Infrastructure for the Global South* (Policy Brief No. 117). South Centre.

công bằng, minh bạch và bao trùm. Tổng thể, chính sách kỹ thuật số và an ninh mạng của Ấn Độ hiện nay không chỉ dừng ở mục tiêu tự cường nội tại, mà đã hướng tới trở thành một chất xúc tác mạnh mẽ định hình lại trật tự quyền lực số của thế giới trong thế kỷ XXI.

### **3. Kết luận**

Nhìn lại tiến trình phát triển, sự vươn lên của Ấn Độ trong kỷ nguyên kỹ thuật số là minh chứng sinh động cho một cuộc chuyển đổi chiến lược mang tính lịch sử. Đi từ vị thế của một quốc gia thuần túy tiêu thụ công nghệ, Ấn Độ đã vạch ra một lộ trình bài bản nhằm củng cố chủ quyền số thông qua các nền tảng Hạ tầng công cộng số và hành lang pháp lý bảo vệ dữ liệu nghiêm ngặt. Từ điểm tựa nội lực vững chắc đó, Ấn Độ đã vươn tầm ảnh hưởng ra toàn cầu bằng cách khéo léo vận dụng chiến lược ngoại giao “đa liên kết”. Quốc gia này vừa hợp tác với các trung tâm công nghệ phát triển để tiếp thu công nghệ lõi, vừa chia sẻ các giải pháp kỹ thuật số mã nguồn mở cho các quốc gia đang phát triển. Hành trình từ việc bảo vệ biên giới kỹ thuật số quốc gia đến vai trò định hình chuẩn mực quản trị mạng toàn cầu đã đưa Ấn Độ trở thành một nhân tố thiết yếu trong cấu trúc an ninh và kinh tế của thế kỷ XXI.

Đánh giá một cách khách quan, thành tựu của Ấn Độ chính là việc xác lập hiệu quả vị thế cường quốc số đại diện cho khu vực Phương Nam toàn cầu. Bằng cách kiến tạo một “con đường thứ ba” độc lập, Ấn Độ đã thúc đẩy các nước đang phát triển xây dựng hạ tầng kỹ thuật số tự chủ và an toàn. Mặc dù vậy, bức tranh chuyển đổi số của Ấn Độ vẫn tồn tại những thách thức nội tại, điển hình là sự chênh lệch số sâu sắc giữa các trung tâm đô thị và vùng nông thôn. Sự thiếu hụt về cơ sở hạ tầng ở vùng sâu vùng xa cùng tỷ lệ “mù kỹ thuật số” vẫn đang cản trở mục tiêu phát triển bao trùm. Để khắc phục những hạn chế này và củng cố vị thế đi đầu, Ấn Độ cần gia tăng nguồn lực đầu tư vào phát triển Trí tuệ nhân tạo có đạo đức, bảo vệ quyền riêng tư và chống thiên kiến thuật toán. Đồng thời, Ấn Độ cần tiếp tục mở rộng và thể chế hóa các liên minh kỹ thuật số trong nội khối Phương Nam,

đặc biệt phát huy vai trò dẫn dắt tại các khuôn khổ hợp tác IBSA và BRICS nhằm bảo vệ lợi ích chung trước những biến động địa chính trị.

Từ những bài học kinh nghiệm sâu sắc của Ấn Độ, giới học thuật và các nhà hoạch định chính sách cần hướng sự chú ý vào việc nghiên cứu các tác động địa chính trị số trong giai đoạn hậu 2025, thời kỳ mà sự hội tụ giữa AI, điện toán lượng tử và an ninh mạng sẽ định hình lại khái niệm chủ quyền quốc gia. Cuối cùng, với tư cách là một quốc gia đang phát triển năng động tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Việt Nam chia sẻ nhiều lợi ích chiến lược tương đồng với Ấn Độ. Sự hợp tác Việt Nam - Ấn Độ cần tập trung vào việc chuyển giao mô hình Hạ tầng công cộng số, chia sẻ thông tin về các mối đe dọa mạng và đào tạo nhân lực chất lượng cao, qua đó cùng nhau xây dựng một không gian mạng khu vực an toàn, tự cường và thịnh vượng.

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Bharadwaj, T. (2025). *Mapping India's Cybersecurity Administration in 2025*. Carnegie Endowment for International Peace.
2. Danish. (2023). *Taking Forward Digital Public Infrastructure for the Global South* (Policy Brief No. 117). South Centre.
3. Bạch Dương, “Ấn Độ yêu cầu Apple, Samsung, Vivo, Oppo, Xiaomi phải cài sẵn một ứng dụng của nhà nước”, <https://vneconomy.vn/an-do-yeu-cau-apple-samsung-vivo-oppo-xiaomi-phai-cai-san-mot-ung-dung-cua-nha-nuoc.htm>, 03/12/2025.
4. Nguyễn Hà, “Dấu ấn ngoại giao Ấn Độ”, <https://nhandan.vn/dau-an-ngoai-giao-an-do-post938878.html>, 24/01/2026.
5. Tống Thị Quỳnh Hương (2024), “Hoạt động ngoại giao văn hóa của Ấn Độ với Đông Nam Á giai đoạn 2014 – 2024”, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Khoa học xã hội)*, Tập 69, Số 2, tr.200-209.

6. LB, “Tại sao khả năng chống chịu mạng của Ấn Độ bắt đầu từ các doanh nghiệp nhỏ?”, <https://vjst.vn/tai-sao-kha-nang-chong-chiu-mang-cua-an-do-bat-dau-tu-cac-doanh-nghiep-nho-76932.html>, 28/11/2025.
7. Ministry of External Affairs, Government of India. (2024). *Fact Sheet: 2024 Quad Leaders' Summit*.
8. Ministry of External Affairs, Government of India. (2025). *Joint Statement: Second Meeting of the India-EU Trade and Technology Council, New Delhi*.
9. Mishra, N. (2023). Data Governance and Digital Trade in India: Losing Sight of the Forest for the Trees? In A. Chander & H. Sun (Eds.), *Data Sovereignty: From the Digital Silk Road to the Return of the State* (pp. 240-263). Oxford University Press.
10. Thái Hoàng Hạnh Nguyên (2021), “Ngoại giao số: Góc nhìn từ Ấn Độ và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á*, số 4, tr.11-16.
11. Nguyễn Thị Oanh, Phan Cao Nhật Anh, “Chính sách đối ngoại của Ấn Độ: Hướng đến một cường quốc cân bằng”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 13-08-2025.
12. Patil, S. S. (2025). Security-by-design lessons from India's digital public infrastructure journey. *World Economic Forum*.
13. Như Quỳnh, “Ấn Độ - tham chiếu quan trọng cho chuyên đổi số và AI toàn cầu”, <https://www.bienphong.com.vn/an-do-tham-chieu-quan-trong-cho-chuyen-doi-so-va-ai-toan-cau-post501814.html>, 25/03/2026.
14. Sabitha, N. R., & Mavroidis, P. C. (2021). Patriot Games: India and China: Brinkmanship in the Realm of Apps. *Indian Journal of International Economic Law*, 13, 179.
15. Singh, O., Gupta, P., & Kumar, R. (2016). A Review of Indian Approach towards Cybersecurity. *International Journal of Current Engineering and Technology*, 6(2).

16. Hạnh Tâm, “Hành trình của Ấn Độ hướng tới các dịch vụ số toàn diện, dễ tiếp cận và an toàn”, <https://vjst.vn/hanh-trinh-cua-an-do-huong-toi-cac-dich-vu-so-toan-dien-de-tiep-can-va-an-toan-60725.html>, 05/12/2023.
17. Trần Nam Tiên (2020), ““Sức mạnh mềm” trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ thời kỳ Narendra Modi”, *Thông tin khoa học xã hội*, số 8, tr.26-34.
18. Quang Trung, “Ấn Độ lần đầu công bố chính sách quốc gia về chống khủng bố và an ninh mạng”, <https://www.vietnamplus.vn/an-do-lan-dau-cong-bo-chinh-sach-quoc-gia-ve-chong-khung-bo-va-an-ninh-mang-post1095271.vnp>, 24/02/2026.

# ẤN ĐỘ VÀ QUẢN TRỊ TOÀN CẦU TRONG LĨNH VỰC Y TẾ: BÀI HỌC TỪ VAI TRÒ CỦA ẤN ĐỘ TRONG ĐẠI DỊCH COVID 19

TS. Ngô Thị Thuý Hiền, Phạm Thị Tú Linh\*

**Tóm tắt:** Cùng với quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế diễn ra nhanh chóng sôi động đã làm gia tăng các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, vấn đề toàn cầu cấp bách mà một quốc gia đơn lẻ không thể giải quyết được. Đại dịch Covid-19 tác động đa chiều đến các quốc gia, đặt ra yêu cầu nghiên cứu quản trị toàn cầu, đặc biệt cấp thiết trong lĩnh vực y tế. Các quốc gia hợp tác, xây dựng thể chế, quy định, dàn xếp pháp lý chung tay ứng phó, ngăn chặn khắc phục hậu quả dịch Covid-19, phòng chống các dịch bệnh. Là quốc gia có dân số đông, nằm ở châu lục chiếm gần 60% dân số thế giới, cung cấp dược phẩm, thuốc, dịch vụ khám chữa bệnh quy mô lớn, đóng góp 60% nguồn cung vaccin toàn cầu Ấn Độ có vai trò quan trọng trong nền y tế toàn cầu. Từ thực tiễn này, bài viết tập trung làm rõ vai trò của Ấn Độ trong quản trị toàn cầu trên lĩnh vực y tế ở các khía cạnh: xây dựng các quy định, cơ chế hợp tác y tế phòng chống dịch bệnh, cung cấp vaccin chuỗi dịch vụ chăm sóc y tế và điều trị bệnh toàn cầu với những thành công, hạn chế trong đại dịch Covid-19.

**Từ khóa:** Quản trị toàn cầu, quản trị y tế toàn cầu, mối đe dọa an ninh phi truyền thống, ngoại giao y tế, Covid 19, ngoại giao Vaccine.

## I. MỞ ĐẦU

Đại dịch Covid-19 đã tạo ra những thách thức chưa từng có đối với hệ thống y tế toàn cầu, làm gián đoạn chuỗi cung ứng, gia tăng áp lực lên năng lực ứng phó của các quốc gia và bộc lộ những hạn chế trong cơ chế phối hợp quốc tế. Trong bối cảnh đó, yêu cầu về một hệ thống quản trị y tế toàn cầu, hiệu quả, linh hoạt và có khả năng thích ứng cao ngày càng trở nên cấp thiết. Không chỉ là vấn đề y tế thuần túy, đại dịch còn đặt ra các vấn đề liên quan đến an ninh phi truyền thống, phát

---

\* Khoa Quan hệ Quốc tế, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

triển bền vững và quan hệ quốc tế. Bên cạnh vai trò điều phối của các tổ chức quốc tế như Tổ chức Y tế Thế giới, các quốc gia vẫn giữ vị trí trung tâm trong việc triển khai chính sách, huy động nguồn lực và tham gia hợp tác quốc tế. Sự khác biệt về năng lực y tế, trình độ phát triển và ưu tiên chính sách giữa các quốc gia đã tạo ra những tác động không đồng đều trong quá trình ứng phó với khủng hoảng. Trong bối cảnh đó, Ấn Độ nổi lên như một trường hợp điển hình với vị thế là một trong những trung tâm sản xuất dược phẩm, vaccin lớn nhất thế giới. Vai trò của quốc gia này không chỉ thể hiện ở khả năng cung ứng cho thị trường quốc tế mà còn ở việc tham gia định hình các cơ chế hợp tác, triển khai các sáng kiến nhằm hỗ trợ các nước đang phát triển ứng phó với dịch bệnh. Quá trình phòng chống Covid -19 với những diễn biến phức tạp của dịch bệnh trong nước cũng đặt ra nhiều thách thức đối với năng lực duy trì vai trò và thực hiện các cam kết quốc tế của Ấn Độ.

## **II. NỘI DUNG**

### **2.1. Vị trí, vai trò của Ấn Độ trong hệ thống y tế toàn cầu và quản trị y tế toàn cầu**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hệ thống y tế toàn cầu được hiểu là tổng thể các thiết chế, cơ chế, quy tắc và các chủ thể tham gia nhằm điều phối và giải quyết các vấn đề y tế mang tính xuyên quốc gia. Hệ thống này không chỉ bao gồm các quốc gia mà còn có sự tham gia của các tổ chức quốc tế, khu vực tư nhân và các chủ thể phi nhà nước, vận hành thông qua các cơ chế hợp tác đa phương nhằm ứng phó với các thách thức y tế toàn cầu như dịch bệnh, biến đổi khí hậu hay bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ y tế. Trên nền tảng đó, quản trị y tế toàn cầu được hình thành như một hệ thống bao gồm các thiết chế, quy tắc và cơ chế phối hợp giữa các quốc gia, tổ chức quốc tế và các chủ thể phi nhà nước. Theo Global Health Governance quản trị y tế toàn cầu được định nghĩa là “việc sử dụng các thiết chế chính thức và phi chính thức, các quy tắc và quy trình bởi các quốc gia, các tổ chức liên chính phủ và các chủ thể phi nhà nước nhằm giải quyết các thách thức

về y tế đòi hỏi hành động tập thể xuyên biên giới để có thể xử lý một cách hiệu quả”.<sup>1</sup>

Trong cấu trúc đó Tổ chức Y tế Thế giới viết tắt WHO là một cơ quan của Liên Hiệp Quốc, đóng vai trò thẩm quyền điều phối các vấn đề sức khỏe và y tế cộng đồng trên bình diện quốc tế, giữ vai trò trọng tâm trong việc định hướng và điều phối các hoạt động y tế toàn cầu.<sup>2</sup> WHO đóng vai trò thiết yếu trong quản trị y tế và bệnh tật toàn cầu; nhờ các chức năng toàn cầu cốt lõi của tổ chức này là thiết lập, giám sát và thực thi các chuẩn mực và tiêu chuẩn quốc tế, và phối hợp nhiều bên tham gia hướng tới các mục tiêu chung. Quản trị y tế toàn cầu đòi hỏi sự lãnh đạo của WHO và việc thực hiện hiệu quả các chức năng toàn cầu cốt lõi của WHO để đảm bảo hiệu quả tốt hơn của tất cả các bên tham gia trong lĩnh vực y tế. Tầm nhìn của WHO khi thành lập là một thế giới trong đó mọi người đều đạt được trạng thái khỏe mạnh về thể chất và tinh thần tốt nhất có thể. WHO hoạt động với cam kết về quyền con người, tính phổ cập và công bằng, dựa trên các nguyên tắc được thông qua trong Hiến pháp của mình. Các nước lớn đóng vai trò chủ chốt trong quản trị y tế toàn cầu thông qua việc thiết lập các quy tắc tiêu chuẩn quốc tế, dẫn đầu các nghiên cứu khoa học và ứng phó với dịch bệnh xuyên biên giới. Như Đức - quốc gia dẫn đầu thế giới về y tế công cộng, thực hiện cam kết của mình thông qua các chiến lược và chính sách y tế mạnh mẽ. Tầm ảnh hưởng của Đức đối với y tế toàn cầu trải rộng đến các diễn đàn toàn cầu như G7 và G20, nơi nước này luôn ưu tiên vấn đề sức khỏe. Đặc biệt, Đức đã kêu gọi WHO dẫn đầu việc xây dựng Kế hoạch Hành động Toàn cầu vì Cuộc sống Khỏe mạnh và Hạnh phúc cho Tất cả mọi người, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững liên quan đến sức khỏe. Tuy nhiên thực tiễn đại dịch Covid 19 cho

---

<sup>1</sup> Khier-Mataria WA, EI-Fawal H, Bhuiyan S, Chun S, Global Health Governance and Health Equity in the Context of

COVID-19: A Scoping Review, Inhealthcare 2022 Mar 15.

<sup>2</sup> World Health Organization <https://www.bundesgesundheitsministerium.de/en/en/international/who-english>

thấy vai trò trong quản trị y tế toàn cầu không chỉ giới hạn ở các quốc gia phát triển mà còn cả những nền kinh tế với những lợi thế riêng biệt.

Ấn Độ - một quốc gia đông dân nhất trên thế giới, là một trong những quốc gia thành viên có vai trò tích cực và ngày càng nổi bật trong hoạt động của WHO. Với lợi thế về năng lực sản xuất dược phẩm và vaccine, Ấn Độ không chỉ tham gia vào các chương trình y tế toàn cầu do WHO điều phối mà còn đóng góp quan trọng vào việc triển khai các sáng kiến như COVAX, qua đó hỗ trợ mở rộng khả năng tiếp cận vaccine cho các quốc gia đang phát triển. Đồng thời, Ấn Độ cũng tích cực tham gia vào các diễn đàn và cơ chế ra quyết định trong khuôn khổ WHO, góp phần thúc đẩy tiếng nói của các nước đang phát triển trong các vấn đề y tế toàn cầu. Vai trò này không chỉ phản ánh năng lực nội tại của Ấn Độ mà còn cho thấy sự gia tăng ảnh hưởng của quốc gia này trong hệ thống quản trị y tế toàn cầu.

Quản trị y tế toàn cầu không chỉ dừng lại ở việc sản xuất và cung cấp thuốc men, mà còn là quá trình tham gia xây dựng luật chơi, định hình chuẩn mực và các cơ chế hợp tác đa phương nhằm bảo đảm an ninh y tế bền vững và công bằng tiếp cận. Ấn Độ khẳng định vị thế then chốt trong lĩnh vực này thông qua ba trụ cột chính, chuyển mình từ vai trò nhà cung cấp sang kiến trúc sư của hệ thống quản trị y tế toàn cầu. Song song với sức mạnh sản xuất, Ấn Độ chủ động dẫn dắt việc xây dựng khung pháp lý công bằng. Điển hình nhất là việc cùng Nam Phi khởi xướng đề xuất miễn trừ TRIPS về sở hữu trí tuệ đối với vaccin thuốc men và chẩn đoán COVID-19 (văn bản IP/C/W/669 và IP/C/W/669/Rev.1 trình WTO năm 2020–2021), nhằm gỡ bỏ rào cản tiếp cận cho các nước đang phát triển. Một đóng góp mang tính đột phá của Ấn Độ là vận động đưa y học cổ truyền (Ayurveda và các hệ thống truyền thống khác) vào hệ thống WHO thông qua Trung tâm Y học Cổ truyền Toàn cầu (WHO Global Centre for Traditional Medicine GTMC) đặt tại Jamnagar, Gujarat - trung tâm do Ấn Độ tài trợ và xây dựng với kinh phí lên đến 250 triệu USD.<sup>1</sup> Nhờ đó, Ấn Độ đã góp phần tái định nghĩa khái niệm “sức

---

<sup>1</sup> [India commits US\\$ 85 million to WHO Global Traditional Medicine Centre](#)

khỏe toàn cầu” theo hướng kết hợp bằng chứng khoa học hiện đại với tri thức cổ truyền.

Ấn Độ là trung tâm sản xuất và cung ứng dược phẩm, vaccin toàn cầu. Ấn Độ đã được coi là một trung tâm sản xuất dược phẩm lớn, đứng thứ 3 toàn cầu về sản lượng các sản phẩm dược. Theo một thống kê chưa đầy đủ, Ấn Độ là một trong những nhà cung cấp vaccin giá rẻ lớn nhất thế giới, đóng góp tới 60% sản lượng vaccine toàn cầu, chiếm 70% nhu cầu của WHO về vacxin bạch hầu, uốn ván, ho gà (DPT) và lao (BCG); 90% nhu cầu của WHO về vaccine sởi. Quốc gia này cũng là nhà cung cấp thuốc gốc lớn nhất thế giới, chiếm 20% thị phần cung ứng toàn cầu theo khối lượng. Ấn Độ cũng có số lượng nhà máy Dược phẩm tuân thủ tiêu chuẩn FDA của Mỹ cao nhất bên ngoài nước Mỹ và là nơi có hơn 3.000 công ty dược phẩm với mạng lưới hơn 10.500 cơ sở sản xuất vững mạnh cũng như nguồn nhân lực có tay nghề cao.<sup>1</sup> Tiếp cận phương pháp điều trị HIV giá cả phải chăng từ Ấn Độ là một trong những câu chuyện thành công lớn nhất trong y học.

Trước đại dịch, quốc gia này cung cấp khoảng 20% thuốc generic và 60% vaccine cho thế giới (UNICEF, 2021), cho thấy mức độ phụ thuộc đáng kể của hệ thống y tế toàn cầu vào năng lực sản xuất của Ấn Độ. Trước khi vaccine ngừa Covid-19 được phát triển, Ấn Độ đã cung cấp cho khoảng 100 quốc gia hydroxychloroquine và paracetamol, đồng thời gửi dược phẩm, bộ xét nghiệm SARS-CoV-2 và các thiết bị khác đến khoảng 90 quốc gia.<sup>2</sup> Ngoài ra, trước khi vaccine của Oxford-AstraZeneca được phê duyệt, Adar Poonawalla, người đứng đầu Viện Huyết thanh Ấn Độ (SII), nhà sản xuất vaccin lớn nhất thế giới đã quyết định sản xuất loại vaccine này. Và sau khi loại vaccin trên được thông qua, SII đã có thể sản xuất hàng triệu liều, cung cấp cho Chính phủ Ấn Độ để sử dụng trong nước và xuất khẩu. Các liều vaccine của Ấn Độ đã được vận chuyển đến hầu hết các nước láng giềng của nước này như: Afghanistan, Bangladesh, Bhutan, Sri Lanka, Maldives

---

<sup>1</sup> Vai trò của Ấn Độ trong chuỗi cung ứng dược phẩm toàn cầu, Vai trò của Ấn Độ trong chuỗi cung ứng dược phẩm toàn cầu | VOV.VN

<sup>2</sup> Đằng sau chính sách ngoại giao vaccine của Ấn Độ, Đằng sau chính sách ngoại giao vaccine của Ấn Độ

và xa hơn nữa là Seychelles, Mông Cổ và các nước châu Phi... Thậm chí, vaccine của Ấn Độ còn thu hút các nước giàu như Anh và Canada. Bởi, vaccine do quốc gia Nam Á này sản xuất được đánh giá là tiết kiệm chi phí và vận chuyển dễ dàng do không cần bảo quản ở nhiệt độ rất thấp như một số loại vaccine khác của phương Tây. Điều này phản ánh một thực tế quan trọng của quản trị y tế toàn cầu: sự ổn định của hệ thống phụ thuộc lớn vào năng lực của một số quốc gia trung tâm sản xuất, qua đó đặt ra yêu cầu đa dạng hóa nguồn cung nhằm giảm thiểu rủi ro trong khủng hoảng.

## **2.2. Đại dịch Covid 19 và vai trò của Ấn Độ trong quản trị y tế toàn cầu phòng chống dịch**

### **2.2.1. Đại dịch Covid-19**

Đại dịch COVID-19, do virus SARS-CoV-2 gây ra, bùng phát từ cuối năm 2019 và nhanh chóng lan rộng trên phạm vi toàn cầu, trở thành một trong những cuộc khủng hoảng y tế nghiêm trọng nhất trong lịch sử hiện đại. Không chỉ gây ra những tổn thất nặng nề về sinh mạng, đại dịch còn làm gián đoạn sâu sắc các hoạt động kinh tế - xã hội, đặt ra thách thức chưa từng có đối với hệ thống y tế và năng lực quản trị của các quốc gia cũng như các thiết chế quốc tế. Tính chất xuyên biên giới, tốc độ lây lan nhanh và mức độ tác động đa chiều của đại dịch đã làm nổi bật mối liên hệ chặt chẽ giữa y tế và các vấn đề an ninh phi truyền thống, đồng thời phơi bày những hạn chế trong cơ chế phối hợp và ứng phó toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, Ấn Độ là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của đại dịch. Với quy mô dân số lớn và mật độ dân cư cao, Ấn Độ phải đối mặt với những làn sóng lây nhiễm quy mô lớn, đặc biệt là đợt bùng phát nghiêm trọng vào năm 2021 liên quan đến biến thể Delta variant. Hệ thống y tế tại nhiều thời điểm rơi vào tình trạng quá tải nghiêm trọng, với sự thiếu hụt oxy y tế, giường bệnh và nguồn nhân lực. Tuy nhiên, song song với những khó khăn trong nước, Ấn Độ cũng thể hiện vai trò quan trọng trên trường quốc tế với tư cách là một trung tâm sản xuất vaccine lớn của thế giới, cung cấp hàng triệu liều vaccine cho các quốc gia khác, đặc biệt là các nước đang phát triển. Trường hợp của Ấn Độ vì

vậy phản ánh rõ nét tính hai mặt trong ứng phó với đại dịch: vừa là quốc gia chịu tác động sâu sắc, vừa là một tác nhân tích cực trong nỗ lực kiểm soát và phục hồi ở quy mô toàn cầu.

### ***2.2.2. Hoạt động của Ấn Độ trong quá trình quản trị y tế toàn cầu phòng chống đại dịch Covid-19***

*Ấn Độ đóng vai trò là chủ thể tích cực triển khai chính sách ngoại giao vaccin trong đại dịch.*

Ngoại giao vaccin là một phần trong ngoại giao y tế - một chính sách không mới trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, trước đây, ngoại giao y tế ít được quan tâm hơn so với ngoại giao chính trị, kinh tế, nhưng đại dịch COVID-19 đã khiến ngoại giao y tế trở nên cấp thiết. Các yếu tố thúc đẩy ngoại giao vaccin có thể kể đến: Dịch bệnh COVID-19 ngày càng phức tạp với sự ra đời của nhiều biến chủng mới. Do vậy, các quốc gia phải vừa khống chế dịch bệnh, vừa phải bảo đảm các hoạt động kinh tế. Muốn đạt được điều này, người dân cần được nhanh chóng tiêm chủng vaccin phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, vẫn còn nhiều quốc gia không có đủ số lượng vaccin để tiêm chủng, phải tìm nguồn cung từ bên ngoài. Hay dịch bệnh COVID-19 là vấn đề toàn cầu. Các quốc gia sẽ không thể an toàn nếu dịch bệnh COVID-19 vẫn tiếp tục hoành hành ở một nơi nào đó trên thế giới. Do vậy, tiêm chủng vaccine COVID-19 vừa là biện pháp cấp bách của mỗi quốc gia, nhưng cũng là nhiệm vụ chung của thế giới, đòi hỏi sự chung tay của tất cả các quốc gia. Trong bối cảnh đó, việc hỗ trợ lẫn nhau về vaccine cũng là trách nhiệm của mỗi nước. Ngoài ra, các nước phát triển có lợi thế về công nghệ, ngân sách để sản xuất vaccin thì các nước đang phát triển gặp rất nhiều khó khăn. Bởi vậy, ngoại giao vaccin vừa giúp các nước phát triển khai thác được lợi thế, tận dụng được "sức mạnh mềm", vừa giúp họ giải quyết được vấn đề kinh tế vốn đang gặp nhiều khó khăn trong đại dịch COVID-19. Chỉ riêng năm 2021, quy mô thị trường vaccin COVID-19 đạt khoảng 75 tỷ USD.<sup>1</sup> Đối với

---

<sup>1</sup> Ngoại giao vaccine trên thế giới và thực tiễn triển khai ở Việt Nam, Ngoại giao vaccine trên thế giới và thực tiễn triển khai ở Việt Nam

các nước đang phát triển như Ấn Độ ngoại giao vaccine sẽ tiết kiệm được thời gian, công sức..., nhưng quan trọng nhất là đáp ứng được nhu cầu phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Theo Channel NewsAsia, chiến dịch “Vaccine Maitri” (Tình hữu nghị vaccine) của Ấn Độ đã đưa hàng triệu liều vaccine Covidshield do Ấn Độ sản xuất theo giấy phép của Oxford-AstraZeneca đến khoảng 60 quốc gia.<sup>1</sup> Ấn Độ chọn cách chia sẻ nguồn vaccine thay vì chặn xuất khẩu. New Delhi còn hứa cung cấp 1,1 tỷ liều cho chương trình chia sẻ vaccine COVAX của WHO nhằm phân phối vaccine tới các nước nghèo. Chính sách "ngoại giao vaccine" của Ấn Độ đã giúp nước này nâng cao vị thế trên trường quốc tế cũng như thắt chặt quan hệ với các nước trên thế giới khi đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp do sự xuất hiện của các biến chủng mới. Ở góc độ quản trị y tế toàn cầu, ngoại giao vaccine của Ấn Độ cho thấy việc phân phối nguồn lực y tế không hoàn toàn mang tính kỹ thuật, mà gắn chặt với chiến lược đối ngoại và lợi ích quốc gia, qua đó ảnh hưởng đến cách thức vận hành của hệ thống hợp tác toàn cầu.

*Ấn Độ là tác nhân tham gia và định hình các cơ chế hợp tác y tế quốc tế*

Ấn Độ tích cực tham gia sâu vào các cơ chế điều phối và phân bổ nguồn lực y tế toàn cầu. Một minh chứng rõ nét là sự tham gia của Ấn Độ vào cơ chế COVAX, sáng kiến nhằm đảm bảo tiếp cận vaccine công bằng trên toàn thế giới. Không giống nhiều quốc gia chỉ đóng vai trò tài trợ hoặc tiếp nhận, Ấn Độ vừa là nhà sản xuất, vừa là nhà cung ứng chủ lực, qua đó trực tiếp ảnh hưởng đến tiến độ và quy mô phân phối vaccine toàn cầu. Cụ thể, trong giai đoạn đầu năm 2021, phần lớn vaccine AstraZeneca được phân phối thông qua COVAX được sản xuất tại Viện Huyết thanh Ấn Độ. Đánh giá của WHO cho thấy vaccine Astrazeneca đáp ứng các tiêu chí “bắt buộc phải có” về độ an toàn và lợi ích về hiệu quả vượt trội so với rủi ro. Vaccine ngừa Covid-19 của AstraZeneca - Oxford đã được đánh giá cao vì nó rẻ hơn và dễ phân phối hơn so với một số vaccine khác, trong đó có vaccine của Pfizer - BioNTech đã được WHO đưa vào danh sách sử dụng khẩn

---

<sup>1</sup> Đăng sau chính sách ngoại giao vaccine của Ấn Độ, Đăng sau chính sách ngoại giao vaccine của Ấn Độ

cấp vào cuối tháng 12 năm ngoái.<sup>1</sup> Vaccin của AstraZeneca chiếm tỷ lệ lớn về liều lượng trong sáng kiến chia sẻ vaccine ngừa Covid-19 COVAX, với hơn 330 triệu liều vaccine.<sup>2</sup> Điều này khiến cho cơ chế COVAX phụ thuộc đáng kể vào năng lực sản xuất và chính sách xuất khẩu của Ấn Độ. Từ góc độ quản trị, đây là một điểm then chốt: các thiết chế đa phương như COVAX dù mang tính toàn cầu vẫn chịu sự chi phối mạnh mẽ từ quyết định của các quốc gia thành viên, đặc biệt là những quốc gia nắm giữ năng lực sản xuất chiến lược.

Bên cạnh đó, Ấn Độ còn tham gia vào các hoạt động phối hợp với Tổ chức Y tế Thế giới trong giám sát dịch tễ, chia sẻ dữ liệu và hỗ trợ kỹ thuật. Tuy nhiên, mức độ tham gia này không chỉ mang tính thực thi, mà còn góp phần định hình cách thức vận hành của các cơ chế hợp tác, thông qua việc đề xuất quan điểm, ưu tiên và lợi ích của các nước đang phát triển. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các quốc gia phương Tây thường chi phối các thiết chế toàn cầu, trong khi Ấn Độ đại diện cho nhóm các nước Nam bán cầu.

Ngoài ra, thông qua việc kết hợp giữa năng lực sản xuất, chính sách xuất khẩu và tham gia cơ chế đa phương, Ấn Độ đã thể hiện khả năng tác động gián tiếp đến cấu trúc quản trị y tế toàn cầu. Việc kiểm soát nguồn cung vaccin cho phép quốc gia này không chỉ tham gia, mà còn ảnh hưởng đến cách thức phân bổ nguồn lực, mức độ ưu tiên giữa các khu vực và hiệu quả vận hành của các cơ chế hợp tác quốc tế.

### ***2.2.3. Thành công và nguyên nhân***

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, Ấn Độ đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, thể hiện vai trò ngày càng nổi bật của một chủ thể quan trọng trong cấu trúc quản trị y tế toàn cầu. Trước hết, Ấn Độ khẳng định vị thế là một trong những trung tâm sản xuất dược phẩm và vaccin lớn của thế giới, với khả năng nhanh

---

<sup>1</sup> [WHO phê duyệt sử dụng vắc-xin Covid-19 của AstraZeneca/Oxford](#)

<sup>2</sup> Covax sets first tranche of over 330m vaccine doses for poor countries <https://www.businesstimes.com.sg/companies-markets/consumer-healthcare/covax-sets-first-tranche-of-over-330m-vaccine-doses-for-poor-countries>

chóng mở rộng quy mô sản xuất và cung ứng trong điều kiện khủng hoảng. Điều này không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn góp phần duy trì tính liên tục của chuỗi cung ứng y tế toàn cầu, đặc biệt trong giai đoạn gián đoạn nghiêm trọng do đại dịch gây ra.

Bên cạnh đó, Ấn Độ đã chủ động tham gia và thúc đẩy các cơ chế hợp tác đa phương, tiêu biểu như COVAX, qua đó đóng góp vào việc mở rộng khả năng tiếp cận vaccine cho các quốc gia đang phát triển. Sự tham gia này không chỉ mang ý nghĩa về mặt nhân đạo mà còn phản ánh sự chuyển dịch trong nhận thức và thực hành chính sách đối ngoại, khi y tế được đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với các mục tiêu chiến lược và trách nhiệm quốc tế.

Nhìn từ góc độ cấu trúc, những thành công nêu trên được hình thành trên cơ sở một số điều kiện nền tảng, bao gồm năng lực sản xuất dược phẩm quy mô lớn với chi phí cạnh tranh, sự phối hợp tương đối hiệu quả giữa khu vực công và khu vực tư nhân, cũng như khả năng lồng ghép giữa chính sách y tế và chính sách đối ngoại. Những yếu tố này đã góp phần định vị Ấn Độ như một mắt xích quan trọng trong hệ thống quản trị y tế toàn cầu, đồng thời cho thấy tiềm năng của các quốc gia đang phát triển trong việc tham gia và định hình các cơ chế quản trị xuyên quốc gia.

#### ***2.2.4. Hạn chế và nguyên nhân***

Bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình ứng phó với đại dịch COVID-19 của Ấn Độ đã bộc lộ những hạn chế đáng kể, mang tính hệ thống và cấu trúc. Trước hết, năng lực của hệ thống y tế công còn hạn chế, thể hiện rõ qua tình trạng quá tải nghiêm trọng trong làn sóng dịch năm 2021, đặc biệt khi biến thể Delta variant lây lan nhanh chóng. Sự thiếu hụt về oxy y tế, cơ sở hạ tầng điều trị và nguồn nhân lực y tế đã cho thấy những điểm nghẽn trong khả năng đáp ứng khẩn cấp của hệ thống.

Bên cạnh đó, sự chênh lệch về năng lực y tế giữa các vùng, cùng với quy mô dân số lớn và mật độ dân cư cao, đã làm gia tăng mức độ dễ tổn thương trước các đợt

bùng phát dịch trên diện rộng. Công tác điều phối và triển khai chính sách trong một số giai đoạn còn thiếu tính nhất quán, dẫn đến việc nới lỏng các biện pháp kiểm soát khi nguy cơ dịch bệnh vẫn hiện hữu, từ đó làm suy giảm hiệu quả phòng, chống dịch.

Ngoài ra, việc vừa phải đáp ứng nhu cầu trong nước, vừa duy trì vai trò trong chuỗi cung ứng vaccine toàn cầu đã tạo ra áp lực đáng kể đối với năng lực sản xuất và phân phối. Điều này cho thấy sự phụ thuộc của hệ thống y tế toàn cầu vào một số trung tâm sản xuất lớn, đồng thời phản ánh hạn chế trong tính phân tán và khả năng chống chịu của chuỗi cung ứng y tế toàn cầu. Những yếu tố trên không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả kiểm soát dịch trong nước, mà còn đặt ra thách thức đối với vai trò của Ấn Độ trong cấu trúc quản trị y tế toàn cầu.

Từ thực tiễn ứng phó với đại dịch COVID-19, có thể khẳng định rằng Ấn Độ đang giữ một vai trò quan trọng trong cấu trúc quản trị y tế toàn cầu. Không chỉ là một quốc gia chịu tác động sâu sắc của khủng hoảng y tế, Ấn Độ còn nổi lên như một trung tâm sản xuất và cung ứng dược phẩm, vaccine có ý nghĩa chiến lược, góp phần duy trì chuỗi cung ứng và hỗ trợ khả năng tiếp cận y tế cho nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển. Thông qua việc tham gia tích cực vào các cơ chế hợp tác đa phương như COVAX, Ấn Độ đã thể hiện vai trò của một chủ thể có trách nhiệm, đồng thời góp phần định hình các nỗ lực ứng phó mang tính tập thể ở cấp độ toàn cầu. Dù còn tồn tại những hạn chế nhất định, trường hợp của Ấn Độ cho thấy tiềm năng và vị thế ngày càng gia tăng của các quốc gia đang phát triển trong việc tham gia và tác động đến các tiến trình quản trị y tế toàn cầu.

### **2.3. Những vấn đề đặt ra trong quản trị y tế toàn cầu của Ấn Độ trong đại dịch Covid-19**

Trước hết, đại dịch COVID-19 đã làm bộc lộ rõ tính dễ tổn thương của nền kinh tế Ấn Độ trước các cú sốc bên ngoài, thể hiện qua sự suy giảm tăng trưởng ở mức nghiêm trọng. Việc áp dụng các biện pháp phong tỏa trên diện rộng đã khiến các hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ bị đình trệ, làm gián đoạn các động lực tăng trưởng truyền thống. Theo World Bank, GDP của Ấn Độ giảm khoảng -7,3%

đến -8% trong năm tài khóa 2020–2021,<sup>1</sup> trong đó quý II/2020 ghi nhận mức giảm tới -23,9%.<sup>2</sup> Thực tế này cho thấy nền kinh tế không chỉ suy giảm về quy mô mà còn bị đứt gãy về nhịp độ phát triển, đặt ra thách thức lớn đối với quá trình phục hồi trong trung và dài hạn.

Đại dịch đã làm gia tăng những bất cập mang tính cấu trúc của thị trường lao động. Với khoảng 80–90% lực lượng lao động làm việc trong khu vực này (theo World Bank), phần lớn người lao động không có hợp đồng và không được bảo đảm an sinh xã hội. Khi nền kinh tế bị đình trệ, tỷ lệ thất nghiệp đã tăng lên khoảng 23–24% vào tháng 4/2020, kéo theo sự sụt giảm thu nhập trên diện rộng. Điều này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân mà còn làm suy yếu cầu tiêu dùng nội địa – một trụ cột quan trọng của tăng trưởng kinh tế.

Đồng thời, đại dịch cũng đặt ra sức ép lớn đối với hệ thống y tế công cộng còn hạn chế của Ấn Độ. Mặc dù đã có những nỗ lực mở rộng năng lực ứng phó, song hệ thống y tế ban đầu vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu trong bối cảnh số ca nhiễm tăng nhanh. Theo dữ liệu được Bộ Y tế công bố ngày 11/4, Ấn Độ ghi nhận gần 5.900 ca mắc Covid-19 trong 24 giờ, nâng tổng số đang điều trị lên 35.000. Trong đó, 14 người tử vong, nâng tổng số trường hợp qua đời vì Covid ở nước này lên hơn 530.000. Tiến sĩ Poonam Khetrapal Singh, giám đốc Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) Đông Nam Á, nói Ấn Độ đang ghi nhận dịch bệnh gia tăng ở mức độ tương tự làn sóng Omicron cuối năm 2022.<sup>3</sup>

Cuối cùng, đại dịch đã làm nổi bật sự phụ thuộc của nền kinh tế Ấn Độ vào chuỗi cung ứng toàn cầu, qua đó làm gia tăng mức độ dễ bị tổn thương trước các biến động bên ngoài. Các biện pháp phong tỏa đã gây gián đoạn nghiêm trọng hoạt

---

<sup>1</sup> Manoj Kumor, Aftab Ahmed, <https://www.reuters.com/world/india/india-predicts-gdp-77-contraction-likely-prompt-steps-boost-growth-2021-01-07/>

<sup>2</sup> The time of India, <https://timesofindia.indiatimes.com/business/india-business/gdp-growth-contracts-by-23-9-in-q1-against-3-1-growth-in-previous-quarter/articleshow/77852090.cms>

<sup>3</sup> Thục Linh, “Ấn Độ đối mặt làn sóng Covid 19 mới”, <https://vnexpress.net/an-do-doi-mat-lan-song-covid-19-moi-4592628.html>

động sản xuất và lưu thông hàng hóa. Theo International Monetary Fund, chi phí kinh tế của các biện pháp giãn cách là rất lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất. Đáng chú ý, nhiều ngành công nghiệp của Ấn Độ vẫn phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, điển hình như ngành dược phụ thuộc khoảng 70% nguyên liệu hoạt chất từ Trung Quốc, làm gia tăng rủi ro khi chuỗi cung ứng bị đứt gãy.

Đại dịch COVID-19 không chỉ tạo ra những cú sốc ngắn hạn mà còn làm bộc lộ rõ những hạn chế mang tính cấu trúc của nền kinh tế Ấn Độ. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với quốc gia này trong việc vừa phục hồi kinh tế, vừa thúc đẩy cải cách sâu rộng nhằm nâng cao khả năng chống chịu và phát triển bền vững trong bối cảnh mới.

#### **2.4. Một số khuyến nghị thúc đẩy định hình các cơ chế hợp tác quản trị toàn cầu trong lĩnh vực y tế**

*Thứ nhất, cần đa dạng hóa và tăng cường tính bền vững của chuỗi cung ứng y tế toàn cầu.*

Thực tiễn cho thấy sự phụ thuộc lớn vào một số trung tâm sản xuất như Ấn Độ đã giúp tối ưu chi phí, nhưng đồng thời làm gia tăng rủi ro đứt gãy khi xảy ra khủng hoảng trong nước. Việc Ấn Độ tạm thời hạn chế xuất khẩu vaccine vào năm 2021 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ phân phối toàn cầu, đặc biệt là cơ chế COVAX. Do đó, quản trị y tế toàn cầu cần hướng tới việc đa dạng hóa nguồn cung và phân bổ lại năng lực sản xuất theo hướng khu vực hóa, thay vì phụ thuộc quá mức vào một vài trung tâm. Điều này bao gồm việc đầu tư phát triển năng lực sản xuất vaccine tại các khu vực như châu Phi, Đông Nam Á; thúc đẩy chuyển giao công nghệ; và xây dựng các mạng lưới cung ứng linh hoạt có khả năng thích ứng với khủng hoảng. Đảm bảo tính bền vững của chuỗi cung ứng không chỉ là vấn đề kinh tế hay kỹ thuật, mà là một yếu tố cốt lõi của an ninh y tế toàn cầu, quyết định khả năng ứng phó hiệu quả trước các cuộc khủng hoảng trong tương lai

*Thứ hai, cần nâng cao vai trò điều phối của các thiết chế đa phương trong phân bổ nguồn lực y tế.*

Trong đại dịch, các tổ chức như Tổ chức Y tế Thế giới đã đóng vai trò quan trọng, song vẫn đối mặt với nhiều hạn chế do phụ thuộc vào cam kết và năng lực của các quốc gia thành viên. Trường hợp của Ấn Độ cho thấy, ngay cả những cơ chế mang tính toàn cầu như COVAX cũng có thể bị ảnh hưởng bởi các quyết định mang tính quốc gia. Vì vậy, cần tăng cường thẩm quyền, nguồn lực và cơ chế ràng buộc đối với các thiết chế này nhằm đảm bảo tính ổn định và hiệu quả trong điều phối.

*Thứ ba, cần bảo đảm sự cân bằng giữa lợi ích quốc gia và trách nhiệm quốc tế trong quản trị y tế toàn cầu.*

Đại dịch cho thấy các quốc gia, bao gồm cả Ấn Độ, thường ưu tiên kiểm soát tình hình trong nước trước khi thực hiện các cam kết quốc tế. Điều này là hợp lý về mặt chính sách, nhưng đồng thời đặt ra thách thức đối với tính bền vững của hợp tác toàn cầu. Việc thiếu các cơ chế ràng buộc hiệu quả đối với hành vi của các quốc gia, khiến các cam kết quốc tế dễ bị điều chỉnh hoặc gián đoạn khi lợi ích quốc gia bị đe dọa. Điều này đặt ra yêu cầu các cơ chế hợp tác cần mang tính ổn định hơn, chẳng hạn như thiết lập các thỏa thuận dự phòng về phân bổ nguồn lực trong khủng hoảng, cơ chế chia sẻ rủi ro giữa các quốc gia, hoặc các cam kết linh hoạt nhưng có tính ràng buộc cao hơn. Quản trị y tế toàn cầu không thể chỉ dựa vào thiện chí của các quốc gia, mà cần được thiết kế dựa trên sự kết hợp giữa lợi ích, ràng buộc và cơ chế điều phối hiệu quả, nhằm duy trì sự cân bằng giữa ưu tiên trong nước và trách nhiệm đối với cộng đồng quốc tế.

*Thứ tư, cần tăng cường vai trò và tiếng nói của các quốc gia đang phát triển trong quản trị y tế toàn cầu.*

Thực tiễn từ trường hợp của Ấn Độ cho thấy các quốc gia đang phát triển không chỉ là đối tượng thụ hưởng các chính sách y tế toàn cầu, mà còn có khả năng trở thành chủ thể cung ứng nguồn lực và tham gia định hình cơ chế hợp tác quốc tế. Với năng lực sản xuất vaccine quy mô lớn và việc tham gia sâu vào cơ chế

COVAX, Ấn Độ đã góp phần trực tiếp vào việc mở rộng khả năng tiếp cận vaccine cho nhiều quốc gia thu nhập thấp.

Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy vai trò của các quốc gia đang phát triển trong các thiết chế toàn cầu vẫn còn hạn chế, đặc biệt trong quá trình ra quyết định và phân bổ nguồn lực, vốn thường chịu ảnh hưởng lớn từ các nước phát triển. Do đó, việc nâng cao vị thế của các quốc gia này cần được thực hiện thông qua tăng cường đại diện trong các tổ chức quốc tế như Tổ chức Y tế Thế giới, mở rộng quyền tham gia vào quá trình hoạch định chính sách, cũng như phát huy năng lực nội tại trong sản xuất và cung ứng y tế.

Bài học đặt ra là, một hệ thống quản trị y tế toàn cầu hiệu quả không thể chỉ dựa vào một nhóm quốc gia nhất định, mà cần có sự tham gia cân bằng, thực chất của cả các nước phát triển và đang phát triển. Điều này sẽ góp phần tăng tính đại diện, công bằng và khả năng thích ứng của hệ thống quản trị y tế toàn cầu của các quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh các cuộc khủng hoảng y tế ngày càng mang tính toàn cầu và phức tạp.

## **KẾT LUẬN**

Đại dịch COVID-19 không chỉ là một cuộc khủng hoảng y tế toàn cầu, mà còn là một phép thử quan trọng đối với hiệu quả vận hành của hệ thống quản trị y tế toàn cầu. Thực tiễn cho thấy, mặc dù đã có những nỗ lực hợp tác quốc tế đáng kể, hệ thống này vẫn bộc lộ nhiều hạn chế mang tính cấu trúc, nổi bật là sự phụ thuộc vào một số quốc gia trung tâm trong chuỗi cung ứng, sự thiếu hụt các cơ chế điều phối hiệu quả ở cấp độ toàn cầu, cũng như những xung đột dai dẳng giữa lợi ích quốc gia và trách nhiệm chung của cộng đồng quốc tế.

Trong bối cảnh đó, Ấn Độ nổi lên như một trường hợp điển hình, phản ánh đồng thời cả tiềm năng và những giới hạn của một chủ thể trong quản trị y tế toàn cầu. Với vai trò là một trong những trung tâm sản xuất dược phẩm và vaccine lớn của thế giới, Ấn Độ đã có những đóng góp đáng kể trong việc duy trì chuỗi cung ứng, hỗ trợ mở rộng khả năng tiếp cận vaccine và thúc đẩy nguyên tắc công bằng y tế,

đặc biệt thông qua các cơ chế đa phương như COVAX. Đồng thời, quốc gia này cũng tham gia tích cực vào các nỗ lực hợp tác quốc tế nhằm ứng phó với đại dịch. Tuy nhiên, những khó khăn trong kiểm soát dịch bệnh trong nước, đặc biệt trong các làn sóng lây nhiễm quy mô lớn, đã cho thấy tính dễ tổn thương của hệ thống y tế toàn cầu khi phụ thuộc đáng kể vào năng lực sản xuất và các quyết sách chính sách của một quốc gia đơn lẻ.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng việc nâng cao hiệu quả quản trị y tế toàn cầu trong giai đoạn hậu đại dịch cần được đặt trên một số trụ cột cơ bản: xây dựng chuỗi cung ứng y tế và vaccine mang tính bền vững và phân tán hơn; hoàn thiện các cơ chế hợp tác đa phương với năng lực điều phối thực chất; bảo đảm sự cân bằng hợp lý giữa lợi ích quốc gia và trách nhiệm quốc tế; đồng thời phát huy vai trò ngày càng quan trọng của các quốc gia đang phát triển trong cấu trúc quản trị toàn cầu. Đây không chỉ là yêu cầu cấp thiết trong ứng phó với các đại dịch trong tương lai, mà còn là điều kiện nền tảng để hướng tới một hệ thống y tế toàn cầu công bằng hơn, linh hoạt hơn và có khả năng thích ứng hiệu quả trước các thách thức xuyên quốc gia.

# CHIẾN LƯỢC CỦA AN ĐỘ TRONG CÁC THỂ CHẾ ĐA PHƯƠNG MỚI: TRƯỜNG HỢP BRICS VÀ SCO

TS Trịnh Thị Hoa, ThS Lưu Thị Mai Anh

Thế kỷ XXI, trong bối cảnh sự cạnh tranh giữa các cường quốc lớn ngày càng sâu sắc và những hạn chế của chủ nghĩa đa phương (cũ) với quy mô lớn toàn cầu, thì sự xuất hiện của các thể chế đa phương mới với quy mô khu vực và tiểu khu vực như một giải pháp thay thế, nếu không muốn nói là hình thức hợp tác được ưa chuộng, cho một số quốc gia trong khu vực, trong đó có Ấn Độ.

Ấn Độ ngày càng quan tâm và tích cực tham gia các thể chế đa phương mới, nhằm cân bằng quyền lực, ứng phó với sự ảnh hưởng của các nước lớn, khẳng định vai trò cường quốc, không thể thiếu của Ấn Độ trong quan hệ quốc tế. Điều này thể hiện trong hai thể chế điển hình là BRICS và SCO.

## 1. Mục tiêu chiến lược của Ấn Độ trong các thể chế đa phương mới

Ấn Độ sử dụng các thể chế đa phương mới để thiết lập "luật chơi" công bằng, tạo dựng một cấu trúc quyền lực mới ổn định, bao trùm và dựa trên luật pháp quốc tế; hạn chế sự bá quyền khu vực; gia tăng tiềm lực, vị thế, uy tín của Ấn Độ trong quan hệ quốc tế.

## 2. Chiến lược của Ấn Độ trong thể chế BRICS

BRICS hiện nay tiền thân là nhóm BRIC ra đời năm 2006, tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao, gồm 4 nước Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc được Nga khởi xướng tại cuộc gặp của lãnh đạo 4 nước Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc bên lề HNTĐ G8 mở rộng tại St. Petersburg tháng 7/2006. Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao BRIC đầu tiên diễn ra nhân Đại hội đồng Liên hợp quốc tháng 9/2006; Hội nghị thượng đỉnh BRIC đầu tiên diễn ra tại Ekaterinburg, Nga tháng 6/2009. *Mục tiêu ban đầu của BRIC là trở thành một thể chế chính trị, kinh tế và tài chính toàn cầu nhằm phản ánh tương quan lực lượng theo hướng công bằng, cân bằng và có tính đại diện cao hơn.*

Trong trật tự thế giới đa cực đang hình thành, BRICS đang nổi lên có tiềm năng trở thành một trụ cột mới trong hệ thống đa phương. BRICS mở rộng lần thứ nhất năm 2010, với sự tham gia của Nam Phi. Năm 2023, Ả-rập Xê-út, Ai Cập, Ethiopia, Iran tham gia BRICS. Năm 2024, Indonesiatham gia BRICS. Hiện nay BRICS có 10 nước đối tác (Belarus, Bolivia, Kazakhstan, Cuba, Malaysia, Thái Lan, Uganda, Uzbekistan. Nigeria, Việt Nam). Nhiều quốc gia đã và đang bày tỏ mong muốn gia nhập BRICS (Afghanistan, Bahrain, Bangladesh, Indonesia, Kazakhstan, Pakistan, Syria, Thái Lan, Myanmar (đang xem xét gia nhập NDB); (ii) Châu Phi: Algeria, Nigeria, Sudan, Tunisia, Zimbabwe, Senegal; (iii) Châu Mỹ: Mexico, Nicaragua, Uruguay, Venezuela, Honduras; Thổ Nhĩ Kỳ, Belarus, Serbia..)<sup>1</sup>. Sự ra đời và mở rộng của BRICS đang tác động sâu sắc đến quan hệ quốc tế.

Là thành viên sáng lập ra BRICS, Ấn Độ đã và đang sử dụng thể chế đa phương mới này để thực hiện các mục tiêu chiến lược của mình.

### ***Một là, thúc đẩy trật tự thế giới đa cực***

BRICS đại diện cho quyền lực ngày càng tăng của các nền kinh tế mới nổi (Nam bán cầu), thách thức sự thống trị của phương Tây, giảm bớt sự bất ổn của trật tự cũ. Thông qua việc tham gia với vai trò “đầu tàu” trong BRICS, Ấn Độ hướng tới việc thúc đẩy chuyển dịch quyền lực thế giới từ đơn cực sang đa cực. Bằng các hoạt động hợp tác kinh tế-chính trị, BRICS đang tạo đối trọng với các thể chế truyền thống và làm tăng sự phân cực quốc tế.

### ***Hai là, cân bằng quyền lực và ngoại giao***

Ấn Độ đóng vai trò là một thành viên chiến lược, cân bằng và chủ động, giúp BRICS trở thành một tổ chức đa cực thực thụ hơn là một liên minh chống phương Tây. Trong bối cảnh Trung Quốc và Nga cũng đang thể hiện vai trò “đầu tàu” và đang bị phương Tây tìm cách cô lập, hạn chế sự phát triển và ảnh hưởng của họ trong nền chính trị quốc tế. Ấn Độ chứng minh khả năng linh hoạt khi đồng thời

---

<sup>1</sup> <https://mofa.gov.vn/t%C3%A0i-li%E1%BB%87u-c%C6%A1-b%E1%BA%A3n186>

tham gia các cơ chế đa phương mới do phương Tây dẫn đầu (QUAD) và cơ chế đa phương mới do Ấn Độ đồng dẫn dắt - BRICS, như một sự khẳng định vị thế "cầu nối" giữa các nhóm lợi ích khác nhau; thúc đẩy sự cân bằng chiến lược giữa các cường quốc. Mặt khác, trong BRICS, Ấn Độ cũng thực hiện chính sách “ngoại giao cân bằng” trong quan hệ với Nga và Trung Quốc cùng các thành viên khác. Đối với Nga, Ấn Độ đẩy mạnh hợp tác kinh tế, năng lượng, tài chính và quân sự với Nga, giúp Nga vượt qua các lệnh trừng phạt của Mỹ và phương Tây, đồng thời đảm bảo an ninh năng lượng cho Ấn Độ. Đối với Trung Quốc, Ấn Độ hướng tới ổn định quan hệ biên giới. Tại BRICS 2024, hai nước đã nỗ lực cải thiện quan hệ song phương sau căng thẳng biên giới (2020), thúc đẩy đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo cao nhất nhằm giảm căng thẳng, giải quyết khác biệt” và khôi phục lòng tin chiến lược. Ấn Độ đang thúc đẩy hợp tác với Trung Quốc trong BRICS ở các lĩnh vực phi chính trị như du lịch hay thương mại. Ngoài ra, Ấn Độ không phản đối việc Nga kêu gọi “làm nóng lại” cơ chế “Tam giác chiến lược Nga - Ấn - Trung (RIC) năm 2025, trong bối cảnh cục diện an ninh thế giới chuyên biến phức tạp, cả ba nước đều là những đối tác quan trọng của nhau và là những nước đồng sáng lập Nhóm những nền kinh tế mới nổi BRICS. Điều này hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Nga và Trung Quốc hiện nay<sup>1</sup>.

### ***Ba là, trở thành trụ cột kinh tế và phát triển***

Ấn Độ coi BRICS là động lực tăng trưởng quan trọng, thúc đẩy hợp tác kinh tế - tài chính nội khối, đồng thời tận dụng BRICS để thúc đẩy cải cách quản trị toàn cầu. Ấn Độ cùng các thành viên BRICS xây dựng các hệ thống tài chính độc lập (ví dụ: Ngân hàng Phát triển Mới - NDB) nhằm giảm sự phụ thuộc vào đồng USD và các tổ chức tài chính do phương Tây lãnh đạo. Ấn Độ đóng vai trò then chốt trong BRICS với tư cách là nền kinh tế phát triển nhanh nhất: “quy mô GDP danh nghĩa của Ấn Độ đã tiến sát mốc 4.2 nghìn tỷ USD, cùng với triển vọng tăng

---

<sup>1</sup> Xem: Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga năm 2016 và Chính sách đối ngoại mới của Liên bang Nga năm 2023 đều nhắc đến cơ chế RIC; Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng ưu tiên các cơ chế đa phương như BRICS.

trường thực duy trì ở mức ấn tượng 6-7% trong giai đoạn 2024-2025”<sup>1</sup>. Với vai trò là một trong số các nền kinh tế lớn, Ấn Độ không chỉ đóng góp trực tiếp vào việc mở rộng quy mô tổng hợp của khối, mà còn là thị trường hấp dẫn trong nội khối, đặc biệt là dịch vụ, công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Đây đều là những lĩnh vực mà các nước phương Nam đang rất quan tâm.

### ***Bốn là, định hình vai trò dẫn dắt***

Trong các phiên Chủ tịch BRICS, Ấn Độ đều dẫn dắt các cuộc thảo luận về các vấn đề cấp bách, đặc biệt trong bối cảnh chính trị toàn cầu nhạy cảm. Là Chủ tịch BRICS năm 2026, Ấn Độ định hình chương trình nghị sự của khối theo hướng "Xây dựng khả năng phục hồi, đổi mới, hợp tác và bền vững" - đặt nền móng cho các chủ đề mang tính xây dựng như đổi mới, hợp tác và phát triển bền vững. Đại diện Nam Bán cầu: Ấn Độ được coi là nền dân chủ lớn nhất khối, đại diện cho quyền lợi của các quốc gia Nam Bán cầu. Ấn Độ tận dụng diễn đàn này để đóng vai trò là cầu nối quan trọng cho các nước đang phát triển, tập trung vào các vấn đề hợp tác an ninh năng lượng, lương thực và cơ sở hạ tầng; tăng cường tiếng nói của các nước đang phát triển, đóng vai trò là "người phát ngôn của phương Nam toàn cầu"; cải tổ hệ thống quốc tế hiện tại.

### **3. Chiến lược của Ấn Độ trong SCO**

Tiền thân của SCO là “Nhóm Thượng Hải 5” gồm Trung Quốc, Nga và ba quốc gia Trung Á (Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan), ra đời năm 1996. SCO chính thức ra đời năm 2001. Đây là tổ chức chính trị, kinh tế và an ninh Á – Âu. Cũng trong năm 2001, SCO kết nạp Uzbekistan. Năm 2017, SCO kết nạp thêm Ấn Độ và Pakistan. Năm 2023, SCO thêm Iran và năm 2024 thêm Belarus.

Trong bối cảnh quan hệ giữa Mỹ, phương Tây với Nga và Trung Quốc đang ngày càng căng thẳng thì SCO, với tiếng nói độc lập của mình cộng với vai trò và ảnh hưởng vượt trội của Nga và Trung Quốc trong tổ chức, đang được xem là công cụ đối trọng quan trọng với trật tự thế giới hiện hành do Mỹ và phương Tây chi phối.

---

<sup>1</sup> <https://cis.org.vn/an-do-va-anh-huong-doi-voi-brics-tang-truong-kinh-te-va-dong-luc-chinh-tri-12308.html>

SCO có tiềm lực rất lớn và phạm vi ảnh hưởng ngày càng tăng do chiếm 25% dân số thế giới và 60% tổng diện tích của châu Á và châu Âu. Theo giới phân tích, SCO có thể là một đối trọng mới của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) sau khi Khối hiệp ước phòng thủ Warszawa tan rã. SCO đã nhận được đơn đề nghị của 16 quốc gia xin gia nhập với tư cách là thành viên chính thức, quan sát viên hoặc đối tác đối thoại.

Đối với Ấn Độ, SCO đang là một nền tảng đối thoại quan trọng, nơi các quốc gia như Ấn Độ, Trung Quốc, Nga và nhiều nước châu Á khác thảo luận về hợp tác an ninh, phát triển kinh tế và chống lại các thách thức xuyên quốc gia. Tham gia SCO, Ấn Độ đóng vai trò là nhân tố cân bằng chiến lược quan trọng trong kể từ khi trở thành thành viên chính thức năm 2017.

### ***Một là, nhân tố cân bằng chiến lược trong SCO.***

Ấn Độ thúc đẩy hợp tác đa phương, tập trung vào an ninh khu vực, kết nối kinh tế và phát triển công nghệ, đồng thời giữ vai trò cầu nối giữa các nước Á-Âu trong SCO; đồng thời ngăn ngừa SCO trở thành công cụ của riêng một quốc gia, ủng hộ Nga giữ sự cân bằng với Trung Quốc.

Trong bối cảnh địa chính trị đang phân cực sâu sắc, quan hệ giữa Trung Quốc, Nga và Ấn Độ nổi lên như một trục chủ đạo trong nội bộ SCO. Ba nước không chỉ là nền tảng chính trị- kinh tế của tổ chức, mà còn đóng vai trò điều phối các sáng kiến chiến lược, duy trì ổn định khu vực và mở rộng ảnh hưởng của SCO trên trường quốc tế. Tại Hội nghị Thượng đỉnh SCO-2025, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi nhấn mạnh: “SCO có thể trở thành ngọn hải đăng chỉ đường cho chủ nghĩa đa phương và trật tự thế giới bao trùm. Kết nối mạnh mẽ hơn sẽ mở ra cơ hội không chỉ cho kinh doanh mà còn cho sự tin tưởng và phát triển. Với suy nghĩ đó, Ấn Độ tiếp tục thúc đẩy các sáng kiến như Cảng Chabahar và Hành lang Vận tải quốc tế Bắc- Nam”<sup>1</sup>.

### ***Hai là, phát huy vai trò an ninh khu vực***

---

<sup>1</sup> <https://vov.vn/the-gioi/thuong-dinh-to-chuc-hop-tac-thuong-hai-sco-va-tam-nhin-10-nam-post1227121.vov>

Ấn Độ đóng vai trò then chốt trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) thông qua việc thúc đẩy an ninh khu vực dựa trên “Tầm nhìn SECURE” (An ninh, Phát triển kinh tế, Kết nối, Thống nhất, Tôn trọng chủ quyền, Bảo vệ môi trường). Tầm nhìn SECURE nhấn mạnh đến "An ninh" và "Tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ" của các quốc gia thành viên, tạo nên tảng cho sự tin cậy lẫn nhau.

Trọng tâm an ninh của Ấn Độ tập trung vào chống khủng bố, cực đoan hóa, và , chống khủng bố và cực đoan trong khu vực tại Afghanistan, ngăn ngừa nguy cơ mất an ninh từ phía Trung Quốc và Pakistan. Ấn Độ tích cực sử dụng cơ chế của Cơ cấu Chống Khủng bố Khu vực (RATS) thuộc SCO để chia sẻ thông tin tình báo và phối hợp đối phó với các mối đe dọa an ninh xuyên biên giới. Ấn Độ nỗ lực thúc đẩy kết nối hợp tác an ninh khu vực, nâng cao năng lực sản xuất và công nghiệp quốc phòng.

### ***Ba là, thực hiện chính sách “đa liên kết” và “ngoại giao cân bằng” đảm bảo lợi ích của quốc gia***

Ấn Độ sử dụng SCO để duy trì mối quan hệ chiến lược với cả Nga và các nước Trung Á, trong khi vẫn giữ vững quan hệ với các nước phương Tây.

Tại SCO – 2025, Ấn Độ đưa ra thông điệp về chính sách “đa liên kết” - chủ trương hợp tác linh hoạt với nhiều đối tác, độc lập trong chính sách đối ngoại của quốc gia này. Với vai trò vừa là thành viên của cả SCO và BRICS, đồng thời vẫn duy trì quan hệ chặt chẽ với Nhóm G7, Ấn Độ đang nỗ lực tìm cách cân bằng lợi ích giữa các khối, trong khi vẫn bảo đảm tính tự chủ trong hoạch định chính sách.

Chính sách “ngoại giao cân bằng” lợi ích trong môi trường toàn cầu mới đang được Ấn Độ tích cực triển khai. Năm 2026, bối cảnh xung đột giữa Mỹ, Israel với Iran tại khu vực Trung Đông có nguy cơ leo thang thành chiến tranh, Ấn Độ vẫn duy trì mối quan hệ bền vững với Nga, bất chấp những khác biệt quan điểm từ một số đối tác quốc tế. Trước các phản ứng từ phía Mỹ, Ấn Độ đã lựa chọn cách tiếp cận thận trọng, ưu tiên bảo đảm lợi ích quốc gia cũng như ổn định nguồn cung năng lượng. Mặt khác, Nga vẫn là một trong những đối tác quốc phòng quan trọng

của Ấn Độ, dù nước này cũng đang đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn cung thông qua hợp tác với các quốc gia như Mỹ, Pháp và Israel.

### ***Bốn là, thực hiện “sáng kiến 5 trụ cột hợp tác mới” trong SCO***

Ấn Độ thiết lập 5 trụ cột trong SCO gồm khởi nghiệp và đổi mới (Thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp, chia sẻ kiến thức về kinh tế số và công nghệ; y học cổ truyền (Hợp tác về các phương pháp chữa bệnh cổ truyền, nâng cao sức khỏe cộng đồng), trao quyền cho thanh niên (Tập trung vào giáo dục, kỹ năng và tạo cơ hội cho thế hệ trẻ); hội nhập kỹ thuật số (Tăng cường chia sẻ công nghệ và thu hẹp khoảng cách số giữa các nước thành viên); chia sẻ di sản Phật giáo (Kết nối văn hóa và tôn vinh di sản chung). Những trụ cột này phản ánh ưu tiên của New Delhi trong việc chia sẻ kinh nghiệm phát triển và tăng cường kết nối con người. Thành phố Varanasi được chọn làm thủ đô văn hóa và du lịch đầu tiên của SCO. “Sáng kiến 5 trụ cột” thể hiện vai trò tích cực của Ấn Độ, tập trung vào hợp tác thực chất và bền vững trong không gian SCO. Hiện nay, SCO đã mang lại cơ hội để Ấn Độ thể hiện hình ảnh nước lớn trời dậy. Mặc dù còn những vấn đề tồn tại nhưng việc Ấn Độ tham gia SCO vẫn có lợi cho việc giúp xoa dịu mâu thuẫn, đồng thời thiết lập lòng tin cho sự hợp tác giữa Ấn Độ với các quốc gia láng giềng nói riêng và các thành viên trong SCO nói chung.

### **Kết luận**

Chính sách đối ngoại của Ấn Độ hiện nay đang phản ánh đặc trưng cơ bản của một “cường quốc cân bằng” và một chủ thể kết nối trong quản trị toàn cầu. Thế kỷ XXI, Ấn Độ đang thể hiện rõ việc duy trì quyền tự quyết chính sách đối ngoại trong xây dựng các quan hệ đối tác, không xây dựng liên minh. Đặc biệt, với vai trò là cường quốc mới nổi, Ấn Độ đang tích cực tham gia vào các thể chế đa phương mới. Quốc gia này đang ngày một thể hiện vai trò là trụ cột quan trọng, thúc đẩy chủ nghĩa đa phương và định hình cấu trúc quyền lực ở khu vực và trên toàn cầu. Các thể chế đa phương mới đang được Ấn Độ thể hiện vai trò dẫn dắt, trụ cột, điển hình là BRICS và SCO. Hai cơ chế này đang mang lại sự thay đổi vai trò theo chiều hướng tích cực cho Ấn Độ. Ấn Độ cũng đang đề cao gắn kết hành

động tập thể, sự đoàn kết giữa các quốc gia Nam Bán cầu để vượt qua sự chia rẽ và xung đột trong một thế giới đang bị chia rẽ sâu sắc; chú trọng lợi ích và nguyện vọng của các quốc gia Nam bán cầu; là cầu nối giữa quốc gia phát triển và đang phát triển, trong vai trò là “quốc gia đi đầu” của các quốc gia Nam bán cầu; cầu nối giữa các quốc gia Bắc bán cầu và Nam bán cầu.

Ấn Độ đang được coi là một trong những nước lớn của khu vực châu Á, Việt Nam và Ấn Độ có mối quan hệ hòa bình, hữu nghị từ lâu đời và được xác lập chính thức từ năm . Hiện nay, hai nước đang là “đối tác chiến lược toàn diện”, đang tối ưu hóa mối quan hệ này trong phát triển đất nước, nâng cao vị thế quốc tế. Vì vậy, Việt Nam ủng hộ Ấn Độ đóng vai trò lớn hơn trong các thể chế đa phương hiện nay.